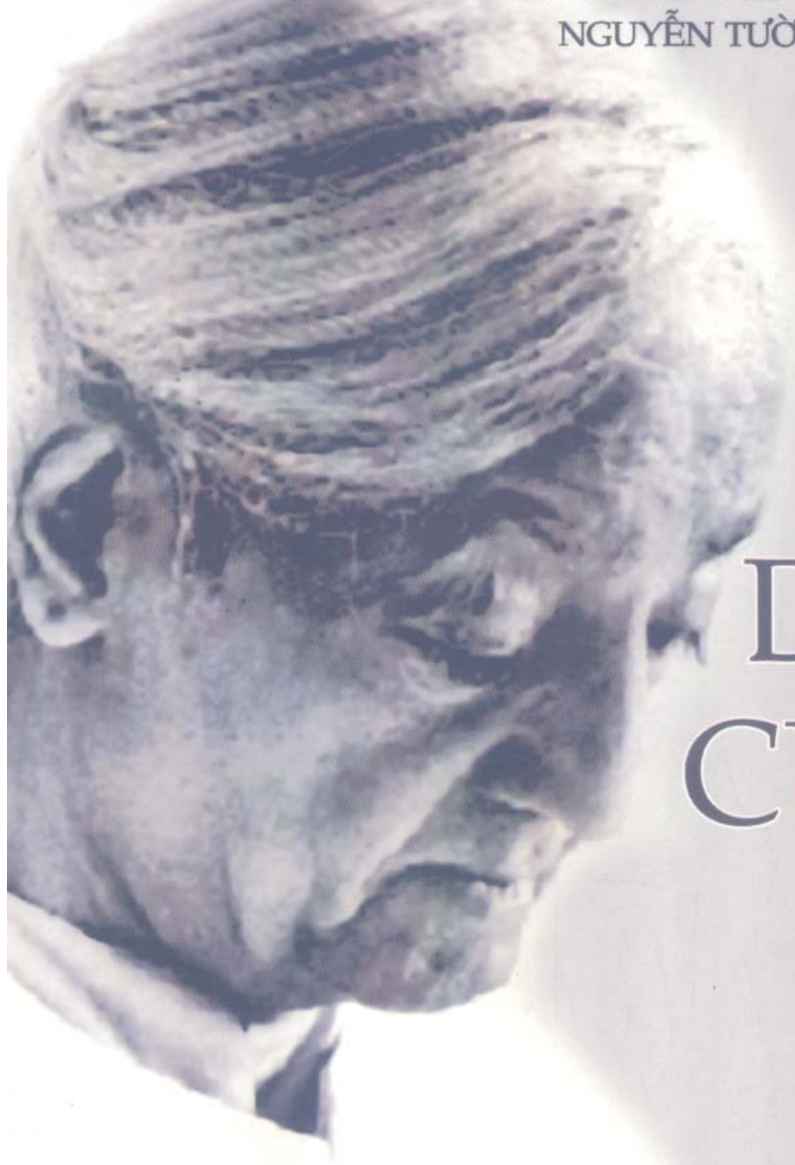


KRISHNAMURTI

NGUYỄN TƯỜNG BÁCH biên dịch



ĐỐI DIỆN CUỘC ĐỜI



NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

ĐỐI DIỆN CUỘC ĐỜI

JIDDU KRISHNAMURTI

ĐỐI DIỆN CUỘC ĐỜI

NGUYỄN TƯỜNG BÁCH biên dịch

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

NỘI DUNG

LỜI NGƯỜI DỊCH	7
ĐẠO KHẢ ĐẠO, PHI THƯỜNG ĐẠO	11
ĐỐI DIỆN CUỘC ĐỜI	23
KHẲNG ĐỊNH TRƯỚC, SUY TƯ SAU?	25
TỰ BIẾT MÌNH VÀ TỰ THÔI MIÊN MÌNH?	33
SƯ TRỐN CHẠY KHỎI CÁI ĐANG LÀ	41
LÀM SAO BIẾT ĐƯỢC ĐIỀU GÌ LÀ TỐT CHO QUẦN CHÚNG?	47
“TÔI MUỐN TÌM SUỐI NGUỒN HẠNH PHÚC”	56
THÚ VUI, THÓI QUEN VÀ SỰ KHẮC KHỔ	61
“ÔNG THAM GIA HỘI BẢO VỆ THÚ VẬT KHÔNG?”	69
BỊ QUY ĐỊNH VÀ THÔI THỨC MUỐN ĐƯỢC GIẢI THOÁT	77
CÁI TRỐNG RỔNG NỘI TÂM	85
VẤN ĐỀ CỦA SỰ TÌM KIẾM	94
CUỘC CÁCH MẠNG NỘI TÂM	102
KHÔNG CÓ NGƯỜI TƯ DUY, CHỈ CÓ TƯ DUY BỊ QUY ĐỊNH	116
“TẠI SAO ĐIỀU NÀY LẠI XẢY RA CHO CHÚNG TÔI?”	128
CUỘC SỐNG, CÁI CHẾT VÀ SỰ TỒN SINH	140

LỜI NGƯỜI DỊCH

Tác phẩm bạn đọc đang cầm trên tay là tập hợp một số đoạn nhật ký và bài nói chuyện của Krishnamurti trong gần 60 năm cuộc đời diễn giảng của ông.

Trong số các vị đạo sư tâm linh xưa nay thì ta có thể xem Krishnamurti là con người quyết liệt nhất khi nói về điều được mệnh danh là chân lý, là sự thật. Nghe tiếng ông là một người minh triết và giác ngộ, nhiều người tìm đến để xin nghe giảng thuyết về chân lý, nhưng không ít người bị thất vọng. Lý do giản đơn là, Krishnamurti không bao giờ chịu nhượng bộ, không bao giờ giảng những lời đạo lý chung chung, không bao giờ cho những an ủi khích lệ thông thường, kể cả đối với người bệnh đang nằm chờ chết hay với cha mẹ đang đau khổ mất con. Vì đối với ông, một nửa mẩu bánh mì còn là bánh mì nhưng một nửa sự thật không phải là sự thật. Và sự thật thì lại “không có con đường nào dẫn đến”.

Những người đến nghe ông giảng thường được ông giải thích một cách rạch ròi rằng, tất cả những tầm cầu tưởng chừng như rất đạo đức của họ chẳng qua đều là biến hiện của một tâm thức thèm khát thành tích, mong chờ ân sủng, tìm kiếm sự an toàn và tiện nghi nội tâm. Tất cả những thứ đó đều là biểu hiện của một cái “tôi” ranh mãnh đang chờ

chức trong tâm, muốn được thăng hoa, muốn được giác ngộ. Những tâm thức như thế không bao giờ tìm thấy được điều gì cả, hoạt động của chúng chỉ sinh thêm rối loạn cho mình và cho người. Krishnamurti phân tích cho thấy những tâm cầu đó đều xuất phát từ cái đã biết, từ truyền thống, từ tri thức, từ quá khứ. Chúng chỉ dẫn đến một dạng hình khác của một khuôn khổ có sẵn, chúng không thể tiếp cận với một cái tinh khôi mà ngôn từ không thể mô tả.

Vì những lẽ đó người ta không thể dùng bất cứ cái gì đã biết để tiếp cận chân lý; ngược lại con người phải tự giải phóng ra khỏi mọi sự ràng buộc của tâm, nhất là khỏi tri thức, kinh nghiệm và lòng ham thích mong đợi. Do đó Krishnamurti cho rằng chỉ một sự tự do tâm linh tuyệt đối mới có cơ may để tâm đến với một tình trạng mà ông gọi là “không thể đo lường”. Ông cho rằng ta phải thoát khỏi mọi thẩm quyền – thẩm quyền chính trị, xã hội cũng như tôn giáo – thoát mọi qui định, mọi truyền thống. Và cuối cùng con người phải thoát cả gánh nặng của kinh nghiệm, của tri thức, của quá khứ.

Cái “tôi” là một sản phẩm của quá khứ, khi vắng bóng nó thì sẽ có một tình trạng “thiêng liêng” phi thời gian xuất hiện. Khi ta nằm yên trong tình trạng “đang là”, không thấy phải trở thành một cái gì khác, khi đó thời gian sẽ ngưng bật. Thời gian chỉ có đối với những ai muốn trở thành. Khi con người an trú trong tình trạng hiện thực của chính mình, không tìm cách kiểm soát hay điều khiển tâm, khi chỉ có tâm vận hành mà không có người làm chủ tâm, khi đó sẽ xuất hiện một

thứ năng lượng to lớn, khi đó “trí thông minh”, “lòng yêu thương” sẽ hoạt động một cách hồn nhiên. Đó là điều mà ngôn từ hay gọi là “giác ngộ” nhưng phần lớn con người không bao giờ thật sự biết đến.

Giáo pháp của Krishnamurti không hề dễ hiểu, dễ tiếp thu, chủ trương của ông làm nhiều kẻ tâm đạo bất mãn. Chỉ nội sự phê phán của ông về thẩm quyền tôn giáo đã đụng chạm đến quyền lợi của những bậc thầy non tay. Do đó quan niệm của ông bị rất nhiều người chống đối. Thế nhưng, nếu đọc kỹ với một tâm hồn thực sự dò tìm, ta sẽ thấy Krishnamurti phải là một con người hiếm hoi nhất trong cõi nhân sinh. Đó là người khi đã nói thì chỉ nói chân lý toàn vẹn, xuất phát từ một lòng từ bi vô hạn. Đọc tác phẩm này ta thấy trí huệ phi thường của ông thỉnh thoảng loé lên khi nghe ông mô tả về thiên nhiên và con người. Còn lòng từ bi của ông thì quá rõ vì ông chỉ tha thiết mong một điều, đó là con người phải được giải phóng ra khỏi mọi dạng của nô lệ, nhất là ách nô lệ tâm linh, nô lệ truyền thống, nô lệ vào qui định xã hội và quá khứ đã chết. Vì lẽ đó, Krishnamurti được mệnh danh là “thầy của các vị thầy”. Thiết tưởng không còn danh hiệu nào chính xác hơn đáng được dùng cho ông.

Cách nói chuyện của Krishnamurti cũng phản ánh rõ rệt tinh thần tự do đó. Như bạn đọc sẽ thấy, ông hay dùng cụm từ “phải chăng là?”, ông hay đặt câu hỏi cho người nghe hơn là nêu lên những khẳng định. Ông muốn đưa người nghe vào một tình trạng chủ động tìm kiếm chứ không muốn họ chấp nhận những gì ông nói, vì nếu không người nghe lại rơi vào

tính chất thẩm quyền vốn bị ông bác bỏ ngay từ đầu.

Trình bày nhận thức từ một tình trạng phi thường của tâm, Krishnamurti phải dùng ngôn ngữ thông thường để diễn tả ý tưởng của mình. Đó là cái khó của ông, dù ông nói bằng tiếng Anh hay tiếng Ấn Độ. Người dịch cũng cảm nhận điều đó một cách rõ rệt vì tác giả cũng như dịch giả đều phải sử dụng những từ thông thường như trí thông minh, lòng yêu thương, cái toàn thể, sự tự do, sự rối loạn, sự suy đồi, sự ngăn nắp... để nói những tình trạng của tâm con người dưới cách nhìn của một người giác ngộ. Những từ ngữ đó chắc phải có một nội dung sâu xa hơn hẳn điều mà người đọc (và người dịch) thường hiểu. Do đó, muốn hiểu một phần những gì Krishnamurti nói, ta cần có một cái tâm chủ động dò tìm, vừa có xác quyết về một điều thiêng liêng trong vũ trụ, vừa sẵn sàng bác bỏ mọi dạng thẩm quyền chỉ tìm cách nô lệ hóa con người.

Mong rằng người dịch không hiểu quá sai Krishnamurti, mong tác phẩm này không đi quá xa những gì tác giả nói và nhờ đó mà mang lại cho người đọc một vài manh mối về điều mà ta gọi là sự thật.

NGUYỄN TUẦN BÁCH

CHLB Đức tháng Hai năm 2004

ĐẠO KHẢ ĐẠO, PHI THƯỜNG ĐẠO¹

Dòng tu Ngôi sao phương Đông² được thành lập năm 1911 để báo hiệu sự xuất hiện của vị đạo sư cho toàn thế giới. Krishnamurti được cử làm thủ lĩnh của giáo hội. Ngày 2 tháng Tám năm 1929, vào ngày khai mạc buổi tập hợp hàng năm Star Camp tại Ommen, Hà Lan, Krishnamurti đã giải thể dòng tu với sự hiện diện của ba ngàn thành viên. Sau đây là toàn văn của bài nói của ông, được trình bày trong dịp này.

Sáng nay, chúng ta sẽ nói về sự giải thể của Dòng tu Ngôi sao. Nhiều người sẽ vui thích về điều này và nhiều người khác sẽ rất lấy làm buồn. Vấn đề không phải là vui hay buồn, vì sự giải thể là điều không tránh khỏi, như tôi sẽ giải thích với các bạn sau đây.

Có lẽ các bạn còn nhớ câu chuyện này. Ngày nọ quỷ sứ đi chơi với một người bạn trên một con đường nọ. Từ xa họ thấy một người đang cúi xuống nhặt dưới đất một cái gì đó,

1. Nguyên văn Anh ngữ "Truth is a pathless land" (Chân lý là miếng đất không có đường đến), thông điệp quan trọng nhất của Krishnamurti. Tựa đề này được dịch giả phỏng dịch bằng câu đầu tiên trong Đạo Đức Kinh của Lão Tử (ND).

2. The Order of the Star in the East

rồi cầm lên ngắm nghía và bỏ vào túi. Người bạn hỏi quý sư: “Ông ta giữ trong túi cái gì thế?”. Quý sư đáp: “Ông ta giữ một mảnh của chân lý”. “Thế thì chuyện này đối với anh thật phiền rồi đấy”, người bạn nói. “Không, hoàn toàn không”, quý sư trả lời, “tôi sẽ đề nghị ông ta hãy tổ chức cho nó (chân lý) thành định chế đi”.

Tôi quả quyết rằng, chân lý là một miếng đất phi đạo lộ và bạn không thể tới với nó bằng con đường nào cả, không bằng tôn giáo nào, không bằng giáo phái nào cả. Đó là quan niệm của tôi, điều mà tôi giữ vững một cách tuyệt đối và vô điều kiện. Chân lý, điều vốn là vô biên, phi điều kiện, không thể tiếp cận, thì dù ở trong chủ trương nào, cũng không thể tổ chức được; không nên thành lập một tổ chức nào cả để hướng dẫn hay ép uổng con người đi trong một đường hướng riêng biệt. Nếu bạn hiểu điều này rồi, thì bạn sẽ hiểu, thật là điều bất khả nếu ta muốn tổ chức một niềm tin. Niềm tin là một điều thuần túy cá nhân và bạn không thể cũng như không được phép tổ chức nó. Nếu bạn cứ làm thì niềm tin sẽ chết, sẽ xơ cứng; nó sẽ trở thành tín ngưỡng, giáo phái, tôn giáo, được dùng để áp chế người khác. Thế nhưng đó lại là điều mà trên toàn thế giới ai cũng cố làm. Chân lý sẽ bị thu hẹp lại và trở thành trò tiêu khiển cho kẻ yếu đuối, cho những ai buồn phiền bất mãn.

Chân lý không thể hạ thấp từ trên đi xuống; mà ngược lại mỗi người phải chịu khổ nhọc vươn mình lên trên. Bạn không thể kéo đỉnh núi xuống với lưng sâu được. Nếu bạn muốn lên tới đỉnh, bạn phải vượt qua lưng, phải leo lên những

mỏm đá dựng, không được sợ những bến bờ hiểm nguy. Bạn phải tự mình vươn tới chân lý, nó không thể được “gia giảm” hay tổ chức chu đáo cho bạn. Lòng yêu thích lý tưởng thường thì nhờ có tổ chức mà được giữ vững, thế nhưng tổ chức chỉ đánh thức được những mối quan tâm nông cạn. Một mối quan tâm mà không được sinh ra từ lòng yêu quý chân lý, không vì nó mà ra, mà do tổ chức hình thành nên, thì loại quan tâm đó không có giá trị. Tổ chức sẽ trở thành một thứ khuôn phép, trong đó thành viên sẽ khép mình một cách thoải mái. Họ sẽ không còn hướng về chân lý, không còn hướng về đỉnh núi, mà họ sẽ tự chôn mình trong một tổ ấm dễ chịu, đặt mình vào đó, hay để tổ chức đặt vào một chỗ và nghĩ rằng, qua đó tổ chức sẽ đưa mình đến chân lý.

Thế nên đó là lý do thứ nhất mà theo tôi Dòng tu Ngôi sao phải giải thể. Thế nhưng chắc là các bạn sẽ thành lập những dòng tu khác, các bạn sẽ gia nhập những tổ chức khác để đi tìm chân lý. Tôi không muốn gia nhập bất cứ nhóm hội nào có tính chất tâm linh cả, xin bạn hiểu cho. Thí dụ tôi có thể sử dụng một công ty hội đoàn, nó chuyên chở tôi đi London; đó lại là một hội có tính chất hoàn toàn khác, thuần túy cơ giới, như nơi gửi thư hay đánh dây thép. Tôi có thể sử dụng một chiếc xe hơi, đi du lịch bằng tàu thủy; đó là những thiết bị hoàn toàn cơ giới, chúng không hề có gì là tâm linh cả. Tôi xin nhấn mạnh lại, rằng không có tổ chức nào có thể đưa con người đến lĩnh vực tâm linh được cả.

Nếu có một tổ chức nào được thành lập vì mục đích này, nó sẽ trở thành một cây nặng chống, một sự yếu đuối, một

sự bó buộc; và nó chỉ làm mỗi người thêm què quặt, sẽ ngăn cản người đó trưởng thành cũng như không phát huy được cái độc đáo của mình, cái độc đáo mà ta phải có trong sự phát hiện chân lý tuyệt đối và phi điều kiện. Đó là một lý do nữa khiến tôi quyết định phải giải thể Dòng tu mà tôi đang lãnh đạo. Không có ai đã thuyết phục tôi đến với quyết định này.

Đây không phải là một hành vi có tính khoa trương biểu diễn, vì tôi không muốn có tín đồ và tôi nói điều này một cách thực lòng. Khi bạn theo chân một người khác, thì bạn sẽ không còn theo đuổi chân lý. Liệu bạn có chú tâm nghe những gì tôi nói hay không, đối với tôi không hề quan trọng. Trên đời, tôi muốn làm một điều nhất định và tôi sẽ làm nó với lòng chú tâm không suy giảm. Đó là mối quan tâm cốt tủy và duy nhất: nó giúp cho con người được tự do. Tôi mong được giải phóng con người ra khỏi mọi tù ngục, mọi sợ hãi; và tôi sẽ không thành lập tôn giáo nào, trường phái nào, càng không nêu lên một lý thuyết hay triết lý nào. Hiển nhiên bây giờ bạn sẽ hỏi, thế thì tại sao tôi lại đi khắp thế giới và liên tục thuyết giảng. Tôi xin trả lời: Chắc chắn là không phải vì tôi muốn có đệ tử, không phải vì tôi có một nhóm đặc biệt của những tín đồ đặc biệt. [Có nhiều người mong ước được khác với đồ đệ mình, dù cho sự khác biệt đó có thể buồn cười, vô nghĩa và tầm thường! Tôi không muốn hỗ trợ cho sự vô nghĩa đó]. Tôi không có đệ tử, không có thị giả, trên bình diện thế gian lẫn bình diện tâm linh.

Tôi cũng chẳng màng đến tiền bạc hay yêu thích một đời sống tiện nghi. Nếu thích cuộc đời tiện nghi, tôi đã không

đến cư trú tại các vùng lều trại hay trong một xứ mưa gió! Tôi nói thẳng thắn để cho rõ một lần luôn. Tôi không muốn mỗi năm lại cứ nhắc lại câu chuyện trẻ con này.

Có một ký giả báo chí phỏng vấn tôi, ông ấy cho rằng việc giải thể một tổ chức là một việc làm cao cả, từ bỏ một tổ chức với hàng ngàn thành viên. Ông nói, đối với ông đó là điều vĩ đại lắm. Rồi ông ấy hỏi: “Sau đó ông làm gì, ông sống như thế nào? Ông không có môn đệ, mọi người không có ai nghe ông nói nữa!”. Nếu chỉ có năm người thôi, chịu nghe và chịu sống, chịu ngoảnh mặt nhìn về phía vô cùng, thì cũng đủ rồi. Được lợi lộc gì khi có hàng ngàn người, những người không hiểu ngộ gì cả, họ nằm cứng đờ trong thiên kiến của mình, không chịu muốn cái mới mẻ, chỉ muốn làm sao cái mới phải phục vụ cho cái tự ngã cần cỗi và trì trệ của mình? Khi tôi dùng chữ nặng nề như vậy, xin đừng hiểu lầm tôi; tôi không thiếu lòng cảm thông với các bạn đâu. Nếu bạn đến một nhà giải phẫu để nhờ mổ xẻ, thì không phải ông ta giúp bạn bằng cách phải mổ xẻ, kể cả phải làm bạn đau đớn ư? Cũng thế, không phải vì thiếu tình cảm chân thật với các bạn mà tôi phải thẳng thắn và thành thật, ngược lại thì đúng hơn.

Như đã nói, tôi chỉ có một mục đích duy nhất: giải phóng con người, khuyến khích con người tìm đến tự do, giúp con người phá bỏ mọi hạn chế, vì chỉ điều đó mới mang lại cho con người sự an lạc vĩnh viễn, mới đưa con người đến sự thực chứng phi điều kiện¹ của tâm.

1. unconditioned realization.

Vì tôi được tự tại, phi điều kiện, là toàn thể – không phải một phần, không phải tương đối, mà là toàn thể chân lý, là điều miên viễn – nên tôi mong ước, những ai tìm nghe tôi cũng được tự tại; không phải rồi để theo tôi, không phải do tôi mà xây dựng một cái lồng, để thành tôn giáo, thành giáo phái. Ngược lại họ phải được tự tại thoát khỏi mọi lo sợ – khỏi lo sợ của tôn giáo, lo sợ không được cứu vớt, lo sợ thiếu tính chất tâm linh, lo sợ không được yêu thương, lo sợ cái chết, lo sợ cả về sự sống. Như một nghệ sĩ vẽ một tấm hình, anh vẽ chỉ vì anh yêu thích việc vẽ họa, vì đó là một biểu hiện của tự thân anh, vì đó là hạnh phúc, là sự sung sướng của anh; thì cũng thế, tôi làm việc của tôi chứ không phải vì tôi muốn được một cái gì từ phía người khác.

Các bạn đã quen với thẩm quyền¹ hay không khí của thẩm quyền và tin rằng sẽ được thẩm quyền hướng dẫn trên con đường tâm linh. Bạn nghĩ và hy vọng, một người khác có năng lực phi thường – như nhờ một phép lạ – sẽ đưa bạn vào một thế giới của sự tự do vĩnh cửu, nơi sẽ có an lạc. Toàn bộ đời sống của bạn cứ dựa trên thẩm quyền đó.

Các bạn đã nghe tôi giảng từ ba năm nay, mà không có thay đổi gì cả, chỉ trừ nơi một số ít người. Bây giờ bạn hãy

1. authority. Từ này là một từ trung tâm trong tư tưởng của Krishnamurti, được nhắc đến nhiều lần trong tác phẩm này. Theo tác giả, thẩm quyền có thể có trong lĩnh vực chính trị, quan hệ xã hội, truyền thống hay tôn giáo, là nơi mà con người đặt niềm tin vào đó, dùng nó để làm nơi trốn chạy cho mình, là nơi mang lại sự an ổn nội tâm. Theo tác giả thẩm quyền nguy hại nhất là thẩm quyền tâm linh, của các tôn giáo, của các định chế, tổ chức của tôn giáo (ND).

phân tích những gì tôi nói, bạn hãy nghiêm khắc đi, để nhờ đó mà bạn có thể hiểu tôi tận gốc rễ. Nếu bạn đi tìm một thẩm quyền có thể đưa dẫn bạn đến cõi tâm linh thì tự động bạn sẽ xây dựng một tổ chức nằm quanh thẩm quyền đó. Thế nhưng, chỉ vừa bắt đầu xây dựng một tổ chức mà bạn tin là nó sẽ giúp thẩm quyền đó để đưa bạn đến với tâm linh, thì bạn đã bị cầm tù trong chiếc lồng đó rồi.

Khi tôi nói điều này một cách thẳng thắn như thế, bạn đừng nghĩ là vì tôi cứng rắn, thô bạo, vì quá hào hứng với mục đích của mình, mà bạn nên nghĩ là tôi muốn bạn hiểu những gì tôi nói. Vì chính lý do đó mà các bạn có mặt hôm nay và thật là phí thì giờ nếu tôi không cắt nghĩa thật rõ ràng mình bạch.

Mười tám năm qua, các bạn đã chuẩn bị cho biến cố này, cho sự xuất hiện của vị giáo chủ. Mười tám năm, các bạn đã tổ chức, đã đi tìm một người sẽ mang đầy niềm vui cho tim óc bạn, người sẽ chuyển hóa cho trọn đời bạn, người sẽ cho bạn một tri kiến mới; người sẽ giúp bạn lên một bình diện mới của đời sống, cho bạn một niềm hăng say mới, người sẽ giải phóng bạn – và bây giờ bạn thấy, điều gì xảy ra! Hãy suy gẫm, hãy tự kiểm tra và hãy phát hiện, niềm tin đó đã làm bạn thay đổi như thế nào – không phải những sự khác biệt nông cạn trong việc đeo những hàm tước¹, một điều vớ vẩn và vô nghĩa. Một niềm tin như thế có quét sạch những điều cón con trong cuộc sống không? Sau đây là cách

1. Thành viên trong Dòng tu cũng chia thành chức vụ, đeo hàm tước (ND).

duy nhất để đánh giá: Liệu bạn đã tự do hơn không, trưởng thành hơn, đáng lo ngại hơn không cho mọi loại tập thể, thứ được xây dựng trên cái hư vọng, cái vật vãnh? Trong mặt nào, các thành viên của tổ chức Ngôi sao này đã thay đổi?

Như tôi đã nói, các bạn đã chuẩn bị cho tôi từ mười tám năm nay. Liệu bạn tin tôi là đạo sư của thế gian hay không, đối với tôi không khác gì nhau cả. Điều đó thật rất không quan trọng. Từ lúc gia nhập tổ chức, bạn đã đem tình cảm và năng lực, toàn bộ hay một phần, để thừa nhận Krishnamurti là giáo chủ: “toàn bộ” là ở những kẻ toàn tâm toàn ý tìm đạo, “một phần” là ở những ai chấp nhận những sự thực nửa vời của chính họ.

Các bạn đã chuẩn bị mười tám năm và các bạn hãy cứ xem đi, bao nhiêu chương ngại vẫn đang ngăn chặn bạn, còn bao nhiêu phức tạp, bao nhiêu chuyện vớ vẩn. Các thành kiến của bạn, các nỗi lo sợ, các thứ thẩm quyền, các nhà thờ mới và cũ của bạn – tất cả, tôi xin nói, đều là những chương ngại cho sự hiểu ngộ. Tôi không thể nói rõ hơn được nữa. Tôi không muốn các bạn sẽ đồng tình với tôi. Tôi không muốn các bạn nghe theo tôi. Tôi chỉ muốn các bạn thấu hiểu những gì tôi nói.

Sự hiểu ngộ này là cần thiết, vì niềm tin đã không chuyển hóa bạn, nó chỉ làm bạn thêm rắc rối, và vì bạn không chịu nhìn sự vật đúng như nó là. Bạn cứ muốn mình có thần thánh – các thần thánh mới thay cho thần thánh cũ, tôn giáo mới thay cho cũ, hình thức mới thay cho cũ – mà tất cả đều là vô giá trị, tất cả đều là sự ngăn ngại, tất cả đều

là sự kiểm tỏa, tất cả đều là nạng chống cả. Thay vì hệ thống giá trị tâm linh cũ bạn thay vào đó hệ thống giá trị tâm linh mới, thay vì đi lễ kiểu cũ bạn đi lễ kiểu mới. Tất cả các bạn đều bị lệ thuộc trong mặt tâm linh vào một người khác, trong hạnh phúc thì vào một người khác, trong giấc ngộ thì vào một người khác nữa. Và mặc dù các bạn đã chuẩn bị cho tôi từ mười tám năm nay, nhưng khi tôi nói, rằng tất cả mọi thứ này đều không cần thiết, rằng phải dẹp tất cả qua một bên và hãy trong chính mình mà tìm sự giác ngộ này, tìm sự phước lạc này, sự thanh lọc này, sự bất hoại¹ này của tâm, thì không có một ai trong số các bạn chịu làm cả. Có lẽ ít thôi, nhưng rất rất ít.

Thế thì tại sao ta lại còn cần một tổ chức?

Tại sao lại còn những người giả dối, giả nhân giả nghĩa đi theo tôi, theo sự “hiện thân của chân lý” này? Xin hãy nghĩ rằng, tôi không nói những lời nặng nề hay thiếu thân thiện với bạn, thế nhưng chúng ta đã ở trong một tình trạng mà các bạn phải thấy vấn đề như chúng thực là. Năm ngoái tôi đã nói là sẽ không nhân nhượng. Khi đó chỉ có rất ít người chịu lắng nghe. Năm nay tôi đã làm cho nó hoàn toàn sáng tỏ. Tôi không biết mấy ngàn người trên khắp thế giới – thành viên của Dòng tu – đã chuẩn bị cho tôi mười tám năm qua, thế nhưng họ vẫn không chịu lắng tai nghe tôi một cách toàn diện và tuyệt đối những gì tôi nói.

Thế thì tại sao ta lại còn cần một tổ chức?

1. incorruptibility.

Như tôi đã nói, mục đích của tôi là giải phóng con người một cách tuyệt đối, vì tôi đoán quyết rằng, cái đạo duy nhất chính là sự bất hoại của tâm, vì nó là phi thời gian, nó là sự hòa hợp giữa lý tính¹ và tình yêu. Đó là chân lý tuyệt đối, phi điều kiện, đó chính là bản thân đời sống. Vì thế tôi muốn giải phóng con người, vui tươi như cánh chim trong bầu trời trong, không phiền toái, độc lập, hào hứng trong sự tự tại. Và tôi, kẻ mà các bạn đã chuẩn bị từ mười tám năm qua, nói rằng bạn phải thoát khỏi những thứ này, khỏi mọi rắc rối, khỏi mọi vướng mắc. Muốn thế, bạn không cần một tổ chức được xây dựng trên một niềm tin tâm linh. Người ta cần một tổ chức để làm gì cho năm hay mười người trên thế giới, cho những người hiểu ngộ, những kẻ biết cố gắng để rũ bỏ tất cả những điều vớ vẩn đó? Và cho những người yếu đuối thì cũng chẳng có tổ chức nào cả có thể giúp họ để tìm ra chân lý, vì chân lý nằm trong mỗi con người; nó không xa cũng chẳng gần; nó luôn luôn có đó.

Mọi tổ chức không thể giải phóng các bạn. Không có người nào khác từ bên ngoài có thể giải phóng các bạn; không một buổi hành lễ hay một sự cúng dường có thể giải phóng các bạn; cũng như không bằng cách họp nhau trong một tổ chức hay lao mình vào trong công việc, chẳng có gì có thể giải phóng các bạn. Bạn dùng cái máy đánh chữ để viết một lá thư chứ bạn không đặt cái máy đó lên bàn thờ và cầu nguyện nó. Thế nhưng bạn làm chính điều đó khi tổ chức đã trở thành mối quan tâm hàng đầu của bạn. “Tổ chức có bao nhiêu

1 reason.

thành viên?” – đó là câu hỏi đầu tiên mà mọi phóng viên báo chí đều hỏi tôi. “Ông có bao nhiêu đệ tử? Theo con số đó mà chúng tôi đánh giá liệu những gì ông nói là đúng hay sai”. Tôi không biết bao nhiêu. Tôi không quan tâm. Như tôi đã nói, dù chỉ có một người duy nhất được giải phóng cũng đủ cho tôi.

Một lần nữa, chắc hẳn các bạn hình dung rằng, chỉ có một số người nhất định mới có cái chìa khóa mở ra Vương quốc của An lạc. Không ai có cái chìa khóa đó cả. Không ai có thẩm quyền được sở hữu nó. Chiếc chìa khóa chính là tâm bạn. Chính trong sự phát triển, thanh lọc và sự bất hoại của chính tâm bạn thì trong đó là Vương quốc của Miên viễn.

Các bạn sẽ thấy, cấu trúc mà bạn đã xây dựng lên là vô nghĩa biết bao, trong đó bạn tìm sự trợ giúp từ bên ngoài, bạn cho nó là sự tiện nghi, niềm hạnh phúc; sức mạnh của bạn phải lệ thuộc vào người khác. Tất cả những thứ đó bạn có thể tìm thấy nơi chính mình.

Thế thì tại sao ta lại còn cần một tổ chức?

Các bạn đã từng nghe ai nói là mình đã tiến bộ được như thế nào, tâm linh ở mức độ nào. Trẻ con thay! Không phải chính bạn thì ai có thể nói, nội tâm bạn đẹp hay xấu? Không phải chính bạn thì ai có thể nói liệu bạn bị thoái hóa hay không? Các bạn chưa coi trọng đúng mức những điều này.

Thế thì tại sao ta lại còn cần một tổ chức?

Tuy nhiên những ai thực sự muốn hiểu ngộ, những kẻ tìm kiếm cái miên viễn, vô thủy vô chung, sẽ cùng nhau đi trên

con đường này với lòng quyết tâm cao độ, họ sẽ trở thành mối đe dọa cho tất cả những gì không cốt tủy, không đích thực, cho những cái bóng giả hiệu. Và họ sẽ tập hợp nhau lại, họ sẽ là ngọn lửa vì họ hiểu ngộ. Chúng ta phải hình thành một tập hợp như thế, và đó là mục đích của tôi. Trên cơ sở của sự hiểu ngộ đích thực này thì nơi đó sẽ có tình bạn đích thực. Trên cơ sở tình bạn đích thực – điều mà các bạn dường như không biết – thì sẽ có hợp tác đích thực của từng người. Và điều đó xảy ra không vì thẩm quyền, không vì cứu rỗi, không dựa trên sự hy sinh cho điều gì cả mà vì bạn đã hiểu ngộ nên bạn có khả năng sống trong sự miên viễn. Đó là cái vĩ đại hơn mọi niềm vui, hơn mọi hy sinh cúng dường.

Đó là những lý do mà sau hai năm đắn đo suy nghĩ tôi chọn quyết định này. Nó không đến từ một động lực bất chợt. Không ai thuyết phục tôi làm điều này. Trong việc này tôi không để cho ai thuyết phục tôi. Kể từ hai năm nay, tôi ngẫm nghĩ nhiều, chậm rãi, cẩn trọng, kiên nhẫn, và bây giờ tôi quyết định giải thể Dòng tu mà tôi là người đứng đầu. Các bạn có quyền thành lập những tổ chức khác và chờ đợi nơi những người khác. Điều đó không làm tôi để ý bao nhiêu, cũng ít ỏi như tôi chẳng bao giờ muốn thiết lập những chiếc lồng và tìm cho chúng những vật trang trí. Điều quan tâm duy nhất của tôi là, giải phóng con người một cách tuyệt đối và vô điều kiện.

ĐỐI DIỆN CUỘC ĐỜI

Jiddu Krishnamurti sinh năm 1895 tại Madanpalle, Ấn Độ, là con thứ tám trong một gia đình Bà-la-môn nghèo. Ông mất mẹ khi mới lên mười, thể chất ốm yếu và hay đau từ lúc còn nhỏ. Người cha, vốn là một công chức, khi về hưu, giao ước với bà Annie Besant, Chủ tịch của hội Thần trí quốc tế¹, sẽ làm việc cho hội này vì ông cũng là thành viên từ nhiều năm trước. Người cha cùng với Krishnamurti, lúc đó mới mười bốn tuổi, và thêm ba anh em nữa dọn nhà đi Madras, trung tâm của hội Thần trí.

Giữa Annie Besant và Krishnamurti nảy sinh một mối liên hệ sâu sắc và đầy tình cảm. Annie Besant trở thành người đỡ đầu về mặt luật pháp cho Krishnamurti. Những nhà Thần trí tin rằng mình đã phát hiện được Krishnamurti là “vị đạo sư của thế gian”² của tương lai và họ thành lập một tổ chức mang tên “Dòng tu Ngôi sao phương Đông” với Krishnamurti là người lãnh đạo. Năm 1912 Krishnamurti chính thức được tuyên dương là “đạo sư của thế gian”. Thế nhưng năm 1929, với bài thuyết giảng tâm linh quyết liệt “Truth is a pathless

1 International Theosophical Society.

2 World Teacher.

land”, ông tuyên bố giải thể Dòng tu. Với hành động đó, ông từ chối mọi sở hữu về bất động sản, tiền bạc, quyền lực và mọi thẩm quyền của một vị giáo chủ.

Trong suốt cuộc đời còn lại ông du hành nhiều nơi, châu Âu, Ấn Độ, Hoa Kỳ, Nam Mỹ, châu Úc và New Zealand để nói chuyện với hàng ngàn người thuộc mọi tầng lớp và nghề nghiệp. Phần này tập hợp một số bài trong nhật ký của Krishnamurti về các buổi nói chuyện tại Ấn Độ.

KHẲNG ĐỊNH TRƯỚC, SUY TƯ SAU?

Những ngọn đồi ở phía bên kia hồ thật là tuyệt đẹp và phía sau đồi vươn lên những đỉnh núi đầy tuyết phủ. Trời mưa suốt ngày, nhưng bây giờ, như một điều kỳ diệu không ai biết trước, bầu trời đột nhiên trong vắt và mọi thứ trở nên sinh động, mừng vui và thanh thản. Những đóa hoa rực sắc vàng, đỏ và tím đậm, mang những giọt nước mưa như mang những viên ngọc quý. Thật là một buổi tối đáng yêu, đầy ánh sáng và sắc màu lộng lẫy. Mọi người túa ra đường, và dọc bờ hồ vang dội tiếng cười trẻ con. Dù có nhiều người đi lại rộn ràng, cảnh vật như vẫn có một vẻ đẹp hân hoan và một niềm thanh bình kỳ lạ ngự trị khắp nơi.

Chúng tôi, vài ba người ngồi trên một băng ghế trước mặt hồ. Một tiếng đàn ông, giọng cao, anh nói với người ngồi cạnh, ai nấy cũng đều nghe rõ: “Trong một đêm như đêm nay, tôi chỉ mong mình được xa lánh mọi tiếng ồn ào và sự rối loạn, thế nhưng công việc cứ giữ tôi lại và tôi thật chán ghét nó”. Vài người cho ngỗng ăn, có cả vịt và vài con chim mòng biển. Những con ngỗng trắng toát, hết sức đáng yêu. Giờ thì không còn một gợn sóng nào; và bên kia hồ, những ngọn đồi hầu như đen thẫm; thế nhưng những ngọn núi nằm sau đồi như đang đỏ rực dưới ánh mặt trời lặn và những

đám mây sắc sỡ sau núi dường như say sưa sống động.

“Tôi không biết có hiểu đúng ý ông không”, người khách bắt đầu, “khi ông nói tri thức phải được gác qua một bên mới hiểu ngộ được chân lý”. Anh trạc tuổi trung niên, từng đi nhiều nơi và là người uyên bác. Anh kể đã từng sống hơn một năm trong một tu viện và du hành qua nhiều nơi trên thế giới, từ cảng này qua cảng kia, từng làm việc trên tàu thủy, để dành tiền và tích lũy kiến thức. Anh tiếp: “Tôi không nói chỉ kiến thức sách vở đâu, tôi muốn nói thứ kiến thức mà con người hấp thụ một cách bất thành văn, tôi muốn nói các truyền thống bí ẩn nằm xa văn tự và kinh sách. Tôi đã nhúng mình vào cả trong phép tu huyền bí, nhưng cái đó đối với tôi là trò ngu xuẩn và giả tạo. Một chiếc kính hiển vi còn ích lợi hơn nhiều so với tài thẩu thị của một ông thầy chuyên thấy được chuyện siêu hình. Tôi từng đọc sách của những vĩ nhân lịch sử, về lý thuyết và tầm nhìn của họ, nhưng... Có được một tâm thức hạng nhất và thêm khả năng tích lũy kiến thức, con người có thể làm nhiều điều thiện vô cùng. Thật không muốn kiểu cách, nhưng tôi có một nỗi mong ước thầm kín được cải tạo thế giới; và vì thế tri thức là niềm đam mê của tôi. Từ xưa đến nay tôi là một con người đam mê trong nhiều thứ và bây giờ vẫn khao khát được biết. Ngày nọ tôi thấy ông viết về một điều mà nó làm tôi nhớ mãi; và khi nghe ông nói là ta phải thoát khỏi tri thức, tôi quyết đến để gặp ông – không phải làm tín đồ của ông mà đến vấn hỏi ông”.

Làm tín đồ, theo chân một người khác, dù có hay chữ hoặc

quí phái đến đấy, điều đó chỉ ngăn chặn mọi sự hiểu ngộ, không phải sao?

“Thế thì ta hãy nói chuyện tự nhiên và tôn trọng lẫn nhau?”

Nếu có thể thì tôi xin hỏi ông, ông nghĩ thế nào về tri thức?

“Câu hỏi này thật hay để bắt đầu câu chuyện. Tri thức là mọi thứ mà con người thu lượm được bằng kinh nghiệm; đó là thứ mà ta tích lũy bằng sự nghiên cứu tìm tòi, thông qua nhiều thế kỷ của phấn đấu và khổ nhọc, trên nhiều tầng mức của sự nỗ lực, trong cả hai phương diện khoa học và tâm linh. Thì cũng như nhà sử học vĩ đại nhất đánh giá lịch sử dựa trên trình độ và khả năng của mình, một người học trò bình thường như tôi cũng muốn biến tri thức thành hành động, mà hành động này có thể “tốt” hay “xấu”. Mặc dù bây giờ chúng ta chưa nói đến hành động, thế nhưng đó là điều sẽ không thể tránh khỏi khi nói đến tri thức. Tri thức là điều ta chứng nghiệm hay học hỏi được bằng tư duy, bằng thiền định, bằng đau khổ. Tri thức rất rộng; không phải chỉ là những điều được viết trong sách vở mà nó nằm ở trong từng cá nhân cũng như trong tập thể hay cả trong ý thức về chủng tộc của con người. Thông tin về khoa học và y học, công nghệ, kỹ thuật trong thế giới vật chất, chủ yếu đều bắt rễ trong ý thức của người phương Tây, còn trong ý thức của người phương Đông có một sự nhạy bén to lớn về những gì siêu thế gian. Tất cả những điều này cũng là tri thức, không phải bao gồm những gì đã được biết, mà những gì còn

được phát hiện từng ngày. Tri thức là một quá trình cứ tăng trưởng mãi, không bao giờ chết, không có điểm kết thúc và vì thế mà có thể là cái bất tử của con người. Thế nên tôi không hiểu được ông khi ông nói tri thức phải được dẹp bỏ nếu muốn hiểu ngộ chân lý”

Sự phân biệt giữa tri thức và hiểu ngộ¹ là giả tạo, thật ra nó không có; thế nhưng để nhận chân sự khác biệt giữa hai cái, ta phải thấy dạng cao cấp nhất của tư duy, nếu không sẽ sinh ra lầm lạc.

Phải chăng suy tư được bắt đầu bằng một kết luận? Phải chăng tư duy là đi từ một kết luận này qua một kết luận khác? Có tư duy không nếu tư duy là sự khẳng định? Trình độ cao cấp của tư duy không phải là sự phủ định sao? Không phải sao, tất cả tri thức chỉ là một tập hợp của nhiều định nghĩa, nhiều kết luận, nhiều khẳng định quyết đoán? Tư tưởng khẳng định vốn dựa trên kinh nghiệm, luôn luôn là kết quả của quá khứ và loại tư tưởng như thế không bao giờ phát hiện được cái mới.

“Ông cho rằng tri thức luôn luôn nằm trong quá khứ và tư tưởng bắt nguồn từ quá khứ nhất định phải che kín không cho thấy cái mà ta gọi là chân lý. Thế nhưng, nếu không có quá khứ để làm ký ức, chúng ta sẽ không nhận thức được vật này, cái mà ta nhất trí gọi là một chiếc ghế. Từ “chiếc

1 Tri thức: knowledge, hiểu ngộ: understanding. Từ “hiểu ngộ” hay được Krishnamurti dùng, nó có ý nghĩa rất sâu, cần được hiểu như “minh triết” hay “tuệ giác” (ND).

ghê” phản ánh một kết luận được sự nhất trí chung của cảm quan, và tất cả mọi sự trao đổi sẽ chấm dứt nếu mọi kết luận không được sự chấp nhận chung. Phần lớn mọi tư duy của chúng ta đều dựa trên kết luận, trên truyền thống, trên kinh nghiệm của người khác, và cuộc sống sẽ bất khả nếu vắng bóng những khẳng định rõ ràng và hiển nhiên này. Hẳn là ông không muốn nói ta phải dẹp bỏ tất cả những kết luận, ký ức và truyền thống này?”

Mọi con đường của truyền thống dứt khoát dẫn đến sự tầm thường và một tâm thức bị trói buộc trong truyền thống không thể nhận thức được cái gọi là chân lý. Truyền thống có thể mới có một ngày, cũng có thể phải được truy lại hàng ngàn năm. Hiển nhiên, thật là vô nghĩa nếu một ông kỹ sư dẹp bỏ kiến thức kỹ thuật mà ông đã học được từ kinh nghiệm của hàng ngàn người khác; và nếu ai tìm cách bỏ quên ký ức về những gì mình đã sống thì ta chỉ có thể nói người đó là mất trí. Thế nhưng sự tích lũy kiến thức không giúp ta hiểu ngộ được cuộc đời. Tri thức là một lẽ và hiểu ngộ là một lẽ khác. Tri thức không dẫn đến sự hiểu ngộ; thế nhưng sự hiểu ngộ có thể làm phong phú cho tri thức và tri thức có thể cung cấp thông tin cho hiểu ngộ.

“Tri thức là chủ yếu và không thể bị coi thường. Thiếu vắng tri thức thì khoa giải phẫu hiện đại không thể có và hàng trăm thứ kỳ diệu khác không thể xảy ra”.

Chúng ta không lên án cũng chẳng bênh vực cho tri thức, nhưng cần phải hiểu toàn bộ vấn đề. Tri thức chỉ là một phần của cuộc sống, không phải tất cả; và nếu phần này

đòi cho mình có vị trí quan trọng tuyệt đối, như hiện nay đang có nguy cơ, thì cuộc sống trở nên nông cạn, thành một sự lặp lại cùn nhut, mà từ cuộc sống đó con người tìm cách trốn chạy bằng những trò tiêu khiển nhằm nhí hay sự mê tín với những hậu quả tai hại. Thuần túy tri thức, dù cho uyên bác và khéo léo mấy đi nữa, sẽ không giải quyết được những vấn đề của nhân sinh; phải nói là nó chỉ đem lại thêm lầm lạc và bất hạnh. Phải có một cái gì sâu xa hơn. Ta biết sân hận là điều vô ích, biết thế nhưng thoát khỏi sân hận là một vấn đề khác. Còn lòng yêu thương lại càng không phải là việc của tri thức.

Trở lại, tư duy khẳng định¹ hoàn toàn không phải là tư duy; đó chỉ là một sự tiếp nối được điều chỉnh của cái đã được tư duy. Hình dạng bên ngoài của nó có thể thay đổi theo thời gian, tùy thuộc nơi sự cưỡng bách và ép buộc, nhưng trung tâm của tư duy khẳng định luôn luôn là tính truyền thống. Tư duy khẳng định là quá trình của sự khép mình, và thứ tâm thức chịu khép mình thì không bao giờ được nằm ở trong trạng thái để phát hiện.

“Thế nhưng ta có thể loại bỏ tư duy khẳng định hay sao? Nó không cần thiết ở một mức độ nhất định của đời sống con người sao?”

Đĩ nhiên, nhưng nó không phải là toàn bộ vấn đề. Chúng

1. positive thinking. Từ này không có nghĩa “lạc quan” như trong các tác phẩm nói về “luyện tâm”. Từ này của Krishnamurti chỉ phép suy tư đi từ khẳng định này qua khẳng định khác, bằng những khái niệm có sẵn do ký ức và kinh nghiệm tạo nên, thiếu vắng sự hỗn nhiên sáng tạo (NO).

ta đang xét liệu tri thức trở thành chướng ngại cho sự hiểu ngộ chân lý. Tri thức là then chốt, thiếu nó chúng ta phải bắt đầu lại trong nhiều lĩnh vực nhất định của cuộc sống. Điều này đã quá giản đơn và rõ ràng. Thế nhưng liệu tri thức được tích lũy ngày càng nhiều, dù nhiều đến mấy, liệu nó sẽ giúp chúng ta thấu hiểu được chân lý chăng?

“Chân lý là gì? Phải chăng đó là miếng đất được tất cả bước lên? Hay đó là một kinh nghiệm chủ quan, riêng tư?”

Dù được mệnh danh là gì, chân lý là luôn luôn mới mẻ, sinh động; thế nhưng những từ “mới mẻ”, “sinh động” chỉ được dùng để chỉ một tình trạng không hề tĩnh tại, không hề chết, không phải là một điểm cố định trong tâm con người. Chân lý phải được khám phá tươi mới trong từng thời khắc, nó không phải là một kinh nghiệm có thể lặp lại; nó không có sự liên tục, nó là một tình trạng phi thời gian. Sự phân biệt giữa cái nhiều và cái một phải dừng lại để chân lý có thể hiện hình. Đó không phải là một tình trạng để đạt tới, cũng chẳng phải là một điểm để tâm có thể tiến tới, để tiếp cận dần¹. Nếu chân lý được hiểu như là một vật có thể thủ đắc thì sự nuôi dưỡng tri thức và tăng trưởng ký ức có thể trở nên cần thiết, thì đó là cơ hội tốt cho những ông thầy *guru*² và các đệ tử, một kẻ biết rõ và một kẻ không biết rõ.

1. Nơi đây ta đề nghị đến câu “không có gì để chứng” trong Bát-nhã Tâm kinh (ND).

2. guru: đạo sư tâm linh, từ Sanskrit chỉ các vị thầy hướng dẫn trong các giáo phái tâm linh phương Đông. Trong ngôn ngữ phương Tây, guru thường được giữ nguyên không dịch, chỉ các vị sư trưởng. Có khi từ guru được dùng một cách châm biếm (ND).

“Thế thì ông chống các ông *guru* và các đệ tử?”

Thật không phải là vấn đề chống một điều gì, thế nhưng nên thấy rằng sự khép mình rập khuôn, mà đó chính là niềm mong ước được an toàn, với tất cả mọi sự sợ hãi của nó, thái độ đó ngăn chặn con người chứng nghiệm được cái phi thời gian.

“Tôi nghĩ là đã hiểu ý ông. Nhưng thật vô cùng khó để chối từ những gì người ta đã tích lũy được. Thực vậy, có khả dĩ không?”

Từ bỏ để đạt tới thì hoàn toàn không cần chối từ. Thấy cái hư vọng là hư vọng, thấy cái đích thực trong cái hư vọng, và thấy cái đích thực là cái đích thực – đó là điều sẽ giải phóng cho tâm.

TỰ BIẾT MÌNH VÀ TỰ THÔI MIÊN MÌNH?

Trời mưa suốt đêm, kéo dài gần hết buổi sớm; và bây giờ thì mặt trời đang hé rạng sau những đám mây đen và nặng. Bầu trời vắng màu sắc nhưng mùi thơm của đất ngấm đầy nước mưa lan đầy trong không gian. Ếch nhái kêu ồm ộp suốt đêm một cách bền bỉ và từng nhịp, nhưng khi rạng đông đến thì chúng lặng yên. Những thân cây thẫm đen vì mưa dầm; và những ngọn lá, được gột sạch bụi bặm mùa hè, sẽ lại sum sê xanh tốt trong những ngày tới. Những thảm cỏ cũng sẽ xanh hơn, các bụi cây con sẽ sớm nở hoa, khắp nơi sẽ hân hoan vui sướng. Cơn mưa lớn sau đợt nóng nực thật đáng đón nhận biết bao trong những ngày khô hạn này! Những ngọn núi bên kia đồi dường như không nằm quá xa, ngọn gió nhẹ từ đó thổi lại mát mẻ và trong lành. Sẽ có nhiều công ăn việc làm hơn, nhiều thực phẩm hơn, nạn đói kém sẽ lui về dĩ vãng.

*
* * *

Một trong những con chim ưng màu nâu to lớn đảo những vòng rộng trên trời, nó không hề đập cánh mà vẫn bay lượn

trong gió. Hàng trăm người đang đạp xe về nhà sau một ngày dài trong sở. Vài người vừa đạp xe vừa nói chuyện nhưng phần lớn đều giữ im lặng, rõ ràng là họ đã mệt nhoài. Một nhóm nhiều người dừng lại, xe đạp dựa người, sôi nổi bàn về một chuyện gì đó, trong lúc đó một ông cảnh sát mệt mỏi quan sát họ. Tại góc đường một sở nhà to lớn đang được xây dựng. Con đường đầy những vũng nước nâu sẫm và xe cộ chạy ngang bắn nước bắn thành những vệt đen trên áo quần người qua đường. Một người cưỡi xe dừng lại, mua thuốc lá và lại chạy tiếp.

Một cậu bé đi ngang đội trên đầu một bình dầu lửa đã cũ, nửa bình bên trong chứa một thứ chất lỏng. Hẳn cậu vừa làm việc quanh đầu dây, gần tòa nhà đang xây. Cậu có cặp mắt sáng và một khuôn mặt hết sức vui tươi; cậu gầy nhưng chắc nịch, da cậu thật đậm màu như cháy nắng. Cậu mặc một chiếc áo thun và khăn quấn quanh lưng, cả hai đều mang màu đất nâu đã bạc. Cậu có một cái đầu đẹp và chút hãnh diện trong dáng đi – một cậu bé nhưng làm công việc của một người đàn ông. Sau khi qua khỏi đám đông, cậu cất tiếng hát và đột nhiên cả bầu không khí thay đổi. Giọng cậu khá, một giọng con trai còn nhỏ, đầy khí lực và âm sắc khàn khàn; thế nhưng bài ca có nhịp điệu và lẽ ra cậu đã giữ được nhịp với bàn tay của mình, nếu một tay không phải giữ chiếc bình đựng dầu lửa. Cậu biết có ai đi theo mình nhưng quá vui nên không chút thẹn thùng và rõ là cậu không hề quan tâm gì đến sự thay đổi khác thường đã xuất hiện trong không gian. Trong không gian như có một phúc lành, một niềm

thương yêu bao trùm mọi vật, một sự êm ái giản đơn, không tính toán, một nét thiện mỹ vừa nở hoa.

Bỗng nhiên cậu bé ngưng hát và quay bước về phía một chòi tranh rách nát nằm cách xa vệ đường. Chắc là trời sắp mưa lại.

Người khách nói, anh giữ một chức vụ trong chính phủ, tới nay thì việc rất tốt. Vì anh hưởng được một nền giáo dục số một trong gia đình cũng như bên ngoài, anh có thể thăng tiến rất cao. Anh đã lập gia đình, có vài con. Đời anh khá vui thích vì sự thành công được bảo đảm; nhà đang ở là do anh làm chủ, anh để dành tiền cho con cái ăn học. Anh biết tiếng Sanskrit và đã quen với truyền thống tôn giáo. Anh nói, mọi thứ đều được thỏa mãn cả; thế nhưng ngày nọ anh dậy rất sớm, tắm rửa và ngồi thiền trước khi cả nhà và láng giềng thức dậy. Dù đã ngủ ngon nhưng anh không sao thiền định được, và đột nhiên anh cảm thấy một sự bức xúc ngập tràn lòng mình, tự nhủ phải dành hết cả đời còn lại cho phép thiền định. Anh không có chút ngại ngần hay nghi ngờ gì cả; mình phải dâng hết đời mình để tìm ra bất cứ những gì có thể tìm được bằng phép thiền định. Anh nói với vợ và với hai con trai, chúng đang học trung học, rằng anh phải trở thành một *sannyasi*¹. Đồng nghiệp của anh ngạc nhiên trước quyết định này, nhưng họ cũng chấp nhận cho anh từ chức và chỉ sau vài ngày anh rời bỏ gia đình, để rồi không bao giờ trở lại.

1. Tín đồ của một giáo phái nhất định tại Ấn Độ (ND).

Anh bỏ nhà ra đi cách đây đã hai mươi lăm năm. Anh tự khếp mình vào một kỷ luật khắc nghiệt; hồi đó anh tự thấy thật là khó sau một cuộc sống dễ dãi và mất một thời gian lâu mới làm chủ được hoàn toàn những tư tưởng và đam mê có sẵn trong mình. Thế rồi, cuối cùng anh bắt đầu có được linh ảnh của Đức Phật, Đức Chúa và *Krishna*¹, những linh ảnh mà vẻ đẹp làm anh mê hoặc và anh sống dài ngày như trong mộng, thậm chí anh mở rộng biên giới của thân lẫn tâm của mình, hoàn toàn xả bỏ mình vào trong tình yêu dành cho đấng Thiêng liêng. Tất cả mọi thứ quanh anh – dân làng, thú vật, cây cối, cỏ hoa – đều sinh động lạ thường, rực sáng trong sức sống và lòng yêu thương. Rồi anh trải qua những năm sau này và chạm đến được bờ bến của cái Vô cùng, anh nói, và thật là đáng kinh ngạc là anh vẫn còn tồn tại.

“Tôi có một số đệ tử và tín đồ, trong xứ này thì đó là điều không thể tránh khỏi”, anh tiếp lời, “và một số trong họ xin tôi hãy tham dự một buổi nói chuyện của ông được tổ chức trong phố này, nơi mà tôi tình cờ ở lại vài ba ngày. Thật ra, để làm vui lòng lời khẩn cầu nọ hơn là đi nghe nói chuyện, tôi đã đến và hết sức bị ấn tượng với những gì ông nói về vấn đề thiền định. Ông nói, nếu không tự biết mình – thực tế biết mình chính là thiền định – thì tất cả phép thiền định chỉ là một quá trình tự thôi miên, một sự phóng chiếu của chính tư tưởng và ham muốn của mình. Tôi đã từng

1. Vị thần quan trọng của Ấn Độ giáo, thường được trình bày có bốn mặt nhìn ra bốn hướng (ND).

suy nghĩ về tất cả những điều này và bây giờ đến trao đổi với ông đây.

Tôi thấy những gì ông nói là hoàn toàn đúng đắn và tôi thật bàng hoàng khi nhận ra là chính mình bị trói buộc vào trong những hình ảnh hay sự phóng chiếu do tâm mình tạo. Bây giờ tôi đã thấy rất sâu sắc phép thiền định của tôi là gì. Từ hai mươi lăm năm nay tôi bị giữ trong một ngôi vườn tuyệt đẹp do chính mình tạo nên; những người, những cảnh đều là xuất phát từ nền văn hóa riêng tư của mình và từ những gì mà tôi từng ham muốn, từng học hỏi và từng thấu nhận. Bây giờ tôi đã hiểu ý nghĩa những gì mình làm, và bây giờ tôi thấy hoảng sợ đã phung phí quá nhiều năm tháng quý báu”.

Chúng tôi yên lặng một hồi lâu.

“Tôi nên làm gì đây?”, sau đó anh tiếp lời, “Có cách nào thoát ra khỏi ngục tù mà tôi đã quây lấy cho mình? Tôi thấy những gì mình đạt được trong phép thiền định của mình chỉ là một ngõ cụt, mặc dù mới chỉ cách đây vài ngày dường như nó mang đầy ý nghĩa sáng ngời. Nếu có muốn đi nữa, tôi cũng không thể trở lại với sự tự lừa dối, tự kích thích. Tôi muốn xé bỏ những bức màn của ảo tưởng và đến với những gì không phải do tâm trí xây dựng nên. Ông không biết về những gì tôi đã trải qua trong hai ngày vừa rồi đâu! Cơ cấu mà tôi đã cẩn trọng và khổ công xây dựng trong hai mươi lăm năm qua nay không còn chút ý nghĩa, và xem ra tôi phải bắt đầu lại từ đầu. Tôi phải bắt đầu từ đâu đây?”

Phải chăng không cần bắt đầu lại gì cả, nhưng chỉ cần biết hư vọng là hư vọng, đó là chỗ bắt đầu của sự hiểu ngộ? Nếu

bắt đầu lại, ta lại có thể bị vướng trong một ảo tưởng khác, có thể trong một cách khác. Điều làm ta mù quáng là lòng ham muốn được thành tựu, được đạt tới kết quả; thế nhưng nếu nhận biết rằng lòng ham muốn thành tựu vẫn nằm trong miếng đất của tự ngã thì sẽ không còn tư tưởng thành tựu. Biết hư vọng là hư vọng, biết đích thực là đích thực, đó chính là minh triết.

“Thế nhưng liệu tôi đã thực sự thấy những gì mình làm trong hai mươi lăm năm qua là hư vọng? Liệu tôi đã ý thức về ý nghĩa của tất cả những gì mà mình tưởng là phép thiên định?”

Lòng khao khát được chứng nghiệm là chỗ bắt đầu của ảo giác. Như bây giờ ông thấy, những linh ảnh của ông chẳng qua là sự phóng chiếu của tâm tư sâu kín, của điều kiện nội tại, và chính những sự phóng chiếu đó là điều ông đã chứng nghiệm. Tất nhiên đó không phải là thiên định. Chỗ bắt đầu của thiên định là sự thấu hiểu cái gốc gác, thấu hiểu cái nội tại; mà thiếu sự hiểu ngộ đó thì điều được gọi là thiên định, dù nó vui thích hay khổ nhọc, chỉ là một dạng của sự tự thôi miên. Ông đã thực hành cách chế ngự bản thân, làm chủ tư tưởng và tập trung nhìn màn diễn biến của kinh nghiệm. Đó là một sự chiếm đóng của tự ngã mà không hề là thiên định; và hành động nhận ra điều đó không phải là thiên định chính là sự bắt đầu của thiên định. Thấy cái đích thực trong cái hư vọng sẽ giải phóng tâm thoát khỏi cái hư vọng. Sự giải thoát khỏi hư vọng không do lòng ham muốn được thành tựu, nó tự đến khi tâm không còn quan tâm gì đến thành quả, đến mục đích cuối cùng. Đó là chỗ

chấm dứt lòng sở cầu, và chỉ như thế thì mới có thể xuất hiện cái không thể đặt tên¹.

“Tôi không muốn lại tự làm mình thất vọng nữa”.

Tự làm mình thất vọng chỉ có khi hiện diện một dạng của lòng khao khát hay sự trói buộc: sự trói buộc của một thành kiến, của một kinh nghiệm, của một hệ tư tưởng. Dù ý thức hay không ý thức, người chứng nghiệm luôn luôn tìm kiếm kinh nghiệm lớn hơn, sâu hơn, rộng hơn; và bao lâu người chứng nghiệm còn đó thì bấy lâu còn có sự lừa dối trong dạng này hay dạng khác².

“Hẳn tất cả những điều đó cần nhiều thời gian và lòng kiên trì lắm nhỉ?”.

Thời gian và lòng kiên trì thì có thể cần thiết cho sự thành tựu một mục đích. Một người có một ước vọng, thế gian hay siêu thế gian, thì cần thời gian để đạt thành quả. Tâm là sản phẩm của thời gian và mọi tư tưởng đều là kết quả của tâm và khi tư tưởng tìm cách giải phóng mình khỏi thời gian thì hành động đó chỉ tăng cường thêm sự nô lệ của nó đối với thời gian. Thời gian chỉ tồn tại khi có một khoảng cách nội tâm giữa cái *đang là* và cái *nên là*, cái sau được mệnh

1. Không thể đặt tên: nameless. Nơi đây Krishnamurti làm ta nhớ đến câu “Danh khả danh phi thường danh” của Lão Tử (ND).

2. Có sự chứng nghiệm nhưng không có người chứng nghiệm, đây là thông điệp quan trọng của tác giả và cũng là quan điểm vô ngã của đạo Phật. Độc giả có thể tham khảo thêm “Tâm kinh” để hiểu thêm về sự chứng nghiệm của đạo Phật. Kinh bắt đầu với “năm uẩn là không” (không có người chứng nghiệm) và chấm dứt với “không có gì để chứng” (chứng nghiệm cái Không) (ND).

danh là ý hướng, là mục đích. Ý thức được cái hư vọng trong toàn bộ hoạt động của tư tưởng tức là giải phóng ra khỏi hư vọng – một điều không hề cần đến sự dụng công, sự thực hành gì cả. Sự hiểu ngộ xảy ra tức khắc, không cần thời gian.

“Phép thiên định mà tôi đã đắm mình trong đó chỉ có nghĩa nếu nó được xem là sai trái và tôi nghĩ tôi cũng thấy nó sai. Nhưng...”

Xin đừng hỏi những câu thường tình như phải làm điều gì hay tương tự như thế. Khi cái hư vọng đã bị xả bỏ thì chỗ trống cho cái phi hư vọng sẽ tự xuất hiện¹. Ông không thể tìm cái đích thực thông qua cái hư vọng; cái hư vọng không phải là viên đá lót đường cho chân lý. Cái hư vọng phải hoàn toàn dứt bật, không phải là cái có thể so sánh với chân lý; bạo lực không thể so sánh với lòng yêu thương. Bạo lực phải ngưng để lòng yêu thương có thể xuất hiện. Sự chấm dứt bạo lực đâu phải là vấn đề của thời gian nhanh chậm. Nhận thức cái hư vọng là hư vọng chính là chấm dứt cái hư vọng. Hãy để tâm trống rỗng, đừng để cho nó tràn đầy với sản phẩm của tâm. Khi đó thì chỉ có sự thiên định chứ không phải có một thiên giả đang thiên định.

“Tôi bị chiếm giữ bởi một thiên giả, bởi một kẻ tầm cầu, bởi một người vui sướng, bởi một người chứng nghiệm, đó là chính tự ngã tôi. Tôi sống trong ngôi vườn đáng yêu do tôi tự tạo và là một tù nhân trong đó. Bây giờ tôi thấy tính chất hư vọng của mọi sự – tuy còn lơ mơ nhưng tôi đã thấy nó”.

1. Cách nói tương tự của Thiền sư Đạo Nguyên (1200-1253) là “Mây tan núi hiện” (ND).

SỰ TRỐN CHẠY KHỎI CÁI ĐANG LÀ

Đó là một ngôi vườn đẹp, với thảm cỏ xanh thoáng rộng và những bụi cây nở hoa, được bao bọc bằng những cây to tàng rộng. Có một con đường chạy dọc theo một phía vườn, và người ta vẫn thường nghe thấy tiếng nói chuyện khá to, nhất là buổi chiều tối, khi mọi người trên đường về nhà. Nếu không thì thật là yên tĩnh trong vườn. Cỏ dầm nước vào hai buổi sáng tối; và trong hai buổi đều có nhiều chim chóc nhảy tung tăng trên thảm cỏ tìm sâu. Chúng hằng say kiếm mồi tới mức dám đến thật gần không chút e dè với cả những người ngồi dưới tàng cây. Hai con chim, một xanh một vàng, đuôi thẳng, với một chiếc lông dài và mềm mại chìa hẳn ra ngoài, thường đến kiếm mồi giữa các bụi hồng. Chúng mang đúng sắc màu của những chiếc lá non và vì thế mà hầu như người ta không thấy được chúng. Đầu chim đẹp, mắt nhỏ, mỏ đen. Chúng lượn vòng trên mảnh vườn, sà xuống bắt sâu rồi trở lại giữa những cành đong đưa của bụi hồng. Thật là một cảnh tượng dễ thương, đầy thanh bình. Người ta không thể đến gần chúng vì chúng nhút nhát; thế nhưng nếu ta ngồi dưới tàng cây và không động đậy quá nhiều, ta sẽ thấy chúng đùa giỡn dưới ánh mặt trời chiếu trên những chiếc cánh vàng trong trẻo của chúng.

Cũng thường có một con chó *mongoose*¹ từ trong bụi cây rậm hiện ra, chiếc mõm đỏ của nó ngoảnh lên trời và cặp mắt sắc bén luôn quan sát mọi động tĩnh. Trong ngày đầu xem ra nó khó chịu khi thấy có người ngồi dưới tàng cây, thế nhưng nó sớm làm quen với sự hiện diện của con người. Nó đi dọc suốt chiều dài khu vườn, không chút vội vàng, với chiếc đuôi dài quét cỏ. Có khi nó đi mé bờ cỏ, sát các bụi cây, lúc đó nó rất chăm chú, mũi phập phồng co giật. Khi cả gia đình chó đi chơi thì con chó *mongoose* lớn dẫn đường, con cái nhỏ hơn theo sau và sau đó là hai con nhỏ; cả đàn đi dọc một đường thẳng. Những con chó con dừng lại vài ba lần, nhưng khi con mẹ thấy chúng không theo sát mình liền quay đầu lại, thì những con chó con chạy ào theo và lại đi đúng một đường thẳng.

Dưới ánh trăng, khu vườn thật quyến rũ; những tàng cây bất động, lặng yên chiếu những chiếc bóng dài và đậm trên bãi cỏ, giữa những bụi cây tĩnh mịch. Sau một buổi lãng xăng kiếm mồi và ca hát líu lo, chim chóc đã đậu lại nghỉ đêm trong bóng tối của tàng cây. Bây giờ hầu như không còn ai ở ngoài đường, nhưng cũng có khi vang một tiếng hát từ xa hay có ai thổi vài điệu sáo trên đường về nhà. Nếu không thì khu vườn hoàn toàn tĩnh lặng, chỉ có tiếng thì thầm rất nhẹ. Không một ngọn lá xào xạc, những ngọn cây in đậm thân cành trong bầu trời bàng bạc màu sương.

Trong thiên định không có chỗ cho sự tưởng tượng; sự

1. Một loài chó Ấn Độ (ND).

tướng tượng cần phải được hoàn toàn dẹp bỏ, vì tâm vương vào tướng tượng thì chỉ có thể nuôi dưỡng sự lừa dối. Tâm phải sáng, bất động, và trong ánh sáng của sự sáng sửa đó, cái phi thời gian¹ sẽ hiển lộ.

Ông là một cụ già với bộ râu bạc; và thân hình gầy còm của ông được phủ vừa vặn bằng chiếc áo choàng của một *sannyasi*. Thái độ và lời nói của ông lịch sự, nhưng mắt ông chứa đầy nỗi đau – cái đau khổ của người tìm kiếm không có kết quả. Lên mười lăm ông đã bỏ gia đình và từ chối thế gian, và từ nhiều năm ông đi khắp nơi trong xứ Ấn Độ, viếng thăm các già-lam, nghiên cứu, thiền định, tầm cầu không ngớt. Ông sống một thời gian trong một già-lam của vị lãnh đạo chính trị và tinh thần, người đã tranh đấu hăng say cho nền độc lập của Ấn Độ cũng như đã lưu lại trong một già-lam khác ở phía nam, trong đó người ta hát những bài thánh ca tuyệt vời. Trong một thiền đường mà một vị thánh đã từng sống, ông cũng sống tại đó như thế, cùng với nhiều người khác, lặng yên và tầm cầu. Tại các già-lam ở mé biển phía đông, phía tây, ông đã từng lưu trú, dò tìm, vấn hỏi và tranh luận. Trên vùng xa phía bắc, giữa băng tuyết và hang động lạnh lẽo, ông cũng từng có mặt, ông từng thiền định giữa tiếng nước chảy sôi róc của dòng sông thiêng liêng¹. Sống cùng với những người tu khổ hạnh, ông đã chịu khổ ải về mặt thể chất và ông cũng đã từng thực hiện những chuyến hành hương dài ngày đến các đền thờ thiêng liêng.

1. timeless.

2. Tác giả muốn nói sông Hằng (ND)

Ông thành thạo tiếng Sanskrit và hân hoan tụng niệm khi đi từ nơi này đến nơi khác.

“Tôi đã tầm cầu Thượng đế bằng tất cả mọi cách kể từ tuổi mười lăm, thế nhưng tôi không tìm thấy Ngài và bây giờ tôi đã qua tuổi bảy mươi. Tôi tìm đến ông cũng như đã tìm đến những người khác, hy vọng tìm được Thượng đế. Tôi phải tìm ra Ngài trước khi chết – nếu không thì Ngài chỉ là một trong nhiều huyền thoại của con người bày ra”.

Xin phép hỏi, thưa ông, liệu ông nghĩ là cái không thể đo lường¹ có thể dùng tâm tầm cầu mà tìm ra chăng? Bằng cách đi nhiều con đường, bằng tính kỷ luật và tự hành hạ, bằng cúng tế và hành lễ, liệu kẻ tầm cầu có thể tới với cái miên viễn chăng? Dĩ nhiên thưa ông, liệu cái miên viễn có hay không, điều đó không quan trọng, cũng như liệu về sau ta khám phá được sự thật về nó hay không; thế nhưng điều quan trọng bây giờ là thấu hiểu được tại sao ta tìm kiếm, và ta tìm kiếm cái gì. Tại sao ta lại tìm kiếm?

“Tôi tìm kiếm vì nếu không có Thượng đế, cuộc đời sẽ vô nghĩa. Tôi kiếm Ngài vì đời có lo âu và đau khổ. Tôi kiếm Ngài vì tôi cần thanh bình. Tôi kiếm Ngài vì Ngài là thường hằng, không thay đổi; vì cái chết thì có còn Ngài thì bất tử. Ngài chính là trật tự, là thiện mỹ, tôi kiếm Ngài vì lý do đó”.

Đó chính là, vì thống khổ trước cái vô thường, chúng ta đeo đuổi một cách đầy hy vọng để tìm cái mà ta gọi là thường hằng. Động lực của sự tầm cầu của chúng ta là tìm sự tiện

1. the immeasurable.

nghi trong ý niệm thường hằng, và ý niệm này được sinh ra từ tính vô thường, nó được nuôi dưỡng trưởng thành bằng niềm đau khổ của sự đối thay liên tục. Ý hướng này là không thật, trong lúc khổ não là thật; thế nhưng dường như chúng ta không thấu hiểu tính chất của khổ não và vì thế mà cứ bám vào ý hướng, vào hy vọng được hết khổ. Thế nên trong ta sinh ra hai mặt của một bên là tình trạng có thực và bên kia là ý hướng, có mâu thuẫn triền miên giữa cái đang là và cái nên là. Động lực của mọi tầm cầu là trốn ra khỏi sự vô thường, khỏi khổ não, để đi vào được một chỗ mà tâm mệnh danh là thường hằng, là ân phước vô tận. Thế nhưng bản thân tư tưởng này cũng vô thường và nó được sinh ra từ chính sự phiền não. Cái đối nghịch – dù ta tô vẽ thế nào – chính là nhân tố tạo ra cái đối nghịch chống lại chính mình. Thế nên, sự tầm cầu của chúng ta chỉ là mong ước được thoát khỏi cái đang là.

“Phải chăng ông muốn nói chúng ta phải dứt bỏ sự tìm kiếm?”

Nếu ta lơ là không chịu chú ý để hiểu thấu cái đang là, thì sự tầm cầu, như đã nói, có lẽ hoàn toàn không quan trọng. Còn nếu tâm đã được giải thoát khỏi khổ não thì còn tìm kiếm hạnh phúc làm gì?

“Liệu tâm có bao giờ thoát khỏi khổ não không?”

Muốn kết luận liệu tâm có thể hay không thể giải thoát thì hãy dứt bỏ mọi tầm cầu mà hãy thấu hiểu. Ta hãy tập trung toàn bộ sự chú ý để thấu hiểu cái khổ não và ta sẽ

không làm được điều đó nếu cứ tìm cách trốn tránh khổ não hay tâm cứ lo tìm kiếm ai gây ra khổ. Phải có một sự chú ý hoàn toàn, dừng quanh co lo lắng.

Khi tâm hết tầm cầu, hết nuôi dưỡng lòng tranh chấp do ý muốn và lòng khao khát sinh ra, khi có sự tĩnh lặng bên cạnh sự hiểu ngộ thì lúc đó cái không thể đo lường sẽ xuất hiện.

LÀM SAO BIẾT ĐƯỢC ĐIỀU GÌ LÀ TỐT CHO QUẦN CHÚNG?

Vài người trong nhóm chúng tôi đang ngồi trong phòng. Hai người từng bị tù nhiều năm vì lý do chính trị; họ đã chịu khổ và hy sinh để giành độc lập cho xứ sở và cũng là những người có tiếng tăm. Tên của họ thường nằm trên báo chí, và mặc dù có thái độ khiêm tốn nhưng lòng tự hào khác thường về sự nghiệp và danh tiếng vẫn nằm trong tâm họ. Họ là người học rộng và luôn phát biểu dễ dàng nhờ đã quen nói trước công chúng. Một người khác cũng là nhà chính trị, một người cao lớn có cặp mắt sắc sảo, người có đầy những dự định và một đầu óc tiến thủ. Ông cũng từng ở tù vì cùng lý do, nhưng giờ đây ông ở trong một vị trí đầy quyền lực, đáng vẻ quả quyết và tự tin; ông biết cách vận dụng tư tưởng, vận động con người. Còn một người nữa, người này đã từ bỏ mọi sở hữu thế gian và khao khát được làm điều thiện mỹ. Hết sức thông thái và đầy thuyết phục, ông có một nụ cười chân thật và tươi vui, ông đang du hành khắp nơi trong nước, giảng giải, thuyết phục và nhịn ăn. Còn ba hay bốn người nữa cũng đang phấn khởi muốn được leo lên cấp bậc trong lĩnh vực chính trị hay lĩnh vực tâm linh, trong nấc thang của sự trọng vọng hay thực hành tâm nhẫn nhục.

“Tôi không hiểu được”, một người bắt đầu, “tại sao ông lại chống sự hành động như thế. Cuộc sống là hành động, vắng bóng hành động cuộc sống chỉ là một quá trình của ứ đọng. Chúng ta cần những người hiến mình cho hành động để thay đổi các điều kiện xã hội và tôn giáo của xứ sở bất hạnh này. Chắc chắn ông không chống lại sự cải cách: điển chủ phải tự nguyện cống hiến một ít đất đai của họ cho người vô sản; vấn đề giáo dục dân quê, sự cải thiện làng mạc, từ bỏ thói phân chia giai cấp, vân vân”¹.

Cải cách, dù cần thiết tới mấy, cũng chỉ nuôi dưỡng nhu cầu tiếp tục cải cách và như thế sẽ không bao giờ chấm dứt. Điều cốt yếu là phải có một cuộc cách mạng trong tư duy con người chứ không cải cách kiểu chấp vá. Nếu vắng bóng một sự thay đổi cơ bản trong tim óc con người, sự cải cách chỉ làm cho con người ngủ quên bằng cách cho họ chút thỏa mãn. Không phải điều này khá rõ rồi hay sao?

“Ông muốn nói chúng ta không nên thực hành cải cách hay sao?”, một người khác nêu câu hỏi với một sự căng thẳng bất ngờ.

“Tôi nghĩ là anh hiểu lầm ông ta”, một người lớn tuổi hơn nói. “Ông ta muốn nói cải cách không bao giờ mang lại sự chuyển hóa toàn diện cho con người. Thật thế, cải cách ngăn

¹ Đây là những vấn đề quan trọng bậc nhất trong xã hội Ấn Độ của thế kỷ hai mươi mà ngày nay vẫn chưa được giải quyết. Cuộc tranh luận với các nhà chính trị này cho thấy sự khác biệt một trời một vực giữa tư tưởng của Krishnamurti và cách tư duy cũng như hoạt động của các nhà chính trị (ND).

chặn sự chuyển hóa toàn diện, vì nó chỉ làm con người ngu quên bằng cách cho vài sự thỏa mãn tạm bợ. Khi phát huy thứ cải cách làm vui lòng người này, anh đã cho ông bạn láng giềng uống thuốc để được an thần”.

“Thế nhưng nếu chúng ta cố tự hạn chế trong một thứ cải cách nhất định – thí dụ sự tự nguyện cấp đất cho bản nông – cho đến lúc các thứ kia được thành hình, như vậy không phải lợi hơn sao?”

Ông có thể chia cắt một phần ra khỏi cái toàn thể của cuộc sống được chăng? Ông có thể xây dựng nên một hàng rào chắn quanh nó, tập trung lên nó, bỏ quên phần còn lại được không?

“Tác động lên cái toàn thể của cuộc sống thực ra chính là kế hoạch hành động của chúng tôi. Khi một chương trình cải cách đã thành tựu, chúng tôi sẽ quay qua làm cái tiếp”.

Phải chăng cái toàn thể của cuộc sống có thể được thấu hiểu thông qua cái riêng lẻ? Hay phải chăng cái toàn thể cần được nhận thức và thấu hiểu trước đã, và chỉ sau đó cái riêng lẻ mới được xem xét và biến đổi trong mối liên hệ với cái toàn thể? Nếu không thấu hiểu cái toàn thể mà chỉ tập trung lên cái riêng lẻ thì chỉ nuôi dưỡng thêm sự rối loạn và khốn khổ.

“Phải chăng ông muốn nói”, một người với giọng căng thẳng cất tiếng, “chúng tôi không được hành động, không được thực hiện cải cách nếu trước đó không nghiên cứu tất cả vấn đề của cuộc sống?”

“Đĩ nhiên như thế là vô nghĩa”, nhà chính trị nói, “nhưng chúng tôi không thể có thì giờ để tìm hiểu toàn bộ ý nghĩa của cuộc đời. Điều này chỉ để dành cho những kẻ mơ mộng, cho các ông guru, cho các triết gia. Chúng tôi thì lo công việc hàng ngày; phải hành động, phải làm luật, phải điều hành, phải biến sự hỗn loạn thành trật tự. Chúng tôi quan tâm đến dê đập, tưới tiêu, nông nghiệp phát triển; chúng tôi bận với thương mại, kinh tế, với lực lượng nước ngoài. Quá đủ nếu chúng tôi quản lý tốt công việc, ngày này qua ngày khác, không để cho tai ương xảy ra. Chúng tôi là những con người thực tiễn, có vai trò, có trách nhiệm, và đem hết khả năng mình để cống hiến cho quần chúng”.

Nếu được phép hỏi thì làm sao ông biết được điều gì là tốt cho quần chúng? Ông quá coi trọng mình. Ông bắt đầu với rất nhiều kết luận, và khi ông bắt đầu với một kết luận, không kể nó là của ông hay của người khác, thì tất cả tư duy đều dừng lại. Điều mà ông tự cho mình đảm đương được mà người khác thì không, điều đó mang lại sự khốn cùng hơn là sự khốn cùng mỗi ngày chỉ có một bữa ăn; vì sự sai lầm của những kết luận này sinh ra sự bóc lột con người. Khi hăng say hoạt động phục vụ quần chúng, dường như chúng ta chỉ mang lại thêm tai hại cho họ.

“Nhiều người trong chúng tôi cho rằng mình biết rõ điều gì là tốt cho xứ sở và quần chúng”, nhà chính trị giải thích, “phía đối lập cũng nghĩ thế; nhưng trong xứ này phía đối lập không mạnh lắm, thật may cho chúng tôi; thế nên chúng tôi sẽ thắng và sẽ làm những gì được cho là tốt đẹp và có lợi”.

Mọi phe phái đều biết, hay nghĩ mình biết, cái gì là tốt cho quần chúng. Thế nhưng cái gì đích thực là tốt sẽ không tạo nên phản kháng, trong nhà cũng như ngoài đường; nó sẽ sinh ra sự nhất trí giữa người với người; điều gì đích thực là tốt sẽ quan tâm đến con người toàn diện chứ không đến những lợi lộc hời hợt, điều chỉ có thể đưa đến tai họa hay sự khốn khổ to lớn hơn; điều tốt đẹp đích thực sẽ chấm dứt sự chia cắt cũng như sự thù địch do chủ nghĩa quốc gia và do các định chế tôn giáo sinh ra. Cái tốt đẹp đó có dễ tìm như thế chăng?

“Nếu tìm hiểu tất cả ý nghĩa của thế nào là tốt đẹp, chúng ta sẽ chẳng đi tới đâu cả, và cũng sẽ không thể hành động được. Cái cần thiết cấp thời cần hành động cấp thời, mặc dù hành động này có thể sinh ra đôi chút hoang mang”, nhà chính trị trả lời, “hiện nay chúng tôi không có thì giờ để suy tư, để triết lý. Nhiều người trong chúng tôi bận từ sáng tinh sương đến tối khuya, chúng tôi không thể ngồi dựa ghế để suy tư cho hết về ý nghĩa của mọi sự và mọi hành động cần làm. Quả thật chúng tôi không kham hưởng được niềm vui của sự suy tư sâu xa, chúng tôi dành niềm vui đó cho người khác”.

“Thưa ông, dường như ông muốn đề xuất”, một người trong nhóm này giờ giữ im lặng, “trước khi làm những gì mình cho là tốt đẹp, ta phải nghĩ về toàn bộ ý nghĩa của hành động đó, vì mặc dù trước mắt một điều gì đó có thể có lợi, nhưng lâu dài nó có thể sinh ra hậu quả tai hại. Nhưng xin hỏi, có thể có một cái nhìn sâu xa quán chiếu¹ vào hành động của

chúng ta chẳng? Trong lúc hành động người ta có thể nghĩ mình có cái nhìn đó, nhưng về sau lại khám phá là mình mù quáng”.

Lúc hành động, chúng ta sôi nổi, hăng say, chúng ta bị một ý niệm chiếm giữ hay bị nhân cách, nhiệt tình của nhà lãnh đạo tác động. Tất cả mọi nhà lãnh đạo, từ những bạo chúa đến các nhà chính trị sùng tín nhất, đều cho rằng mình hành động vì cái tốt đẹp cho quần chúng; và tất cả đều đã dẫn đến mồ chôn. Thế nhưng chúng ta vẫn không chống nổi ảnh hưởng của họ và đi theo chân họ. Ông không bị ảnh hưởng bởi một nhà lãnh đạo như thế sao? Có thể vị đó không còn sống nhưng ông vẫn suy nghĩ và hành động theo phép tắc, công thức, quan niệm sống của người đó; hay là ông đang bị một vị mới sau này ảnh hưởng. Thế nên nếu ta đi từ một nhà lãnh đạo này qua một nhà lãnh đạo khác, thì điều đó cũng có nghĩa là ta sẽ bỏ họ khi đã đạt tới ý mình, hay khi một vị khác hứa hẹn một cái tốt đẹp hơn. Trong sự hào hứng của mình, ta đưa những kẻ khác vào trong tấm lưới của niềm tin mình, và thường thì họ vẫn cứ nằm ở đó trong lúc ta đã đến với một nhà lãnh đạo khác hay niềm tin khác. Thế nhưng, điều đích thực là tốt đẹp thì không có tính chất sinh tạo ảnh hưởng, cưỡng bách và sự thuận tiện dễ dãi. Mọi hành động không có nghĩa tốt như vừa nói thì nhất định sẽ nuôi dưỡng cho sự rối loạn và khốn khổ.

“Tôi nghĩ tất cả chúng ta phải thừa nhận là bị một nhà

1 insight.

lãnh đạo gây ảnh hưởng, trực tiếp hay gián tiếp”, người vừa rồi nói tiếp, “vấn đề của chúng tôi là ở đó. Biết rằng mình hưởng nhận rất nhiều lợi lộc của xã hội nhưng trả lại rất ít, và thấy sự cùng khổ khắp mọi nơi, chúng tôi thấy mình có trách nhiệm với xã hội vì thế mà muốn làm một điều gì để giảm nhẹ nỗi cùng cực này. Thế nhưng phần lớn chúng tôi thấy mình bất lực, và vì thế mà chấp nhận theo một người có nhân cách mạnh mẽ. Cuộc đời hiến dâng của người đó, lòng thành tâm rõ ràng, tư tưởng và hành động sinh động của ông đã gây ảnh hưởng to lớn lên chúng tôi và trong nhiều trường hợp, chúng tôi quý phục ông; dưới ảnh hưởng của ông, chúng tôi được đưa vào hoạt động, khi thì cho sự giải phóng đất nước, khi thì cải thiện điều kiện xã hội. Chúng tôi chấp nhận thẩm quyền chính trị và từ sự chấp nhận đó mà có hành động. Điều mà ông nói với chúng tôi ngược lại với những gì chúng tôi quen nghĩ, nó không cho chúng tôi thước đo nào để đánh giá và hành động. Chắc ông hiểu cái khó của chúng tôi”.

Chắc chắn rồi, thưa ông. Mọi hành động dựa trên một thẩm quyền của kinh sách, dù thiêng liêng đến mấy; hay thẩm quyền của một nhân sĩ, dù quý phái hay thánh thiện thế nào; đều là hành động không biết suy nghĩ và không thể tránh khỏi sự lầm lạc lẫn đau khổ. Trong xứ sở này và những nước khác, nhà lãnh đạo tạo nên thẩm quyền của mình bằng cách diễn giảng về các thứ được gọi là kinh sách thiêng liêng, mà ông trích dẫn một cách tùy tiện; hay xuất phát từ kinh nghiệm bản thân, vốn đã bị qui định bởi quá khứ;

hay từ đời sống khắc khổ của mình, vốn dựa trên một khuôn mẫu sao cho thánh thiện nhất. Thế nên cuộc đời của nhà lãnh đạo cũng như của người qui phục đều bị giới hạn bởi thẩm quyền; cả hai đều là nô lệ của kinh sách, phụ thuộc vào kinh nghiệm của kẻ khác. Với cơ sở này mà ông đòi cải tạo thế giới. Có khả dĩ hay không? Hay trước hết ông phải dẹp qua một bên thế giới quan mang tính chất thẩm quyền và gia trưởng, và ông tiếp cận với các vấn đề với một tâm thức sinh động, mới mẻ? Đời sống và hành động không thể phân chia, chúng nằm trong một thể tương quan, một quá trình thống nhất; thế nhưng giờ thì phải chăng ông đang chia cắt chúng? Ông nhìn đời sống hàng ngày, với tư duy và hoạt động hàng ngày, tách biệt với thứ hành động mà ông sắp làm để thay đổi thế giới.

“Một lần nữa, như thế này”, người vừa nói cất tiếng, “làm sao chúng tôi lại có thể vứt bỏ cái ách của thẩm quyền và truyền thống được, điều mà chúng tôi đã tự nguyện và vui vẻ chấp nhận từ hồi còn nhỏ? Nó là một phần của truyền thống lâu đời của chúng ta và bây giờ thì ông xuất hiện và nói hãy dẹp qua một bên, hãy dựa lên chính mình. Qua những điều tôi đọc và nghe thì ông từng nói bản thân *Atman*¹ cũng chẳng thường hằng gì cả. Ông có thể thấy chúng tôi đang bị hoang mang như thế nào”.

Phải chăng ông chưa bao giờ vấn hỏi thực sự về quan niệm

1 *Atman*: Tiểu ngã. Theo truyền thống Ấn Độ giáo, Tiểu ngã là linh hồn, là tâm thức con người. Tiểu ngã là một phần của Đại ngã (*Brahma*) và cả hai đều trường tồn bất diệt (ND).

sống mang đầy tính chất thẩm quyền này. Câu hỏi đích thực về thẩm quyền sẽ chấm dứt thẩm quyền. Không có phương cách hay hệ thống nào mà qua đó tâm có thể thoát khỏi thẩm quyền và truyền thống; nếu có thì hệ thống này đã trở thành cái chiếm lĩnh tất cả rồi.

Tại sao ông lại chấp nhận thẩm quyền, trong nghĩa sâu xa của từ ngữ này? Ông chấp nhận thẩm quyền, cũng như ông thầy *guru* cũng chấp nhận thẩm quyền, chẳng qua bởi vì muốn được an toàn, được yên tâm, được tiện nghi, được phục tùng, được đến bờ bên kia¹. Ông và ông *guru* chẳng qua là những kẻ mong cầu được thành tựu; cả hai đều bị tham vọng lôi kéo. Nơi nào có tham vọng, nơi đó không có lòng yêu thương; và hành động vắng bóng lòng yêu thương là vô nghĩa.

“Về mặt tri thức thuần túy, tôi thấy những gì ông nói là đúng, thế nhưng trong nội tâm, bằng cảm nhận, tôi không thấy nó có thể có thực”.

Ở đây không có sự thấu hiểu bằng tri thức; vấn đề là hoặc chúng ta hiểu ngộ hoặc không. Sự phân chia con người thành những ngăn hộc riêng biệt lại là một sự vô lý khác của chúng ta. Thà hãy thừa nhận mình chưa hiểu ngộ còn hơn là cho rằng hiểu trên mặt lý luận, điều đó chỉ nuôi dưỡng lòng tự kiêu và mối mâu thuẫn giả tạo.

“Chúng tôi đã chiếm quá nhiều thì giờ của ông, thế nhưng có lẽ ông vẫn cho phép chúng tôi được trở lại?”.

1. “Được đến bờ bên kia” vốn là câu quan trọng trong kinh sách ám chỉ sự giác ngộ nhưng cũng trở thành khẩu hiệu của nhiều thầy *guru* (ND).

“TÔI MUỐN TÌM SUỐI NGUỒN HẠNH PHÚC”

Mặt trời nằm sau đồi, thị trấn như cháy dưới ánh chiều và bầu trời huy hoàng ánh sáng. Trong ánh hoàng hôn còn đọng, trẻ con chơi đùa và nói cười ầm ĩ; vẫn còn nhiều thời gian trước bữa cơm tối. Một tiếng chuông lạc loài vang ra từ một ngôi đền xa xa và từ một ngôi đền đạo Islam có tiếng gọi đã đến giờ cầu nguyện buổi chiều. Loài vẹt đã trở về từ những khu rừng thưa và cánh đồng nằm ngoài xa, bay đến đậu trên những ngọn cây có tàng dày đặc dọc theo con đường. Chúng kêu những tiếng có vẻ bực dọc trước khi nghỉ giấc đêm. Qua cũng đến đậu cùng, khàn khàn tiếng gọi, cũng như còn thêm những loài chim khác, tất cả đều như ồn ào gất gông. Đây là một khu vực tách biệt của thị trấn và tiếng ồn của xe cộ bị chìm dưới tiếng riu rít khá to của chim muông; nhưng khi bóng tối tới thì chúng cũng yên dần và chỉ sau vài phút nay chúng đã lặng yên, sẵn sàng chờ đêm xuống.

Một người đàn ông đi đến với một cái gì như sợi dây thừng quấn quanh cổ. Tay ông cầm một đầu sợi dây. Một nhóm người tíu tít nói cười dưới một tàng cây, nơi loang lổ ánh sáng của một bóng đèn điện. Người đàn ông đi đến nhóm người, để sợi dây trên mặt đất. Có tiếng kêu thất thanh,

mọi người bỏ chạy vì “sợi dây” là một con rắn hổ mang to tướng, đầu ngẩng cao du đưa qua lại. Người đàn ông cười, đưa ngón chân trần đẩy rắn đi rồi chụp nó lại, giữ rắn ngang đầu. Dĩ nhiên người ta đã nghĩ rằng độc của rắn, bây giờ nó vô hại, thế nhưng mới ngó qua cũng thấy đáng sợ thật. Ông đề nghị để con rắn quanh cổ tôi và lấy làm hài lòng khi thấy tôi vuốt ve nó. Da rắn xấp vảy và mát lạnh, gợn những bắp thịt chắc nịch, mắt rắn đen và nhìn trừng trừng vì rắn không có mí mắt. Chúng tôi đi chung với nhau một đoạn, con rắn quanh cổ ông không bao giờ chịu yên mà lúc nào cũng ngo nguẩy.

Đền dường làm những vì sao mờ và xa, mà sao Hỏa vẫn có sắc đỏ và sáng. Một người ăn xin đi ngang, bước chậm chạp rã rời hầu như đi không nổi, quần áo tả tơi, chân quấn vải bạt, cột bằng thứ dây to. Ông cầm một chiếc gậy dài, miệng lẩm bẩm một mình và không nhìn lên khi chúng tôi đi ngang. Xa hơn một chút là một tòa khách sạn thanh nhã và đắt tiền, phía trước tòa nhà xe hơi dừng lại cho khách lên xuống.

Một vị giáo sư đại học còn trẻ, có vẻ hơi hồi hộp, có giọng nói cao và cặp mắt sáng, nói rằng ông ta từ xa đến và có một câu hỏi rất quan trọng.

“Tôi đã biết nhiều niềm vui khác nhau: niềm vui vợ chồng, niềm vui có sức khỏe, của ý thích, của bạn bè. Vốn là giáo sư văn chương, tôi đọc nhiều hiểu rộng và yêu thích sách vở. Thế nhưng tôi thấy trong tự thân, niềm vui là cái luôn luôn thoáng qua, từ cái nhỏ nhất đến cái lớn nhất. Không có điều gì tôi biết tới mà có được một chút lâu dài và ngay

cả văn chương, thú vui lớn nhất của đời tôi, cũng bắt đầu mất cái vui vững bền của nó. Tôi cho rằng phải có một cái nguồn gốc vĩnh cửu của mọi niềm vui, nhưng mặc dù ra sức dò kiếm, tôi không tìm ra được nó”.

Phải chăng tâm cầu là một hiện tượng rất dễ đưa đến sai lầm? Bất mãn với cái hiện tại, ta đi tìm cái nằm sau nó. Đau khổ với cái hiện tại, chúng ta dò tìm trong tương lai hay trong quá khứ; và cái được tìm ra đó cũng bị héo mòn ngay trong hiện tại. Không bao giờ ta chịu dừng điều đó để tìm kiếm nội dung trọn vẹn của cái hiện tại mà luôn luôn theo đuổi những giấc mơ của tương lai; hay tìm trong ký ức đã qua của quá khứ, ta lựa cái phong phú nhất và cho nó sức sống. Ta bám víu vào những cái đã là hay từ chối nó trong ánh sáng của cái sẽ đến; thế nên hiện tại trôi qua không ai để ý đến; hiện tại chỉ là đoạn đường trung gian, đi qua càng nhanh càng tốt.

“Dù nó ở trong quá khứ hay tương lai bất kỳ, tôi muốn tìm nguồn gốc của niềm vui”, anh nói tiếp, “Ông hiểu ý tôi. Tôi không còn tìm kiếm đối tượng mà từ đó niềm vui toát ra – ý niệm, sách vở, con người, thiên nhiên – mà bản thân nguồn gốc của niềm vui, bên kia tính chất tạm thời của nó. Nếu ta không tìm ra nguồn gốc, ta sẽ bị vướng mắc trong nỗi khổ vô thường”.

Ông không nghĩ là chúng ta phải thấu hiểu ý nghĩa của chữ “tìm kiếm” sao? Nếu không thì những gì hai chúng ta nói sẽ không liên hệ gì với nhau cả. Tại sao lại có cái bức xúc phải tìm kiếm, cái khắc khoải phải tìm ra điều gì, cái

cưỡng bách phải đạt tới? Có lẽ nếu chúng ta phát hiện động lực và thấy cách vận hành của nó, ta sẽ thấy ý nghĩa của sự tìm kiếm.

“Động lực của tôi thì đơn giản và trực tiếp: tôi muốn tìm nguồn gốc trường cửu của niềm vui, vì mọi thú vui tôi biết đều chóng qua. Cái thôi thúc làm tôi đi tìm là nỗi khốn khổ khi biết rằng mình không sở hữu cái gì vĩnh viễn cả. Tôi muốn thoát ra khỏi cái nỗi lo bất an này và tôi nghĩ điều này chẳng có gì lạ. Ai biết suy nghĩ cũng tìm cái mà tôi đang tìm. Những người khác gọi nó bằng một tên khác – Thượng đế, chân lý, ân phước, tự tại, Moksha¹, vân vân – nhưng tất cả chủ yếu chỉ là một”.

Bị trói buộc trong cái khổ não của vô thường, tâm đi tìm sự vĩnh viễn, dù nó mang tên gì cũng thế thôi; và chính sự khao khát của tâm về cái thường hằng đã sinh ra cái thường hằng, cái đối lập với cái đang là. Thực ra không có sự “tìm kiếm” gì cả, ở đây chỉ có niềm mong ước có được tiện nghi dễ chịu của sự thường hằng. Khi tâm biết mình đang ở trong một tình trạng biến hoại thì nó cố dựng lên dạng ngược lại, thế nên tâm bị lôi vào trong sự tranh chấp của nhị nguyên; và khi muốn trốn tránh ra khỏi cuộc tranh chấp này, nó lại theo đuổi một cái đối lập khác. Thế nên tâm luôn luôn bị cuốn vào bánh xe của những cái đối lập.

“Tôi ý thức được quá trình phản ứng của tâm như ông giảng; thế nhưng phải chăng người ta không nên tìm kiếm

¹ Moksha: từ Sanskrit, có nghĩa “giải thoát” (ND).

gì cả? Cuộc đời sẽ hết sức tẻ nhạt nếu không còn khám phá gì nữa”.

Bằng sự tìm kiếm, liệu chúng ta có khám phá được gì mới không? Cái mới không phải là cái ngược với cái cũ, nó không phải là cái đối lập của cái đang là. Nếu cái mới chỉ là sự phản chiếu của cái cũ thì nó chỉ là dạng tiếp tục được điều chỉnh của cái cũ. Tất cả nhận thức đều dựa trên quá khứ, nên những gì nhận thức được không phải là mới mẻ. Sự tầm cầu xuất phát từ nỗi khổ của hiện tại, thế nên cái được tìm kiếm thật ra là cái đã được biết đến. Ông tìm kiếm tiện nghi thoải mái và có thể ông sẽ tìm ra nhưng nó sẽ chóng qua, vì bản thân sự thôi thúc kiếm tìm cũng vô thường. Tất cả ước muốn – tìm nguồn vui, tìm Thượng đế hay bất cứ điều gì – đều chóng qua cả.

“Liệu tôi hiểu đúng ý ông nói không, vì sự tầm cầu xuất phát từ ước muốn và ước muốn lại là vô thường nên sự tìm kiếm là hão huyền vô ích?”

Nếu ông thấy sự thật của điều này thì sự biến hoại chính là niềm vui.

“Làm sao tôi thấy được sự thật của điều này?”

Không có “làm sao”, không có phương cách nào cả. Phương cách ẩn chứa ý niệm của sự vĩnh viễn. Bao lâu tâm còn muốn đến đích, muốn đạt tới, muốn thủ đắc, thì bấy lâu tâm còn tranh chấp. Tranh chấp thì không nhạy cảm. Chỉ có một tâm thức nhạy cảm mới thấy được sự thật. Sự tầm cầu do tranh chấp sinh ra và khi tranh chấp dứt bật thì cũng không còn nhu cầu tìm kiếm điều gì nữa. Khi đó là ân phước.

THÚ VUI, THÓI QUEN VÀ SỰ KHẮC KHỔ

Con đường đưa khách về phía nam của thị trấn ồn ào, trải dài với hầu như bất tận những dãy nhà mới xây. Con đường đầy xe buýt, xe con, xe bò và hàng trăm người đi xe đạp, họ từ sở về nhà sau một ngày dài làm những việc quen thuộc, những công việc mà chẳng ai thích làm. Nhiều người dùng xe bên vệ đường, ghé chợ mua rau cải đã héo. Khi chúng tôi đi qua ranh giới của thị trấn thì nơi đó đầy cây cối um tùm ở hai bên đường, mới được một trận mưa nặng hạt làm sạch bóng. Mặt trời đang lặn phía bên mặt, một quả cầu lửa vĩ đại nằm trên những ngọn đồi xa. Vài con dê đang nhón nhơ giữa các hàng cây và đám trẻ con đang đuổi bắt nhau. Con đường rẽ cong qua một ngôi tháp có từ thế kỷ thứ mười một, tháp màu đỏ cao ngều ngệu giữa các phế tích Hindu và Mogul¹. Rải rác đây đó là các ngôi mộ cổ và một lối đi có mái vòm như kể lại một thời vàng son đã xa xưa.

Xe dừng lại và chúng tôi đi bộ dọc theo con đường. Một nhóm bộ hành từ ruộng nương kéo về nhà, tất cả đều là phụ nữ. Và sau một ngày làm việc vất vả, họ cất tiếng hát một

1. Hindu: thuộc về Ấn Độ giáo, Mogul: thuộc về Islam giáo mà thời thịnh trị nhất là thời đại Mogul trong thế kỷ thứ 16 (ND).

bài ca du dương. Trong miền quê an lành này giọng hát của họ như vượn xa, sáng rõ, âm vang và vui tươi. Khi chúng tôi đến gần, họ thẹn thùng dứt tiếng hát nhưng lại tiếp tục sau khi chúng tôi đi qua.

Đèn đêm sáng lên giữa những ngọn đồi thoai thoải và cây cối in đậm nét trên nền trời sẫm tối. Trên một mỏm đá khổng lồ, sừng sững những bờ tường loang lổ của một pháo đài xưa. Một vẻ đẹp lạ thường che phủ cả một vùng hoang dã; nó nằm quanh chúng tôi, tràn ngập trong từng góc xó của đất đai, trong cả ngõ ngách thâm kín của tim óc chúng tôi. Chỉ có lòng thương yêu¹ đang ngự trị, không phải chia ra thành lòng thương yêu Thượng đế và lòng thương yêu của người; lòng thương yêu không thể chia cắt. Một con cú lớn yên lặng bay trong ánh trăng, và một nhóm dân làng có trình độ học thức đang bàn cãi ồn ào, xem có nên đi phố xem phim hay không; họ hiểu động chiếm luôn cả nửa con đường.

Thật là vui được ở dưới ánh trăng mềm mại, bóng trăng chiếu trên mặt đất sắc và rõ. Một chiếc xe tải lạch cạch đi tới, thổi những tiếng còi hăm dọa, rồi sớm qua, để lại cho ngôi làng không khí dễ thương của buổi tối và sự cô tịch mênh mông.

1. Lòng thương yêu: love. Trong tất cả các bài giảng, Krishnamurti thường nói đến "lòng thương yêu" và sử dụng từ "love". Như độc giả sẽ tự thấy, "lòng thương yêu" mà tác giả nói đến là một trạng thái tâm thức khi con người tỉnh giác nhận thức hiện tại, không để cho quá khứ và tư tưởng tác động lên. Vì thế "lòng thương yêu" không có nghĩa yêu thương thông thường mà là một tính chất của tâm thức mà con người bình thường của chúng ta không có. Trong nhiều trường hợp "lòng yêu thương" đồng nghĩa với "từ bi" hay "giác ngộ" (ND).

Anh ta là một thanh niên khỏe mạnh và đầy suy tư, mới chừng ba mươi; và làm việc trong một cơ quan của chính phủ. Anh không bức gì lắm về công việc của mình, anh kể, và nếu tính cho công bằng, thì anh cũng có lương bổng kha khá và một tương lai hứa hẹn. Anh có gia đình, con trai lên bốn mà anh định mang theo đến đây nhưng mẹ nó sợ phiền.

“Tôi đã nghe ông nói chuyện một đôi lần”, anh nói, “và tôi xin phép đặt một câu hỏi. Tôi có vài thói quen xấu, chúng làm phiền tôi lắm, tôi muốn từ bỏ chúng. Từ vài tháng nay tôi muốn dứt bỏ chúng nhưng không được. Tôi phải làm sao đây?”

Hãy xem xét thói quen và đừng phân chia chúng thành tốt hay xấu. Sự nuôi dưỡng thói quen, tập quán, dù tốt đẹp hay đáng kính, chỉ làm tâm cùn nhụt. Khi nói thói quen tập quán là ta nói gì? Hãy cùng nhau suy nghĩ, đừng dính mắc nơi sự định nghĩa.

“Thói quen là một hành động lặp đi lặp lại”.

Phải chăng khi đó có một động lực sinh ra trong một chiều hướng nhất định, có thể vui thích hay không vui thích, có thể được ý thức hay không được ý thức, có tư tưởng hay không có tư tưởng. Đúng thế không?

“Thưa ông, đúng thế”.

Nhiều người thấy cần cà-phê buổi sáng, không có thì bị nhức đầu. Có thể mới đầu thân thể không đòi hỏi, nhưng dần dần nó quen với mùi vị dễ chịu và sự kích thích của cà-phê và bây giờ thì nó khổ vì không có.

“Thế nhưng cà-phê là cần thiết”.

Ông nói cần thiết là sao?

“Thực phẩm tốt cần thiết cho sức khỏe tốt”.

Đúng thôi; thế nhưng cái lưỡi đã quen với thứ thực phẩm có một vị riêng biệt, thế nên thân có cảm giác mất mát và bất an khi nó không có được cái đã quen. Phải chăng sự đòi hỏi một loại thực phẩm nhất định cho thấy một thói quen đã thành hình, thói quen dựa trên thú vui và ký ức về thú vui đó.

“Nhưng làm sao bỏ được một thói quen dễ chịu. Bỏ thói quen khó chịu thì tương đối dễ, nhưng vấn đề của tôi là bỏ những thứ dễ chịu”.

Như tôi đã nói, chúng ta không xét thói quen dễ chịu hay khó chịu, hay tìm cách từ bỏ chúng, mà đang thử thấu hiểu bản thân thói quen là gì. Chúng ta thấy rằng thói quen được hình thành khi có một thú vui và có yêu cầu được tiếp tục thú vui đó. Thế nên thói quen dựa trên thú vui và ký ức về thú vui. Một kinh nghiệm mới đầu không dễ chịu có thể dần dần trở nên dễ chịu và biến thành thói quen “cần thiết”. Bây giờ chúng ta hãy đi xa hơn một chút về vấn đề của ông. Vấn đề của ông là sao?

“Trong số các thói quen với tôi, thì sự ham mê tình dục đã thành thói quen mạnh mẽ và đòi hỏi phải được thỏa mãn. Tôi đã tìm cách chế ngự nó bằng cách giữ kỷ luật cho bản thân, bằng cách ăn kiêng, thực hành nhiều bài tập khác nhau, vân vân, cho đến tôi chống lại nhưng thói quen vẫn cứ tiếp diễn”.

Có lẽ trong cuộc sống, ông không có chỗ thoát khác, không có một ham thích khác với một động lực hẩn hoi. Có thể ông thấy nhàm chán với công việc mà không ý thức điều đó; và đối với ông, tôn giáo chỉ là hình thức nghi lễ được lặp lại, là một loạt những giáo điều và niềm tin vô nghĩa. Nếu nội tâm ông bị ngăn trở, bị hoang mang thì tình dục là chỗ giải phóng duy nhất cho ông. Với nội tâm tỉnh giác, biết thấy cái mới trong công việc, thấy cả cái mới trong những điều vô lý của xã hội, tìm ra cho mình ý nghĩa đích thực của tôn giáo – thì đó là điều sẽ giải phóng tâm khỏi bị nô lệ vào bất cứ thói quen tập quán nào.

“Tôi thường quan tâm đến tôn giáo và văn chương, thế nhưng tôi không rời cho những thứ đó vì suốt ngày bận bịu với công việc. Thật ra thì tôi cũng không chán công việc nhưng tôi cũng thấy hoạt động kiếm kế sinh nhai không phải là tất cả và cũng như ông nói, có lẽ tôi phải có thời gian cho một sự quan tâm to lớn và sâu sắc hơn, biết đâu nó giúp tôi bỏ được cái thói quen đang làm tôi phiền bực”.

Như đã nói, thói quen là sự lặp lại một hành động được ưa thích, do ký ức kích thích và do hình ảnh mà tâm gợi lên. Sự tiết dích nội tuyến và hệ quả của nó; thí dụ cái đói, không phải là thói quen, mà chỉ là quá trình thông thường của thể chất. Thế nhưng khi tâm nuông chiều cảm quan, được kích thích bởi ý nghĩ và hình ảnh, thì thói quen sẽ hình thành. Thực phẩm là cần thiết nhưng khi ta đòi hỏi phải có một món ăn đặc biệt thì đó là do thói quen. Khi đi tìm sự vui thích trong ý nghĩ và hành động, dù tinh tế hay thô thiển,

tâm chỉ đòi sự tiếp diễn, đó chính là nuôi dưỡng thói quen. Một hành động lặp lại, thí dụ đánh răng buổi sáng, cũng trở thành thói quen nếu ta không ý thức về nó. Chỉ sự chú tâm mới giải phóng tâm ra khỏi thói quen.

“Thế ông muốn nói ta phải bỏ tất cả những thú vui?”

Không, thưa ông. Bây giờ chúng ta không tìm cách bỏ hay đặt điều gì cả; chúng ta đang tìm cách thấu hiểu sự vận hành của thói quen, cũng như thấu hiểu vấn đề của thú vui. Có nhiều tu sĩ, nhiều người học phép du-già, nhiều bậc thánh, các vị đó phủ nhận thú vui; họ tự hành xác mình, bắt tâm phải chống trả lại, phải lãnh đạm với mọi dạng của thú vui. Thật là một thú vui khi nhìn vẻ đẹp của một ngọn cây, một đám mây, ánh trăng trên mặt nước, hay của con người; mà nếu phủ nhận thú vui này tức là phủ nhận cái đẹp.

Mặt khác, cũng có nhiều người loại bỏ cái xấu và đeo bám vào cái đẹp. Họ chỉ muốn ở yên trong khu vườn dễ thương do họ xây nên, rũ bỏ tất cả tiếng ồn, mùi hôi và sự tàn bạo xảy ra bên kia bức tường. Họ cũng thành công đó, nhưng ông không thể dứt bỏ cái xấu và chỉ giữ lấy cái đẹp mà không trở nên cùn nhụt, vô cảm. Ông phải đủ nhạy cảm để biết đau khổ cũng như biết vui thích chứ không phải tránh một điều và tìm một điều khác. Cuộc đời gồm cả cái chết lẫn lòng yêu thương. Biết yêu thương là có thể bị thương tổn, là nhạy cảm; còn thói quen chỉ nuôi dưỡng cái vô cảm, thói quen hủy hoại lòng yêu thương.

“Tôi bắt đầu cảm nhận cái đẹp mà ông nói đến. Đúng là tôi tự làm mình cùn nhụt và ngu dốt. Tôi cũng thường thích

đi dạo trong rừng, nghe chim muông líu lo, quan sát nét mặt của con người trên đường phố, và tôi cũng thấy đã để cho thói quen hành hạ mình. Thế nhưng lòng yêu thương là gì?”

Lòng yêu thương không phải chỉ là thú vui, một sản phẩm của ký ức; lòng yêu thương là cường độ cao của sự bị thương tổn¹ và của vẻ đẹp, tình trạng này sẽ bị loại bỏ nếu tâm xây tường che quanh tự ngã của mình. Lòng yêu thương chính là đời sống và cũng là sự chết. Phủ nhận cái chết và bám vào sự sống tức là phủ nhận lòng yêu thương.

“Tôi thật bắt đầu có cái nhìn sâu sắc vào những điều này và vào bản thân tôi. Thiếu vắng lòng yêu thương, cuộc sống sẽ trở thành máy móc và thuần túy chỉ là thói quen tập quán. Công việc trong sở của tôi thật là máy móc và thực tế đời tôi cũng thế thôi. Tôi bị lôi vào trong một guồng máy to lớn của sự lặp lại và sự nhàm chán. Tôi đã ngủ quên và bây giờ phải tỉnh dậy”.

Khi nhận thức sâu xa rằng mình ngủ quên thì đó đã là sự tỉnh thức, không cần có ý muốn tỉnh thức nữa. Hãy đi xa hơn một chút nữa. Phải chăng không có cái đẹp nếu thiếu sự khắc khổ?

“Tôi không hiểu ông nói gì”.

Sự khắc khổ không nằm trong hành động ngoại cảnh: ở trần đóng khố hay mặc áo nhà sư, ăn mỗi ngày một bữa, sống ẩn dật viễn ly². Những sự giản đơn đầy kỷ luật đó, dù

¹ vulnerability

² Các phép tu khổ hạnh thông thường tại Ấn Độ. Krishnamurti hay công kích những hình thức tu hành của Ấn Độ giáo, vì thế trong đời, ông cũng bị nhiều người rất ghét (ND).

cho hà khắc tới mấy, nó cũng chưa phải là sự khắc khổ; đó chỉ là hình thức biểu hiện ra bên ngoài nhưng bên trong lại thiếu vắng một sự vững chãi. Sự khắc khổ chính là sự đơn giản của một tình trạng cô tịch nội tâm, là sự đơn giản của một cái tâm đã được gột sạch khỏi tranh chấp mâu thuẫn, khi tâm không còn bị vướng trong ngọn lửa của thèm muốn, kể cả thèm muốn cái cao cả nhất. Vắng bóng sự khắc khổ này, thì không thể có lòng yêu thương và vẻ đẹp chính là do lòng yêu thương mà thành.

“ÔNG THAM GIA HỘI BẢO VỆ THÚ VẬT KHÔNG?”

Mặt trời sáng rực trong bầu trời và một ngọn gió nhẹ từ biển thổi về. Trời ban mai còn rất sớm, chỉ có ít người ngoài đường và xe cộ lưu thông chưa nhiều. May thay hôm nay trời sẽ không quá nóng, nhưng khắp nơi đầy bụi, thứ bụi rất mịn và đeo bám, vì cả mùa hè này không mưa. Trong công viên nhỏ và được chăm sóc cẩn thận này, bụi nằm dày trên cây; thế nhưng dưới bóng mát, dọc theo những cây con là một dòng nước mát mẻ, được dẫn về từ một chiếc hồ trên núi xa. Ngồi trên ghế bên cạnh dòng nước này thật là vui thích và thanh bình - một nơi đầy bóng mát. Trong ngày, công viên sẽ đầy trẻ con với các bà giữ trẻ; có nhiều người đi làm trong công sở cũng sẽ ra đây. Tiếng nước chảy giữa các bụi cây như một lời chào mời dễ chịu; chim chóc đập cánh bên cạnh dòng nước, tắm nước và vui thích kêu chim chirp. Những con công to lớn ra vào giữa các bụi cây, bệ vệ oai nghiêm. Trong những vũng sâu đầy nước trong trẻo là những con cá vàng khá lớn. Mỗi ngày trẻ con đến ngắm và cho chúng ăn, chúng cũng hân hoan như những con ngỗng trắng bơi lượn trên một hồ nước không sâu lắm.

Rồi công viên nhỏ bé, chúng tôi đi xe dọc theo một con

đường ồn ào và bụi bặm đến một ngọn đồi đá và leo lên một con đường có bậc dẫn đến ngõ vào khu vực thiêng liêng của một đền thờ cổ. Ở phía tây, khách có thể nhìn thấy một khoảng rộng của cái hồ xanh, hồ nổi tiếng với những trận thủy chiến lịch sử; và phía đông là những ngọn đồi thấp, cần cỗi trong bầu trời mùa thu, nhưng chứa đầy những nỗi nhớ yên tĩnh và hạnh phúc. Phía bắc là những ngọn núi dựng đứng, nhìn xuống đồi và thung lũng nóng nực. Ngôi đền nằm trên núi đá nay đã trở thành phế tích, nó vốn bị sự tàn bạo của con người phá hủy. Những chiếc cột đá cẩm thạch đồ nát - bị nước mưa bao thế kỷ bào mòn nay dường như trong vắt – đáng nhẹ, hao gầy nhưng trang nghiêm. Ngôi đền vẫn là một công trình toàn hảo, khi ta đến gần và yên lặng ngắm nhìn. Một cánh hoa nhỏ sắc vàng, rực sáng trong ánh nắng mai, mọc từ kẽ nứt dưới chân một cột đá lộng lẫy. Ngôi trong bóng mát của một trong những cây cột này, ngắm nhìn những ngọn đồi tĩnh lặng và vùng hồ nằm xa, ta chứng nghiệm được nhiều điều nằm ngoài toan tính của tâm.

Một buổi sáng nọ, leo lên đồi đá, chúng tôi thấy một nhóm nhiều người quanh ngôi đền. Những dàn máy quay phim khổng lồ, các tấm chắn, các phụ tùng linh kiện, tất cả đều mang thương hiệu của một hãng phim tiếng tăm, và những chiếc ghế làm bằng vải bạt xanh với tên họ in sẵn lên trên. Dây điện nằm ngổn ngang trên mặt đất, giám đốc lẫn nhân viên kêu nhau ới ới, và các diễn viên chính đang trang điểm, rồi rít với các người phụ trách trang phục. Hai người đàn ông, mặc áo choàng của tu sĩ kinh viện, đang đợi đến lượt

mình được gọi, và các bà ăn mặc tươi tắn cười nói rúc rích. Họ đang chụp một tấm hình.

Chúng tôi ngồi trong một căn phòng nhỏ. Xuyên qua cửa sổ mở, thảm cỏ xanh và bóng mượt trong nắng mai hắt một ánh sáng xanh dịu trên chiếc trần trắng của phòng. Mang nữ trang đắt giá, đôi giày cao gót loại tốt, và với một chiếc áo *sari* hần rất đắt tiền, bà cho hay mình đứng đầu trong một tổ chức bảo vệ thú vật. Con người đối xử tàn tệ với thú vật, đánh đập chúng, cắt đuôi chúng, đâm chích chúng bằng gậy gộc nhọn sắc, gây ra những điều kinh khủng không thể nói hết. Thế nên phải có luật pháp bảo vệ và cuối cùng, dư luận xã hội, vốn có nhiều ý kiến khác nhau về việc này, cần phải được tuyên truyền vận động, vận vận...

“Tôi đến đây để xin ông giúp cho công việc quan trọng này. Nhiều nhân sĩ tiếng tăm khác cũng đã lên tiếng sẵn sàng ủng hộ, và thật là phải lý nếu ông cũng tham gia với chúng tôi”.

Bà nghĩ rằng tôi nên tham gia hội của bà?

“Nếu ông tham gia thì thật là một sự hỗ trợ lớn, ông thấy sao?”

Bà nghĩ là các định chế chống lại sự tàn bạo của con người sẽ mang lại lòng yêu thương chăng? Bằng pháp luật, bà nghĩ sẽ mang lại tình huynh đệ của con người?

“Nếu ta không làm những gì mình cho là tốt, thì điều gì sẽ xảy ra? Cái tốt không thể xảy ra bằng cách ta rút lui khỏi xã hội; ngược lại, chúng ta phải hợp tác, từ người lớn nhất đến người bé nhất thì mới được”.

Chắc rồi, chúng ta phải hợp tác với nhau, điều đó quá hiển nhiên; nhưng hợp tác không có nghĩa là đi theo một kế hoạch của Nhà nước, theo lãnh tụ của một đảng phái hay phe nhóm, hay của bất cứ một thẩm quyền nào khác. Hợp tác với nhau vì sự sợ hãi hay vì mong được tuyên dương không phải là hợp tác. Sự hợp tác đến một cách tự nhiên và dễ dàng khi chúng ta yêu thương những gì mình đang làm; khi đó hợp tác là một điều vui sướng. Nhưng phải chăng muốn yêu thương thì trước hết hãy dẹp bỏ tham vọng, sự tham lam ganh tị?

“Muốn dẹp bỏ tham vọng cá nhân ta cần hằng thế kỷ và trong thời gian đó thì thú vật đang chịu thống khổ”.

Không có cái “trong thời gian đó”, chỉ có cái bây giờ. Bà muốn người ta yêu thú vật và yêu đồng loại là con người, đúng không? Bà muốn người ta chấm dứt sự tàn bạo, không phải trong tương lai mà ngay bây giờ. Nếu bà tính chuyện tương lai thì lòng thương yêu không hiện diện. Xin hỏi, cái bắt đầu đích thực của mọi hành động là gì, là lòng yêu thương hay là khả năng tổ chức?

“Tại sao ông lại tách là hai cái này?”

Thật có sự tách là trong câu hỏi vừa nêu không? Nếu hành động xuất phát từ chỗ thấy cần phải làm một việc nhất định và với khả năng tổ chức, thì hành động đó dẫn đến một hướng hoàn toàn khác nếu so với hành động do lòng thương yêu tạo nên và cũng với khả năng tổ chức. Khi hành động xuất phát từ sự thất vọng, hay từ lòng ham muốn quyền lực, thì dù hành động có xuất sắc đến mấy, hệ quả của nó

cũng sẽ chỉ là sự rối loạn và sẽ tạo nên đau khổ. Hành động vì thương yêu thì không phiến diện, không mâu thuẫn hay chia cắt; nó có một hệ quả toàn phần, trọn vẹn.

“Tại sao ông lại nêu đề tài này lên? Tôi đến để hỏi xem liệu ông có vui lòng giúp cho công việc của chúng tôi, còn ông thì lại tra vấn về nguồn gốc của hành động? Vì sao?”.

Xin hỏi, nguồn gốc mối quan tâm của bà là gì khi thành lập một tổ chức bảo vệ thú vật? Tại sao bà lại tích cực như vậy?

“Tôi nghĩ, vấn đề thật rõ. Tôi thấy thú vật bị ngược đãi khủng khiếp, và tôi muốn giúp, bằng luật lệ hay các phương tiện khác, để chấm dứt sự tàn bạo này. Tôi không biết mình còn động lực nào khác ngoài điều này. Có thể có”.

Tìm ra nó không phải là quan trọng sao? Khi đó thì bà có thể giúp cho thú và người trong một ý nghĩa to lớn hơn, sâu sắc hơn. Phải chăng bà thành lập tổ chức để trở thành một nhân sĩ, để thực hiện một tham vọng, hay để trốn chạy khỏi một sự thất vọng?

“Phải nhận là ông rất nghiêm túc, ông muốn bàn đến tận gốc rễ của vấn đề, phải thế không? Tôi là người rất thẳng thắn. Trong một chừng mực nào đó thì tôi rất có tham vọng. Tôi muốn người ta biết mình là một nhà cải cách; tôi muốn thành công, không muốn thất bại nào nề. Mỗi người đều phấn đấu trên chiếc thang thành đạt và tiếng tăm. Tôi nghĩ điều đó là bình thường, rất con người. Tại sao ông lại chống nó?”.

Tôi không chống nó. Tôi chỉ muốn chỉ ra rằng, nếu động lực của bà không thật sự là bảo vệ thú vật, thì bà sử dụng

nó như một phương tiện cho sự tăng thượng của bà, điều mà ông lái xe bò cũng đang làm. Ông ta làm điều này một cách thô thiển, tàn bạo; trong lúc bà và những người khác làm một cách tinh tế, khôn ngoan hơn. Tất cả là thế. Bà đâu có chấm dứt sự tàn bạo, khi mà sự dụng công của bà trong việc chấm dứt tàn bạo vẫn còn mang lợi cho bà. Nếu qua việc bảo vệ thú vật mà bà không thỏa mãn tham vọng của mình hoặc không trốn chạy ra khỏi thất vọng hay đau khổ của mình, thì chắc bà đã kiếm phương tiện khác để được bù đắp. Những điều này cho thấy bà hoàn toàn không quan tâm đến thú vật, xem chúng chỉ là phương tiện vì thành đạt cá nhân.

“Thế nhưng mọi người ai cũng làm thế cả, cách này hay cách khác. Tại sao tôi không nên?”.

Đúng thôi, đại đa số mọi người làm vậy. Từ nhà chính trị cao cấp nhất đến ông xã trưởng, từ ngài giám mục đến ông tu sĩ làng, từ nhà cải cách xã hội vĩ đại nhất đến nhân viên thừa hành, mỗi người đều lấy danh nghĩa của xứ sở, của nghèo nàn, của Thượng đế, dùng làm phương tiện lấp đầy cho ý niệm, hy vọng, ảo vọng của mình. Ông ta là trung tâm, ông muốn có quyền lực và vinh quang, thế nhưng luôn luôn ông làm trong danh nghĩa của quần chúng, danh nghĩa của sự thiêng liêng, danh nghĩa của kẻ cùng khổ. Vì lý do này mà trên thế giới luôn luôn có một tình trạng hỗn loạn đáng sợ và đầy đau khổ. Những người này không phải là kẻ mang lại hòa bình cho thế giới, chặn đứng sự bóc lột, ngăn cản sự tàn bạo. Ngược lại, họ chịu trách nhiệm về những thất vọng và khốn cùng to lớn hơn.

“Tôi thấy sự thật của điều này, tất cả những gì ông nói là đúng; nhưng cũng phải nói là thật thích thú khi có quyền lực trong tay, và tôi cũng như người khác, không chống nổi sự cám dỗ”.

Chúng ta không để người khác nằm ngoài cuộc thảo luận của mình được hay sao? Nếu bà cứ so sánh mình với người khác, thì ta chỉ biện hộ hay lên án những gì mình làm và khi đó thì bà không suy tư gì cả. Bà đang bênh vực mình bằng cách lấy một vị trí và như thế thì chúng ta sẽ không đi đến đâu.

Bây giờ, đã ý thức được phần nào về những gì mà cả sáng nay ta đã nói, bà không nghĩ là có một cách giải quyết khác về tất cả sự tàn bạo này, về tham vọng con người, vân vân?

“Thưa ông, qua cha tôi, tôi đã nghe rất nhiều về ông; và tôi đến một phần vì tò mò, phần khác vì nghĩ ông có thể gia nhập với chúng tôi nếu tôi đủ sức thuyết phục. Nhưng tôi nhầm.

Xin hỏi ông: làm sao tôi có thể quên được chính mình, đối với bên ngoài cũng như nội tâm, và thật sự biết yêu thương? Dù sao đi nữa, là người Bà-la-môn, tôi có một cuộc sống tôn giáo từ trong huyết quản; thế nhưng tôi đã rời bỏ quá xa nhận thức tôn giáo đến nỗi tôi không nghĩ có lúc nào mình trở về được với nó. Tôi cần phải làm gì? Lẽ ra tôi không nên nêu câu hỏi này một cách nghiêm túc như thế và tiếp tục cuộc sống giả tạo của mình, nhưng liệu ông có thể nói điều gì đó để nó nằm trong tôi như một hạt giống và sẽ nảy mầm?”.

Đời sống tôn giáo không phải là điều để ta vực dậy; bà không thể làm sống lại thứ đã qua và đi mất. Hãy để cho quá khứ cứ bị chôn vùi, đừng tái tạo nó. Bà hãy ý thức là mình đang quan tâm đến chính mình và hoạt động của mình phục vụ cho tự ngã. Đừng giả vờ, đừng lừa dối chính mình. Hãy biết cái thực tế là mình có tham vọng, mình đang tìm kiếm quyền lực, địa vị, tiếng tăm, rằng mình phải trở thành người quan trọng. Đừng bào chữa với mình lẫn với người khác. Hãy đơn giản và trực tiếp chấp nhận chính mình. Và lòng yêu thương có thể đến bất ngờ, lúc bà không tầm cầu nó. Chỉ lòng yêu thương mới rửa sạch được những đeo đuổi xấu quyết từ những góc cạnh thầm kín của tâm. Lòng thương yêu là lối ra duy nhất khỏi sự thất vọng và đau khổ của con người, chứ không phải là những tổ chức, định chế mà con người sắp đặt.

“Thế nhưng làm sao một cá thể, dù cho nó đang có lòng thương yêu, kham nổi những công việc nếu không có tổ chức và hành động của tập thể? Muốn chấm dứt sự tàn bạo, ta cần sự hợp tác của số đông người. Làm sao thực hiện được điều này?”.

Nếu bà thực sự cảm thấy lòng yêu thương là nguồn gốc đích thực của hành động, bà hãy nói điều này với người khác và bà sẽ tập hợp được một ít người có cùng chung cảm nhận. Cái ít sẽ lớn lên thành cái nhiều, nhưng điều đó đừng nên là nỗi bận tâm của bà. Bà chỉ nên quan tâm đến lòng yêu thương và hành động trọn vẹn của nó. Chỉ hành động trọn vẹn này của mỗi cá thể mới làm cho một thế giới hoàn toàn mới có thể xuất hiện.

BỊ QUI ĐỊNH¹ VÀ THÔI THỨC MUỐN ĐƯỢC GIẢI THOÁT

Thật là một cuộc đi dạo vui thích. Con đường từ nhà đi xuyên qua ruộng nho và nho cũng vừa bắt đầu chín; những chùm nho sum sê mọng nước sẽ cho nhiều rượu vang đỏ. Ruộng nho được chăm sóc cẩn thận, không có cỏ dại. Sau đó là một mảnh ruộng thuốc lá dài và rộng được trông nom tuyệt vời. Sau cơn mưa, mảnh ruộng bắt đầu trở hoa màu đỏ hồng, thanh nhã gọn gàng; mùi thuốc lá tươi thoang thoảng vốn khác hẳn với vị đậm đặc của thuốc đã hong, nhưng bây giờ trở nên hăng hơn dưới mặt trời nóng bức. Lúc này, những cành dài mang hoa thuốc lá phải bị cắt bỏ để cho lá thuốc màu xanh bạc, bây giờ đã khá lớn còn phải lớn

1. conditioning. Đây là từ mà Krishnamurti sử dụng thường xuyên. Theo tác giả, con người "bị qui định" vì nó sinh ra và trưởng thành trong một truyền thống, cấu trúc và điều kiện xã hội nhất định với những giá trị, mực thước, thẩm quyền có sẵn. Trong một nghĩa sâu hơn, hẳn con người còn mang nặng kinh nghiệm, kỷ ức, quá khứ là đã bị qui định. Sâu hơn nữa, có con người tự ngà là đã bị qui định. Thế nên thực tế là tất cả mọi người đều bị qui định. Theo Krishnamurti, một tâm thức không bị qui định là dạng tâm thức hỗn nhiên, tươi mới, phản ứng tỉnh giác và tức thì. Một tâm thức như thế chính là dạng của thiền mà Thiền tông hay nói đến (ND).

hơn nữa, sum sê hơn nữa trong mùa thu hoạch. Sau đó lá thuốc sẽ được xếp lại, phân loại, buộc chặt, và treo thành chuỗi trong khu nhà dài nằm sau tòa nhà chính, chúng được hong khô mà chẳng cần mặt trời xuyên đến, chỉ cần gió nhẹ ban chiều là đủ. Cánh đàn ông cùng đám bò làm lụng trong mảnh ruộng thuốc lá này, họ xới những luống cày giữa các hàng cây thuốc thẳng và dài để rẫy cỏ. Đất được cày bừa và bón phân cẩn thận, thế nên cỏ dại tuy cũng mọc um tùm như thuốc lá, nhưng sau những tuần lao động, không còn một sợi cỏ dại nào cả.

Con đường đi dạo dẫn qua vườn cây trái như đào, lê, hồng, mận, quýt và các loại khác, khắp nơi trái chín trĩu thân cành. Vào chiều tối, trong không khí thoảng một mùi hương thơm ngọt và ban ngày thì toàn tiếng vo ve của ong. Qua khỏi vườn cây, con đường dẫn xuống một đoạn dốc đưa vào một khu rừng dày kín. Ở đây, ngay dưới chân là một vùng đất mềm với lá úa của nhiều mùa hè đã qua. Dưới bóng cây, trời mát lạnh vì mặt trời không sao chiếu qua được các tầng lá rậm rạp, đất lúc nào cũng ẩm ướt và tỏa ra một vị ngọt, thoát ra mùi của đất mùn. Biết bao nhiêu là nấm, phần lớn đều là loại không ăn được. Đâu đó cũng có thứ ăn được nhưng bạn phải biết kiếm; thường thường chúng rút lui nằm ẩn dưới một ngọn lá cùng màu. Khách đi trong rừng sớm hái chúng đem ra chợ bán hay mang về nhà.

Hầu như không có chim chóc trong khu rừng này, nó vươn dài hàng dặm bên những ngọn đồi thoai thoải. Rừng hết sức yên lặng, ngay cả tiếng gió xào xạc chen lá cũng không. Thế

nhưng luôn luôn có một loại vận động trong thứ rừng này, thứ vận động này là một phần của sự yên tĩnh mênh mông; nó không hề gây nhiễu và dường như nó gia nhập vào sự an tĩnh của tâm. Cây cối, côn trùng, loài dương xỉ tán rộng không hề tách biệt, những cái được thấy từ bên ngoài; chúng là một phần của sự tĩnh lặng này, nội tại và ngoại cảnh. Kể cả tiếng ồn của một chiếc xe lửa xa xa cũng hàm chứa trong niềm tĩnh lặng này. Hoàn toàn vắng bóng sự đối kháng; và tiếng sủa của một con chó như cầu khẩn thiết tha, dường như chỉ tăng thêm cho sự tĩnh lặng.

Sau cánh rừng là dòng sông uốn lượn dễ thương. Sông không quá rộng, không hùng vĩ nhưng đủ rộng để sinh ra một không gian mà tinh mắt mới thấy được bóng người bên kia sông. Dọc hai bên bờ đều là cây, phần lớn là bạch dương, thân cao và oai vệ, đẩy những lá rung rinh trong gió. Nước sông sâu và lạnh, lúc nào cũng miệt mài chảy. Thật tuyệt vời khi nhìn ngắm sông, sống động và sung mãn làm sao. Một người câu cá ngồi một mình trên chiếc ghế thấp, với chiếc túi dã ngoại bên cạnh, trên đùi là tờ báo. Dòng sông mang lại niềm vui thích và thanh bình, dù cá xem ra biết tránh không cắn câu. Dòng sông bao giờ cũng sẵn đợi, dù nếu nơi đây có chiến tranh và người chết; sông luôn sẵn dạ nuôi đất và người. Thật xa là những ngọn núi phủ tuyết và vào một buổi tối trời trong, khi mặt trời chiều đã hạ, những đỉnh núi kiêu kỳ nhìn xa như những đám mây đầy nắng.

Chúng tôi ba bốn người ở trong phòng, ngoài cửa sổ là một thảm cỏ rộng, lấp lánh. Bầu trời tái xanh cuộn cuộn nhiều đám mây nặng nề.

“Liệu có bao giờ tâm có thể tự giải phóng mình ra khỏi những điều kiện mà trong đó nó đã bị qui định”, người đàn ông hỏi, “và nếu thế thì tình trạng của tâm không bị qui định là tình trạng gì? Tôi đã nghe những cuộc nói chuyện của ông trong vài năm qua và cũng suy tư nhiều về nó; thế nhưng tâm tôi dường như không bứt ra được khỏi truyền thống và ý niệm đã ghi sâu từ thời thơ ấu. Tôi biết mình đã bị qui định như mỗi người khác. Từ thời trẻ con chúng tôi đã được dạy phải khép mình – khi thì bị dạy dỗ bằng roi vọt, khi bằng tình cảm và khuyên bảo nhẹ nhàng – cho đến khi sự khép mình trở thành bản năng và tâm đâm ra sợ cái bất an nếu không được khép mình”.

“Tôi có cô bạn lớn lên trong môi trường Kitô giáo”, anh nói tiếp, “và dĩ nhiên cô nghe nói đến tội lỗi, hỏa ngục, hạnh phúc của thiên đường, và các thứ khác. Sau khi trưởng thành và suy tư rất lâu, cô từ bỏ hệ thống tư tưởng của Kitô giáo. Thế nhưng bây giờ ở tuổi trung niên, cô lại thấy mình tin nơi ý niệm về địa ngục, và lấy cái sợ về nó. Còn tôi thì mặc dù gốc gác hoàn toàn khác, nhưng tôi cũng như cô, có cái sợ là không được khép mình với cái chung. Tôi thấy tính chất vô nghĩa của sự khép mình, nhưng không thể xả bỏ được và dù có thể bỏ được thì có lẽ tôi lại làm điều đó với một kiểu khác – chẳng qua chỉ là khép mình vào một khuôn mẫu khác”.

“Đó cũng là vấn đề của tôi”, một trong các bà nói, “tôi rất rõ mình bị buộc chặt vào truyền thống trong nhiều cách khác nhau; nhưng phải chăng tôi không thể bứt ra khỏi sự câu thúc hiện nay mà không bị sa vào một cái khác? Có nhiều

người cứ trôi dạt từ một nhóm tôn giáo này qua một nhóm khác, luôn luôn tìm cầu nhưng không bao giờ thỏa mãn; và khi đã thỏa mãn đi nữa họ cũng thấy buồn tẻ đáng sợ. Điều có thể xảy ra cho tôi nếu tôi tìm cách bứt ra khỏi sự qui định hiện nay là: nếu không biết rõ, chắc tôi sẽ bị lôi kéo đến một khuôn mẫu sống khác”.

“Thực tế là”, người đàn ông nói tiếp, “phần lớn chúng tôi không ai nghĩ cho sâu xa về tâm của mình, xem nó bị hình thành thế nào bởi xã hội và nền văn hóa trong đó chúng ta đang sống. Chúng ta không ý thức về sự bị qui định của chính mình và cứ thực hiện, phấn đấu, hoàn thành hay chán nản trong chính khuôn mẫu của xã hội đang có. Đó là số phận của phần lớn chúng ta, kể cả của các nhà lãnh đạo chính trị và tinh thần. Có lẽ không may cho tôi là đã tìm nghe nhiều buổi nói chuyện của ông và nỗi đau của sự vấn hồi bắt đầu. Trước đây một thời gian tôi không nghĩ sâu về chuyện này lắm, thế nhưng đột nhiên tôi tự thấy mình nghiêm khắc hơn. Tôi tự kiểm nghiệm nhiều và nhận ra nhiều điều mà hồi trước tôi không để ý đến. Nếu mọi người không chê tôi lắm điều thì tôi xin nói thêm một chút về vấn đề của sự qui định”.

Nghe những người khác cho hay họ cũng quan tâm sâu sắc về vấn đề này, anh nói tiếp.

“Sau khi nghe và đọc những điều ông nói, tôi đã nhận ra mình bị qui định như thế nào; cũng như thấy là ta phải thoát khỏi những qui định đó – không phải chỉ những qui định của cái tâm nông cạn mà cả trong phần vô thức. Tôi nhận

thấy sự cần thiết tuyệt đối phải làm thế. Vấn đề hiện nay là: tôi đã bị qui định từ hồi còn nhỏ đồng thời tôi lại có một ước ao to lớn mình được thoát khỏi sự qui định đó. Thế nên tâm tôi bị vướng vào sự tranh chấp, một bên là ý thức về sự bị qui định, bên kia là cái thôi thúc phải thoát. Đó là vấn đề hiện nay. Tôi nên giải quyết như thế nào?”.

Phải chăng sự thôi thúc được giải thoát tâm ra khỏi qui định cũng do một khuôn mẫu khác của sự đề kháng và qui định sinh ra? Khi đã ý thức về cấu trúc hay khuôn khổ mà trong đó ông đã trưởng thành thì bây giờ ông muốn thoát khỏi nó; thế nhưng phải chăng chính sự mong ước tâm được giải thoát, chính nó lại qui định tâm theo một cách khác? Khuôn mẫu cũ đòi ông phải khép mình vào một thẩm quyền, và bây giờ ông lại tạo ra một khuôn mẫu mới đòi ông *không* được khép mình; thế nên ông có hai khuôn mẫu, chúng mâu thuẫn lẫn nhau. Bao lâu trong ta còn tranh chấp nội tâm, bấy lâu ta còn bị qui định.

“Tôi biết khuôn mẫu cũ là rất vô lý và xơ cứng, phải thoát ra khỏi thôi, nếu không tâm tôi sẽ đi vào con đường ngu xuẩn đó”.

Hãy kiên nhẫn và xét kỹ hơn. Khuôn mẫu cũ buộc ông phải khép mình và vì nhiều lý do khác nhau – sợ bị bất an, vẩn vẩn – ông phải khép mình. Bây giờ vì những lý do khác nữa, thế nhưng cũng chẳng qua vì sợ hãi và cầu an, ông thấy ta không được khép mình. Không phải vậy sao?

“Đúng thế thôi, không nhiều thì ít. Nhưng cái cũ là ngu xuẩn, tôi phải thoát khỏi sự ngu xuẩn”.

Thưa ông, tôi xin nói rõ là ông không chịu lắng nghe. Ông cứ đòi cho rằng cái cũ là xấu và muốn cái mới. Vấn đề hoàn toàn không phải là có hay không có cái mới.

“Nhưng đó là vấn đề của tôi, thưa ông”.

Thật không? Ông nghĩ thế nhưng hãy xem. Đừng cứ để cho tư tưởng lôi kéo mà ông hãy lắng nghe.

“Tôi xin nghe”.

Vì nhiều lý do khác nhau mà con người chịu khép mình một cách không tự giác: vì ràng buộc, sợ hãi, muốn được ngợi khen, vãn vãn. Đó là một mặt. Thế rồi có người thấy ta phải thoát khỏi sự qui định và do đó mà sinh ra đòi hỏi đừng rập khuôn. Ông hiểu tôi chứ?

“Vâng, điều đó rõ”.

Thế thì có khác nhau căn bản giữa ý muốn rập khuôn và khao khát giải thoát khỏi sự rập khuôn không?

“Xem ra là có, nhưng tôi không biết rõ. Còn ông thấy sao?”.

Thật là không nên nếu tôi nói ông nghe và ông chấp nhận. Phải chăng ông nên tự mình thấy liệu có một sự khác biệt căn bản giữa hai điều xem ra đối ngược này?

“Làm sao tôi tìm ra nó được?”.

Bằng cách đứng lên án cái này và theo đuổi cái kia. Tình trạng của tâm ra sao khi nó khao khát sự tự do không bị khép mình, từ chối sự rập khuôn? Đừng trả lời cho tôi mà hãy cảm nhận nó, hãy tự mình chứng nghiệm trạng thái này của tâm. Ngôn từ là cần thiết để thông tin trao đổi, nhưng ngôn từ không phải là sự chứng nghiệm đích thực. Nếu ông

không thực sự chứng nghiệm và hiểu ngộ trạng thái này của tâm, thì nỗ lực giải thoát của ông chỉ dẫn đến sự hình thành của khuôn mẫu kia. Phải thế không?

“Tôi chưa hiểu hoàn toàn”.

Đúng thôi, không dứt khoát chấm dứt một cách toàn triệt cơ chế đã sinh ra mẫu mực, khuôn đúc, dù nó hay tốt hay xấu, thì chỉ là sự nối tiếp trong một khuôn mẫu được điều chỉnh, trong một qui định mới.

“Tôi hiểu về mặt ngôn từ nhưng không thực sự cảm nó”.

Đối với người đang đói, sự miêu tả thức ăn là vô dụng, người đó muốn được ăn.

Có cái thôi thúc phải rập khuôn và cũng có cái thôi thúc được tự do. Dù hai cái xem ra không giống nhau, nhưng phải chăng chúng thực ra giống nhau một cách cơ bản hay không? Nếu chúng cơ bản là giống nhau thì sự theo đuổi cái tự do của bạn là vô ích, vì bạn chỉ đi từ cái khuôn mẫu này qua khuôn mẫu khác, một cách vô tận. Không có qui định nào là lịch sự hơn hay tốt đẹp hơn, mọi khuôn mẫu đều là khổ não. Lòng khao khát được vẫn là hay không còn là¹, lòng khao khát đó là nhân tố áp ủ mọi qui định và điều cần hiểu ngộ chính là lòng khao khát này.

1 The desire to be or not to be. Ở đây ta nhớ đến ý nghĩa của “hữu ái” và “vô hữu ái” của đạo Phật (ND).

CÁI TRỐNG RỖNG¹ NỘI TÂM

Cô đội trên đầu một chiếc giỏ to, một tay giữ cho khỏi rơi; cái giỏ hẳn phải nặng lắm nhưng trọng lượng của nó không hề làm lệch bước cô đi. Cô giữ thăng bằng một cách tuyệt vời, cô bước đi nhẹ nhàng và có nhịp. Tay cô mang vòng phát nhẹ tiếng kêu leng keng, chân mang giày xăng-đan đã cũ. Chiếc váy *sari* của cô đã rách và bẩn vì đã mặc quá nhiều. Thường thì cô có nhiều bạn cùng đi, ai nấy đều đội giỏ cả, nhưng hôm nay cô chỉ một mình trên con đường gập ghềnh. Mặt trời chưa đến nổi quá nóng và trên bầu trời xanh nhiều con chim kên kên lượn những vòng rộng, cánh không hề vỗ. Dòng sông chảy yên lặng dọc bên đường. Thật là một buổi sáng rất bình an, và cô gái cô đơn với chiếc giỏ trên đầu dường như là tâm điểm của cái đẹp và ân sủng; tất cả mọi sự dường như hướng về cô và nhận cô làm một phần của sự tồn tại của chính mình. Cô không phải là một đơn vị tách rời, mà là một phần của bạn và tôi, và của cây me kia. Cô không đi trước mặt tôi mà lại là tôi đang đi với chiếc giỏ trên đầu. Đây không phải là ảo giác, là cái tự nghĩ, cái mong ước và sự tự đồng hóa được bày vẽ ra - nếu có thì thật là xấu

¹ Void. Từ này được dịch là "sự trống rỗng" hay "Tính Không" tùy theo nội dung câu chuyện (ND).

hết chỗ nói - mà là một chứng nghiệm tự nhiên và tức thì. Vài bước chân cách ly giữa chúng tôi đã biến mất; thời gian, ký ức và khoảng cách không gian, những điều do tư tưởng sinh ra, đã hoàn toàn biến mất. Chỉ còn một cô gái này chứ không có tôi đang nhìn cô. Và cũng còn một đoạn dài nữa mới đến phố chợ, chỗ mà cô sẽ bán những đồ đựng trong giỏ. Buổi tối cô sẽ về lại dọc theo con đường này, qua cầu tre nhỏ về tới làng, và sáng mai mới ra lại với chiếc giỏ đầy.

Anh rất đứng đắn, độ tuổi trung niên nhưng anh có một nụ cười vui thích và cũng còn rất khỏe mạnh. Ngồi xếp bằng trên sân, anh nói tiếng Anh một cách ngập ngừng. Anh hơi bẽn lẽn vì đã học đại học và đậu bằng thạc sĩ nhưng đã nhiều năm nay anh không nói tiếng Anh và do đó quên đi cũng nhiều. Anh đọc một số kinh sách bằng tiếng Sanskrit, những từ Sanskrit hay được thốt ra trên môi anh. Anh cho biết tới đây để đặt vài câu hỏi về sự trống rỗng nội tâm, sự trống không của tâm. Rồi anh bắt đầu ca bằng tiếng Sanskrit và căn phòng tức khắc tràn ngập bởi một sự cộng hưởng sâu lắng, thanh tịnh và thấm đượm. Anh tiếp tục hát một hồi và thật là hân hoan khi được nghe anh hát. Khuôn mặt anh ngời sáng lên với ý nghĩa của mỗi từ trong câu hát, anh dò tìm nội dung những từ đó với một tình thương yêu. Anh không có chút giả tạo nào, anh quá đứng đắn đến nỗi không biết làm bộ tịch.

“Tôi rất vui mừng được ca những bài *sloka*¹ này trước mặt

¹ Thơ hay kệ bằng tiếng Sanskrit, thường gồm hai câu, mỗi câu 16 âm (ND).

ông. Đối với tôi những bài ca này có ý nghĩa sâu xa và chứa đầy vẻ đẹp; tôi đã thiền định từ nhiều năm nay và những bài ca này là suối nguồn của sự hướng dẫn và sức mạnh. Tôi đã tập mình đừng dễ bị xúc động, thế nhưng những bài ca sloka này làm tôi dâng trào nước mắt. Âm hưởng của từ ngữ, với nội dung phong phú của nó tràn đầy tim tôi để tôi thấy cuộc đời không còn vất vả và thống khổ nữa. Cũng như mọi người khác, tôi đã biết khổ; biết đến sinh tử và niềm đau của cuộc sống. Vợ tôi đã chết và sau đó tôi từ bỏ cuộc sống êm ấm của gia đình, và bây giờ tôi hiểu ý nghĩa của thái độ tình nguyện chấp nhận nghèo khổ. Tôi kể để cho ông hiểu thôi. Tôi không bị thất vọng, không cô đơn, hay tương tự như thế. Tâm tôi thấy vui thích trong nhiều thứ, nhưng cha tôi thường kể về các cuộc nói chuyện của ông, và một người quen khuyên tôi nên tìm gặp ông, và vì thế mà tôi đến đây”.

“Tôi muốn nghe ông nói về sự trống rỗng vô lượng”, anh nói tiếp, “tôi có cảm nhận về sự trống rỗng đó, và tôi cảm giác đã chạm đến biên giới của nó trong những lần đi hành cước và thiền định”. Sau đó anh trích đoạn một bài ca sloka để giải thích chứng nghiệm của mình.

Cần phải nói rằng, thẩm quyền của một ai khác, dù to lớn tới mấy, cũng không chứng minh kinh nghiệm của anh là đúng hay sai. Chân lý không cần phải được chứng minh bằng hành động, nó cũng không lệ thuộc vào bất cứ thẩm quyền nào; thế nên hãy dẹp qua một bên tất cả thẩm quyền và truyền thống và hãy tự mình tìm ra chân lý cho chính mình.

“Điều đó thật là khó cho tôi vì tôi bị ngăm trong truyền

thống – không phải truyền thống của thế gian mà trong giáo pháp của Gita, của *Upanishad*¹, vân vân... Có đúng là tôi nên bỏ đi cả hay sao? Tôi sẽ là người vô ơn bạc nghĩa không?”.

Trong việc này không hề có vấn đề biết ơn hay vô ơn; chúng ta đang nói về việc khám phá cái đúng hay cái sai của sự trống rỗng mà anh nói đến. Nếu anh đi theo đường của thẩm quyền và truyền thống, những thứ đó là tri thức, thì anh chỉ chứng nghiệm những gì anh muốn chứng nghiệm, được thẩm quyền và truyền thống hỗ trợ. Nó không phải là một sự phát hiện mới mẻ; thứ đó đã được biết tới, như một vật cần được anh nhận biết và chứng nghiệm. Thẩm quyền và truyền thống có thể sai lầm, chúng có thể chỉ là những ảo giác đầy tiện nghi. Muốn khám phá sự trống rỗng nọ là đích thực hay hư vọng, hay liệu nó chỉ là một sự bày vẽ của tâm, tâm phải thoát khỏi mạng lưới của thẩm quyền và truyền thống.

“Liệu có lúc nào tâm thoát được khỏi mạng lưới đó chăng?”.

Tâm không thể tự giải phóng mình, vì mỗi cố gắng tự giải phóng của nó chỉ dệt nên một mạng lưới khác mà trong đó nó lại bị ràng buộc. Sự tự tại không phải là cái đối nghịch của bất cứ cái gì, tự do không phải là tự do thoát khỏi một cái gì đó, đó không phải là tình trạng được cởi trói. Chính bản thân niềm mong ước được tự tại nuôi dưỡng cái tù ngục. Tự tại là dạng của sự tồn tại mà dạng đó không phải được

1 Gita, viết tắt của Bhagavad-Gita (Chỉ tôn ca) và Upanishad (Những bài thuyết giảng) là kinh sách then chốt của Ấn Độ giáo (ND).

sinh ra từ ước mong được tự tại. Khi tâm thấu hiểu được điều này và thấy cái hư vọng trong thẩm quyền lẫn truyền thống, thì cái hư vọng sẽ tự tan rã.

“Có thể tôi bị xui khiến khi đọc sách, hay khi suy tư về những điều trong sách; ngoài ra thì từ hồi còn nhỏ, tôi đã cảm nhận mơ hồ, như mơ, về một cái trống rỗng. Trong tôi luôn luôn có một sự gợi biết về nó, một cảm nhận bằng khuâng; và khi lớn lên, khi đọc các sách tôn giáo tôi còn thấy cảm giác này còn mạnh hơn, sinh động hơn, chắc chắn hơn. Tôi cũng bắt đầu thấy những gì ông nói. Hầu như tôi hoàn toàn bị lệ thuộc vào sự miêu tả về những chứng nghiệm của người khác, như được ghi lại trong kinh sách. Tôi có thể từ bỏ sự lệ thuộc này vì thấy cần thiết phải làm, nhưng liệu tôi có sống lại được cái cảm nhận độc đáo, thanh tịnh nằm ngoài mọi ngôn từ được không?”.

Cái được làm sống lại không phải là cái sinh động, cái mới; đó chỉ là ký ức, một thứ đã chết, và anh không thể thổi sự sống vào trong cái đã chết. Sống lại và sống trong ký ức chỉ là sự nô lệ của sự tự kích thích, và một cái tâm mà lệ thuộc vào sự kích thích, dù ý thức hay không ý thức, thì chắc chắn sẽ cùn nhụt và trở thành vô cảm. Làm sống lại chỉ là kéo dài thêm sự thất vọng. Quay về quá khứ đã chết trong cơn khủng hoảng đang xảy ra là đi tìm một khuôn mẫu để sống, điều này chính là sự hủy hoại. Điều mà anh cảm nhận là tuổi thanh niên, hay chỉ mới ngày hôm qua thôi, điều đó đã qua, đã mất; nếu anh bám giữ vào quá khứ thì anh chỉ ngăn chặn sự chứng nghiệm tươi tắn của cái mới mẻ.

“Như ông thấy, tôi thật sự nghiêm túc và đối với tôi có cái thôi thúc phải hiểu ngộ và hòa nhập được vào Tính Không¹ đó. Tôi cần làm gì?”.

Người ta phải xả bỏ tâm thức của những cái đã biết; tất cả tri thức mà ta đã tích lũy được phải dứt bật thì mới mong nhận được ảnh hưởng của tâm đang sống động. Tri thức luôn luôn nói về quá khứ, nó là một quá trình của quá khứ và tâm phải thoát khỏi quá trình đó. Nhận thức là một giai đoạn của quá trình tri thức, đúng thế không?

“Thế là sao?”

Muốn nhận thức một vật, anh phải biết đến nó rồi hay phải kinh nghiệm về nó trước đó và những kinh nghiệm này được tích lũy thành tri thức, thành ký ức. Nhận thức xuất phát từ quá khứ. Có lẽ anh đã một lần chứng nghiệm cái trống không này; và khi đã có, anh khao khát có nữa. Cái chứng nghiệm độc đáo đó đã đến khi anh không truy tìm nó; bây giờ thì anh đang tìm và cái mà anh đang tìm không phải là Tính Không mà là sự tái diễn của một ký ức cũ. Nếu nó phải xảy ra lại lần nữa thì tất cả ký ức về nó, tất cả tri thức về nó, phải biến mất đã. Tất cả mọi sự tầm cầu phải ngưng bật, vì sự tìm kiếm luôn luôn dựa vào mong ước được chứng nghiệm.

“Thật sự ông muốn nói là tôi không được phép tìm kiếm? Nghe thật là điều khó tin!”.

1. Kể từ đây từ “Void” được dịch là Tính Không vì đã đi vào nội dung đích thực của triết học Tính Không.

Động cơ của sự tìm kiếm thường đáng biết hơn bản thân sự tìm kiếm. Động cơ thâm nhập, dẫn dắt và hình thành sự tìm kiếm. Động cơ của lòng sở cầu của anh là được chứng nghiệm cái chưa biết, được nhận thức ân sủng và tính chất vô hạn lượng của nó. Tâm sở cầu này sinh ra người chứng nghiệm, kẻ mong ước sự chứng nghiệm¹. Người chứng nghiệm đi tìm sự chứng nghiệm to lớn hơn, bao trùm hơn và quan trọng hơn. Khi tất cả mọi kinh nghiệm khác đã hết hấp dẫn, người chứng nghiệm nóng lòng tìm Tính Không; vì thế mà có người chứng nghiệm một bên và bên kia là vật được chứng nghiệm. Thế nên mỗi tranh chấp nhị nguyên đã hình thành giữa hai cái, người theo đuổi và vật bị theo đuổi.

“Tôi hiểu rất rõ điều này, vì nó chính là tình trạng hiện nay của tôi. Giờ thì tôi thấy mình đang bị ràng buộc trong một mạng lưới do mình tự tạo”.

Đó cũng là tình trạng của mọi kẻ tầm cầu khác thôi, không phải của riêng những ai đi tìm Thượng đế, Tính Không, vân vân... Mỗi ai có tham vọng và khao khát, kẻ đi tìm quyền lực, địa vị, tiếng tăm, mỗi ai yêu lý tưởng, mỗi ai sùng bái sự đạt đạo, mỗi ai xây dựng một vương quốc ảo tưởng – tất cả họ đều bị ràng buộc vào trong cùng một mạng lưới. Thế thì khi anh đã hiểu thấu toàn bộ ý nghĩa của sự tầm cầu, anh còn tiếp tục tìm kiếm Tính Không nữa không?

1. “Tâm sở cầu sinh ra người chứng nghiệm” chứ không phải “người chứng nghiệm có tâm sở cầu”. Xin đọc giả chú ý, đây là chỗ cần hiểu rõ: “tâm sở cầu” tạo nên trong dòng tâm thức một chủ thể mà ta mệnh danh là “người chứng nghiệm”. Không có tâm sở cầu thì cũng không có người chứng nghiệm (ND).

“Tôi hiểu nội dung sâu kín của câu hỏi của ông và tôi cũng đã chấm dứt sự tìm kiếm”.

Nếu quả thật như thế thì tình trạng của tâm phi sở cầu như thế nào?

“Tôi không biết, câu chuyện đối với tôi mới mẻ đến nỗi tôi phải cố tập trung hết sức mình và quan sát. Cho tôi vài phút trước khi tiếp tục”.

Sau khi nghỉ một lát, anh tiếp.

“Tôi nhận ra thật hết sức vi tế, thật khó khăn nếu không cho người chứng nghiệm, người quan sát hiện diện. Hầu như không thể cấm tư tưởng tạo tác ra người tư tưởng; thế nhưng hề có người tư tưởng, có người chứng nghiệm thì rõ phải có một sự chia cắt với cái được chứng nghiệm và như thế là có tranh chấp với nó. Và bây giờ ông lại hỏi, thế thì trạng thái của tâm vắng bóng tranh chấp nhị nguyên thì như thế nào?”.

Tranh chấp nhị nguyên hiện diện khi sự thèm muốn lấy dạng của người chứng nghiệm và theo đuổi cái phải được chứng nghiệm; vì cái phải được chứng nghiệm đó chẳng qua cũng do sự thèm muốn hình thành nên.

“Xin hãy kiên nhẫn với tôi, hãy từ từ để tôi hiểu những gì ông đang nói. Sự thèm muốn không những chỉ tạo nên người chứng nghiệm, người quan sát, mà còn sinh ra những cái phải được chứng nghiệm, vật bị quan sát. Thế nên ái dục là nguyên nhân của sự tách rời giữa người chứng nghiệm và cái được chứng nghiệm; và đó là sự phân biệt ngầm chứa tranh chấp nhị nguyên. Bây giờ ông hỏi trạng thái của tâm phi nhị nguyên, không bị ái dục lôi kéo thì sao? Nhưng làm

sao trả lời câu hỏi này nếu bây giờ không có người quan sát cái chứng nghiệm vắng bóng ái dục này?”.

Khi anh ý thức về sự khiêm tốn của mình, không phải sự khiêm tốn chấm dứt ư? Có còn đạo đức nữa chẳng khi anh cố tình thực hành đạo đức? Kiểu làm như thế chỉ tăng cường cho hoạt động vì tự ngã của mình, nó là kẻ chấm dứt đạo đức. Lúc mà anh ý thức mình đang hạnh phúc, lúc đó anh chấm dứt sự hạnh phúc. Tình trạng của tâm thể nào khi nó không bị ràng buộc bởi ái dục? Ý muốn tìm ra nó cũng là một phần của ái dục, nó sinh ra người chứng nghiệm và vật bị chứng nghiệm, không phải sao?

“Đúng vậy. Câu hỏi của ông là một cái bẫy cho tôi nhưng tôi cảm ơn ông đã nêu lên. Tôi thấy thêm tính chất vi tế của ái dục”.

Đó không phải là cái bẫy mà là câu hỏi tự nhiên và không thể tránh khỏi mà anh đã tự hỏi mình trong lúc nói chuyện. Nếu tâm không hết sức cảnh giác, tỉnh táo, thì nó sớm bị ràng buộc trong mạng lưới của ái dục của chính nó.

“Câu hỏi cuối cùng: tâm có khả năng thật sự thoát khỏi mọi ái dục tìm kiếm chứng nghiệm không, điều sẽ xóa bỏ ranh giới giữa người chứng nghiệm và vật được chứng nghiệm?¹”.

Anh hãy tự mình tìm ra. Nếu tâm hoàn toàn tự tại thoát khỏi mọi cấu trúc của ái dục thì tâm đâu có khác gì Tính Không?

1. Khi ranh giới giữa người chứng nghiệm và vật được chứng nghiệm được xóa bỏ thì sẽ có tình trạng phi thường mà tác giả nói về cô bé đội giỏ trong phần đầu của bài này (ND).

VẤN ĐỀ CỦA SỰ TÌM KIẾM

Một buổi sáng tinh sương của một ngày ngập nắng, trong trẻo, sáng sủa và mặt hồ không biết nghỉ bây giờ cũng lặng yên, nước hồ nhẹ nhàng liếm bờ hồ trắng. Hầu như không có một chuyển động nào của mặt nước lớn rộng, thứ nước mang một màu xanh thẫm, dường như có ai thêm chất màu nhân tạo vào đó. Có một cái gì lấp lánh trong hồ và một niềm hân hoan, nó xanh hơn bầu trời xanh, già giận dậm đà niềm vui. Tuần trước nước hồ còn dữ tợn và đe dọa, với một sức chảy có thể kéo người ta xa ra; mà bây giờ thì không gì ngoài sự yên tĩnh, chỉ còn rì rào chuyển động. Gió đã tự biến mất sau nhiều ngày thổi mạnh và nay một ngọn thoảng nhẹ cũng không. Luồng khói của một chiếc tàu chạy xa trên hồ hầu như vươn thẳng lên bầu trời không một đám mây. Cảnh vật yên tĩnh tới mức người ta có thể nghe tiếng của một chiếc xe lửa, ít nhất cũng còn xa vài dặm, đang đi đến gần sát bờ đá thấp nhìn xuống hồ. Tiếng ồn uể oải bây giờ đã lớn lên thành tiếng rống và chẳng bao lâu, đất rung lên khi chiếc xe lửa chở hàng chạy ngang, nó kéo theo cả hàng trăm toa sắt bằng một đầu diesel mạnh mẽ phía trước. Người lái xe vẫy tay, miệng mỉm cười. Chẳng mấy chốc chiếc xe lửa đã ra khỏi tầm mắt và hồ xanh lại rơi vào yên tĩnh. Về phía bắc cách vài dặm, ta có thể thấy từng hàng dừa được

vun bồi chu đáo, với thảm cỏ xanh, đó là nơi mà thị trấn ghé chân xuống cạnh hồ; nhưng tại chỗ này thì rất an bình. Hàng trăm chim mòng biển đang dừng chân trên bãi. Một con chim rõ đã bị gãy cánh, nó đứng riêng một mình với chiếc cánh rũ; gần đó là một con khác nằm chết, cát đã phủ gần hết thân. Một con chó lớn đi đến, một con vật dễ thương dưới ánh mặt trời và cả đàn chim liên tục bay ra hồ, lượn nửa vòng lớn, rồi lại đậu trên bãi, cách xa con chó. Con mòng biển kêu thảng thốt kéo lê chiếc cánh gãy đi về phía hồ; con chó thấy chim nhưng không thèm chú ý, bỏ đi bắt những con còng vừa bò ra từ lớp cát ướt.

Anh làm việc trong công sở, là một người trang trọng, hết sức nghiêm túc, với cặp mắt sáng, đứng đắn, miệng tươi cười. Giá sinh hoạt lên, anh nói, đời sống ngày càng đắt đỏ tới mức tiền lương không kham nổi. Mặc dù còn rất trẻ, chỉ mới ba mươi, anh đã lo âu về tương lai, vì anh có trách nhiệm – không con nhưng anh có vợ và mẹ già phải lo lắng.

“Mục đích cuộc đời là gì, của cuộc sống đều đặn, lặp đi lặp lại này?”, anh đột nhiên hỏi. “Xưa nay tôi luôn luôn muốn tìm một cái mới, một cái khác: tôi đã đi làm lúc còn đi học, kiếm niềm vui với vợ tôi, muốn mang lại một thế giới mới bằng cách gia nhập đảng phái chính trị – mà không lâu sau đó tôi lại rút ra vì thấy nó cũng như một tôn giáo có tổ chức, có định chế như mọi thứ khác; và bây giờ thì tôi tìm kiếm Thượng đế. Thật ra tôi không phải là người bi quan nhưng trong cuộc sống điều gì cũng làm tôi buồn chán. Chúng ta tìm kiếm, cứ tìm kiếm luôn nhưng dường như không

tìm ra gì cả. Tôi đọc những sách mà người có trình độ ai cũng đọc thế nhưng những thú vui hàn lâm sớm trở nên tẻ nhạt. Tôi phải tìm cho ra, đời tôi cũng không còn dài. Tôi muốn nói chuyện thật nghiêm túc với ông vì tôi cho rằng ông có thể giúp tôi trong sự tầm cầu”.

Chúng ta có thể đi vào vấn đề được gọi là tầm cầu này một cách chậm rãi và kiên nhẫn được chăng? Có những kẻ tự nhận họ đã tìm và đã tìm thấy, hài lòng với những gì họ tìm được, họ đã có cái phần thưởng cho họ. Anh nói anh đang tìm kiếm. Anh có biết tại sao mình tìm kiếm không và muốn tìm kiếm những gì?

“Như mọi người khác, tôi tìm kiếm nhiều thứ, phần lớn những thứ đó cũng đã qua đi; nhưng như một căn bệnh không có thuốc chữa, sự tầm cầu vẫn cứ tiếp diễn”.

Trước khi đi vào toàn bộ vấn đề chúng ta tìm gì, hãy tìm hiểu thử từ “tìm kiếm” là gì. Tình trạng của tâm thế nào khi nó tìm kiếm?

“Đó là một tình trạng nỗ lực của tâm để thoát ra một hoàn cảnh đau khổ hay mâu thuẫn và tìm một hoàn cảnh khác dễ chịu thoải mái hơn”.

Phải chăng một tâm như thế là tâm tìm kiếm? Tâm kiếm cái gì thì nó sẽ tìm ra cái đó nhưng những gì nó tìm ra chính là sự biến hiện¹ của chính tâm. Phải chăng đó là sự tầm

1. projection. Khái niệm thế giới là “sự biến hiện” của tâm được nói đến rất nhiều trong Ấn Độ giáo, Phật giáo, nhất là Duy thức tông trong Phật giáo. Theo tác giả, tầm cầu đích thực là “sự tầm cầu mà không có người tầm cầu”. Đề tài này sẽ còn được tác giả nói đến rất nhiều trong tập sách này (ND).

cầu đích thực, khi sự tầm cầu phải nhắm đến một mục đích? Phải chăng mọi sự tìm kiếm phải có một mục đích nhất định hay có sự tìm kiếm vô sở cầu? Tâm có thể tồn tại không nếu không có sự vận động của sự tìm kiếm? Phải chăng cái mà ta cho là tìm kiếm chỉ là những phương tiện khác để tâm trốn chạy khỏi chính nó? Nếu đúng như thế thì cái gì là động cơ làm tâm trốn chạy? Nếu không thấu hiểu hết nội dung của tâm tìm kiếm, thì sự tầm cầu không có ý nghĩa gì cả.

“Thưa ông, tôi ngại những điều này quá phức tạp đối với tôi. Ông có thể đơn giản hóa được không?”.

Hãy bắt đầu với những gì ta biết. Tại sao anh đi tìm và anh tìm gì?

“Người ta tìm nhiều thứ trên đời: hạnh phúc, an toàn, sung túc, sự vĩnh cửu, Thượng đế, một xã hội không tranh chấp mâu thuẫn, vân vân”...

Tình trạng mà anh đang sống và cái cuối cùng mà anh tìm kiếm, không phải cả hai đều là sự sáng tạo của tâm¹ hay sao?

“Thôi, thưa ông, đừng làm vấn đề thêm khó. Tôi biết là mình đang khổ và cần phải tìm một con đường thoát, tôi muốn đạt tới một tình trạng vắng bóng sự khổ”.

Thế nhưng cái mà anh tìm kiếm vẫn cứ là sự biến hiện của một cái tâm không muốn bị khổ sở; đúng không? Và có

1. creation of the mind. Đây là ý niệm mà Krishnamurti nhắc đi nhắc lại. Tất cả mọi sự ta hay nói đến, kể cả những điều tưởng như siêu thế gian như Thượng đế, Niết-bàn, giác ngộ... đều chỉ là sự sáng tạo của tâm. Từ này cũng có thể được dịch là “do tâm bày vẽ ra” (ND).

lẽ không có cái đó đâu, cái đó có lẽ chỉ là huyền thoại.

“Nếu đó là huyền thoại, thì phải có cái gì là thật chứ và tôi phải tìm cho ra nó”.

Chúng ta đang cố hiểu ngộ nội dung đích thực của sự tầm cầu, vấn đề chưa phải là đi tìm cái “thực có”. Chúng ta sẽ đến với chuyện đó thôi. Nhưng bây giờ thì ta quan tâm đến ý nghĩa của sự tầm cầu, ta hãy hiểu hết nội dung của từ ngữ này.

Khi thiếu hạnh phúc thì anh tìm hạnh phúc, đúng không? Người thì thấy mình có hạnh phúc nếu có quyền lực, địa vị, danh tiếng, kẻ khác thì thích sức khỏe hay tri thức, kẻ khác nữa thì cần Thượng đế hay một Nhà nước lý tưởng, một ý hướng toàn hảo, vân vân... Một người mê thích chuyện thế gian, người đó theo đuổi để được thỏa mãn, trong đó có sự tàn nhẫn, thất vọng, lo âu, tất cả có thể được bọc dưới những danh từ hoa mỹ. Thì cũng thế, anh cũng chỉ muốn được thỏa mãn lòng mong ước của mình, dù đó là cái nghe ra cao cả nhất. Khi anh đã biết mục đích của sự tầm cầu là gì, thì xin hỏi, như thế là sự tầm cầu chăng?

“Đúng là tầm cầu chứ. Thượng đế hay ân sủng, làm sao mà ai biết được trước đó, đó là những điều phải được tìm ra”.

Làm sao anh tìm thấy được điều mà anh không hề biết? Anh biết hay đúng hơn là tưởng mình biết, Thượng đế là gì. Những gì anh biết là tùy thuộc vào sự qui định hay vào kinh nghiệm của anh, mà bản thân kinh nghiệm cũng dựa vào sự qui định mà có; thế nên dựa vào đó mà anh định nghĩa

Thượng đế, xong rồi anh lại tìm cách “khám phá” cái mà tâm anh đã chiếu hiện ra. Rõ ràng đây không phải là tầm cầu, là tìm kiếm, mà anh chỉ theo đuổi cái anh đã biết. Sự tầm cầu đích thực sẽ chấm dứt ngay khi anh biết; vì biết là một quá trình của thừa nhận, mà thừa nhận là một hành động của quá khứ, của cái được biết rồi.

“Nhưng tôi tìm kiếm Thượng đế, dù Ngài có mang tên này hay tên khác”.

Anh tìm Thượng đế cũng như người khác tìm vui thú bằng cách uống rượu, bằng cách có thêm quyền lực, vân vân... Tất cả đều là những lý do không hề xa lạ, tất cả đều được dựng nên. Mục đích, lòng sở cầu sinh ra cái mà con người hướng đến. Phải chăng ta có thể gọi là tìm kiếm nếu nó xuất phát từ một lòng sở cầu?

“Tôi nghĩ là bắt đầu hiểu những gì ông nói. Xin nói tiếp”.

Nếu anh thật sự nghiêm túc, thì khi anh thấy điều đó trong cái gọi là “tầm cầu”, ở đó chẳng có gì là tìm kiếm cả, anh sẽ từ bỏ nó ngay. Thế nhưng nguyên nhân của lòng cầu mong vẫn còn đó. Có thể anh sẽ dẹp bỏ mẫu hình A, sự tầm cầu một cái gì do tâm chiếu hiện; nhưng anh lại quay qua mẫu hình B, là ý niệm trong đó anh không được phép theo A; và nếu không phải là B thì là C, N hay Z. Thâm tâm anh chưa hiểu hết vấn đề của sự tìm kiếm, nên lòng anh cứ chạy từ khuôn mẫu này qua khuôn mẫu khác, từ ý niệm này qua ý niệm khác, từ ông thầy guru này qua ông thầy guru khác. Tất cả đều chỉ là sự vận hành trong mạng lưới của cái đã biết.

Bây giờ, liệu tâm cứ giữ vô sở cầu được chăng? Còn tâm hay không, còn người sở cầu hay không nếu không có sự vận hành của lòng sở cầu? Tâm lượn từ vận động này qua vận động kia, mãi mãi thăm dò, mãi mãi tìm kiếm, mãi mãi vướng trong mạng lưới của kinh nghiệm đã qua. Sự vận hành này luôn luôn hướng tới cái “thêm”: nhiều kích thích hơn, nhiều kinh nghiệm, tri thức rộng hơn và sâu hơn. Người đi săn luôn luôn chiếu hiện ra thành vật bị săn. Tâm còn tìm kiếm nữa không, một khi nó đã hiểu ý nghĩa của toàn bộ sự tầm cầu? Và khi tâm không tìm kiếm, thì có còn người chứng nghiệm một biến cố nào nữa không?

“Theo ông, người chứng nghiệm là thế nào?”.

Bao lâu còn kể tầm cầu và vật được tầm cầu, bấy lâu còn người chứng nghiệm, kể nhận biết, và đó là trung tâm của mọi hành động vì tự ngã. Từ trung tâm này mà sinh ra mọi hoạt động, dù chúng tinh tế hay thô thiển như: mong được giàu có và quyền hành, sự rập khuôn phải thỏa mãn với cái *đang là*, lòng thôi thúc tìm đến Thượng đế, lòng mong muốn cải cách, vân vân...

“Tôi thấy được sự thật mà ông nói đến. Tôi đã tiếp cận mọi sự không đúng cách”.

Thế thì phải chăng bây giờ anh đang tiếp cận “đúng cách”? Hay là anh đã hiểu rằng mọi tiếp cận, đúng cách hay không đúng cách, đều là hoạt động vì tự ngã cả, tất cả các cách đó đều chỉ tăng cường, một cách tinh vi hay lộ liễu, cho người chứng nghiệm.

“Tâm thật lâu linh biết bao, vận động của nó thật lạ lùng và vi tế biết bao để tự giữ vững bản thân nó. Tôi đã thấy vấn đề rất rõ”.

Khi tâm đã ngưng bất sự tìm kiếm vì nó đã hiểu hết nội dung của lòng tầm cầu, thì không phải là những tường vách do tâm xây dựng quanh mình bị đổ vỡ hay sao? Và không phải khi đó tâm sẽ vô hạn lượng, sẽ là cái chưa biết hay sao?⁶

1. Tác giả nói “sẽ là cái chưa biết” chứ không nói “sẽ chứng nghiệm cái chưa biết” vì nếu nói “chứng nghiệm” là còn hàm chứa một “người chứng nghiệm”. Lúc “là cái chưa biết” thì tâm chính là sự giác ngộ chứ không có người nào giác ngộ cả (ND).

CUỘC CÁCH MẠNG NỘI TÂM¹

Trước khi con tàu khởi hành thì đây thật là một cảnh tượng hồi hải ngược xuôi. Đoàn tàu dài được chất đầy toa, tràn ngập cả người và khói thuốc; mỗi khuôn mặt hành khách giấu kín sau một tờ báo; thế nhưng thật may là cũng còn một vài chỗ trống. Con tàu điện không bao lâu đã ra khỏi ngoại ô, nó tăng tốc chạy xuyên qua những vùng làng mạc, qua mặt cả ô tô và xe buýt trên đường quốc lộ chạy song song với đường ray. Đây là một vùng quê tuyệt đẹp, xanh tươi, những ngọn đồi thoải thoải với vài thị trấn cũ xưa còn ghi nhiều dấu ấn lịch sử. Hôm nay là một ngày đầu xuân, ánh mặt trời sáng nhẹ, các loại cây ăn quả vừa mới hé những nụ hoa sắc hồng và trắng. Cả miền quê xanh mướt, tươi trẻ; những chiếc lá non láng bóng rung rinh trong nắng. Thật là một ngày của thiên đường nhưng đoàn tàu thì đầy cả những con người mệt lử và không khí thì ngập ngụa khói thuốc. Một cô gái nhỏ ngồi với mẹ bên kia lối đi và người mẹ đang giải thích cho con không được nhìn ngó người lạ, thế nhưng cô bé không

1. Trong chương này, tác giả nêu lên quan niệm của mình về ý nghĩa của hoạt động chính trị tại xã hội Ấn Độ, một xã hội hết sức phức tạp với nhiều đảng phái chính trị, nhiều tôn giáo, nhiều phân chia giai cấp, nhiều thành phần xã hội (ND).

để ý gì lắm và vì vậy chúng tôi nhìn nhau mỉm cười. Kể từ đó cô xem ra thấy tự nhiên hơn, hay ngược nhìn xem thử có ai ngó mình không và mỉm cười khi ánh mắt chúng tôi chạm nhau. Bây giờ thì cô đang buồn ngủ, nằm co trên ghế và bà mẹ đắp cho cô một chiếc áo.

Thật là vui thích được chạy dọc theo con đường xuyên qua những cánh đồng, nằm trong vô số vẻ đẹp và sự trong lành. Trên con đường lát đá, mọi người vẫy tay chào khi tàu chúng tôi âm âm chạy qua. Những con bò trắng chậm chạp kéo xe chất đầy phân bón, vài ông lái xe hẳn đang hát vì miệng họ mở to; nhìn trên mặt ai cũng đoán được họ đang vui thích trong bầu không khí mát dịu buổi sáng. Những cánh đàn ông, đàn bà trên cánh đồng đang cuốc đất, trồng cây, gieo hạt.

Tôi bước dọc lối đi, giữa hai hàng ghế, lên đến đầu tàu. Tôi đi ngang toa hàng ăn, qua khỏi nhà bếp, mở cánh cửa và đi vào trong toa chứa hành lý. Không ai ngăn tôi lại cả. Nhiều va-li được xếp ngăn nắp trên giá đựng hành lý, nhãn hành lý tung bay trong hơi gió lùa. Tôi đi ngang qua một khung cửa khác và ở đó có hai tay lái tàu. Bao quanh tôi toàn là những chiếc cửa sổ to rộng, chúng cho ta một cái nhìn không chút chướng ngại về cảnh vật đồng quê thật dễ thương. Một trong hai người đang điều khiển bộ phận điện, trước mặt anh là nhiều thứ đồng hồ. Người kia ngồi nhìn và nhàn rỗi hút thuốc, anh nhường chỗ ngồi cho tôi, lấy một chiếc ghế đầu ngồi sau lưng. Anh nhất định đòi tôi phải ngồi và bắt đầu nêu vô số câu hỏi. Giữa các câu hỏi, anh lại dừng để chỉ các lâu đài trên đỉnh đồi, một vài tòa trong đó đã

đổ nát, một vài tòa khác còn được giữ gìn cẩn thận. Anh giải thích ý nghĩa của những thứ đèn xanh đèn đỏ nọ và mỗi lần cứ đến ga là vén đồng hồ lên xem đúng giờ hay không. Chúng tôi chạy với vận tốc chừng từ 100 đến 110 km/giờ, vòng quanh các đường cong, leo lên những độ dốc thấp, qua những chiếc cầu cũng như chạy những đoạn dài và thẳng; nhưng không bao giờ quá 110 km/giờ. “Nếu trạm vừa rồi mà ông ra khỏi tàu, lấy một chiếc khác”, anh nói, “ông sẽ đến một thị trấn mang tên một vị thánh nổi tiếng”. Đẩy cần máy hết mức, chúng tôi chạy ào ào qua những trạm với những địa danh của những ngày tháng xa xưa. Thế rồi chúng tôi chạy dọc theo một bờ hồ xanh biếc mù sương, chỉ vừa nhìn được thị trấn bên kia bờ. Thời xưa có một trận chiến nổi tiếng đã xảy ra nơi đây mà kết quả của nó đã định đoạt số mệnh của những người sống tại vùng này. Chúng tôi sớm đi qua hồ, leo lên khỏi lưng, bỏ quanh những ngọn đồi, bỏ lại đằng sau những cây ô-liu và cây bách, đến một vùng quê lờm chờm hơn nhiều. Người ngồi sau tôi gọi tên một con sông nhiều bùn khi chúng tôi đi qua, xem ra sông hơi nhỏ và quá hiền lành so với tên tuổi tiếng tăm của nó. Người kia, tay rời cần lái chỉ một hai lần trong suốt hai tiếng rưỡi đồng hồ lái con tàu, thay mặt cho cả hai xin lỗi không nói được tiếng Anh. “Nhưng không sao”, anh nói, “vì ông hiểu được thứ tiếng tuyệt vời của chúng tôi”.

Chúng tôi đến ngoại ô của thành phố lớn và bầu trời xanh đã sẫm lại vì khói mù của đô thị.

Chúng tôi vài người ngồi trong một căn phòng nhỏ nhìn ra vùng hồ tuyệt đẹp và không khí thật yên tĩnh mặc dù lũ

chim ríu rít vui đùa. Trong nhóm có một người đàn ông cao lớn, trắng kiện và cương nghị, với đôi mắt tinh mà dịu, với một lối nói chậm rãi và cân nhắc. Vì anh đang ham được nói, mọi người khác đều im nghe, thế nhưng họ cũng tham gia câu chuyện khi thấy cần thiết.

“Từ nhiều năm nay tôi tham gia chính trị và làm những gì mà tôi thật tâm nghĩ là tốt cho đất nước. Điều đó cũng không có nghĩa là tôi không tìm kiếm quyền hành và địa vị. Tôi có tìm kiếm nó thật, tôi đấu tranh chống lại kẻ khác cũng vì nó, và chắc ông cũng biết, tôi đã đạt được nó. Cách đây nhiều năm, tôi nghe đến ông lần đầu, và mặc dù nhiều điều ông nói là đúng nhưng tất cả quan niệm sống của ông chỉ làm tôi quan tâm một cách tạm thời, chưa bao giờ nó bắt rễ trong tôi. Thế nhưng, trong những năm qua, với tất cả những cuộc đấu tranh và đau xót, có một cái gì đã chín dần trong tôi; và trong thời gian gần đây lúc nào tiện thì tôi cũng tham dự các cuộc nói chuyện và thảo luận của ông. Tôi thật sự nhìn ra được những gì ông nói, chúng là phương cách duy nhất để thoát ra khỏi những khó khăn lầm lạc của chúng ta. Tôi đi nhiều nơi như châu Âu, Mỹ và cả tại Nga, tôi cũng tìm kiếm những giải pháp. Tôi cũng tham gia đảng phái và thành tâm hợp tác với các nhà lãnh đạo. Thế nhưng bây giờ tôi rút lui khỏi mọi thứ. Tất cả đều lụn bại và vô hiệu, mặc dù trong lĩnh vực này hay lĩnh vực khác tôi cũng có một số tiến bộ. Sau khi đã suy nghĩ nhiều về điều này, tôi bắt đầu xem xét lại từ đầu, và bản thân tôi cũng sẵn sàng tiếp thu một cái gì mới mẻ và sáng tỏ”.

Muốn xem xét, ta không được bắt đầu với một kết luận, với một lời tuyên thệ trung thành hay với một thành kiến; ta không được có ham muốn sẽ thành công, không được đòi hỏi phải có hành động tức khắc sau đó. Nếu ta kẹt vào một trong những thứ đó, sự xem xét đích thực hoàn toàn không thể xảy ra. Để xem xét từ đầu toàn bộ vấn đề của cuộc sống, tâm phải cởi bỏ hết động cơ cá nhân, bỏ mọi tâm trạng bối rối, bỏ mọi sự tầm cầu quyền lực cho bản thân mình hay cho phe nhóm, vì thực ra cả hai chỉ là một. Phải thế không, thưa ông?

“Xin đừng nói “thưa ông”! Dĩ nhiên đó là phương cách duy nhất để xem xét và hiểu ngộ mọi thứ nhưng tôi không biết có đủ khả năng làm được thế không”.

“Khả năng” đến với sự chuyên chú trực tiếp và hồn nhiên. Muốn xem xét những vấn đề khác nhau của cuộc sống, chúng ta phải bắt đầu nhưng đừng dính mắc vào bất cứ thứ triết học nào, ý thức hệ nào, hệ thống tư duy nào hay mẫu hình hành động nào. Khả năng hiểu ngộ không phải là một vấn đề của thời gian mà nó là sự nhận thức tức khắc, phải thế không?

“Nếu tôi biết vật gì là độc hại thì tránh nó là điều rất dễ, tôi chỉ cần dừng đụng đến nó. Tương tự như thế, nếu biết mọi kết luận chỉ ngăn chặn tôi không cho xem xét được tất cả vấn đề của cuộc sống thì dĩ nhiên mọi kết luận, dù có tính cá nhân hay tập thể, đều tự rơi rụng. Tôi chẳng cần tranh đấu để thoát khỏi chúng. Không phải thế sao?”.

Đúng, thế nhưng một nhận thức rõ ràng về một sự kiện

không phải là bản thân sự kiện. Thật sự thoát khỏi mọi kết luận là một điều hoàn toàn khác¹. Một khi con người thấy mỗi thành kiến đều ngăn cản một sự xem xét toàn triệt, thì ta cố gắng nhìn vấn đề không thành kiến. Thế nhưng vì thói quen, tâm có khuynh hướng rơi lại vào óc tôn thờ thẩm quyền, vào truyền thống bất rề đã sâu, và ta cũng cần phải ý thức về các khuynh hướng này, đừng để chúng can thiệp vào sự xem xét của ta. Nên nhớ kỹ điều này rồi chúng ta tiếp tục câu chuyện. Bây giờ, điều gì là yêu cầu cơ bản nhất của con người?

“Thực phẩm, áo quần, nhà ở; thế nhưng phân phát một cách công bằng những thứ này cho tất cả mọi người thật là một điều khó vì tính chất của con người là tham lam và muốn độc chiếm”.

Hắn ông cho rằng con người được động viên và giáo dục bởi xã hội nên hôm nay mới có những tính chất đó? Bây giờ, hắn ông tin là một xã hội khác, bằng pháp luật hay các thứ cưỡng bách khác, sẽ buộc con người không tham lam và độc chiếm nữa; thế nhưng nó chỉ sinh ra một phản ứng ngược lại và như thế sẽ có mối mâu thuẫn giữa một bên là cá thể và bên kia là ý hướng do Nhà nước hay do một nhóm người

1. Nơi đây tác giả nói đến một vấn đề hết sức quan trọng, đó là sự khác biệt giữa cái biết của trí năng (intellectual) và cái biết đích thực, cái biết hồn nhiên. Nơi đây người ta dễ nghĩ đến các câu chuyện thiền, trong đó người hỏi hay bị dính mắc vào cái biết trí năng, còn thiền sư đứng trong vị trí của cái biết hồn nhiên. Thường thì các vị thiền sư im lặng hay trả lời một cách nghịch lý, còn Krishnamurti thì sẵn lòng dùng ngôn từ giảng giải, mặc dù ông biết người nghe không mấy ai lĩnh hội (ND).

có quyền lực đặt định ra. Muốn có một sự phân bố công bằng về thực phẩm, áo quần hay nhà ở, cần thiết phải có một hình thái tổ chức xã hội hoàn toàn khác, không phải sao? Thực tế là quốc gia với chính phủ riêng biệt của họ, các phe nhóm quyền lực và các cơ chế kinh tế chống đối lẫn nhau, cũng như hệ thống phân chia giai cấp và các định chế tôn giáo – mọi phía đều tự cho giải pháp của mình là đúng đắn duy nhất. Tất cả những thứ này cần phải chấm dứt, điều đó có nghĩa là toàn bộ quan niệm tập quyền, do thám quyền xây dựng nên, quan niệm sống đó cần phải chấm dứt.

“Tôi thấy đó mới thực là một cuộc cách mạng”.

Đó là một cuộc cách mạng triệt để về mặt tâm lý và cuộc cách mạng như thế thật là thiết yếu nếu ta muốn khắp nơi trên thế giới không ai phải thiếu thốn các điều kiện vật chất cơ bản. Trái đất là của chúng ta, không phải là của Anh, Nga hay Mỹ, không phải là của tín đồ Ấn Độ giáo, Phật giáo, Kitô giáo hay Islam giáo. Tất cả mọi thứ phân biệt này cần phải ra đi nếu chúng ta muốn có một cơ chế về kinh tế và xã hội hoàn toàn khác. Cơ chế này phải bắt đầu với ông và tôi.

“Liệu tôi có thể hoạt động chính trị để cho một cuộc cách mạng như thế xảy ra được không?”.

Xin hỏi, ý ông muốn gì khi nói hoạt động chính trị? Phải chăng hoạt động chính trị, cho dù dưới bất cứ hình thái gì, cũng đều là tách rời khỏi sự hoạt động toàn thể¹ của con người hay lại là một phần của nó?

1. Hoạt động toàn thể hay toàn diện: total action. Đây là một khái niệm được Krishnamurti nhiều lần nói đến. Theo tác giả, con người hay bị “phiến

“Khi nói hoạt động chính trị là tôi nói hoạt động trên bình diện của chính phủ: làm luật, kinh tế, quản lý, vân vân”...

Chắc rồi, nếu hoạt động chính trị cách ly khỏi hoạt động toàn thể của con người, nếu không quan tâm sâu sắc đến toàn bộ cuộc sống của con người, tình trạng tâm lý lẫn đời sống vật chất, thì chỉ tác hại, chỉ mang thêm rối loạn và đau khổ; và đó chính là điều hiện nay đang xảy ra trên toàn thế giới. Với tất cả các vấn đề của mình, con người không thể tác động với toàn thể nhân cách của mình hay sao, chứ đừng trong tính cách của một thể tính chính trị, cách ly khỏi tình trạng tâm lý và “tâm linh” của mình? Một cây bao gồm cả rễ, thân, cành, lá và hoa. Một hành động mà không có tính chất toàn diện, toàn thể, thì hành động đó chỉ dẫn đến đau khổ. Thế nên chỉ có hành động toàn diện của con người mới đúng đắn, chứ không phải hành động chính trị, hành động tôn giáo, hành động kiểu Ấn Độ... Hành động nào mang tính chia cắt, phiến diện, chỉ đưa đến sự tranh chấp trong nội tâm lẫn với bên ngoài.

“Điều đó cho thấy phải chăng hoạt động chính trị là không nên?”.

Hoàn toàn không phải thế. Tính chất toàn diện của hành động không ngăn cản những hoạt động chính trị, giáo dục

diện” vì cuộc sống luôn luôn có tính chất “chia cắt”. Vì thế hoạt động của con người đều có tính chất “phiến diện”, không phải là một “hoạt động toàn thể”. Khi con người trực nhận chính mình “là nhân loại”, là cái toàn thể thì lúc đó sẽ có hoạt động toàn thể. Đề tài này sẽ được trở lại trong nhiều bài khác, nhất là trong phần cuối (ND).

hay tôn giáo. Nhưng chúng không được là các hoạt động riêng lẻ, chúng phải đều là thành phần của một quá trình nhất quán được phát biểu khác nhau trong những hướng khác nhau. Điều quan trọng chính là quá trình nhất quán này chứ không phải là hoạt động chính trị riêng lẻ, cho dù hoạt động đó trước mắt có lợi đến mấy cũng thế thôi.

“Tôi nghĩ là mình đã hiểu những gì ông nói. Khi đã hiểu ngộ hết về con người, hay về chính tôi, thì khi cần, sự chú ý của tôi có thể quay đến mọi hướng, nhưng mọi hoạt động của tôi thì phải nằm trong mối liên hệ trực tiếp với cái toàn thể. Hành động mà mang tính chất cách ly, từng phần, chỉ sinh ra tình trạng rối loạn, điều này từ từ tôi đã hiểu. Nhìn thấy tất cả điều này, không phải với con mắt của nhà chính trị, mà là với tính cách của một con người, thì quan niệm sống của tôi đã thay đổi hoàn toàn. Tôi không còn là người của xứ sở nào, của phe nhóm nào, của tôn giáo riêng biệt nào. Tôi cần biết đến Thượng đế cũng như cần có thực phẩm, quần áo và nhà ở; thế nhưng nếu tôi tìm một cái riêng lẻ bất cần cái khác thì sự tìm kiếm chỉ dẫn đến những dạng khác nhau của thất bại và rối loạn. Vâng, tôi thấy như vậy. Các lĩnh vực chính trị, tôn giáo, giáo dục liên hệ chặt chẽ với nhau.

“Đúng thế, thưa ông, tôi không còn là một nhà chính trị hoạt động trong một khuynh hướng chính trị nhất định. Tôi là một con người, không là một người của đảng phái nào, chẳng phải tín đồ của Ấn Độ giáo hay Kitô giáo. Tôi muốn giáo dục con cái. Chúng ta có thể nói về vấn đề này chăng?”.

Một cuộc sống hội nhập và hành động chính là sự giáo dục. Sự hội nhập không xảy ra bằng cách tự ghép mình vào một khuôn mẫu, dù đó là khuôn mẫu của chính mình hay của người khác. Sự hội nhập xảy ra khi ta thấu hiểu nhiều loại ảnh hưởng tác động lên tâm; khi có ý thức về chúng mà không bị chúng trói buộc. Cha mẹ và xã hội thường tác động lên trẻ con bằng sự gợi ý, bằng những mong ước cũng như cưỡng bách tế nhị không nói hẳn ra lời, bằng cách lặp đi lặp lại các niềm tin và giáo điều. Giáo dục là giúp trẻ con ý thức về tất cả những ảnh hưởng này với tất cả tác động nội tại và tâm lý của chúng, giúp trẻ con hiểu ngộ mọi cách thức làm con người bị thẩm quyền chi phối, giúp trẻ con không bị ràng buộc trong mạng lưới của xã hội.

Giáo dục không chỉ là truyền đạt cho một thanh niên những cách kiếm được một nghề, mà giúp cho người đó tự phát hiện ra mình yêu mến những gì; lòng yêu thương này không thể có nếu người thanh niên chỉ đi tìm sự thành công, tiếng tăm hay quyền lực. Phải giúp cho trẻ con hiểu biết, đó mới là sự giáo dục.

Tự biết mình chính là giáo dục. Trong giáo dục không có thầy giáo lẫn điều được dạy dỗ, chỉ có sự học vấn; nhà giáo dục cũng như học trò, cả hai đều là sự học vấn. Sự tự do không có chỗ bắt đầu lẫn chấm dứt, vô thủy vô chung; hiểu như thế chính là giáo dục.

Mỗi một điều nói trên cần phải được ngẫm nghĩ sâu xa, chúng ta không có thì giờ để đi vào từng chi tiết.

“Tôi nghĩ là hiểu một cách tổng quát những gì ông quan

niệm về giáo dục. Nhưng đâu là các ông thầy dạy những phương cách mới mẻ này? Các nhà giáo dục đó đâu có?”.

Ông đã hoạt động chính trị từ bao nhiêu năm rồi?

“Quá lâu nên tôi không còn nhớ. Tôi e rằng chắc cũng trên hai mươi năm”.

Chắc chắn là nếu muốn đào tạo nhà giáo dục, ta phải làm việc cũng gian khổ như ông làm trong trường chính trị – nhưng cần sự nỗ lực to lớn hơn nhiều với một sự hiểu biết sâu sắc về mặt tâm lý. Đáng tiếc thay, xem ra không ai quan tâm đến sự giáo dục đúng đắn, đó là điều quan trọng hơn hẳn mọi yếu tố khác để mang lại một sự chuyển hóa cơ bản trong xã hội.

“Phần lớn chúng tôi, nhất là các nhà chính trị, chỉ quan tâm đến kết quả tức thời, thế nên chúng tôi chỉ suy nghĩ ngắn hạn, không có một tầm nhìn lâu dài. Bây giờ xin hỏi thêm, trong những gì mà chúng ta đã nói, đâu là điều liên quan đến sự thừa kế?”.

Ông muốn nói thừa kế gì, thừa kế tài sản vật dụng hay thừa kế tinh thần?

“Tôi muốn nói thừa kế tài sản. Thú thật với ông, về “thừa kế” thì xưa nay tôi chưa nghĩ đến loại thừa kế khác”.

Cả hai như nhau. Thừa kế tinh thần chẳng qua cũng là thứ bị qui định như thừa kế tài sản; cả hai đều hạn chế và giữ chặt tâm trong một khuôn mẫu riêng biệt của xã hội, chúng ngăn chặn một sự chuyển hóa toàn triệt của xã hội. Nếu ta mong muốn có một nền văn hóa hoàn toàn khác, một

nền văn hoá vắng bóng tham vọng và sự chiếm hữu, thì sự thừa kế tinh thần trở thành chương ngại.

“Theo ông, thừa kế tinh thần là gì, nói một cách chính xác?”.

Đó là sự khắc ghi của quá khứ lên tâm thức còn trẻ trung; là sự bị qui định ý thức hay vô ý thức phải phục tùng, phải rập khuôn. Các phe phái chính trị thời nay làm điều này rất hiệu quả, cũng như giới Kitô giáo từng làm từ nhiều thế hệ. Các hệ phái tôn giáo khác cũng đang làm điều này, nhưng không ráo riết hay hiệu quả được như thế. Cha mẹ và xã hội đang uốn nắn tâm thức của trẻ con bằng truyền thống, niềm tin, giáo điều, kết luận, ý kiến và sự thừa kế tinh thần này ngăn chặn sự hình thành một trật tự xã hội mới.

“Tôi hiểu; nhưng ngăn chặn lại dạng thừa kế này hầu như là điều bất khả, không phải sao?”.

Nếu ông thật lòng thấy cần phải ngăn chặn lại loại thừa kế này, thì không phải là ông cần chú trọng hết sức trong việc cho con ông một thứ giáo dục đúng đắn sao?

“Xin nhắc lại, phần lớn chúng tôi đều bị vướng mắc trong những ưu tư và lo âu riêng, nên nếu có muốn cũng không thể đi vào những vấn đề này một cách sâu sắc. Chúng tôi là một thế hệ toàn những người nói cho vui hay nói một đường làm một nẻo. Vấn đề thừa kế tài sản cũng là một chuyện khó khác nữa. Tất cả chúng tôi đều muốn sở hữu một cái gì, một miếng đất, nhỏ mấy cũng được hay làm chủ một con người khác; nếu không thì chúng tôi cũng muốn có

riêng ý thức hệ hay niềm tin. Chúng tôi thật không thể sửa đổi trong việc chạy theo sở hữu”.

Thế nhưng khi nhận ra sâu sắc rằng thừa kế của cải cũng tiêu cực như thừa kế tinh thần, thì ông sẽ tìm cách giúp con cái thoát khỏi cả hai dạng thừa kế. Ông sẽ dạy cho chúng biết thế nào là đủ, không hề phụ thuộc vào ơn nghĩa của chính ông lẫn của người khác, biết yêu thích công việc của mình, có niềm tin nơi khả năng của chính mình để làm những việc không mang tính chất tham vọng, không tôn thờ thành tích; ông sẽ dạy chúng có một cảm nhận liên đới trách nhiệm và nhờ đó mà biết chỗ nào ta không nên tham dự vào. Khi đó trẻ con sẽ không có nhu cầu phải thừa kế tài sản của ông. Chúng sẽ là những con người tự do ngay từ đầu, không phải nô lệ vào cả gia đình lẫn xã hội.

“Đó là một điều lý tưởng mà tôi e rằng không bao giờ thực hiện được”.

Đó không phải là lý tưởng, không phải là một điều phải được hoàn thành trong miếng đất của ảo tưởng xa vời. Sự thấu hiểu chính là bây giờ đây, không phải trong tương lai. Sự thấu hiểu là hành động. Sự thấu hiểu không hề đến trước rồi hành động theo sau; mà sự thấu hiểu và hành động là không thể phân chia. Khi ta thấy một con rắn thì ngay khi đó là hành động. Nếu trong những gì đã nói sáng nay, chân lý được thấy biết thì hành động nằm ngay trong sự nhận thức đó. Thế nhưng chúng ta quá bị vướng vào ngôn từ, vào những gì do trí năng tạo dựng; nên ngôn từ và trí năng trở thành vật cản của hành động. Cái gọi là hiểu biết do trí

năng đem lại chẳng qua là nghe những lời diễn đạt suông, hay nghe những ý niệm, và loại hiểu biết đó không có giá trị, như lời mô tả một món ăn là vô nghĩa cho một người đang đói. Hoặc là ông thấu hiểu hoặc không. Thấu hiểu là một quá trình toàn diện, nó không hề cách ly khỏi hành động, nó cũng không phải là kết quả của thời gian¹.

1. Một quá trình toàn diện, tức thì, độc lập với thời gian chính là sự trực nhận chân lý mà tác giả sẽ còn nhắc đến trong những bài sau (ND).

KHÔNG CÓ NGƯỜI TƯ DUY, CHỈ CÓ TƯ DUY BỊ QUI ĐỊNH

Cơn mưa rửa sạch bầu trời; bụi mù treo lơ lửng lúc trước nay đã tan, bầu trời trong sáng và ánh lên một màu xanh rực rỡ. Bóng cây rõ nét và đậm sắc, và vươn cao trên đồi là một cột khói bay thẳng lên trời. Họ đang đốt một thứ gì đó và bạn có thể nghe tiếng họ. Căn nhà nhỏ nằm trên sườn đồi, nhưng khéo xây kín gió, nó có riêng một khu vườn nhỏ được chăm sóc chu đáo. Thế nhưng sáng nay căn nhà như một phần của toàn thể sự sống, và vách đá quanh nhà dường như không còn cần thiết nữa. Dây leo mọc tràn trên vách, che những tảng đá, nhưng dây đó đá vẫn lộ rõ; đó là những tảng đá tuyệt đẹp, chúng đã được bao cơn mưa rửa sạch và giờ đây mang trên mình một lớp rêu xanh xám. Bên kia vách đá là một vùng hoang dã và vùng này hầu như là một phần của khu vườn. Từ cổng vườn một con đường nhỏ dẫn đến làng, nơi có một ngôi nhà thờ cổ đã hư sụp với một nghĩa trang nằm phía sau. Ngay cả ngày chúa nhật cũng rất ít người đến nhà thờ, nếu có thì phần lớn là người già; còn trong tuần thì không ai đến, vì làng có những thú vui khác. Một chiếc đầu máy diesel với hai toa xe, màu kem và đỏ, đi về thị trấn mỗi ngày hai lượt. Chiếc xe lửa thường đẩy những

khách luôn vui tươi, cười nói luôn miệng. Phía bên kia làng là một con đường khác vòng quanh phía tay phải, leo lên một ngọn đồi thoải thoải. Trên con đường này bạn có khi gặp một anh chàng nhà nông mang vác vật gì, đi nhanh qua mặt bạn, miệng cầu nhẫu. Trên phía kia của ngọn đồi, con đường dẫn xuống một cánh rừng rậm, chỗ mà mặt trời không bao giờ lọt qua; và đi từ ánh mặt trời chói lọi vào trong bóng cây mát rượi của cánh rừng thật như một niềm phúc lạc bí ẩn. Xem ra không ai đi trên con đường này, và cánh rừng như bị bỏ quên. Màu xanh đậm của tàng cây rậm rạp đem lại sức sống cho đôi mắt và cho tâm hồn. Người ta ngồi đây trong sự tĩnh lặng hoàn toàn. Ngay cả làn gió cũng lặng yên; không một chiếc lá rung rinh và một sự tĩnh lặng kỳ lạ ngự trị, điều mà con người không mấy thường có. Tiếng chó sủa xa xa, một con nai sắc nâu nhẹ nhàng thong thả bước ngang đường.

Ông là người đứng tuổi, đạo đức; ông muốn được cảm mến và thấy phúc lạc. Kể từ nhiều năm nay, ông thường xuyên đến tham vấn một vị thầy ở miền bắc để nghe giảng kinh sách và bây giờ ông đang về thăm lại gia đình tại miền nam.

“Có người kẻ tôi biết là ông thuyết giảng tại đây, thế nên tôi ở lại để tham dự. Tôi đã chăm chú lắng nghe những gì ông nói và tôi ý thức rõ về điều mà ông gọi là sự hướng dẫn hay thẩm quyền. Tôi không hoàn toàn đồng ý với ông vì con người chúng ta cần sự giúp đỡ của những ai có khả năng và khi một ai nhiệt tâm chấp nhận sự giúp đỡ thì điều đó chưa có nghĩa là họ trở thành một kẻ phục tùng”.

Di nhiên chứ, nội lòng mong cầu được hướng dẫn sẽ làm ta rập khuôn và một đầu óc chịu rập khuôn thì không thể tìm thấy chân lý.

“Nhưng tôi không rập khuôn. Tôi không phải là người nệ dạ, cũng không mù quáng theo ai; mà ngược lại tôi dùng đầu óc của mình, tôi tra hỏi tất cả những gì mà thầy tôi nói ra”.

Đi tìm ánh sáng nơi người khác mà không tự ý thức về mình là mù quáng phục tùng. Tất cả mọi sự phục tùng đều là mù quáng.

“Tôi không nghĩ mình đủ sức xuyên qua được những tầng sâu của tự thể, thế nên tôi đi tìm sự giúp đỡ. Tôi kiếm ông để tìm sự giúp đỡ thì đâu đã làm tôi trở thành tín đồ của ông”.

Nếu phải nói thì thưa ông, việc thiết lập thẩm quyền là một quá trình phức tạp. Phục tùng một người khác chỉ là hệ quả của một nguyên nhân sâu xa và nếu không hiểu rõ nguyên nhân đó thì dù con người có theo ai hay không, sự thể đó chẳng có bao nhiêu ý nghĩa. Cái ham muốn được đến nơi, được tới bờ bên kia, là chỗ bắt đầu của sự tìm cầu. Chúng ta khao khát thành công, sự trường cửu, sự tiện nghi, lòng yêu thương và sự an lạc lâu dài; trừ phi tâm được giải phóng, nếu không thì luôn luôn có sự phục tùng một cách trực tiếp hay quanh co. Phục tùng chỉ là một hệ quả của lòng khát khao được an toàn.

“Tôi muốn tới bờ bên kia như ông nói và tôi sẵn sàng lấy mọi chiếc thuyền có thể chở tôi qua sông. Đối với tôi, chiếc

thuyền không hề quan trọng mà bờ bên kia mới là thiết yếu¹”

Cái quan trọng không phải là bờ bên kia, mà là dòng sông và bến bờ mà ông đang đứng. Dòng sông chính là đời sống, là cuộc sống hàng ngày, với vẻ đẹp phi thường của nó, với sự vui thích và niềm hân hoan, với cái xấu, niềm đau và nỗi buồn. Cuộc sống là tập hợp to lớn của những thứ đó, nó không hề là một hành lang quá độ để ta vội đi qua và ông phải thấu hiểu nó chứ không phải mãi để mắt qua bờ bên kia. Ông *chính là* cuộc đời này với sự khao khát, bạo lực, yêu đương, tham vọng, tuyệt vọng, sợ hãi; và ông chính là niềm khao khát được trốn chạy khỏi những thứ đó để tới với cái mà ông gọi là bờ bên kia, cái trường cửu, linh hồn, Tiểu ngã², Thượng đế, vân vân... Nếu không hiểu ngộ được đời sống, không được giải thoát khỏi lòng khao khát, với tất cả niềm vui và nỗi đau của nó, thì bờ bên kia chỉ là một huyền thoại, một ảo ảnh, một ý hướng do tâm thức đang lo âu bày ra trên đường tìm kiếm sự an toàn. Thế nên phải đắp một nền tảng đúng đắn nếu không thì ngôi nhà xây trên đó không thể đứng vững.

“Tôi vốn đã lo âu mà ông còn cho thêm lo âu, ông không hề lấy bớt đi giùm tôi. Bạn tôi nói hiểu ông không phải là điều đơn giản và bây giờ tôi biết tại sao như thế. Thế nhưng

1. “Chiếc thuyền và bờ bên kia” là ẩn dụ quan trọng của việc tu hành và giác ngộ cả trong Phật giáo lẫn Ấn Độ giáo. Điều mà Krishnamurti muốn nêu rõ là “bờ bên kia” của kẻ tầm đạo hay nói đến chỉ là vọng tưởng do kẻ đó phóng chiếu ra (ND).

2. Atman. Theo truyền thống Ấn Độ giáo, trong mỗi con người chứa đựng Tiểu ngã. Tiểu ngã đồng thể với Đại ngã. Khi Tiểu ngã hòa nhập với Đại ngã thì đó là sự giải thoát (ND).

tôi nghiêm túc và thật sự muốn một điều cao hơn ảo tưởng. Tôi hoàn toàn đồng ý là phải đắp một nền tảng đúng đắn; thế nhưng nhận thức được cho chính mình điều gì là đúng, điều gì sai lại là một vấn đề khác”.

Hoàn toàn không phải thế, thưa ông. Mỗi tranh chấp của lòng khao khát, với mọi niềm vui và nỗi đau của nó, nhất định sẽ ấp ủ sinh ra sự rối loạn, cả bên trong lẫn bên ngoài. Chỉ khi nào thoát khỏi sự rối loạn này thì tâm mới phát hiện được cái gì là chân lý. Tất cả mọi hoạt động phát xuất từ tâm rối loạn chỉ dẫn đến sự rối loạn khác.

“Làm sao tôi thoát khỏi sự rối loạn được?”.

Từ “làm sao” của ông ngụ ý đi từng bước; nhưng sự rối loạn không thể được làm sáng tỏ từng bước, trong lúc phần còn lại của tâm vẫn bị rối loạn và phần được sáng tỏ lại sớm bị rối loạn trở lại. Câu hỏi làm sao soi sáng sự rối loạn chỉ sinh ra khi tâm ông cứ quan tâm đến bờ bên kia. Ông không thấy hết ý nghĩa trọn vẹn của lòng tham, của bạo lực hay bất kỳ cái gì; ông chỉ mong quay lưng với nó để tới với một cái khác. Nếu ông toàn tâm chú ý đến lòng khao khát và hậu quả khốn khổ của nó, ông sẽ không bao giờ hỏi làm sao từ bỏ nó đi. Sự hiểu ngộ lòng khao khát là một hành động toàn diện, trong lúc cụm từ “làm sao” bao hàm một dạng từng bước đạt đến sự tự do, nó chẳng qua là hành động của sự rối loạn.

“Ông nói hành động toàn diện là nói gì?”.

Muốn hiểu thấu hành động toàn diện, ta phải xem xét sự khác biệt giữa con người tư duy và tư duy của người đó.

“Không phải có một kẻ đứng canh chừng, đứng trên cả người tư duy và tư tưởng của nó? Tôi thấy là có. Trong một phút phúc lạc tôi đã chứng nghiệm được tình trạng này”.

Những chứng nghiệm này là kết quả của tâm thức đã được nặn khuôn bởi truyền thống, bởi hàng ngàn loại ảnh hưởng khác. Những nguyên tắc của một tín đồ Kitô giáo khác hẳn với linh ảnh của bên Ấn Độ giáo hay Islam giáo, vì tất cả đều chủ yếu dựa trên sự qui định riêng biệt tác động vào tâm. Đã là chân lý thì không có sự chứng nghiệm, mà chân lý là dạng trong đó không còn có người chứng nghiệm lẫn bản thân sự chứng nghiệm.

“Ông muốn nói đó là dạng của định ?”¹.

Thưa ông, không; khi ông dùng chữ đó thì ông chỉ trích dẫn sự mô tả một kinh nghiệm của kẻ khác.

“Thế nhưng cũng phải có một người quan sát nằm trên con người tư duy và tư tưởng của nó? Tôi cảm thấy một cách chắc chắn có con người đó”.

Khi bắt đầu bằng một kết luận chính là chấm dứt mọi tư duy, phải thế không?

“Đây không phải là sự kết luận suông, thưa ông. Tôi biết rõ, tôi cảm nhận sự đúng đắn nằm trong đó”.

Kẻ nói mình biết, kẻ đó không biết. Điều mà ông biết hay cảm nhận là chân lý chỉ là những điều ông được dạy dỗ. Người khác, được dạy dỗ cách khác trong xã hội của họ, văn hóa của họ, cũng nói với lòng tin như thế rằng tri kiến và

1. samadhi.

kinh nghiệm của mình cho thấy không có một người quan sát tối hậu. Cả hai, ông và người đó, người tin có và người tin không, phải chăng đều cùng một hạng? Cả hai đều bắt đầu bằng một kết luận và với kinh nghiệm dựa trên sự nhào nặn có sẵn.

“Nếu ông nói cách đó thì xem ra ông muốn nói tôi sai lầm, nhưng tôi vẫn không bị ông thuyết phục”.

Tôi không tìm cách nói ông sai lầm hay thuyết phục ông bất cứ điều gì; tôi chỉ muốn nêu lên vài điều ông nên xem xét.

“Sau một thời gian đọc và nghiên cứu đáng kể, tôi nghĩ mình đã hiểu thấu suốt về vấn đề của người quan sát và vật bị quan sát. Đối với tôi thì cũng như mắt nhìn đóa hoa, tâm cũng quan sát thông qua mắt; cho nên, đằng sau tâm phải có một tự thể, nó chính là chủ thể ý thức về toàn bộ quá trình, tức là về tâm, về mắt và về đóa hoa”.

Hãy tìm hiểu vấn đề này mà không đòi hỏi ai đúng ai sai, không gấp rút, không giáo điều. Tư duy hình thành như thế nào? Đó là để ý, tiếp xúc, cảm nhận và sau đó là tư tưởng, dựa trên ký ức sẽ nói: “Đây là một đóa hoa hồng”. Tư duy sinh ra người tư duy; đó là do có quá trình tư duy mà có con người tư duy. Tư duy tới trước, sau đó là người tư duy, không phải ngược lại. Nếu không thấy thực tế này ta sẽ bị lôi vào mọi dạng của sự vô minh¹.

1. Krishnamurti giảng tinh yếu của thuyết vô ngã. Có hoạt động tư duy nên sau đó ta nhắm tưởng có con người tư duy. Theo Tương Ứng bộ kinh, lời của Phật là: “Như Lai chỉ dạy Xúc, Thọ, Ái, Thủ...chớ không dạy người nào Xúc, Thọ, Ái Thủ...”. Thực tế là không có con người tư duy. Trong đoạn này Krishnamurti tạm nói “người tư duy” cho dễ hiểu, chứ tác giả

“Thế nhưng có một sự tách rời, một kẽ hở, dù rộng hay hẹp, giữa người tư duy và tư tưởng của nó; và không phải điều này cho thấy người tư duy phải có trước sao?”.

Hãy xem. Có sự nhận thức thấy vô thường, bất an rồi sau đó có lòng khao khát được thường hằng, an toàn; từ đó tư duy đã sinh ra người tư duy rồi sau đó lại tôn người tư duy lên cao, lên mức độ của sự trường tồn. Thế nên dường như có một khoảng cách không nối được giữa người tư duy và tư tưởng của nó, giữa người quan sát và vật bị quan sát; thế nhưng toàn bộ quá trình vẫn nằm trong lĩnh vực của tư duy cả, phải thế không?

“Phải chăng ông muốn nói người quan sát không có thực, rằng người quan sát cũng vô thường như tư tưởng thôi? Tôi khó mà tin được điều đó”.

Ông có thể gọi nó là linh hồn, là Tiểu ngã hay bất cứ danh xưng gì ông muốn, nhưng người quan sát chỉ là sản phẩm của tư tưởng. Bao lâu tư tưởng còn liên hệ một cách nào đó với người tư duy, hay người quan sát đang kiểm tra uốn nắn tư tưởng, thì nó vẫn còn nằm trong lĩnh vực của tư tưởng, nằm trong quá trình của thời gian.

“Tâm tư tôi chống lại điều vừa nói biết bao! Thế nhưng, dù nó chống, nhưng tôi cũng bắt đầu thấy đây là sự thực; và nếu đây là sự thực thì thực tế chỉ có một dòng tư tưởng¹ chứ không có người tư duy”.

cũng quan niệm không có “người tư duy” (xem tiêu đề của chương này) (ND).

¹ a process of thinking.

Đúng như thế. Tư tưởng ấp ủ sinh ra người tư duy, người quan sát, người gạn lọc có ý thức hay vô ý thức, đó là kẻ luôn luôn đánh giá, lên án, so sánh. Đó chính là người quan sát, kẻ luôn luôn tranh chấp với tư tưởng, luôn luôn cố gắng lãnh đạo tư tưởng.

“Xin hãy đi chậm một chút; nhờ điều này tôi thực sự muốn xem xét lại mình. Ông vừa nói, mọi cố gắng nỗ lực, dù sang hay hèn, chỉ là kết quả của sự phân chia giả tạo, không thật giữa người tư duy và tư tưởng của nó. Thế nhưng liệu ông có chịu từ bỏ cố gắng nỗ lực? Không phải mọi nỗ lực là cần thiết để có sự thay đổi sao?”.

Bây giờ chúng ta hãy đi vào điều này. Chúng ta đã thấy chỉ có dòng tư tưởng, chính nó tạo nên người tư duy, người quan sát, người gạn lọc, người kiểm tra. Giữa người quan sát và vật bị quan sát có một mối tranh chấp do bên này cố gắng khuất phục hay thay đổi cái bên kia. Sự cố gắng này là vô hiệu, nó không bao giờ tạo ra một sự thay đổi cơ bản trong tư tưởng, vì chính bản thân người tư duy, người gạn lọc là một phần của những gì nó muốn thay đổi. Một phần của tâm thức không thể chuyển hóa phần kia, bản thân nó chỉ là sự nối tiếp của cái kia. Một sự thèm khát có thể vượt thắng một sự thèm khát khác, đó là điều hay xảy ra. Thế nhưng sự thèm khát đã thắng thế lại ấp ủ một cái mơ ước khác, đến phiên nó lại trở thành người bại hay người thắng, và cứ thế mà sự tranh chấp nhị nguyên cứ tiếp diễn mãi. Quá trình này không bao giờ chấm dứt.

“Dường như ông cho rằng chỉ thông qua loại bỏ sự tranh

chấp mới hy vọng có một thay đổi căn bản. Tôi chưa hiểu hết, xin ông nói rõ thêm”.

Người tư duy và tư tưởng của nó là một quá trình nhất quán, không bên nào có sự tiếp diễn độc lập; người quan sát và vật bị quan sát là không thể phân chia. Tất cả tính chất của người quan sát đều nằm trong tư tưởng của nó; không có tư tưởng thì không có người quan sát, không có người tư duy. Thực là như thế.

“Vâng, tới đây thì tôi hiểu”.

Nếu sự hiểu chỉ có trên ngôn từ, chỉ bằng trí năng thì nó không có bao nhiêu ý nghĩa. Phải có một sự chứng nghiệm đích thực của người tư duy và tư tưởng của nó trong một thể duy nhất, một sự hội nhập của cả hai. Thì lúc đó chỉ có dòng tư tưởng.

“Ông nói dòng tư tưởng là sao?”.

Đó là đường đi hay hướng đi, trong đó tư tưởng vận hành: có tính chất cá nhân hay không có tính cá nhân, có tính cá thể hay tập thể, có tính tôn giáo hay tính thế gian, tín đồ Ấn Độ giáo hay Kitô giáo, Phật tử hay tín đồ Islam giáo, vãn vân... Không có người tư duy theo kiểu Islam giáo mà chỉ có tư tưởng được Islam giáo qui định. Tư duy là hệ quả của sự qui định trên chính nó. Loại tư duy này nhất định phải sinh ra tranh chấp và khi có dụng công để khuất phục tranh chấp bằng các phương tiện khác nhau thì điều đó chỉ xây dựng thêm những dạng khác của sự đề kháng và tranh chấp.

“Rõ là như thế, ít nhất thì tôi hiểu thế”.

Thứ tư duy này phải chấm dứt hoàn toàn, vì nó nuôi dưỡng sự vô minh và khốn khổ. Không có thứ tư duy nào tốt hơn hay quý hơn. Tất cả mọi tư duy được sinh ra từ sự qui định.

“Hình như ông ngụ ý chỉ khi nào tư tưởng dứt bật thì mới có sự thay đổi toàn triệt. Đúng thế không?”.

Tư tưởng là thứ bị qui định. Tâm thức, kho chứa của kinh nghiệm, của ký ức, từ đó mà tư tưởng hình thành, bản thân tâm cũng bị qui định; và mọi vận động của tâm, chiều hướng nào bất kỳ, cũng chỉ sinh ra những kết quả hạn chế. Khi tâm dụng công chuyển hóa chính mình, thì đó chỉ là xây dựng những khuôn mẫu mới, có thể khác, nhưng vẫn là khuôn mẫu. Mọi dụng công của tâm để tự giải phóng mình đều chỉ là sự tiếp nối của tư tưởng; có thể nó nằm cao hơn một bậc, nhưng vẫn trong vòng kiểm tỏa của tư tưởng, của thời gian.

“Vâng, tôi bắt đầu hiểu, xin tiếp tục”.

Mọi vận hành trong mọi kiểu của tâm chỉ tăng cường cho sự tiếp diễn của tư tưởng, với tất cả mọi đầu óc của đồ kỹ, tham vọng, chiếm hữu. Khi tâm hoàn toàn ý thức về điều này, như nó hoàn toàn ý thức về một con rắn độc, thì ông sẽ thấy mọi vận hành của tâm sẽ đến một chỗ dừng¹. Chỉ khi đó mới có một cuộc cách mạng toàn triệt chứ không phải chỉ tiếp nối cái cũ bằng một dạng mới. Tình trạng này không thể mô tả, kẻ nào mô tả nó là không biết đến nó.

1. “An tâm” chính là vô tâm. Nơi đây ta thấy một sự tương đồng vô cùng rõ rệt với công án “an tâm” của Bồ-đề Đạt-ma khai thị cho Huệ Khả của Thiền tông Trung Quốc (ND).

“Tôi thật lòng thấy mình có hiểu, không phải ngôn từ của ông mà nội dung được bao hàm trong những gì ông nói. Liệu tôi có hiểu thực hay không, điều đó sẽ thể hiện trong cuộc sống hàng ngày”.

“TAI SAO ĐIỀU NÀY LẠI XẢY RA CHO CHÚNG TÔI?”

Có một cái gì gây nên một tiếng nổ lớn. Lúc đó khoảng bốn giờ rưỡi sáng và trời còn tối om. Còn hơn một giờ nữa trời mới rạng đông. Chim chóc vẫn còn ngủ trong các tàng cây và tiếng ồn dữ dội này xem ra không làm rộn đến chúng, nhưng trời vừa có chút ánh sáng là chúng bắt đầu liu lo. Một ít sương mù đọng trên mặt đất nhưng tinh tú trên bầu trời thì rất sáng. Sau tiếng nổ đầu tiên, nhiều tiếng khác tiếp theo cách khoảng; đến một giai đoạn lặng yên và rồi tiếng pháo bắt đầu nổ khắp nơi. Ngày lễ hội bắt đầu. Sáng nay lũ chim không liu lo lâu như mọi lần, chúng chỉ hót ngắn rồi vội bay tán loạn vì sợ những tiếng nổ dữ dội; thế nhưng lúc đêm về chúng lại tụ hội cũng trong những tàng cây đó, để ồn ào kể cho nhau nghe trong ngày đã làm những gì. Mặt trời đã lên đọng đến các ngọn cây, chúng ngời lên một ánh sáng nhẹ; trong sự lặng yên trông chúng thật đáng yêu với những bóng in trên bầu trời. Đóa hoa hồng đơn độc trong vườn bây giờ ướt dẫm sương đêm. Mặc tiếng ồn của pháo, thành phố vẫn thức dậy chậm rãi và ung dung, vì đây chỉ là một trong những ngày lễ hội lớn trong năm; những ngày vui chơi yến tiệc, ngày mà kẻ giàu người nghèo đem quà tặng nhau.

Chiều nay, khi trời dần tối, mọi người bắt đầu tụ tập hai bên bờ sông. Họ thả trôi trên sông những chiếc đĩa bằng đất nung chứa đầy dầu với một ngọn đèn cháy bằng bấc. Họ thốt một lời cầu nguyện và để cho ngọn đèn trôi dần theo sông. Không bao lâu, hàng ngàn điểm sáng lấp lánh trên dòng nước lặng lẽ tối đen. Thật là kỳ lạ khi nhìn ngắm những khuôn mặt thành khẩn rạng rỡ dưới ánh đèn mờ và dòng sông bây giờ là điều kỳ diệu của ánh sáng. Bầu trời với hàng triệu ngôi sao như nghiêng mình nhìn xuống dòng sông đầy ánh sáng và cả địa cầu như lặng yên bao trùm tình yêu thương lên con người.

Năm người chúng tôi đang ở trong một căn phòng đầy ánh sáng mặt trời: một người đàn ông với người vợ và hai anh khác. Tất cả còn trẻ. Người vợ xem ra buồn và đau khổ, người chồng mặt mày nghiêm trọng, không nở một nụ cười. Hai người đàn ông kia ngồi yên lặng, có chút ngượng ngùng, để cho hai người kia nói trước, nhưng sau đó họ cũng nói khi có dịp và khi sự ngượng ngùng ban đầu đã tan đi.

“Tại sao điều này lại xảy ra cho chúng tôi?”, chị hỏi. Như có một nỗi oán giận và sự bức tức trong giọng nói và dòng lệ đã tràn nơi khoé mắt chị để rồi chảy dài xuống má. “Chúng tôi thật hết lòng cho con; con trai chúng tôi rất vui tươi và tinh nghịch, lúc nào cũng đầy tiếng cười, chúng tôi rất yêu nó. Chúng tôi cẩn thận dạy con và dự định rất nhiều cho tương lai...”. Chị không thể nói tiếp, nên dừng lại và lặng yên đợi sự bình tĩnh trở lại. “Xin ông tha lỗi cho, tôi bị rối loạn trước mặt ông”, chị nói tiếp, “nhưng thật quá khổ

cho tôi. Nó vừa vui chơi, cười nói và chỉ vài ngày sau là ra đi vĩnh viễn. Thật hết sức khủng khiếp, và tại sao điều này lại xảy ra cho chúng tôi? Chúng tôi sống khiêm tốn, chúng tôi biết yêu thương nhau và yêu con mình còn gấp mấy lần. Nhưng nó đã chết và cuộc đời chúng tôi chỉ là một sự trống rỗng – chồng tôi thì ở trong sở, tôi thì ở nhà. Tất cả đều xấu xí và vô nghĩa”. Có lẽ chị đã nói tiếp và nói tiếp với lòng xót xa, nhưng chồng chị đã nhẹ nhàng ngăn lại. Chị thốn thức khóc không chút kiềm chế và bây giờ chị lặng yên.

Điều này xảy ra cho tất cả chúng ta, không phải sao? Khi chị hỏi, tại sao điều này lại xảy ra cho anh chị, chắc chị không muốn nói là nó nên chỉ xảy ra cho người khác, còn mình thì đừng. Chị chia sẻ nỗi đau cho những người còn lại.

“Nhưng chúng tôi đã làm gì để mang cái tội này? Nghiệp báo của chúng tôi là gì? Tại sao con tôi không được sống? Tôi vui lòng chịu hy sinh mạng sống của mình cho con”.

Có câu giải thích nào, cách biện luận khôn khéo nào hay niềm tin hữu lý nào lấp được sự trống rỗng đau thương này?

“Dĩ nhiên tôi cũng muốn được thanh thản, không chỉ trên mặt ngôn từ, không chỉ bằng hy vọng về tương lai. Thế mà tôi vẫn không có sự thanh thản. Chồng tôi cố mang lại sự thanh thản cho tôi bằng cách tin vào sự tái sinh, nhưng vô hiệu. Chồng tôi cũng khổ não; dù cho anh tin thuyết tái sinh, sự đau khổ cũng cứ còn đó. Cả hai chúng tôi đều bị đau khổ, đều bị nó dẫn dắt. Nó như một cơn ác mộng đáng sợ, ghê gớm”. Anh chồng lại phải nhắc nhở để vợ mình ngăn lại niềm xúc cảm đang dâng trào.

“Tôi sẽ lặng yên và lắng nghe, xin lỗi tất cả”.

“Thưa ông, chúng tôi biết quá ít về đời sống, về cái chết, biết quá ít về bản thân sự đau khổ của mình”, anh chồng nói. “Kể từ biến cố này, bỗng nhiên tôi thấy mình chín chắn hơn, biết đặt những câu hỏi nghiêm túc hơn. Trước đó, cuộc đời là một niềm vui, chúng tôi vui cười suốt ngày; bây giờ thì những thứ hồi trước từng làm chúng tôi vui thích nay trở thành vớ vẩn, tầm thường. Nó như một trận bão làm cây bật rễ và thổi cát vào đó. Không có gì giống như hồi trước nữa. Đột nhiên tôi thấy mình nghiêm nghị một cách khủng khiếp, muốn biết ý nghĩa của tất cả mọi sự và kể từ khi con trai chết, tôi tìm đọc các thứ sách về tôn giáo và triết lý nhiều hơn tất cả thời gian trước đó. Nhưng khi đau khổ thì ngôn từ chẳng làm được gì. Tôi biết rõ là niềm tin dễ dàng trở thành một thứ độc dược tác hại lâu dài. Niềm tin làm cùn nhụt góc cạnh sắc bén của tư tưởng, nhưng nó cũng xoa dịu sự đau khổ, không có niềm tin thì tâm trở thành một vết thương hở miệng, đụng đến là đau. Chiều nay chúng tôi đến tìm ông. Ông không mang lại cho chúng tôi sự thanh thản được, tôi thấy đúng thôi; nhưng chúng tôi muốn làm lành vết thương, liệu ông có thể giúp?”.

“Vết thương mà chúng tôi đang có”, một trong hai người kia tiếp lời, “không thể chữa trị bằng lời nói, bằng sáo ngữ suông. Chúng tôi đến đây không phải để kiếm thêm một niềm tin mới mà để tìm hiểu nguyên ủy của sự khổ”.

Các bạn có tin nếu chỉ biết nguyên ủy của sự khổ sẽ giải thoát ta ra khỏi cái khổ?

“Một khi tôi biết điều gì gây khổ đau trong tôi, tôi có thể chấm dứt nó. Tôi sẽ không ăn thứ gì nếu biết đó là chất độc”.

Phải chăng các bạn nghĩ là một việc dễ khi muốn trừ bỏ vết thương nội tâm? Chúng ta hãy kiên nhẫn và cẩn trọng đi vào vấn đề này. Vấn đề của chúng ta là gì?

“Vấn đề của tôi”, chị vợ nói, “đơn giản và rõ ràng. Tại sao con tôi bị chết đi, nguyên nhân là gì?”.

Liệu có lời giải thích nào mà chị chấp nhận được, dù có thoả mái cho chị trong lúc này? Chị có tự mình tìm ra được sự thật của vấn đề không?

“Tôi biết làm sao được”, chị hỏi.

“Đó cũng là một trong những vấn đề của tôi”, một trong hai người kia nói. “Làm sao tôi biết được sự thật trong sự tối tăm hỗn độn này, trong cái “tôi” này?”.

“Nghị lực của chúng tôi là gì mà phải chịu đau khổ mất cái quý báu nhất trên đời?”, người chồng hỏi.

“Có lẽ tôi đủ sức chịu cái khổ con chết”, chị vợ nói thêm, “nếu tôi có niềm an ủi biết được tại sao con tôi bị tước đi”.

An ủi là một việc, sự thật là một việc khác; cái này dẫn đi xa khỏi cái kia. Nếu bạn đi tìm sự an ủi, bạn có thể thấy nó trong những lời giải thích, trong một thứ thuốc ngủ hay trong một niềm tin; nhưng nó chỉ tạm thời chốc lát, rồi không sớm thì muộn bạn lại bắt đầu. Liệu đi tìm như thế, bạn được an ủi gì chẳng? Có lẽ bạn phải thấy sự việc này trước tiên: đó là một tâm thức tầm cầu cái tiện nghi an ủi, niềm an

toàn thì tâm thức đó luôn luôn bị sầu muộn. Một lời giải thích thỏa đáng, một niềm tin thiện nghi có thể làm cho bạn yên ngủ; nhưng đó có phải là điều bạn muốn không? Liệu nó đoạn diệt được phiền não của bạn? Phải chăng phiền não có thể bị loại bỏ bằng cách ngủ quên?

“Tôi thật lòng muốn”, chị vợ nói, “trở lại tình trạng tươi vui mà tôi đã một lần được biết – có niềm vui, có sự thích thú. Vì không làm được thế, tôi bị đau khổ giày vò, thế nên tôi phải tìm sự an ủi”.

Phải chăng bạn không muốn mặt đối mặt với những gì sinh ra đau khổ và bạn muốn trốn thoát ra khỏi nó.

“Tại sao tôi lại không nên được thanh thân?”.

Vấn đề là bạn có tìm ra sự thanh thân lâu dài hay không? Có lẽ không hề có cái đó. Khi tìm sự thanh thân thì cái mà chúng ta tìm kiếm là một tình trạng mà trong đó không có sự quấy nhiễu nội tâm, bất kỳ loại gì. Có thể có một tình trạng đó chăng? Bằng nhiều cách người ta có thể xây nó lên, xây một tình trạng thanh thân, nhưng sau đó đời sống sẽ gõ cửa ngay. Tiếng gõ cửa này, sự thức tỉnh này được mệnh danh là phiền muộn.

“Ông nói thế thì tôi cũng hiểu. Thế nhưng tôi nên làm gì đây?”, chị vợ vẫn kiên trì.

Không có gì phải làm cả mà chỉ cần nhận ra sự thật trong việc này, rằng một tâm thức tìm kiếm thiện nghi thanh thân, an toàn, luôn luôn sẽ bị phiền muộn xâm chiếm. Thấu hiểu điều này tức là hành động rồi. Khi một người nhận ra mình là một tù nhân thì kẻ đó không hỏi phải làm gì, mà là một

loạt hành động sẽ xảy ra, hay cũng có thể là sự bất động. Từ nhận thức lập tức có hành động.

“Nhưng thưa ông”, người chồng nói, “vết thương của chúng tôi là thật, chúng tôi không thể cứu chữa hay sao? Không có cách chữa gì cả, chỉ có một trình trạng đấng cay tuyệt vọng hay sao?”.

Tâm thức có thể nuôi dưỡng mọi dạng hình theo ý nó, nhưng tìm được chân lý từ tất cả tình trạng đó lại là một vấn đề khác. Vậy thì anh theo đuổi cái gì?

“Không ai muốn nuôi dưỡng sự cay đắng đau khổ. Dĩ nhiên có cả một thứ triết lý nói về sự tuyệt vọng nhưng tôi không muốn theo nó. Tuy nhiên, tôi chỉ muốn biết nguyên nhân, biết nghiệp nào đã gây đau khổ”.

Cả hai anh chị đều muốn đi vào vấn đề này chẳng?

“Dĩ nhiên là rất muốn, thưa ông. Chúng tôi có thắc mắc liên quan đến sự vận hành của nghiệp; và thật là hay nếu tất cả chúng ta cùng xem xét nó”.

Cái gì là nguyên ủy của từ “nghiệp”¹?

“Nguyên ngữ của nghiệp là hành động²”, người chồng trả lời, các người khác gật đầu đồng ý. “Có thể tôi nghĩ sai nhưng một cách tổng quát, nghiệp được hiểu là hành động

1. karma. Người theo Ấn Độ giáo và Phật giáo thường có khuynh hướng tìm hiểu “nghiệp” khi có một điều bất hạnh xảy ra. Họ xem điều bất hạnh đó là kết quả của một hành động đã chìm trong quá khứ xa xôi. Trong nhiều trường hợp, “nghiệp” trở thành một lối ngụy biện, một khẩu hiệu để giải thích nhiều hiện tượng cá nhân và xã hội (ND).

2. to act.

do một nguyên nhân quyết định. Tương lai được định đoạt bởi một hành động đã qua, ta gặt những gì đã gieo. Trong quá khứ tôi đã làm cái gì đó, bây giờ tôi phải trả giá hay nhờ đó mà tôi thụ hưởng. Con tôi chết sớm thì cũng vì một nguyên nhân bí ẩn nào đó trong đời cũ. Đó là những dạng khác nhau của một qui luật chung duy nhất”.

Tất cả mọi thứ sinh ra và hình thành thông qua một chuỗi những nguyên nhân và hệ quả, đúng thế không?

“Đây là điều xem ra đúng thật”, một trong hai người kia nói, “tôi có mặt trên đời này là do cha mẹ tôi và do những nguyên nhân trước nữa. Tôi là kết quả của những nguyên nhân nằm xa vô tận trong quá khứ. Tư tưởng và hành động, cả hai đều là kết quả của những nguyên nhân khác nhau”.

Phải chăng hệ quả và nguyên nhân tách rời lẫn nhau? Có hay không một khoảng hở, dù ngắn dù dài, một khoảng thời gian giữa chúng? Phải chăng nguyên nhân cũng như hậu quả là cố định? Nếu nguyên nhân và hậu quả cứng đờ thì tương lai đã được định đoạt rồi; và nếu thế thì con người không có tự do, thì con người đã bị buộc chặt trong một khe rãnh đã bị qui định sẵn. Không phải thế, như bạn có thể quan sát trong đời sống hàng ngày, nơi mà mọi tình huống liên tục tác động lên đường đi của mọi sự vận hành. Luôn luôn có sự vận động để thay đổi, có khi tức khắc, có khi từng bước.

“Đúng thế, tôi cũng thấy vậy và đó là điều giúp tôi vô cùng, tôi vốn là người được dạy dỗ để biết sự qui định theo kiểu một nguyên nhân, một kết quả. Nhờ thế mà tôi thấy chúng ta không phải là kẻ nô lệ của quá khứ”.

Tâm không nhất thiết bị ràng buộc trong sự qui định của nó. Hệ quả của một nguyên nhân không nhất thiết phải theo đuôi nguyên nhân đó, nó có thể được xoá sạch. Không có một địa ngục vĩnh viễn. Nguyên nhân và kết quả không hề cứng nhắc, cố định; cái là kết quả biến thành nguyên nhân cho một kết quả khác. Ngày hôm nay do ngày hôm qua hình thành và ngày mai thì do ngày hôm nay. Thật như thế, không phải hay sao? Thế nên nguyên nhân và kết quả không hề tách rời, đó là một quá trình nhất quán. Một phương tiện sai trái không thể sử dụng cho một cứu cánh đúng đắn, vì phương tiện đã là cứu cánh; cái này dung chứa cái kia. Trong hạt đã chứa sẵn toàn bộ cái cây. Nếu ta thật sự cảm nhận chân lý trong điều này, thì tư tưởng đã là hành động, không có chuyện tư duy đi trước và hành động theo sau với vấn đề không thể tránh khỏi của nó là làm sao bắc được chiếc cầu nối giữa hai bên. Sự ý thức toàn diện về nguyên nhân và kết quả như một thể thống nhất đặt một dấu chấm hết cho tác giả của mọi nỗ lực, tức là cho cái “tôi” lúc nào cũng lo toan phải trở thành một cái gì đó bằng nhiều phương tiện khác nhau.

“Ông vui lòng cho biết suy nghĩ về nghiệp”, người chồng hỏi¹.

Điều này hoặc là đích thực, hoặc hư vọng. Điều đã đích

1. Rất nhiều người tìm đến Krishnamurti để mong ông cho một thông tin về kiếp trước kiếp sau, họ vốn nghĩ ông là một thánh nhân, có thấu thị, có thần thông. Nhưng Krishnamurti không bao giờ đáp ứng điều này, như ta thấy rõ trong bài này (ND).

thực thì không cần diễn giải và điều được diễn giải thì không đích thực. Người diễn giải trở thành người phản bội vì nó chỉ nêu ý kiến của nó mà ý kiến thì không đích thực.

“Sách vở cho rằng mỗi người trong chúng ta bắt đầu đời mình bằng một số nghiệp đã được tích lũy, chúng phải được giải quyết”, người chồng nói tiếp. “Chúng tôi được nghe, trong lúc giải quyết các nghiệp lực chồng chất đó, dù trong một đời hay nhiều đời, có sự vận hành của ý chí tự do. Phải thế không?”.

Thế thì riêng ông nghĩ sao, đừng quan tâm đến thẩm quyền của sách vở?

“Tôi không nghĩ là mình có khả năng nghĩ về điều đó”.

Hãy cùng nhau xem xét vấn đề này. Đời người ta trong cuộc sống hiện tại quả thực bắt đầu với một số qui định, với nghiệp; mỗi đứa trẻ đều bị môi trường xung quanh ảnh hưởng nên nó suy nghĩ trong một mẫu hình nhất định và tương lai của nó có khuynh hướng được xác định bởi mẫu hình đó. Hoặc là nó sẽ nghe theo, trong một phạm vi nhất định, những mệnh lệnh của mẫu hình đó, hoặc đứa trẻ bứt hẵn khỏi nó. Trong trường hợp sau, phần tâm thức nỗ lực bứt phá đó cũng chỉ là kết quả của sự qui định, của nghiệp; thế nên khi bứt phá khỏi một mẫu hình thì tâm cũng chỉ tạo ra một cái khác, trong đó nó lại bị ràng buộc.

“Nếu đúng như thế, có lúc nào tâm thật sự được tự do? Tôi thấy rất rõ là phần của tâm muốn giải thoát khỏi mẫu hình và phần đang bị ràng buộc, cả hai đều bị giam hãm như trước trong một cơ cấu; phần trước nghĩ mình khác với phần

sau, nhưng chủ yếu tính chất của cả hai đều như nhau ở chỗ không cái nào có sự tự do hoàn toàn. Thế thì tự do là gì?”.

“Phần lớn người ta”, một trong hai người trẻ nói, “cho rằng có một siêu linh hồn, Tiểu ngã, nó tác động lên trên sự qui định của chúng ta, xả bỏ cho ta sự qui định đó nếu ta biết sùng tín và làm những việc thiện, nếu ta biết tập trung tâm trí lên đấng Tối thượng¹”.

Thế nhưng cái thể tính, kẻ sùng tín và làm những việc thiện đó, bản thân nó cũng bị qui định; và cái Tối thượng mà kẻ đó tập trung tâm trí lên chỉ là sự phóng chiếu của thứ qui định nọ, không phải sao?

“Tôi thấy điều đó”, người chồng hăng say, “Các thần linh, các chủ trương tôn giáo, các hình ảnh lý tưởng của chúng ta, tất cả đều nằm trong mẫu hình của sự qui định cả. Nay nhờ ông chỉ, bây giờ nó đã rõ rệt và quả nhiên như vậy rồi. Thế thì con người không còn hy vọng gì nữa hay sao?”.

Nếu nhảy đến chụp một kết luận và bắt đầu suy tư từ kết luận đó, điều này sẽ ngăn cản sự hiểu ngộ và mọi phát hiện khác. Khi toàn bộ tâm thức nhận ra rằng mình đang bị trói buộc trong một mẫu hình thì điều gì sẽ xảy ra?

“Tôi không hiểu hết câu hỏi của ông”.

Anh có nhận ra rằng toàn bộ tâm thức của mình bị qui định hay không, kể cả phần được xem là siêu linh hồn, là Tiểu ngã? Anh có cảm nhận điều đó, có thấy nó là sự thực hay anh chỉ chấp nhận trên mặt ngôn từ? Điều gì đang xảy ra thực cho anh?

1. Quan niệm truyền thống của Ấn Độ giáo về con đường giải thoát (ND).

“Tôi không thể nói chắc chắn vì chưa bao giờ tôi suy nghĩ về điều này cho rõ ràng”.

Khi tâm nhận ra toàn bộ bản thân mình bị qui định – điều mà nó không thể nhận ra bao lâu nó còn theo đuổi sự thanh thản tiện nghi, hay lười biếng tìm cái dễ dãi – thì mọi vận hành của tâm sẽ đến một chỗ ngưng bật; tâm sẽ hoàn toàn lặng yên, không còn ham muốn nào, không còn cưỡng bách nào, không còn động cơ nào nữa. Chỉ lúc đó mới là tự do.

“Thế nhưng chúng ta phải sống trong thế giới này, bất cứ chuyện gì ta làm, từ kiếm tiền nuôi thân cho đến những đòi hỏi tinh tế nhất của tâm, phải có một động cơ nào đó. Có thể có chẳng, hành động vô sở cầu?”.

Bạn không nghĩ là có sao? Hành động vì lòng yêu thương là vô sở cầu, tất cả mọi hành động khác thì có.

CUỘC SỐNG, CÁI CHẾT VÀ SỰ TỒN SINH

Đó là một cây me già tuyệt đẹp, đầy những trái và lá non. Mọc bên bờ một con sông sâu, cây có sẵn nước và vì vậy mà phủ nhiều bóng mát cho vật và người. Dưới cây này luôn luôn có sự rộn ràng và tiếng ồn ào, giọng nói rõ to hay tiếng bò con gọi mẹ. Một sự hòa hợp tuyệt đẹp và trên bầu trời xanh hình bóng cây in đậm sắc huy hoàng. Sức sống của cây như vô tận. Hẳn cây là chứng nhân cho bao điều, vì qua vô số mùa hè cây vẫn đứng canh dòng sông và chứng kiến những gì xảy ra bên bờ. Đây là một dòng sông đáng chú ý, rộng và thiêng liêng, và khách hành hương đến từ khắp các miền trong nước để tắm trong dòng nước thánh¹. Trên sông có những chiếc thuyền, lặn lẽ trôi, cánh buồm hình vuông màu đậm. Khi trăng lên, tròn đầy và hầu như mang sắc đỏ, nó như phát ra một vệt trắng bạc trên dòng nước lăn tăn, người ta lại vui vẻ tụ họp trong làng kế cận hay trong làng bên kia sông. Vào những ngày lễ thiêng, dân làng xuống bờ nước cùng hát những bài ca vui tươi nhịp nhàng. Mang theo thực phẩm, ríu rít vui cười, họ tắm trong dòng sông; sau đó

1. Tác giả nói đến sông Hằng tại Ấn Độ

họ đặt một vòng hoa dưới gốc cây lớn, thoa một ít tro đỏ tro vàng lên thân cây vì nó cũng thiêng liêng, cũng như mọi cây đều thiêng liêng. Cuối cùng khi tiếng liú lo cười đùa chấm dứt, ai về nhà nấy, còn một vài cây đèn vẫn cháy, do dân làng nào sùng tín để lại; những chiếc đèn có bắc nằm trong một chiếc đĩa đất sét đựng dầu, loại đèn mà dân nghèo ở làng có thể mua nổi. Ngọn cây bây giờ là tối thượng, mọi thứ đều chứa trong nó cả: trái đất, dòng sông, con người và những vì sao. Bây giờ nó rút lại vào trong chính mình, ngủ cho đến lúc được những tia sáng của mặt trời ban mai quét tới.

Có khi người ta mang một xác chết đến cạnh bờ sông. Quét dọn xong một miếng đất gần mặt nước, họ đặt một khúc gỗ to nặng để làm nền của giàn thiêu, xong xếp gỗ nhẹ lên trên; và trên đỉnh giàn họ để xác nằm, được bọc bằng một tấm vải trắng tinh. Thân nhân gần nhất của người chết châm một ngọn đuốc vào giàn hỏa; rồi một ngọn lửa to lớn bùng lên trong bóng đêm, soi sáng mặt nước cùng những khuôn mặt lặng yên của người than khóc và bè bạn buồn rầu ngồi quanh đống lửa. Ngọn cây như thu nhận một ít ánh sáng và ban phát sự bình yên của nó cho ngọn lửa đang nhảy múa. Vài giờ trôi qua thì xác mới cháy hết, thế nhưng họ vẫn ngồi quanh cho đến lúc không còn lại gì cả, chỉ trừ than hồng và những tia lửa nhỏ. Giữa sự lặng yên vô cùng này, một trẻ sơ sinh bỗng lên tiếng kêu khóc và một ngày mới bắt đầu.

Ông vốn là một người có tiếng tăm. Ông nằm chết trong gian nhà nhỏ sau tường thành và ngôi vườn, nơi một thời được chăm sóc nay đã bị bỏ bê. Quanh ông là vợ và những

đứa con, thêm vài người bà con gần. Lần đó, cách cả vài tháng hay có thể lâu hơn, trước khi ông chết, cả nhà cũng ngồi quanh ông và căn phòng nặng trĩu đau buồn. Khi tôi vào thì ông yêu cầu mọi người rút lui, họ đi một cách ngập ngừng, chỉ trừ một đứa trẻ nhỏ chơi đồ chơi trên sàn nhà. Khi cả nhà ra hết, ông chỉ cho tôi một chiếc ghế và chúng tôi ngồi đó một thời gian không nói tiếng nào, trong lúc tiếng động trong nhà và ngoài đường phố len tạt vào phòng.

Ông nói một cách khó khăn.

“Ông biết không, đã nhiều năm tôi nghĩ về cuộc sống và nhất là về cái chết, vì tôi bị một chứng bệnh nan y. Cái chết xem ra là một điều kỳ lạ. Tôi đã đọc nhiều sách nói về đề tài này nhưng tất cả đều có vẻ nông cạn”.

Không phải mọi kết luận đều nông cạn hay sao?

“Tôi không chắc như vậy. Nếu ta tới với những kết luận nhất định, chúng thỏa ứng ta một cách sâu sắc thì chúng cũng có ý nghĩa lắm chứ. Có gì sai nếu ta đến với kết luận, miễn chúng thỏa ứng chúng ta?”.

Không có gì sai với điều đó cả nhưng không phải nó vẽ nên một tầm nhìn đánh lạc hướng ta ư? Tâm có cái tài tạo nên mọi dạng hình của vọng tưởng¹ và để vướng mắc trong đó thì thật là không cần thiết và thiếu chín chắn.

“Tôi đã sống một cuộc đời phải nói là giàu sang và theo đuổi những gì tôi cho là trách nhiệm của mình; nhưng đi

1. “Tâm như nhà họa sĩ, vẽ vờl cảnh thế gian”, Kinh Hoa Nghiêm (ND).

nhiên tôi chỉ là một con người. Dù sao cuộc đời tới đây là hết, tôi chỉ còn là một vật vô dụng nhưng cũng may là tâm tôi chưa bị ảnh hưởng gì. Tôi còn đọc nhiều và hăng say hơn bao giờ cả, muốn biết điều gì sẽ xảy ra sau khi chết. Phải chăng tôi sẽ còn tiếp tục hay không còn gì cả một khi cái thân này chết đi?”.

Thưa ông, nếu được phép hỏi thì tại sao ông lại quan tâm đến những gì xảy ra sau khi chết?

“Không phải ai cũng muốn biết cả hay sao?”.

Có thể họ muốn đấy; nhưng nếu ta không biết sống là gì thì làm sao biết chết là gì? Sống và chết có thể chỉ là một chuyện thôi và việc chúng ta cứ tách chia chúng ra có lẽ là nguồn gốc của mối phiền não to lớn này.

“Tôi ý thức những gì ông nói trong tất cả những lần thuyết giảng của ông, nhưng tôi vẫn muốn biết. Ông không sẵn lòng nói cho biết những gì sau khi chết sao? Tôi hứa sẽ không kể lại cho ai nghe”.

Tại sao ông lại cố gắng để biết đến thế? Sao ông không chịu để cho cái biến sinh và tử cứ là như thế, sao cứ muốn chọc ngón tay vào đó?

“Tôi không muốn chết”, ông nói, ông cầm lấy tay tôi, “từ xưa đến nay tôi luôn luôn sợ chết và mặc dù tôi tự an ủi bằng lý trí và niềm tin, chúng chỉ là vỏ ngoài bọc trên sự thống khổ của lòng sợ hãi. Tất cả những gì tôi đọc về cái chết đều là cố gắng để thoát khỏi cái sợ đó, để tìm một lối ra, và đó là lý do mà tôi đang cầu ông cho biết”.

Có sự trốn tránh nào sẽ giải thoát tâm khỏi sự sợ hãi? Không phải sao, mọi hành động trốn chạy đều nuôi dưỡng cái sợ?

“Nhưng ông hãy nói tôi nghe, và những gì ông nói là sự thật. Sự thật này sẽ giải phóng tôi...”

Chúng tôi ngồi yên lặng một hồi lâu. Sau đó ông lại nói.

“Sự lặng yên vừa rồi đã chữa giúp cho tôi hơn tất cả mọi lo âu tra vấn. Tôi mong được ở yên trong đó và được chết trong sự lặng yên, nhưng tâm tôi không chịu bỏ tôi. Tâm tôi trở thành thợ săn và đồng thời là kẻ bị săn đuổi; tôi bị tra tấn hành hạ. Tôi đang đau đớn thể xác nhưng không có gì so được với những gì xảy ra trong tâm. Có một sự tiếp nối của cái tôi sau khi chết? Cái tôi này, cái biết vui, biết buồn, biết nhận thức, nó còn hay mất?”

Cái “tôi” mà tâm ông hằng bám víu và cái mà ông muốn tiếp tục tồn tại là gì? Xin đừng trả lời, hãy lặng yên lắng nghe. Cái “tôi” chỉ tồn tại nhờ sự đồng hóa với tài sản, với danh xưng, với gia đình, với thất bại thành công, với tất cả những gì ông đã là và ông muốn là. Ông chính là cái mà ông tự đồng hóa với nó; ông được xây dựng lên bởi tất cả những cái đó, nếu không có chúng thì ông cũng chẳng có. Những thứ đồng hóa đó, với con người, với tài sản và ý niệm, phải chăng ông muốn những thứ đồng hóa đó sẽ tiếp tục tồn tại sau khi chết; phải chăng nó là một vật sinh động? Hay nó chẳng qua là một khối gồm những ham muốn ngược nhau, những theo đuổi, thỏa mãn và thất vọng, những thú

vui ngầm chứa đầy phiền não¹?

“Những gì ông nói có lẽ đúng, nhưng thà được biết đến vẫn hay hơn không biết gì cả”.

Thật là cái được biết hay hơn cái chưa biết không? Cái được biết thì quá ít, vụn vặt, hạn chế. Cái được biết thì đầy phiền não mà ông thì khao khát muốn kéo dài nó.

“Hãy thông cảm cho tôi, hãy từ bi với tôi, đừng cứng cỏi quá. Tôi chỉ cần biết liệu tôi có chết một cách hạnh phúc không”.

Thưa ông, đừng phấn đấu quá mức như thế chỉ để biết. Khi mọi dụng công muốn biết đã ngưng bật thì sẽ xuất hiện một cái không do tâm tạo dụng nên. Cái chưa được biết lớn hơn cái được biết; thế nhưng cái được biết là một chiếc thuyền đi trên biển cả của cái chưa được biết. Hãy để mọi việc vận hành và cứ là như thế.

Vợ ông vừa đi vào, mang theo thức uống và đưa trẻ đứng dậy chạy ra khỏi phòng mà không nhìn đến chúng tôi. Ông nhờ vợ đóng cửa lại, đừng để cho trẻ vào lại.

“Tôi không lo lắng lắm chuyện gia đình; tương lai của vợ con tôi được bảo đảm rồi. Tôi lo cho chính tương lai của tôi. Trong thâm tâm tôi biết những gì ông nói là đúng, nhưng tâm tôi như một con ngựa đang phi nước đại, không người

1. Krishnamurti giảng “ngũ uẩn” như các thành phần cấu tạo nên dòng tâm thức mà con người thường nhầm có một tự ngã đứng đằng sau. Điều thú vị là tác giả không hề nhắc tới “ngũ uẩn” mà dựa trên tính chất của người đối thoại để giảng lý thuyết vô ngã. Đây là một thí dụ hay cho khả năng “đối cơ thuyết pháp” của tác giả (ND).

cười. Ông có thể giúp tôi không, hay tôi là người vô phương cứu chữa?”.

Chân lý là một điều kỳ lạ; ông càng theo đuổi nó, nó càng vượt ra khỏi tay ông. Ông không thể nắm bắt nó bằng bất cứ phương tiện gì, dù tinh tế hay khôn khéo đến đâu; ông không thể giữ nó trong mạng lưới tư duy của ông. Hãy thấy điều này và cứ để mọi vật tiếp diễn. Trên con đường tử sinh, ông phải đi một mình; trên con đường này không thể sử dụng cái tiện nghi của tri thức, của kinh nghiệm, của ký ức. Tâm thức phải được thanh lọc khỏi tất cả mọi sự mà nó đã thu lượm trong khi tầm cầu sự an toàn; các thần thánh, cái lễ nghĩa của tâm cũng phải trả lại cho xã hội, chỗ đã nuôi dưỡng chúng. Phải có một sự cô tịch hoàn toàn, phi ô nhiễm.

“Đời của tôi sắp hết, hơi thở của tôi đã gần còn ông thì đòi hỏi một điều quá khó: rằng tôi cứ chết mà không cần biết cái chết là gì. Nhưng tôi đã được ông khai thị: cứ để cuộc sống như thế, và có thể sẽ có phúc lạc trong đó”.

SỰ SUY ĐỔI CỦA TÂM

Đọc theo khúc quanh dài và rộng của dòng sông là thị trấn, rất thiêng liêng và cũng rất dơ bẩn. Nơi đây sông lượn một đường cong, sức chảy của nó đập vào bờ cạnh của phố xá, thường phá vỡ những bậc cấp từ trên dẫn xuống nước, trong đó có cả bậc cấp của những ngôi nhà cổ. Nhưng dù có tàn phá trong cơn giận dữ, con sông vẫn thiêng liêng và tuyệt đẹp. Tối nay dòng sông đẹp đặc biệt, mặt trời đang lặn phía dưới thị trấn mờ tối, chìm sau ngôi tháp đơn độc, ngôi tháp như thể cái rước người của cả thị trấn hướng lên bầu trời. Những đám mây sắc vàng ánh đỏ như cháy lên cùng với nét rực rỡ của một mặt trời đã từng du hành trên một vùng đất đẹp thiết tha xen lẫn nỗi sầu khổ. Và khi ánh quang đã phai màu thì trên thị trấn mờ tối xuất hiện một mảnh trăng non, mềm mại và tinh tế. Tại bờ bên kia, cách thị trấn một quãng xa, xuất hiện một cảnh quan say đắm như có ma lực, nhưng lại hoàn toàn tự nhiên không chút giả tạo. Dần dần mảnh trăng non lặn xuống sau mảng tối của thị trấn và ánh đèn bắt đầu xuất hiện; nhưng dòng sông thì vẫn mang ánh sáng của bầu trời đêm, là một ánh vàng rực rỡ với một sự mềm dịu khó tin. Vùng sáng này chính là dòng sông bây giờ đã có hàng trăm thuyền chài. Nhiều người đàn ông xé

tuổi, gầy còm, đen đúa, đang ra sức đẩy thuyền bằng những chiếc sào dài để ngược dòng, chiếc này sau chiếc kia dọc gần bờ sông; bắt đầu từ xóm chài phía dưới thị trấn, mỗi người một chiếc, có khi với một hai đứa trẻ, chống thuyền chầm chậm ngược sông, qua khỏi cây cầu dài và nặng nề. Và bây giờ thì hàng trăm thuyền chài xuôi dòng cùng với con nước chảy mau mang họ về. Họ thả lưới vào đêm để mong đánh bắt những con cá to nặng, dễ chừng cũng hai ba mươi phân; chúng bị vớt thành đống trong những chiếc thuyền lớn hơn buộc sẵn trong bờ, có con còn giãy giụa, để rồi sáng mai sẽ được đem ra chợ bán.

Những con đường trong thị trấn thường đầy những xe bò, xe buýt, xe đạp và người bộ hành, đây đó có một hai con bò. Các ngõ ngách nhỏ hẹp, hai bên là các cửa hàng với ánh sáng mờ mờ, chạy quanh co vô tận với ngõ vào ngõ ra, nay đầy bùn với trận mưa vừa qua và đầy chất bẩn của người và vật. Một trong những đường hẻm đó dẫn đến một bậc thang rộng đi xuống sát bờ sông; và trên những bậc thang đó mọi quang cảnh diễn ra. Một số người ngồi sát bờ sông, mắt khép lại, yên lặng thiền định; kế đó là một người đang hát trước một đám đông hâm mộ đứng che cả các bậc cấp khác; kế đó, nữa là một người ăn xin bị bệnh hủi ngứa bàn tay tiêu tụy, trong lúc một người khác trên trán thoa tro và với đầu tóc bện¹ đang giảng thuyết. Gần đó là một *sannyasi* diện mạo sạch sẽ, áo dài tươm tất, ngồi bất động, mắt nhắm

1. Thoa tro và bện tóc là một trong những truyền thống của tu sĩ Ấn Độ giáo (ND).

nghiên như đang chăm chú hành trì lâu dài và thuần thực. Một người khác khum bàn tay đang yên lặng cầu nguyện trời đất sẽ được thu liễm vào trong tay; một bà mẹ để ngực trần cho con bú, không quan tâm gì đến mọi thứ khác. Phía hạ lưu là những xác chết, được mang đến từ các làng kế cận và từ thị trấn đang mở rộng và dơ bẩn này, rồi chúng sẽ được thiêu trong những giàn hỏa to lớn cùng với tiếng lớp bốc. Nơi đây tất cả mọi thứ đều xảy ra vì đây là thị trấn thiêng liêng nhất trong mọi chỗ thiêng liêng. Nhưng vẻ đẹp của con sông lặng lẽ trôi dờn như xóa bỏ tất cả mọi sự hỗn loạn do con người gây ra, bên trên thì bầu trời nhìn xuống với lòng yêu thương và sự kỳ diệu¹.

Chúng tôi nhiều người ngồi chung với nhau, hai phụ nữ và bốn người nam. Một trong hai chị, có năng khiếu và cặp mắt sắc sảo, được đào tạo rất giỏi ở trong và ngoài nước; chị kia thì khiêm tốn hơn với một cái nhìn chứa nhiều phiền muộn và khấn khoản. Trong cánh đàn ông có một người từng tham gia chính trị nhưng đã từ bỏ đảng phái từ nhiều năm nay, anh đầy sức sống và óc tầm cầu; một người khác là nghệ sĩ, rụt rè và sống nội tâm nhưng cũng mạnh dạn bày tỏ ý kiến khi cần; người thứ ba là một viên chức trong bộ máy nhà nước; và người thứ tư là giáo viên vốn rất tinh tế, nhanh miệng nở nụ cười và hăng say muốn học hỏi.

1. Tác giả nói đến Varanasi tại Ấn Độ, thành phố thiêng liêng nhất của Ấn Độ giáo. Con sông được nhắc đến là sông Hằng, đây là đoạn sông nổi tiếng nhất. Ngày nay ai đến Varanasi cũng vẫn còn thấy những cảnh tượng bên bờ sông Hằng được tác giả mô tả trong đoạn này (ND).

Tất cả mọi người giữ yên lặng một hồi lâu và bây giờ thì người trước kia hoạt động chính trị nói.

“Tại sao ngày nay lại có quá nhiều sự suy đồi trong mọi mặt của cuộc sống? Tôi hiểu những gì ông nói, là quyền thế chủ yếu sẽ sinh ra xấu xa và sự suy đồi. Nếu xem lại lịch sử ta sẽ thấy điều này. Hạt nhân của xấu xa và suy đồi vốn luôn luôn có trong mọi định chế chính trị và tôn giáo, như ta thấy trong các giáo hội suốt bao thế kỷ cũng như trong các đảng phái thời nay, họ hứa hẹn rất nhiều nhưng bản thân họ bị suy đồi và sinh ra chuyên chế. Tại sao mọi thứ đều giảm thiểu chất lượng theo cách thức này?”.

“Chúng ta hiểu biết rất rõ về mọi thứ”, chị phụ nữ thông thái nói tiếp, “nhưng kiến thức xem ra không ngăn chặn được con sâu hư xấu trong lòng người. Tôi viết sách và cũng đã xuất bản một hai cuốn, nhưng tôi cũng thấy tâm ta quá dễ dàng suy thoái một khi nó đã thành thạo một việc gì. Học cách phát biểu thật hay, đào xới lên được những luận đề thú vị hấp dẫn, sử dụng thói quen viết lách, như thế là xong; ta trở nên nổi tiếng và nhờ nó mà ta có kế sinh nhai được rồi. Tôi nói những lời này không phải vì chê bai hay cay đắng do tôi thành công hay thất bại mà vì tôi thấy quá trình này diễn ra trong người khác cũng như trong chính tôi. Hình như chúng ta không thể thoát khỏi sự xói mòn do cái thành thạo và kỹ năng sinh ra. Muốn cho điều gì hình thành ta phải cần năng lực và sáng kiến, nhưng một khi đã khởi động rồi thì hạt nhân của sự suy đồi đã nằm chờ sẵn trong đó. Liệu ta có thoát ra khỏi được quá trình suy đồi này chăng?”.

“Tôi cũng thế”, anh công chức nói, “cũng bị trói buộc trong vòng vây của sự tự hủy. Chúng tôi lên kế hoạch tương lai cho năm hay mười năm, xây dựng đề đập, các ngành công nghiệp mới, tất cả đều tốt và cần thiết cả; nhưng dù đề đập có xây dựng tuyệt đẹp đi nữa, dù thiết bị có vận hành hiệu quả đi nữa, thì mặt khác tư duy của chúng ta cứ càng lúc càng trở thành thiếu hiệu nghiệm, càng ngu dốt và lười biếng. Các thứ máy vi tính và các thiết bị điện tử hơn hẳn con người trong mọi khía cạnh, thế nhưng không có người thì chúng cũng không có. Cuối cùng thực tế là chỉ có một số ít đầu óc chịu hoạt động và sáng tạo; phần còn lại trong chúng tôi chỉ sống nhờ họ, bị ruồng rẫy và thậm chí còn vui thích với sự ruồng rẫy”.

“Tôi chỉ là một giáo viên và tôi quan tâm đến một phương cách giáo dục khác – một cách giáo dục ngăn ngừa được con sâu phá ruồng sinh ra trong tâm. Hiện nay thì chúng ta “giáo dục” một con người sinh động trở thành một ông công chức ngu xuẩn – cho tôi xin lỗi – với một chức vụ quan trọng và một số lương hấp dẫn, hay với món tiền công ba cọc ba đồng của một cuộc sống khốn khổ hơn. Tôi biết những gì tôi nói vì chính tôi bị dính mắc trong đó. Thế nhưng rõ ràng đây là thứ giáo dục mà Nhà nước mong muốn, vì họ đổ tiền vào trong đó và mọi cái mệnh danh là giáo dục, kể cả giáo dục của tôi, đều tăng cường và xúi giục cho sự suy đồi của con người. Có phương cách nào chấm dứt sự suy đồi này không? Xin ông hãy tin là tôi hết sức nghiêm túc với câu hỏi này, tôi không hỏi cho có chuyện đâu. Tôi có đọc một số sách

gần đây về giáo dục và các sách báo đó cũng luôn luôn nói về phương pháp này hay phương pháp nọ. Kể từ khi nghe ông giảng, tôi muốn đặt vấn đề một cách triệt để”.

“Tôi là nghệ nhân nhiều ngành khác nhau và vài ba viện bảo tàng đã mua tác phẩm của tôi. Rất tiếc là tôi phải có cá tính riêng, điều mà tôi hy vọng các vị khác không phiền, vì vấn đề của họ cũng là của tôi. Trong một thời gian tôi theo ngành hội họa, sau đó quay qua gốm sứ, sau đó là tạc tượng. Rõ là có một sự bức xúc duy nhất muốn được tỏ bày trong nhiều cách khác nhau. Sự bức xúc đó là sức mạnh, là một cảm giác lạ thường, nó muốn mang sắc thể. Nó muốn thể hiện chứ không phải con người hay bất kỳ kẻ trung gian nào khác muốn. Có lẽ tôi không trình bày được rõ ràng nhưng ông biết tôi muốn nói gì. Ta phải giữ cái năng lực sáng tạo này luôn luôn sinh động, luôn luôn sẵn sàng, phải giữ nó dưới một áp lực to lớn, cũng như hơi trong lò nấu. Có những giai đoạn mà ta cảm nhận năng lực này và một khi đã nếm trải nó thì không có gì trên đời có thể ngăn ta muốn tới lại với nó. Nhưng kể từ đó thì ta quần quai, luôn luôn bất mãn vì ngọn lửa này không bao giờ ổn định, không bao giờ hiện diện một cách hoàn toàn. Thế nên nó phải được bồi bổ, nuôi dưỡng và mỗi sự bồi bổ lại càng làm nó yếu đi, ngày càng mất đi sự trọn vẹn. Cho nên ngọn lửa tắt lịm từ từ, mặc dù cái khôn khéo và kỹ năng vẫn tiếp diễn, mặc dù ta sẽ trở nên tiếng tăm. Động tác thì còn nhưng lòng yêu thương đã biến mất, trái tim đã chết và như thế mà sự suy đồi bắt đầu”.

Dù mọi cuộc sống của các bạn khác nhau nhưng vấn đề trung tâm là sự suy đồi của tâm. Người nghệ sĩ cảm nhận nó một cách, ông nhà giáo một cách khác nữa; nhưng nếu chúng ta ý thức rõ về diễn biến nội tâm của chính mình và của người khác thì thật là rõ, già cũng như trẻ, là quả thật tâm con người bị suy đồi. Sự suy giảm chất lượng này xem ra nằm sẵn trong mọi hoạt động của bản thân tâm thức. Như một cỗ máy hao mòn trong lúc vận hành, dường như tâm cũng yếu kém đi trong hành động của nó¹.

“Tất cả chúng tôi đều biết thế”, chị phụ nữ thông thái nói, “ngọn lửa, sức sáng tạo, mờ nhạt đi chỉ sau một hai lần cố gắng hết mình, nhưng kỹ năng thì còn và thứ *thế phẩm* cho sức sáng tạo này theo thời gian sẽ thay thế luôn cho chính sự sáng tạo. Chúng tôi biết điều này quá rõ. Câu hỏi của tôi là làm sao giữ sức sáng tạo này còn mãi, đừng để mất sức mạnh và vẻ đẹp của nó”.

Các nhân tố của sự suy đồi là gì? Nếu ta biết rõ chúng có lẽ ta có cách chấm dứt nó.

“Liệu ta có thể nêu lên chẳng những yếu tố riêng biệt một cách cụ thể?”, nhà chính trị ngày trước hỏi. “Sự suy đồi có lẽ đã nằm sẵn trong tính chất của tâm”.

Tâm thức là một sản phẩm của xã hội, của nền văn hóa, trong đó nó được sinh ra và xã hội luôn luôn là một tình

1. Ở đây những người tham dự và tác giả nói đến một vấn đề sâu xa nhất của tâm, đó là khi tâm chiếu hiện thành các dạng thô nặng của vật chất thì nó càng bị mất năng lượng sáng tạo ban đầu, điều mà tác giả gọi là “sự suy đồi của tâm” (ND).

trạng của sự suy đồi, một tình trạng của sự tự hủy hoại từ bên trong. Một tâm thức bị xã hội ảnh hưởng phải ở trong một trạng thái ngày càng giảm thiểu chất lượng.

“Hiển nhiên và chính vì chúng tôi nhận thấy điều đó”, nhà chính trị nói, “nên nhiều người trong chúng tôi làm việc rất cứng rắn thậm chí tàn bạo mà tôi e rằng để xây dựng nên một mẫu hình mới và cứng nhắc cho một chủ trương theo đó xã hội phải như thế nào mới vận hành tốt đẹp. Đáng tiếc thay có một nhóm người tệ hại nhẩy ra nắm quyền lực và tất cả chúng ta đều biết hậu quả của nó”.

Không phải sao, sự suy đồi đã không tránh khỏi ngay khi một mẫu hình được nêu lên như một chuẩn mực cho đời sống cá thể và tập thể rồi? Nếu không phải là định chế xuất phát từ quyền lực thì còn thứ định chế nào khác khi một cá nhân hay một nhóm người cho phép mình đề ra khuôn mẫu cho người khác phải theo? Giáo hội cũng đã làm điều này, bằng quyền lực của cái sợ, của sự xu nịnh và lời hứa hẹn; và vì thế mà làm con người trở thành tù nhân.

“Tôi từng cho là mình biết rõ, cũng như nhà tu sĩ cho là họ biết rõ, quan niệm sống nào là đúng đắn cho con người; nhưng bây giờ, song song với những thứ khác, tôi thấy điều đó thật vô minh ngu xuẩn biết bao. Vấn đề còn lại là, phải chăng sự suy đồi hư hỏng của tâm là số phận chung của chúng ta, không ai thoát khỏi nó?”.

“Liệu chúng ta có thể giáo dục cho con trẻ”, ông thầy giáo nói, “cho chúng biết về sự hư hỏng này không, để chúng tự tránh khỏi điều tệ hại này?”.

Không phải chúng ta đang chạy quanh vấn đề này và không chịu đi vào nội dung hay sao? Chúng ta hãy cùng nhau xem xét. Chúng ta biết tâm thức của mình hư hỏng suy đồi trong nhiều cách khác nhau, tùy theo tâm ý của mỗi người. Chúng ta có thể chấm dứt điều này không? Và chúng ta nghĩ gì về từ “suy đồi”¹? Hãy từ từ đi vào vấn đề. Phải chăng suy đồi là một dạng của tâm, nó được biết đến thông qua sự so sánh với một dạng trọn vẹn của tâm mà có lúc tâm chúng nghiệm được và nhớ biết đến nó cũng như hy vọng sẽ chứng thực lại? Phải chăng suy đồi là dạng của tâm khi bị thất vọng trong sự kiếm tìm thành công, tầm cầu sự chứng nghiệm, vân vân? Phải chăng tâm cố tìm và thất bại khi muốn trở thành một cái gì đó và tự thấy mình bị suy đồi hư hỏng?

“Nó chính là tất cả những thứ đó”, chị phụ nữ nói, “nếu không phải tất cả thì ít nhất là tôi cũng nằm trong một của những cái mà ông vừa mô tả”.

Ngọn lửa mà bà nói đến, nó xuất hiện trong trường hợp nào?

“Nó đến hoàn toàn bất ngờ, không có sự tầm cầu, và khi nó đi thì tôi cũng không kéo lại được. Tại sao ông lại hỏi thế?”.

Nó đến khi bà không tìm kiếm nó, nó đến không phải do ý muốn được thành công của bà, cũng chẳng vì mong ước đạt được niềm vui tai hại muốn hãnh tiến của bà. Bây giờ

1. deterioration.

thì nó biến mất, bà theo đuổi nó, vì nó cho bà ý nghĩa của cuộc sống mà vắng nó thì vô nghĩa, và bây giờ bà cảm nhận có một sự suy giảm trong tâm mình. Đúng thế không?

“Tôi nghĩ thế, mà không phải chỉ mình tôi, đa số người khác cũng thế. Những kẻ khôn ngoan hơn thì xây dựng một nền triết lý quanh những gì nhớ được về những kinh nghiệm đó và như thế mà bắt giữ được một số người ngây thơ trong mạng lưới của họ”.

Không phải tất cả những thứ này gọi lên một cái, mà cái này chính là yếu tố trung tâm và chủ yếu của sự suy đồi?

“Phải chăng ông muốn nói đến tham vọng?”.

Đó chỉ là một mặt của cái tâm điểm đầy khía cạnh khác nhau: sự tập trung năng lực có tính toán, vị kỷ mà năng lực đó chính là cái “tôi”, cái tự ngã, kẻ kiểm tra, người chứng nghiệm và người đánh giá mọi kinh nghiệm. Không phải đó chính là yếu tố trung tâm, yếu tố duy nhất của sự suy đồi hay sao?

“Liệu đó là hành động vị kỷ, chỉ biết lấy mình”, nhà nghệ nhân hỏi, “nếu để thực hiện một điều trong đời mà thiếu lòng say mê sáng tạo thì không có được? Tôi thật khó tin điều đó”.

Nơi đây không có vấn đề nhẹ dạ hay tin tưởng suông. Hãy tiếp tục xét vấn đề. Tình trạng sáng tạo nói trên đến khi bạn không hề mảy mọc nó, nó có đó khi tâm không khẩn cầu. Bây giờ nó đi mất và trở thành một thứ được bạn nhớ đến, bạn muốn tái tạo nó bằng nhiều phép gọi tưởng hay

kích thích khác nhau. Có thể bạn chạm được chút bên lề, cái cạnh ngoài của nó nhưng như thế không đủ và bạn cứ khao khát đến nó. Thế thì, không phải mọi khao khát, dù cao đẹp đến mấy, đều là hoạt động của tự ngã hay sao? Không phải đó là mối lo âu về chính mình sao?

“Có lẽ thế thực nếu ông nhìn cách đó”, người nghệ sĩ thừa nhận, “nhưng lòng khao khát trong dạng này hay dạng khác là động lực của mọi chúng ta, từ ông thánh khổ hạnh đến anh nông dân tầm thường”.

“Phải chăng ông nói”, ông thầy giáo hỏi, “tất cả mọi sự học tập đều ích kỷ? Liệu mọi nỗ lực nhằm cải thiện xã hội đều là hoạt động vị ngã? Không phải giáo dục là một sự cải tiến rộng khắp, để mang lại tiến bộ trong chiều hướng đúng đắn? Khi khép mình vào một mô hình tốt hơn của xã hội, khi đó là ích kỷ sao?”.

Xã hội luôn luôn là một dạng của sự thoái hóa. Không bao giờ có xã hội toàn hảo. Xã hội toàn hảo chỉ có trong lý thuyết, không có trong thực tế. Xã hội được xây dựng trên quan hệ giữa người với người, động lực của nó là ham muốn, khao khát, lòng chiếm hữu, niềm vui ngắn ngủi, lòng mong cầu quyền lực, vân vân... Bạn không thể cải thiện lòng khao khát mà lòng khao khát phải chấm dứt. Cho sự bạo lực một bộ áo văn minh bằng những giá trị nói kiểu nước đôi là không chấm dứt bạo lực gì cả. Dạy cho một cậu sinh viên hãy uốn mình theo tập thể là chỉ khuyến khích người đó bảo vệ cho sự suy đồi tâm thức. Leo những bậc thang của sự thành công, phải trở thành ông này ông nọ, kiếm được

sự thừa nhận của tập thể, đó chính là cốt tủy của cơ cấu xã hội đang thoái hóa và nếu là một phần của nó thì chính là suy đồi.

“Ông cho rằng”, ông thầy giáo ưu tư, “người ta phải quay lưng với thế gian, trở thành người đi tu ẩn dật?”.

So ra thì dễ dàng và thuận lợi nếu ta chỉ từ bỏ thế giới bên ngoài như nhà cửa, gia đình, danh tiếng, tài sản; thế nhưng việc từ bỏ thế giới bên trong là một điều hoàn toàn khác. Đó là từ bỏ tham vọng, quyền lực, thành tích và thật sự là không gì cả, từ bỏ mà không có một động cơ nào, không có một hứa hẹn nào về một tương lai hạnh phúc hơn. Vì người ta bắt đầu nơi chỗ sai, với những điều sai nên cứ mãi nằm trong sự rối loạn. Bắt đầu nơi chỗ đúng thì mới đi được xa.

“Phải chăng ta không được có một phương cách dứt khoát nào để chấm dứt sự suy đồi, sự vô hiệu và lười biếng của tâm?”, người công chức hỏi.

Phương cách hay kỷ luật hàm chứa một động cơ, sự tìm đến một mục đích và không phải đó đã là một hành động vị kỷ hay sao? Trở thành người đạo đức cũng là một quá trình vị kỷ, nó dẫn đến sự được nể nang. Nếu bạn bồi dưỡng trong bạn một tinh thần bất bạo động thì bạn vẫn còn bạo động, nhưng dưới một cái tên khác. Ngoài tất cả cái đó ra ta còn một dạng khác của sự suy đồi: mọi dụng công dù tinh tế đến đâu cũng là sự suy đồi. Nói thế nhưng điều này không hề bệnh vực cho sự lười biếng.

“Ôi trời, rõ là ông đang lấy đi tất cả của chúng tôi”, người

công chức kêu lên. “Và khi ông lấy hết thì còn lại cho chúng tôi cái gì, không có gì cả!”.

Sự sáng tạo không hề là một quá trình của sự trở nên hay thành tựu mà là một dạng sống trong đó mọi cố gắng vị kỷ hoàn toàn ngưng bật. Nếu cái tôi cố văng mặt thì cái tôi cứ hiện diện. Tất cả mọi dụng công của cái mà ta mệnh danh là tâm thức phải ngưng bật, vắng bóng động cơ, vắng bóng xui khiến.

“Cái đó chính là cái chết, không phải sao?”.

Cái bị chết chính là tất cả những gì được biết, chính là cái tôi. Chỉ khi nào toàn thể tâm thức lặng yên thì cái sáng tạo, cái vô danh xuất hiện.

“Thế thì ông nghĩ tâm thức là gì?”.

Cái ý thức lẫn cái vô ý thức, cái ẩn mật sâu kín của trái tim cũng như những khía cạnh được đào tạo của bộ óc.

“Tôi đã lắng nghe”, chị phụ nữ nói, “và thâm tâm tôi hiểu ngộ”.

NGỌN LỬA BẤT MÃN

Trong nắng mai, lá cây ngoài cửa sổ đang chiếu thành những chiếc bóng nhảy múa trên bức tường trắng của căn phòng. Một làn gió nhẹ thổi, những chiếc bóng đó không bao giờ nằm yên; chúng cũng sinh động như bản thân các chiếc lá. Vài ba chiếc lá rung động nhẹ nhàng, với âm sũng và sự êm dịu, nhưng những chiếc lá khác run rẩy dữ dội, dần xóc và bất an. Mặt trời vừa lên cao sau ngọn đồi với khu rừng rậm. Ban ngày sẽ không nóng lắm vì có gió nhẹ thổi từ núi tuyết trên miền bắc xuống. Vào những giờ sáng sớm này có một sự an tĩnh kỳ lạ – sự an tĩnh của trái đất còn ngủ trước khi con người bắt đầu lao vào sự nhọc nhằn. Trong niềm an tĩnh này bỗng có tiếng kêu thất thanh của loài kền kền, chúng sợ hãi bay ra ruộng hay vào rừng; có tiếng gọi khàn khàn của giống quạ và tiếng chim ríu rít; có tiếng còi xe lửa từ xa, tiếng còi hụ báo giờ của một cơ xưởng. Đó là giờ mà tâm còn mở rộng như bầu trời và còn dễ bị thương tổn như lòng yêu thương.

Con đường đông nghẹt và mọi người đi bộ trên đường không mấy quan tâm đến xe cộ lưu thông; họ vui vẻ bước qua một bên nhưng lễ ra họ phải quay nhìn sau lưng xem cái gì phát ra tiếng ồn ào. Đó là xe máy, xe buýt và xe bò,

cũng như xe kéo chở đầy ngũ cốc. Các cửa hàng bán đủ thứ hàng nhu yếu, từ chiếc kim cho đến xe hơi, tràn ra cùng với người.

Con đường này cũng dẫn qua khu phố sang trọng của thành phố, một nơi với sự cách biệt và vén khéo thường có, để cuối cùng đường dẫn ra phía làng mạc và cách đó không xa là ngôi mộ nổi tiếng. Bạn bỏ xe ở cổng ngoài, leo lên một ít bậc cấp, đi dưới cổng hình vòm và vào trong một khu vườn được chăm sóc chu đáo. Đi dọc theo một con đường cát, leo thêm vài bậc cấp, bạn lại chui qua dưới một cổng hình vòm khác với gạch men xanh, và sau đó đi vào vườn trong với một bức tường che trọn xung quanh. Thật là vĩ đại: hàng mẫu bãi cỏ xanh hấp dẫn, những hàng cây và suối nước đáng yêu. Trong bóng cây trời mát dịu và tiếng thác đổ nghe thật vui thích. Lối đi vòng dọc bờ tường men theo đám cỏ có đường viền với đầy hoa lá rực rỡ; và ta cũng cần một lúc lâu mới đi cho hết vòng. Đi trên lối cắt ngang bãi cỏ, bạn sẽ tự hỏi tại sao biết bao không gian và vẻ đẹp cũng như sức lao động được dành cho một ngôi mộ. Bây giờ thì bạn leo lên một loạt những bậc cấp và đến một sân thượng rộng rãi được lót bằng những phiến sa thạch màu nâu đỏ. Trên sân thượng này, nhà mồ vươn cao một cách trang nghiêm. Nhà mồ được xây bằng đá cẩm thạch mài trơn láng và chiếc quan tài đơn độc cũng bằng cẩm thạch nằm bên trong như sáng lên dưới ánh sáng dịu của mặt trời đã được lọc qua những cửa sổ có lưới rèm mắt cáo. Có một cái gì cô tịch nằm trong sự bình an, mặc dù xung quanh đầy vẻ hùng tráng và mỹ thuật.

Từ sân thượng bạn có thể thấy thành phố cổ, với những kiến trúc mái vòm và các lối đi, nổi với đô thị mới, với tháp xây bằng kết cấu thép dùng cho đài phát thanh. Thật là kỳ lạ khi thấy hai cái mới cũ gặp nhau và tác động của nó làm lay động cả lòng người. Dường như quá khứ và hiện tại của toàn bộ đời sống nằm trước mắt bạn như một thực tế giản đơn, không có sự can thiệp của con người kiểm tra và sự lựa chọn của nó. Chân trời xanh vươn xa ra khỏi đô thị và cánh rừng; nó sẽ mãi mãi là nó, trong lúc cái mới đã trở thành cái cũ.

Nhóm họ có ba người, tất cả còn rất trẻ, một người anh, cô em gái và một người bạn. Ý phục của họ tươm tất. Chắc hẳn họ là những người được học hành đến nơi đến chốn nên họ nói nhiều thứ tiếng một cách dễ dàng; họ lại còn có khả năng bàn về những cuốn sách mới xuất bản gần đây nhất. Thật là lạ khi thấy họ ở trong một căn phòng trống trải, chỉ có hai chiếc ghế và một trong hai người đàn ông phải ngồi tạm trên sàn nhà, làm nhăn nếp gấp của chiếc quần khéo ủi¹. Một con chim sẻ làm tổ ngay ở bên ngoài bồng nhiên xuất hiện trên ngưỡng cánh cửa sổ đang mở, thấy những khuôn mặt lạ, nó vỗ cánh bay mất.

“Chúng tôi gặp để xin trao đổi với ông về vài chuyện có tính cách cá nhân”, người anh nói, “chúng tôi hy vọng không làm ông phiền. Cho phép tôi được bắt đầu ngay. Ông thấy

1. Người ta được biết Krishnamurti thường quan tâm đến sự ăn mặc tươm tất. Giữa ông và M.K.Gandhi, lãnh tụ giành độc lập người Ấn Độ, có sự khác biệt một trời một vực về điều này (ND).

là cô em của tôi đang ở trong một giai đoạn hết sức đáng áy ngại. Cô ấy ngại kể ông nghe nên bây giờ tôi đành phải nói. Chúng tôi rất thương nhau và hầu như không bao giờ phải xa nhau từ hồi còn rất nhỏ. Cuộc sống của chúng tôi thì không có gì đáng nói nhưng cô em của tôi thì đã hai lần lấy chồng và hai lần li dị. Chúng tôi đã cùng nhau chịu đựng. Các ông chồng thì cũng phải chắng cả, thế nên tôi đâm lo cho em tôi. Chúng tôi đi hỏi ý kiến của một nhà tâm lý nổi tiếng, nhưng cũng không xong. Chuyện đó thì cũng không cần kể hết. Mặc dù tôi chưa trực tiếp gặp ông lần nào nhưng đã biết về ông từ nhiều năm nay và cũng đọc sách viết về các bài giảng của ông, nên tôi thuyết phục cô em và người bạn chung của chúng tôi đi với tôi đến đây”. Anh ngập ngừng một lát rồi nói tiếp.

“Cái khó của chúng tôi là em tôi xem ra không hài lòng với bất cứ cái gì. Nói cho đúng thì không có gì làm cô em thỏa mãn hay vui lòng được cả. Sự bất mãn trở thành tính khí của cô và nếu có gì không ổn thì cô phá bỏ tất cả”.

Không phải là một điều tốt sao nếu ta bất mãn?

“Trong chừng mực nhất định thì được”, người anh đáp, “nhưng việc gì cũng có giới hạn của nó, ở đây thì cô đi quá xa”.

Có điều gì sai nếu ta hoàn toàn bất mãn? Cái mà ta hay gọi là bất mãn là sự không được mãn nguyện do một ý muốn không được thực hiện. Đúng thế không?

“Có lẽ thế, nhưng cô em thử làm nhiều điều quá, kể cả hai lần hôn nhân nọ và cô không thấy hạnh phúc với cả hai.

May thay hai lần không có con, nếu không thì vấn đề còn phức tạp hơn nhiều. Nhưng bây giờ thì cô phải tự nói, tôi chỉ muốn giúp cho trái bóng bắt đầu lăn”.

Sự hài lòng là gì và sự bất mãn là gì? Sự bất mãn có mang đến sự hài lòng không? Những khi bất mãn có lúc nào cô tìm thấy sự hài lòng?

“Không có gì thật sự làm tôi vui lòng cả”, người phụ nữ nói, “Chúng tôi thuộc gia đình khá giả, nhưng những thứ tiền bạc mua được cũng đã mất ý nghĩa. Tôi cũng đọc nhiều sách vở và tôi chắc chắn ông cũng biết, là chúng không đưa đến đâu cả. Tôi cũng thử theo học vài hệ tôn giáo, nhưng các thứ đó có vẻ giả tạo làm sao; và sau đó không còn gì cả. Tôi đã suy nghĩ nhiều về điều này và tôi rõ là không phải vì mình không có con mà ra thế. Nếu có con, tôi sẽ rất thương con và cho con mọi thứ nhưng chắc chắn là cái giày vò của sự bất mãn vẫn cứ còn. Tôi không sao tìm ra cách giải quyết được như phần lớn mọi người, bằng cách có những hoạt động hay thú vui khác. Nếu được như thế thì đã thuận buồm xuôi gió, thì dù cho có gió mạnh đi nữa, điều mà trong đời không tránh khỏi, thì cuối cùng ta cũng đến được khu vực bình yên. Còn tôi thì thấy mình như luôn luôn ở trong một cơn bão, không hề có một bến bờ an toàn nào. Tôi muốn tìm ở đâu đó một sự tiện nghi an toàn, nhưng như đã nói, tôn giáo đối với tôi hoàn toàn ngu ngốc, không có gì ngoài sự mê tín. Mọi thứ khác, kể cả sự tôn trọng Nhà nước, cuối cùng cũng chỉ là một cách thay thế cho cái đích thực – mà tôi lại không biết cái đích thực là gì. Tôi cũng thử giải trí bằng đọc nhiều

luyện đề khác nhau, kể cả triết lý tuyệt vọng của Pháp¹, nhưng cuối cùng tôi vẫn trắng tay. Thậm chí tôi đã thử vài ba thứ ma túy loại mới nhất, nhưng quả thật đó chỉ là hành động cùng cực của sự tuyệt vọng. Làm như thế cũng chẳng khác nào tự tử. Bây giờ thì ông đã nghe tôi kể hết rồi”.

“Cho phép tôi nói một câu”, người bạn nói, “theo tôi nghĩ thì mọi sự được giải quyết nếu cô tìm được một điều mà cô ưa thích thật sự. Nếu có một đam mê nào đó chiếm trọn tâm hồn và đời sống của cô thì sự bất mãn đang xoi mòn cô sẽ tan biến. Tôi quen cô và anh cô từ nhiều năm nay và luôn luôn nói cái khốn khổ của cô là do cô không có một cái gì làm cô say mê cả. Thế nhưng không ai để ý lời tôi nói”.

Thế thì xin hỏi tại sao cô không tránh bị bất mãn. Tại sao cô cứ để cho sự bất mãn gặm nhấm? Và cô hiểu bất mãn là thế nào?

“Đó là một nỗi đau, một sự khắc khoải đang hành hạ và dĩ nhiên là tôi muốn thoát khỏi nó. Thế nhưng trong tôi cũng có một dạng tự hành hạ, tự muốn nằm lại trong đó. Nói gì thì nói, ta cần phải sống hạnh phúc chứ không để cho cái đau của sự bất mãn lôi kéo không ngừng”.

Dĩ nhiên tôi không khuyên cô cứ vui với nỗi đau đó hay ráng chịu nó cho qua, nhưng tại sao cô lại tìm cách trốn thoát nó bằng một việc khác thú vị hơn hay bằng một thứ thỏa mãn khác lâu dài hơn làm gì?

1. philosophy of hopelessness. Trong thời kỳ khoảng trước Thế chiến thứ hai, triết lý hiện sinh do Jean Paul Sartre chủ trương bị hiểu lầm một cách rộng rãi là “triết lý tuyệt vọng” (ND).

“Không phải đó là điều tự nhiên nhất hay sao?”, người bạn hỏi, “Nếu ông đau khổ hẳn ông muốn hết khổ”.

Chúng ta không hiểu nhau. Khi nói bất mãn là chúng ta nói điều gì? Chúng ta không đi tìm cách giải thích về mặt ngôn từ, cũng chưa tìm tòi nguyên nhân của bất mãn. Chúng ta sẽ tìm nguyên nhân của nó ngay đây thôi. Điều mà bây giờ chúng ta đang làm là hãy tìm hiểu tình trạng của tâm khi tâm bị vướng trong nỗi đau của bất mãn.

“Nói cách khác, tâm tôi hoạt động thế nào khi nó bất mãn? Tôi không biết, chưa bao giờ tôi tự hỏi điều này. Cho tôi nghĩ xem. Trước hết, xin hỏi, tôi hiểu vấn đề có đúng không?”.

“Tôi nghĩ mình hiểu những gì ông hỏi”, người anh nói, “*Cảm nhận* của tâm thế nào khi tâm quần quai vì bất mãn? Phải thế không?”.

Gần gần thế. Một cảm nhận là một cái gì tồn tại hoàn toàn riêng, không đồng nghĩa với cái vui hay nỗi khổ của chính cảm nhận¹.

“Như thế thì làm sao có cảm nhận được?”, cô em nói, “nếu nó không được đồng hóa với niềm vui hay nỗi khổ?”.

Phải chăng sự mệnh danh “vui buồn” sinh ra cảm nhận? Có cảm nhận nào không bị mệnh danh, không bị xác định vui buồn không? Bây giờ chúng ta đi vào câu hỏi này ngay

1. Cảm nhận: feeling. Tác giả muốn phân biệt “cảm nhận” và sự xác định vui buồn về cảm nhận đó. Thuật ngữ Phật giáo gọi hai dạng tâm thức đó là “thọ” và “tưởng” (ND).

đây, nhưng xin hỏi lại, cái ta gọi “bất mãn” là cái gì? Phải chăng bất mãn tồn tại độc lập trong dạng một cảm nhận riêng hay nó liên hệ với một điều gì?

“Nó luôn luôn liên hệ với một yếu tố khác, với một thôi thúc, ham muốn hay ý thích”, người bạn nói, “Luôn luôn phải có một nguyên nhân, sự bất mãn chỉ là một triệu chứng. Chúng ta muốn đạt được cái gì và nếu không được thì chúng ta bất mãn. Tôi nghĩ đó là nguồn gốc của bất mãn”.

Đúng thế không?

“Tôi không biết, tôi chưa hề nghĩ xa như thế”, cô em đáp lời.

Cô không biết tại sao mình bất mãn? Phải chăng tại vì cô không tìm thấy một cái gì đó mà với nó cô quên cả chính mình? Và nếu quả thật cô tìm thấy một niềm vui thích hay hoạt động nào đó mà tâm cô hoàn toàn cống hiến cho nó, phải chăng cô sẽ hết khổ vì bất mãn? Phải chăng cô muốn mãn nguyện bằng cách đó?

“Trời, không phải thế”, cô em kêu lên, “như thế thì kinh khủng quá, đó chỉ là sự ngưng trệ”.

Nhưng không phải đó chính là điều mà cô tìm kiếm hay sao? Mãn nguyện với cách đó thì cô cũng sợ mà mặt khác cô lại đang tìm cách thoát khỏi sự bất mãn, thế nên cô đang đi tìm một thứ mãn nguyện tối thượng, không phải sao?

“Tôi nghĩ mình không đi tìm sự mãn nguyện, tôi chỉ muốn thoát khỏi cái khốn khổ triền miên của sự bất mãn”.

Hai ý thích này có khác nhau chăng? Phần lớn mọi người

đều bất mãn nhưng họ kiềm chế bớt bằng cách tìm một cái gì làm mình mãn nguyện. Họ cũng thực hiện được một cách máy móc và cuối cùng họ đi gieo rắc lẫn thu nhận sự cay đắng, nhạo báng, vãn vãn... Phải đó là điều mà cô tìm kiếm?

“Tôi không muốn nhận được sự nhạo báng và cũng không muốn gieo rắc nó, đó thật là ngu xuẩn. Tôi chỉ muốn giảm nhẹ cái khổ của sự bất ổn này”.

Sự đau khổ chỉ có khi cô chống lại sự bất ổn, khi cô muốn thoát khỏi nó.

“Ông cho rằng tôi phải nằm yên trong tình trạng này sao?”.

Cô hãy lắng nghe. Cô lên án tình trạng hiện nay, tâm cô chống lại nó. Sự bất mãn là một ngọn lửa cần phải được giữ luôn luôn cháy sáng và đừng bị bóp chết bởi một ý thích hay hoạt động nào khác do phản ứng chống lại cái khổ sinh ra. Sự bất mãn chỉ sinh đau khổ khi nó bị đề kháng. Một người chỉ biết mãn nguyện, không hiểu ý nghĩa toàn vẹn của sự bất mãn là người say ngủ; người đó sẽ không biết nhạy cảm trước sự vận động toàn thể của cuộc sống. Sự mãn nguyện là một thứ thuốc an thần và tương đối dễ tìm. Nhưng muốn hiểu ngộ ý nghĩa toàn vẹn của sự bất mãn thì sự tìm kiếm cái an toàn phải ngưng bật.

“Không cần được an toàn, tâm trạng đó khó không?”.

Ngoại trừ sự an toàn vật chất, còn có sự an toàn nào khác không, có sự vĩnh viễn nào về mặt tâm thức không? Hay ở đây chỉ toàn sự vô thường? Tất cả mối liên hệ đều vô thường; tất cả mọi tư tưởng với biểu tượng, ý hướng, phóng chiếu

của chúng đều vô thường. Tài sản sẽ mất và bản thân mạng sống cũng sẽ chấm dứt với cái chết, trong sự vô minh, dù cho con người có xây dựng hàng ngàn cấu trúc khôn khéo của tôn giáo và niềm tin mong vượt lên nó. Chúng ta cứ cách ly cái sống và cái chết nên cuối cùng không hiểu cả hai. Mãn nguyện và bất mãn như hai mặt của một đồng tiền. Muốn thoát khỏi cái đau của bất mãn, tâm phải chấm dứt tìm kiếm sự mãn nguyện.

“Khi đó thì cũng không còn sự thành tựu?”.

Sự thành tựu cho cá nhân mình chỉ là một sự tầm cầu hảo huyền. Trong thực chất của sự thành tựu này chỉ có sợ hãi và thất vọng. Cái đã đạt được sẽ trở thành tro tàn, rồi ta lại tranh đấu để đạt tới, lại bị giam hãm trong buồn phiền. Một khi đã hiểu thấu toàn bộ quá trình này, thì sự thành tựu cho mình trong mọi khuynh hướng, mọi mức độ sẽ không còn nghĩa lý gì cả.

“Khi đó thì sự phấn đấu chống lại cái bất mãn chính là bóp chết ngọn lửa của đời sống”, cô gái kết luận, “tôi nghĩ là đã hiểu ý nghĩa của những gì ông nói”.

MUỐN THAY ĐỔI XÃ HỘI, BẠN PHẢI TÁCH RA KHỎI NÓ

Sáng nay biển rất lặng, so hơn bình thường nhiều vì gió hướng nam đã ngừng thổi và trước khi gió đông bắc bắt đầu, biển nghỉ ngơi một chút. Cát được mặt trời và nước mặn tẩy trắng, trong gió có một mùi nồng của ô-zôn, trộn với mùi rong biển. Trên bãi bây giờ không còn ai và bây giờ chỉ mình ta với biển. Những con cua loại to, một chiếc càng to hơn chiếc kia, bò quanh chậm chạp, nhìn ngó cẩn thận, chiếc càng to hươ trong không. Cũng có những loại còng thường sống trên bãi, chúng hay chạy ào đến sóng biển hoặc lao vào trong những chiếc lỗ tròn nằm chôn trong cát ướt. Hàng trăm con chim mòng biển đang đậu, nghỉ bay, vỗ cánh và rỉa lông cho nhau. Quầng dương vừa ló lên khỏi mặt biển và chiếu một vệt vàng sáng loáng trên mặt nước biển tĩnh lặng. Dường như mọi thứ đều đợi phút giây này và khi nó đến thì nhanh biết bao! Mặt trời ngày càng lên cao trên biển, bây giờ biển yên tĩnh như một cái hồ nằm ẩn trong rừng sâu. Không một cánh rừng nào có thể kiềm chế nổi những khối nước này, chúng có khi nào chịu yên, chúng quá mạnh mẽ và to lớn; nhưng sáng nay chúng tĩnh lặng, hòa bình và mời gọi.

Dưới một tàng cây trên bờ cát và nước xanh phô diễn cuộc sống của cua còng, nước mặn và chim mòng biển. Loài chim này thân lớn, sặc đen, chúng lao đi vùn vụt, không hề thắc mắc mình sẽ đi về đâu. Chúng leo lên cây, rồi đột nhiên đi lon ton xuống đất không vì lý do gì cả. Hai ba con dừng lại một cách nóng nảy, lắc lư chiếc đầu, rồi với một sức mạnh hung hăng, chúng ào tới một miếng gỗ mà chúng đã hàng trăm lần xem xét; chúng lại xem xét miếng gỗ với sự tò mò cao độ, sau đó một giây, chúng lại bỏ. Thật là tĩnh lặng dưới gốc cây, mặc dù mọi sự vẫn diễn ra sinh động xung quanh. Không có một hơi gió lắc lư giữa các chiếc lá, nhưng mỗi chiếc lá đều chan chứa vẻ đẹp và ánh sáng ban mai. Có một sức sống mãnh liệt xung quanh ngọn cây – không phải sự căng bức đáng sợ khi phải thi triển, phải thành tựu, mà là cường độ tràn đầy được thuộc về cái toàn thể; giản đơn, cô tịch nhưng lại là một phần của địa cầu. Sắc màu của lá, của vài đóa hoa, của thân cây màu sẫm được nhân lên gấp bội lần, và những cành cây dường như mang vác cả bầu trời. Trong bóng mát của tàng cây có một điều thật là sáng tươi và sinh động không thể tin được.

Thiền định là sự gia tăng cường độ của tâm được xảy ra trong sự tĩnh lặng hoàn toàn. Tâm không phải lặng yên như một con thú vô vị, đầy âu lo hay đã bị khép mình vào kỷ luật, mà lặng yên như khối nước ôm trọn nhiều chiều sâu của mình. Sự lặng yên của nó không giống như loại yên tĩnh của mặt nước khi lặng gió. Sự lặng yên này có một sức sống và một sự vận động của riêng nó, sự vận động liên quan

đến dòng chảy mặt ngoài của cuộc sống, nhưng lại không bị dòng chảy đung đến. Cường độ của nó không phải như của một cỗ máy được chế tạo bởi những bàn tay khôn ngoan khéo léo; mà nó giản đơn và tự nhiên như lòng yêu thương, như ánh sáng, như một dòng sông đầy nước.

Ông nói mình ngập ngụa trong trường chính trị đến mang tai. Ông đã làm tất cả mọi thứ thông thường để leo lên các bậc thang của danh vọng – lui tới với những nhân vật đáng tiếp xúc, thân cận với các nhà lãnh đạo mà họ cũng đã từng leo đúng những bậc thang đó – và ông cũng leo lên khá nhanh. Ông đã được đưa ra nước ngoài trong những phái đoàn công tác quan trọng và được nhiều người trọng vọng; vì ông là người thành tâm và liêm chính, mặc dù ông cũng đầy tham vọng như những người khác. Cần nói thêm ông là người ham đọc, phát biểu một cách dễ dàng những gì cần nói. Thế nhưng bây giờ, nhờ nhiều dịp may, ông đã thấm mệt với cái trò chơi muốn giúp nước giúp nhà bằng cách tự bốc mình lên, bằng cách trở nên một nhân vật quan trọng. Ông thấy thấm mệt không phải vì ông không leo cao lên được nữa, mà vì với một quá trình tự nhiên của trí thông minh, ông đã tới với nhận thức, sự cải thiện con người không nằm nơi hoạch định, nơi hiệu quả, nơi sự tranh giành quyền lực. Cho nên ông vứt bỏ tất cả, và bắt đầu chiêm nghiệm toàn bộ cuộc sống một cách mới mẻ.

Ông hiểu toàn bộ cuộc sống là sao?

“Tôi đã dành nhiều năm để ngồi bên bờ một con sông và tôi muốn dành những năm còn lại của đời tôi để ngồi bên

bờ sông ấy. Mặc dù đã ham thích đấu tranh chính trị từng giờ từng phút, tôi rời bỏ chính trường không chút luyến tiếc, và bây giờ tôi muốn cống hiến cho sự tiến bộ xã hội từ đáy lòng chứ không với tâm tính toán triền miên nữa. Điều gì mà xã hội đã cho tôi, tôi sẽ trả lại gấp mười lần”.

Xin hỏi, tại sao ông lại suy nghĩ trong cách cho và nhận?

“Tôi đã nhận quá nhiều từ xã hội, và những gì tôi đã được thì tôi phải trả gấp bội lần”.

Ông được gì từ xã hội?

“Tất cả những gì tôi có: ngân khoản của tôi, học vấn của tôi, tên tuổi của tôi. Ô, nhiều thật!”.

Thực tế là ông không nhận được gì từ xã hội cả, vì ông chính là thành phần của xã hội. Nếu ông là một thực thể tách lìa nó, không dính líu với xã hội, thì ông có thể trả lại những gì ông đã nhận. Thế nhưng ông là phần của xã hội, phần của nền văn hóa, chính nó đã xây dựng thành bản thân ông. Ông có thể trả lại một số tiền vay mượn, nhưng ông trả lại được gì khi ông vẫn còn là phần của xã hội?

“Nhờ xã hội mà tôi có tiền bạc, thực phẩm, quần áo, nhà cửa, tôi phải trả lại một điều gì đó. Tôi đã hưởng lợi bằng cách thu lượm trong khuôn khổ của xã hội, và thật là vô ơn bạc nghĩa nếu tôi xoay lưng với nó. Tôi phải làm một công trình nào đó cho xã hội, công trình tốt đẹp theo nghĩa rộng chứ không phải như một người “ta đây cải tạo thế giới””.

Tôi hiểu ông nói; nhưng ngay cả khi ông trả lại tất cả những gì đã kiếm được, liệu điều nó sẽ giải nợ cho ông

không? Những gì mà xã hội mất mát cho ông thì tương đối dễ trả, ông có thể tặng lại cho người nghèo hay Nhà nước. Sau đó thì sao? Ông vẫn còn “bổn phận” với xã hội vì ông là phần của nó, ông là một trong những công dân của nó. Khi còn thuộc về xã hội thì ông còn tự đồng hóa với nó, ông là người cho đồng thời vừa là kẻ nhận. Ông gìn giữ nó, ông hỗ trợ cho cấu trúc của nó, không phải sao?

“Đúng thế, tôi đúng là người như ông nói, là phần hội nhập của xã hội; nếu không thế thì tôi không tồn tại. Vì tôi chính là phần xấu lẫn phần tốt của xã hội, tôi gạt bỏ cái xấu, duy trì cái tốt” .

Trong một nền văn hoá hay một xã hội nhất định, cái gọi là “tốt” là cái được sự thừa nhận chung, được nể nang kính trọng. Ông muốn duy trì cái được xem là cao quý nằm trong cấu trúc của xã hội, phải không?

“Cái mà tôi muốn thay đổi chính ra là mẫu hình của xã hội mà trong đó con người bị ràng buộc. Tôi nói thế với tất cả sự nghiêm túc”.

Mẫu hình xã hội là do con người tạo dựng ra, nó không độc lập với con người, mặc dù nó tồn tại khách quan và ngược lại con người cũng không độc lập với nó; cả hai tương quan lẫn nhau. Thay đổi trong phạm vi một mẫu hình là không thay đổi gì cả; nó chỉ là sự cải cách, sự điều chỉnh. Chỉ khi ta bứt phá ra khỏi mẫu hình mà không xây dựng nên một cái khác, ông mới “giúp” được xã hội. Khi còn nằm trong xã hội, ông chỉ làm cho nó thêm suy đồi. Tất cả mọi xã hội, kể cả những xã hội không tưởng tuyệt diệu nhất, đều chứa

đựng trong bản thân nó mầm mống của sự suy đồi. Muốn thay đổi xã hội, ông phải đứng tách ra khỏi nó. Ông phải chấm dứt, không còn là cái mà xã hội đang là: như sự chiếm hữu, lòng tham vọng, sự ham muốn, lòng hăm quyền lực, vân vân...

“Ông cho rằng tôi phải trở thành nhà tu, thành *sannyasi*?”.

Chắc chắn không. Người đi tu chỉ từ bỏ dạng hình hiển hiện bên ngoài của thế giới, của xã hội, nhưng bên trong họ vẫn là phần của nó; người đó vẫn còn bị thiêu đốt bởi lòng ham muốn được thành tích, được đạt tới, được trở thành.

“Vâng tôi thấy”.

Vì ông đã thiêu đốt mình trong trường chính trị, vấn đề của ông không phải chỉ là sự bứt phá khỏi xã hội, mà ông phải một lần nữa trọn vẹn tới với đời sống, với lòng thương yêu, và phải biết giản dị. Nếu vắng lòng thương yêu thì dù có làm gì đi nữa, ông cũng không biết đến cái hành động toàn thể mà chỉ nó mới cứu được con người.

“Đó là sự thật, chúng tôi không biết yêu thương, chúng tôi không thật sự giản dị”.

Tại sao thế? Vì ông cứ quan tâm đến sự cải cách, đến trách nhiệm, đến sự trọng vọng, đến sự trở thành một cái gì, đến sự thay đổi từ phía này qua phía khác. Nhân danh một người khác, ông quan tâm lại chính mình, ông bị ràng buộc trong vỏ sò của bản thân ông. Ông cho rằng mình là trung tâm của trái đất tuyệt diệu này. Không bao giờ ông biết nghỉ

để nhìn một ngọn cây, một đóa hoa, một dòng sông đang chảy; và nếu có dịp nhìn, đôi mắt ông vẫn đầy ngập những điều của tư duy chứ không chứa được vẻ đẹp và lòng thương yêu.

“Một lần nữa, đó là sự thật, nhưng ta phải làm gì?”.

Hãy cứ nhìn và hãy giản dị!

NƠI NÀO CÓ TỰ NGÃ, NƠI ĐÓ KHÔNG CÓ LÒNG THƯƠNG YÊU

Bụi hồng nằm ngay sau cổng được phủ đầy với những đóa hoa đỏ rực, đậm mùi thơm; đàn bướm dập dìu trên những cánh hoa. Còn có cúc vạn thọ và đậu Hà Lan đang nở hoa. Khu vườn nằm cao trên bờ sông đầy ánh dương vàng rực của buổi chiều tà. Thuyền chài, dáng như những chiếc *gondola*¹, nằm tối sẫm trên mặt sông yên tĩnh. Khu làng nằm trong rừng cây bên kia sông hẳn phải xa hơn cả cây số, thế nhưng tiếng người vẫn vang rõ qua sông. Từ cổng vườn một lối đi dẫn xuống bờ sông. Lối đi đưa đến một con đường gập ghềnh mà dân làng hay lui tới thị trấn. Con đường này chấm dứt với bờ của một dòng nước dẫn vào con sông lớn. Bờ nước này không phải bờ cát mà nặng trĩu đất sét ẩm ướt, nếu chân bước sẽ lún đất. Tại đây, người ta đang muốn xây một chiếc cầu tre bắc qua dòng nước, nhưng bây giờ thì chưa, chỉ có một chiếc xà lan thô sơ lạng lẹ chở dân làng về nhà sau một ngày buôn bán ngoài thị trấn. Hai người chống thuyền chở chúng tôi qua sông, dân làng ngồi từng nhóm trong hơi lạnh buổi tối. Một lò than nhỏ được đốt lên

1. Loại thuyền đáy bằng thường dùng để đi trên sông (ND).

khi trời sẫm hơn, đồng thời ánh trăng bắt đầu soi sáng. Một cô bé nhỏ đội trên đầu một chiếc giỏ đựng củi, cô đã hạ giỏ xuống sàn lúc qua sông và bây giờ thì khó mà đưa lại được lên đầu. Thật là khó cho cô bé còn nhỏ nhưng nhờ có người giúp sức, cô đã để giỏ củi cẩn thận trên cái đầu nhỏ, và nụ cười của cô như lấp đầy cả vũ trụ. Tất cả hành khách leo lên bờ dốc với những bước chân cẩn thận và không lâu sau, dân làng lại tít tít trên đường.

Nơi đây là làng quê vườn ruộng và đất đai hết sức màu mỡ với phù sa của bao thế kỷ. Vùng đất bằng phẳng, được chăm bón cẩn thận, lác đác có vài cội cây già tuyệt diệu, vươn mình về phía chân trời. Đó là những cánh đồng trồng đậu Hà Lan ngọt mang hoa trắng, cũng như lúa mì và các loại hạt khác. Trên một phía, nước sông chảy tràn, rộng và làm thành hình tròn, cao trên bờ sông là một thôn làng đang sinh hoạt ồn ào. Lối đi ở đây rất xưa, người ta nói vị Giác Ngộ¹ đã đi trên đó và khách hành hương cũng đã sử dụng từ nhiều thế kỷ nay. Đây là một con đường thiêng liêng, có nhiều đền đài rải rác dọc theo lối đi thần thánh này. Những cội cây xoài và me cũng rất già, nhiều cây đang cỗi, chúng đã từng chứng kiến biết bao sự kiện. Trên bầu trời vàng rực về đêm trông chúng thật là uy nghiêm với thân cành sẫm màu và rộng mở. Xa hơn một chút là một vườn tre, đã mang sắc vàng vì tuổi tác; và trong một vườn cây ăn trái nhỏ một con dê bị buộc vào cây cất tiếng be be gọi con, chú dê con đang nhảy

1. Tác giả muốn nói Phật Thích-ca. Đây là một vùng xung quanh sông Hằng tại tiểu bang Bihar ở Ấn Độ (ND).

nhót khắp nơi. Lối đi dẫn qua một khu vườn khác trông toàn xoài, bên cạnh là một giếng nước yên tĩnh. Có một sự tĩnh lặng đến nao lòng, và mọi sự biết đã đến thời khắc của ân phước. Địa cầu và mọi sự trong nó trở nên thiêng liêng. Đây không phải là tâm đang nhận biết sự an lạc này như một cái gì thuộc ngoại cảnh, một cái gì được nhắc lại và kể cho nhau nghe, mà đây là sự vắng lặng tất cả mọi vận hành của tâm ý. Chỉ có một cái không thể đo lường được đang hiện diện.

Anh còn trẻ, khoảng chừng đầu bốn mươi theo lời anh nói; và mặc dù từng nói chuyện trước công chúng với sự tự tin nhưng anh vẫn có vẻ ngượng ngáp. Như nhiều người khác trong thế hệ của mình, anh đã xen vào trường chính trị, vào các tôn giáo, và với việc cải cách xã hội. Anh cho hay đã làm thơ, vẽ tranh. Vài nhà lãnh đạo tiếng tăm hiện nay là bạn của anh và anh cũng có thể đi xa trên đường chính trị; nhưng anh đã lựa chọn con đường khác, và anh nói vui lòng chịu sống trong một thị trấn miền núi xa xôi.

“Từ nhiều năm nay tôi đã có ý muốn gặp ông. Có lẽ ông không còn nhớ nhưng tôi từng cùng đi với ông trên tàu qua châu Âu trước Thế chiến thứ hai. Cha tôi rất thích giáo lý của ông, còn tôi thì trôi giạt trong trường chính trị và nhiều thứ khác. Thế rồi mong ước được gặp ông cuối cùng trở nên to lớn nên tôi không đợi lâu được nữa. Tôi muốn trải lòng ra – điều mà tôi không thể làm với ai khác vì thật là không đơn giản khi mình thảo luận với người khác. Trong thời gian sau này tôi có tham dự các buổi nói chuyện và thảo luận

của ông ở nhiều nơi khác nhau, nhưng gần đây nhất tôi mong gặp riêng ông, vì tôi đang ở trong một tình trạng bế tắc”.

Bế tắc thế nào?

“Tôi thấy không thể có một sự “đột phá”. Tôi đã tập hành thiền, không phải thứ thiền làm mê hoặc, mà là tập tỉnh giác về chính tâm mình, vân vân... Thế nhưng tôi liên tục bị tạt buồn ngủ, tôi cho là vì mình lười biếng, thích dễ dãi. Tôi tập nhịn ăn, đã thử nhiều cách ăn uống khác nhau, nhưng trạng thái hôn trầm này vẫn cứ đeo đẳng”.

Phải chăng đó là vì lười biếng hay vì cái gì khác? Có một sự thất vọng nội tâm sâu sắc không? Có phải tâm của ông bị các biến cố trong đời làm cùn nhụt, hết nhạy cảm? Xin hỏi, phải chăng nơi ông không có lòng yêu thương?

“Thưa ông, tôi không biết. Tôi cũng đã suy nghĩ mông lung về những vấn đề này nhưng chưa bao giờ kết luận được gì. Có lẽ tôi bị thu hẹp trong quá nhiều cái tốt và cái xấu. Nói một cách khác, cuộc đời đối với tôi quá dễ dàng, với gia đình, tiền bạc, với một số khả năng riêng, vân vân... Không có gì là quá khó, và có lẽ đó là vấn đề. Cảm giác sống một cuộc đời dễ dãi và luôn luôn thấy mình đủ khả năng thoát khỏi mọi tình huống, cái đó làm tôi mềm yếu”.

Đúng thật thế không? Phải chăng đó chỉ là sự mô tả về những chuyện hời hợt bề ngoài? Nếu những điều này thật sự tác động anh một cách sâu sắc thì anh đã sống một cuộc đời khác rồi, thì anh đã theo đuổi một con đường dễ dãi rồi. Thế nhưng anh đã không, thế nên đây có một quá trình hoàn toàn khác đã tham gia, nó làm tâm anh lơ dờ, hôn trầm.

“Thế thì đó là cái gì? Tôi không có khó khăn với tình dục, tôi thích thú với nó, nhưng tôi cũng không có sự đam mê tới mức mà tôi trở thành nô lệ cho nó. Nó bắt đầu với tình yêu và chấm dứt bằng sự thất vọng nhưng không phải tuyệt vọng. Tôi chắc chắn điều này. Tôi không bao giờ lên án, cũng không chạy theo tình dục. Đối với tôi, chỗ này không có vấn đề”.

Phải chăng sự lãnh đạm này đã phá hủy lòng nhạy cảm? Dù sao đi nữa, tình yêu có thể bị thương tổn và một khi tâm thức xây dựng một vòng phòng vệ chống lại cuộc sống thì tâm thức đó cũng ngưng yêu thương.

“Tôi không nghĩ mình xây vòng phòng vệ chống lại tình dục; nhưng tình yêu không nhất thiết phải là tình dục và thật ra tôi cũng không hiểu liệu tôi có lòng yêu thương hay không”.

Ông thấy không, tâm của chúng ta đã được tận tình khuyên bảo là hãy lấp đầy trái tim bằng những điều của trí óc. Chúng ta dùng phần lớn thời gian và năng lực để kiếm sống, để tích lũy kiến thức, vì nhiệt tình của niềm tin, vì yêu nước và tôn thờ Nhà nước, vì hoạt động cải cách xã hội, vì theo đuổi lý tưởng và giá trị đạo đức, và vì những thứ khác mà tâm bị vướng buộc vào đó; thế nên trái tim bị khoét rỗng và trí năng thì ngày càng thêm xảo quyệt. Chính cái này làm cho ta mất nhạy cảm, đúng thế không?

“Đúng là chúng ta quá nuôi dưỡng phần trí năng. Chúng ta tôn thờ trí thức và con người của trí năng thì được trọng vọng, chỉ có số ít trong chúng ta là biết yêu thương trong nghĩa ông nói. Nói về tôi thì thú thật tôi không biết mình có lòng yêu thương nào không. Tôi ăn chay. Tôi thích thiên

nhiên. Tôi thích vào rừng để cảm nhận sự tĩnh lặng và vẻ đẹp của nó; tôi thích ngủ dưới bầu trời khoáng đãng. Liệu những thứ đó có cho thấy tôi biết yêu thương?”.

Sự nhạy cảm với thiên nhiên là một phần của lòng yêu thương; nhưng nó không phải là yêu thương. Thân ái và tử tế, làm những việc tốt, không tìm sự đền đáp cũng là một phần của lòng yêu thương; nhưng nó không phải là yêu thương, đúng thế không?

“Thế thì lòng yêu thương là gì?”.

Lòng yêu thương là tất cả những thứ đó, nhưng nhiều hơn xa hơn. Thể tính toàn vẹn của lòng yêu thương là không nằm trong sự đo lường của trí năng và muốn thấu hiểu thể tính này, tâm phải rỗng rang mọi chuyện, bất kỳ chuyện đó là cao cả hay vị kỷ. Thế nhưng nếu ta hỏi làm sao để tâm rỗng rang, làm sao tránh vị kỷ, thế là ta đã phục tùng một phương pháp, mà hề theo một phương pháp thì tâm lại bị chiếm cứ, hết rỗng rang.

“Nhưng có thể chẳng, làm tâm rỗng rang mà không cần cố gắng nỗ lực gì cả?”.

Mọi dụng công, dù “đúng” dù “sai”, đều hỗ trợ cho cái trung tâm, cái hạt nhân của lòng thích thành tích, cái tự ngã. Nơi nào có tự ngã, nơi đó không có lòng thương yêu. Nhưng hãy trở lại sự hôn trầm của tâm, hay lòng thiếu nhạy cảm của nó. Anh đã đọc nhiều sách, phải chăng kiến thức là một phần của quá trình sinh ra sự thiếu nhạy cảm này?

“Tôi không còn là học sinh nhưng quả thật tôi đọc rất nhiều sách và hay ra thư viện mượn sách. Tôi coi trọng kiến

thức và thật không thấy tại sao kiến thức lại nhất thiết sẽ sinh ra lòng thiếu nhạy cảm”.

Anh nói kiến thức là nói gì? Cuộc đời chúng ta không phải là sự lặp lại của những gì mình được dạy dỗ sao? Có thể chúng ta tăng thêm sự hiểu biết nhưng quá trình lặp lại này cứ tiếp diễn và tăng cường cho thói quen của sự tích lũy. Anh biết gì ngoài những gì anh đã đọc và được người ta dạy dỗ cho; hay những gì anh trải nghiệm được? Những gì mà bây giờ anh trải nghiệm chẳng qua được hình thành bởi những gì anh trải nghiệm trước đó. Kinh nghiệm sau chỉ là những gì đã được biết đến, chỉ được mở rộng hay được điều chỉnh thêm, và cứ thế mà quá trình lặp lại gữ tiếp diễn. Sự lặp lại của cái tốt lẫn cái xấu, của cái cao cả lẫn cái tầm thường, rõ là chỉ làm ta mất nhạy cảm, vì tâm chỉ vận hành trong cái đã biết. Phải chăng đó là cái làm tâm anh cùn nhụt?

“Nhưng tôi không thể dẹp bỏ cái tôi biết và tất cả những kiến thức được tích lũy”.

Anh chính là kiến thức đó, anh chính là tất cả những gì anh đã tích lũy; anh chính là cái đĩa hát, nó cứ lặp lại những gì được in lên nó. Anh là lời hát, là tiếng ồn ào, tiếng líu lo của xã hội, của nền văn hóa. Có một cái “tôi” bất biến đứng ngoài tất cả những thứ tiếng này không? Tâm tự ngã đang lo âu muốn thoát khỏi sự ràng buộc của những gì nó từng thu nhận; thế nhưng sự cố gắng muốn được giải phóng đó cũng vẫn là phần của quá trình tích lũy. Anh muốn nghe một đĩa hát khác, muốn những ngôn từ khác, nhưng tâm anh vẫn cứ cùn nhụt, thiếu nhạy cảm.

“Tôi thấy điều này một cách trọn vẹn; ông mô tả rất đúng trạng thái của tâm thức tôi. Trong thời của tôi thì tôi đã học rất nhiều văn từ của các ý thức hệ, chính trị cũng như tôn giáo; nhưng như ông nói, chủ yếu thì tâm tôi vẫn cứ y như cũ. Bây giờ thì tôi rất rõ về điều này; và tôi cũng rõ là toàn bộ quá trình này làm tâm báo động một cách nồng nặc, làm tâm khôn khéo và dễ thích nghi với bên ngoài, trong lúc đó thì bên dưới của mặt nổi, tâm vẫn luôn luôn quay quanh một trục tự ngã với cái ‘tôi’”.

Ông ý thức điều này là một điều đích thực hay ông chỉ biết đến nó nhờ sự mô tả của người khác? Nếu điều đó không do ông tự mình phát hiện ra, không phải là điều mà ông vì bản thân mình mà tìm thấy, thì nó chỉ là ngôn từ chứ không phải là đích thực, mà đích thực mới là quan trọng.

“Tôi không hiểu hết những gì ông nói. Xin đi chậm thôi và nhắc lại lần nữa”.

Ông thấu hiểu thật sự điều gì hay ông chỉ thừa nhận nó? Thừa nhận là một quá trình của sự liên hệ, của ký ức, tất cả chúng thuộc về tri thức. Đúng thế không?

“Tôi nghĩ là đã hiểu ông. Tôi biết con chim này là một con két chỉ vì người ta nói với tôi như thế. Nhờ liên hệ, ký ức, tức là nhờ tri thức, sự thừa nhận, mà tôi nói “đây là một con két”.

Từ ‘con két’ đã ngăn ông không nhìn ngó đến con chim nọ, một sinh vật biết bay. Thường thường chúng ta không bao giờ nhìn ngó cái đích thực, mà ngôn từ hay biểu tượng lại đứng thế chỗ cho cái đích thực. Cái đích thực rút lui, và

ngôn từ, biểu tượng trở thành cái tuyệt đối quan trọng. Bây giờ, ông đã thấy cái đích thực chưa, bất kỳ nó là gì, cái đã tách rời ra khỏi ngôn từ và biểu tượng?

“Đối với tôi thì dường như sự nhận thức cái đích thực và ý thức về ngôn từ đại diện cho nó xảy ra trong tâm một cách đồng thời”.

Tâm có thể tách rời cái đích thực và ngôn từ không?

“Tôi không nghĩ là nó có thể”

Có lẽ chúng ta làm vấn đề khó thêm. Vật này được gọi là một cái cây; ngôn từ và sự vật không phải là hai điều tách biệt hay sao?

“Thật thì như thế, nhưng như ông đã nói, chúng ta nhìn sự vật thông qua ngôn từ”.

Ông không tách rời sự vật và ngôn từ được hay sao? Từ “lòng yêu thương” phải khác với cảm giác yêu thương, với sự yêu thương đích thực chứ.

“Nhưng, trong một cách nào đó, ngôn từ cũng là một điều tồn tại thực sự chứ?”.

Vâng, trong một cách nào đó. Ngôn từ tồn tại để người ta trao đổi, cũng như để nhớ lại, để giữ chặt trong tâm một loạt những kinh nghiệm, một tư tưởng, một cảm nhận; nên bản thân tâm là ngôn từ, là kinh nghiệm, là ký ức trong dạng hình vui hay buồn, tốt hay xấu. Quá trình này xảy ra trong lĩnh vực của thời gian, lĩnh vực của cái đã biết; và mọi cuộc cách mạng trong lĩnh vực này không hề là cách mạng gì cả, nó chỉ là sự điều chỉnh của cái đã là.

“Nếu tôi hiểu ông thì ông muốn nói tôi đã làm cho tâm mình cùn nhụt, lơ dờ, mất nhạy cảm bằng cách tư duy theo thói quen hay lặp lại, trong đó cái đòi hỏi của tự ngã là một phần. Muốn chấm dứt quá trình lặp lại này, thì cái đĩa hát được in, nó chính là cái ta, phải bị phá vỡ; và nó chỉ bị phá vỡ nếu biết nhìn cái đích thực một cách không cần sự cố gắng dụng công.

Nhìn cái đích thực, cái *đang là*, và để cho cái đích thực tự vận hành, chứ không phải anh vận hành trên cái đích thực – vì cái “anh” chính là cơ chế lặp lại với ý kiến, đánh giá và tri thức của nó.

“Tôi sẽ cố thử”, anh nói nghiêm túc.

Khi “cố thử” chính là thêm dầu mỡ cho cơ chế lặp lại, chứ không phải chấm dứt nó.

“Thưa ông, ông lấy đi tất cả, không để lại cái gì. Nhưng có lẽ đó là điều mới mẻ”.

Đúng thế¹.

1. Trong bài này Krishnamurti nói rõ hơn tất cả mọi bài khác về sự thấy biết “đích thực”, trực tiếp và cho thấy ngôn ngữ và khái niệm ngăn cản sự hiểu biết đó như thế nào. Thế nhưng khi tâm muốn thử tìm cách đến với sự hiểu biết này thì điều đó lại bị tác giả cảnh cáo ngay là “thêm dầu mỡ cho cơ chế” của ngôn ngữ và khái niệm. Điều này lại cho thấy là sự thật “không có đường dẫn đến” (ND).

SỰ CHIA CẮT LÀM CON NGƯỜI BỊ BỆNH

Trời vẫn còn rất sớm và còn một lớp sương mỏng che lấp các bụi cây và hoa lá. Sương cũng bám quanh các ngọn cây. Mặt trời vừa vươn lên cao sau một lùm cây, bây giờ cây cối đã trở lại yên tĩnh, vì lũ chim muông tíu tít nay đã tản đi mất khi một ngày mới xuất hiện. Động cơ máy bay đang khởi động và tiếng ồn chát chúa của chúng phủ đầy bầu không khí ban mai; nhưng chẳng mấy chốc nữa chúng sẽ bay đi nhiều nơi trong lục địa to lớn này và lúc đó thì ngoài tiếng ồn thông thường của một đô thị, mọi sự lại trở về với tĩnh lặng.

Ở ngoài đường, một người ăn xin đang hát, âm hưởng của giọng hát hay ấy mang một điều gì tiếc nuối nghe thật quen thuộc. Lẫn trong tiếng xe buýt lạch cạch và tiếng người gọi nhau ới ới, chất giọng chưa bị khàn ấy như có một thanh âm dễ chịu và mời chào. Bạn có thể nghe anh hát mỗi sáng nếu bạn ở tại đây. Nhiều người ăn xin có những trò biểu diễn mọn hoặc cho khỉ làm trò; họ đều là những người tinh ranh, chẳng còn chút gì hồn nhiên nữa trong bộ điệu khôn ngoan và một nụ cười khéo léo. Thế nhưng người ăn xin này hoàn toàn là một loại khác. Anh chỉ là kẻ ăn xin đơn giản với một cây gậy dài, áo quần rách rưới bẩn thỉu. Anh không đòi hỏi gì, chẳng dùng cách nào để đánh lừa ai. Những người

khác xin được nhiều tiền hơn anh, vì người đời thường thích được xu nịnh, thích được gọi bằng những danh xưng cao đẹp, hay thích được ân phước và lời chúc phát đạt. Người ăn xin này lại không làm điều nào trong đó. Anh chỉ xin; và nếu bạn cho, anh sẽ cúi đầu đi thẳng, không biểu lộ một cử chỉ gì cả. Luôn nhường lối cho mọi người trong suốt con đường dài và rợp bóng, anh rẽ vào một lối đi hẹp và yên tĩnh hơn ở cuối đường, rồi lại bắt đầu hát; cuối cùng anh vào trong một con hẻm nhỏ. Anh còn rất trẻ, và xung quanh anh sinh ra một cảm giác dễ chịu.

Máy bay cất cánh đúng giờ và từ từ bay lên phía trên đô thị của những mái vòm, các khu mộ cổ, và của những khối nhà cao tầng kiêu căng và xấu xí mới được xây cất gần đây. Bên kia đô thị là con sông uốn khúc và rộng mở chuyên chở một dòng nước màu xanh lục nhạt; và máy bay đang bay dọc sông, về hướng đông nam. Chúng tôi đã lên một độ cao khoảng sáu ngàn bộ¹, cảnh đồng quê nằm phía dưới, tất cả được chia ngăn nắp thành những mảnh đất màu lục xám hình thù không giống nhau, mỗi người được sở hữu một miếng nhỏ. Dòng sông chảy quanh co qua các làng mạc, từ sông xuất đi những kênh đào thẳng và hẹp lan tỏa khắp ruộng đồng. Phía đông cách hàng trăm dặm, những ngọn núi phủ đầy tuyết bắt đầu xuất hiện, gần như siêu nhiên và phi thực trong hào quang màu hồng của chúng². Thoạt

1. feet, đơn vị chiều dài của Anh, bằng 0,3048m (ND).

2. Khu vực này là tiểu bang Uttara Pradesh ở miền bắc Ấn Độ, các đỉnh núi nói ở đây thuộc dãy Himalayas (ND).

nhìn, trông chúng như bồng bênh trên chân trời, ta khó mà tin được đó là những ngọn núi với đỉnh nhọn hoắt và hình thể đồ sộ. Từ mặt đất với khoảng cách này thì không thể thấy chúng, nhưng trên độ cao này thì núi có thể thấy được và đẹp một cách ngoạn mục. Thật người ta không thể rời mắt khỏi chúng, cứ sợ sẽ không kịp thấy cái biến đổi nhỏ nhiệm nhất trong vẻ đẹp và sự vĩ đại của núi. Những đỉnh núi đồ sộ như lần lượt xếp hàng cái này nhường chỗ cho cái kia. Các đỉnh núi phủ hết chân trời phía đông bắc và cả sau hai giờ bay, chúng vẫn còn nguyên tại đó. Thật là khó tin được: những sắc màu, sự vô cùng và sự cô tịch. Người ta quên mọi sự khác – hành khách, cơ trưởng hỏi thăm khách và tiếp viên đòi vé. Đây không phải là sự say mê như đứa trẻ bị một món đồ chơi cuốn hút, hay như một nhà sư trong tịnh thất riêng của mình, hay như một tu sĩ ngồi tu bên bờ sông. Đây là một tình trạng của sự chú ý toàn diện, không chút xao lãng. Chỉ còn vẻ đẹp và sự huy hoàng của địa cầu. Không hề có người nhìn ngắm.

Là một nhà tâm lý, một nhà phân tâm học, đồng thời là một bác sĩ y khoa, ông có dáng người tròn trĩnh, đầu to, cặp mắt nghiêm nghị. Ông cho hay tới đây để nói về nhiều điều; ông sẽ không dùng thuật ngữ của ngành tâm lý và phân tâm học mà dùng những ngôn từ cả hai chúng tôi đều quen thuộc. Ông đã nghiên cứu các nhà tâm lý học nổi tiếng nhất, bản thân cũng đã được một trong những vị đó phân tích, ông nắm vững các hạn chế của ngành tâm lý học hiện đại, cũng như giá trị chữa bệnh của nó. Ông giải thích, ngành này

không phải lúc nào cũng thành công nhưng trong tay của những con người đúng đắn thì nó mang lại nhiều khả năng to lớn. Dĩ nhiên cũng có nhiều lang băm, nhưng đó là điều không thể tránh khỏi. Ông cũng nghiên cứu, dù không sâu sắc lắm, tư tưởng và ý niệm của phương Đông về vấn đề ý thức.

“Trong thời kỳ mà tiềm thức được phát hiện và mô tả đầu tiên tại phương Tây, thì không trường đại học nào có chỗ cho nó, không nhà xuất bản nào chịu ra sách nói về nó; thế nhưng bây giờ, chỉ hai thập niên sau, ai cũng nói về nó. Chúng tôi muốn nghĩ mình là người phát hiện ra mọi sự, và phương Đông chỉ là một khu rừng rậm đầy huyền thoại và trò ảo thuật; nhưng thực tế là phương Đông đã lên đường tìm hiểu về tâm thức cách đây nhiều thế kỷ, cái khác biệt là họ sử dụng những biểu tượng khác, với nhiều ý nghĩa sâu sắc hơn. Tôi nói điều này để ông thấy là tôi rất sẵn sàng học hỏi và không hề có những định kiến thông thường về các đề tài này. Chúng tôi chuyên môn trong lĩnh vực tâm lý, chuyên giúp những người bất bình thường trở lại với xã hội, đó là trách nhiệm chính của chúng tôi. Nhưng trong một mức nào đó, tôi vẫn chưa hài lòng với công việc này, đó là một trong những điểm tôi muốn được thảo luận với ông. Phải chăng tất cả những gì chúng tôi làm được là điều đó? Chúng tôi làm hơn được gì không để giúp những người bất bình thường về lại với xã hội?”.

Xã hội có lành mạnh không để mỗi người nên trở về với nó? Hay là chính xã hội thúc đẩy thêm làm cho mỗi người

hết lành mạnh? Dĩ nhiên là cái không lành mạnh phải được làm sao để trở thành lành mạnh, điều đó khỏi nói; nhưng tại sao cá thể phải tự điều chỉnh mình cho hợp với một xã hội không lành mạnh? Nếu cá thể lành mạnh thì nó sẽ không là một phần của xã hội đó. Nhưng khoan nói đến sự lành mạnh của xã hội, hãy cho tôi biết ý nghĩa việc giúp đỡ các người bị lệch lạc cần phải uốn nắn vào với xã hội..

“Tôi cũng không nghĩ xã hội là lành mạnh, nó được vận hành bởi những người bất lực, ham quyền lợi, mê tín. Xã hội luôn luôn nằm trong một tình trạng của biến động. Trong cuộc chiến tranh vừa qua tôi tham gia vào việc uốn nắn những lệch lạc trong quân đội cho những ai không thích nghi với sự tàn bạo của chiến sự. Có thể họ cũng có lý của họ nhưng đây là chiến tranh và ta phải thắng. Một số trong đó cuối cùng cũng chiến đấu và sống sót, nhưng họ cũng tiếp tục cần sự trợ giúp tâm lý; đưa họ về với xã hội là cả một vấn đề”.

Giúp một cá thể trở về với xã hội mà bản thân xã hội đó có chiến tranh với chính mình, phải chăng đó là điều mà nhà tâm lý và nhà phân tích có thể làm được? Phải chăng cá thể cần phải được chữa trị để rồi sẽ giết người hay bị người giết? Nếu ta không bị giết, không bị điên, thì cuối cùng cũng sẽ bị ghép vào một cơ chế của hận thù, thèm khát, tham vọng và mê tín, điều đó có gì là khoa học?

“Tôi công nhận xã hội không được như cái nên là, nhưng ta làm được gì bây giờ? Ta không thể rút lui, ta phải làm việc trong đó, sống trong đó, chịu khổ và chịu chết trong

đó. Ta không thể thành ẩn sĩ, không thể như những người tránh đời và chỉ lo đến sự cứu vớt linh hồn cho chính mình. Chúng ta phải cứu xã hội dù nó là gì đi nữa”.

Xã hội là mối quan hệ giữa người với người, cấu trúc của nó dựa trên sự cưỡng bách, lòng tham vọng, sự hận thù, lòng kiêu căng, sự thèm muốn của con người, dựa trên toàn bộ tâm lý muốn thống trị và muốn phục tùng. Nếu con người không vượt thoát ra khỏi cơ chế có tính chất hủy hoại đó, thì sự trợ giúp tâm lý có giá trị cơ bản gì? Nó chỉ làm con người lại bị suy đồi thêm nữa.

“Nhiệm vụ của một bác sĩ là phải giúp người. Chúng tôi không phải là nhà cải cách xã hội, việc này là của những nhà xã hội học”.

Đời sống là nhất quán, không thể chia cắt từng bộ phận. Ở đây chúng ta phải để ý đến mọi mặt của cuộc sống: nào là với công việc, với tình yêu, với hạnh kiểm, với sức khỏe, với cái chết và với Thượng đế của con người – cũng như cả với trái bom nguyên tử. Phải chăng chính sự chia cắt này làm con người sinh ra bệnh tật?

“Nhiều người trong chúng tôi thấy sự thể đó nhưng biết làm gì hơn được? Bản thân chúng tôi cũng không phải là con người toàn diện với một tầm nhìn toàn thể, với sự nhất quán trong động cơ và mục đích. Chúng tôi chỉ chữa trị được một phần, phần còn lại bị suy thoái; và từ đó mà thấy rằng mầm hủy hoại sâu xa đang tàn phá cái toàn thể. Ta phải làm gì? Trách nhiệm của bác sĩ là gì?”.

Rõ ràng là phải chữa trị; nhưng phải chăng trách nhiệm

của bác sĩ cũng là chữa trị cho xã hội một cách nhất quán? Không thể chỉ có cải cách xã hội mà phải có một cuộc cách mạng từ bên ngoài mẫu hình của xã hội.

“Nhưng hãy trở lại vấn đề của tôi: với tính cách là một cá thể, ta làm được gì?”.

Dĩ nhiên là phải bứt phá ra khỏi xã hội; hãy tự do, không phải chỉ không bị những thứ bên ngoài ràng buộc mà còn thoát khỏi sự thèm khát, tham vọng, mong cầu thành tựu, vân vân...

“Một cuộc sống như vậy sẽ cho ta nhiều thời giờ để học hỏi và chắc chắn sẽ rất thanh bình, nhưng liệu nó sẽ không sinh ra một lối sống hời hợt và vô tích sự chăng?”.

Ngược lại thì đúng hơn, sự tự do thoát khỏi mong cầu và lo âu sẽ làm cho mỗi cá thể có một trạng thái của sự hội nhập. Nó sẽ chấm dứt mọi dạng của sự trốn tránh, chúng vốn chỉ gây thêm rối loạn và mâu thuẫn. Nó mang lại cho cuộc sống một ý nghĩa sâu sắc và to lớn hơn.

“Không phải là vài cách trốn chạy cũng có lợi trong một mức độ nào đó của giới trí thức sao? Tôn giáo là một sự trốn chạy tuyệt diệu cho nhiều người, nó mang lại ý nghĩa, dù có tính chất vọng tưởng đi nữa, vì nếu không cuộc đời của họ thật buồn tẻ”.

Thì các loại phim ảnh, tiểu thuyết và ma túy cũng thế thôi; và ông muốn bênh vực cái loại trốn chạy đó hay sao? Các vị trí thức cũng có cách trốn chạy của họ, dù thô sơ hay tinh tế, và hầu như mỗi người đều có cái điều mù quáng của mình;

và khi những người đó nằm ở vị trí có quyền hành, họ nuôi dưỡng thêm nhiều hiểm họa hơn ai cả. Tôn giáo [đích thực] không liên quan gì đến giáo điều và niềm tin cả, không biết đến lễ nghi và mê tín, không có chuyện cứu vớt linh hồn, tất cả thứ vừa kể đều là hoạt động của tự ngã. Tôn giáo là cách sống toàn triệt, là sự hiểu ngộ sự thực; sự thực đích thực chứ không phải là phóng chiếu của tâm.

“Ông đòi hỏi quá nhiều ở nơi một con người trung bình, kẻ chỉ muốn vui thích, kẻ cần trốn chạy, kẻ muốn thứ tôn giáo thỏa mãn cho mình, kẻ muốn có ai để phục tùng hay chống đối. Điều mà ông nói đến đòi hỏi một nền giáo dục, một trật tự xã hội hoàn toàn khác; không một nhà chính trị nào, nhà giáo dục thông thường nào đủ khả năng có tầm nhìn đó. Tôi cho rằng con người còn phải đi qua đêm dài của thống khổ và đau xót trước khi xuất hiện một loại người biết hội nhập và minh triết. Bây giờ thì đó không phải là ưu tư của tôi. Nỗi lo của tôi là những sự tàn hoại của con người cụ thể này đây, điều mà tôi có thể và cũng đang làm thật sự, nhưng vẫn thấy quá ít trong biển khổ này. Như ông nói thì tôi cần có một tình trạng nhất quán hội nhập ngay trong chính bản thân mình, đó là một chuyện hết sức khó làm”.

“Ngoài ra còn một chuyện khác có tính chất riêng tư mà tôi xin nói với ông. Trước đây ông có nói về vấn đề ham muốn. Tôi nhận thấy mình có nhiều ham muốn thực, và dù thỉnh thoảng tôi tìm cách phân tích nó, như phần lớn các nhà phân tâm học hay làm, tôi vẫn không vượt qua được điều này. Phải nói là tôi thấy xấu hổ nhưng ham muốn vẫn

còn, từ những sự ghen tức nhỏ nhất đến những dạng phức tạp hơn nhiều, và xem ra tôi không rũ bỏ được nó”.

Tâm con người có thể thoát khỏi ham muốn không, không phải đi từng bước nhỏ mà thoát một cách toàn diện? Trừ phi con người hoàn toàn thoát khỏi nó, bằng sự hội nhập toàn diện của chính mình, nếu không thì sự ham muốn cứ tiếp diễn trong nhiều dạng khác nhau, trong nhiều lúc khác nhau.

“Vâng, tôi thấy thế. Sự ham muốn phải bị loại bỏ khỏi tâm, như một khối u ác tính phải bị hoàn toàn tách lìa khỏi thân nếu không nó sẽ trở lại, nhưng phải làm sao để loại bỏ?”.

Chữ “làm sao” là một dạng khác của sự ham muốn, đúng thế không? Khi người ta tìm một phương pháp, ta muốn từ bỏ sự ham muốn để thành một cái khác, như thế thì lòng ham muốn vẫn còn vận hành.

“Câu hỏi đó thật là tự nhiên, bây giờ tôi hiểu ông muốn nói gì. Khía cạnh này của vấn đề chưa bao giờ làm tôi chú ý”.

Dường như chúng ta luôn luôn rơi vào cái bẫy này và cứ hề bị kẹt trong đó, ta lại tìm cách thoát khỏi lòng ham muốn. Khi tìm cách thoát khỏi lòng ham muốn sẽ đặt vấn đề phương pháp, thế nên tâm không bao giờ tự do cả, cứ bị lệ thuộc vào lòng ham muốn lẫn phương pháp. Dò tìm khả năng được hoàn toàn tự do là một việc mà đi tìm phương pháp để được tự do là một việc khác. Khi đi tìm phương pháp thì nhất định người ta sẽ tìm ra một cái, dù nó đơn giản hay phức tạp. Khi đó sự dò tìm sẽ biến mất và người ta sẽ lệ

thuộc vào một phương pháp, một cách thức, một phép tắc. Thế nên lòng ham muốn vẫn tiếp tục và được duy trì một cách tinh tế.

“Vâng, như ông chỉ rõ, tôi thấy điều đó hoàn toàn đúng. Thực tế là, ông hỏi liệu tôi có thật sự quan tâm đến sự từ bỏ lòng ham muốn một cách hoàn toàn. Tôi từng thấy sự ham muốn có lúc có khả năng kích thích, đó là sự thích thú. Tôi có muốn hoàn toàn thoát khỏi sự ham muốn hay không, muốn thoát khỏi cả hai mặt thích thú lẫn âu lo của nó không? Tôi thú nhận là chưa bao giờ tự đặt cho mình câu hỏi đó, cũng chưa bao giờ ai hỏi tôi. Phản ứng đầu tiên của tôi là không biết mình muốn hay không. Tôi cho rằng có lẽ mình yêu sự vui thú khi lòng ham muốn nổi lên và tránh né mọi chuyện còn lại. Nhưng rõ là không thể chỉ lấy phần đáng mê thích và ta phải chấp nhận tất cả nội dung của lòng ham muốn hay hoàn toàn từ bỏ nó. Tôi bắt đầu thấy ý nghĩa những gì ông nói. Đã có cái thôi thúc phải thoát khỏi, thế mà tôi cũng còn muốn giữ lại một phần. Con người chúng ta thật là phi lý và mâu thuẫn. Điều này cần phải phân tích thêm và tôi hy vọng ông đủ kiên nhẫn để đi cho hết vấn đề. Tôi thấy nơi đây có vấn đề sợ hãi. Nếu tôi không biết ham muốn, một điều cần thiết trong mọi nghề nghiệp, thì đó là bước thụt lùi; tôi sẽ không thành công, không tiếng tăm, không tiền bạc. Có một nỗi sợ thâm kín bị mất tất cả, nỗi sợ về sự bất ổn, và những nỗi lo âu khác mà chúng ta không cần nói đến ở đây. Nỗi lo sợ cơ bản này phải lớn hơn cái ý né khỏi khía cạnh phiền toái của lòng ham muốn, chứ

đừng nói hoàn toàn thoát khỏi nó. Bây giờ tôi thấy rõ cơ cấu phức tạp của vấn đề và tôi không chắc là mình mong thoát khỏi lòng ham muốn”.

Bao lâu tâm còn nghĩ theo cách “thêm nữa” thì bấy lâu còn lòng ham muốn; bao lâu còn óc so sánh, mặc dù nhờ so sánh mà ta cho là mình hay, thì bấy lâu còn lòng ham muốn; bao lâu còn có một điểm cuối, còn một mục đích để thành tựu, thì bấy lâu còn lòng ham muốn; bao lâu còn một điều gì cần hoàn thiện, thí dụ cải thiện chính mình, tích lũy đạo đức, vân vân, thì bấy lâu còn lòng ham muốn. Cái “thêm nữa” hàm chứa thời gian, phải không? Nó hàm chứa thời gian để thay đổi cái *đang là* trở thành cái *nên là*, trở thành hình ảnh lý tưởng; thời gian là phương tiện để chiếm thêm, để đạt đến, để thành tựu.

“Dĩ nhiên. Muốn vượt qua khoảng cách, muốn đi từ điểm này đến điểm khác, dù đó là vật lý hay tâm lý, thời gian là điều cần thiết”.

Thời gian như là sự vận động từ chỗ này qua chỗ kia, là một sự thực vật lý có trước có sau. Thế nhưng khi muốn giải thoát ra khỏi lòng ham muốn, ta có cần thời gian không? Chúng ta nói “tôi đang thế này và phải trở thành thế kia, hay muốn biến tính chất này thành tính chất kia, điều đó phải cần thời gian”. Nhưng, thời gian là một nhân tố của sự thay đổi hay sao? Hay mọi thay đổi trong phạm vi của thời gian là không có gì thay đổi cả?

“Tôi đang bối rối rồi chỗ này. Ông muốn nói sự thay đổi trong thời gian là không thay đổi gì cả. Như thế là sao?”.

Loại thay đổi đó chỉ là sự tiếp diễn được điều chỉnh của cái đã là, không phải thế sao?

“Hãy để tôi xem có hiểu điều này không. Thay đổi từ một thực tế, lòng ham muốn, qua một hình ảnh lý tưởng, lòng hết ham muốn, điều đó cần thời gian; ít nhất đó là điều mà chúng tôi nghĩ. Sự thay đổi từng bước trong thời gian theo ông là không thay đổi gì cả mà chỉ tiếp tục đắm mình trong lòng ham muốn. Vâng, tôi thấy thế”.

Bao lâu tâm còn nghĩ mình sẽ thay đổi theo thời gian, còn nghĩ mình sẽ làm cách mạng trong tương lai, thì sẽ không có chuyển hóa trong hiện tại. Đó là một điều đích thực.

“Đúng thế thưa ông, cả hai chúng ta đều thấy sự thực này. Thế thì làm gì bây giờ?”.

Tâm phản ứng thế nào khi nó chạm trán với sự thực này?

“Hoặc là nó bỏ chạy hay nó dừng lại và nhìn vào sự thực này”.

Còn ông thì sao?

“Tôi e rằng cả hai. Có một sự thôi thúc tôi phải bỏ chạy, đồng thời tôi lại muốn xem xét nó”.

Liệu ông có thể xem xét gì chẳng, khi có sự lo âu xen vào? Ông có thể quan sát một điều gì chẳng khi ông đã có một ý kiến, một đánh giá về nó?

“Tôi hiểu ông muốn nói gì. Không phải tôi đang quan sát mà tôi đang đánh giá. Tâm tôi đang chiếu rọi ý hướng và sự lo âu của tâm trên điều này. Vâng, đúng thế”.

Nói cách khác, tâm ông bị chính bản thân nó kiểm giữ,

và do đó mà không ý thức được một cách giản đơn về sự kiện. Ông đang vận hành trên sự kiện và không cho phép sự kiện vận hành trên chính tâm ông. Sự kiện nói rằng thay đổi trong phạm vi thời gian là không thay đổi gì cả, sự kiện nói rằng chỉ có thể có một sự giải thoát hoàn toàn chứ không phải từng phần ra khỏi lòng ham muốn, sự kiện đích thực đó sẽ vận hành trên tâm, sẽ giải thoát tâm.

“Tôi thật tâm nghĩ rằng sự thực này đang tìm đường xuyên phá sự trì động trong trí tôi”.

TRI THỨC PHÙ PHIẾM

Bốn người đang hát với một giọng ca thuần khiết. Nhóm người này gồm những người trầm tĩnh, có tuổi, không còn quan tâm đến sự đời, nhưng cũng không phải dạng ẩn sĩ; nói đơn giản là họ không còn bị thế gian lôi kéo. Trong những bộ quần áo đã cũ nhưng tươi tắn cùng với nét mặt trang nghiêm, họ sẽ không được bạn để ý nếu gặp trên đường phố. Thế nhưng khi đã bắt đầu ca, thì nét mặt của họ lại chuyển hóa và rực sáng, như không còn bị ảnh hưởng của tuổi tác; cùng với âm vang của ngữ điệu và sự nhấn âm đầy năng lực, họ đã tạo nên một bầu không khí kỳ lạ với một ngôn ngữ rất cổ. Đó là ngôn từ, thanh âm và ý nghĩa. Tiếng vang của ngôn từ có một chiều sâu thẳm. Đó không phải là chiều sâu của một sợi dây đàn, hay của một tiếng trống mà là tiếng trầm lắng của giọng người, nghe rất sinh động cùng với ý nghĩa của ngôn từ đã trở thành thiêng liêng do thời gian sinh ra và được khéo sử dụng. Bài ca được cất lên bằng một thứ ngôn ngữ đã được mài giũa và rồi trở thành toàn hảo. Thanh âm bài ca tràn ngập cả một căn phòng lớn, xuyên qua bức vách, khu vườn, qua cả trái tim và khối óc. Đây không phải âm thanh của một ca sĩ trên sân khấu mà là sự tĩnh lặng nằm giữa hai sự vận động của âm thanh. Bạn nhận rõ

thân mình bị rung theo không thể kiểm chế được bởi thanh âm của ngôn ngữ, nó nằm trong tủy của xương cốt bạn; bạn ngồi yên lặng hoàn toàn nhưng nó giữ bạn trong sự vận động của mình; nó đẩy sức sống, nhảy múa, rung động và tâm bạn do nó mà hình thành ra. Đây không phải là thứ âm thanh ru bạn vào giấc ngủ mà là thứ lay động và thậm chí làm tổn thương bạn. Đó là chiều sâu và vẻ đẹp của một thứ tiếng thuần khiết, nó không liên quan gì đến sự hoan nghênh, đến tiếng tăm, đến thế gian; đó là thứ tiếng khởi từ suối nguồn của tất cả những thứ tiếng khác, của tất cả âm nhạc.

Một cậu bé trai khoảng ba tuổi ngồi ngay ngắn phía trước, không chút động đậy; lưng cậu thẳng, mắt nhắm nhưng không ngủ. Sau một tiếng đồng hồ, cậu nhanh chóng đứng dậy và ra về, không một chút bối rối ngượng ngùng gì cả. Cậu có đủ khả năng làm tất cả, vì thanh âm của ngôn ngữ đã nằm trong tim cậu.

Bạn không bao giờ cảm thấy mệt mỏi trong suốt hai tiếng này; bạn không muốn nhúc nhích và thế giới, với tất cả tiếng ồn của nó, không hề hiện hữu. Bây giờ thì tiếng ca đã dứt, âm thanh đã bật; thế nhưng nó vẫn còn tiếp tục trong lòng bạn, và sẽ còn tiếp nữa. Bốn người nghiêng mình chào và trở lại thành bốn người đàn ông bình thường. Họ cho biết đã thực hành phép ca này hơn mười năm nay, phép này đòi hỏi một sự kiên nhẫn to lớn và một đời sống hiến dâng. Đây là một loại hình nghệ thuật đang suy tàn vì thời buổi này không mấy ai chịu hiến đời mình cho cách hát này; không kiếm ra tiền, không có tiếng tăm và ai chịu đi vào

trong thế giới này? Họ nói rằng rất hân hoan được ca hát cho những ai biết đến giá trị của sự nỗ lực của mình. Sau đó họ ra đi, chấp nhận con đường nghèo khổ và bơ vơ trong một thế giới đầy tiếng ồn, sự tàn bạo và tham lam. Thế nhưng dòng sông đã lắng nghe và lặng yên.

Anh là một học giả thông thái, đến đây với vài người bạn và một hai môn đệ. Đầu anh lớn, đôi mắt nhỏ nhìn chăm chú qua cặp kính dày. Anh rành tiếng Sanskrit như người khác biết ngôn ngữ của họ, anh nói được thứ tiếng này dễ dàng; anh còn biết cả tiếng Hy Lạp và Anh ngữ. Anh nắm vững các nền triết học quan trọng của phương Đông, kể cả những biến thể của chúng, cũng thông thạo như bạn biết bài toán cộng trừ. Anh cũng học hỏi triết học phương Tây, nền triết học cổ điển cũng như hiện đại. Rất nghiêm khắc trong phép tu dưỡng cá nhân, anh đã có nhiều ngày tịnh khẩu và nhịn ăn; anh cũng đã thực hành nhiều phép thiền định khác nhau, như anh nói. So với tất cả những điều này thì anh thật là trẻ, mới cuối bốn mươi; ăn mặc giản dị và đầy lòng nhiệt thành. Các bạn cùng môn đệ của anh ngồi xung quanh và chờ đợi với lòng chân thành những câu hỏi vào đề. Họ là những thành viên của một thế giới gồm những người có một vốn kiến thức tổng quát, có tầm nhìn và kinh nghiệm về tâm lý - những người tin một cách chắc chắn nơi tri thức của mình. Họ không trực tiếp tham gia luận đàm nhưng lắng nghe, theo dõi những gì đang xảy ra. Về sau họ sôi nổi thảo luận với nhau, nhưng bây giờ thì họ giữ một sự im lặng đầy kính trọng trước một uy quyền cao hơn. Sau một lúc im lặng,

bây giờ thì anh bắt đầu nói. Không thấy có sự kiêu ngạo hay hãnh tiến nơi anh.

“Tôi xin đến để tìm hiểu, không hề có ý phô bày những gì tôi biết. Tôi biết gì ngoài những điều tôi đã đọc, và đã chứng nghiệm? Học hỏi là một đức tính tốt nhưng nếu bằng lòng với những gì mình đã biết thì thật là đại dột. Tôi tới đây không với tinh thần tranh luận, mặc dù tranh luận là cần thiết khi có nghi vấn. Tôi tới để tìm kiếm, không phải để bác bỏ. Như đã nói với ông, từ nhiều năm nay tôi đã thực hành thiền định, không phải chỉ thiền định của Ấn Độ giáo hay của Phật giáo, mà cả các dạng thiền định của phương Tây. Tôi nói thế để ông thấy tôi mong được chuyển hóa tâm với mức độ như thế nào”.

Khi một tâm thức được rèn luyện theo một hệ thống, thì làm sao tâm thức đó phát hiện được những cái nằm ngoài tâm? Một tâm thức bị giam giữ trong khung cảnh của chính qui luật của nó thì liệu nó đủ khả năng tìm tòi? Phải chăng cái phải phát hiện là sự tự do trước đã?

“Tất nhiên chứ, muốn tìm kiếm và muốn quan sát thì phải có một qui luật nhất định, phải có một sự thực hành thường xuyên của một phương pháp nào đó, nếu ta muốn tìm và muốn hiểu những gì ta tìm thấy”.

Thưa ông, tất cả chúng ta đều tìm cách thoát khỏi sự khổ khổ và thử thách; nhưng sự tìm tòi sẽ ngưng nếu ta chấp nhận một phương pháp mà với phương pháp đó ta hy vọng chấm dứt sự khổ. Chỉ có sự hiểu ngộ cái khổ mới chấm dứt cái khổ, chứ không bằng sự thực hành một phương pháp nào cả.

“Nhưng làm sao có sự diệt khổ nếu tâm không được kiểm soát, không tập trung, không hướng đến mục đích? Phải chăng ông muốn nói qui luật là không cần thiết cho sự hiểu ngộ?”

Ta có thể hiểu ngộ được chăng, nếu thông qua qui luật, thông qua nhiều phép hành trì, tâm con người bị hình thành bởi lòng ham muốn? Không phải là tâm phải được tự do đã, thì sau đó sự hiểu ngộ mới xuất hiện?

“Dĩ nhiên, sự tự do sẽ đến ở cuối cuộc hành trình; tại chỗ bắt đầu thì con người là kẻ nô lệ của lòng ham muốn và của đối tượng của sự ham muốn. Muốn thoát khỏi sự ràng buộc của sự thích thú cảm quan, ta phải có qui định, phải thực hành nhiều phép *sadhana*¹, nếu không tâm sẽ chìm trong sự ham muốn, bị trói buộc trong mạng lưới của nó. Nếu nền tảng của lòng chính niệm này không có thì căn nhà sẽ đổ sập”.

Sự tự do là ở chỗ bắt đầu, không phải ở cuối. Sự thấu hiểu lòng tham cầu, hiểu ngộ toàn thể nội dung của nó – tính chất, nội dung và hệ quả của nó, cả hai mặt vui thích lẫn phiền não – là phải nằm ngay chỗ ban đầu. Như thế thì tâm sẽ không cần dựng lên một rào cản để rèn luyện cho chính nó chống lại lòng tham cầu. Khi đã nhận thức một cách hoàn toàn điều chuyên dẫn đến sự khốn khổ và thất vọng thì kỷ luật để chống lại nó trở thành hết cần thiết. Ai đã dành nhiều thời gian và năng lực trong việc hành trì tu tập, với tất cả mọi tranh chấp của nó, nếu người đó biết dành suy tư và chăm chú nọ để hiểu ngộ cái ý nghĩa toàn vẹn của sự

1. Các phép tu theo truyền thống của Ấn Độ giáo hay của Kim Cương thừa Phật giáo. Từ Hán-Việt là “nghi qui” (ND).

khổ, thì sẽ có một sự chấm dứt hoàn toàn sự khổ. Thế nhưng chúng ta luôn bị trói chặt trong truyền thống phải đề kháng, phải rèn luyện, nên không thể thấu hiểu những bước đi của cái khổ.

“Tôi đang lắng nghe nhưng không hiểu”.

Có sự lắng nghe hay không nếu tâm còn cứ đeo bám vào những kết luận dựa trên sự khẳng định hay kinh nghiệm của mình? Rõ ràng là con người chỉ thật sự lắng nghe khi tâm không tìm cách diễn dịch những gì nó nghe trong dạng của những gì nó biết. Tri kiến chỉ ngăn chặn sự lắng nghe. Người ta có thể biết rất nhiều; nhưng muốn lắng nghe một điều hoàn toàn khác với những gì mình biết, con người phải dẹp qua một bên những gì nó biết. Đúng không?

“Nếu thế thì làm sao ta nói được đó là những điều đúng hay sai?”.

Cái đúng hay cái sai không hề dựa trên ý kiến hay sự đánh giá, dù những thứ đó có khôn ngoan hay già giận tới đâu. Muốn nhận thức cái đích thực trong cái hư vọng, hay cái hư vọng trong cái được gọi là đích thực, muốn thấy sự thực đúng như sự thực, điều đó đòi hỏi một tâm thức không bị kiểm giữ trong sự qui định của chính nó. Làm sao ta thấy được một xác quyết nào đó là đúng hay sai, nếu tâm ta đang bị tiên kiến chi phối, bị ràng buộc trong vòng kiểm tỏa của kết luận hay kinh nghiệm của chính mình hoặc của người khác? Đối với một tâm như thế thì điều quan trọng là hãy ý thức về giới hạn của chính mình.

“Làm sao khi tâm đã bị vướng vào trong mạng lưới do chính nó bày ra, thoát khỏi được bản thân nó?”.

Phải chăng câu hỏi này phản ánh sự tầm cầu một phương cách mới, phải chăng nó được đặt ra để nêu lên giá trị của sự tìm kiếm và sự thực hiện một phương cách? Nói chung, khi ta thực hiện một phương cách, một phép tắc thì mục đích là để thành tựu một kết quả, đạt đến một tính chất nhất định, vân vân... Có thể thay vì vật dụng có tính cách trần tục, người ta đã bỏ nó để tìm tới một cái gọi là tâm linh; thế nhưng sự thành tựu là mục đích của cả hai thứ. Thực ra chẳng có gì khác biệt cả, chỉ khác biệt trên ngôn từ, giữa một người ngồi thiền định và thực hành một phép tu để đạt đến bờ bên kia, và một người làm việc cật lực để thỏa mãn những tham vọng thế tục. Cả hai đều là tham vọng, cả hai đều ái dục, cả hai đều lo toan cho chính mình.

“Nếu đúng thế thì làm sao lòng khao khát, lòng tham vọng, lòng ái dục được trừ diệt?”.

Một lần nữa, xin nói rằng, chữ “làm sao”, tức là cái phương cách tưởng chừng như sẽ sinh ra được sự tự do, chính nó đã làm ta hết muốn dò tìm vấn đề và cản lại không cho ta thấu hiểu. Muốn thấu triệt được hết ý nghĩa của vấn đề, ta cần xem xét tính chất của sự dụng công nỗ lực. Một tâm trí nhỏ nhen cố gắng làm cho mình hết nhỏ nhen thì vẫn cứ nhỏ nhen; một tâm thức tham lam cố luyện tập cho mình được hào phóng thì vẫn cứ tham lam. Dụng công để trở thành một cái gì hay tránh thành một cái gì đều chỉ là sự nối tiếp

của lòng chấp ngã. Sự dụng công này có thể tự đồng hóa mình với Tiểu ngã, với linh hồn, với Thượng đế đang nằm trong mình, vân vân..., nhưng trung tâm của nó vẫn là lòng khao khát, lòng tham vọng mà nó chính là cái tôi, với tất cả mọi tính chất ý thức được và không ý thức được.

“Thế thì ông quả quyết tất cả mọi cố gắng nỗ lực để đạt đến một kết quả, dù nó có tính vật chất hay tâm linh, chủ yếu là như nhau, trong đó lòng tự ngã là cơ bản của nó. Những nỗ lực đó chỉ tăng cường cái tôi?”.

Đúng thế. Tâm thức dụng công thực hành đạo đức sẽ không còn đạo đức. Sự khiêm tốn không thể tập luyện, nếu tập luyện nó thì không còn khiêm tốn.

“Điều này rõ và chính xác. Mặt khác, chắc chắn ông không thể bênh vực cho sự lười biếng, thế thì điều gì là sự nỗ lực đích thực?”.

Khi đã biết hết ý nghĩa của sự dụng công nỗ lực, với tất cả các dạng xuất hiện của nó, thì liệu ta còn cần cố ý dụng công nữa chăng?

“Ông đã chỉ rõ tất cả mọi sự trở thành, dù hay dù dở, đều là dạng tồn tại bất tử của cái “tôi”, mà cái tôi chính là kết quả của sự đồng hóa với lòng tham muốn và đối tượng của lòng tham muốn. Điều này tôi đã hiểu, bây giờ ông hỏi có còn cố ý dụng công nữa không? Tôi thấy có thể có một cách sống mà trong đó mọi sự dụng công đều ngưng bật”.

Nếu mới chỉ thấy “có thể có một cách sống” thì thật ra chưa hiểu hết ý nghĩa của sự dụng công nỗ lực trong đời sống

hàng ngày. Bao lâu còn có một quan sát viên, có kẻ tìm cách thay đổi, thành đạt, hay đẹp qua một bên những gì nó quan sát, thì bấy lâu còn sự dụng công; vì nói cho cùng, dụng công là mối mâu thuẫn giữa cái *đang là* và cái *nên là*, cái ý hướng. Khi ta thấu hiểu sự kiện này, không phải chỉ bằng ngôn từ hay bằng trí năng mà một cách sâu xa, thì tâm sẽ tự động bước vào một trạng thái của hiện hữu mà trong đó vắng bóng mọi dụng công như ta hay thấy.

“Được chứng nghiệm tình trạng này là mong cầu bức xúc nhất của mọi kẻ tầm đạo, kể cả riêng tôi”.

Điều này không thể tầm cầu, nó đến mà không cần ai mời gọi. Sự mong cầu tình trạng này sẽ hướng tâm đi góp nhặt tri thức và thực hành các phép tập luyện, xem chúng như là phương tiện để đạt đến nó – mà kỳ thực điều đó lại chỉ hình thành một khuôn phép nhằm gạt hái thành công thông thường. Tri thức là một trở ngại trên đường chứng thực tình trạng này.

“Làm sao tri thức có thể là chướng ngại được?” anh hỏi với một giọng hơi bị kích động.

Vấn đề của tri thức là phức tạp, đúng không? Tri thức là một dạng vận động của quá khứ. Biết một cái gì là quả quyết về một điều từng xảy ra. Nhưng khi quả quyết một điều gì thì ta đã chấm dứt sự hiểu thấu cái hiện tại. Nói cho cùng, cái gì là tri thức?

“Tôi biết những sự kiện khoa học, những giá trị đạo đức nhất định. Nếu không có những tri thức đó thì thế giới văn

minh sẽ trở lại tình trạng man rợ, rõ là điều mà ông không thể đồng tình. Ngoài những điều đó, tôi còn biết gì nữa? Tôi biết còn có một thể từ bi vô lượng, một đấng Tối cao”.

Đó không phải là thực tại, đó là một xác quyết tâm lý của một phần tâm thức vốn đã bị qui định mà tin rằng có một đấng Tối cao. Một kẻ khác, chịu một thứ qui định khác, sẽ cho rằng đấng Tối cao đó không hề có. Cả hai đều bị ràng buộc bởi truyền thống, bởi tri thức, và chẳng ai trong đó sẽ phát hiện được sự thực của nó. Một lần nữa, điều chúng ta biết là điều gì? Chúng ta chỉ biết về những cái đã đọc hoặc đã trải nghiệm, những cái được dạy dỗ bởi các đạo sư cổ xưa, các vị guru hay luận sư hiện đại.

“Một lần nữa tôi buộc lòng phải đồng ý với ông. Chúng ta là sản phẩm của quá khứ trong mối liên hệ với hiện tại. Cái hiện tại được hình thành từ quá khứ”.

Và tương lai là sự nối dài của hiện tại được điều chỉnh. Nhưng vấn đề không nằm ở chỗ đồng ý, thưa ông. Hoặc là người ta thấy sự thực, hoặc không. Khi cả hai chúng ta đều thấy sự thực thì sự đồng ý không còn cần thiết. Sự đồng ý chỉ có giữa ý kiến với nhau.

“Phải chăng ông muốn nói, rằng chúng ta chỉ biết những gì được tuyên dạy, chúng ta chỉ là sự lặp lại cái đã là; rằng kinh nghiệm, tầm nhìn và cảm khái của chúng ta chẳng qua là sự đáp lại của những gì qui định chúng ta chứ không là gì khác hơn cả. Nhưng liệu tất cả đều như vậy hay sao? Liệu Tiểu ngã cũng do chúng ta bày vẽ ra sao? Liệu nó chỉ là một

sự chiếu hiện của lòng ham muốn và kỳ vọng của chúng ta hay sao. Nó không thể là sự bày đặt mà là điều nhất thiết”¹.

Cái mà ta gọi là nhất thiết đều do tâm thức tạo ra và tâm được dạy dỗ hãy chấp nhận những gì do chính nó bày ra. Tâm của mọi người có thể được huấn luyện để chấp nhận một niềm tin nhất định, hay chấp nhận điều ngược lại và cả hai đều là con đẻ của sự qui định, của hy vọng, của sợ hãi, của lòng ham muốn được tiện nghi hay được quyền lực.

“Nghe ông nói có lý, tôi cũng phải thấy những sự thật nhất định, mà quan trọng nhất là thấy sự bối rối của chính mình. Thế nhưng còn câu hỏi là, tâm phải nên làm gì khi nó bị vướng trong mạng lưới do chính nó sinh ra?”.

Hãy cứ ý thức mà không lựa chọn gì cả về những sự kiện có thể gây hoang mang; vì mọi hành động đi từ sự hoang mang chỉ sinh thêm mơ hồ rối loạn. Thưa ông, không phải là trong tâm phải chết đi mọi tri thức để tâm có thể phát hiện thực tại của cái Tối cao?

“Đây là vấn đề hết sức khó khăn. Có thể nào tôi từ bỏ tất cả những gì đã học, đã đọc, đã chứng nghiệm? Thực sự là tôi không biết trả lời sao”.

Tâm không cần thiết phải từ bỏ quá khứ hay sao, từ bỏ một cách hồn nhiên, vắng bóng mọi lý do hay sở cầu? Một

1. Qua đây ta thấy rõ truyền thống Ấn Độ giáo xem Tiểu ngã đồng thể với Đại ngã, Tiểu ngã chính là thể của Thượng đế. Khi Krishnamurti cho Thượng đế đều do tâm thức con người biến hiện, ông đã phá bỏ truyền thống của Ấn Độ giáo. Krishnamurti là một vị đạo sư mà người qui mến ông lẫn người phản bác ông đều rất đồng đáo và rất mãnh liệt (ND).

tâm thức mà là sản phẩm của thời gian, một tâm thức đã đọc, đã nghiên cứu, một tâm thức đã thiền quán về những gì nó được dạy dỗ, thì tâm thức đó chỉ là sự nối tiếp của quá khứ; làm sao tâm thức đó có thể chứng nghiệm thực tại được, chứng nghiệm cái phi thời gian, cái luôn luôn mới mẻ? Làm sao nó có cơ may thăm dò được cái chưa biết? Hiển nhiên thôi, biết một điều gì, xác quyết một điều gì, đó là con đường của sự hư ảo, của sự hãnh tiến. Bao lâu con người còn dính nơi cái biết, thì nó không chịu chết, thì nó chỉ là sự nối tiếp; và điều gì còn có sự tiếp nối thì không thể nằm trong một trạng thái của sáng tạo mà trạng thái đó thì phi thời gian. Khi quá khứ không còn quá nhiều, thì thực tại sẽ hiện tiền¹. Khi đó cũng không còn đòi hỏi phải đi tìm nó.

Một phần của tâm biết rõ không có sự thường hằng vĩnh viễn, không có một nơi nào nó có thể yên nghỉ; nhưng với một phần khác của tâm, nó tập luyện bản thân mình, công khai hay bí mật tìm cách xây dựng một chỗ lưu trú của sự an toàn, của sự vĩnh cửu, tạo ra một mối liên hệ vô thượng. Thế nên ở đây có một mối mâu thuẫn triền miên, một sự đấu tranh giữa nên là và không nên là, và chúng ta sống trong tranh chấp và phiền não, là tù nhân giữa bốn bức tường do chính chúng ta xây dựng nên. Các bức tường có thể bị phá bỏ, thế nhưng tri kiến và kỹ năng không phải là công cụ đưa đến sự tự do đó.

1 Nơi đây người đọc dễ nhớ đến câu trong Kinh Kim Cương "Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm" [Không trụ vào đâu sẽ sinh tâm ấy] (ND).

“Ý NGHĨA CUỘC ĐỜI LÀ GÌ?”

Mặt trời chiếu gay gắt trên con đường gồ ghề, đầy sỏi đá và thật là vui thích được đứng trong bóng mát của cây xoài to lớn. Cư dân của nhiều làng mạc đi trên con đường này, họ đội trên đầu những chiếc giỏ lớn đựng đầy rau quả, trái cây và các thứ khác để đem ra chợ bán. Phần lớn trong số họ là phụ nữ, đi chân trần, nói cười luôn miệng, khuôn mặt sạm đen vì nắng gió. Họ đặt giỏ nặng xuống bên vệ đường và nghỉ trong bóng mát của cây xoài, ngồi bệt trên mặt đất và không nói nhiều như trước. Các giỏ hàng xem ra thật nặng và bây giờ thì bà này đang giúp bà kia đưa lại chiếc giỏ trên đầu và bà cuối cùng thì gần như quì xuống trên mặt đất mới làm được. Thế là họ lên đường, với nhịp chân đều đặn và vẻ uyển chuyển lạ thường trong bước đi, những điều mà sau nhiều năm tháng khó nhọc mới có được. Đó không phải là điều học hỏi được bằng sự tự nguyện, nó xảy ra chỉ vì cần thiết tuyệt đối phải làm. Trong số phụ nữ có một cô gái nhỏ, chắc khoảng lên mười, cô cũng đội một chiếc giỏ trên đầu mặc dù cô nhỏ hơn các người khác nhiều. Cô luôn miệng cười và tỏ vẻ vui thích, và không nhìn thẳng phía trước như các bà lớn tuổi khác mà lại nhìn lui xem tôi có đi theo không, và chúng tôi mỉm cười với nhau. Cô cũng đi chân trần và cô cũng còn đi một đoạn đời dài.

Thật là một cảnh đồng quê khả ái, sum sê và thú vị. Những vườn xoài và những vùng đồi thoải thoải; nước chảy trong những khe cát hẹp phát ra một thanh âm dễ chịu, như thể nước được đi dạo trong vùng quê này. Những ngọn dừa như vượt cao hơn ngọn xoài; xoài thì đang nở hoa và là chỗ lui tới của loài ong rừng đang vang tiếng rù rì. Dưới những cây đa cổ bên vệ đường, bây giờ đầy tiếng ồn ào của xe bò và tiếng trò chuyện của dân làng có việc vất đi từ làng này qua làng kia. Họ không có gì phải vội vã và ưa tụ nhau nói chuyện ở bất cứ chỗ nào có bóng mát. Chỉ có một số ít mang giày dép, số ít hơn nữa có xe đạp. Có khi họ ăn đậu phộng hay một ít hạt rang. Xung quanh họ phát ra khí lực của lòng thiện tâm dễ thương, rõ là họ không bị dính vào sự lây nhiễm của thành thị. Con đường mang dấu ấn của sự thanh bình, dù thỉnh thoảng có một chiếc xe tải chạy qua, chở đầy những bao than đá được xếp cầu thả xem ra có thể rơi xuống đất bất cứ lúc nào; nhưng chúng cũng chẳng hề rơi. Một chiếc xe buýt chở đầy người chạy đến, tiếng còi vang lên đáng sợ. Thế nhưng cả nó cũng chóng đi mất, trả lại con đường cho dân làng – và cho hàng chục con khỉ sắc nâu đang tụ tập nhau lại, cả mẹ lẫn con. Khi một chiếc xe tải hay xe buýt lạch cạch chạy đến, những con khỉ con liền đeo bám khi mẹ, chúng cứ ôm chặt như thế cho đến khi khắp nơi yên hẳn rồi lại tràn ra ngoài đường, nhưng cũng không chịu xa mẹ bao nhiêu. Đầu to, mắt sáng đầy sự tò mò, chúng tự gãi mình và dòm ngó các con kia. Những con khá lớn thì chạy khắp nơi, chúng đuổi nhau bằng qua con đường và dọc lên

cây, luôn luôn né tránh những con khi già, tuy thế chúng cũng biết không nên chạy quá xa. Có một con khi đực rất to, trông có vẻ già nhưng vẫn còn sinh động, ngồi yên lặng cạnh bên lề đường quan sát mọi thứ. Những con khi khác không dám đến gần mà hễ nó bó đi thì cả đàn thông thả đi theo; và mặc dù chạy tứ tán nhưng luôn luôn cùng một hướng chung. Thật là một con đường với hàng ngàn sự việc xảy ra.

Anh là một người còn trẻ, đến cùng với hai người khác trạc tuổi. Gương mặt có vẻ hơi bị kích động, trán rộng, bàn tay dài và hiếu động, anh cho hay mình chỉ là một viên chức nhỏ, lương thấp, tương lai không mấy sáng sủa. Mặc dù tốt nghiệp đại học với điểm cao, anh khó khăn lắm mới kiếm được việc làm, và phải mừng là có việc. Anh chưa lập gia đình, mà cũng chưa biết sẽ lấy ai, không vì cuộc sống thì khó và nuôi dạy con cái thì phải cần nhiều tiền. Thế nhưng anh hài lòng với những gì kiếm được, lương nuôi sống mình và mẹ già, mua sắm được vật dụng cần thiết. Anh nói, đến đây không phải để kể những chuyện đó mà vì một lý do hoàn toàn khác. Hai người bạn đồng hành, một trong hai đã lập gia đình, có vấn đề tương tự như anh và anh thuyết phục hai bạn hãy đến cùng anh. Cả hai đều học đại học, và cũng như anh, cả hai đều có một nghề nghiệp tầm thường trong văn phòng. Tất cả họ đều tươm tất, nghiêm túc và có vẻ vui tươi, với cặp mắt sáng, nụ cười cởi mở.

“Chúng tôi đến để nêu một câu hỏi rất đơn giản và hy vọng nghe một câu trả lời cũng đơn giản. Mặc dù tốt nghiệp đại học, chúng tôi cũng không đủ sức để phân tích một cách

sâu sắc tới nơi tới chốn; nhưng chắc chắn chúng tôi sẽ lắng nghe ông nói. Như ông thấy, chúng tôi không biết rõ sống để làm gì. Chúng tôi làm lung tung chuyện này chuyện nọ, tham gia hội đoàn này khác, gia nhập tổ chức cứu tế xã hội, đi họp các cuộc mít-tinh công đoàn và tất cả mọi thứ tương tự. Chúng tôi cũng rất yêu thích âm nhạc, thăm viếng đền chùa, cũng đã trầm mình trong kinh sách thiêng liêng, nhưng không sâu xa lắm. Tôi đánh bạo nói với ông những thứ đó chỉ để ông biết thêm về chúng tôi. Ba chúng tôi hầu như chiều nào cũng gặp nhau để bàn chuyện và câu hỏi xin đặt cho ông là: mục đích của cuộc đời là gì và làm sao ta tìm ra nó?”.

Tại sao các bạn lại hỏi câu này? Và nếu có ai trả lời mục đích cuộc đời là gì, các bạn sẽ chấp nhận không và chịu sống theo đó không?

“Chúng tôi đặt câu hỏi này”, người cổ gia đình nói, “vì chúng tôi bị hoang mang; chúng tôi không hiểu sự rối loạn và khốn khổ này do đâu ra và để làm gì. Chúng tôi muốn trao đổi về điều này với một người không bị hoang mang như chúng tôi, một người không có tính tự phụ và gia trưởng; một người chịu nói chuyện một cách bình thường, chứ không phải từ bên trên ngó xuống như thế họ thì biết hết mọi chuyện còn chúng tôi thì như học trò ngu dốt chẳng biết gì cả. Chúng tôi được nghe ông là thế nên chúng tôi tới để nghe ông nói cuộc đời có ý nghĩa gì”.

“Không phải chỉ chừng đó thôi”, người đầu tiên nói thêm, “chúng tôi muốn có một cuộc sống nhiều thành quả, một cuộc sống có ý nghĩa; nhưng chúng tôi cũng không muốn thành

tín đồ, không muốn theo một chủ thuyết nào đặc biệt. Một số bạn bè của chúng tôi gia nhập các nhóm tôn giáo hay theo các nhà chính trị nước đôi nhưng chúng tôi thì không thích theo họ. Các nhà chính trị thì chỉ nhân danh Nhà nước mà theo đuổi quyền lực và các nhà tôn giáo thì để dành cho đám đông nhẹ dạ, ưa mê tín. Thế nên chúng tôi tới đây, không biết ông giúp chúng tôi được không”.

Một lần nữa, nếu có ai đủ đại dốt để nói với các bạn mục đích cuộc đời là gì, bạn có chấp nhận nó không – dĩ nhiên giả định rằng nó hợp lý, nó tiện lợi và không nhiều thì ít làm bạn hài lòng?

“Tôi nghĩ rằng chúng tôi sẽ theo”, người đầu tiên nói.

“Thế nhưng người đó phải bảo đảm là nói sự thực chứ không phải là điều bịa đặt khôn khéo nào đó”, một người khác nói thêm.

“Tôi không tin là chúng tôi đủ sức đánh giá được đúng sai”, người thứ ba nói.

Đó chính là toàn bộ vấn đề. Tất cả các bạn đều nói tâm mình bị hoang mang. Bây giờ các bạn có thể tin liệu một tâm thức hoang mang có thể tìm ra ý nghĩa cuộc đời sao?

“Tại sao lại không?”, người đầu tiên nói, “chúng tôi hoang mang thật, không ai phủ nhận cả; nhưng nếu vì hoang mang mà không thể thấy được ý nghĩa cuộc đời thì thật là đáng tuyệt vọng”.

Dù mò mẫm tìm kiếm nhiều đến đâu, một tâm thức hoang mang chỉ có thể tìm ra cái làm cho nó thêm hoang mang; không phải sao?

“Tôi không biết ông muốn hướng tới đâu?”, người có gia đình nói.

Chúng ta không cố đi tới đâu cả. Chúng ta đang dò từng bước; và điều đầu tiên cần tìm ra là xem thử liệu tâm có thể tư duy sáng suốt hay không lúc nó bị hoang mang.

“Rõ ràng là không”, người đầu tiên trả lời nhanh, “nếu tôi hoang mang, như hiện nay tôi đang bị, thì tôi không thể suy nghĩ rõ ràng được. Tư duy sáng suốt đòi hỏi tâm không được bối rối hoang mang. Tôi đang hoang mang nên không suy tư rõ rệt được, nhưng vấn đề là sao?”.

Sự thật là bất cứ điều gì mà một tâm thức hoang mang tìm kiếm và phát hiện đều là sự rối ren cả; ông giáo chủ, ông đạo sư, mục đích của tâm đều chỉ phản ánh sự hoang mang của chính nó. Đúng thế không?

“Thật khó mà chấp nhận điều này”, người có gia đình nói.

Khó chấp nhận là do lòng tự phụ của chúng ta. Chúng ta tự cho mình là khôn ngoan, đủ khả năng giải quyết các vấn đề của con người. Phần lớn chúng ta đều ngại thừa nhận sự thật là mình bị hoang mang bối rối, vì nếu thế thì ta đối diện với sự phá sản, với sự thất bại của chính mình, điều đó sẽ đồng nghĩa hoặc với sự tuyệt vọng hoặc với lòng nhẫn nhục. Lòng tuyệt vọng sớm dẫn đến sự cay chua, độc ác, đến những chủ trương thô thiển; nhưng nếu có lòng nhẫn nhục đích thực thì chúng ta có thể bắt đầu tìm tòi và thấu hiểu.

“Tôi có thể thấy sự thật nơi những gì ông vừa nói”, người có gia đình trả lời.

Phải chăng mỗi sự lựa chọn đều hàm chứa sự hoang mang?

“Tôi không hiểu tại sao lại như thế”, người thứ hai nói, “chúng ta phải lựa chọn; không có sự lựa chọn tức là không có tự do”.

Khi nào thì bạn lựa chọn? Lựa chọn chỉ xuất phát từ sự bối rối, khi bạn không chắc chắn lắm. Khi có sự sáng tỏ thì không có lựa chọn.

“Đúng thế, thưa ông”, người có vợ nói, “khi ta yêu và kết hôn với một người, thì khi đó không có sự lựa chọn. Sự lựa chọn chỉ sinh ra khi không có tình yêu, khi ta chỉ đi quanh sầm hàng. Trong một cách nói thì tình yêu là sự sáng tỏ, phải không?”.

Điều này tùy khi ta nói tình yêu là nói gì. Nếu “tình yêu” bị hạn chế bởi lo sợ, ghen tuông, tham đắm thì đó không phải là yêu thương, và cũng không có sự sáng tỏ trong đó. Thế nhưng bây giờ ta khoan nói về tình yêu. Khi tâm ở trong trạng thái của hoang mang bối rối, thì sự tìm kiếm mục đích cuộc đời, và sự lựa chọn các mục đích đó thật không có giá trị gì cả.

“Ông muốn nói gì với ‘lựa chọn các mục đích’?”.

Khi các bạn đến đây, hỏi về mục đích của cuộc đời, thì các bạn đi tìm cho mình một mục đích, một chỗ để hướng về. Rõ là các bạn đã hỏi nhiều người khác câu hỏi này, và bạn không hài lòng về câu trả lời của họ, thế nên mới đến đây. Các bạn đang lựa chọn, và như ta đã nói, sự lựa chọn là con đẻ của lòng hoang mang bối rối. Vì bị hoang mang

bạn muốn được sự an toàn; và một tâm thức hướng về sự an toàn trong lúc còn hoang mang thì tâm đó chỉ tiếp tục ôm giữ sự hoang mang. Một sự xác quyết được cộng vào với hoang mang nội tâm chỉ tăng cường cho sự hoang mang.

“Điều này đã rõ”, người đầu tiên nói, “tôi bắt đầu thấy rõ, một tâm thức hoang mang chỉ tìm thấy những câu trả lời bối rối về một vấn đề mơ hồ. Nhưng rồi sao nữa?”.

Hãy đi vào việc này một cách thông thả. Tâm của chúng ta bị hoang mang bối rối và đó là một sự thực. Ngoài ra tâm cũng nông cạn, nhỏ nhen, hạn chế; đó cũng là một điều thực có, đúng không?

“Thế nhưng chúng ta cũng không hoàn toàn nhỏ nhen, có một phần khác của chúng ta không phải thế”, người có gia đình nói, “nếu tìm ra cách để vượt qua được sự nông cạn này, chúng ta có thể phá vỡ nó”.

Đó là một thứ hy vọng dễ dãi nhưng có thật vậy chăng? Bạn có một khái niệm truyền thống cho là mình có một tự thể – cái Tiểu ngã, linh hồn, cái tinh túy tâm linh – nằm ngoài, nằm trên những thứ nhỏ nhen này, một tự thể có khả năng xuyên suốt những thứ đó. Thế nhưng một cái tâm nhỏ nhen nghĩ rằng có một phần khác của nó là không nhỏ nhen, thì nó chỉ bám giữ vào sự nhỏ nhen của mình. Khi xác quyết có một Tiểu ngã, một tự thể cao hơn, vân vân..., thì tâm hoang mang vô minh vẫn bị tiếp tục trói buộc trong tư duy vô minh của nó, đó là thứ tư duy được sinh ra từ truyền thống, được người khác dạy dỗ cho bạn.

“Thế thì bây giờ phải làm sao?”.

Không phải câu hỏi này là quá hấp tấp hay sao? Có thể không cần phải làm bất cứ gì cả. Trong quá trình của sự thấu hiểu toàn bộ vấn đề, có thể có một dạng khác của sự hành động.

“Ông muốn nói hành động cần làm đó sẽ tự xuất hiện khi ta thấu hiểu cuộc đời”, người có gia đình nói, “bây giờ theo ông, cuộc đời là gì?”.

Cuộc đời là vẻ đẹp, phiền não, niềm vui và sự hoang mang bối rối; nó là cây cối, chim muông, là ánh trăng trên mặt nước; là công việc, nỗi đau và hy vọng; là sự chết, sự tìm kiếm cái bất tử; là lòng tin nơi đáng Tối cao và sự phủ nhận nó; là thiện mỹ, sự căm thù và lòng thèm muốn, sự khao khát và lòng tham vọng; là tình yêu thương và sự thiếu vắng nó; là óc phát minh và khả năng kiểm soát máy móc; là sự say mê sâu xa; là tâm thức, người thiến định và sự thiến định. Cuộc đời là tất cả. Nhưng làm sao tâm thức nhỏ nhen và rối loạn của chúng ta tiếp cận được cuộc đời? Điều đó là quan trọng, chứ không phải sự mô tả cuộc đời là gì. Từ nơi cách tiếp cận cuộc đời của chúng ta mà sinh ra mọi câu hỏi và câu trả lời.

“Tôi thấy sự rối loạn này mà ta gọi là cuộc đời là kết cuộc của chính tâm tôi”, người đầu tiên nói, “Tôi do nó sinh ra, nó do tôi sinh ra. Liệu tôi có thể tách ra khỏi cuộc đời không và tự hỏi mình làm sao tiếp cận lại nó?”.

Thực tế chính bạn đã tách mình ra khỏi cuộc đời, không phải sao? Bạn không hề nói, “tôi chính là toàn bộ cuộc đời” và chịu lặng yên; ở đây bạn lại đòi thay đổi điều này, cải

thiện điều kia, bạn muốn bác bỏ, bạn muốn giữ chặt. Chính bạn, kẻ quan sát, thì muốn là một trung tâm bất động, trường cửu trong sự vận động to lớn này, và vì thế mà bạn cứ bị ràng buộc trong tranh chấp, trong phiền não. Bây giờ, bạn là kẻ bị cách ly, làm sao bạn tiếp cận với cái toàn thể nữa? Làm sao bạn tới được với cái mệnh mông này, với vẻ đẹp của trái đất và bầu trời nữa?

“Tôi tới với cái tôi là”, người có gia đình nói, “với sự nhỏ nhất của mình, đi tìm những câu trả lời vô tích sự”.

Chúng ta nhận được những gì mình tìm kiếm. Cuộc đời của chúng ta nhỏ nhất, tầm thường, rất nông cạn, bị thói quen ràng buộc; và Thượng đế của những đầu óc tầm thường thì cũng vớ vẩn và ngu xuẩn như những kẻ bày vẽ ra họ. Dù ta có sống trong một lâu đài hay ở làng quê, dù ta là nhân viên quèn trong văn phòng hay có quyền cao chức trọng, thực tế là tâm của chúng ta nhỏ nhen, hẹp hòi, đầy tham lam khao khát; và với thứ tâm đó chúng ta đi tìm đâu là Thượng đế, chân lý là gì, chính phủ toàn hảo là gì, và tầm cầu giải pháp cho vô số các vấn đề khác chạm trán với ta.

“Đúng, cuộc đời chúng tôi là thế”, người đầu tiên thừa nhận một cách buồn rầu, “chúng tôi có thể làm gì?”.

Hãy cho toàn thể đời sống này chết đi, không phải từng chút từng chút, mà toàn bộ một lúc. Chính cái tâm nhỏ nhen đang dụng công, đang tranh đấu, nó có mục tiêu và hệ thống, nó là cái luôn luôn cải thiện mình bằng cách trau dồi đạo đức. Đạo đức sẽ không còn là đạo đức nếu nó được trau dồi.

“Tôi có thể hiểu là ta hãy cho quá khứ chết đi”, người đầu

tiên nói, “nhưng nếu tôi cho quá khứ chết đi thì sẽ xảy ra điều gì?”.

Phải chăng bạn muốn nói mình chỉ sẵn sàng cho quá khứ chết đi nếu được ai bảo đảm sẽ có một cái gì thay thế tốt đẹp cho những cái đã từ bỏ. Như thế thì không phải là từ bỏ, đó chỉ là một sự thành đạt khác. Một tâm thức nhỏ nhen muốn biết điều gì xảy ra sau đó thì chỉ tìm được những câu trả lời nhỏ nhen. Các bạn phải cho tất cả những đã biết chết đi để cho cái chưa biết hiển lộ.

“Mới đầu tôi đặt câu hỏi nọ một cách vô tư. Bây giờ thì tôi hiểu những gì ông đã nói và sau đây không phải là lời nói lẽ độ hay chỉ trên mặt ngôn từ. Tôi nghĩ rằng mỗi chúng tôi đều cảm nhận sâu sắc sự thực của những gì ông nói, và cảm nhận này mới là điều quan trọng nhất. Xuất phát từ sự cảm nhận này, hành động mới có thể và sẽ xảy ra. Chúng tôi có được phép đến thăm ông lại không?”.

VẮNG THIÊN MỸ VÀ LÒNG YÊU THƯƠNG THÌ KHÔNG CÓ GIÁO DỤC ĐÚNG ĐẮN

Ngồi trên một cái bục, anh đang chơi một loại nhạc cụ bảy dây trước một nhóm nhỏ thính giả, họ rất quen loại âm nhạc cổ điển này. Họ ngồi trên sàn nhà trước mặt anh; phía sau anh là một nhạc cụ khác chỉ bốn dây cũng đang được trình diễn. Anh còn trẻ nhưng là bậc thầy toàn hảo của nhạc cụ bảy dây và cả loại âm nhạc này. Trước mỗi bài ca, anh đã ứng biến; sau đó là ca khúc, trong đó lại càng thêm nhiều ứng biến nữa. Bạn không bao giờ nghe được một tác phẩm nào được trình bày hai lần như nhau. Lời nhạc rất chừng mực, nhưng trong một khung cảnh nhất định thì nó có một mức độ tác động to lớn, và nhà nghệ sĩ có thể ứng biến theo ý riêng của mình, hợp với mức độ của lòng mình; và sự phối hợp, biến tấu càng phong phú thì người nghệ sĩ càng vĩ đại. Với dây đàn, ngôn ngữ không thể hiện được nhưng tất cả những người ngồi đó đều biết lời ca, và họ say sưa theo lời ca. Đầu lắc lư, với bàn tay uyển chuyển, họ giữ nhịp một cách toàn hảo, họ vỗ nhẹ trên đùi vào cuối nhịp điệu. Anh nhạc sĩ nhắm mắt và hoàn toàn bị thu hút vào trong tự do của niềm sáng tạo và trong vẻ đẹp của thanh âm; tâm anh và những ngón tay của anh nằm trong một mối liên hệ toàn

hảo. Và những ngón tay của anh : thanh thoát và nhanh nhẹn, dường như chúng có cuộc sống riêng. Chúng chỉ chịu nằm yên lúc hết bài của nhạc cảnh đó, chúng yên lặng và nghỉ ngơi; thế nhưng chúng liền bắt đầu một bài ca khác với sự nhanh nhẹn không thể tin nổi, nhưng lại trong một thứ nhạc cảnh khác. Hầu như chúng mê hoặc bạn bằng sự uyển chuyển và mau lẹ của động tác. Và những sợi dây đàn, chúng cho những thanh âm đầy âm điệu biết bao! Chúng được bấm bởi các ngón tay trái để sinh ra sức căng chính xác, trong lúc bàn tay phải gảy đàn với sự nhẹ nhàng và tự chủ của một bậc thầy.

Bên ngoài trắng sáng; bóng cây bất động; nhìn qua cửa sổ ta có thể thấy dòng sông, một dải bạc nổi lên giữa bóng tối, giữa những hàng cây im lặng trên bờ bên kia. Một điều gì kỳ lạ đang xuyên qua không gian mà không gian chính là tâm. Nó đang ngắm nhìn sự vận động đầy phức tạp của những ngón tay, lắng nghe những âm thanh ngọt ngào, chăm chú nhìn những chiếc đầu lắc lư và nhịp tay của những người ngồi yên lặng. Bỗng nhiên người ngắm nhìn, người lắng nghe biến mất; không phải vì người đó được ru ngủ trong tiếng đàn đầy nhịp điệu mà là nó hoàn toàn vắng mặt. Chỉ còn một không gian mênh mông, mà đó chính là tâm. Tất cả mọi thứ trên địa cầu và những gì thuộc về con người đều nằm trong đó cả; nhưng các thứ đó lại nằm lơ lửng ở tận viễn xứ ngoại biên. Ở trong không gian, nơi không có gì cả, thì có một sự vận hành và sự vận hành này là sự tĩnh mịch. Có một sự vận hành sâu sắc, mênh mông, không có chiều

hướng, không có mục đích, bắt đầu từ những ngoại biên và với một sức mạnh không tin nổi mà tiến vào trung tâm – trung tâm nhưng hiện diện khắp chốn trong sự tĩnh mịch đó, hiện diện khắp trong sự vận hành mà vận hành là không gian. Trung tâm này hoàn toàn cô tịch, vô cấu nhiễm, không thể nghĩ bàn, cô tịch nhưng không cô lập, vô thủy vô chung. Nó tự mình toàn hảo trong chính nó, bất sinh, các ngoại biên nằm trong nó nhưng không phải là nó. Nó có đó nhưng không nằm trong qui mô của tâm thức con người. Nó là cái toàn thể, cái toàn triệt, không thể tiếp cận¹.

Nhóm của họ bốn người, tất cả đều là thanh niên cùng tuổi, từ mười sáu đến mười tám. Rụt rè, họ cần được ai khuyến khích nhưng khi đã nói thì khó mà ngưng, những câu hỏi của họ đến ào ào một cách hăng say. Bạn có thể thấy họ đã bàn tất cả chuyện này với nhau từ lâu trước đó, và chuẩn bị các câu hỏi trên giấy; và sau khi một hai người bắt đầu thì họ quên mất những gì đã viết và nói một cách tự nhiên về những gì mình chợt nghĩ trong đầu. Mặc dù không phải thuộc con nhà dòng dõi nhưng họ ăn mặc tươm tất chỉnh tề.

“Thưa ông, khi ông nói chuyện với học sinh chúng tôi cách

1. Trong đoạn này Krishnamurti mô tả sự chứng nghiệm của mình về thể tính cuối cùng của vũ trụ, khi con người quan sát biến mất. Câu quan trọng nhất là “không gian chính là tâm”. Những thông tin này đối với người thường là không thể nghĩ bàn. Thật vô ích cho người đọc khi bàn bạc “đúng sai” về những điều này, thể nhưng điều đáng chú ý là nó khá trùng hợp với nhiều mô tả của các vị đạo sư của thời quá khứ cũng như hiện đại (ND).

đây vài ba ngày”, người gần nhất bắt đầu, “ông đề cập đến sự cần thiết của một nền giáo dục đúng đắn để đủ sức đối diện với cuộc đời. Tôi mong ông nhắc lại thế nào là giáo dục đúng đắn. Chúng tôi có nói chuyện với nhau về điều này nhưng không hiểu thấu đáo”.

Bây giờ các bạn có loại giáo dục nào?

“Ồ, chúng tôi đang ở trong trường cao đẳng và được dạy về những điều thông thường cho một nghề nghiệp nhất định”, anh đáp. “Tôi sẽ thành kỹ sư; bạn bè tôi thì khác nhau, người học vật lý, kẻ học văn chương, người học kinh tế. Chúng tôi phải nghe những bài giảng nhất định, đọc những sách đã định, và nếu có thì giờ thì đọc vài ba cuốn tiểu thuyết; nhưng ngoài các trò chơi thì chúng tôi dành phần lớn thì giờ cho chuyện học”.

Bạn có nghĩ như thế là đủ để được giáo dục đúng đắn cho cuộc đời?

“Từ những gì ông nói mà suy thì không đủ”, người thứ hai nói, “nhưng đó là tất cả những gì chúng tôi có được và thường thường thì chúng tôi cho là được giáo dục rồi”.

Học đọc, học viết, học trau dồi ký ức và đi thi cho đậu, kiếm được vài khả năng hay kỹ xảo để tìm được một việc làm, như thế là giáo dục hay sao?

“Không phải những điều đó là cần thiết sao?”.

Đúng, để kiếm tiền nuôi thân thì đó là điều cốt yếu; nhưng cuộc đời không chỉ có thế. Ngoài ra còn có tình dục, tham vọng, lòng ham muốn, tình yêu nước, sự bạo động, chiến

tranh, tình yêu, cái chết, Thượng đế, quan hệ giữa người và người, tất cả đều là xã hội, và còn nhiều điều khác nữa. Bạn có được dạy dỗ để đối phó với những vấn đề to lớn này được mệnh danh là cuộc đời không?

“Ai là người dạy chúng tôi những điều đó?”, người thứ ba nói. “Giáo viên cũng như giáo sư của chúng tôi xem ra rất lãnh đạm. Trong số đó có nhiều vị rất khôn ngoan và thông thái, nhưng không ai nói một ý gì về những điều này. Chúng tôi cầm đầu mà làm cho qua và mỗi người đều hạnh phúc khi cầm mảnh bằng trong tay; tất cả mọi thứ đều trở nên khó khăn cả”.

“Ngoại trừ sự ham mê tình dục, điều tương đối rõ”, người thứ nhất nói, “chúng tôi không biết gì cả về cuộc đời; tất cả những thứ còn lại xem ra thật mơ hồ và xa xôi. Chúng tôi nghe cha mẹ phàn nàn không đủ tiền bạc, thấy họ bị gấn chặt vào trong những nếp nếp mòn cũ trong tuổi già còn lại. Thế thì ai dạy chúng tôi về cuộc đời?”.

Không ai dạy bạn cả, nhưng bạn có thể học. Có một sự khác biệt khổng lồ giữa học hỏi và được dạy dỗ. Học hỏi thì đi xuyên suốt cuộc đời, còn được dạy dỗ thì chỉ vài giờ hay vài năm – và sau đó bạn sẽ lặp lại những gì được dạy cho suốt cả cuộc đời. Những gì bạn được dạy sớm trở thành tro tàn mà cuộc đời lại là một cái gì sinh động, nên cuộc đời trở thành chiến trường của những nỗ lực vô vọng. Các bạn bị ném ra ngoài đời mà không có được cái thoải mái hay ung dung để thấu hiểu nó; trước khi bạn biết điều gì về cuộc đời thì bạn đã nằm trọn trong đó mất rồi, đã lập gia

đình, đã có nghề nghiệp, đã nằm trong tiếng la hét không chút thương tiếc của xã hội rồi. Ta phải học về cuộc đời từ thời còn non trẻ, không phải trong giai đoạn cuối; khi ta đã lớn lên rồi thì hầu như quá muộn.

Bạn không biết cuộc đời là gì sao? Nó bắt đầu từ lúc bạn vừa sinh ra cho đến lúc bạn chết và có lẽ sau đó nữa. Cuộc đời là một tổng thể to lớn, phức tạp; nó giống như một căn nhà mà trong đó mọi sự đều xảy ra tức khắc. Bạn yêu và ghét; bạn tham lam thêm muốn, đồng thời bạn lại thấy mình không nên thế. Bạn có nhiều ước vọng và cũng có thành công hay thất bại; chạy theo nó vì lo âu, sợ hãi và lòng nhần tâm; và không sớm thì muộn bạn sẽ có cảm giác tất cả chỉ là phù phiếm. Thế rồi còn có sự tàn bạo và sự khủng khiếp của chiến tranh, có thứ hoà bình do khủng bố để ra; có chủ nghĩa quốc gia, có nhân danh chủ quyền dân tộc để hô hào chiến tranh; có cái chết sau một cuộc đời hay bất cứ lúc nào trong đời. Có sự tìm kiếm Thượng đế, với mọi niềm tin đối kháng lẫn nhau, có sự tranh chấp giữa các tôn giáo được tổ chức thành định chế. Có sự phấn đấu để giành và giữ một việc làm; có hôn nhân, con cái, bệnh tật, và sự chế ngự của xã hội, của Nhà nước. Tất cả những thứ đó là cuộc đời và nhiều hơn thế nữa; và bạn thì bị ném vào trong cuộc hỗn loạn đó. Thường thường thì bạn chìm trong đó, khổn khổ, mất mát; và nếu bạn sống còn và leo lên được chóp đỉnh thì bạn cũng vẫn là một phần của sự hỗn loạn. Đó là cái mà ta gọi là cuộc đời: triền miên tranh chấp và phiền não, thỉnh thoảng có một chút niềm vui. Ai chịu dạy cho bạn điều

này? Hay nói đúng hơn, làm sao bạn học hỏi được về điều này? Ngay khi bạn có khả năng hay thiên hướng, bạn sẽ bị bức xúc bởi ước vọng, bởi mong ước được tiếng tăm, với tất cả thất vọng và khổ sở của chúng. Tất cả điều này là cuộc đời, đi xa thêm nữa cũng là cuộc đời nốt.

“Cũng may là chúng tôi còn biết rất ít về tất cả cuộc tranh chấp đó”, người thứ nhất nói, “thế nhưng tất cả những gì ông nói vốn tiềm tàng trong chúng tôi. Tôi muốn thành một kỹ sư danh tiếng, tôi muốn đánh bại tất cả những người khác, thế nên tôi phải hăng say làm việc, phải quen với những người đáng quen; tôi phải vạch kế hoạch, tính toán cho tương lai. Tôi phải vạch con đường cho cuộc đời của mình”.

Đúng như thế. Mỗi người đều nói phải vạch đường đời của mình; mỗi người chỉ biết đến mình, khi thì nhân danh công việc, nhân danh tôn giáo, nhân danh đất nước. Bạn muốn nổi tiếng, ông hàng xóm của bạn cũng thế, ông hàng xóm của ông ta cũng thế nốt; ai cũng muốn thế cả, từ người cao nhất đến người thấp nhất trong cả nước. Thế nên chúng ta xây dựng một xã hội dựa trên ước vọng, ham muốn và chiếm hữu, trong đó mỗi người là đối thủ của kẻ khác; và bạn được “giáo dục” để khếp mình vào xã hội phân hóa này, để ăn khớp vào cái khung xấu xa của nó.

“Thế nhưng chúng tôi làm được điều gì?”, người thứ hai hỏi. “Với tôi thì chúng tôi hoặc phải khếp mình vào xã hội hoặc bị tiêu diệt. Có cách nào thoát ra khỏi nó không, thưa ông?”.

Bây giờ thì bạn được gọi là dạy dỗ để hoà nhập vào xã hội; khả năng của bạn được phát triển để tạo cho bạn một

cuộc sống nằm trong khuôn khổ. Cha mẹ bạn, thầy giáo bạn, chính phủ, tất cả đều lo cho hiệu năng cũng như sự an toàn tài chánh của bạn, đúng thế không?

“Tôi không biết về chính phủ”, người thứ tư nói, “nhưng cha mẹ chúng tôi quả thật phải trả những số tiền khó kiếm để cho tôi có bằng cao đẳng, để chúng tôi có thể kiếm sống. Nói cho cùng thì cha mẹ rất thương con cái”.

Cha mẹ biết thương con thật ư? Hãy xem. Chính phủ muốn các bạn là người chuyên trách đầy hiệu quả để điều hành guồng máy của Nhà nước, là nhà công nghiệp giỏi để giữ vững nền kinh tế, là người lính thiện chiến để tiêu diệt đối phương, không phải sao?

“Tôi nghĩ chính phủ thì làm thế thật. Nhưng cha mẹ thì biết thương yêu con cái hơn nhiều, cha mẹ nghĩ tới hạnh phúc của chúng tôi, muốn chúng tôi là những công dân tốt”.

Vâng, cha mẹ muốn bạn là “công dân tốt”, điều đó không gì khác hơn là có những ước vọng to lớn, lòng ham muốn chiếm hữu triền miên và thích thú với lòng nhẩn tằm đã được xã hội thừa nhận, được mệnh danh là sự cạnh tranh, để cho bạn và cho họ được an toàn. Anh ta được gọi là công dân tốt, nhưng liệu anh tốt thật không hay là một cái gì rất bất thiện? Bạn nói cha mẹ yêu thương bạn, nhưng họ yêu thương thật không? Tôi không thích chỉ trích cay độc. Tình yêu thương là một điều rất phi thường, thiếu vắng nó thì cuộc đời sẽ cần cỗi. Bạn có thể sở hữu rất nhiều và ngồi trong chiếc ghế của quyền lực, nhưng nếu không có vẻ đẹp và sự vĩ đại của lòng yêu thương, cuộc sống sẽ sớm trở nên

khốn khổ và rối loạn. Lòng yêu thương hàm ý rằng, kẻ được yêu thương phải được tự do hoàn toàn để lớn lên với trần trụi nội tâm của nó, phải là một cái gì to lớn hơn một cỗ máy của xã hội. Lòng yêu thương không thúc ép, dù thúc ép công khai hay bằng một sự đe dọa tinh tế nào đó như trách nhiệm và bổn phận. Nơi nào có sự thúc ép hay sử dụng quyền hành, nơi đó không có lòng yêu thương.

“Điều này không phải là loại yêu thương mà bạn tôi nói đến”, người thứ ba nói. “Cha mẹ chúng tôi yêu thương con cái nhưng không theo cách đó. Tôi có người bạn, anh muốn trở thành nghệ sĩ nhưng bố anh muốn anh phải theo con đường kinh doanh và dọa sẽ từ bỏ anh nếu anh không chịu làm theo bổn phận”.

Cái mà cha mẹ gọi là bổn phận thì không phải là thương yêu, đó là một dạng của sự ép buộc; và xã hội luôn hỗ trợ các vị cha mẹ đó, vì những gì họ làm rất đáng nể trọng. Cha mẹ lo lắng cho con kiếm được một việc làm ổn định và kiếm được tiền; nhưng với cư dân đông đúc như thế này thì có cả hàng ngàn ứng viên cho mỗi công việc, và cha mẹ cứ nghĩ con mình sẽ không kiếm sống được bằng cách vẽ tranh; thế nên họ ép con mình phải bỏ những điều mà họ cho là ý tưởng xuẩn ngốc. Họ nghĩ phải cần rập khuôn với xã hội, phải được trọng vọng đồng thời phải được an toàn. Điều này được gọi là lòng yêu thương. Nhưng thật đó là yêu thương không? Hay đó là sự lo sợ được bọc với từ “yêu thương”?

“Nếu ông nói như thế thì tôi không biết phải nói thế nào”, người thứ ba trả lời.

Có cách nào nói khác không? Những điều vừa nói có lẽ không vui, nhưng đó là một thực tế. Cái được gọi là giáo dục cho bạn rõ ràng là không hề giúp bạn đối phó với thể tính to lớn của cuộc đời; các bạn vào đời không được chuẩn bị, các bạn bị nuốt chửng trong đó.

“Nhưng ai là người dạy chúng tôi thấu hiểu được cuộc đời? Chúng tôi không có các vị thầy đó”.

Nhà giáo dục phải được giáo dục đã. Người lớn hay nói với các bạn, thế hệ mới phải xây dựng một thế giới mới nhưng họ hoàn toàn không nghĩ thế. Ngược lại, với những tư duy và toan tính to lớn, họ dùng “giáo dục” để ép các bạn vào trong khuôn mẫu cũ đã được điều chỉnh đôi chút. Dù họ có thể nói năng rất khác nhau, thầy giáo và cha mẹ, thường thì được chính phủ và xã hội hỗ trợ, tất cả đều muốn bạn phải được huấn luyện để rập khuôn với truyền thống, phải chấp nhận tham vọng và sự khao khát như lối sống hiển nhiên. Họ hoàn toàn không quan tâm gì đến một phương cách mới của đời sống, và đó là lý do tại sao tôi nói chính các nhà giáo dục cũng không được giáo dục đúng đắn. Thế hệ của người lớn đã tạo ra thế giới này của chiến tranh, của đối lập và chia cắt giữa người và người; và thế hệ mới cứ hăng say đi theo vết chân cũ.

“Muốn được giáo dục đúng đắn thì phải làm sao, thưa ông?”.

Trước hết phải nhìn thật rõ một sự kiện: cả chính phủ, lẫn thầy giáo hiện nay, cũng như cha mẹ, chẳng ai quan tâm dạy dỗ các bạn một cách đúng đắn; nếu họ làm được thì thế giới đã hoàn toàn khác và sẽ không có chiến tranh. Nếu

các bạn muốn được giáo dục đúng đắn, các bạn phải tự mình làm; và khi các bạn trưởng thành, các bạn sẽ thấy con cái phải được dạy dỗ đúng đắn.

“Thế nhưng làm sao tự mình giáo dục chính mình được? Chúng tôi cần ai hướng dẫn chứ”.

Bạn có thầy giáo dạy toán, văn chương, vãn vãn...; nhưng giáo dục là một cái gì sâu sắc và rộng rãi hơn hẳn việc thu thập thông tin. Giáo dục là nuôi dưỡng cái tâm sao cho hành động không còn quay quanh tự ngã; là suốt đời phải học sao cho phá vỡ được những bức tường mà tâm đã xây lên nhằm cho mình được an toàn, từ những bức tường đó sự sợ hãi được sinh ra với tất cả mức độ phức tạp của nó. Muốn được giáo dục đúng đắn bạn phải học hỏi nhiều, không được lười biếng. Hãy cứ vui với trò chơi của mình, không phải để giành phần thắng mà để vui cho mình. Hãy ăn uống đúng cách, giữ thân được khỏe mạnh. Hãy để tâm tĩnh giác và đủ năng lực làm quen và giải quyết các vấn đề của cuộc đời, không phải với tính chất của một người theo Ấn Độ giáo hay Kitô giáo mà với tính cách của một con người. Muốn được giáo dục đúng đắn, bạn phải thấu hiểu chính mình; bạn luôn luôn học bài học từ chính mình. Nếu bạn ngưng sự học hỏi, cuộc đời sẽ trở nên đáng ghét và phiền muộn. Thiếu vắng sự thiện mỹ và lòng yêu thương, bạn sẽ không được giáo dục đúng đắn.

LÒNG THÙ HẬN VÀ BẠO LỰC

Trời còn sớm; mặt trời còn cả tiếng đồng hồ nữa mới lên. Chòm sao Nam¹ rất rõ nét và đẹp một cách kỳ lạ trên các ngọn dừa. Tất cả mọi thứ đều lặng yên; những tàng cây bất động và đen thẫm, và ngay cả những con vật bé tí của trái đất này cũng nằm yên. Có một sự thanh tịnh và ân phước đang ngự trên thế giới còn ngái ngủ.

Con đường dẫn qua một đám dừa, đi ngang một cái ao lớn và sau đó là nơi có nhiều nhà ở. Mỗi nhà có một mảnh vườn, vài chỗ được chăm sóc chu đáo, vài chỗ khác bị để hoang phế. Hương hoa nhài phảng phất trong không khí, và sương mai làm mùi thơm đậm hơn. Chưa có nhà nào lên đèn và những vì sao vẫn còn rất sáng, nhưng bầu trời phía đông đã thức giấc. Một người cưỡi xe đạp vừa đạp vừa ngáp, anh ta đi ngang mà chẳng hề ngoái đầu lại. Có ai khởi động một chiếc xe hơi, chậm chậm cho máy chạy nóng và cũng có một tiếng còi sốt ruột. Đằng sau những ngôi nhà này là con đường đi ngang qua một ruộng lúa, rẽ trái, đó là lối vào thị trấn đang được qui hoạch thêm.

Một nẻo đi tách khỏi con đường, chạy dọc theo một con

1. The Southern Cross.

kênh. Dòng nước êm ả và trong vắt in bóng những ngọn dừa đứng dọc bờ kênh; một con chim lớn sắc trắng vừa có việc làm, nó đang bắt cá. Trên nẻo đi này chưa có ai, nhưng sớm ra sẽ có nhiều người, họ là dân địa phương dùng lối này để đi tắt ra đường lớn. Bên kia kênh là một căn nhà biệt lập, với một ngọn cây cao trong một khu vườn đẹp. Bình minh giờ đã đến trọn vẹn, chỉ còn sao mai là thấy được trên ngọn cây; nhưng sự yên tĩnh của đêm còn được giữ trong ngày. Một người phụ nữ ngồi trên một chiếc chiếu dưới tàng cây, chị lên dây một thứ nhạc cụ đang nằm trong lòng. Bây giờ thì chị ca một bài bằng tiếng Sanskrit; một bài ca tôn giáo sâu sắc và ngôn từ của nó thấm đượm cả không khí buổi mai, cả bầu không gian như thay đổi, ngập tràn một sự phong phú và ý nghĩa kỳ lạ. Sau đó thì chị ca một bài mà nó chỉ được ca trong buổi sáng sớm. Thật là vui thích. Chị hoàn toàn không biết có người lắng tai nghe chị, cũng chẳng quan tâm có ai biết đến không, vì chị đã bị cuốn hút hoàn toàn trong bài ca này. Chị có một giọng hát hay và trong trẻo, chị vui thích ca suốt cả bài một cách nghiêm trang từ tốn. Hầu như người ta không nghe được tiếng đàn, nhưng giọng của chị thì mạnh và vang rõ qua dòng kênh. Ngôn từ và âm thanh tràn ngập lòng người, và niềm vui của sự thanh tịnh toả lan.

Anh đến với vài người bạn, nhưng trong số đó rõ là có nhiều người quý phục anh. Là một người to lớn, sắc da đậm đà, thân thể cường tráng, anh có một thể lực mạnh mẽ và hẳn rất ham hoạt động thể chất. Người anh tươm tất và quần

áo của anh thật là tinh khôi. Khi anh nói, môi anh dường như choáng hết cả khuôn mặt; có một sự nhiệt tình nội tâm như chiếm hết con người anh; cái đầu lớn với mớ tóc dày của anh ngẩng cao đầy kiêu hãnh và quyền uy. Nụ cười anh miễn cưỡng, và bạn có thể nhận ra anh rất ít cười. Cặp mắt của anh nhìn thẳng và không chút e dè cho thấy anh hoàn toàn tin nơi những gì mình nói. Có một cái gì sẵn sàng một cách kỳ lạ xung quanh anh.

“Tôi hy vọng ông thứ lỗi cho khi tôi đi vào vấn đề tức khắc; tôi không thích nói loanh quanh mà muốn đi thẳng vào điểm chính. Tôi cùng với một số người muốn phá bỏ truyền thống Bà-la-môn và đặt những người Bà-la-môn¹ vào đúng chỗ của họ. Họ đã bóc lột chúng tôi không hề thương tiếc và bây giờ đã đến phiên chúng tôi rồi. Họ cai trị chúng tôi, làm chúng tôi thấy mình hèn kém về nội tâm và biến thành kẻ phụng sự cho Thượng đế của họ. Chúng tôi sắp sửa đốt cháy các thánh thần của họ đây. Chúng tôi không thêm chữ nghĩa của họ, nó chỉ làm hư hoại ngôn ngữ của chúng tôi, vốn cổ hơn ngôn ngữ của họ rất nhiều. Chúng tôi đang tính đánh bật họ ra khỏi vị trí cao trọng của họ và chúng tôi sẽ làm hay hơn họ, khôn ngoan hơn họ. Họ không cho chúng tôi được học tập, nhưng chúng tôi sẽ được”.

Thưa ông, tại sao ta lại hận thù những người khác? Ông

1. Giai cấp cao nhất trong bốn giai cấp của xã hội Ấn Độ theo truyền thống Ấn Độ giáo. Thuộc giai cấp này là các tu sĩ, triết gia, học giả và các vị lãnh đạo tôn giáo. Trong xã hội các vị này được trọng vọng nhất và nhiều vị hết sức kiêu mạn (ND).

không bóc lột ai sao? Ông không đè nén ai sao? Ông không ngăn cản người khác được học tập sao? Không phải ông đang dự định bắt người khác phải chấp nhận Thượng đế của ông và giá trị do ông đặt định sao? Cái chung giữa các ông là lòng hận thù, dù trong tâm ông hay tâm những người được gọi là Bà-la-môn.

“Tôi nghĩ là ông không hiểu vấn đề. Người ta chỉ bị đè nén một thời gian nhất định thôi. Giai đoạn này là thời kỳ bị áp bức. Thế nhưng chúng tôi đang vùng lên và sẽ vứt bỏ những qui luật của Bà-la-môn; chúng tôi có tổ chức và sẽ ra sức hoạt động để thực hiện điều này. Chúng tôi không cần Thượng đế lẫn tu sĩ của họ; chúng tôi sẽ ngang hàng hay hơn cả họ”.

Tốt hơn là chúng ta hãy thảo luận cho rõ ràng về quan hệ giữa con người với nhau. Thật là dễ khi nói những điều chung chung, khi rơi vào những khẩu hiệu, khi tự thỏa mãn chính mình hay kẻ khác bằng những lời nói hai lưỡi. Thưa ông, tất cả chúng ta đều là con người, dù chúng ta tự đặt cho mình những danh tính khác nhau. Trái đất này là của chúng ta, không phải trái đất của người Bà-la-môn, người Nga hay người Mỹ. Chúng ta tự làm khổ mình bằng những sự phân chia vô nghĩa đó. Người Bà-la-môn cũng không tệ hại hơn những kẻ khác đang tìm kiếm quyền lực và địa vị; thần thánh của họ cũng chẳng hư vọng gì hơn thần thánh mà ông và người khác đang có. Vứt bỏ một hình tượng này để thay vào đó một hình tượng khác thật là hoàn toàn vô nghĩa, dù cho hình tượng đó là vật thủ công hay do tâm tạo dựng.

“Tất cả những thứ đó có thể đúng về mặt lý thuyết, nhưng trong đời sống hàng ngày chúng ta vẫn phải va chạm với thực tế. Người Bà-la-môn đã bóc lột người khác từ hàng thế kỷ nay, họ trở nên khôn ngoan quỉ quyệt và ngày nay thì giữ mọi vị trí đặc quyền đặc lợi. Chúng tôi đang tìm cách loại họ ra khỏi những vị trí này và đang hoạt động có kết quả”.

Ông không thể loại bỏ sự khôn khéo của họ được đâu và họ sẽ tiếp tục sử dụng nó cho mục đích của họ.

“Thế nhưng chúng tôi sẽ học tập, sẽ tự mình khôn ngoan hơn họ; chúng tôi sẽ đánh bại họ ngay trên sân nhà của họ, và sẽ tạo nên một thế giới tốt đẹp hơn”.

Thế giới không hề tốt đẹp hơn bằng lòng hận thù và ham muốn. Không phải là ông đang mưu tìm quyền lực và địa vị, chứ đâu phải đang tạo ra một thế giới mà trong đó sự thù hận, ham muốn và bạo lực chấm dứt? Chính lòng ham mê quyền lực và địa vị đã làm hư hỏng con người, dù đó là một người Bà-la-môn hay không phải Bà-la-môn hoặc một nhà cải cách xã hội hăng say nào đó. Khi một nhóm người đầy tham vọng, mê say, tàn bạo quỉ quyệt được thay thế bởi một nhóm khác với khuynh hướng tư duy như thế thì chắc chắn sự thế sẽ không dẫn đi đến đâu.

“Ông chỉ nói chuyện ý thức hệ, còn chúng tôi làm việc thực tế”.

Thực thế sao, thưa ông? Theo ông thực tế là sao?

“Là đời sống hàng ngày, là các tranh chấp, là sự đói khát

của chúng tôi. Vấn đề của chúng tôi là phải có quyền lợi, là phải giữ vững những tha thiết bức xúc của chúng tôi, là tương lai cho con cháu chúng tôi phải được bảo đảm. Muốn được thế chúng tôi phải giành quyền lực vào trong tay mình. Đó là thực tế”.

Theo ông thì sự hận thù và ham muốn không phải thực tế sao?

“Có thể, nhưng chúng tôi không quan tâm”. Anh nhìn quanh xem mọi người suy nghĩ thế nào nhưng tất cả đều kính cẩn yên lặng. Họ cũng muốn giữ quyền lợi của họ.

Không phải chính lòng thù hận là kẻ hướng dẫn cho các hành động bên ngoài hay sao? Lòng hận thù chỉ nuôi dưỡng một lòng hận thù khác; và một xã hội xây dựng trên lòng hận thù, trên lòng ham muốn, một xã hội gồm nhiều nhóm người đấu tranh lẫn nhau, mỗi phe đều chỉ nghĩ đến quyền lợi của riêng mình – một xã hội như thế luôn luôn là một cuộc chiến trong nội bộ mình và với những xã hội khác. Theo ông nói thì tất cả những gì ông hy vọng đạt được là triển vọng phe ông sẽ leo lên đỉnh, do đó mà sẽ ở trong một vị trí để lợi dụng, để áp bức, để làm việc bất thiện, như phe khác đã làm trong quá khứ. Xem ra thật là đại dột, phải không?

“Tôi thừa nhận là thế; nhưng sự việc như thế, chúng ta phải chấp nhận”.

Trong một cách nói thì thật là thế; nhưng chúng ta không nhất thiết phải nối tiếp tình trạng đó. Rõ ràng là phải có

một sự thay đổi, nhưng không nằm trong khung cảnh của hận thù và bạo lực. Ông không thấy điều đó là đúng hay sao?

“Có thể có một sự thay đổi mà vắng bóng hận thù và bạo lực hay sao?”.

Một lần nữa xin hỏi, liệu có thay đổi thật không nếu phương tiện được sử dụng tương tự như phương tiện đã xây dựng nên xã hội ngày hôm nay?

“Nói một cách khác, ông muốn nói sự bạo lực chỉ sinh ra một xã hội chủ yếu là bạo lực, dù cách suy nghĩ có mới mẻ đến mấy. Vâng, tôi thấy điều đó”. Một lần nữa, anh nhìn quanh các bạn.

Ông không nghĩ là, muốn xây dựng một trật tự xã hội tốt đẹp, ta phải cần phương tiện đúng đắn? Phải chăng phương tiện khác với mục đích? Liệu mục đích cuối cùng đã nằm trong phương tiện?

“Bây giờ vấn đề đã hơi rắc rối. Tôi công nhận rằng hận thù và bạo lực chỉ sản sinh một xã hội chủ yếu là bạo động và đàn áp. Đến đây như thế thì đã rõ. Bây giờ ông đòi phương tiện đúng đắn phải được sử dụng để sinh ra một xã hội đúng đắn. Thế nào là phương tiện đúng đắn?”.

Phương tiện đúng đắn là hành động không xuất phát từ lòng sân hận, ham muốn, quyền lực, tham vọng, sợ hãi. Mục đích không hề rời xa phương tiện. Mục đích *chính* là phương tiện.

“Thế nhưng làm sao chúng tôi chiến thắng được lòng sân hận và tham muốn? Chính những tâm lý này đã thống nhất chúng tôi lại để chống một kẻ thù chung. Có một sự thích

thứ nhất định trong bạo lực, chính nó mang lại thành quả, nó không thể rũ bỏ dễ dàng được”.

Tại sao không? Nếu ông tự thấy rằng bạo lực chỉ dẫn đến nhiều tai hại to lớn hơn thì từ bỏ bạo lực có khó gì? Khi bạo lực chỉ là thú vui nông cạn, khi nó chỉ mang lại sự đau khổ sâu xa hơn thì tại sao ông không buông bỏ được?

“Trên bình diện vật chất thì tương đối dễ nhưng vấn đề khó hơn nhiều với những điều thuộc về nội tâm”.

Vấn đề chỉ khó khi cái thích thú nhiều hơn cái đau khổ. Nếu thù hận và bạo lực đối với ông là thích thú, ngay cả khi chúng nuôi dưỡng sự tai hại và thống khổ vô cùng, thì ông sẽ theo nó mãi thôi; nhưng ông phải ý thức điều này cho rõ chứ đừng nói là sẽ tạo nên một trật tự xã hội mới, một cách sống tốt đẹp hơn, vì nói như thế là vô nghĩa.

Những ai thích thù hận, những ai ham lợi lộc, những ai tìm kiếm quyền lực và địa vị, kẻ đó không phải là Bà-la-môn, vì một người Bà-la-môn đích thực là người đứng ngoài một trật tự xã hội được xây dựng trên những thứ này; và về phần ông, nếu ông không giải phóng khỏi sự thèm khát, khỏi chống đối, khỏi sự tham muốn quyền lực thì ông cũng không khác gì với những người Bà-la-môn hiện thời, mặc dù ông tự gọi mình bằng một cái tên khác¹.

1. Nơi đây ta dễ nhớ đến lời Phật trong Kinh Pháp Cú, phẩm 26 (phẩm Bà-la-môn). Trong phẩm này, Phật trình bày tính chất của người Bà-la-môn đích thực. Trích đoạn: “Thân thiện giữa thù địch / Ôn hoà giữa hung hăng / Không nhiễm, không nhiễm trước / Ta gọi Bà-la-môn”. Bản dịch của Thích Minh Châu (ND).

“Thưa ông, tôi tự lấy làm ngạc nhiên là tôi lắng tai nghe ông. Cách đây một tiếng, đối với tôi thật là kinh khủng nếu phải nghe những lời này, nhưng bây giờ thì tôi chịu lắng nghe và cũng không thấy xấu hổ gì cả. Bây giờ thì tôi thấy con người bị chính những ngôn từ của mình dễ dàng đánh lạc hướng như thế nào, và nhất là bởi những thôi thúc thấp kém của mình. Hy vọng rằng mọi việc sẽ khác”.

NUÔI DƯỠNG LÒNG NHẠY CẢM

Khi máy bay cất cánh thì buổi mai trời còn rất sớm. Hành khách ai cũng mặc áo choàng dày cộm vì không khí khá lạnh và sẽ lạnh hơn nữa khi chúng tôi lên cao hơn. Mặc tiếng ồn của động cơ, người đàn ông ngồi ghế bên cạnh vẫn nói. Ông bảo người phương Đông thật là xuất sắc, có đầu óc, có bề dày một nền văn hóa của nhiều thế kỷ, nhưng tương lai của họ đi về đâu? Còn mặt khác, người phương Tây thì không xuất sắc gì cả, chỉ trừ một số ít người, nhưng lại rất tích cực và sản xuất rất nhiều, họ làm việc cần cù như loài kiến. Nhưng tại sao họ lại làm ồn ào lên và chém giết lẫn nhau chỉ vì những sự khác biệt về tôn giáo và chính trị cũng như vì sự phân biệt lãnh thổ¹. Họ là những kẻ khờ dại biết bao! Họ không học được gì từ lịch sử cả. Ông cảm ơn Thượng đế đã cho mình là một học giả và không hề bị vướng vào những chuyện đó. Con người hiện nay đang nắm quyền lực chỉ là một nhà chính trị, chứ không phải là một con người kinh bang tế thế như mọi người hằng mong²; nhưng cuộc đời là

1. Tác giả nói về "phương đông" và "phương tây" của bán đảo Ấn Độ. Sự "chia cắt lãnh thổ" ở đây là sự phát sinh nước Pakistan từ lãnh thổ Ấn Độ (ND).

2. Tác giả muốn nói đến J.Nehru (1889-1964), Thủ Tướng Ấn Độ từ năm 1947 đến năm 1964 (ND).

thế. Thật là lạ, cách đây nhiều thế kỷ, một nhóm nhỏ đã mang lại văn minh cho phía tây và một nhóm khác cho tất cả nổ tung một cách đầy sáng tạo tại phía đông, mang lại cho cuộc đời một ý nghĩa mới hơn, sâu sắc hơn. Thế nhưng bây giờ những thứ đó ở đâu cả? Con người đã trở nên thiện cận, khốn khổ, mất phương hướng.

“Nói cho cùng, khi tâm đã bị gò bó vào trong một thẩm quyền thì tâm sẽ co rút lại – đó chính là điều đã xảy ra trong tâm của người đi học”, ông mỉm cười nói thêm. “Khi bị trói buộc bởi truyền thống thì triết học mất tính sáng tạo, hết ý nghĩa. Mỗi học giả sống trong thế giới của riêng mình, nơi mà họ trốn chạy vào đó, và tâm của họ héo hon như trái cây bỏ khô héo dưới ánh mặt trời. Nhưng đời là thế thôi, đầy những lời hứa hẹn bất tận, và chấm dứt trong sự khốn khổ, thất vọng. Tất cả như nhau, thế giới của tâm cũng có cái giá của nó”.

Bầu trời đến giờ thì mang một màu xanh sáng nhẹ, nhưng mây đã đùn lên, tối và nặng, hứa hẹn mang theo một cơn mưa. Chúng tôi đang bay giữa một tầng mây trên và một tầng mây dưới; lúc trước thì trời còn sáng nhưng bây giờ không còn mặt trời, chỉ còn không gian không mây. Những giọt mưa nặng hạt từ tầng mây trên bắt đầu rơi xuống chiếc cánh bạc; khí trời lạnh và máy bay xóc nhưng chúng tôi sắp hạ cánh. Người đàn ông ngồi bên cạnh đã chìm vào giấc ngủ, miệng ông co giật, tay lắc lư bồn chồn. Trong vài phút nữa chúng tôi sẽ đi một đoạn đường dài từ sân bay, xuyên qua rừng núi và đồng cỏ xanh.

Như hai người bạn khác đi cùng, cô cũng là giáo viên, còn khá trẻ và rất nhiệt tình.

“Tất cả chúng tôi đều tốt nghiệp đại học”, cô bắt đầu nói, “và học ngành sư phạm – điều có thể hơi không ổn với chúng tôi”, cô mỉm cười nói thêm. “Chúng tôi đi dạy trong trường của thiếu niên mới lớn, tuổi các em kéo dài cho đến trưởng thành, và chúng tôi muốn trao đổi với ông về vài vấn đề của giai đoạn thanh niên, khi lứa tuổi tình dục bắt đầu. Dĩ nhiên là chúng tôi đã đọc nhiều về vấn đề này, nhưng việc đọc sách khác hẳn với sự luận bàn về đề tài này. Tất cả chúng tôi đều có gia đình, và nếu nhìn lại thì hồi đó thật hay hơn nhiều, nếu lẽ ra có ai nói chuyện cho chúng tôi nghe về các vấn đề thuộc về tình dục và giúp chúng tôi hiểu cái khó của tuổi trưởng thành. Thế nhưng chúng tôi đến đây không phải để nói về mình, mặc dù chúng tôi cũng có vấn đề riêng, thật ra ai mà không có?”.

“Phần lớn thanh niên”, một cô khác nói, “lúc đến giai đoạn khó khăn này đều hoàn toàn không được chuẩn bị, không được giúp đỡ và cũng chẳng hiểu biết gì cả; và nếu chúng có biết đôi chút về việc này thì chúng cũng bị vướng mắc và bị lôi kéo vào nhu cầu tình dục. Chúng tôi muốn giúp sinh viên đối diện với vấn đề này, hiểu biết nó, không trở thành nô lệ cho nó; thế nhưng với tất cả những thứ như phim ảnh, hình ảnh quảng cáo, và hình bìa của loại sách báo khiêu dâm, thật là khó cho cả người lớn suy nghĩ một cách nghiêm túc về việc này. Tôi không phải là nhà đạo đức cũng chẳng muốn kiểu cách, nhưng vấn đề thực sự là đây; và ta phải tìm cách hiểu nó và giải quyết một cách thực tiễn”.

“Đúng thế”, cô thứ ba nói, “chúng tôi muốn sự thực tiễn, dù sao đi nữa, nhưng thật ra cũng chưa biết nhiều về nó. Bây giờ phim ảnh có sẵn, nói về tính dục, chỉ rõ từ đầu tới cuối trẻ con được sinh sản như thế nào, và tất cả mọi thứ liên quan. Nhưng đây thật là một đề tài quá to tát, nó khiến người ta có phần nào e ngại khi xử trí. Chúng tôi muốn dạy cho thiếu niên cần biết những gì về tình dục, nhưng lại không muốn đánh thức một sự tò mò thiếu lành mạnh, không muốn tăng cường ý muốn vốn đang mạnh của chúng, là hãy tìm tòi kinh nghiệm. Thật như một sợi dây thép mảnh mà ta phải bước lên trên; và các bậc cha mẹ, chỉ trừ một số ít, cũng không giúp được gì nhiều; họ chỉ lo là không còn được kính sợ. Thế nên vấn đề này không phải chỉ của những trẻ mới lớn, nó bao gồm cả các bậc cha mẹ và cả toàn thể khung cảnh của xã hội, và chúng ta không được phép bỏ qua ảnh hưởng của mặt này lên mặt kia. Thế nên đây là sự thiếu sót chung của xã hội”.

Không phải mọi vấn đề đều liên quan với nhau hay sao? Đây không phải là một vấn đề riêng rẽ và không vấn đề nào có thể tự giải quyết bởi chính nó. Thế thì đâu là đề tài mà các cô muốn nói đến?

“Vấn đề trực tiếp của chúng tôi là làm sao giúp cho thanh thiếu niên hiểu được giai đoạn trưởng thành, nhưng lại không khuyến khích chúng đi quá mức trong quan hệ với người khác phái”.

Hiện nay thì các cô giải quyết vấn đề như thế nào?

“Chúng tôi bị lúng túng, chúng tôi chỉ nói sơ sơ về việc

phải kiểm soát tình cảm của mình, phải làm chủ sự ham muốn – và dĩ nhiên là không bao giờ thiếu những gương sáng, những người hùng của đạo đức học”, cô đầu tiên thốt lên. “Chúng tôi nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phải có lý tưởng, phải giữ một cuộc sống lành mạnh và biết tiết chế, tuân thủ qui định xã hội và tất cả những thứ đó. Đối với một số trẻ thì cũng có kết quả, làm cho chúng được quân bình, một số khác thì hoàn toàn không, một số khác nữa thì dấn ra lo sợ; nhưng tôi nghĩ rằng nỗi lo sợ đó sẽ giảm dần”.

“Chúng tôi xem như đó là quá trình của sự truyền giống, lấy thiên nhiên để minh chứng”, cô thứ hai thêm vào, “nhưng nói chung thì chúng tôi bảo thủ và cẩn thận”.

Thế thì vấn đề là gì?

“Như bạn tôi nói, vấn đề là giúp sinh viên đối phó với sự ham muốn tình dục khi nó đến tuổi trưởng thành và không bị nó khuấy động quá mức”.

Phải chăng sự ham muốn tình dục chỉ sinh ra khi chàng thanh niên hay cô thiếu nữ đến tuổi trưởng thành hay phải chăng nó đã có ở một dạng tự nhiên và giản đơn trong thời gian trước khi trưởng thành? Không phải là đứa trẻ phải được trợ giúp để hiểu việc đó trong độ tuổi càng sớm càng tốt, chứ không đợi đến một thời gian nhất định của sự phát triển của trẻ?

“Tôi nghĩ là ông có lý”, cô thứ ba nói, “Rõ là bản năng tình dục biểu hiện trong nhiều cách khác nhau, cả trong độ tuổi còn nhỏ, nhưng phần lớn chúng ta không có thì giờ lẫn

ý muốn xem xét nó quá sớm trước khi trẻ trưởng thành, trước khi vấn đề trở nên bức xúc”.

Nếu ta trưởng thành mà không được giáo dục đúng đắn thì rõ là ham muốn tình dục sẽ có một tầm quan trọng bậc nhất và thậm chí khó kiểm chế.

“Ông nói “giáo dục đúng đắn” là sao?”.

Có sự giáo dục đúng đắn là nhờ nuôi dưỡng lòng nhạy cảm¹; và lòng nhạy cảm cần được chăm bồi, chứ không phải chỉ trong một thời kỳ đặc biệt khi lớn lên mà ta gọi là trưởng thành, nhưng cần phải suốt cả đời người, không phải sao?

“Tại sao ông lại nhấn mạnh đến lòng nhạy cảm”, cô thứ nhất hỏi.

Nhạy cảm là biết xúc động, là biết ý thức cái đẹp, cái xấu; không phải sự nuôi dưỡng lòng nhạy cảm là một phần của vấn đề các cô đang nói đến sao?

“Trước đây thì tôi không nghĩ đến, nhưng bây giờ khi ông chỉ ra, tôi thấy có sự liên hệ”.

Được giáo dục đúng đắn không phải chỉ là lo nghiên cứu lịch sử hay vật lý; mà cũng là biết nhạy cảm trước những sự vật trên trái đất – trước động vật, trước cây cối, trước những dòng sông, trước bầu trời, trước tha nhân. Thế nhưng chúng ta làm ngơ trước những điều đó, hay chúng ta xem chúng như một phần của một kế hoạch, một thứ phải được học tập và tích lũy để khi cần thì dùng đến. Ngay cả khi ta mới có lòng nhạy cảm trong thời thơ ấu thì thường thường

1. sensitivity

nó cũng bị hủy hoại bởi tiếng ồn ào mà ta gọi là văn minh. Thế giới của trẻ con sớm bị ép vào trong khuôn phép của sự nề sợ, của cái qui ước. Sự tinh tế, sự rung động, lòng cảm thụ trước cái đẹp, tinh nhạy với cái xấu – tất cả đều bị mất; thế nhưng dĩ nhiên cái bản năng sinh lý thì vẫn còn.

“Đúng vậy”, cô thứ ba đồng ý. “Dường như chúng ta làm ngơ tất cả những mặt này của cuộc đời. Và chúng ta lấy cớ là thiếu thời giờ, chúng ta chỉ biết chương trình giảng dạy của chúng ta, và chỉ thế thôi”.

Không phải sự nuôi dưỡng lòng nhạy cảm ít nhất thì cũng quan trọng như sách vở và bằng cấp hay sao? Thế nhưng chúng ta tôn thờ thành tích, chúng ta bỏ qua lòng nhạy cảm, nghĩ rằng nó chỉ có hại cho việc theo đuổi thành tích.

“Sự thành công không cần thiết cho cuộc sống sao?”.

Một con người chỉ biết mưu cầu sự thành công sẽ áp ủ tâm vô cảm, nó khuyến khích sự nhẩn tâm và hoạt động vị ngã. Làm sao một con người đầy tham vọng lại có thể nhạy cảm với người đời được, hay với mọi thứ khác trên trái đất này? Tất cả mọi thứ đều nên có sẵn để cho người đó được toại nguyện, được người đó sử dụng để leo lên đỉnh. Và lòng nhạy cảm là then chốt, nếu thiếu nó, ta sẽ có vấn nạn về tình dục.

“Làm sao ta nuôi dưỡng lòng nhạy cảm cho thanh thiếu niên?”.

“Nuôi dưỡng” là một từ không phù hợp, thế nhưng ta đã dùng thì cứ tiếp tục dùng. Lòng nhạy cảm không phải là

một cái dễ được thực hành; thật là không tốt nếu chỉ khuyên giới trẻ nên biết quan sát thiên nhiên, nên đọc thơ văn, và các thứ tương tự. Thế nhưng nếu bản thân các cô nhạy cảm với vẻ đẹp và với cái xấu, nếu trong các cô có một ý thức của sự tinh tế, của tình yêu, thì các cô không tin ư, mình có thể giúp được học sinh, sinh viên biết rung động, biết ân cần chu đáo? Các cô thấy không, chúng ta đã che giấu hay đã làm ngơ tất cả mọi thứ này, đồng thời dung dưỡng cho mọi cách tránh né đó, thế nên vấn đề ngày càng phức tạp.

“Tôi thấy những gì ông nói là đúng nhưng cũng nghĩ là ông không hiểu hết khó khăn của chúng tôi. Lớp học của chúng tôi gồm ba bốn mươi thanh niên nam nữ, chúng tôi không thể nói riêng từng em được dù rất muốn. Ngoài ra trong một lúc mà dạy học cho chừng ấy người đã là một việc quá sức rồi và mỗi chúng tôi đều thấy mệt mỏi, đồng thời sẽ mất đi mọi sự nhạy cảm mà chúng tôi đã có”.

Vậy thì các cô làm những gì? Sự ân cần, tâm hồn tế nhị, lòng rung động – tất cả những điều này là then chốt khi vấn đề tình dục cần phải được thấu hiểu. Rõ là, muốn cảm nhận vấn đề, muốn trình bày nó, muốn chỉ rõ nó trong nhiều cách khác nhau, lòng nhạy cảm phải được qui tụ nơi người giáo viên và tính chất của nó phải được truyền đạt cho giới trẻ; và khi trẻ trưởng thành, nó sẽ có khả năng giải quyết vấn đề tình dục với một sự hiểu biết rộng hơn và sâu hơn. Thế nhưng muốn tạo nên một đường lối giáo dục đúng đắn cho trẻ, các cô cũng phải giáo dục cả cha mẹ chúng, dù sao đi nữa cha mẹ là người đã góp phần tạo thành xã hội.

“Vấn đề thật là phức tạp và to lớn, ba người chúng tôi làm được gì trong mớ bòng bong này? Cá nhân thì có thể làm được gì?”.

Chỉ với tính cách cá nhân mà chúng ta mới làm được cái gì. Nơi này nơi khác, luôn luôn là một cá nhân đã thực sự tác động lên xã hội và sinh ra những sự thay đổi to lớn trong tư tưởng và hành động. Muốn thực sự làm cách mạng thì hãy bước ra khỏi khuôn phép của xã hội, khuôn phép của sự chiếm hữu, lòng tham muốn, vân vân... Một sự cải cách trong khuôn phép cuối cùng thì chỉ gây thêm thất vọng và khốn khổ. Thế nhưng sự nổi loạn chống lại một khuôn phép thường bị lên án, và nhiệm vụ của nhà giáo dục là giúp cho giới trẻ phá vỡ được thứ khuôn phép của lòng tham chiếm hữu và mê tìm quyền lực.

“Tôi thấy là chúng tôi thật kém nếu không cảm nhận những vấn đề này một cách sâu sắc. Một trong những khó khăn chủ yếu của chúng tôi là: tất cả chúng tôi đều là người quá trí thức nên tâm tư hầu như bị tê liệt. Chỉ khi ta thật lòng rung động thì mới làm được một cái gì”.

“TẠI SAO TÔI KHÔNG CÓ TRI KIẾN SÂU XA?”

Trời mưa liên tục suốt cả tuần; đất sũng nước, nhiều vũng lớn nằm dọc theo vệ đường. Mực nước dâng đầy trong các giếng, ếch nhái đang hưởng một thời kỳ tuyệt vời, chúng kêu oà oạp suốt đêm không nghỉ. Con sông ngập bờ đang đe dọa chiếc cầu; thế nhưng nói chung những cơn mưa thật đáng mừng dù cho chúng đang gây một số thiệt hại to lớn. Bây giờ thì trời đã sáng dần, vài mảng trời xanh vừa lộ dạng và mặt trời ban mai đang xua đuổi những đám mây. Chắc vài tháng nữa thì đám lá của những hàng cây vừa được gội sạch mới bị phủ bởi một thứ bụi đỏ mịn. Màu xanh biếc của bầu trời thật rực rỡ, nó làm bạn phải dừng lại trầm trồ. Không khí được lọc sạch tinh khiết và chỉ trong một tuần ngắn ngủi mà đất bỗng nhiên thấm đẫm một màu xanh. Trong ánh sáng ban mai, niềm thanh bình như hiện diện trên ruộng đồng.

Một con chim két lẻ bạn đậu trên cành khô của một ngọn cây nằm gần, nó không rìa lông và hết sức yên lặng nhưng cặp mắt của nó chuyển động và chăm chú. Chim mang bộ lông màu xanh lục thật yêu kiều với một cái mỏ đỏ chót và cái đuôi màu lục nhạt. Bạn sẽ muốn vuốt ve nó, muốn cảm nhận màu sắc của nó, nhưng bạn chỉ vừa cử động, nó sẽ bay

mất. Mặc dù chim hoàn toàn bất động, như một khối ánh sáng lục ngưng đọng, bạn có thể cảm nhận là con chim hết sức sinh động, dường như nó truyền cho cành cây khô một sức sống mà nó đang đậu trên đó. Thật là một vẻ đẹp lạ lùng đến nỗi nó như muốn làm bạn nín thở; hầu như mất bạn không thể rời nó, cứ sợ rằng trong chớp mắt nó sẽ bay đi. Bạn đã từng thấy từng đàn chim kết bay hỗn loạn hay đậu thành hàng trên dây điện hoặc tứ tán trên những ruộng lúa xanh non. Thế nhưng con chim kết lẻ đơn này dường như là tiêu điểm của mọi cuộc sống, của mọi vẻ đẹp và sự hoàn hảo. Không có gì ngoài một đốm sắc lục chói lọi trên cành cây đen sẫm in nét trên bầu trời xanh. Trong tâm bạn ngưng bật ngôn ngữ, tư tưởng; bạn cũng không hề ý thức mình không suy nghĩ. Sức sáng của nó làm nước mắt bạn dâng đầy, làm bạn phải chớp mắt – cái chớp mắt phải chăng sẽ làm chim sợ hãi bay đi! Nhưng nó vẫn đứng yên tại chỗ, bất động, mượt mà tuyệt diệu biết bao, với từng sợi lông vũ của mình. Có lẽ chỉ vài phút đã trôi qua nhưng đó là vài phút làm trọn vẹn cho một ngày, một năm và cho tất cả thời gian; những phút đó gói trọn mọi đời sống, vô thủy vô chung. Đó không phải là một kinh nghiệm sẽ được chứa trong ký ức, một vật chết được tư tưởng giữ cho sinh động vì bản thân tư tưởng đang bật; mà đó là sự sống động toàn vẹn và vì thế mà không thể nằm cùng cái chết.

Có ai cất tiếng gọi từ ngôi nhà bên kia khu vườn và cành cây khô bỗng nhiên trở trọi.

Nhóm họ ba người, một chị và hai anh, cả ba còn khá trẻ

trong độ tuổi ba mươi. Họ đến khá sớm, ăn mặc chỉnh tề, xem ra không phải là thuộc hạng người có nhiều tiền. Khuôn mặt họ sáng láng đầy suy tư, cặp mắt trong và đơn giản, không làm ra dáng tri thức. Người phụ nữ là em gái của người đàn ông lớn tuổi hơn, còn anh kia là chồng của chị. Tất cả chúng tôi ngồi trên một tấm thảm có viền đỏ. Xe cô đi lại gây tiếng ồn khó chịu và một phía cửa sổ phải đóng nhưng phía kia mở ra một khu vườn tách biệt, trong đó có một tàng cây lớn rợp bóng. Mới đầu họ hơi ngại ngùng nhưng sau một lúc thì họ nói chuyện tự nhiên.

“Mặc dù gia đình chúng tôi thuộc loại khá giả nhưng cả ba chúng tôi đều chọn một lối sống đơn giản, không nhiều kỳ vọng”, người anh bắt đầu. “Chúng tôi sống gần một làng nhỏ, đọc sách vở đôi chút và thực hành thiền định. Chúng tôi không ham giàu, vừa đủ sống. Tôi cũng khá về ngôn ngữ Sanskrit, nhưng không dám trích dẫn kinh sách một cách chính xác. Cậu em rể của tôi thì học nhiều hơn tôi, nhưng cả hai còn quá trẻ để dám nói mình là tri thức. Kiến thức tự nó cũng có rất ít ý nghĩa; nó chỉ có ích nếu hướng dẫn được chúng tôi, giữ chúng tôi trên con đường đúng đắn”.

Tôi tự hỏi liệu kiến thức có ích thật không; phải chăng nó là trở ngại thì đúng hơn.

“Tại sao kiến thức lại có thể là trở ngại được”, anh lo ngại hỏi, “chắc chắn là kiến thức luôn luôn có ích chứ”.

Có ích theo cách nào?

“Có ích để tìm ra Thượng đế, để hướng dẫn một cuộc sống đúng đắn”.

Thật vậy không? Một ông kỹ sư phải có kiến thức để xây một cái cầu, để thiết kế một cỗ máy, vân vân. Kiến thức thật cần thiết cho những ai quan tâm đến qui luật của sự vật. Người y sĩ phải có kiến thức, đó là một phần của chương trình đào tạo, của cuộc sống của anh ta, không có nó anh không thể đi lên được. Thế nhưng liệu kiến thức có làm cho tâm trí được tự do để khám phá? Mặc dù kiến thức là cần thiết để đưa vào sử dụng những gì được phát hiện, nhưng trạng thái thực sự của sự phát hiện thì phải vắng bóng kiến thức.

“Thiếu kiến thức thì tôi có thể bị lạc ra khỏi con đường dẫn về với Thượng đế”.

Tại sao lại không nên ra khỏi con đường đó? Liệu con đường này có bằng chỉ rõ ràng, có đích đến cụ thể hay sao? Và kiến thức là gì đối với anh?

“Với kiến thức tôi muốn nói tất cả những gì ta đã chứng nghiệm, đã tìm đọc hay được giáo dục về Thượng đế, về những gì ta phải làm, về những điều tốt đẹp ta phải tập luyện để tìm được Người. Dĩ nhiên là tôi không nói về kiến thức kỹ thuật”.

Có gì khác nhau không giữa hai điều? Nhà kỹ sư được giáo dục để biết cách đạt được những kết quả có tính vật chất bằng cách áp dụng những kiến thức tích lũy qua bao thế kỷ; trong lúc đó thì anh được dạy dỗ làm sao để đạt được những kết quả nội tâm bằng cách kiểm soát tư tưởng, nuôi dưỡng đạo đức, thực hành việc thiện, vân vân...; tất cả những thứ đó cũng là một dạng của kiến thức tích lũy qua nhiều thế

kỹ. Người kỹ sư thì có sách vở và thầy giáo, còn anh cũng có những thứ của anh. Cả hai đều được dạy cho một kỹ thuật, cả hai đều có mong ước đạt thành tựu, anh thì theo cách của anh, ông kia thì có cách của ông. Cả hai đều chạy theo kết quả. Và phải chăng Thượng đế, hay chân lý là một kết quả? Và nếu là kết quả thì nó do tâm thức tạo dựng nên; và cái gì được tạo dựng cái đó sẽ bị tan rã. Như vậy thì liệu kiến thức có ích không trong việc khám phá thực tại?

“Tôi không tin là nó không cần, mặc những gì ông nói”, người chồng đáp lời. “Không có kiến thức thì làm sao bước lên được đạo lộ?”.

Nếu đích đến là một cái gì tĩnh tại, nếu nó là một vật chết, bất động, thì một hay vài con đường có thể dẫn tới nó; nhưng phải chăng thực tại hay Thượng đế hay bất cứ cái gì anh gán cho nó là một nơi chốn có địa chỉ bất di bất dịch?

“Dĩ nhiên là không”, người em mạnh dạn nói.

Thế thì làm sao có con đường nào dẫn đến đó? Chắc chắn thôi, chân lý không có con đường dẫn đến.

“Trong trường hợp này thì kiến thức đóng vai trò gì?”, người chồng hỏi.

Các bạn là kết quả của những gì bạn được giáo dục, và chứng nghiệm của bạn được hình thành trên cơ sở đã bị qui định đó; và ngược lại chứng nghiệm của bạn lại tăng cường cho những điều được qui định sẵn hay cũng có lúc tìm cách điều chỉnh chúng. Các bạn như một cái máy hát, nó hát lên

những bài ca khác nhau, nhưng vẫn là một cái máy hát; và những bài ca chính là những gì bạn được giáo dục, bởi người khác hay bởi kinh nghiệm của chính bạn.

“Vâng, thưa ông”, người em đáp, “nhưng trong tôi liệu không có một phần nào đó *không* do giáo dục mà ra?”.

Có thực không? Chắc đó là điều mà anh gọi là *Atman*, là linh hồn, là tự thể cao cả, vân vân..., tất cả chúng đều nằm trong vòng những gì anh đã đọc hoặc do ai giáo huấn cho anh.

“Nhưng gì ông nói thật là rõ và có nghĩa, người nghe phải bị thuyết phục mặc dù tâm muốn cưỡng lại”, người em nói.

Nếu các bạn chỉ bị thuyết phục thôi thì bạn chưa thấy chân lý của nó. Chân lý không phải vấn đề của sự thuyết phục hay đồng ý. Bạn có thể đồng ý hay bất đồng về một ý kiến hay một kết luận, nhưng một sự thực thì không cần ai nhất trí. Một khi bạn tự thấy những gì được nói là sự thực thì bạn không chỉ bị thuyết phục thôi mà tâm bạn sẽ có sự chuyển hóa cơ bản. Tâm sẽ không nhìn sự thực xuyên qua một tấm lọc của sự thuyết phục hay niềm tin mà tâm sẽ tiếp cận với chân lý, với Thượng đế, lúc đó vắng bóng kiến thức, vắng bóng ký ức. Ký ức là cái tôi, cái ngã, cái tự mãn, kẻ hiểu biết, kẻ được dạy dỗ, kẻ thực hành đạo lý – và chính là kẻ đấu tranh chống lại sự thực.

“Thế thì tại sao ta lại đấu tranh chống lại kiến thức?”, người chồng hỏi. “Không phải kiến thức là một phần thiết yếu của cuộc sống của chúng ta sao?”.

Khi đã có sự thấu hiểu về tự tính của chính mình thì kiến thức có một chỗ đứng chính đáng; nhưng nếu vắng sự thấu hiểu đó thì sự theo đuổi kiến thức cho ta một cảm giác của cái thành đạt, của chiếm hữu; nó cũng hấp dẫn và hào hứng như mọi thành tích khác trên đời. Trong cuộc sống, có thể có người chối từ những vật dụng bên ngoài, nhưng trong cuộc chiến giành tri thức có sự hứng thú của thành tích, của người đi săn bắt được vật bị săn, nó cũng không khác gì với sự thỏa mãn của những ham muốn thông thường. Thông qua tích lũy kiến thức về cái đã là hay cái đang là, người ta không thể thấu hiểu tự tính, cái tôi, cái ngã. Sự tích lũy làm méo mó nhận thức, làm ta không thể thấu hiểu được tự tính con người trong hoạt động hàng ngày, trong các phản ứng kín đáo và ranh mãnh của nó, khi tâm thức nghiêng nặng về phía kiến thức. Bao lâu mà tâm còn bị gánh nặng của kiến thức trì kéo và bản thân nó cũng là kết quả của kiến thức thì tâm không bao giờ tươi mới, không bao giờ trong sáng.

“Cho phép tôi đặt một câu hỏi”, chị phụ nữ nói với chút hồi hộp. Chị đã yên lặng lắng nghe, ngại đặt câu hỏi có lẽ vì nề chồng; nhưng bây giờ hai người kia đang miễn cưỡng im lặng. “Tôi xin hỏi, tại sao có người thì đạt được tri kiến trực quan nội tại, nhận thức toàn vẹn, trong lúc những người khác thì chỉ thấy những mặt chi tiết mà không thể nắm được cái toàn thể. Tại sao tất cả chúng tôi lại không có thứ tri kiến đó, không có cái khả năng thấy cái toàn thể, điều mà hình như ông có. Tại sao người có người không?”.

Chị có nghĩ đó là một món quà trời cho?

“Hình như thế”, cô đáp. “Tức là ân sủng này thật không công bằng, và những người khác thật quá ít cơ may được có. Tôi hy vọng không phải như thế”.

Hãy tìm hiểu xem. Tại sao chị đặt câu hỏi này?

“Lý do đơn giản và rõ ràng là tôi muốn có tầm nhìn sâu sắc như thế”. Bây giờ thì chị đã hết ngại ngùng và cũng hăng say nói chuyện như hai người kia.

Câu hỏi của chị xuất phát từ lòng ham muốn được đạt một cái gì. Chiếm hữu, thành đạt hay trở thành một cái gì bao hàm một quá trình của sự tích lũy và tự đồng hóa với những gì được tích lũy. Đúng thế không?

“Đúng thế”.

Chiếm hữu cũng bao hàm sự so sánh, phải không? Chị, người không có tri kiến này, tự so sánh mình với người có cái đó.

“Đúng vậy”.

Thế nhưng tất cả mọi so sánh như thế rõ đều là do lòng ham muốn; và phải chăng tri kiến có thể khởi xuất từ lòng ham muốn?

“Tôi nghĩ là không”.

Thế giới đầy sự ham muốn, tham vọng, chúng được thấy rõ trong sự theo đuổi không ngừng hướng đến thành tích, trong mối quan hệ giữa học trò đối với đạo sư, giữa vị đạo sư này với vị cấp cao hơn, và cứ thế mà kéo dài vô tận và thực tế cũng sinh ra nhiều thành tích nhất định. Nhưng phải chăng sự nhận thức toàn vẹn, sự tỉnh giác toàn vẹn là một

thứ thành tích? Phải chăng nó dựa trên lòng ham muốn và tham vọng? Hay nó chỉ có thể sinh ra khi mọi tham muốn chiếm hữu đều ngưng bật? Chị hiểu không?

“Tôi nghĩ là hiểu”.

Lòng ham muốn chiếm hữu dựa trên sự ngã mạn, đúng thế không?

Chị ngần ngừ và nói chậm rãi, “Sau khi ông chỉ rõ, tôi đã thấy điều đó một cách cơ bản”.

Đó là tâm ngã mạn của chị, trong nghĩa rộng cũng như nghĩa hẹp, nó làm chị đặt câu hỏi đó.

“Tôi e rằng điều đó là đúng”.

Nói cách khác, chị đặt câu hỏi này do tâm ham muốn được thành tựu. Bây giờ thì cũng chính câu hỏi này – tại sao tôi không có tri kiến sâu xa – liệu có thể nêu lên mà không có lòng tham muốn, không dựa trên tự ngã hay không?

“Tôi không biết”.

Có thể có sự dò tìm bao lâu tâm còn bị trói buộc vào một động cơ? Bao lâu tư tưởng còn xoay quanh ham muốn, ngã mạn, thèm khát thành tựu, liệu nó có thể đi được xa một cách tự do? Muốn dò tìm thực sự, tâm tự ngã phải dứt bật.

“Ông nói, lòng ham muốn hay tham vọng, muốn là hay muốn trở thành một cái gì đó, tâm đó phải biến mất hoàn toàn, thì ta mới có được tri kiến sâu xa?”.

Một lần nữa, xin nói rõ, nếu bạn muốn sở hữu khả năng này thì bạn sẽ cố tình tập luyện để chiếm được nó. Bạn, người muốn có, vẫn còn là quan trọng, chứ không phải chính

khả năng. Khả năng đó chỉ xuất hiện khi tâm không có bất cứ động cơ nào cả.

“Nhưng chính ông nói trước đây, tâm là kết quả của thời gian, của tri thức, của động cơ; thế thì bây giờ làm sao có một cái tâm mà vắng bóng động cơ được?”.

Hãy đặt câu hỏi đó cho chính mình, không phải chỉ trên mặt ngôn từ, hời hợt nông cạn, mà nghiêm trọng như một người đói bụng đi tìm thức ăn. Khi bạn tìm tòi, dò hỏi thì điều quan trọng là tự biết nguyên nhân của sự dò tìm của mình. Bạn có thể dò tìm do lòng ham muốn hay có thể dò tìm không vì động cơ nào cả. Trạng thái của tâm lúc thật sự đi dò tìm khả năng của nhận thức toàn vẹn là một trạng thái hoàn toàn an nhĩn, hoàn toàn yên lặng; và bản thân sự an nhĩn, sự yên lặng này đã chính là khả năng đó rồi. Không có gì để sở đắc cả¹.

1 So sánh với một câu trong Tâm Kinh: “...Không tri huệ cũng không chứng đạt vì không có gì để chứng” (ND).

CẢI CÁCH, CÁCH MẠNG VÀ SỰ TÂM CẦU THƯỜNG ĐỂ

Sáng nay dòng sông màu xám, như có sắc của chì nấu chảy. Mặt trời khổng lồ với những tia sáng nóng bỏng vươn lên vượt khỏi khu rừng đang yên ngủ, nhưng nó sớm bị những đám mây vừa dâng lên khỏi chân trời che khuất; và suốt một ngày mặt trời lẫn mây nằm trong cuộc chiến giành thắng lợi cuối cùng. Thường thì có các ngư phủ trong những con thuyền gondola đẩy bằng qua lại trên sông, nhưng sáng nay vắng họ, dòng sông trở nên cô đơn. Xác của những con thú trươg sinh trôi ngang, vài con chim kên kên đậu trên đó để rửa thịt. Những con chim khác cũng muốn có phần, nhưng chúng bị đuổi đi bởi những cánh chim to lớn đập phần phật, cho đến khi những con đến trước đậu trên xác đã đầy bụng. Những con quạ kêu réo giận dữ tìm cách len vào giữa những con chim kên kên to lớn và vụng về, nhưng chúng không có chút hy vọng. Ngoài tiếng ồn xao xác quanh xác con vật, dòng sông rộng và quanh co thật là thanh bình. Ngôi làng bên kia bờ đã thức dậy từ một hai giờ trước đây. Dân làng kêu nhau ơi ơi, tiếng nói to mạnh của họ vang rộ trên dòng nước. Tiếng kêu như có một điều gì vui thích, nồng ấm và thân tình. Một tiếng người gọi qua sông, xuyên qua bầu trời

trong và một tiếng khác đáp lại từ trên sông hay từ bờ bên kia. Thế nhưng dường như không có một âm thanh nào quấy rối sự yên tĩnh buổi sáng vốn mang cả một trời thanh bình và trường cửu.

Chiếc xe đang chạy trên một con đường gập ghềnh, ít được sửa chữa, nó tung lên một đám bụi để chúng bám đọng trên cây và trên một vài người dân làng đang đi lại trên con đường dẫn về phố chợ bán thú và xây cất lổm ngổm. Học sinh cũng đi trên đường này, thế nhưng xem ra chúng không để ý đến bụi bặm, vì chúng đang mãi mê cười đùa. Trên đường cái, chiếc xe qua phố chợ, băng qua đường xe lửa và không mấy chốc sau lại chạy trong cảnh đồng quê trong sạch và rộng mở. Đây thật là cảnh tuyệt đẹp, bò và dê trong đồng cỏ xanh, dưới tàng lá to lớn của các cây cổ thụ và cảnh vật hiện ra dường như bạn chưa thấy bao giờ. Đi xuyên phố chợ, với tất cả những sự dơ bẩn và nghèo khổ, dường như bạn bị tước mất đi vẻ đẹp của trái đất; nhưng bây giờ nó đã được trả lại cho bạn và bạn kinh ngạc được thấy lại cái thiện mỹ của đất trời cũng như của mọi thứ trên địa cầu. Kìa là những con lạc đà to lớn và mập mạnh, mỗi con mang một gùi lớn chứa sợi dầy. Chúng không bao giờ vội vã, có một dáng đi đều đặn với đầu ngẩng cao trong gió; và trên mỗi gùi có một người ngồi trong đang thúc giục con vật vung về tiến lên phía trước. Bạn sẽ ngạc nhiên tột độ khi thấy trên con đường này có hai con voi khổng lồ, hình thù dong đưa chậm chậm, thân khoác áo đỏ rực rỡ với chỉ thêu vàng, ngà của chúng được bọc bạc. Chúng được mang đi để tham dự một

lễ hội tôn giáo, vì đã từng được huấn luyện để chuyên làm việc đó; nhưng bây giờ thì người ta dừng voi lại để nói chuyện. Thân hình đồ sộ của chúng che hết người bạn; tuy vậy chúng rất hiền, mọi sợ sệt và lo ngại đã tan biến. Bạn sờ lớp da sần sùi của nó, đầu của một cái vòi đụng đến gan bàn tay của bạn một cách mềm mại và tò mò xong lại quay đi. Người đàn ông lại la to ra lệnh cho chúng bước tiếp, và mặt đất dường như rung chuyển theo với chúng. Một chiếc xe hai bánh nhỏ đi đến, do một con ngựa còi cọc kéo, chạy thẳng, nó chở bên trên một xác người được bọc bằng khăn trắng. Xác được buộc lỏng lẻo trên sàn của chiếc xe lắc lư và con ngựa chạy nặng nề trên con đường gập ghềnh, cả người lái lẫn xác cứ bị tung lên rồi rơi xuống.

Máy bay từ miền bắc đã đến và hành khách nhẹ nhõm được ngồi nghỉ nửa tiếng trước khi cất cánh lại. Họ là các nhà chính trị và chỉ nhìn bên ngoài thôi cũng đủ biết họ là những nhân vật rất quan trọng, nghe nói họ là các vị bộ trưởng. Họ bước trên lối đi xi-măng như một con tàu đi ngang qua một kênh nước hẹp, đầy quyền uy và hoàn toàn cao hơn hẳn đám người tầm thường. Các hành khách khác ngồi phía sau, xa hẳn họ. Mỗi người đều biết chỗ ngồi của mình; nếu ai không biết sẽ sớm có người chỉ bảo cho, và đám đông đã lặng yên, ngắm nhìn những ông lớn trong hào quang của họ. Thế nhưng mặt đất vẫn xanh rì, một tiếng chó sủa, cuối chân trời là những đỉnh núi phủ tuyết, thật là một cảnh quan lạ lùng.

Một nhóm nhỏ tụ tập trong căn phòng lớn và trơ trọi, nhưng chỉ bốn người trong nhóm họ chịu nói và xem ra bốn

người này đại diện cho cả nhóm. Hôm nay không có ai chuẩn bị trước mà sự việc xảy ra hết sức tự nhiên, và những người nọ cũng vui thích được như thế. Một trong bốn người, một người đàn ông cao lớn, điệu bộ tự tin, đang thốt lên những lời đối đáp nhanh nhẹn và dễ dàng. Người thứ hai thể chất không lớn bằng nhưng có cặp mắt sắc sảo và có một phong thái thoải mái. Hai người kia gầy ốm hơn. Tất cả xem ra đều là trí thức và nói chuyện rất lưu loát. Họ có vẻ khoảng chừng bốn mươi, đều từng trải và theo lời họ thì đã làm được nhiều điều muốn làm.

“Tôi muốn nói về tâm trạng thất vọng”, người cao lớn nói. “Đó là đặc trưng của thế hệ chúng tôi. Dường như tất cả chúng tôi đều lâm vào tâm trạng thất vọng, trong cách này hoặc cách khác, và nhiều người trong chúng tôi trở nên chua cay hằn học, luôn luôn chê bai kẻ khác và sẵn sàng hạ bệ họ. Hàng ngàn người đã bị loại bỏ trong các cuộc thanh lọc chính trị, hẳn chúng ta không quên con người có thể giết hại người khác bằng ngôn từ hay cử chỉ. Riêng tôi thì không hằn học, mặc dù đã phí hoài phần lớn đời tôi cho hoạt động xã hội và cải thiện cộng đồng. Như nhiều người khác, tôi cũng tham gia hoạt động đảng phái và không tìm được gì trong đó; có chăng là đi thụt lùi và dĩ nhiên chẳng có lợi gì cho tương lai. Tôi cũng từng nằm trong chính quyền nhưng điều đó không có ý nghĩa to lớn gì cho tôi. Tôi đọc cũng nhiều nhưng việc đọc sách vở không làm cho tim ta sáng láng hơn. Mặc dù lý luận lưu loát nhưng phải thừa nhận là lý trí tôi nói một đường, tâm tư tôi nghĩ một nẻo. Đã nhiều

năm tôi đấu tranh với chính mình và dường như không có cách nào thoát khỏi sự tranh chấp nội tâm này. Tôi chỉ là một khối của mâu thuẫn và nội tâm tôi đang chết dần chết mòn... Tôi không định nói những điều này nhưng không hiểu sao tôi lại nói. Tại sao nội tâm chúng ta lại héo tàn đi? Điều này không xảy ra cho tôi thôi mà tôi thấy phần lớn trong xã hội đều bị như thế”.

Ông nói chết mòn, héo tàn là sao?

“Có thể người ta có một vị trí quan trọng, có thể làm việc căng thẳng và leo lên đỉnh cao, nhưng nội tâm con người đã chết. Nếu ông gọi các ông lớn trong số chúng tôi – những người mà tên tuổi họ xuất hiện hàng ngày trên mặt báo với những hoạt động hay diễn văn của họ – là cùn nhut và ngu xuẩn, họ sẽ thấy rất kinh hoàng; nhưng cũng như bọn chúng tôi thôi, họ cũng héo tàn dần đi, nội tâm ngày càng xuống dốc. Tại sao? Chúng tôi sống một cuộc đời đạo lý, đáng trọng vọng nhưng đằng sau cặp mắt không còn một ánh lửa nào cả. Một số trong chúng tôi chưa hề làm được gì – tôi tạm nghĩ thế – mà đời sống nội tâm đã giảm thiểu đi rồi; dù chúng tôi có biết hay không, dù chúng tôi sống trong dinh bộ trưởng hay trong phòng ngủ trọ trọ của thợ thuyền, về mặt tâm linh thì chúng tôi đã đưa một chân vào nhà mồ rồi. Tại sao?”.

Phải chăng chúng ta bị ngột thở bởi những tưởng tượng của mình, bởi sự kiêu hãnh của thành tích và thành tựu, bởi những điều mà tâm ta thấy là vĩ đại? Khi tâm thức nghiêng nặng về những điều mà nó đã tích lũy thì trái tim sẽ khô

héo. Không phải là điều kỳ lạ sao khi tất cả mọi người đều lại muốn leo những bậc thang của thành công và danh vọng?

“Chúng ta được khuyến khích làm việc đó. Và tôi ngờ rằng bao lâu con người còn leo những bậc thang đó hay còn ngồi trên chóp đỉnh thì sự rối loạn sẽ không thể tránh khỏi. Nhưng làm sao con người vượt qua nỗi sự rối loạn?”.

Rất đơn giản, bằng cách dừng leo. Nếu ông thấy cái thang và biết rõ nó dẫn đi đâu, nếu ông hiểu rõ những nội dung sâu sắc của nó và không đặt bước lên bậc đầu tiên thì có thể ông không bao giờ bị rối loạn.

“Nhưng tôi không thể ngồi yên và chịu phân rã!”.

Ông đang phân rã ngay bây giờ đây, ngay trong hoạt động không ngừng của ông; và nếu ông, cũng như nhà tu hành khổ hạnh chỉ biết ngồi yên nhưng trong nội tâm hừng hực cháy với sự thèm khát, với tất cả lo sợ của lòng tham vọng và ham thích, ông sẽ tiếp tục héo mòn đi. Không đúng sao, sự phân rã cùng đi tay trong tay với thành tích đạo cao đức trọng? Điều này không có nghĩa là con người nên làm điều bất hảo. Nhưng phải chăng ông là người rất chuộng đạo lý?

“Tôi cố gắng được như thế”.

Đạo lý xã hội chỉ dẫn đến sự chết. Theo đạo lý của người đời là chết một cách được trọng vọng. Đối với bên ngoài cũng như bên trong, ông rập khuôn theo qui tắc của đạo lý xã hội, đúng thế không?

“Chỉ khi nào đa số chúng tôi chết cả thì cấu trúc xã hội này mới tan rã. Không lẽ ông khuyến khích một xã hội hỗn loạn đạo đức?”.

Tôi mà làm điều đó sao? Đạo lý xã hội chỉ là sự sợ sệt. Tham vọng, ham muốn, tự tạo ra cho mình thành tích và danh vọng, sự tàn bạo của quyền lực và địa vị, sự giết chóc nhân danh ý thức hệ hay nhân danh quốc gia xứ sở – đó là đạo lý xã hội.

“Tuy thế, các nhà lãnh đạo xã hội và tôn giáo của chúng ta cũng tuyên giảng chống lại các thứ đó”.

Thực tế là khác, tuyên giảng là khác. Giết người vì một ý thức hệ hay vì quốc gia mình là điều đáng trọng vọng, và kẻ giết người, ông tướng nhà binh đã tổ chức giết người hàng loạt thì được nể vì và tuyên dương. Người nắm quyền lực trong tay có vị trí quan trọng trong cả nước. Người tuyên giảng và kẻ được tuyên giảng cùng ngồi trong một con thuyền, đúng thế không?

“Tất cả chúng tôi đều trong một chiếc thuyền”, người thứ hai nói tiếp, “và chúng tôi đang phấn đấu làm được một cái gì cho nó”.

Nếu ông thấy chiếc thuyền có nhiều lỗ hổng và đang chìm nhanh, ông có chịu nhảy ra khỏi thuyền không?

“Dù vậy chiếc thuyền cũng không tệ. Chúng ta phải hàn gắn cho nó, mỗi người phải giúp một tay. Nếu ai cũng làm thì chiếc thuyền sẽ vững lái trên dòng đời”.

Phải chăng ông là người hoạt động xã hội?

“Đúng thế, thưa ông, và tôi được hân hạnh gần gũi với nhiều vị cải cách xã hội vĩ đại nhất của chúng ta. Tôi cho rằng cải cách, chứ không phải cách mạng, là con đường duy

nhất để thoát khỏi hỗn loạn. Hãy xem các cuộc cách mạng khác. Thưa ông, không, những người vĩ đại thực sự là những người chủ trương cải cách”.

Ông nói cải cách là muốn nói gì?

“Cải cách là dần dần cải thiện điều kiện xã hội và kinh tế người dân thông qua nhiều biện pháp mà chúng tôi đã phát biểu; nó nhằm giảm sự nghèo đói, loại bỏ sự mê tín, chống lại sự phân chia giai cấp, vân vân...”.

Lối cải cách như thế vẫn luôn luôn nằm trong khuôn mẫu xã hội hiện thời. Một nhóm người khác có thể leo lên đỉnh, một thể chế hành pháp mới có thể đưa vào thực hiện, có thể sẽ có quốc hữu hóa một số ngành công nghiệp và mọi thứ tương tự; nhưng tất cả vẫn luôn luôn nằm trong khung cảnh hiện thời của xã hội. Đó là cái được gọi là cải cách, không phải sao?

“Nếu ông bác bỏ điều này thì ông chỉ có thể bênh vực cho đường lối cách mạng; và tất cả chúng ta đều biết là cuộc đại cách mạng sau thế chiến thứ nhất đã tự lộ cho thấy là một bước thụt lùi, như anh bạn tôi đã nêu rõ, nó là kẻ sinh ra mọi dạng của khủng bố và áp bức. Về mặt công nghiệp thì cuộc đại cách mạng đó có thể ưu việt nhưng người ta không thể chỉ sống với bánh mì, và chắc chắn là chúng tôi không đi theo khuôn mẫu đó”.

Một cuộc cách mạng nằm trong khuôn mẫu, nằm trong một khung cảnh của xã hội thì không phải là cách mạng; nó có thể tiến bộ hay thụt lùi nhưng cũng như vấn đề cải cách, nó chỉ là một dạng được điều chỉnh của cái đã có. Dù

cải cách có tốt hay cần thiết đến mấy chăng nữa, nó cũng chỉ mang lại một sự thay đổi hời hợt, đến phiên nó lại đòi hỏi những cải cách mới. Không có một điểm cuối của quá trình này, vì xã hội sẽ luôn luôn bị phân hóa trong khuôn mẫu của chính bản thân sự hiện hữu của nó.

“Thế thì thưa ông, phải chăng ông cho rằng tất cả mọi sự cải cách, dù có ích đến mấy, chỉ là một sự vá vúi và không có mức độ cải cách nào có thể mang lại một sự chuyển hóa của toàn thể xã hội?”.

Sự chuyển hóa toàn thể không bao giờ xảy ra trong bất cứ khuôn mẫu nào của xã hội, dù đó là một xã hội toàn trị hay xã hội được gọi là dân chủ.

“Ông gọi khuôn mẫu xã hội là thế nào?”.

Khuôn mẫu xã hội là mối quan hệ giữa con người với nhau, đặt trên tham vọng, ham muốn, sự ưa thích có tính cách cá nhân hay tập thể hướng tới quyền lực, dựa trên cấp bậc cao thấp, trên ý thức hệ, trên giáo điều, trên niềm tin. Xã hội như thế thường thường cũng kêu gọi tình thương, kêu gọi sự thiện mỹ; nhưng nó luôn luôn sẵn sàng giết chóc, sẵn sàng kéo ra trận. Trong khuôn mẫu đó, sự thay đổi thực chất là không thay đổi gì cả, dù cho nó tỏ ra hết sức tiến bộ. Khi bệnh nhân cần phải được mổ xẻ thật sự thì thật là đại đột nếu ta chỉ làm giảm nhẹ triệu chứng cơn bệnh.

“Nhưng ai là nhà giải phẫu?”.

Ông phải tự mổ xẻ chính mình và không dựa vào bất cứ ai khác, dù xem ra chuyên viên đó thật là giỏi. Ông phải

bước ra ngoài khuôn mẫu của xã hội, khỏi khuôn mẫu của sự ham muốn, thành tích, tranh chấp.

“Khi tôi bước ra ngoài khuôn mẫu thì liệu xã hội có bị tác động không?”.

Trước hết hãy bước ra đi đã và xem thử điều gì xảy ra. Nếu cứ nằm yên trong khuôn mẫu và hỏi điều gì sẽ xảy ra khi ông bỏ đi thì chỉ là một cách tránh né, là một sự tìm kiếm sai lầm và vô ích.

“Không giống như hai vị này”, người thứ ba nói với giọng nhẹ và vui, “tôi không quen ông lớn nào cả; tôi giao du trong một nhóm người khác. Tôi không bao giờ nghĩ mình phải nổi tiếng, tôi dừng lại trong mức độ của tôi, âm thầm làm việc của mình. Tôi bỏ vợ, không màng gì đến vui thú nhà cửa con cái và hoàn toàn dành công việc để giải phóng đất nước mình. Tôi làm điều đó một cách hết sức thành tâm, một cách chăm chỉ siêng năng. Tôi không tìm kiếm quyền lực cho mình; tôi chỉ muốn nước tôi phải được tự do, trở thành một quốc gia thiêng liêng, có lại sự vinh quang và ân huệ mà Ấn Độ từng có. Thế nhưng tôi đã thấy tất cả những gì đã xảy ra; tôi đã thấy sự lầm tưởng, sự hào nhoáng, sự suy đồi, hoạt động phe nhóm, đã nghe giọng điệu nước đôi của nhiều nhà chính trị, kể cả những nhà lãnh đạo của phe phái mà tôi từng tham gia. Tôi không hy sinh đời mình, sở thích của mình, vợ con mình, tiền bạc mình để cho những con người tham những lèo lái đất nước này. Tôi tránh có quyền lực vì hạnh phúc của đất nước, nhưng cuối cùng lại thấy những chính trị gia đầy tham vọng lại lên nắm quyền.

Bây giờ tôi biết mình đã phạm những năm tháng đẹp nhất của đời mình và tôi thấy có lúc mình muốn tự tử”.

Những người kia im lặng, hoảng sợ vì những lời vừa nói; vì họ chính là các chính trị gia bằng xương bằng thịt.

Thưa ông, nhiều người đã uốn cong đời mình một cách sai lầm, và có lẽ họ phát hiện điều đó quá trễ, hay không bao giờ phát hiện cả. Nếu những người đó đạt đến những vị trí quyền lực cao, họ sẽ gây nhiều tai hại nhân danh đất nước; họ trở thành kẻ gây họa nhân danh hòa bình, nhân danh Thượng đế. Sự tưởng tượng vô căn cứ và tham vọng luôn luôn là kẻ thống trị đất nước, với những mức độ khác nhau của sự man rợ và tàn bạo. Hoạt động chính trị chỉ liên quan đến một phần rất nhỏ của cuộc đời; nó có tầm quan trọng của nó, nhưng khi nó lấn đến toàn bộ cuộc sống như bây giờ đang xảy ra, thì nó trở thành đáng sợ, lại còn sinh ra tư tưởng và hành động suy đồi. Chúng ta trọng vọng nể nang những người có quyền, các người lãnh đạo, vì trong bản thân chúng ta cũng có sự thèm khát quyền lực và địa vị, cũng có cái ham muốn được điều khiển và phán truyền. Chính mỗi người chúng ta đã đẻ ra lãnh tụ; xuất phát từ sự rối loạn của con người, sự ham muốn, lòng tham vọng của con người mà nhà lãnh tụ được hình thành và theo chân lãnh tụ tức là theo chân lòng ham muốn, sự thúc bách và sự rối loạn của chính mình. Nhà lãnh tụ và người theo đuôi cả hai phải chịu trách nhiệm về sự đau khổ và rối loạn của con người.

“Tôi công nhận những gì ông nói là đúng, mặc dù thật khó cho tôi phải công nhận nó. Và bây giờ sau những năm

đó, tôi thật không biết nên làm gì. Tôi đã thành tâm nuôi tiếc, dĩ nhiên là không đi tới đâu cả. Tôi không thể quay ngược lại những gì đã làm. Tôi đã động viên hàng ngàn người, bằng lời nói và hành động, hãy chấp nhận và đi theo chúng tôi. Nhiều người trong số đó cũng trở nên giống tôi, dĩ nhiên không ở trong hoàn cảnh cực đoan như tôi; họ đổi sự trung thành của mình từ lãnh tụ này qua lãnh tụ kia, từ đảng phái này qua đảng phái nọ, từ khẩu hiệu này qua khẩu hiệu khác. Nhưng bây giờ thì tôi đã từ bỏ tất cả, và không muốn đến gần với bất cứ ông lớn nào nữa. Tôi đã làm những điều rỗng tuếch trong những năm tháng đó; khu vườn mà tôi chăm sóc cẩn thận đã biến thành đồng gạch vụn. Vợ tôi đã chết, tôi không còn ai thân thuộc. Bây giờ tôi mới thấy mình đã chạy theo thánh thần do con người bày ra: Nhà nước, quyền lực của lãnh tụ, và cái lầm lẫn tinh vi cho mình có một tầm quan trọng. Tôi thật là mù quáng và điên rồ”.

Nhưng nếu ông thật tâm thấy rằng tất cả những gì đã làm là điên rồ và vô nghĩa, chúng chỉ mang thêm bất hạnh, thì đó là bắt đầu của sự sáng suốt. Khi ý ông thì muốn đi về phía bắc và bỗng nhiên khám phá thực tế là mình đang đi về phương nam thì cái đúng nhất là phải quay về phương bắc chứ. Không phải sao?

“Không phải quá giản đơn như vậy. Tôi đã thấy con đường mình đi chỉ dẫn đến sự khốn khổ và hủy diệt nhưng tôi không thấy một con đường khác để đi”.

Không có con đường nào đưa ta tới với cái nằm ngoài mọi con đường do con người đã xây dựng nên và đã đi. Muốn

tìm ra thực tại phi đạo lộ này, ông cần thấy cái đích thực nằm trong sự sai trái, hay thấy cái sai trái là sai trái. Nếu ông nhận thức được con đường mình đã đi là sai – không bằng cách so sánh với một cái gì khác, không vì đánh giá hay do thất vọng, cũng không phải vì đạo đức xã hội phê phán, mà vì tự nó là sai – thì bản thân sự nhận thức đó đã là ý thức về cái đích thực. Ông không cần phải theo cái đúng mà chính cái đúng giải thoát ông ra khỏi cái sai.

“Nhưng tôi vẫn có cảm giác muốn tự tử và muốn chấm dứt mọi sự”.

Mong muốn được chấm dứt mọi sự là hậu quả của lòng cay đắng, của sự hoang mang nặng nề. Nếu con đường mà ông đã theo đuổi, dù nó hoàn toàn sai trái, đưa ông đến chỗ mà ông xem là mục đích của mình; nói gọn lại là nếu ông đã thành công thì hẳn ông không cảm thấy bị hoang mang, không có sự thất vọng cay đắng. Nếu ông không bắt gặp sự thất vọng này thì ông đã không bao giờ tra vấn mình làm gì, không bao giờ tự hỏi liệu mọi thứ là đúng hay sai. Nếu hỏi trước ông được thì sự việc đã hoàn toàn khác hẳn. Ông đã bị cuốn theo dòng chảy của sự tự khẳng định mình và bây giờ thì nó đã bỏ ông lại chơ vơ, hoang mang, thất vọng.

“Tôi hiểu những gì ông nói. Ông muốn nói mọi dạng hình của sự tự khẳng định – trong Nhà nước, trong công tác phước thiện, trong mọi mơ ước – chỉ có thể dẫn đến sự hoang mang, đến trạng thái cần cỗi này của tâm. Bây giờ thì tôi thấy điều này rất rõ”.

Sự nở hoa của lòng thiện mỹ trong tâm chúng ta – điều

này rất khác với sự việc phải “cao đẹp” để đạt tới một thành tựu nào đó hay để trở thành một điều nào đó – là nằm ngay trong một hành động chân chính. Lòng yêu thương chính là bản thân hành động, là bản thân sự tồn tại của nó.

“Mặc dù đã trễ”, người thứ tư nói, “tôi xin phép đặt câu hỏi. Lòng tin nơi Thượng đế có giúp ta tìm được Người không?”.

Muốn tìm chân lý hay Thượng đế ta không được phép có lòng tin lẫn không có lòng tin. Người tin cũng như người không tin, cả hai đều không tìm ra chân lý, vì tư tưởng của họ đã bị định hình bởi sự giáo dục, bởi môi trường xung quanh, bởi nền văn hóa và bởi chính niềm hy vọng cũng như sự lo âu, bởi niềm vui thích lẫn phiền não của họ. Một tâm thức mà không giải thoát khỏi những ảnh hưởng qui định lên mình thì không bao giờ tìm được chân lý, dù cho nó rất muốn.

“Thế thì phải chăng tìm kiếm Thượng đế là không quan trọng?”.

Một tâm thức lo âu, ham muốn, thích chiếm hữu, làm sao có thể phát hiện được một cái gì nằm cao hơn nó? Nó chỉ tìm thấy những gì do bản thân nó chiếu hiện ra, chỉ tìm thấy những hình ảnh, niềm tin và những kết luận mà trong đó nó bị giam cầm. Muốn tìm điều gì là chân lý, điều gì là sai trái, tâm phải được tự do. Tìm kiếm Thượng đế mà chưa biết bản thân mình thật là một điều vô nghĩa. Tìm kiếm với một dụng tâm là không tìm kiếm gì cả.

“Có thể có sự tìm kiếm mà không dụng tâm chăng?”.

Nếu có dụng tâm trong lúc tìm kiếm thì mục đích của sự tìm kiếm là điều đã biết. Khi đau khổ, ông kiếm hạnh phúc; khi đó thì ông đã ngưng sự tìm kiếm rồi vì ông nghĩ mình đã biết thế nào là hạnh phúc.

“Thế thì sự tìm kiếm chỉ là một vọng tưởng ư?”.

Đó là một trong nhiều vọng tưởng. Khi tâm không dụng công, khi nó tự do, không bị thúc đẩy bởi một sự ham muốn nào, khi nó hoàn toàn tĩnh lặng, thì lúc đó có chân lý. Ông không cần tìm kiếm nó; ông không thể theo đuổi nó, không thể chào mời nó. Nó tự tới.

NƠI NÀO CÓ SỰ CHÚ Ý THÌ NƠI ĐÓ LÀ THỰC TẠI

Mây bao phủ các ngọn đồi, che lấp những đỉnh núi phía sau. Trời mưa suốt ngày, cơn mưa bụi không làm ướt đất và trong không gian phảng phất một mùi thơm dễ chịu của hoa nhài và hoa hồng. Ngoài đồng, hạt đã bắt đầu chín. Giữa những tảng đá nơi loài dê tìm thức ăn, là những bụi cây thấp, thỉnh thoảng có một thân cây già cỗi sần sùi. Một con suối nằm cao trên phía đồi, một ngọn đồi luôn luôn nở hoa, hè cũng như đông, cho dòng nước chảy xuống chân hồ và vang lên một âm thanh khả ái. Suối chảy xuyên qua một khu vườn trồng cây, và biến mất sau cánh đồng rộng mở nằm sau làng. Một chiếc cầu nhỏ bằng đá vuông bắc qua dòng suối do dân làng đang tự xây, dưới sự hướng dẫn của một ông kỹ sư trong làng. Ông là một người đứng tuổi và dễ mến, họ làm việc một cách thông thả khi ông có mặt. Thế nhưng ông vừa đi vắng thì chỉ có một hai người làm tiếp, số còn lại để dụng cụ và thúng mủng xuống, ngồi quanh chuyện trò với nhau.

Đọc theo con đường cạnh bờ suối có một dân làng đi đến, ông dẫn theo cả chục con lừa. Chúng trở về từ thị trấn gần đó với những chiếc bao tải rỗng không. Những con lừa này có những cặp chân nhỏ nhắn, thanh mảnh; chúng đi nước

kiệu khá nhanh, bây giờ thì chúng dừng chân và gặm cỏ xanh mượt ở hai bên đường. Chúng trên đường về nhà mà chẳng cần ai dẫn đường chỉ lối. Dọc theo con đường chỗ nào cũng có một miếng đất canh tác nhỏ, một ngọn gió nhẹ đong đưa giữa những hàng ngũ cốc còn non. Từ trong một ngôi nhà nhỏ vang ra một giọng phụ nữ trong trẻo, chị đang hát; giọng hát khiến mắt bạn đắm lệ, không phải vì tiếng hát gợi nhớ xa xăm, mà vì vẻ đẹp thuần túy của tiếng hát. Bạn ngồi dưới một ngọn cây, trời và đất hoà nhập vào người bạn. Ngoài tiếng hát và màu đất đỏ là sự tĩnh lặng, một sự tĩnh lặng hoàn toàn mà trong đó mọi đời sống đang vận động. Bây giờ thì đom đóm đã bay giữa các tầng lá và bụi cây. Trong bóng tối đang dần lên, những con đom đóm sáng rõ; thật đáng kinh ngạc vì ánh sáng do chúng phát ra. Trên một tảng đá tối nhờ nhờ, ánh mờ nhẹ và lấp lánh của một con đom đóm đơn côi đã giữ cho cả vùng không gian này đầy ánh sáng.

Anh còn trẻ và rất nghiêm túc, cặp mắt sắc và sáng. Mặc dù đã quá ba mươi mà anh vẫn chưa lập gia đình; nhưng hôn nhân và tình dục không phải là điều quan trọng, anh nói thêm. Là một người có học thức, anh có cái cứng cổ trong bộ điệu, trong bước đi. Anh không đọc quá nhiều sách vở mà chỉ một số sách có nội dung nghiêm túc, và anh cũng đã suy tư về nhiều thứ. Anh là nhân viên trong một cơ quan của Nhà nước và lương cũng rất khá. Anh thích những trò chơi ngoài trời, nhất là môn quần vợt mà anh thuộc hạng giỏi. Anh không ham xem phim, cũng không có nhiều bạn thân. Anh kể thêm là trì tập thiền định mỗi ngày hai buổi

sớm tối, mỗi lần cả tiếng đồng hồ. Sau khi nghe nói chuyện buổi tối hôm trước, anh muốn đến để thảo luận về nội dung và ý nghĩa của phép thiền định. Lúc còn nhỏ, anh đã quen theo cha vào một căn phòng nhỏ để ngồi thiền, lúc đó thì anh chỉ ngồi được mười phút là nhiều, và cha anh cũng không lấy thế làm phiền. Căn phòng này chỉ có đơn độc một bức tranh trên tường và trong nhà không ai được vào phòng đó, ngoại trừ vào để ngồi thiền. Cha anh không khuyến khích cũng không ngăn cản anh trong việc thiền định, ông cũng không bao giờ chỉ cho anh cách thiền định như thế nào, hay về điều gì sẽ sinh ra, nhưng anh thì từ còn nhỏ đã thấy thích thiền định. Về sau, khi học đại học, anh khó giữ được giờ giấc nhất định trong ngày; nhưng sau đó, khi đã có công ăn việc làm, mỗi ngày anh đều thiền định sớm tối, mỗi lần một tiếng và bây giờ thì anh không chịu đổi bất cứ điều gì trong đời cho hai tiếng đồng hồ đó.

“Thưa ông, tôi đến đây không phải để tranh biện, không phải để bênh vực điều gì, mà chỉ để học hỏi. Mặc dù đã đọc về nhiều phép thiền định dành cho nhiều tính khí khác nhau và cũng đã tìm được một cách để kiểm soát tư tưởng, tôi cũng không đại mà vội tin rằng mình đang thực hiện được phép thiền định chân chính. Tuy nhiên nếu tôi không lầm thì phần lớn những ai đáng tin cậy đều khuyên nên kiểm soát tư tưởng, có lẽ đó là điều cốt tủy của thiền định. Tôi cũng thực hành đôi chút phép du-già¹, xem nó là phương

¹ yoga.

tiện để làm tâm lắng dịu; các phép thở đặc biệt, tụng đọc kinh kệ, vân vân... Tất cả những thứ này là để nhập môn cho bản thân tôi và có thể nó không quan trọng lắm. Vấn đề ở đây là, tôi thực sự ham thích hành trì thiền định, nó thật là sống chết đối với tôi và tôi muốn biết thêm về nó”.

Khi nói phép thiền định lập tức ta nói về người thiền định. Khi hành trì điều mà anh gọi là thiền định, thì người thiền định khác với phép thiền định, đúng thế không? Tại sao lại có sự khác biệt, tại sao có khoảng cách giữa hai cái? Đó là điều không thể tránh khỏi hay khoảng cách giữa hai cái có thể nối lại được? Nếu không hiểu thấu một cách chính xác cái đúng hay cái sai của sự phân biệt giả tạo này thì kết quả của cái được mệnh danh là thiền định cũng chỉ tương đương như thứ được tạo ra bởi một cái máy an thần, cái được dùng để cho tâm được yên. Nếu mục đích con người là làm tư tưởng phải bị khống chế, thì bất cứ hệ thống hay loại ma túy nào tạo ra được kết quả mong muốn đó cũng được coi như đạt yêu cầu.

“Nói thế thì trong một lúc ông bác bỏ tất cả những phép tu du-già, các hệ thống truyền thống về thiền định đã được tập luyện và truyền bá qua nhiều thế kỷ bởi các bậc thánh và các vị tu khổ hạnh. Không lẽ tất cả các vị đó đều sai lầm cả sao?”.

Tại sao họ lại không thể sai lầm? Tại sao lại có lòng dễ tin như thế? Phải chăng ta nên có một sự cẩn trọng đúng mức để tìm hiểu tất cả vấn đề của thiền định? Anh chấp nhận vì hăng say muốn có kết quả, muốn thành công, anh

muốn “đến đích”. Muốn hiểu thiên định là gì, ta phải biết tra vấn, hỏi han; một sự chấp nhận đơn thuần sẽ hủy hoại sự tra vấn. Anh phải tự mình thấy cái hư vọng là hư vọng, thấy cái đích thực trong sự hư vọng, và thấy cái đích thực là đích thực, vì không ai có thể bày cho anh biết điều này. Thiên định là phương thức của cuộc sống, nó là một phần của đời sống hàng ngày, và sự phong phú cũng như vẻ đẹp của cuộc sống chỉ có thể được thấu hiểu thông qua thiên định. Nếu không hiểu qui mô toàn thể của cuộc sống, và những phản ứng hàng ngày từ khoảnh khắc này qua khoảnh khắc khác thì thiên định trở thành quá trình của sự tự thôi miên. Cốt tủy của thiên định chính là thấu hiểu những vấn đề của đời sống hàng ngày. Anh không thể đi được xa nếu anh không biết bắt đầu ở chỗ rất gần.

“Tôi hiểu điều này. Người ta không thể leo lên đỉnh núi nếu trước đó không lội qua thung lũng. Trong đời sống hàng ngày tôi đã nỗ lực dẹp bỏ những chương ngại hiển nhiên như thèm muốn, khao khát, vân vân...; và tôi cũng ngạc nhiên thấy mình vứt bỏ được mọi thứ của thế gian. Tôi thấy rõ và trân trọng một điều là ta phải đặt một nền móng chân chính, nếu không thì không xây dựng một công trình trên đó. Tuy nhiên thiên định không phải chỉ là vấn đề uốn nắn lòng ham muốn và mê say. Hiển nhiên mọi mê say phải được chế ngự, phải được kiểm soát, nhưng phải chăng thưa ông, thiên định là một điều cao hơn thế nữa? Tôi không dẫn chứng ý hay lời của thẩm quyền nào mà tôi thật sự cảm nhận thiên định là một điều gì to lớn hơn nhiều so với việc xây dựng một nền móng vững chắc”.

Có thể; nhưng ngay tại bước khởi điểm thì nơi đó đã là cái *toàn vẹn*¹. Không phải là ta xây dựng một nền móng vững chắc trước, rồi sau đó xây dựng phía trên; hay trước hết hãy giải phóng mình ra khỏi lòng thèm muốn rồi sau đó sẽ “đến đích”. Ngay tại bước khởi điểm đã là cái chung cuộc. Không có khoảng cách nào phải vượt qua cả, không cần leo trèo, không có điểm đến. Thiền định tự nó là phi thời gian, trong tình trạng phi thời gian thì không có con đường nào dẫn đến đích. Không có chỗ bắt đầu, không có chỗ chấm dứt. Thế nhưng vấn đề không phải là ngôn từ, nó cứ mãi là ngôn từ nếu anh không tự dò tìm và không tự thấu hiểu cái đích thực và cái hư vọng trong thiền định.

“Tại sao điều này lại quan trọng thế?”.

Người thiền định là kẻ kiểm tra, kẻ dò xét, kẻ có những dụng công “đúng” và “sai”. Kẻ đó là cái trung tâm và từ trung tâm đó, nó dệt nên một mạng lưới của tư tưởng; và chính tư tưởng lại sinh ra kẻ đó; tư tưởng đã sinh ra khoảng cách giữa người tư duy và tư tưởng. Nếu sự chia cắt này không chấm dứt thì cái gọi là thiền định chỉ tăng cường thêm cho cái trung tâm, tăng cường cho người chứng nghiệm cứ nghĩ rằng mình khác với những gì được chứng nghiệm. Người chứng nghiệm luôn luôn mong ước sẽ được thêm kinh nghiệm; mỗi kinh nghiệm lại tích lũy thêm cho những kinh nghiệm đã qua, rồi chính cái đã qua lại định đoạt, lại hình thành kinh nghiệm đang có. Thế nên tâm cứ mãi bị chính mình qui định. Cho nên kinh nghiệm và tri thức không phải là

1. the totality.

những nhân tố giúp ta giải thoát như nhiều người vẫn nghĩ.

“Tôi sợ rằng tôi không hiểu những gì ông nói”, anh nói một cách hoang mang bối rối.

Tâm chỉ tự do khi nó không bị qui định bởi kinh nghiệm của chính mình, bởi tri thức, bởi lòng kiêu căng, bởi sự thèm muốn; và thiền định chính là xả bỏ tâm khỏi những thứ đó, khỏi mọi hoạt động và tác động¹ lấy mình làm tâm điểm.

“Tôi công nhận tâm phải giải phóng khỏi mọi hoạt động lấy mình làm tâm điểm nhưng tôi không hiểu hết điều mà ông gọi là tác động”.

Tâm của anh chính là kết quả của tác động, đúng không? Từ thời còn nhỏ tâm của anh đã bị tác động do thực phẩm anh ăn, do thời tiết khí hậu nơi anh ở, do cha mẹ của anh, do sách vở anh đọc, do môi trường văn hóa nơi anh học hành, vân vân... Anh được dạy dỗ phải tin tưởng cái gì, không được tin tưởng cái gì; tâm anh là kết quả của thời gian, mà thời gian là ký ức, là tri thức. Tất cả mọi kinh nghiệm đều là một quá trình lý giải của quá khứ, của cái đã biết, và do đó không thể giải phóng khỏi cái đã biết; đó chỉ là một dạng được điều chỉnh của cái đã là. Tâm chỉ tự do khi sự tiếp nối này ngưng bật.

“Thế nhưng làm sao ta biết chắc là tâm ta sẽ được tự do?”.

Cái mong ước muốn được chắc chắn, muốn được an toàn chính là khởi điểm của sự trói buộc. Chỉ khi nào tâm không bị vướng vào mạng lưới của sự an toàn, tâm không tìm cầu

1 influences

cái chắc chắn, thì nó mới ở trong một trạng thái của khám phá.

“Đúng là tâm luôn luôn muốn được an toàn trong mọi tình huống và bây giờ tôi thấy tại sao sự mong ước đó là một trở ngại”.

Điều quan trọng là ta phải cho chết đi mọi thứ mà ta đã tích lũy, vì mọi thứ tích lũy này chính là cái tự ngã, cái “tôi”. Nếu không chấm dứt những thứ tích lũy này thì sẽ cứ còn mong ước được an toàn, thì sẽ có sự tiếp nối của quá khứ.

“Tôi bắt đầu thấy thiên định không hề giản đơn. Kiểm soát tư tưởng so ra còn dễ dàng, và cúng lạy hình tượng, tụng đọc kinh kệ chỉ làm cho tâm thêm buồn ngủ; còn thiên định đích thực xem ra công phu và gian khổ hơn tôi tưởng tượng nhiều”.

Thật ra nó không phức tạp, tuy nhiên gian khổ thì có thể. Anh thấy không, chúng ta không chịu xuất phát từ cái đang là, cái đang hiện tiền, từ cái chúng ta đang suy tư, đang thực hiện, đang mong ước; mà chúng ta xuất phát từ những giả định hay với ý hướng của mình, với cái không có thực và do đó chúng ta bị dẫn đi lạc lối. Muốn bắt đầu với cái hiện tiền chứ không với cái giả định, chúng ta cần sự chú ý sắc sảo và mọi suy tư không bắt nguồn từ cái hiện tiền đều là một sự xao nhãng. Do đó thật là quan trọng phải hiểu điều gì đang hiện tiền cả bên trong lẫn xung quanh chúng ta.

“Phải chăng linh ảnh¹ là thực tại hiện tiền?”.

1. linh ảnh: vision. Trong nhiều tôn giáo, linh ảnh về Thượng đế, về các đấng Chi tôn được xem là “thực tại đích thực” (ND).

“Thực tại hiện tiền” sao được? Hãy xem. Nếu anh là tín đồ Kitô giáo, linh ảnh của anh sẽ theo một mẫu mực nhất định; nếu ta là tín đồ Ấn Độ giáo, là Phật tử, là tín đồ Islam giáo thì mỗi mỗi đều có những mẫu hình khác nhau. Anh có linh ảnh về Chúa hay Krishna, nó dựa trên sự qui định của anh; chính sự giáo dục, nền văn hóa mà anh từng sống đã tạo nên, đã xác định những linh ảnh của anh. Cái gì là cái có thực: linh ảnh của anh hay tâm của anh đã bị đúc khuôn? Linh ảnh chính là hình ảnh chiếu rọi của một truyền thống có sẵn, của cái đã hình thành nên cơ sở của tâm. Sự qui định này, chứ không phải hình ảnh được chiếu, mới là cái có thực, là cái hiện tiền. Muốn hiểu cái hiện tiền thì đơn giản thôi, nhưng nó trở nên khó do sự yêu ghét của chúng ta, do sự lên án của chúng ta, do ý kiến và đánh giá của chúng ta về những cái hiện tiền đó. Thoát khỏi những trạng thái khác nhau của sự đánh giá đo lường tức là thấu hiểu cái đang hiện tiền, cái đang là.

“Ông muốn nói là chúng ta không bao giờ nhìn trực tiếp sự vật mà luôn luôn xuyên qua thành kiến và ký ức, xuyên qua truyền thống và kinh nghiệm dựa trên những truyền thống đó. Dùng chữ của ông, chúng ta không bao giờ ý thức về chính mình trong trạng thái đang thực là. Một lần nữa, tôi công nhận ông có lý. Thực tại hiện tiền là điều duy nhất quan trọng”.

Hãy xem toàn thể vấn đề một cách khác. Sự chú ý là gì? Khi nào thì anh chú ý? Có lúc nào anh thực sự chú ý vào một vật gì chưa?

“Tôi chú ý khi tôi quan tâm đến một điều gì”.

Phải chăng quan tâm là chú ý? Khi anh quan tâm đến vật gì, điều gì xảy ra trong tâm anh? Anh đang quan tâm nhìn đến những con thú đang đi qua; sự quan tâm đó là gì?

“Tôi bị lôi cuốn bởi điệu bộ, màu sắc, hình dáng của chúng, tất cả đều nổi bật trên nền cỏ xanh”.

Phải chăng có sự chú ý trong mỗi quan tâm này?

“Tôi nghĩ có”.

Một đứa trẻ đang say mê với một món đồ chơi. Anh gọi đó là sự chú ý chăng?

“Không phải thế sao?”.

Món đồ chơi thu hút sự quan tâm của đứa trẻ, nó chiếm trọn tâm trẻ và đứa trẻ yên lặng, hết lắng xăng; nhưng nếu ai lấy mất món đồ chơi thì nó ồn ào, la khóc, vãn vãn... Đồ chơi trở nên quan trọng vì chúng giữ cho trẻ được yên lặng. Người lớn cũng thế thôi. Nếu họ bị tước đi những thứ chơi đùa – như niềm tin, tham vọng, sự ham muốn quyền lực, sự tôn thờ thần thánh, tôn thờ Nhà nước, sự bảo vệ cho một lý tưởng – thì họ cũng bị bất an, mất mát, rối loạn; thế nên trò chơi cho người lớn cũng rất quan trọng. Có sự chú ý không khi món đồ chơi thu hút tâm? Đồ chơi chỉ là sự phân tán xao nhãng, đúng thế không? Đồ chơi trở thành tuyệt đối quan trọng chứ không phải tâm vì tâm đã bị đồ chơi chiếm giữ. Muốn hiểu sự chú ý là gì chúng ta phải nhìn đến cái tâm chứ không phải các món đồ chơi của tâm.

“Các món đồ chơi, như ông gọi tên, giữ chặt ý thích của tâm”.

Các món đồ chơi giữ chặt ý thích của tâm có thể là một vị đạo sư, có thể là một hình ảnh hay bất cứ hình tượng gì do tay người hay tâm người nặn ra; và sự giữ chặt ý thích của tâm bởi một món đồ chơi được gọi là sự tập trung. Phải chăng sự tập trung đó chính là sự chú ý? Không phải sự tập trung kiểu đó chỉ là sự thu hẹp tâm hay sao? Liệu đó là sự chú ý?

“Như tôi từng tu tập sự tập trung thì đó là cuộc đấu tranh làm sao giữ tâm cố định vào một điểm để loại bỏ tất cả những tư tưởng khác, loại bỏ tất cả sự phân tán khác”.

Phải chăng đó là sự chú ý khi có sự đề kháng chống sự phân tán? Hiển nhiên là sự phân tán sẽ sinh ra khi tâm hết thích món đồ chơi và khi đó sẽ có một mối tranh chấp, đúng thế không?

“Chắc rồi, vấn đề là ta phải đề bẹp sự phân tán”.

Anh có thể chú ý được chăng khi có sự tranh chấp diễn ra trong tâm?

“Tôi bắt đầu hiểu những gì ông muốn hướng đến. Xin nói tiếp”.

Khi món đồ chơi thu hút tâm, khi đó không có sự chú ý; cũng không có sự chú ý khi tâm đấu tranh để được tập trung bằng cách loại bỏ sự phân tán. Khi còn có một đối tượng của sự chú ý thì lúc đó có sự chú ý không?

“Phải chăng ông đang ám chỉ một điều duy nhất, thay vì dùng từ “đồ chơi” thì dùng từ “đối tượng?”.

1. tập trung: concentration, chú ý: attention.

Đối tượng hay đồ chơi, có thể là vật bên ngoài, nhưng cũng có thứ đồ chơi nội tâm.

“Vâng, ông đã liệt kê một ít. Tôi biết điều này”.

Có một thứ đồ chơi qui mô hơn, đó là duyên cớ¹. Có sự chú ý không nếu có một duyên cớ cần chú ý đến?

“Ông nói duyên cớ là sao?”.

Một sự bức xúc phải hành động; một nỗi thúc giục phải hoàn thiện chính mình, xuất phát từ lo ngại, ham muốn, tham vọng; một nguyên nhân hướng dẫn sự tìm cầu; một nỗi khổ làm anh phải tìm cách trốn chạy, vân vân... Có sự chú ý không nếu có vài duyên cớ bí ẩn đang vận hành?

“Nếu tôi bị buộc phải chú ý vì đau khổ hay vui sướng, vì lo ngại hay mong được ân thưởng, thì không có sự chú ý. Vâng, tôi thấy rõ ông muốn nói gì. Vấn đề rất rõ ràng và tôi đang hiểu kịp ý ông”.

Thế nên sẽ không có sự chú ý nếu ta tiếp cận bất cứ vật gì trong cách này. Và ngôn từ, danh tính có dính líu gì đến sự chú ý không? Thí dụ, có bao giờ ta biết nhìn mặt trăng mà đừng gọi tên nó không, hay là danh từ “mặt trăng” cứ luôn luôn can thiệp vào cái nhìn của ta? Có bao giờ ta biết lắng nghe điều gì với sự chú ý không, hay là tư tưởng của ta, cách diễn dịch của ta cứ luôn luôn can thiệp vào sự lắng nghe? Có bao giờ ta thực sự biết chú ý không? Điều hiển nhiên là sự chú ý không có duyên cớ, không có đối tượng, không có đồ chơi, không có tranh đấu, không có ngôn từ

1. motive.

diễn đạt. Đó là sự chú ý đích thực. Nơi nào có sự chú ý thì nơi đó là thực tại.

“Nhưng thật là bất khả lúc nào cũng có một sự chú ý như thế”, anh kêu lên. “Nếu làm được thì không còn vấn đề gì nữa”.

Mọi dạng khác của “sự chú ý” đều chỉ gây thêm vấn đề, không phải sao?

“Tôi thấy đúng thế, nhưng ta làm được gì?”.

Khi anh đã thấy mọi sự tập trung lên đồ chơi, mọi hành động xuất phát từ duyên cớ, bất cứ điều gì, chỉ gây thêm nguy hại và khốn khổ, thì khi nhìn cái hư vọng này sẽ thấy sự thực; và sự thực sẽ có hành động riêng của nó. Tất cả điều này chính là thiền định.

“Nếu được phép, thưa ông, thì tôi xin nói là đã chân thành lắng nghe và đã hiểu một cách thực sự nhiều điều ông đã giải thích. Điều đã được thấu hiểu sẽ có hệ quả của nó, không cần sự can thiệp của tôi. Hy vọng sẽ còn có dịp gặp ông lần nữa”.

CUỐI ĐỜI NHÌN LẠI

Trong hai thập niên cuối cùng của đời mình, Krishnamurti tiếp tục chia thời giờ cho Ấn Độ, châu Âu và châu Mỹ; ông nói chuyện trước công chúng, nói chuyện trong nhóm nhỏ và gặp nhiều cá nhân. Một dấu ấn quan trọng là các cuộc gặp gỡ tại Saanen, Thụy Sĩ. Được thực hiện suốt hai mươi lăm năm, các buổi này có lẽ là tiêu điểm quan trọng nhất của công trình mang tính quốc tế của ông.

Cuộc đời Krishnamurti với trên sáu mươi năm luôn luôn xuất hiện trước công chúng; chỉ trừ một giai đoạn ngắn bị đau ốm và nghỉ dưỡng sức, các cuộc nói chuyện và gặp gỡ của ông tiếp diễn cho tới ngày mất tại Ojai, California, vào tháng Hai năm 1986. Trong mọi thời kỳ, thông điệp của ông chủ yếu là điều mà ông đã nói trong những năm xưa: “Chân lý là mảnh đất không có đường đến”; mỗi chúng ta đại diện cho toàn thể loài người và mỗi người phải tự là ánh sáng soi đường cho mình đi, thoát khỏi mọi thẩm quyền. Để trao truyền thông điệp đó, Krishnamurti đã giảng giải các đề tài không hề thay đổi như về tư tưởng, thời gian, khổ, cái chết, không gian, sự tĩnh lặng và sự thiêng liêng. Trong các bài giảng cũng như bài viết, ông có nhắc đến – có khi có vẻ miễn cưỡng vì sợ rằng người ta hiểu sai – nguồn suối nội tại của việc làm đời mình.

Krishnamurti có một văn phong tôn giáo hết sức phù hợp với thế kỷ hai mươi. Trải rộng từ nét nền thơ đến độ chính xác một cách tỉ mỉ, văn phong này chuyển tải những tầm nhìn và những dạng biến thiên khác nhau của chúng, mà ngôn ngữ đạo học trước đây không thể phù hợp. Từ đầu cuộc đời cho đến lúc cuối, những bài nói chuyện của ông – thật đáng chú ý về qui mô và mức độ bao quát – luôn luôn là một quá trình bàn bạc chung.

Khi Mary Lutyens, một trong những người viết lại tiểu sử của Krishnamurti, xin ông cho biết cốt tủy của giáo pháp mình thì ông nhận lời và cho một trang đúc kết “Cốt tủy của giáo pháp *Krishnamurti*”¹, và trang này sẽ bắt đầu phần cuối của cuốn sách này. Sau đó là những bài giảng tại Ojai, California; Saanen, Thụy Sĩ; Brockwood Park, Anh; New Delhi, Ấn Độ.

Phần này của cuốn sách thể hiện công trình của thập niên cuối cùng của cuộc đời ông. Những đề tài này cũng chính là những đề tài của buổi ban đầu, ở đây chỉ có một sự chuyển biến về cách phát biểu, điều này xác nhận lại tầm quan trọng của giáo pháp Krishnamurti trong suốt cả thời gian của ông.

1 The core of Krishnamurti's Teaching.

CỐT TỦY CỦA GIÁO PHÁP KRISHNAMURTI

Cốt tủy của giáo pháp Krishnamurti hàm chứa trong tuyên bố của ông năm 1929 khi ông nói: “Chân lý là mảnh đất không có đường đến”¹. Người ta không thể đến đó thông qua tổ chức nào, thông qua niềm tin nào, thông qua giáo điều nào, tu sĩ hay lễ nghi, cũng chẳng thông qua tri kiến triết học hay kỹ thuật tâm lý nào cả. Con người phải tìm thấy nó nhờ tấm gương của mối liên hệ, nhờ sự thấu hiểu nội dung của chính tâm thức mình, nhờ quan sát nhưng lại không bằng phép phân tích của trí năng hay sự chia chẻ nội tâm. Con người đã xây dựng trong tâm mình nhiều hình tượng để được cảm giác an toàn, những hình tượng có tính chất tôn giáo, chính trị hay cá nhân. Điều này biểu hiện ra ngoài thành biểu tượng, ý niệm, niềm tin. Gánh nặng của những thứ này chế ngự trong cách tư duy, trong các mối quan hệ cũng như trong đời sống hằng ngày của con người. Những điều đó chính là nguyên nhân của các vấn nạn của chúng ta, tại vì chúng chia cắt người và người trong mọi mối liên

1 Xin xem chương đầu tiên, tại đó câu “Truth is a pathless land” được phỏng dịch là “Đạo khả đạo, phi thường đạo” (ND).

hệ. Cách cảm nhận của con người về cuộc sống đã được hình thành bởi những chủ trương vốn định hình trong tâm não của con người. Nội dung của ý thức con người chính là ý thức đó. Nội dung này là chung cho tất cả loài người. Cá thể riêng lẻ chỉ là danh xưng, là hình dạng và là lớp văn hóa nông cạn mà con người thu được từ môi trường xung quanh. Tính chất vô song của mỗi cá thể không nằm trong cái nông cạn đó mà trong sự tự do hoàn toàn từ nội dung của ý thức.

Sự tự do không phải là một phản ứng; tự do không phải là sự chọn lựa. Con người làm như thế mình có tự do khi nó được chọn lựa. Tự do là sự quan sát thuần túy vắng bóng một ý định; tự do không phải nằm ở đầu cuối của sự tiến hóa mà là bước đầu tiên của sự hiện hữu của con người. Qua quan sát, người ta bắt đầu phát giác mình thiếu sự tự do. Trong cuộc sống hàng ngày, tự do được tìm thấy trong sự tỉnh giác vắng bóng cái lựa chọn dẫn đo.

Tư tưởng chính là thời gian. Tư tưởng do kinh nghiệm, do tri thức sinh ra, những thứ đó không rời khỏi thời gian. Thời gian là kẻ thù nội tâm của con người. Mọi hành động của chúng ta đều dựa trên tri thức và do đó trên thời gian, thành thử con người luôn luôn là nô lệ của quá khứ.

Khi con người bắt đầu ý thức về sự vận động của chính ý thức mình, con người sẽ thấy sự cách ly giữa người tư duy và tư tưởng, người quan sát và vật bị quan sát, người chứng nghiệm và kinh nghiệm. Con người sẽ phát hiện sự cách ly đó là một vọng tưởng. Lúc đó thì sẽ có sự quan sát thuần túy, đó sẽ là một cái nhìn không vướng chút bóng tối nào

của quá khứ. Tầm nhìn phi thời gian này sẽ sinh ra một sự thay đổi toàn triệt trong tâm.

Sự phủ định hoàn toàn là cốt tủy của sự khẳng định. Khi phủ định tất cả những điều mà không phải là lòng thương yêu – như dục lạc, vui thú – thì sẽ xuất hiện lòng thương yêu với lòng từ bi và trí thông minh của nó.

London, 21.10.1980

HÀNH ĐỘNG TOÀN DIỆN, ĐỪNG TIẾC NUỐI

1.

Tư tưởng đã xây dựng nên thế giới này, thế giới của chính trị, của kinh tế, của kinh doanh, của đạo đức xã hội và của tất cả mọi cơ chế tôn giáo. Tất cả mọi vấn nạn và mọi mong ước tìm giải pháp cho những vấn nạn đó đều nằm trong loại ý thức này, nằm trong phạm vi mà tư tưởng đã bày ra. Thế nên tư tưởng cũng cố tìm những câu trả lời cho sự rối loạn được sinh ra trong mối quan hệ cá nhân giữa chúng ta, quan hệ của chúng ta với cộng đồng. Ngay cả buổi thiền định của bạn, ngay cả Thượng đế của bạn, Chúa của bạn, Phật của bạn cũng là sáng tạo của tư tưởng, mà tư tưởng là một thứ chỉ có thể vận hành trong phạm vi của thời gian. Chúng ta cho rằng nhờ tư tưởng, nhờ ý chí, nhờ ước vọng, nhờ động cơ và sự quyết tâm, nhờ sự thay thế truyền thống cũ bằng các tôn giáo mới, chúng ta sẽ giải quyết được các vấn đề của quan hệ giữa con người.

Phải chăng sẽ có một giải pháp cho các vấn đề đó nhờ hoạt động của tư tưởng? Nếu tư tưởng không giải quyết được các vấn đề này thì cái gì mới làm được?

Ý thức là gì? Vận hành của tư tưởng là gì? Tất cả mọi phép thiền định của bạn đều nằm trong ý thức; tất cả mọi tầm cầu của bạn hướng về sự vui thích, tất cả mọi lo sợ, ham muốn, thèm khát, bạo lực đều nằm trong ý thức cả. Và tư tưởng thì cố gắng vượt lên ý thức, tìm đến cái bất khả tư nghì, cái không thể đặt tên, cái không thể biết được. Nội dung của ý thức là ý thức. Ý thức của bạn hay ý thức của người khác chính là nội dung của nó¹. Nếu bạn được sinh ra tại Ấn Độ, thì tất cả truyền thống, mê tín, hy vọng, sợ hãi, lo âu, phiền muộn, lòng bạo lực, sự đòi hỏi tình dục, tâm lý xâm lược, các niềm tin, các giáo điều, các tín ngưỡng của xứ sở này là nội dung của ý thức đó. Thế nhưng nội dung của ý thức thì hết sức tương tự như nhau, dù người ta sinh ở phương Đông hay phương Tây.

Hãy nhìn ý thức của chính bạn, nếu bạn làm được. Nếu bạn sinh ra trong văn hóa tôn giáo của Kitô giáo, thì một mặt bạn sẽ tin nơi các vị cứu tinh, lễ nghi tôn giáo, tín ngưỡng, giáo điều; mặt khác lại chấp nhận sự suy đồi của xã hội, chiến tranh, đầu óc quốc gia và sự phân biệt chia cắt, những điều hạn chế sự phát triển kinh tế và chúng ngăn

1. Nội dung của ý thức chính là ý thức. Điều này sẽ được tác giả nhắc lại nhiều lần trong tác phẩm này. Với ý này tác giả muốn bác bỏ ý niệm của nhiều người, họ xem ý thức như là một bình chứa và nội dung ý thức là vật được chứa trong đó. Krishnamurti cho thấy không có bình chứa; nội dung của ý thức chính là ý thức, không có nội dung ý thức thì không có ý thức. Tư tưởng này của tác giả chính là tư tưởng vô ngã. Đó là con người chính là tập hợp của những hoạt động của chính nó, không có một chủ thể làm chủ các hoạt động đó. Không có hoạt động, không có các trạng thái tâm lý liên tục xếp bên nhau thì cũng chẳng có con người (ND).

không cho bạn quan tâm đến những cái khác. Nội dung của ý thức bạn chính là niềm đau khổ riêng tư của bạn, lòng ước vọng, lòng lo sợ, lòng ham muốn, óc chiếm đoạt, sự đòi hỏi, nỗi cô đơn, lòng phiền muộn, sự thiếu vắng mối quan hệ với kẻ khác, tình trạng bị cô lập, lòng thất vọng, sự hoang mang, sự khốn khổ. Tất cả những điều đó đều là ý thức dù bạn sinh ở phương Đông hay Tây – với sự biến thiên, với vui buồn, với nhiều hay ít kiến thức. Không có nội dung đó thì cũng không có ý thức như ta thường hiểu.

Tất cả mọi giáo dục đào tạo đều dựa trên sự tích lũy thêm kiến thức, thêm thông tin, nhưng chúng cũng chỉ vận hành trong phạm vi nói trên. Mọi sự cải tổ chính trị dựa trên một quan niệm mới cũng chỉ là một sự phát minh nằm trong lòng phạm vi này. Thế nên con người cũng lại đau khổ, lại lo âu, lại cô đơn, lại sợ hãi về cái chết cũng như cái sống, lại hy vọng có một đấng giáo chủ nào ra đời để giải thoát họ ra khỏi khốn khổ, một vị cứu tinh mới, một chính khách mới. Trong sự tuyệt vọng này chúng ta lại vô trách nhiệm, từ sự hỗn loạn của chính mình mà tạo tác ra những bạo chúa, hy vọng họ sẽ đem lại trật tự trong phạm vi này. Đó là những điều xảy ra bên ngoài chúng ta nhưng cũng là ở bên trong. Tất cả những nhà lãnh đạo mà mình chọn đều giống chính mình; chúng ta không hề lựa chọn những ai khác hẳn với mình. Đó là bức tranh thực sự của cuộc đời chúng ta; mỗi tranh chấp bên trong và bên ngoài, tranh giành, đối lập lẫn nhau, một sự ích kỷ khủng khiếp.

Khi có quá nhiều phiền muộn trên thế giới thì thật là cần

thiết phải tìm hiểu cho chính mình – bằng cách nghiên cứu thân trọng, chậm rãi, kiên nhẫn, từng bước – liệu có một giải pháp khác cho các vấn nạn này ngoài cách sử dụng tư tưởng. Có một hành động nào mà không dựa trên tư tưởng không? Có một trí thông minh nào mà nó không phải là kết quả của tư tưởng, nó không do tư tưởng dựng nên, nó không do sự lấu cá, không do cạnh tranh hay giành giật mà do một cái gì hoàn toàn khác hẳn?

Muốn trao đổi, người ta không phải chỉ lắng tai nghe người đang nói mà lắng nghe cả chính hành động lắng nghe. Người ta lắng nghe như thế nào? Người ta có thực sự lắng nghe không? Con người có tự do¹ để nghe không, hay nó cứ luôn luôn nghe với sự vận hành ranh mãnh của tư tưởng, với sự diễn dịch hay thành kiến riêng? Người ta phải lắng nghe, nếu con người tự do, nghe cái nội dung của ý thức của một người, không phải chỉ nghe những điều ngoài bề mặt vốn khá đơn giản, mà là nghe ở các tầng sâu kín hơn của nó. Đó là nghĩa của sự lắng nghe cái toàn diện của ý thức.

Làm sao ta lắng nghe và nhìn thấy ý thức của một người?

Người đang nói được sinh ra với tính cách là một người Bà-la-môn trong một xứ sở, nơi người đó thu nhận mọi thành kiến, mọi điều phi lý và mê tín, mọi niềm tin, sự phân biệt

1. Tác giả dùng từ "tự do" (free) để nói ý không bị ràng buộc, không bị qui định bởi thành kiến, giáo điều, bởi tư tưởng, bởi tri thức, bởi quá khứ của người nghe khi nghe người khác nói. Nội dung này của "tự do" là nội dung xuyên suốt tác phẩm này khi tác giả nói về "tự do". Vì thế có lúc "tự do" cũng đồng nghĩa với "tự tại", "giải thoát" hay cả "giác ngộ" (ND).

giai cấp. Nơi đó tâm hồn non nớt nọ thu nạp truyền thống, lễ nghi, tính chất giáo điều cao độ và kỷ luật kỳ lạ do chính giai cấp mình đặt định nên. Thế rồi anh đến phương Tây và lần nữa, anh ta lại thu nạp mọi thứ từ đó. Nội dung ý thức của anh là tất cả những gì được thu nạp, tất cả những gì anh đã học, chính là tư tưởng và cảm xúc của anh. Đó chính là nội dung, là ý thức của con người đó. Chính trong phạm vi này mà anh có mọi vấn nạn về chính trị, tôn giáo, về bản thân anh, về cộng đồng. Tất cả vấn nạn nằm nơi đó. Vì tự mình không giải quyết được, anh tìm đọc sách vở, tìm nơi người khác, hỏi họ phải nên làm như thế nào, nên thiên định ra sao, giải quyết làm sao mối quan hệ với vợ, với bạn gái, với cha mẹ. Anh có nên tin Chúa, tin Phật hay tin một vị thầy mới mẻ, người đến với anh và mang theo một loạt chuyện vớ vẩn? Anh đang tìm một triết lý sống mới, một quan niệm chính trị mới, vân vân..., tất cả đều nằm trong phạm vi đó.

Con người đã làm điều này từ thời kỳ vô thủy nhưng trong phạm vi (của tư tưởng) này thì không thể có giải pháp. Bạn có thể thiên định hàng giờ, ngồi trong một thế ngồi nhất định, thở theo một cách đặc biệt, nhưng bạn vẫn nằm trong phạm vi này, lý do là tại vì bạn muốn một cái gì đó với việc thiên định của bạn.

Như thế mà có cái nội dung này của ý thức: cùn nhụt, ngu xuẩn, tư duy truyền thống, xem tất cả là cảm xúc của nó. Tất cả đều chỉ là tư tưởng, nó là hệ quả của ký ức, kiến thức và của kinh nghiệm. Thế thì tâm có thể quan sát được tư

tưởng không? Bạn có thể quan sát được sự vận hành của tư tưởng không?

Khi bạn nhìn xem, ai là người quan sát, kẻ đang nhìn nội dung của ý thức? Nó có khác với nội dung đó không? Đây thật là một câu hỏi rất quan trọng cần nêu lên và cần tìm ra câu trả lời. Người quan sát có khác với nội dung không và chỉ như thế mới có thể hy vọng thay đổi được nội dung và vượt lên nội dung? Hay người quan sát chính là nội dung? Hãy xem! Nếu người quan sát – cái “tôi” đang nhìn ngó – khác với vật được quan sát thì sẽ có một sự phân biệt giữa người quan sát và vật được quan sát và do đó có tranh chấp: “Tôi không được làm thế này, tôi phải làm thế kia”; “Tôi phải bỏ thành kiến này” và tôi sẽ nhận lấy một thành kiến mới; “Tôi phải bỏ Thượng đế này” và tôi sẽ có một Thượng đế mới. Thế nên nếu có sự phân biệt giữa người quan sát và vật bị quan sát thì sẽ có tranh chấp. Đó là một nguyên lý, một qui luật. Thế thì phải chăng tôi quan sát nội dung của ý thức tôi như thế là một kẻ đứng ngoài, thêm vật này, đẩy vật kia đi chỗ khác? Hay tôi là người quan sát, người suy tư, người chứng nghiệm và cũng chính là vật được quan sát, được chứng nghiệm, được suy tư?

Nếu tôi nhìn nội dung của ý thức tôi như một kẻ quan sát đứng ngoài thì phải có tranh chấp giữa vật bị quan sát và người quan sát. Phải có tranh chấp và chúng ta sống trong sự tranh chấp đó, cái tôi và cái không phải là tôi, “chúng tôi” và “người khác”. Nếu tôi khác với cơ giận thì tôi sẽ tìm cách kiểm chế nó, đè nén, chế ngự, thống trị nó và như

thế là có tranh chấp. Nhưng người quan sát có khác không? Hay nó chủ yếu chính là một với vật được quan sát. Sự thấu hiểu điều này là trí thông minh¹. Lúc đó thì trí thông minh vận hành còn mỗi tranh chấp thì không.

Thật là ngàn lần đáng tiếc nếu bạn không hiểu điều đơn giản này. Con người sống trong tranh chấp. Nó muốn được hòa bình thông qua tranh chấp. Và không bao giờ có hòa bình thông qua tranh chấp; dù cho bạn có nhiều lực lượng chống lại một lực lượng cũng mạnh mẽ khác, không bao giờ có hòa bình. Chỉ khi nào trí thông minh vận hành thì mới có hòa bình, trí thông minh sẽ đến khi người ta thấu hiểu không có sự phân biệt nào giữa người quan sát và vật bị quan sát. Khi có tri kiến thấy được sự thật này, thấy chân lý đích thực này, thì tri kiến đó sẽ mang lại trí thông minh.

Đây là một điều rất nghiêm trọng vì sau đó thì bạn thấy mình không có quốc tịch; bạn có thể có giấy thông hành nhưng bạn không có quốc tịch. Bạn không có Thượng đế. Sẽ không có một quyền lực bên ngoài lẫn thẩm quyền bên trong. Thẩm quyền duy nhất lúc đó là trí thông minh. Nó không phải là trí thông minh lấu cá của tư tưởng vốn chỉ là kiến thức vận hành trong một phạm vi nhất định, và đó không phải là trí thông minh.

Thế nên đây là điều đầu tiên phải hiểu khi bạn nhìn vào ý thức mình: sự phân biệt giữa người suy tư và tư tưởng, giữa

1. intelligence. Với ý nghĩa trong tác phẩm này thì từ intelligence của tác giả cũng có thể được dịch là "tuệ giác". Tác giả còn nhắc nhiều lần đến "trí thông minh" với ý nghĩa đặc biệt này (ND).

người quan sát và vật được quan sát, giữa người chứng nghiệm và điều được chứng nghiệm là sai lầm, vì lẽ tất cả chúng đều là một. Không có người suy tư nếu bạn không suy nghĩ. Tư tưởng đã tạo nên người suy tư. Đó là điều đầu tiên phải hiểu thì mới có một trực quan thấy sự thật, nhìn thấy sự kiện rõ ràng như bạn bằng xương bằng thịt đang ngồi nơi đây, rằng không có sự khác nhau giữa người quan sát và vật bị quan sát.

Thế thì cái gì là nội dung của ý thức bạn, cái ẩn khuất lẫn cái phơi bày? Bạn có thể nhìn thấy không – và đừng dụng công gì cả?

Bạn có thể tìm thấy nó, không phải bằng cách ngồi một chỗ, mà trong các mối quan hệ của bạn. Đó chính là tấm gương mà trong đó bạn có thể thấy, không phải bằng cách nhắm nghiền đôi mắt hay bằng cách đi dạo trong rừng hay tư tưởng theo những giấc mơ. Mà trong các mối liên hệ đang có giữa bạn với đàn ông, đàn bà, với láng giềng, với nhà chính khách, với Thượng đế, đạo sư, bạn sẽ quan sát thấy phản ứng của mình, thái độ, thành kiến, ý hướng của mình, sự dò dẫm liên tục của mình. Nội dung (của ý thức) là nơi đó. Những gì bạn đang làm chỉ là sự cần mẫn cày bừa và bạn chỉ có thể gieo hạt khi đã quan sát mối liên hệ của bạn và thấy rõ điều gì hiện đang xảy ra. Bạn có thể xét bao lâu cũng được và bắt đầu phân biệt các tính chất và khuynh hướng khác nhau, thế nhưng nếu bạn thấy người quan sát và vật được quan sát khác nhau thì nhất định bạn sẽ tạo nên tranh chấp; và do đó mà đau khổ. Nếu bạn có nội quán,

thấy được sự thật là người quan sát chính là vật được quan sát thì mỗi tranh chấp ngưng bất. Lúc đó thì có một dạng năng lượng hoàn toàn khác sẽ vận hành.

Có nhiều dạng năng lượng khác nhau. Có thứ năng lượng vật chất nhờ thực phẩm bổ dưỡng; có năng lượng được sinh ra bởi sự vận động cảm tính, bởi lòng cảm xúc; có năng lượng sinh ra bởi tư tưởng thông qua các tranh chấp và mức căng thẳng khác nhau. Chúng ta sống trong phạm vi này của năng lượng và chúng ta vẫn cố tìm kiếm năng lượng lớn hơn nữa, cũng trong phạm vi này, để giải quyết các vấn đề của chúng ta. Thế nhưng có một dạng năng lượng khác, hay có sự tiếp nối của năng lượng này nhưng trong một dạng hoàn toàn khác, khi tâm thức vận hành một cách toàn triệt, không vận hành trong phạm vi của tư tưởng mà vận hành một cách thông minh.

Liệu tâm có thể quan sát nội dung của nó mà không hề chọn lọc nội dung nào, không lựa ra phần nào của nội dung, không lấy riêng mảnh vụn nào, mà quan sát một cách toàn thể được không? Thế thì, làm sao có thể quan sát một cách toàn thể? Khi tôi từ Anh đến, qua eo biển và nhìn một tấm bản đồ nước Pháp, tôi thấy con đường dẫn đến Gstaad¹. Tôi có thể thấy đường dài bao nhiêu dặm, có thể thấy hướng đi. Tất cả những thứ đó rất đơn giản vì nó đã được ghi trên bản đồ và tôi chỉ việc đi theo. Khi làm như thế thì tôi không nhìn đến các phần khác của tấm bản đồ; tôi biết rõ hướng mình phải đi và hướng đi đó loại bỏ mọi con đường khác.

1. Một thành phố du lịch nổi tiếng tại Thụy Sĩ (ND).

Cũng tương tự thế, một tâm thức chỉ biết tìm một hướng cho sẵn thì sẽ không thấy cái toàn thể. Nếu tôi muốn tìm một vật mà tôi cho là có thực thì hướng đi đã bị định đoạt và tôi sẽ cứ theo hướng đó và tâm sẽ không sao thấy được cái toàn thể. Bây giờ, khi tôi nhìn nội dung của ý thức mình, mà nó thì cũng như nội dung của bạn, tôi đã đặt định một phương hướng rồi – đó là tìm cách vượt lên khỏi nó¹. Một sự vận động trong một phương hướng riêng biệt, tìm kiếm một thú vui nhất định, muốn làm điều nọ hoặc điều kia, sự vận động đó chỉ làm cho ta không thể thấy cái toàn thể. Nếu tôi là nhà khoa học, tôi chỉ nhìn trong một phương hướng nhất định. Nếu tôi là nghệ nhân thì cũng thế. Nếu tôi có tài nghệ hay năng khiếu gì thì tôi cũng lại nhìn trong một hướng nhất định. Thế nên tâm không thể thấy cái toàn thể và sự mệnh mông của cái toàn thể nếu tâm có một sự vận động trong một hướng nhất định. Thế thì liệu tâm có thể không có hướng nào cả chăng?

Đây là một câu hỏi khó. Xin hãy nghe kỹ. Dĩ nhiên tâm phải có phương hướng khi tôi đi từ đây về nhà hay khi lái xe, hay khi tôi phải làm một công việc gì đó có tính cách kỹ thuật; nhưng ở đây tôi đang nói về một cái tâm, tâm đó hiểu tính chất của phương hướng và do đó mà đủ khả năng thấy cái toàn thể. Khi nó thấy cái toàn thể rồi, lúc đó nó có thể vận hành theo phương hướng. Nếu tôi đã thấy toàn cảnh trong tâm thì tôi có thể nắm lấy nó trong chi tiết; thế

1. Nhiều người tâm dao khi gặp Krishnamurti đều đặt câu hỏi làm sao "vượt lên được cái tâm thế tục này" (ND).

nhưng nếu tâm tôi chỉ vận hành trong chi tiết, tôi không thể nắm bắt cái toàn thể. Nếu tôi quan tâm đến các ý kiến của mình, đến lo âu, đến những gì tôi muốn làm, đến những gì tôi phải làm, tôi không thể thấy cái toàn thể. Rõ thôi. Nếu tôi từ Ấn Độ đến với mọi thành kiến, mọi mê tín và mọi truyền thống, tôi không thể thấy cái toàn thể. Tâm có thể thoát khỏi phương hướng không? Điều đó không có nghĩa nó không có phương hướng. Nếu nó vận hành từ cái toàn thể thì phương hướng trở nên rõ ràng, rất mạnh mẽ và có hiệu quả; nhưng nếu tâm chỉ vận hành trong một phương hướng, dựa trên một khuôn mẫu đã đặt định cho nó, thì nó không thể thấy cái toàn thể.

Đó là nội dung của ý thức tôi. Nội dung này làm nên ý thức tôi. Bây giờ, liệu tâm có thể thấy cái toàn thể không? Nó có thể chỉ nhìn mà không theo phương hướng nào, không có định kiến gì, không có lựa chọn gì không? Điều này có nghĩa hoàn toàn không có người quan sát, vì người quan sát là quá khứ. Tâm có thể nhìn với trí thông minh, loại trí không được xây nên bằng tư tưởng không? Vì rằng tư tưởng là quá khứ. Hãy làm thử đi. Nó đòi hỏi kỷ luật khủng khiếp lắm; không phải thứ kỷ luật của sự dè dặt, kiểm soát, bắt chước hay rập khuôn, mà kỷ luật chính là một hành động trong đó sự thật đã được nhận chân. Sự vận hành của chân lý sinh ra hành động của chính nó, mà đó chính là kỷ luật.

Liệu tâm của bạn có thể nhìn thấy nội dung của nó khi bạn nói chuyện với người khác, trong cử chỉ của bạn, trong cách bạn đi, bạn ngồi, bạn ăn, trong thái độ của bạn? Thái

độ của bạn biểu thị nội dung của ý thức bạn, dù bạn đang ứng xử với một niềm vui, với một thành tích, hay về một nỗi đau, chúng đều là một phần của ý thức bạn. Nhà tâm lý cho rằng, tới nay thì con người vốn được giáo dục dựa trên nguyên lý của trừng phạt hay ân thưởng, thiên đường hay địa ngục. Bây giờ thì họ nói chúng ta chỉ nên được giáo dục dựa trên nguyên lý của sự ân thưởng thôi, chúng ta không nên bị trừng phạt nữa mà chỉ nên được tưởng thưởng thôi – điều mà kỳ thực chỉ là một cái. Khi thấy sự vô nghĩa của trừng phạt và ân thưởng ta sẽ thấy cái toàn thể. Một khi bạn thấy cái toàn thể thì trí thông minh sẽ vận hành trong mọi hành động và lúc đó thì bạn không hành xử theo ân thưởng hay trừng phạt.

Thái độ của bạn biểu thị nội dung của ý thức bạn. Bạn có thể núp sau một thái độ lễ phép, một thái độ được tập luyện rất công phu, nhưng thái độ đó chỉ có tính cách máy móc: Từ đây xuất phát một câu hỏi khác: phải chăng tâm là một cái gì hoàn toàn máy móc hay có một phần nào đó của bộ não không hề có tính chất máy móc?

Hãy đúc kết lại những gì đã nói: Bên ngoài chúng ta, trong thế giới chính trị, kinh tế, tôn giáo, xã hội, vân vân..., loài người đang tìm kiếm. Có thần thánh mới, có đạo sư mới, có lãnh tụ mới. Nếu bạn nhìn thật rõ, bạn sẽ thấy người ta đang vận hành trong phạm vi của tư tưởng. Tư tưởng thì chủ yếu không bao giờ tự do. Tư tưởng luôn luôn cũ vì tư tưởng là câu trả lời của ký ức bằng kiến thức và kinh nghiệm. Tư tưởng là vật chất. Đó là một thế giới vật chất và tư tưởng

tìm cách trốn thoát khỏi thế giới vật chất, tìm đến một thế giới phi vật chất. Thế nhưng tìm cách trốn đến một thế giới phi vật chất bằng tư tưởng thì vẫn còn là vật chất. Chúng ta có mọi vấn đề thuộc về đạo đức, xã hội và kinh tế của mỗi cá thể và của tập thể. Cá thể là phần chủ yếu, phần thực chất của tập thể. Cá thể không hề khác với tập thể; nó có thể có những khuynh hướng khác, quan tâm khác, tính khí khác v.v... nhưng vẫn là phần nội tại của nền văn hóa mà đó chính là xã hội.

Đó là những thực tế đang xảy ra bên ngoài xung quanh chúng ta. Thực tế xảy ra bên trong chúng ta cũng rất giống như thế. Chúng ta đang tìm một câu trả lời cho các vấn đề lớn của cõi nhân sinh bằng cách sử dụng tư tưởng – tư tưởng mà người Hy Lạp đã xây dựng nên cho phương Tây, với quan niệm chính trị, với lý thuyết toán học... của họ. Tư tưởng không tìm ra được một câu trả lời và sẽ không bao giờ tìm được. Thế nên chúng ta phải đi vào toàn bộ cấu trúc của tư tưởng và nội dung của cái được gọi là ý thức. Chúng ta phải quan sát cách vận hành của tư tưởng trong các môi tương quan, trong đời sống hàng ngày của chúng ta. Sự quan sát này cần có một kiến giải là, phải chăng người quan sát khác với vật được quan sát, bởi vì nếu khác thật thì tất phải có mâu thuẫn, điều phải có giữa hai hệ ý thức. Hệ ý thức chính là những phát minh sáng tác của tư tưởng, nó vốn bị qui định bởi nền văn hóa mà trong đó nó đã hình thành.

Thế thì trong đời sống hàng ngày, bạn có thể quan sát điều này chăng? Trong khi quan sát như thế bạn sẽ xác nhận

thái độ của mình, liệu nó có được đặt trên nền tảng của sự thưởng phạt không, điều mà phần lớn các bạn đều mắc phải, dù thái độ đó có lịch sự hay khéo léo đến mấy cũng thế thôi. Xuất phát từ sự quan sát này, người ta bắt đầu hiểu thế nào là trí thông minh đích thực. Không phải thứ thông minh tìm kiếm được từ một cuốn sách, hay bằng kinh nghiệm; các thứ đó không hề là trí thông minh gì cả. Trí thông minh hoàn toàn không dính dáng gì đến tư tưởng. Trí thông minh vận hành khi tâm thức thấy cái toàn thể, cái toàn thể bất tận – không phải là xứ sở của tôi, vấn đề của tôi, các thần thánh bé bỏng của tôi, các phép thiên định của tôi. Mà nó thấy cái toàn thể của sự sống. Và mức độ này của thông minh thì chứa đựng một thứ năng lượng to lớn riêng của nó.

Saanen, 14.7.1974

2

Ta đã nói rằng thế giới bên ngoài và bên trong của chúng ta đang ở trong một tình trạng rối loạn và các nhà chính trị, các vị lãnh đạo, các giáo sĩ đang tìm cách giải quyết vấn đề bằng tư tưởng. Điều này đã diễn ra từ thế kỷ này qua thế kỷ khác. Thế nhưng người ta thấy vấn nạn này vẫn tiếp diễn: còn mãi những cuộc chiến vô tận, chính quyền tham nhũng không nhiều thì ít, các nhà chính trị phải chịu khom lưng; và mọi ý thức hệ, mọi hệ thống lại đóng vai trò của đạo đức lẫn trí tuệ. Như thế, một cách khách quan không định kiến, không thiên vị vì ý thức hệ nào, ta thấy rõ tư

tưởng có tính cách chia cắt và sự xuất sắc trong tư tưởng không nhất thiết là cao đẹp trong phương diện đạo lý.

Chúng ta thì quan tâm đến những điều mà ta phải hiểu cho thấu, phải xem xét hết sức sâu sắc, bằng phương tiện ngôn ngữ hay phi ngôn ngữ. Điều này đòi hỏi chúng ta hết sức cẩn trọng, phải có thiện chí và sự nghiêm túc, sự cảm nhận về một mối liên hệ thân thiết giữa mỗi người với nhau. Nó đòi hỏi bạn và tôi cùng nhau chia sẻ việc này. Bạn chia sẻ nó không phải bằng cách lắng nghe một loạt ngôn từ, ý niệm hay chủ trương – vì vấn đề không phải là đồng ý hay không đồng ý về một số ý niệm hay chủ trương – mà thực sự nhập cuộc với một trái tim trọn vẹn, với tất cả tâm thức mình, năng lực của mình. Một mối quan tâm và sự dấn thân như thế cho thấy một lòng tha thiết to lớn, không phải chỉ về nguồn gốc của tư tưởng và cái tai hại của nó, mà cả về nguồn gốc của hành động. .

Chúng ta sống bằng hành động; có lẽ chúng ta không thể né tránh hành động. Bạn có thể rút lui khỏi thế gian về sống trong một tu viện, lập thệ nguyện, nhưng đó vẫn là hành động. Có thể bạn chuyên trong một lĩnh vực đặc biệt, nó tạo cơ hội cho tài năng và sự nghiệp của bạn, đó cũng là hành động. Hành động cũng nằm trong mối liên hệ giữa bạn và người. Đời sống vận động được chính là do hành động.

Trong mọi nền văn minh hiện nay thì tư tưởng sản sinh ra hành động, mà hành động thì mâu thuẫn lẫn nhau, sinh ra tranh chấp, đối lập; và do đó mà gây nên biết bao tai hại và bất hạnh to lớn. Phải chăng hề có sự toàn hảo trong

tư tưởng thì sẽ có toàn hảo trong hành động? Hay luôn luôn có tranh chấp, mỗi khi tư tưởng dẫn đến hành động? Đó là cuộc đời của bạn và nếu bạn đã hiểu đời mình, thái độ của mình, đạo đức của mình, mối liên hệ của mình, sự thất vọng của mình để tìm cách làm sao cho hành động đều toàn hảo trong mọi mức độ thì lúc đó bạn sẽ phải hỏi liệu có một hành động nào mà không do tư tưởng chấp vá nên không. Tư tưởng vốn hết sức chấp vá ngay trong tự tính của nó, thế mà bạn tìm cách thông qua tư tưởng để tìm một hành động không có mâu thuẫn trên mọi bình diện, không bị hối tiếc, tìm một hành động toàn vẹn, tổng quát, toàn thể. Thế nhưng ta vẫn hỏi liệu có một hành động nào tối hoàn hảo mà không dựa trên sự vận động của tư tưởng?

Tại sao tư tưởng – dựa trên nó mà ta sống, tùy vào nó mà ta xây dựng đạo đức xã hội – lại có tính chất chia cắt? Tư tưởng là vật chất¹. Tư tưởng là câu trả lời của quá khứ. Nó sinh ra sự vận hành của thời gian để thành hôm qua, hôm nay và ngày mai. Tư tưởng có suối nguồn và gốc rễ trong quá khứ và vì có gốc rễ trong quá khứ nó phải tạo dựng thời gian làm sự vận động. Với tính chất riêng của nó, với chức năng và cấu trúc của nó, người ta thấy tư tưởng tồn tại chủ yếu là nhờ quá khứ. Tư tưởng sống trong truyền thống, trong kiến thức được tập thể tích lũy và bằng tất cả những kiến thức khoa học được tập hợp lại, tất cả đều từ quá khứ cả. Vì thế nó phải có tính chia cắt¹. Nó có thể tự quả quyết,

1. "Tư tưởng là vật chất" (thought is matter) là luận điểm quan trọng của tác giả, sẽ được trình bày rõ hơn trong phần 3 của chương này (ND).

hoặc tưởng tượng hoặc cảm nhận rằng nó siêu việt thời gian; nó có thể hình dung ra một trạng thái phi thời gian nhưng đó vẫn chỉ là tư tưởng. Nó có thể tự nói mình đã vượt qua giới hạn của chính mình, nhưng đó vẫn là tư tưởng. Nên tư tưởng tạo quanh mình một biên giới về thời gian và đó chính là yếu tố của sự chia cắt.

Tất cả chúng ta đều được nuôi dạy trong lĩnh vực của tư tưởng. Giáo dục là một sự vận hành trong tư tưởng, là sự tăng trưởng ngày càng nhiều của kiến thức, sự tinh tế hóa của tư duy. Vốn có tính chia cắt nên dù hành động gì do tư tưởng gây ra đều là sự chấp nối, đều gây nên tranh chấp. Đó là một nguyên lý. Như ta thấy trong lịch sử, con người sống trong một chuỗi dài của các cuộc khủng hoảng và các giải pháp cho chúng, bản thân các giải pháp đó lại buộc phải áp ủ thêm những mâu thuẫn mới. Ta thấy điều này trong thế giới hiện đại. Có một vấn nạn: tư tưởng tìm cách giải đáp cho nó và trong bản chất sâu xa của câu giải đáp thì lại sinh ra nhiều phức tạp hơn. Một quốc gia bán vũ khí cho một quốc gia khác và biết rõ rằng chúng chỉ gây thêm tai hại vân vân và vân vân...

Thế thì phải chăng tư tưởng có thể sinh ra một hành động toàn hảo, trọn vẹn, thánh thiện, không bị qui định? Đời sống

1. Tính chia cắt (divisive) cần được hiểu là sự đối lập với tính toàn thể (totality) của một trạng thái phi thường của tâm, một trạng thái nhất thể, phi thời gian của tâm giác ngộ. Vì phần lớn chúng ta không chúng nghiệm được tâm giác ngộ đó nên thường cũng không hiểu tại sao tư tưởng có tính chia cắt (ND).

chúng ta thật mâu thuẫn: chúng ta sống trên nhiều bình diện khác nhau – bình diện kinh doanh, bình diện gia đình, bình diện khoa học, bình diện tôn giáo hay bình diện nghệ thuật – mỗi bình diện lại đối lập với cái khác, mỗi mỗi đều được chuyên môn hóa trong một lĩnh vực riêng. Sự chuyên môn hóa đã trở thành món độc quyền; và vì thế mà sinh ra mâu thuẫn và có tính hủy hoại. Tư tưởng thì tìm cách toàn hảo trong hành động của mình nên hướng về sự chuyên môn hoá và sinh thêm các mối tranh chấp, thêm sự chia cắt. Mỗi sự chuyên môn đều có một mục đích riêng tư đầy tham lam; mỗi quá trình đều muốn có sự thừa nhận khen thưởng mà những thứ đó lại gây tranh chấp, đối lập với lòng ân cần, mối quan tâm, sự trọng thị, lòng yêu thương. Thấy như thế ta phải hỏi liệu có một hành động trọn vẹn, không do chấp vá mà thành, một hành động trong đó vắng bóng sự hối tiếc, không chứa đựng tâm thỏa mãn hay thất vọng.

Có hay không một hành động như thế? Đó là điều mà ta tự hỏi suốt cả đời, vì rằng bất cứ những gì ta làm cũng đều mang lại chút phiền muộn nhất định, một thất vọng nhất định hay một chút mãn nguyện nào đó khi theo đuổi những điều mà ta chỉ gây thêm sự chia cắt. Thế nên thật là hiển nhiên, thật có lý, thật không thể không hỏi, liệu có một hành động mà không xuất phát từ sự vận hành của tư tưởng không.

Bây giờ tôi sẽ đi vào một chuyện mà xem ra nó rất xa vời, nhưng thực tế là không. Ta cần có năng lượng. Ta có năng lượng vật lý, năng lượng của cảm xúc, năng lượng của hận thù, năng lượng của ái dục, năng lượng của niềm đam

mê, và năng lượng của sự bức xúc được sinh ra từ tâm tư thất vọng, từ sự chia cắt, từ sự thiếu vắng lòng mẫn nguyện. Và ta ngày càng già đi, thân thể ngày càng suy nhược, bệnh hoạn và đau đớn sẽ đến và năng lượng hao mòn dần. Phần lớn năng lượng của chúng ta đều là sản phẩm của sự tranh chấp – tôi thế này đây và tôi phải nên trở thành khác đi – hay là lòng lo sợ và thèm mong được giữ mãi một khuynh hướng có sẵn. Đó là thứ năng lượng được sinh ra từ sự thiết tha nơi một ý niệm, thí dụ một phong trào quốc tế nào đó chấp nhận hủy hoại hàng triệu người để đạt tới một điều mà họ cho là đúng. Điều này sinh ra một năng lượng khủng khiếp. Một vị thánh, người hiến mình cho một ý niệm, một hình ảnh, một tưởng tượng, một công thức, cũng có một năng lượng phi thường. Những người duy tâm có một năng lượng phi thường. Trong mọi sự chuyên môn hoá ta đều cần đến năng lượng. Bạn càng đi sâu vào chuyên môn, bạn càng cần nhiều năng lượng. Đó là điều mà ta không chỉ thấy nơi chính mình mà bên ngoài cũng thế.

Tư tưởng sinh ra năng lượng riêng của mình. Muốn sản xuất ra được một thiết bị kỳ diệu như chiếc tàu ngầm, người ta phải có năng lượng to lớn và sự hợp tác, thứ năng lượng được sinh ra do một ý niệm, do ý niệm được tổ chức. Và thứ năng lượng này – trong nghĩa sâu kín nhất của nó – là có tính hủy hoại, vì nó vốn chuyên chia cắt.

Thế thì có hay không một thứ năng lượng không hủy hoại, không chia cắt, không có tính cơ giới, không dựa trên một ý niệm hay không do lòng trung thành với một ý thức hệ?

Có thứ năng lượng nào hoàn toàn không liên quan tới lĩnh vực của thời gian, với vận động của tư tưởng không?

Sống là hành động. Trong bản thân cuộc sống thì mọi mối quan hệ là hành động, là vận động trong hành động. Và vận động này, hành động này đều dựa trên tư tưởng. Hiện nay, mọi đời sống chính trị, tôn giáo, xã hội và kinh tế cũng như mọi qui ước đạo đức đều dựa trên tư tưởng mà tư tưởng thì có tính chia cắt, mâu thuẫn và sinh ra khổ đau. Có một hành động nào hoàn toàn không liên quan tới những thứ đó? Muốn tìm ra nó ta phải có năng lượng. Không phải chỉ cần năng lượng tư duy thôi, với tất cả những kiến thức được tích lũy; cũng không phải năng lượng của cảm xúc, vốn cũng được tư tưởng nhận diện và vì thế cũng là một phần của tư tưởng, mà là một thứ năng lượng có thể sinh ra một sự chuyển hóa toàn diện trong bản thân quá trình của tâm thức. Muốn dò tìm một cách rất sâu sắc liệu có một hành động không do tư tưởng vận hành mà ra, bạn cần một lượng năng lượng to lớn, không phải năng lượng đi cầu tìm một mục đích, cũng không phải năng lượng mà bạn có lúc nhắm đến một chiều hướng đặc biệt mà thứ năng lượng có thể *thay đổi nội dung tâm thức* bạn.

Nói một cách khác, ta biết nội dung của tâm thức mình là gì – nếu ta tỉnh thức và tỉnh giác về mọi việc, biết rõ thái độ của chính mình, biết nhìn ngó, biết lắng nghe. Thế nhưng *ý muốn*¹ thay đổi nội dung đó thì lại là một sự vận

1 Sự dụng công, cố gắng, ý muốn, mục đích là trở ngại lớn nhất trong sự dò tìm chân lý. Đây là khó khăn và mâu thuẫn lớn nhất của vấn đề mà Krishnamurti sẽ còn đề cập nhiều lần. Điều này làm ta nhớ đến nội dung của tác phẩm "Thiền trong nghệ thuật bán cung" của Eugen Herrigel (ND).

động trong một hướng riêng. Điều này không mang lại năng lượng mà lại sinh ra chia cắt. Mặt khác người ta biết nội dung tâm thức phải hoàn toàn thay đổi vì người ta không thể đi lên với cái có sẵn trừ khi ta hủy diệt chính bản thân mình. Nội dung của ý thức chính là ý thức. Do đó khi có một sự chuyển hóa hoàn toàn của nội dung thì phải có một bình diện khác tham gia, điều mà tôi sẽ không gọi là ý thức nữa. Muốn điều thay đổi này xảy ra, ta cần một năng lượng to lớn.

Thế nên nơi đây con người phải thoát mọi ràng buộc về phương hướng. Xin hãy thấy ý nghĩa của điều này, cái hợp lý của điều này. Ở đây vắng bóng một sự kết luận. Mặc dù một kết luận có thể cho ta một lượng lớn của năng lượng, nhưng đó là một năng lượng vô ích. Tâm phải thoát khỏi phản ứng của tư tưởng. Tâm cũng phải thoát khỏi mọi ý niệm vì ý niệm lại sinh ra phương hướng. Tâm phải nằm ngoài mọi vận động có tính chia cắt của tư tưởng, như về quốc gia, về chủng tộc, về tôn giáo.

Liệu tâm của bạn có thoát được mọi thứ đó không? Nếu không thì bạn cứ làm những gì mình muốn – cứ trồng chuối ngược mười ngàn năm hay cứ ngồi thiền định trong một tư thế và thở cho đúng đắn thêm mười ngàn năm nữa¹ – bạn sẽ không bao giờ tìm thấy cái kia.

1. Tác giả muốn nói các phép tu trong truyền thống Ấn Độ giáo. Phần lớn những người đến nghe tác giả giảng thuyết tại châu Âu đều là những người lớn tuổi, thực hành các phép tu, tìm cầu chân lý (ND).

Liệu tâm có thấy được các ý niệm là ngu xuẩn, là kém thông minh không? Tâm có thấy cái đích thực của điều này không hay chỉ nói ừ thì chúng là sai và đẩy qua một bên? Vì chỉ khi nào bạn thấy điều này là đúng bạn mới giải thoát khỏi nó được – chứ không phải bạn xét nó một cách thuần lý hay trên phương diện lịch sử, mà phải như thể bạn thấy một vật gì là độc hại và bạn buông bỏ nó. Nơi đây thì không có mâu thuẫn vì trí thông minh đã nhận ra thật là ngu xuẩn khi đi theo con đường của khái niệm. Liệu tâm của bạn có thoát được mọi thứ đó không?

Tại một thời điểm nhất định, bạn giải thoát tâm khỏi một vật nào đó hay bạn giải thoát tâm một cách toàn diện? Nếu cứ mỗi thời điểm bạn giải thoát tâm khỏi một vật, điều đó sẽ tổn năng lượng – khi thấy tính chất quốc gia thật là ngu xuẩn và bỏ nó đi; khi nhìn các ý niệm và thấy chúng không đưa đến đâu, chỉ mang lại tranh chấp và bỏ nó đi. Khi bạn giải thoát tâm lớp này qua lớp khác, điều đó sẽ cần thời giờ, cần sự phân tích. Người ta thường hay nói bạn cần đi từng bước, trước hết hãy xả bỏ, điều khiển thân, thở đúng cách. Không phải chỉ truyền thống xưa thôi mà nền tâm lý học hiện đại cũng nói phải đi từng bước, phân tích, bóc từng lớp vỏ. Bạn có thể mất nhiều năm cho tới chết bằng cách làm như thế. Bạn có chịu đi một quá trình cần những năm dài? Đó không phải là sự phí phạm năng lượng hay sao? Nếu có phí phạm thì làm sao tâm tự xả bỏ chính mình để có một thứ năng lượng hoàn toàn khác được, một sự hiện hữu hoàn toàn khác được? Có cách nào nhìn thấy một cách toàn thể và do đó mà giải thoát một cách trọn vẹn được không?

Nội dung của tâm thức của tôi cũng là nội dung tâm thức bạn. Nội dung của ý thức bạn cũng là nội dung của ý thức tôi, chỉ thay đổi chút ít, thêm bớt chút màu sắc, thêm bớt chút công phu, thêm chút nghệ thuật bớt đi một chút thứ khác, nhưng không nhiều thì ít đều như nhau. Tâm biết điều này và nói: “Làm sao tôi ý thức về cái toàn thể, không phải về cái ý thức thôi mà cả về cái vô thức?” Tôi biết có thể lộn từng lớp, cả phần ý thức lẫn phần vô thức; tôi biết tôi có thể đi vào trong quá trình này, mất thời giờ, phân tích và biết cái nguy hiểm của sự phân tích. Tôi làm được điều này. Đó là phương pháp truyền thống và được thừa nhận. Và tôi thấy nó cần thời gian vô tận, vì mọi bước phân tích đều phải chính xác, nếu không thì bước sau sẽ hư hỏng vì cái phân tích đi trước. Thế nên mọi phân tích đều phải trọn vẹn, đích thực và chung kết, nếu không thì tôi sẽ thua mất. Và ai là người phân tích? Không phải người phân tích chính là vật được phân tích sao? Nên tôi thấy đó không phải là cách để làm được việc.

Thế thì tôi làm sao? Tâm tôi cần làm gì khi nó đã thấy tính chất vô lý của việc này?

Quả thực tâm đã thấy thực sự tính chất vô lý đó hay tâm chỉ tưởng mình thấy vì có ai đã nói mình nghe điều này là vô lý? Hay chúng ta chỉ là những con người hàm thụ¹, tức là tôi đã thừa nhận thẩm quyền của người khác khi tôi bắt chước nói điều này điều nọ là vô lý? Đó chỉ là một khẳng định về mặt ngôn từ mà không có thực tế nào cả. Loại chấp

1. secondhand people.

nhận này không có giá trị; nó không sinh ra sản phẩm. Thế nên tâm phải vứt bỏ thẩm quyền, dù đó là thẩm quyền của truyền thống hay thứ thẩm quyền tôi đã nuôi dưỡng từ lòng ham muốn hay lòng vị kỷ của tôi, thứ thẩm quyền quả quyết rằng tôi cũng hiểu biết. Tâm thức phải hoàn toàn vứt bỏ thẩm quyền. Thứ thẩm quyền về luật lệ đã dành mà cả thẩm quyền tâm lý của nhân vật nào đó, kẻ nói với bạn hãy làm điều này điều nọ vì bạn hiện đang bị lung lạc, hãy nghe theo ai đó để được giải thoát khỏi sự tuyệt vọng, đừng vô trật tự đứng bên ngoài vòng thẩm quyền. Trong lịch sử thì như thế đó. Hễ nơi nào thiếu trật tự thì sẽ có người nhảy dựng lên và sẽ khắc nghiệt tạo lại một loại trật tự mà chẳng qua cũng lại là sự hỗn loạn. Thế nên, liệu tâm có thể dẹp thẩm quyền qua một bên không, bởi vì nó đã thấy giá trị của thẩm quyền, ý nghĩa của nó, tính chất của nó? Dẹp bỏ không bằng cách phản ứng chống lại thẩm quyền như chúng ta hay làm, vì khi bạn chống lại một thẩm quyền thì cũng chính là bạn đang tạo ra một thẩm quyền khác. Điều đó thật rõ.

Có thể tâm, tâm của chính bạn, thoát khỏi phép phân tích truyền thống, phép tìm cách cải thiện nội tâm mình không? Vì bạn đã thấy ý nghĩa của sự giải phóng khỏi thẩm quyền, thì không có đạo sư nữa, không có sự cứu rỗi, không có bước tiến nào nhờ phép thiền định mà tiến tới cái phi thường cả. Có cái phi thường thật, nhưng không phải nhờ con đường này. Tâm có thể dẹp hết một bên không, phủ nhận hết mà không có chút đề kháng nào không? Muốn làm được thế bạn phải nhìn. Bạn phải nhìn bên ngoài và bên trong; biết nghe

âm nhạc của thế giới cũng như sự lạc điệu giữa thế giới và âm nhạc, bên trong cũng như bên ngoài vì cả hai đều là một. Chúng ta là một phần nội tại của thế giới. Muốn làm như thế ta cần năng lượng và năng lượng này không do khái niệm hoặc ngôn từ sinh ra. Năng lượng này đến với ta khi bạn thấy rõ sự rối loạn của một thứ tâm thức đang vận hành một cách máy móc trong sự vận động của tư tưởng. Thế nên trong lĩnh vực này thì đừng có niềm tin, đừng có ý niệm, đừng có chủ trương, đừng có lý tưởng, đừng có cam kết về bất cứ gì. Rồi, từ cái phủ định những cái sai trái – nhưng cũng đừng chống trả hay phản ứng gì về cái sai trái – một cách thụ động mà bác bỏ cái sai trái¹, bạn sẽ có một loại năng lượng khác.

Chỉ giản đơn như thế. Nếu bạn muốn leo núi thì bạn phải bỏ đi tất cả mọi thứ mình mang vác tại đồng bằng, bạn phải dẹp chúng qua một bên. Điều quan trọng hơn hẳn là ta phải hiểu thấu sự ràng buộc và yếu tố thoái hóa của tư tưởng – mà nó chính là sự dính mắc, tính ham thích quyền uy, các tâm lý muốn chế ngự, lòng đam mê của cải và sở hữu – điều này quan trọng hơn hẳn việc tìm kiếm hay thực hành các lời thệ nguyện.

Phần lớn chúng ta đều dính mắc vào óc sở hữu, có thể đó là một chiếc bàn cổ vật mà bạn chăm sóc và lau chùi cẩn thận, hay đó là một ngôi nhà, một con người, một nhóm hội, một ý niệm, hay một kinh nghiệm đặc biệt nào đó. Tại sao

1. Cách nói của Thiền tông là "Biết vọng không theo" (ND).

tâm lại bị ràng buộc – nơi hình dáng tóc tai của chúng ta, nơi nỗi lo nghĩ của chúng ta? Thật có quá nhiều thứ mà ta bị ràng buộc. Tại sao? Và rồi, khi biết những thứ sở hữu này là một trong những yếu tố chính yếu làm ta suy đồi trong đời mình, ta nói: “Bỏ óc sở hữu đi, chỉ nên có vài manh quần áo thật cần thiết, đừng sở hữu, hãy thực hành nguyên không sở hữu”. Trong điều này cũng có lắm vất vả đó: “Tôi muốn thế, tôi phải từ bỏ, tôi phải thực hành thế nguyên”. Óc sở hữu làm suy đồi, và ta nói mình phải từ bỏ óc sở hữu, và như thế thì tất cả mọi tranh chấp sẽ vướng vào đó. Hiểu thấu sự ràng buộc là quan trọng hơn hẳn sự từ bỏ sự ràng buộc.

Tại sao lại có sự ràng buộc? Không hỏi làm sao để thoát, mà hỏi tại sao tâm lại bị ràng buộc. Tại sao bạn lại bị ràng buộc vào ngôi nhà của bạn, vợ bạn, con bạn, vào phép thiền định của bạn, vào hệ thống của bạn? Tại sao? Điều gì sẽ xảy ra nếu bạn không bị ràng buộc?

Sự ràng buộc tạo nên một cái vướng víu trong tâm bạn; bạn liên tục phải nghĩ đến một điều gì đó. Bộ óc và tâm thức của bạn nói: “Ta phải được một cái gì đó choán chỗ” – bởi Thượng đế, bởi tình dục, bởi món rượu của ta; “Ta phải được choán chỗ” – bởi cái phòng bếp, hay bởi một trật tự xã hội nào đó, hay bởi nhóm hội, hay bởi bất cứ cái gì. Xuất phát từ cái đòi hỏi phải bị choán chỗ mà có sự ràng buộc, mà bị dính mắc vào điều gì đó. Tại sao tâm phải bị vướng? Điều gì xảy ra nếu tâm không bị vướng? Phải chăng nó sẽ bị lạc lối? Nó sẽ bị tan rã? Nó sẽ bị hoàn toàn trần trỗng, trống rỗng? Phải chăng cái sợ bị trống rỗng đòi tâm phải

được choán chỗ và vì thế mà thấy các thứ bàn ghế, sách vở, ý niệm, v.v... là quan trọng? Phải chăng xuất phát từ tâm trạng thấy trống rỗng và cô đơn, cho là mình không còn trọn vẹn mà tâm bị ràng buộc? Không có ràng buộc, tâm có thể sống, có thể đầy năng lực và sinh động, đầy chiều sâu chăng? Hiển nhiên là nó có thể.

Phải chăng lòng yêu thương là một loại ràng buộc? Nói lòng yêu thương là sự từ bỏ cũng không đúng. Nếu yêu thương là bị ràng buộc hay sự từ bỏ thì thật là khổ não, điều mà tất cả chúng ta đều biết, chúng ta không cần nói đến tâm trạng xấu xa này.

Quyền lực là một dạng khác của sự thoái hóa – quyền lực chính trị, quyền lực tôn giáo, quyền lực trong thế giới kinh doanh, quyền lực trong việc thực hành tài năng của ta. Khi bạn áp chế một người, thí dụ người đầu bếp hay người giúp việc của bạn, vợ hay chồng của bạn, bạn thấy thích thú lắm. Đó là một yếu tố khác của sự hư hỏng. Cái năng lượng này, nó vốn rất cần để mang lại một sự chuyển hóa ý thức, bị phân tán trong những cách đó cả. Bạn có thấy đó là một thực tế không, một thực tế nguy hiểm không? Đó không phải là một mối hiểm nguy tương đối mà là mối hiểm nguy toàn diện của con người.

Bây giờ nếu bạn thấy nó là một mối hiểm nguy thật sự, ví như bạn thấy cái nguy hiểm của một tảng đá đang rơi trên đầu, bạn sẽ tức thì bỏ chạy và thoát khỏi nguy hiểm. Muốn quan sát điều này, bạn cần một sự nhạy cảm nhất định, về vật lý cũng như về tâm lý, và bạn sẽ không có sự nhạy cảm

này nếu bạn còn theo đuổi mọi thứ chuyện – món rượu, tình dục, làm việc quá sức. Thế nên nếu bạn thật sự nghiêm túc, nếu bạn cống hiến sự chú tâm, sự cẩn trọng, lòng yêu thương cho điều này thì bạn sẽ tự thấy là, khi không còn bị chia cắt bởi tư tưởng thì sẽ có một dạng khác của năng lượng mà đó chính là sự thông minh. Trí thông minh này không do tư tưởng xếp đặt nên. Nó không phải là trí thông minh láu lỉnh của một ông chính trị gia, một ông tu sĩ hay một nhà kinh doanh. Nó xuất phát từ sự tự do khi đã nhận chân cái sai trái, cái vọng tưởng của tất cả mọi thứ. Tâm bạn có thấy điều này một cách trọn vẹn không? Nó không thể thấy một cách trọn vẹn nếu nó có bất cứ một phương hướng nào.

Một tâm thức thông minh tác động trong lĩnh vực của tư tưởng một cách thông minh, một cách lành mạnh, vắng sự đề kháng. Nó sẽ không có cơ chế và tính chất của sự ràng buộc, không có hành động của sự dính mắc, không có sự theo đuổi quyền lực với tất cả sự phức tạp và tàn bạo của việc này. Nó thấy quá trình chia cắt của tư tưởng và nhờ thấy điều đó một cách rõ ràng, trọn vẹn mà nó có năng lực. Năng lực này chính là trí thông minh. Có năng lực này, trí thông minh này, nó có thể vận hành trong lĩnh vực của tư tưởng, chứ không phải ngược lại.

Ta có thể thấy, không hề có sự phân biệt giữa bên ngoài và bên trong mà đó là một mối liên hệ tương ứng. Ta thấy điều này và cũng thấy cần có năng lực để chuyển hóa tâm. Thế nên ta từ bỏ mọi thứ không cần thiết, mọi thứ do tâm tạo, mọi thứ có thể ấp ủ sự chia cắt và tranh chấp trong

tâm. Điều này chỉ có thể thực hiện được nếu có một sự quan sát tâm, chứ không phải để kháng chống lại tâm. Sự quan sát này chỉ sinh ra khi người quan sát là vật bị quan sát. Người quan sát thuộc về quá khứ, là thứ do tư tưởng bày ra bằng những điều như kinh nghiệm, tri thức, ký ức, truyền thống; chúng là rường cột của người quan sát. Điều mà nó quan sát, vốn chỉ là sản phẩm của tư tưởng thì cũng chỉ là tư tưởng thôi. Sự rối loạn trên thế giới, sự khốn khổ, sự thiếu ăn, sự nghèo nàn, sự tàn nhẫn, bạo lực, sự bẽ bộn đang xảy ra, sự điên khùng đang xảy ra, tất cả đều do tư tưởng tạo ra cả. Và bây giờ người quan sát nói: “Ta phải thay đổi mọi thứ này” – nếu anh thông minh và biết thức tỉnh, không chỉ biết lo cho đời sống nhỏ bé của mình. Nhưng liệu người quan sát có khác gì với những gì anh quan sát không? Chính anh là kẻ được tư tưởng tạo thành cho nên anh chính là vật bị quan sát. Bây giờ, khi đã thấu hiểu điều đó, không phải trên mặt ngôn từ mà thực sự, thì mối tranh chấp sẽ ngưng bật và tâm sẽ bước qua bên kia của giới hạn mà tư tưởng đã đặt định cho hành động.

Bây giờ bạn làm điều đó được không? Nếu không thì tại sao không? Phải chăng vì bạn thụ động, lười biếng, thờ ơ, không phải chỉ đối với nỗi lo âu, nỗi đau khổ, sự phiền não của chính mình mà đối với đau khổ của hàng triệu người khác, đối với những điều đang xảy ra ở Nga, ở Ấn Độ và ở những nơi khác? Phải chăng bạn thờ ơ với tất cả những thứ đó vì bạn đang muốn tìm kiếm Thượng đế, bạn muốn ngồi thiền định, bạn muốn thờ cho đúng cách, bạn muốn giữ phạm

hạnh và tiết dục, vân vân? Nếu bạn quan tâm đến toàn thể nhân loại, chứ không phải chỉ nhà láng giềng hay vợ con bạn, thì khi thấy cái toàn thể bạn mới sửa đổi được chi tiết. Thế nhưng nếu không nhận thức được cái toàn thể thì không thể đưa cái chi tiết vào đúng chỗ. Các nhà chính trị, các phân tích gia, các vị giáo sĩ, không đủ sức thấy điều này. Chỉ có bạn và tôi, nếu chúng ta hoàn toàn có ý thức trách nhiệm, biết âu lo, nghiêm túc, biết cam kết, thì mới giải quyết được vấn đề vì chúng ta đã thấy cái toàn thể; chính vì thế mà hết sức sinh động và thông minh, đồng thời cũng có khả năng vận hành ở phương diện chi tiết.

Saanen, 16.7.1974

3

Chúng ta đã nói về sự thấu hiểu hành động của mình, về thái độ của mình và nội dung của ý thức mình. Bao lâu chúng ta không hiểu tính chất và cơ chế của ý thức này mà từ đó ta hành động, thông qua đó mà hành vi cũng như tư tưởng của ta diễn ra, thì tôi cho rằng chúng ta cứ mãi bị lúng túng, mơ hồ, cứ mãi sống trong một cuộc chiến triền miên giữa chính ta và ngoại cảnh. Chúng ta sẽ không bao giờ tìm được hòa bình, một cảm giác sâu lắng về sự an lạc nội tại. Trong một thế giới ngày càng điên rồ, nơi có quá nhiều bạo lực, tàn nhẫn, dối trá và tranh chấp, thật là cần thiết mà mọi chúng ta phải hiểu vấn nạn to lớn này của cuộc đời.

Bây giờ chúng ta cần biết điều được mệnh danh là quan

niệm duy vật. Quan niệm duy vật có nghĩa là xem xét cuộc sống với tính cách là vật chất; vật chất trong sự vận động và biến thiên của nó, vật chất cả trong dạng ý thức và ý chí. Chúng ta phải đi vào vấn đề để xem liệu có gì cao hơn vật chất chẳng và liệu ta có thể đi xa hơn nó chẳng. Đây không phải chỉ là một thứ tiêu khiển và nghiên cứu hàn lâm mà là một sự tra vấn sâu xa, liệu chẳng tâm ý chúng ta và toàn bộ đời sống xã hội, kinh tế và tôn giáo của ta là hoàn toàn vật chất. Phải chăng tất cả mọi dạng tồn tại, kể cả ý thức và ý chí là sự vận hành lẫn biến thiên của vật chất?

Chúng ta bị điều khiển bởi sự cảm nhận – vị, mùi, xúc giác v.v..., chúng đóng một vai trò to lớn trong đời sống chúng ta. Bộ óc, nếu bạn xem xét nó, nếu bạn biết rõ hoạt động của nó, cất chứa trong các tế bào của nó ký ức, xem chúng như kinh nghiệm và tri kiến. Những gì mà những tế bào này cất chứa là vật chất; thế nên tư tưởng – khả năng suy nghĩ – là vật chất. Và bạn có thể hình dung về “cái kia” (cái khác với vật chất), hay dùng tư tưởng mà đoán chừng về “cái kia” thì nó vẫn là tư tưởng, vẫn là vật chất thôi. Chúng

1. Như bạn đọc sẽ thấy, Krishnamurti nêu lên một quan niệm khác về “vật chất”. Theo tác giả, tất cả những gì bị quá khứ, thời gian qui định đều là vật chất cả. Điều đó có nghĩa, tư tưởng, ký ức, ý thức cũng là vật chất. Điều này cũng phù hợp với quan niệm “sáu căn” (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) của đạo Phật. Đối tượng của sáu giác quan này (“sáu trần”) được Krishnamurti định nghĩa là vật chất, tức là không chỉ là hình thể, âm thanh... thôi mà tư tưởng (đối tượng của ý) cũng là vật chất. Trong đoạn này tác giả nói về “chủ nghĩa duy vật” là nói về vật chất trong nghĩa rộng này. Vì thế chủ nghĩa duy vật mà tác giả nói đến không liên hệ gì với duy tâm-duy vật như ta thường hiểu (ND).

ta biết rõ mình sống trong một thế giới vật chất, dựa trên cảm nhận, ham muốn và xúc cảm, và chúng ta cũng xây dựng một ý thức, nó vốn cũng là sản phẩm của tư tưởng. Chúng ta phải biết điều đó, nếu ta không mơ mộng mà đi vào vấn đề một cách sâu xa và nghiêm túc; và khi biết thế, chúng ta cho là phải có một “cái khác”, một cái nằm xa hơn vật chất. Thế là tư tưởng bắt tay vào việc xem xét “cái khác” đó. Thế nhưng khi tư tưởng xem xét “cái khác” thì nó vẫn là vật chất. Thật là quan trọng phải hiểu điều này vì tâm hồn của chúng ta quá lãng mạn, tất cả mọi tôn giáo của chúng ta đều dựa trên xúc cảm và lòng mơ mộng. Sống trong lĩnh vực nhỏ hẹp của tâm duy vật, chúng ta muốn có một cái gì lớn hơn nằm bên kia. Đó thật là một ham muốn hiển nhiên. Thế nên tư tưởng mới xây dựng một cấu trúc với ngôn ngữ hay phi ngôn ngữ về Thượng đế, về cái kia, về cái vô hạn, về cái phi thời gian, v.v... Thế nhưng nó vẫn là sản phẩm của tư tưởng và vì thế nó vẫn là vật chất¹.

Thế nên tư tưởng tạo ra một dạng nằm ngoài nằm trên và cho rằng dạng đó, hình ảnh đó, mẫu hình đó là phi vật chất. Thế nhưng dạng hình đó là sản phẩm của tư tưởng; hình ảnh lý tưởng đó vẫn là sản phẩm của tư tưởng nên nó vẫn là vật chất. Nếu bạn đến Ấn Độ hay bất cứ nơi nào ở phương Đông, người ta nói với bạn là họ thừa nhận điều này, thế nhưng họ vẫn cho là có một bản thể cao hơn, có một ý thức siêu việt ngự trị lên vật chất hay dung chứa vật chất

¹ Cũng như trong sự ồn ào ta mong có sự im lặng nhưng ta lại la hét yêu cầu chấm dứt tiếng ồn, tiếng la hét cũng vẫn là sự ồn ào (ND).

trong mình – cũng như tại phương Tây bạn nói đến linh hồn. Họ gọi nó bằng từ Sanskrit: Atman (Tiểu ngã). Thế nhưng cái Tiểu ngã này, cái ý thức siêu việt này, linh hồn, đều là sản phẩm của tư tưởng. Tư tưởng là vật chất; dù cho vật chất vận động theo hướng nào, vào trong, ra ngoài, vươn lên khỏi bản thân nó, thì vẫn là vật chất.

Thế nên vấn đề đặt ra là: phải chăng tâm thức có tính chất cơ giới¹? Tức là, trong tâm bạn thì phải chăng tư tưởng, tình cảm của bạn, các phản ứng, tinh thần trách nhiệm, mối quan hệ, phương pháp, ý kiến, v.v... của bạn đều có tính cơ giới cả; tức là phản ứng dựa trên điều kiện, dựa trên ảnh hưởng của môi trường cả? Nếu đó là toàn thể tâm thức thật thì chúng ta sống trong một tù ngục vĩ đại, không sao trốn thoát được.

Đây là một vấn nạn của con người từ xưa nay. Con người biết mình sống bằng cảm giác, bằng ước mong của mình, bằng xúc chạm, bằng thèm muốn – dù đó là nhục dục, hay trí thức hay một cách khác nữa – và vì thế mà đặt câu hỏi “liệu thế là hết hay sao?”. Thế là nó bắt đầu nghĩ ra thần thánh, Thượng đế vô thượng, ý thức siêu việt, vân vân và vân vân. Khi đã nghĩ ra và chiếu hiện ra một dạng hình thì con người theo đuổi nó, nghĩ rằng mình rất tâm linh, mình rất ngoan đạo. Thế nhưng sự tôn thờ cái mà nó gọi là “Thượng đế” hay chân lý chẳng qua là sự tôn thờ sản phẩm của tư tưởng

1 mechanical. Ở đây “cơ giới” có nghĩa tùy thuộc vào các yếu tố khác mà hình thành và vận động. Tính chất này ngược lại với hành động “hồn nhiên” của một tâm thức giải thoát (ND).

mà tư tưởng chính là vật chất. Hãy xem người ta đang làm gì. Hãy xem những gì mà giáo đường, đền đài và nhà thờ làm được gì cho ta, cho mỗi người trong chúng ta. Hãy thấy sự lừa dối to lớn mà con người được mớm, mà nó cho là tâm linh phi thường. Khi người ta thấy rõ điều này một cách nghiêm túc thì đó là một cái “sốc” vì con người bị tước đi tất cả mọi ảo tưởng.

Nếu đã đi đến đây, ta sẽ bắt đầu vấn hỏi liệu có một sự vận hành nào khác với sự vận hành của tư tưởng không. Làm sao tìm ra được nó? Nếu ta cố tìm một cái gì nằm ngoài vật chất thì ta phải xem xét lý do của sự tìm kiếm đó. Phải chăng cái lý do đó là tìm cách chạy thoát khỏi tình trạng này? Lý do hàm nghĩa động cơ thúc giục. Phải chăng tất cả mọi tầm cầu của con người đều có động cơ? Nếu thế thì gốc rễ của chúng đều là sự tìm kiếm nguồn vui hay sự trốn tránh cái sợ hãi. Hay, nếu gốc rễ của chúng xuất phát từ sự bất mãn với cái đang là thì nó tự chiếu hiện lên câu trả lời của bản thân mình. Do đó muốn tầm cầu “cái khác”, tâm tôi phải vắng bóng mọi lý do, mọi động cơ.

Chúng ta đã và đang nói tâm phải chuyển hóa, không phải chỉ là sự thay đổi nông cạn mà là một cuộc cách mạng sâu sắc trong tâm mới giải quyết được những vấn đề do tư tưởng sinh ra, bất kỳ nó có tính chất tôn giáo, kinh tế, xã hội hay đạo đức. Nếu ta thật sự nghiêm túc, không bỡn cợt, không đùa giỡn với trò lý thuyết có tính chất hàn lâm hay với các thứ triết lý do tư tưởng bày ra, thì ta phải quan tâm và hoàn toàn gắn thân với vấn đề chuyển hóa nội dung của ý thức.

Vì rằng nội dung là yếu tố làm nên ý thức, như ta đã nói. Ta đã nói người quan sát chính là vật bị quan sát và hễ có một sự phân biệt giữa người quan sát và vật bị quan sát, giữa “tôi” và “không phải tôi” thì có tranh chấp ngay. Sự tranh chấp này chủ yếu chỉ là sự phí phạm năng lượng. Và khi bạn nhìn vào vấn đề này và thấy người quan sát chính là vật bị quan sát thì bạn loại bỏ mọi tranh chấp và bạn có một năng lượng to lớn vì nó không còn bị mất mát trong sự tranh chấp nữa.

Năng lượng này có thể nằm trong lĩnh vực của tư tưởng hay là một thứ năng lượng hoàn toàn khác với tư tưởng. Với một tâm thức còn bị đè nặng, còn bị qui định, còn bị hình thành bởi tư tưởng mang tính vật chất thì liệu có một sự vận động nào khác với sự vận động của tư tưởng không? Muốn xác định ta hãy xem nguyên nhân của sự tìm kiếm. Chỗ nào có nguyên nhân chỗ đó có thời gian. Nguyên nhân sinh ra một kết quả và kết quả lại trở thành một nguyên nhân của một cái khác. Xét điều này thực sự không khó vì nó chính là đời sống của chúng ta; nó chỉ khó nếu bạn xem xét nó như là một cái gì nằm ngoài đời sống hàng ngày của chúng ta.

Hãy nói cách khác. Cái gì là đạo lý, là đạo đức? Phải chăng đạo đức là một điều gì tạm thời? Phải chăng nó chỉ là tương đối? Hay đạo đức là tuyệt đối? Đối với chúng ta trong thế giới hiện đại này, đạo đức chỉ là tương đối và sự tương đối hầu như đang hủy hoại chúng ta. Thế nên ta hỏi: Đạo lý là gì? Có một đạo lý tuyệt đối không, có một tâm không bao

giờ sân hận cả, bất kỳ trong trường hợp nào không? Có một trạng thái hòa bình toàn vẹn, một hoà bình tuyệt đối không bao giờ bị quấy nhiễu không? Người ta có thể sống mà hoàn toàn vắng bóng mọi thứ bạo lực không? Hay bạo lực cũng tương đối, là tâm sân hận được biến tướng thôi, v.v... Thế thì đạo lý là gì? Nếu bạn đánh tôi và tôi đánh trả; và sau đó xin lỗi nhau thì đó là tương đối. Nếu tôi có một cái cơ để ghét bạn, để không thích bạn hay hung hăng với bạn thì cái cơ này sẽ làm hành động của tôi không được toàn thiện và vì thế mà thành tương đối. Có cách nào sống mà vắng bóng lý do, vắng bóng nguyên cơ không? Vì hễ bạn có lý do thì cuộc sống lập tức trở thành tương đối. Nếu vì một lý do nào đó mà tôi yêu bạn – vì bạn làm tôi thoải mái, thoải mái về tâm lý, về thân vật lý, về tình dục, về đạo đức – thì đó không phải là lòng yêu thương. Chỗ nào có lý do thì hành động nơi đó phải là tương đối. Chỉ khi nào vắng bóng lý do, hành động mới thành tuyệt đối.

Hãy xem những điều diễn ra trong chính đời bạn chứ đừng xét những gì tôi đang nói. Nếu tôi lệ thuộc vào bạn, nếu tôi bị bạn lôi kéo thì sự lệ thuộc này, sự ràng buộc này có một lý do. Có thể vì tôi đang cô đơn, tôi đang buồn phiền hay tôi muốn có ai bên cạnh; tôi muốn có tình yêu thương, sự ân cần, sự chăm sóc của bạn và thế nên tôi bị ràng buộc nơi bạn. Từ sự ràng buộc này mà sinh ra một phiền não to lớn, đó là cái khổ. Vì bạn không yêu tôi, bạn chỉ chấp nhận tôi thôi, bạn chỉ cho tôi một chút thương yêu thôi và quay qua người khác; điều đó sinh ra ganh tức, bác bỏ, thù hận

và mọi thứ đi kèm. Bất cứ chỗ nào có lý do thì hành động và đạo lý phải trở thành tương đối.

Tâm có thể thoát khỏi sắc thể, thoát khỏi ý niệm, thoát khỏi vật chất trong dạng lý do, để cho tâm có khả năng vượt lên chính mình không? Thực ra thì điều này rất giản đơn, chỉ có chữ nghĩa mới làm nó rắc rối. Chữ nghĩa thì cần thiết để giao lưu, nhưng nếu bạn cứ nằm mãi trong bình diện của ngôn từ thì ngôn từ hoàn toàn vô ích. Nó cũng như cứ cày bừa, mãi mê cày bừa – và bạn phá hỏng đất đai nếu chỉ biết cày bừa thôi.

Đây là vấn nạn của chúng ta, điều mà ngay từ đầu ta đã cố tìm một giải pháp, đó là: Phải chăng toàn thể đời sống của ta có tính chất cơ giới? Phải chăng toàn thể đời sống của ta có tính vật chất? Phải chăng mọi dạng tồn tại, kể cả tâm lẫn ý đều là vật chất? Toàn bộ đời của bạn là như thế sao? Bạn có thể quả quyết là không phải thế, nhưng thực tế là như thế. Bị trói buộc ở trong đó, tư tưởng sáng tạo ra hình thể, ra ý niệm về cái tối thượng, ra dạng cao cả nhất của mọi sự tồn tại, ra cái cao quý nhất, ra các thượng đế thánh thần, cũng như ra những điều khác mà tư tưởng sinh ra trong thế giới này, như sự vận động to lớn của kỹ thuật. Tất cả đều là vật chất. Và khi sống bên bờ này như chúng ta đang sống, với chiến tranh, hận thù, với các nền chính trị đáng sợ – khi sống trên bờ bên này của dòng sông, bờ của vật chất, thì tâm nói, “Ta muốn qua bờ bên kia, bên đó phải có cái gì chứ đời sống này quá ngu xuẩn”. Và thực là ngu xuẩn: đến sờ làm, kiếm tiền, mang một trách nhiệm,

đấu tranh, giành giật, lo âu, thất vọng, băn khoăn, buồn phiền và sau đó là cái chết. Ta nói như thế là không hay, không đủ. Ta có thể nói giọng triết lý hơn, lập dị hơn hay lãng mạn hơn, nhưng ta thấy chung điều đó thật ngu xuẩn và tìm kiếm một điều gì xa hơn.

Rồi thì ta nói: “Làm sao vượt qua được con sông, qua được bờ bên kia?” và hỏi: “Ai mang ta qua bên kia được?”. Khi đặt câu hỏi đó, thì có ngay ông giáo sĩ, ông đạo sư, một vị biết chuyện sẽ nói “Hãy theo ta” – và như thế là tàn đời vì ông ấy cũng y như chúng ta thôi, vì ông ấy cũng chỉ vận hành trong phạm vi của tư tưởng thôi. Ông ta sáng tạo ra thánh thần, ra Chúa, ra Phật, ra Krishna. Ông sáng tạo ra dạng hình và dạng hình đó cũng mang tính vật chất y như cảm giác của bạn thôi, nó chỉ là sản phẩm của tư tưởng. Bây giờ, ta đã hoàn toàn rõ chưa, ở đây không có thứ trốn chạy đầy lãng mạn, không có sự rửa tay cho sạch bằng giáo điều, không có sự tìm tòi cái tiện nghi, thoải mái và mọi thứ khác, tất cả đều chỉ dẫn ta đến vọng tưởng. Ta đã hoàn toàn rõ chưa, rằng mọi biến thiên trong phạm vi của ý thức chỉ là sự vận hành từ đối tượng này qua đối tượng khác, tất cả trong lĩnh vực của tư tưởng. Nếu rõ rồi thì tâm phải làm gì? Hay không làm gì cả?

Trước hết một cái tâm như thế phải hoàn toàn ngăn nắp¹,

1 total order. Ý nghĩa của nó ngược với sự rối loạn (disorder). Nội dung của nó trong tác phẩm này cho phép ta hiểu “ngăn nắp” đồng nghĩa với “chân chính”, tương tự như trong “Bất chính đạo”. Thế nhưng một cái tâm “ngăn nắp” hẳn phải có nội dung sâu sắc hơn nữa mà con người “rối loạn” như chúng ta chưa bao giờ biết đến (ND).

ngăn nắp trong nghĩa vật chất đã, vì nếu tâm rối loạn thì nó không thể vượt lên chính nó được. Tư tưởng là vật chất và tất cả mọi hoạt động của nó trong phạm vi ý thức đều gây nên hoang mang và rối loạn. Về mặt chính trị, tôn giáo, xã hội, đạo đức, trong các mối quan hệ, trong mọi chiều hướng, tư tưởng đều gây sự mất thăng bằng. Và đó chính là cuộc đời của bạn. Nếu không có sự ngăn nắp tuyệt đối – và tôi dùng từ tuyệt đối chứ không phải tương đối – nếu không có sự ngăn nắp tuyệt đối trong lĩnh vực này thì mọi nguyên nhân nhằm thoát khỏi lĩnh vực này đều là sản phẩm của cái rối loạn. Thế nên tâm phải ngăn nắp.

Làm sao sự ngăn nắp này được sinh ra trên mặt chính trị, tôn giáo, xã hội, đạo đức, trong các mối quan hệ được – một sự ngăn nắp tuyệt đối, không phải chỉ ngăn nắp dễ dãi hay tương đối? Làm sao mà cái tâm vốn đã được huấn luyện, giáo dục, qui định để sống trong sự loạn động, chấp nhận sự loạn động, nay tự mang lại sự ngăn nắp cho chính mình được? Hãy nhớ rằng, nếu bạn cho rằng có một kẻ nào bên ngoài sẽ mang lại ngăn nắp cho mình, thì kẻ bên ngoài đó là sản phẩm của tư tưởng; và vì thế mà nó chỉ gây thêm tranh chấp và thêm loạn động. Nếu bạn nghĩ rằng ý chí sẽ mang lại sự ngăn nắp thì thế nào là ý chí? “Ta sẽ làm thế này thế khác” – hãy nhìn tận mặt nó, hãy xác định nó. Nếu là người cương quyết bạn sẽ nói “Ta *phải* làm thế này thế khác” thì cái gì là ý chí, nhân tố tạo tác hành động? Không phải đó là sự ham muốn, một ý tưởng được nêu lên và phải đạt tới hay sao, do tư tưởng chiếu rọi thành một mục đích, một hình ảnh, một mẫu hình hay sao? Liệu tư tưởng có thể

mang lại sự ngăn nắp không? Đó là cách làm của các nhà chính trị, các giáo sĩ và của tất cả những kẻ được gọi là nhà cải cách đang cố làm. Tư tưởng chỉ mang lại sự loạn động. Thế thì ta phải làm sao?

Phải chăng tâm, tâm của bạn có thể quan sát, thấy rõ sự loạn động này? Con người đang nằm trong sự loạn động. Ta thấy hoạt động của ý chí, cái này tiếp nối cái kia, có cái ước mong khuất phục sự loạn động, nhưng nó vẫn còn nằm trong lĩnh vực của loạn động. Thế nên ta tự hỏi: “Ta làm sao bây giờ, tâm phải làm gì?”. Trước hết, ta có thấy sự loạn động không? Tâm có thấy sự loạn động không, hay nó chỉ nghe mô tả của sự loạn động?¹ Bạn mô tả cho tôi nghe một ngọn núi, vẻ đẹp của nó, đỉnh tuyết, hình dáng của nó trong bầu trời xanh, chiều sâu bóng thẳm của nó trong khu rừng, dòng nước chảy, cây lá xào xạc, vẻ đẹp của mọi thứ. Bạn mô tả cho tôi nghe và câu chuyện nắm giữ tâm tôi và tôi sống với sự mô tả đó. Thế nhưng sự mô tả khác với cái được mô tả. Thế nên ta có thể tự hỏi: “Phải chăng sự mô tả đang chiếm giữ ta hay ta thực sự thấy sự loạn động?” Một bên là trí năng làm việc, bên kia là thực tế. Thế thì phải chăng tâm đang quan sát sự loạn động của chính nó, tức là không cần ngôn từ, không bị vướng trong sự mô tả mà thực sự quan sát sự loạn động to lớn nọ? Tâm có thể quan sát như thế chăng? Và khi quan sát sự loạn động của chính mình, có một “người quan sát” đang nhìn ngó không, hay là chẳng có ai quan sát cả mà chỉ có sự quan sát?

1. Sự khác biệt giữa sự mô tả sự vật và sự vật đích thực là một trong những điều nhắc nhở quan trọng nhất của Krishnamurti (ND).

Tôi quan sát bạn, tôi thấy bạn. Năm ngoái tôi đã gặp bạn; lúc đó gặp bạn tôi thấy vui hay không vui; bạn ca tụng tôi, sỉ nhục tôi hay chẳng quan tâm gì đến tôi. Ký ức về những điều đó còn nằm lại. Năm nay tôi gặp bạn và ký ức của tôi lên tiếng. Ký ức là quá khứ và ký ức này cũng chính là người quan sát. Hiển nhiên rồi. Liệu tâm có thể quan sát mọi thứ loạn động đó, xã hội, đạo đức v.v... điều đã do tư tưởng sinh ra không, trong đó tôi hiện hữu, đó là phần của chính tôi? Tâm có thể quan sát cái loạn động này mà không có quan sát viên không? Nếu người quan sát có mặt và nhìn ngó sự loạn động, thì ta có một sự phân biệt giữa người quan sát và vật được quan sát. Chính trong sự phân biệt này mà mối tranh chấp sẽ xuất hiện. “Ta phải kiểm soát nó, phải thay đổi nó, ta phải đè nén nó, phải khuất phục nó” v.v... Bây giờ khi không có người quan sát thì chỉ có sự quan sát. Khi đó sẽ có năng lượng để vượt qua sự loạn động.

Chỗ nào có chia cắt, chỗ đó có loạn động. Người quan sát vốn do quá khứ sinh ra, chủ yếu là nguyên nhân của sự chia cắt. Bây giờ phải chăng tâm có thể thấy điều vừa nói là đúng và quan sát sự loạn động hiện tiền của đời sống bạn, chứ không mô tả? Nó có thể thấy sự loạn động của bạn, sự thất vọng, sự lo âu, mối mâu thuẫn, những đòi hỏi ích kỷ của bạn, tất cả những thứ đó không? Hãy quan sát đi. Và nếu nó quan sát mà không có người quan sát thì nó đã đi xa hơn chính nó, tức là có sự ngăn nắp toàn vẹn rồi, chứ không phải ngăn nắp tương đối mà đã là một sự ngăn nắp tuyệt đối rồi, là điều rất chủ yếu trước khi bạn đi đến đâu. Nếu thiếu sự ngăn

nấp trong thế giới vật chất, trong lĩnh vực của vật chất, trong lĩnh vực của tư tưởng, thì tâm không đủ cơ sở, không đủ nền tảng để vận hành.

Do đó phải có sự quan sát về cách hành xử¹. Liệu tôi hành động dựa theo một mục đích, dựa trên điều kiện xung quanh hay không? Phải chăng hành động của tôi tùy thời hay trong bất cứ điều kiện nào cũng như nhau? Nói “như nhau” không có nghĩa nói sự sao chép từ một khuôn mẫu mà nói một thái độ không bao giờ chấp nhận sự tương đối, không dựa trên sự thưởng phạt. Hãy dò tìm cho ra, hãy quan sát nó và bạn sẽ thấy lối hành xử của mình khủng khiếp thế nào, cách bạn nhìn cái cao hơn và cái thấp hơn, tất cả những gì mình làm tệ hại ra sao. Nơi đó không hề có một phút giây nào mà bạn không có tâm lý và động cơ ham thưởng tránh phạt cả.

Sau đó bạn hãy dò tìm trong mối liên hệ² trong thế giới vật chất. Mối liên hệ là quan trọng bậc nhất vì cuộc đời chẳng qua do những mối liên hệ mà thành. Mối liên hệ của bạn là gì? Bạn có mối liên hệ nào không? Mối liên hệ nghĩa là trả lời cho thỏa đáng với mọi thách thức. Nói về mối liên hệ tức là hỏi mối liên hệ của bạn với ai đó, nó có tính chất cá nhân, thân thiết hay không thân thiết lắm? Mối liên hệ đó dựa trên ý kiến, ký ức của tôi, trên thôi thúc đòi hỏi, trên ham thích tình dục của tôi? Nếu mối liên hệ của tôi đối với bạn chỉ tương đối thôi thì nó thay đổi: hôm nay tôi buồn rầu, hôm sau hết buồn, hôm sau nữa thì tôi chăm sóc

1. behavior.

2. relationship.

ân cần, qua ngày thứ ba thì tôi ghét, đến ngày thứ tư thì tôi yêu, v.v... Nếu mối liên hệ không thỏa mãn tôi, tôi sẽ đi tìm người khác. Đó là trò chơi mà ta đã tham gia từ thế kỷ này qua thế kỷ khác. Bây giờ thì nó còn trắng trợn hơn, còn quá mức hơn, còn tầm thường hơn chứ không gì khác.

Thế nên tâm tôi phải xác định được mối liên hệ hiện thời là gì. Nếu đó không phải là một sự hài hòa toàn hảo¹ trong thế giới vật chất mà tôi đang sống, là một phần của chính tôi, của ý thức tôi, thì tâm thức không thể vượt qua được chính mình. Đó là lý do tại sao phép thiền định của bạn, thế ngồi của bạn, phép thở của bạn, việc bạn đi Ấn Độ để tầm cầu, tất cả đều hoàn toàn vô nghĩa.

Thế thì phải chăng mối liên hệ của tôi là tương đối? Hay tất cả mối liên hệ đều tương đối? Hay thực chất chẳng có mối liên hệ nào cả trừ khi sự phân biệt giữa “tôi” và “bạn” ngưng bật? Tôi liên hệ với bạn vì tôi yêu bạn, vì bạn cho tôi thực phẩm, quần áo, nhà cửa, vì bạn cho tôi tình dục, vì bạn chịu quây quần với tôi. Tôi đã tạo nên một hình ảnh tuyệt vời về bạn; chúng ta có thể giận trách nhau, hiểu sai nhau nhưng đó là điều bình thường. Thế là tôi bám chặt lấy bạn; tôi bị ràng buộc vào bạn, và trong sự ràng buộc này sinh ra một sự phiền muộn to lớn, một cái khổ to lớn, đau xót, ganh tị, đối lập. Thế là tôi tự nhủ: “Ta phải thoát khỏi cái này”. Và khi hết ràng buộc với điều này thì tôi lại dính với người khác. Và cuộc chơi lại bắt đầu. Tôi lại tự nhủ: “Thế thì mối liên hệ là gì? Có thật có mối liên hệ không? Phải chăng có

1. complete harmony

thế có thực một mối liên hệ?”. Có một cái “tôi” cứ luôn luôn theo đuổi thèm khát của mình, tham vọng, mong ước, sợ hãi, mong uy tín lớn hơn, địa vị cao hơn v.v...; và cũng có kẻ khác theo đuổi mong muốn của họ. Thế thì có mối liên hệ thực sự không giữa hai con người khi mỗi một người đều vận hành và theo đuổi các đòi hỏi ích kỷ, riêng tư của mình?

Trong chiều hướng này có lẽ không có mối liên hệ, nhưng có thể có mối liên hệ khi hoàn toàn vắng cái tôi. Khi cái “tôi”, trong dạng tư tưởng, không hiện hữu thì tôi lại có liên hệ ngay; thì tôi liên hệ với bạn, với cây cối, với núi đồi, với sông, với người. Điều đó có được chính là nhờ lòng yêu thương vốn không cần nguyên nhân, phải không?

Ý thức với nội dung của nó là nằm trong lĩnh vực của vật chất. Tâm không thể vươn khỏi nó trừ phi tâm có một sự ngăn nắp toàn hảo trong chính nó và khi mối tranh chấp trong sự liên hệ đã hoàn toàn ngưng bật – điều đó có nghĩa là có mối liên hệ trong đó vắng bóng cái tôi.

Đây không phải là một sự giải thích trên mặt ngôn từ: người nói đang nói bạn nghe mình trải nghiệm cái gì, chứ không kể lể về điều đó; vì nếu không thực sự trải nghiệm thì đó là đạo đức giả, là làm một thứ bẩn thỉu.

Khi tâm đã có sự ngăn nắp và sự cảm biết về một mối liên hệ hoàn hảo thì điều gì sẽ xảy ra? Khi đó tâm không tìm cầu gì cả, nó không thể rơi vào bất cứ vọng tưởng nào cả. Điều này thật là tuyệt đối cần thiết vì tư tưởng thì phát minh ra nào là kinh nghiệm, nào là mọi loại tưởng tượng, mọi hình thái siêu việt ý thức và tất cả các thứ khác. Bấy

giờ thì không có khái niệm, không có dạng hình, bây giờ chỉ có hành xử; và đó chính là tâm ngăn nắp cùng mối liên hệ toàn thể của con người. Lúc đó thì bạn đã có nền tảng¹.

Bây giờ ta có một vấn đề xuất phát từ điều này: phải chăng bộ óc hoàn toàn bị qui định? Bộ óc của con người đã tích lũy hàng ngàn hàng vạn kinh nghiệm, nó được dạy dỗ bởi vô số tri thức do sách báo cung ứng, tất cả đều nằm trong não bộ. Và tư tưởng vận hành trong lĩnh vực của cái đã biết. Nó có thể phát minh ra một lĩnh vực và tự nhủ: “Ta đã nằm ngoài cái đã biết”, nhưng điều đó thật ngớ ngẩn. Cho nên tâm tôi hỏi: Phải chăng toàn bộ não bị qui định bởi kinh tế, xã hội, bởi môi trường xung quanh, bởi nền văn hóa tôn giáo mà trong đó nó sống? Phải chăng tâm, trong đó có bộ não, hoàn toàn bị phụ thuộc trong giới hạn của thời gian? Phải chăng tâm chỉ là một kẻ nô lệ thuần túy?

Đừng trả lời “phải” hay “không phải” vì nếu nói xong thì bạn cũng hết chuyện, vì nói xong thì không còn gì để ta phải dò tìm nữa. Thế nhưng một cái tâm biết tra vấn, dò hỏi, tìm tòi, không vì nguyên nhân gì, không có chiều hướng nào, sẽ tự nhủ: “Có thật là tâm hoàn toàn bị phụ thuộc và như thế thì phải chăng tâm có tính cơ giới?”. Và bạn thấy nó cơ giới thật khi nó vận hành trong lĩnh vực của tri thức, dù là tri thức khoa học, kỹ thuật hay trong truyền thống của giáo sĩ. Một khi nó cơ giới thì nó cứ lặp đi lặp lại mãi. Đó là điều hiển nhiên đang diễn ra – sự lặp lại ham muốn về tình dục hay các thứ khác, là thứ cứ lặp đi lặp lại. Thế nên tâm

¹ Then you have the foundation.

tự hỏi: “Phải chăng toàn thể nhưng thứ này là cơ giới hay trong lĩnh vực của tâm còn có một nơi nào không mang tính cơ giới?”. Tâm có thể thoát khỏi sự tầm cầu không vì ở đâu có sự dụng công thì ở đó mọi vận hành trong dạng tư tưởng đều có tính cơ giới.

Saanen, 18.7.1974

4

Mối quan tâm chủ yếu của chúng ta là sự chuyển hóa, sự thay đổi triệt để của tâm thức con người. Tâm người bao gồm cả não bộ, trái tim, tất cả bộ phận như một thể bất khả phân, đó là tâm thức đã tạo nên thế giới bao quanh chúng ta, thế giới của sự thoái hóa, bạo lực, tàn nhẫn, giả dối cũng như tất cả những cơ cấu đã sinh ra chiến tranh. Chúng ta quan tâm làm sao thay đổi được nội dung của ý thức, vì nội dung đó chính là ý thức. Nếu cuộc cách mạng triệt để, sự thay đổi tâm lý này không xảy ra thì sự tranh chấp không bao giờ ngưng, đau khổ và bạo lực sẽ cứ tiếp diễn trên toàn thế giới.

Sự thay đổi không thể xảy ra nếu ta không biết nhận thức chính mình. Đây không hề là sự nhận biết về một cái tôi cao siêu hơn hay về một ý thức siêu việt nào cả, vì những thứ đó vốn cũng chỉ nằm trong lĩnh vực của tư tưởng. Bao lâu ta chưa hiểu thấu cái tự tính của mình, tự tính đang hoạt động hằng ngày – nó nghĩ gì, làm gì, lòng tha thiết, cái sai lầm của nó, tham vọng của nó, mọi hoạt động vị kỷ của nó,

sự tự đồng hóa mình với những điều cao quý hay thấp kém, với quốc gia hay các lý tưởng – thì người ta vẫn nằm trong vòng của cái tôi. Bao lâu ta chưa hiểu lĩnh vực nhỏ bé này, một lĩnh vực mà chúng ta biết rất ít – một lĩnh vực mà trong đó có cả ý thức lẫn vô ý thức, lĩnh vực quan tâm đến cái tôi cá thể, đến tham vọng và phản ứng riêng tư của mình mà chúng chủ yếu chính là một phần của cái toàn thể, một phần của cộng đồng, một phần của nền văn hóa trong đó nó sống – bao lâu chúng ta không hiểu nó một cách triệt để, thì bấy lâu nội dung của ý thức không thể được chuyển hóa.

“Hiểu thấu”¹ không phải là một việc của trí năng, của cảm xúc hay là một điều gì hời hợt. Đó là một điều xuất hiện cùng lúc với hành động và vì thế là một sự hiểu rõ hoàn toàn chứ không phải một phần. Khi hiểu tự tính của mình, ý thức và nội dung của ý thức – nhớ rằng không có ý thức nếu không có nội dung – ta sẽ thấy có hai yếu tố chính trong ta, đó là dục lạc và sợ hãi. Hai thứ đó không tách rời lẫn nhau. Chỗ nào có sự theo đuổi, duy trì, ham muốn dục lạc, chỗ đó có sự sợ hãi. Muốn hiểu thấu sự sợ hãi ta đừng quên yếu tố dục lạc.

Tư tưởng là thước đo của sợ hãi. Tư tưởng là câu trả lời của ký ức mà ký ức là kinh nghiệm, và tri thức được lưu giữ trong các tế bào cũng như thần kinh trung ương. Tư tưởng là vật chất. Toàn bộ thế giới được xây dựng bằng tư tưởng, được dựa trên tính chất, chất liệu và hoạt động của tư tưởng.

1. understanding

Ta phải xác định phải chăng tư tưởng là nhân tố nuôi nấng sự sợ hãi. Thế thì làm sao thoát khỏi sự sợ hãi; sự giải phóng khỏi sợ hãi chỉ có thể xảy ra khi ta thấu hiểu cấu trúc, tính chất và sự vận hành của tư tưởng.

Khi quan sát hết quá trình của tư tưởng – cái đã xây dựng nên thế giới với mọi tôn giáo, mọi thánh thần, mọi vị cứu tinh; cái đã dựng nên thế giới vật chất trong đó ta sống – ta sẽ thấy bao lâu ta còn vận hành và lưu trú ở đó, bấy lâu sự sợ hãi còn tồn tại. Sự sợ hãi là nguyên nhân của sự cô độc, sự mất mát, về mặt vật lý lẫn tâm lý; nó là nguyên nhân của sự ràng buộc nơi của cải, nơi tha nhân, nơi ý niệm, nơi chủ trương, nơi quốc gia, nơi gia đình. Bao lâu còn có tư tưởng vận hành trong vòng thế giới vật chất, bấy lâu còn sự sợ hãi. Nếu sống trong thế giới này, người ta đâu có quan tâm gì khác ngoài việc tìm kiếm sự an toàn, an toàn vật lý hay tâm lý. Bao lâu tâm còn tìm cầu sự an toàn vật chất, bao lâu tâm mong mỏi sự trường cửu thì bấy lâu còn cái sợ. Mặt khác bộ não chỉ có thể vận hành hiệu quả, khách quan, hợp lý nếu nó có sự an toàn tuyệt đối. Điều đó đã rõ. Khi thiếu an toàn nó sẽ tìm an toàn trong việc tin tưởng nơi thánh thần, nơi biểu tượng, nơi ý thức hệ, nơi quốc gia, những lòng tin đó chỉ dẫn đến những hành động rối loạn tâm thần. Bao lâu tôi còn xem mình theo chủ nghĩa quốc gia của một nước nào đó, bấy lâu tôi còn hành xử một cách rối loạn, tôi chỉ gây chuyện và mang lại sự chia cắt giữa con người với nhau. Đó là một trong những nguyên nhân sinh sợ hãi. Khi bạn thấy rõ điều này, khi bạn ý thức hết về tính chất của nó,

bạn có còn theo chủ nghĩa quốc gia nữa không? Nếu còn thì sẽ vẫn còn dục lạc và sợ hãi.

Nếu tâm sống trọn trong thế giới vật chất thì không có gì tồn tại ngoài tư tưởng, ý thức và ý chí. Nếu tâm ở đó thì sợ hãi tiếp diễn vì tại đó không có gì khác hơn là mong cầu sự an toàn và trường cửu. Chỗ nào có mong cầu, chỗ đó có sợ hãi.

Có nhiều loại sợ hãi ẩn trốn trong ngõ ngách của ý thức con người: loại sợ hãi có tính chủng tộc, tập thể, sợ đói kém, v.v... Có những lo âu kín đáo, những dạng hết sức tinh tế của dục lạc. Có cái sợ được ý thức hay nằm trong lĩnh vực vô ý thức, sợ chết, sợ cô độc, sợ mất việc, sợ dư luận, sợ chính cái ràng buộc của mình và sợ mất nó đi, sợ không được thành công, sợ không được ai biết đến. Liệu tất cả những nỗi sợ này có thể được nhận chân ra không mà không cần phân tích? Chúng ta đã thấy sự bất lực của phép phân tích, vì người phân tích và vật được phân tích là một. Thế thì tâm phải làm sao khi nó đã thấy rõ sự vô nghĩa, sự sai lầm của phép phân tích hay của quán xét nội tâm?

Muốn biết tâm cần làm thế nào chúng ta phải đi vào đề tài của phép thiền định¹. Khi chúng ta nói thiền định, bạn hãy nghe nó như chưa nghe từ này bao giờ. Thiền định là gì? Ta không nói về cách thiền định. Điều này không quan

1. meditation. Trong đoạn này Krishnamurti công kích các phép thiền định truyền thống mà chủ yếu là phép kiểm soát thân tâm của Ấn Độ giáo. Còn quan niệm "đối cảnh vô tâm" hay "tâm cảnh nhất như" mà tác giả nói đến cũng chính là nội dung phép Thiền của vùng Đông Á (ND).

trọng gì cả vì một khi bạn hiểu thiền định là gì thì nó sẽ xảy ra một cách rất tự nhiên, như bạn hít thở. Bạn có thể học hỏi lẫn nhau ý nghĩa thực sự của thiền định không? Sách vở đã viết quá nhiều về nó. Nhiều người thực hành thiền định dựa trên một hệ thống nào đó – phép Thiền Zen hay nhiều dạng biến thiên và phương pháp khác của Ấn Độ giáo. Tất cả đều bao hàm một mục đích cần phải đạt tới thông qua sự điều khiển¹. Sự điều khiển bao hàm có một người điều khiển. Và phải chăng người điều khiển khác với vật được điều khiển? Các nhóm tập luyện thiền định, với triết lý và hệ thống của họ, đều nói: “Hãy điều khiển tư tưởng bạn!”. Tư tưởng thì đi lang mang và sự lang mang đó chỉ phí năng lực; vì thế mà họ nói tư tưởng phải bị nắm giữ lại một cách tuyệt đối, phải đưa vào khuôn khổ, phải bị khuất phục để theo một điều được gọi là giác ngộ, Thượng đế, chân lý, cái không tên, hay bạn muốn đặt tên gì cũng được. Hiển nhiên là điều đó bao hàm một người điều khiển. Thế thì ai là người điều khiển? Người đó có khác gì trong tính chất, nội dung với cái mà nó cho rằng mình sắp sửa điều khiển không? Đây thật là điều rất quan trọng phải thấu hiểu.

Tôi muốn nêu rõ rằng ta có thể hoàn toàn sống trong đời sống hàng ngày mà không có chút điều khiển nào cả, ngược lại mọi truyền thống, ngược lại mọi lời khuyên răn, ngược lại mọi hành xử của bạn về xã hội và đạo lý. Sống một cuộc đời tuyệt đối không có sự điều khiển tức là bạn phải hiểu thấu một cách hết sức sâu xa ai là người điều khiển và cái

¹ control.

gì là vật bị điều khiển, vì đó chính là một phần của thiền định. Phải chăng người điều khiển khác với những gì nó điều khiển, khác với tư tưởng? Có người cho rằng người điều khiển là khác, vì nó là một tự thể cao hơn, vì nó là một phần của ý thức siêu việt, rằng nó là cốt tủy của giác tính hay là cốt tủy của quá khứ vốn đã tích lũy biết bao tri thức. Nhưng thế thì người điều khiển vẫn nằm trong phạm vi của tư tưởng; và dù tư tưởng đó có vươn cao tới mấy thì nó cũng vẫn ở trong lĩnh vực của thời gian và của sự đo lường.

Bạn có thấy điều này là đúng không? Không phải chỉ là sự chấp nhận trên mặt ngôn từ hay sự hiểu biết bằng trí năng mà hiểu thấu sự thực là, tất cả mọi thánh thần, của Kitô giáo hay Ấn Độ giáo, tất cả đều do tư tưởng phát minh ra cả. Tư tưởng có thể chiếu hiện chính nó ra mọi mức độ, ra mọi ảo tưởng và khi tư tưởng nói có một tự thể cao hơn nó thì đó cũng chỉ là tư tưởng thôi và do đó “tự thể siêu việt” đó chỉ là vật chất.

Khi bạn thấy người điều khiển chính là vật bị điều khiển thì toàn bộ quan niệm về phép thiền định sẽ thay đổi. Thiền định có nghĩa là sự xả bỏ ý thức, không còn nội dung. Chỉ lúc đó tâm và não mới có thể hoàn toàn vắng lặng. Sự vắng lặng tuyệt đối này – chứ không phải tương đối – là cần thiết để quán sát. Để quán sát chứ không phải để kinh nghiệm¹!

1. quán sát: observe; kinh nghiệm, trải nghiệm: experience. Quán sát là nhận thức hỗn nhiên trong thực tại. Kinh nghiệm là cảm nhận có sự can thiệp của quá khứ. Nếu dựa trên ngũ uẩn của đạo Phật, quán sát bao hàm “sắc và thọ”, còn kinh nghiệm cần thêm “tưởng” (ND).

Không phải thứ kinh nghiệm mà ta đã biết, tư tưởng thì luôn mong có thêm kinh nghiệm, kể cả những kinh nghiệm của trạng thái khác, của bình diện khác. Tâm chúng ta đã đầy ngập bởi thế giới này và những kinh nghiệm của nó, chúng đã nhàm chán, chúng bị hạn chế, bị gò bó hạn hẹp và do đó mà chúng ta muốn có những kinh nghiệm hoàn toàn khác. Bây giờ, muốn trải nghiệm ta lại cần tri thức. Nếu tôi không có tri thức, tôi có thể trải nghiệm được không? Tôi đã từng có kinh nghiệm ngắm một ngọn núi, biết vẻ đẹp của nó, những mảng tối sáng, màu xanh thắm khả ái của những buổi sáng sớm, biết mọi cảm nhận của một điều gì phi thường và tuyệt diệu. Kinh nghiệm này không thể có nếu ta không có mối liên hệ với quá khứ. Do đó trải nghiệm như thế bao hàm sự nhận thức về quá khứ. Còn tâm thì bây giờ muốn trải nghiệm một điều gì siêu việt hơn. Thế nhưng muốn cảm nhận điều này, tâm phải có nó trước đã. Vì thế mà nó không hề siêu việt gì cả, nó vẫn là sự chiếu hiện của tư tưởng.

Thiền định là cái mà trong đó không có kinh nghiệm. Trong đó không có yếu tố thời gian, yếu tố bao hàm sự vận động và dụng tâm. Dụng tâm lại đồng nghĩa với sự tác ý. Liệu tâm có thể tự xả bỏ mình ra khỏi thời gian, ra khỏi sự dụng tâm và sự vận động không, nếu được thì đó là tư tưởng đến lúc ngưng bật? Đây là toàn thể vấn đề.

Chúng ta cần tri thức để thực hành một việc nào đó; để nói một ngôn ngữ ta cũng cần tri thức; để lái một chiếc xe, ta cần tri thức; để làm bất cứ cái gì, ta đều cần tri thức. Trong thiền định, tri thức có vai trò gì? Hay nó không có

vai trò gì cả? Nó không có vai trò gì cả vì tri thức chỉ là sự tiếp nối của quá khứ, nó vẫn là sự vận hành của thời gian. Thế thì phải chăng tâm có thể tự tháo gỡ mình ra khỏi quá khứ và tìm đến một lĩnh vực của chính nó, nơi mà tư tưởng không tiếp cận đến? Tới nay thì chúng ta chỉ vận hành trong lĩnh vực của tư tưởng được biểu hiện bằng tri thức. Phải chăng có một phần, một nơi khác của tâm, nó bao gồm cả bộ não nhưng lại không bị chạm đến bởi mỗi tranh chấp của con người, đau khổ, lo âu, sợ hãi và bởi tất cả mọi thứ bạo lực, mọi thứ chuyện do tư tưởng con người sinh ra? Sự phát hiện lĩnh vực đó chính là thiền định.

Điều này cũng phát hiện cho thấy tư tưởng sẽ đến chỗ ngưng bật nhưng khi cần thiết nó cũng sẵn sàng vận hành trong lĩnh vực của tri thức. Chúng ta cần tri thức, nếu không thì ta không thể vận hành, nếu không ta không thể nói, không thể viết, v.v... Tri thức cần thiết để vận hành và sự vận hành trở nên điên đảo khi một trạng thái lại biến thành một yếu tố quan trọng nhất, tức là khi có tư tưởng "tôi" xen vào. Thế nên tri thức là cần thiết nhưng thiền định lại phát hiện, tìm đến, quán sát một lĩnh vực mà trong đó không có sự vận động của tư tưởng. Hai thứ này có thể sống chung với nhau được không, hài hòa với nhau, hàng ngày?

Các phép tu du-già¹ thật ưu việt để giữ thân được lành mạnh. Nhưng thông qua đó bạn không bao giờ đến được với cái kia, không bao giờ! Vì nếu bạn coi chúng quá quan trọng, bạn sẽ không coi trọng việc tự hiểu bản thân mình, điều

1. yoga exercises

mà ta phải quán sát, phải tỉnh giác, phải chú ý mình đang làm gì, từng mỗi lúc trong đời mình. Đó là hãy chú ý bạn nói như thế nào và nói điều gì, bạn nghĩ gì, bạn hành xử như thế nào, bạn có bị ràng buộc không, bạn có lo sợ không, bạn theo đuổi bất kỳ thứ dục lạc nào không, v.v..., hãy tỉnh giác hết về sự vận hành của tư tưởng. Nếu được thế và quả thật bạn nghiêm túc về điều này thì hẳn bạn đã thiết lập một mối quan hệ đúng đắn. Rõ ràng thôi. Nếu mọi việc xung quanh chúng ta rối loạn, nếu thế giới đang bị phân chia như hiện nay, thì các mối quan hệ trở nên vô cùng quan trọng. Khi có sự thiết lập một mối quan hệ toàn thể, một mối quan hệ trọn vẹn – không phải chỉ giữa bạn và tôi mà là mối quan hệ nhân sinh với toàn thể thế gian – thì khi đó bạn có một cơ sở cho thiền định.

Từ chỗ này bạn sẽ tiến đến phép hành xử, hành xử như thế nào. Nếu hành xử của bạn căn cứ trên dục lạc hay tiếng khen thì đó không phải là hành xử. Đó chỉ là sự theo đuổi dục lạc và từ đó mới lo sợ sẽ phát sinh. Mối quan hệ, phép hành xử và sự ngăn nắp trật tự là tuyệt đối hệ trọng nếu bạn muốn đi vào vấn đề thiền định. Nếu bạn không đặt cơ sở này thì bạn cứ tha hồ làm điều gì bạn muốn, cứ trồng chuối ngược, cứ tập thở ra hít vào trong vạn năm sắp tới và cứ tụng niệm chữ này qua chữ khác nhưng thiền định sẽ không xảy ra. Nếu bạn có tiền bạn có thể đi Ấn Độ. Nhưng tôi không biết bạn đi đến đó làm gì, bạn sẽ không tìm thấy sự giác ngộ ở đó. Giác ngộ là ngay nơi chỗ bạn đang là. Và mỗi vị trí bạn đang là, bạn hãy thấu hiểu chính mình. Khi

đã thiết lập điều này rồi, xây dựng cơ sở của sự ngăn nắp rồi – không phải một trật tự cơ giới mà là sự ngăn nắp của một đức hạnh liên tục từ lúc này qua lúc khác, nó không theo một mẫu hình nào cả, không phải là trật tự của cái đã có, không phải là qui định của đạo đức xã hội vốn chẳng đạo đức gì cả – thì bạn có thể đi vào vấn đề tìm tòi thiền định là gì.

Thiền định là một tính chất của tâm lúc tâm hoàn toàn vắng lặng. Không phải là thứ vắng lặng được tạo, không phải là trạng thái do ý muốn của tư tưởng sáng chế ra mà là một sự vắng lặng đến một cách tự nhiên khi bạn đã thiết lập sự ngăn nắp, mối liên hệ và phép hành xử¹. Sự vắng lặng là cần thiết. Nếu tâm tôi cứ nói thầm như phần lớn các tâm thức khác, thì công nhận trong câu chuyện riu rít đó cũng có một giai đoạn của sự yên tĩnh. Giữa hai lần phiếm luận có thể có một giai đoạn yên tĩnh. Thế nhưng đó không phải là vắng lặng. Vắng lặng không phải là do vắng tiếng ồn mà thành; không phải do vắng sự tranh chấp mà thành. Sự vắng lặng chỉ đến khi nội dung của ý thức đã được hiểu thấu một cách trọn vẹn và bị bỏ lại đằng sau, tức là khi người quan sát và vật bị quan sát là một và khi không hề có người điều khiển. Khi không có người điều khiển – điều này không có nghĩa là bạn sống một cuộc đời vô kỷ luật – khi không có người điều khiển, người quan sát, thì hành động sẽ xảy ra tức thì và sẽ sinh ra một số lớn năng lượng.

¹ Nơi đây người đọc dễ liên tưởng đến Giới, Định, Huệ trong phép tu học của đạo Phật (ND).

Thiền định có nghĩa là xả bỏ ý thức, làm nó không còn nội dung và điều này chỉ xảy ra khi bạn quan sát ý thức và nội dung của nó mà không có người quan sát. Bạn có thể nhìn vợ mình, chồng mình, con trai con gái mình hay nhìn đỉnh núi mà không có người quan sát không? Người quan sát là quá khứ. Bao lâu còn người quan sát thì nó buộc phải diễn dịch những gì nó quan sát trong quan niệm của quá khứ; do đó nó chính là tác giả của thời gian. Nó phân biệt vật được quan sát và người quan sát. Trong điều đó thì chỉ có tranh chấp. Còn khi có sự quan sát mà không có người quan sát thì không có tranh chấp, không có quá khứ; khi đó chỉ có tình trạng thực trước mắt và bạn sẽ đủ năng lượng để bước qua nó. Hãy làm đi và bạn sẽ thấy¹.

Thiền định có nghĩa là tập hợp năng lượng. Bạn đã thiết lập một sự ngăn nắp, mối liên hệ, phép hành xử; do đó bạn không bị phân tán năng lượng trong phạm vi này. Năng lượng đó là cần để nhìn mà không có người quan sát và để bạn đủ năng lượng vượt khỏi. Với năng lượng không bị phân tán này, tâm sẽ thấy có một lĩnh vực không được tư tưởng đụng đến. Vậy nhưng tất cả những điều này lại cần một sự chú tâm và kỷ luật nghiêm ngặt. Đây không phải là một trò chơi cho người còn sơ cơ non nớt. Thiền định cần đến một kỷ luật tuyệt đối. Từ kỷ luật có nghĩa phải học tập – không phải kiểm soát, phục tùng, bắt chước và rập khuôn. Kỷ luật chính là học tập. Xuất phát từ chữ discipline (kỷ

1. Đoạn văn này làm ta nhớ đến câu “thấy năm uẩn đều không, vượt tất cả mọi khổ ách” của Tám kinh (ND).

luật) mà sinh ra chữ disciple (học trò), người sẵn sàng học tập theo lời thầy. Thế nhưng ở đây không có học trò lẫn thầy giáo mà chỉ có hành động học tập, lúc nào cũng học tập. Và điều này cần một sự chú tâm to lớn, một năng lực to lớn, để bạn thường xuyên tỉnh giác và do đó bạn không tạo ra vọng tưởng. Thật là dễ tạo vọng tưởng; chúng tự đến khi bạn theo đuổi, đòi hỏi, ham thích một sự trải nghiệm. Sự ham muốn chuyên sinh vọng tưởng.

Tất cả những điều này bao hàm một tâm thức hết sức nghiêm túc, một trái tim đầy yêu thương mà không bao giờ bị thương tổn lòng yêu thương. Con người chúng ta từ nhỏ đã bị thương tổn. Cha mẹ xúc phạm chúng ta, trong thế giới kinh doanh chúng ta cũng bị thương tổn. Chúng ta bị thương tổn trong mọi phía và khi bị xúc phạm, chúng ta không biết yêu thương. Thế thì làm sao một tâm thức bị thương tổn lại có thể thoát khỏi tất cả những sự xúc phạm đó vốn là một phần của ý thức? Khi nhìn vào đó, bạn sẽ thấy, thật hoàn toàn và dứt khoát có thể xả bỏ tất cả mọi sự thương tổn và do đó có thể yêu thương, có thể có lòng trắc ẩn. Có lòng trắc ẩn tức là có tình cảm với tất cả mọi thứ, không phải giữa hai người với nhau, mà với tất cả mọi con người, với tất cả mọi thứ trên trái đất, với mọi sinh vật, với cỏ cây, với mọi thứ mà địa cầu chứa đựng. Khi có lòng trắc ẩn như thế, chúng ta sẽ không còn bóc lột trái đất như hiện nay ta đang làm và chúng ta cũng sẽ không có chiến tranh.

Đối với một tâm thức nghiêm túc, biết hiến dâng trọn vẹn, biết ưu tư thì thiên định là một cái phi thường, một

cái vô cùng vô tận. Trong thiền định tâm sẽ phát hiện ra không gian. Có không gian bị giữ lại trong một căn phòng và có không gian ở ngoài. Tư tưởng kiến tạo cái “tôi” làm nên một không gian nhỏ hẹp mà trong đó nó vận hành. Tư tưởng tạo nên – vì bị xúc phạm và bằng mọi lý lẽ – tất cả những bức tường mà nó bị giam giữ trong đó. Có không gian nhỏ hẹp đó và cũng có không gian mà tư tưởng tạo ra bên ngoài bản thân nó. Nhưng có không gian nào mà không có giới hạn, không có biên độ và vì thế cũng chẳng có trung tâm? Đó là điều mà thiền định phải tìm cho ra.

Bao lâu còn một trung tâm, cái tôi hay khái niệm về tôi, với tất cả những ràng buộc của nó, thì bấy lâu cái trung tâm đó còn sinh ra một lĩnh vực bao quanh mình. Nơi nào có trung tâm, nơi đó phải có biên độ. Biên độ có thể được nới rộng nhưng nó vẫn bị giới hạn bởi không gian mà trung tâm đó đã sinh ra. Thiền định có nghĩa là đến với cái không gian mà trong đó không có trung tâm; do đó không có phương hướng, không có thời gian. Nếu không có thiền định, không đến được với cái mà ta không thể dùng tư duy để nhận biết, không thể diễn đạt bằng lời, cái không có thời gian, cái không có sự tiếp nối, thì cuộc đời thật rất vô nghĩa. Bạn có thể có nhiều tiền hay không có tiền; bạn có thể ham mê của cải, ham mê vợ con, bạn bè hay bạn thờ cúng một Thượng đế riêng tư và nhỏ bé của bạn vốn được tư tưởng vẽ ra, thế nhưng bao lâu bạn còn sống thì bạn còn đau khổ, phiền não, lo âu và đối diện với bạo lực. Và những thứ đó rõ ràng là vô nghĩa. Chỉ khi nào bạn đến với không gian đó – chứ đừng

phát minh nó, đứng lên kế hoạch cho nó, đứng cho nó ra đời bởi bất cứ hệ thống nào – thì lúc đó đời bạn mới có một cảm nhận phi thường về vẻ đẹp và ý nghĩa.

Saanen, 28.7.1974

MỘT MỐI LIÊN HỆ VỚI THẾ GIỚI

1

Chúng ta là thế giới. Thế giới là bạn và tôi, thế giới không hề tách rời bạn và tôi. Chúng ta đã tạo nên thế giới này – thế giới của bạo lực, của chiến tranh, của sự phân biệt tôn giáo, của tình dục, của lo âu, hoàn toàn thiếu vắng mối trao đổi giữa mỗi người với nhau, thiếu vắng lòng trắc ẩn, lòng trọng thị đối với người khác. Trên thế giới bất cứ ở nơi nào, con người tức là bạn và mọi ai khác, cũng đều phiền não; chúng ta lo âu, pháp phông không biết điều gì sẽ xảy ra. Tất cả mọi sự đều trở nên bất ổn. Khắp nơi trong thế giới con người đều sống trong đau khổ, sợ hãi, lo ngại, bạo lực, bất an và bất ổn về mọi thứ. Giữa tất cả chúng ta có một mối liên hệ. Chúng ta chính là thế giới, là cơ bản và nền tảng của nó. Thế giới chính là bạn và bạn là thế giới. Nếu hiểu rõ điều này một cách rạch ròi, sâu sắc, đừng mơ hồ, đừng bằng trí năng mà hiểu một cách đích thực thì chúng ta sẽ thấy vấn đề của mình là một vấn đề của toàn cầu. Đây không phải là vấn đề của riêng tôi hay riêng bạn mà là vấn đề của cả loài người.

Thế nên vấn đề của ta đặt ra là một vấn nạn của loài người

trên bình diện toàn cầu, vấn nạn đó là một con người như bạn phải sống trong một thế giới đang bị phân liệt. Khi nói đến mối liên hệ, ta nói đến mối liên hệ giữa người với người. Khi bạn đã thấu hiểu mối liên hệ này bạn có thể đến sát gần hơn nữa, thí dụ mối liên hệ giữa bạn và hàng xóm, giữa bạn và vợ hay chồng bạn, giữa bạn và con cái bạn, v.v... Nếu không có một cảm nhận toàn cầu, bao quát về toàn thể loài người, thì bạn chỉ sống trong những khía cạnh riêng lẻ, với tính cách là một người Mỹ hay người Âu, một người theo chủ nghĩa xã hội, một người theo Ấn Độ giáo hay Phật giáo – hay như mọi phân biệt mà con người đã bày ra. Vấn đề mà ta quan tâm là con người, nó chính là bạn. Bất cứ nơi nào bạn đến thì con người cũng đang phiền não, lo sợ, con người cũng đang cố tìm cho ra đâu là chân lý – có Thượng đế không, có gì thiêng liêng không, phải chăng có một sự vĩnh cửu hay chết là hết và có cách nào giải thoát ra khỏi sợ hãi, có cách nào hết khổ hay không.

Trong sự xem xét của chúng ta, ở đây không có thẩm quyền, không có người dạy và người được dạy, không có đạo sư lẫn học trò; do đó không có thẩm quyền nào cả. Không có thẩm quyền trong thế giới tâm lý, thế giới tâm linh. Bạn đừng đi theo người nói¹ hay đừng chấp nhận những gì ông ta nói. Thật là tốt nếu ta có một sự hoài nghi to lớn, nhưng sự hoài nghi này cần được giữ bằng một sợi dây và bạn phải tự biết lúc nào phải buông lỏng nó, lúc nào phải siết chặt

1. speaker. Có lúc Krishnamurti không tự xưng là "tôi" mà là "người nói" (ND).

nó. Khi xem xét vấn đề bao quát này của cuộc sống, bạn và tôi phải hết sức minh bạch và thấu hiểu rằng nơi đây không có thẩm quyền, một người biết và một người không biết. Hãy cùng nhau xem xét vấn đề. Còn nếu bạn không đủ khả năng để xem xét thì đó là một việc khác. Liệu bạn có theo đuổi được việc nghiên cứu này một cách chú tâm, một cách nhất quán là tùy nơi bạn. Nếu bạn không đủ năng lượng, ý thích, lòng kiên trì cần thiết thì bạn sẽ tạo nên một thẩm quyền. Nếu bạn lười biếng, thiếu tinh tấn thì bạn trao thẩm quyền cho ai khác. Còn nếu bạn phóng túng trong cuộc sống và thấy ai khác có giới luật thì bạn tôn người đó lên thành thẩm quyền. Thế nên, xin nhắc, chúng ta cùng nhau xem xét mà không cảm nhận gì cả về một thẩm quyền, tức là nơi đây ta có tự do để quan sát. Vì rằng một trong những lý do của xã hội phân liệt mà ta đang sống này là: chúng ta là những kẻ qui phục; chúng ta thừa nhận có thẩm quyền tâm linh, chấp nhận những ông truyền thừa, những vị giáo sĩ, những nhà phân tích, xem họ là người hướng dẫn ta trong lĩnh vực tâm linh. Chúng ta là kẻ bất lực khi để cho ai thay mình tìm điều gì nơi bản thân chúng ta. Dường như ta không đủ sức để xem xét chính mình và truy cứu cho thật rõ ràng vấn đề toàn thể của nhân sinh – mà đó chính là bạn. Nếu ta cùng nhau nghiên cứu xem xét nó, và bỏ hẳn vấn đề thẩm quyền, chỉ có sự tự do nhìn ngắm, thấy cái vẻ đẹp của nó thì giữa bạn và tôi có một mối liên hệ.

Trong con người và trong xã hội loài người, một trong những nguyên nhân cơ bản của sự phân liệt, của sự hư hỏng

này là do thiếu hẳn một tâm thức tôn giáo¹. Tôn giáo tức là sự tích lũy tất cả năng lượng của bạn để xem xét sự thực; để xác định nó, để tiến đến một dạng của tâm hay dạng của ý thức mà trong đó có một sự thực, nó không phải là một loại do tư tưởng phát minh ra. Một trong những nhân tố của sự phân liệt là sự thiếu vắng hoàn toàn tâm thức tôn giáo, và một nhân tố khác là sự thiếu vắng của đạo đức² – không phải đạo đức của Kitô giáo, của Ấn Độ giáo, hay thứ đạo đức cho phép được làm tất cả; mà đạo đức bao hàm sự ngăn nấp, một sự ngăn nấp xuất phát từ gốc rễ. Đó không phải là sự ngăn nấp dựa trên một mẫu hình, hay cho tiện lợi với môi trường xung quanh, mà là sự ngăn nấp tự động đến với ta khi bạn hiểu tính chất của sự loạn động; và sự ngăn nấp này là một cái gì sinh động thật sự.

Thế giới đang phân liệt này chính là tâm bạn. Bạn chính là cốt tủy của xã hội; bạn là nền tảng của xã hội trong các mối liên hệ của bạn. Và chỗ nào không có mối liên hệ thì chỗ đó có sự phân liệt. Thế thì mối liên hệ là gì? Mối liên hệ là cơ sở của đời sống chúng ta, là nền tảng của xã hội, và bao lâu chưa có sự thấu hiểu sâu sắc về điều này và chưa có sự chuyển hóa trong mối liên hệ này, bấy lâu chúng ta chưa thể đi vào câu hỏi của thiền định, về tôn giáo là gì, chân lý là gì, v.v... Đó chính là nền tảng mà trên đó chúng ta phải đứng vững một cách dứt khoát.

Ta phải hiểu rõ thế nào là có một mối liên hệ chân chính,

1. religious spirit.

2. morality.

mối liên hệ xác đáng. Từ *xác đáng*¹ có nghĩa là đúng như thực tế đòi hỏi. Mối liên hệ là gì? Liên hệ với một ai đó tức là gì – trên mặt vật lý, trên mặt tình dục, trên mặt tâm lý, trên mặt cảm xúc, trên mặt trí năng và trên một mặt mà người ta đặt tên là lòng yêu thương? Nếu tất cả tính chất và cấu trúc của mối liên hệ chưa được hiểu một cách rõ ràng và được trải nghiệm hàng ngày thì thực hành thiền định là hoàn toàn nhẹ dạ, vô bổ, vì lúc đó thiền định chỉ là một sự trốn chạy phù phiếm. Bao lâu bạn chưa thiết lập mối liên hệ chân chính giữa mình và người khác, điều rất căn bản của cuộc sống, thì bấy lâu việc thực hành thiền định cũng trở thành sự thoái thác cái hiện thực, nó sẽ dẫn đến mọi dạng điên đảo, những kết quả tiêu cực.

Cái gì là mối liên hệ hiện thực giữa chúng ta với nhau trong đời sống hàng ngày? Nếu bạn xem xét điều này thật kỹ và đừng sợ sệt, hãy nhìn điều gì xảy ra. Bạn sẽ có một hình ảnh về chính mình, đúng thế không? Bạn có một hình ảnh, một ý niệm, một hình dung về chính bạn, và người mà bạn liên hệ cũng có hình dung của người đó, hình ảnh của người đó về chính họ. Xin hãy nhớ, bạn đang nhìn ngó chính mình, chứ không phải chỉ nghe những lời này thôi đâu. Ngôn ngữ chỉ là tấm gương và tấm gương trở nên vô dụng nếu bạn tự nhìn ngắm mình. Thế nên bạn cũng như người khác, đàn ông cũng như đàn bà, con trai cũng như con gái, chồng cũng như vợ, v.v..., mỗi con người đều có một hình ảnh, một kết luận, một ý niệm về chính bản thân mình.

1. accurate.

Nếu bạn ở chung với ai đó dù một tuần hay một trăm tuần, bạn cũng đều tạo ra một hình ảnh về người đó, và người đó cũng tạo ra một hình ảnh về bạn. Thực tế là như thế. Bạn có lo ngại khi nhìn hình ảnh này không? Cái hình ảnh đã được xây dựng sau nhiều ngày, nhiều năm, sau nhiều biến cố như trách móc, vui thú, tiện nghi, sợ hãi, thống trị, sở hữu, ràng buộc, v.v... Mỗi người có một hình ảnh về người khác. Đó là một thực tế. Thế mà bạn gọi đó là mối liên hệ. Đó chỉ là mối liên hệ giữa hai hình ảnh, giữa hai ý niệm. Đúng thế không? Bạn không cần phải đồng ý với người đang nói, bạn cứ nhìn vào thực tế này. Những hình ảnh này, ý niệm hay kết luận này, tất cả đều là ký ức cả mà mỗi người đều xây dựng nên, được gìn giữ trong bộ não. Và chúng tác động phản ứng lẫn nhau dựa lên những hình ảnh đó. Bạn từng bị xúc phạm và sự xúc phạm này là một ký ức được giữ trong não và chính nó sẽ phản ứng. Thế nên mối liên hệ của chúng ta là *không hề từ thực tại đích thực mà từ ký ức*. Nếu bạn có gia đình, bạn đã có sẵn một hình ảnh về vợ bạn, và vợ bạn cũng xây dựng một hình ảnh về bạn. Những hình ảnh này, những ý niệm này là những thứ như trách móc, những lời phê bình tầm phào, những sự xúc phạm, những thú vui, những tiện nghi, ký ức về tình dục, tất cả đều tham gia. Và mối liên hệ được thiết lập giữa hai hình ảnh giả tạo này của ký ức; nó không hiện thực; và do đó nó luôn luôn là sự chia cắt và tranh chấp. Nếu bạn từng bị xúc phạm trong mối liên hệ này, thì kẻ bị xúc phạm chính là hình ảnh bạn nghĩ về mình.

Tôi tự hỏi bạn đang thực sự quan sát điều này trong chính bạn hay chỉ đang lắng nghe người nói và đồng ý với người nói. Ở đây ta có hai thực tế khác nhau. Nếu bạn đồng ý với người nói thì điều này không có mấy ý nghĩa. Bạn có thực sự thấy mình tạo nên một hình ảnh về chính mình và những thứ xúc phạm nọ hiện hữu cũng chỉ vì có hình ảnh này?

Thế là trong mối liên hệ giữa con người, sự xúc phạm đã có chỗ đứng. Hình ảnh bị xúc phạm. Nếu bạn không cứu chữa hình ảnh này một cách hoàn toàn thì mối mâu thuẫn cứ mãi tồn tại. Có những sự xúc phạm đã qua và bạn có thể sẽ nhận thêm cái mới. Trong quá khứ bạn từng bị xúc phạm; rồi thay nó đã xảy ra từ thời thơ ấu – trong trường tiểu học, trung học, trong gia đình. Suốt đời con người bị thương tổn, và vì bị thương tổn, ta xây một bức tường quanh ta để chống trả, để không bị thương tổn nữa. Và khi xây bức tường, sự chia cắt phân biệt liền xảy ra. Bạn có thể nói “ta yêu em”, nhưng đó chỉ là ngôn từ vì nơi đây có sự phân biệt.

Có cách nào ta hoàn toàn không bị xúc phạm không? Điều này không có nghĩa là hãy xây một bức tường chống trả để không ai đụng được tới bạn, mà hãy sống không cần đề kháng, điều đó mới có nghĩa không bao giờ bị xúc phạm.

Bạn biết bị xúc phạm có nghĩa gì không? Khi một đứa trẻ bị so sánh với một đứa khác thì đó là một sự xúc phạm. Mọi sự so sánh đều làm thương tổn cả. Mọi dạng của sự bất chước, rập khuôn đều xúc phạm, không phải chỉ phiền diện thôi mà sâu xa trong tâm. Và khi ta bị thương tổn thì từ đó sẽ sinh ra bạo lực. Không bao giờ bị thương tổn là điều khả dĩ

không? Làm sao ứng xử với sự thương tổn đã qua và tránh sự thương tổn về sau? Chúng ta thử tìm xem.

Khi bạn nói “Tôi bị xúc phạm” thì cái “tôi” bị xúc phạm đó là gì? Bạn nói: “ông xúc phạm tôi” – bằng ngôn từ, bằng cử chỉ, bằng sự vô lễ, v.v... – thì xúc phạm là gì? Không phải người bị xúc phạm chính là hình ảnh mà bạn nghĩ về mình ư? Hãy xem thử đi! Hình ảnh này là một trong những yếu tố mà xã hội, giáo dục và môi trường xung quanh đã sinh ra trong bạn. “Bạn” là hình ảnh, ấn tượng, danh tính, thể hình, tính cách, phong cách, v.v... Tất cả những cái này là bạn, là hình ảnh, là ấn tượng, cái mà bạn đang là. Và hình ảnh này bị xúc phạm. Bạn có một tổng luận về chính mình, rằng bạn là thế này thế kia, và khi tổng luận này bị quấy nhiễu, bạn thấy mình bị xúc phạm. Thế thì bạn có thể sống mà không có tổng luận nào không, không có hình ảnh, không có ấn tượng gì về mình cả? Bao lâu bạn có hình ảnh về mình, bấy lâu bạn còn bị xúc phạm triền miên. Bạn có thể đề kháng, bạn có thể xây một bức tường chắn quanh mình, nhưng khi có bức tường quanh bạn, khi bạn rút lui thì đã có một sự chia cắt và nơi nào có chia cắt, nơi đó có tranh chấp – như giữa người Ả-rập và người Do Thái, như người theo Islam giáo và Ấn Độ giáo, người theo phe xã hội và người không theo phe xã hội. Bất cứ nơi nào có chia cắt thì luật tự nhiên là nơi đó có tranh chấp.

Thế thì không bao giờ ta khỏi bị xúc phạm cả chăng? Điều đó có nghĩa phải có một tâm hồn hồn nhiên, một tâm hồn không thể bị thương tổn. Thật là quan trọng phải xác định

xem ta có thể sống như thế trong đời sống hàng ngày. Vấn đề không phải là bỏ đời đến một tu viện hay một cộng đồng nào đó, nơi mà bạn nhất trí về mọi điều với nhau, tìm một chỗ mà ai cũng ủy mị suốt suốt; nhưng ngay trong thực tại của đời sống hàng ngày để xác định liệu bạn có thể sống mà không có một hình ảnh về mình và do đó mà không bao giờ bị xúc phạm, tức là không bao giờ có tranh chấp, không bao giờ có sự phân biệt chia cắt về tâm lý. Chúng ta đang thử tìm điều đó. Chúng ta đang xem xét liệu có thể sống theo cách này chăng.

Trước hết hãy ý thức là ta có hình ảnh nọ. Khi tôi có một hình ảnh về bản thân mình và nó bị xúc phạm, còn vợ tôi cũng có một hình ảnh về chính nàng và nàng bị xúc phạm thì làm sao giữa chúng tôi có một mối liên hệ được? Thế thì có thể đừng có hình ảnh không, tức là khỏi bị xúc phạm không? Ta đã bị xúc phạm trong quá khứ rồi và ta đã chống trả, xây quanh mình một bức tường, lo ngại bị xúc phạm thêm, do đó mà rút lui, tự cô lập. Làm sao giải quyết những sự xúc phạm đã qua? Phải chăng bạn sẽ phân tích tại sao mình bị tổn thương, nguyên nhân của sự xúc phạm? Bạn muốn đi vào vấn đề này bằng óc phân tích hay sao?

Hãy xét truyền thống chuyên phân tích. Chúng ta đã chấp nhận phép phân tích như một phần của đời sống. Nếu bạn không phân tích được chính mình, bạn sẽ đi tìm chuyên gia. Hãy xem quá trình của phép phân tích là gì? Đó là nơi có người phân tích và vật bị phân tích. Hãy nhìn ngay sự chia cắt phân biệt ở đây. Không phải người phân tích chính là

vật bị phân tích hay sao? Thế cho nên bạn tạo ra một sự chia cắt giả tạo giữa người phân tích và vật bị phân tích, nhưng thực tế người phân tích chính là vật bị phân tích. Cho nên có một sai lầm căn bản trong quá trình của phép phân tích. Trong quá trình phân tích bạn cũng lấy thời gian – ngày, tháng, năm – để chơi trò chơi của mình và bồi bổ cho nhau trong những cách thức đặc biệt của bạn, về mặt tài chánh cũng như tình cảm và các chuyện liên quan khác. Khi đã nhận ra sai lầm căn bản của quá trình phân tích, làm sao con người xả bỏ được mọi sự xúc phạm đã qua cũng như mọi sự có thể đến trong tương lai?

Người nói và bạn cùng nhau chia sẻ vấn đề này, để cùng nhau tìm hiểu liệu trong đời sống này ta có thể sống mà không bao giờ bị một sự xúc phạm nào không, vì chỉ sau đó bạn mới hiểu thế nào là lòng yêu thương.

Sự xúc phạm và sự xu nịnh chỉ là một, phải không? Cả hai đều là những dạng khác nhau của sự xúc phạm. Bạn được xu nịnh và bạn lấy làm thích và người xu nịnh sẽ biến thành thân thích của bạn. Đó là một cách khác của việc thừa nhận hình ảnh nọ. Một dạng thì bạn ưa thích, dạng kia bạn không ưa thích. Chúng ta đang nói về những gì không ưa thích, tránh làm sao không bị xúc phạm; nhưng chúng ta cũng sẽ nói về cái kia, cái vui thích, tiện nghi, thoải mái đối với hình ảnh mà ta có về mình. Cả hai đều chỉ là một. Thế thì tôi phải thế nào, con người phải thế nào để khỏi bị xúc phạm? Để đi vào câu hỏi này chúng ta cần phải chú tâm.

Chú tâm¹ là sao? Nếu bạn biết chú tâm có nghĩa gì thì vấn đề có thể được giải quyết. Có lúc nào bạn hoàn toàn chú tâm vào một việc gì chưa? Một sự chú tâm hoàn toàn, trong đó không có một trung tâm nào, từ đó bạn chú ý²? Nếu có trung tâm của sự chú ý thì có ngay một sự phân biệt chia cắt. Hãy nói một cách khác. Bạn biết rõ mình đang ý thức về gì. Ta đang ý thức về cây cối mà ta đang ngồi dưới gốc, ý thức về thân cành, màu sắc của thân cành và sự rậm rạp của nó, về lá cây, về bóng sẫm, về tất cả thiên nhiên và vẻ đẹp của nó³. Rồi bạn ý thức mình đang ngồi trên mặt đất, màu sắc của những tấm thảm, ý thức về chiếc máy phóng thanh. Và bạn có ý thức về tất cả những thứ này, chiếc máy phóng thanh, tấm thảm, trái đất, màu sắc lá cây, v.v... chiếc áo màu xanh, có ý thức mà không chút lựa chọn không? Chỉ nhìn ngắm mà không lựa chọn, đánh giá gì cả, chỉ nhìn thôi.

Nếu bạn có thể nhìn mà không đánh giá, không chọn lựa gì cả, chỉ quan sát thôi thì trong sự quan sát này không có người quan sát. Khi mà người quan sát bắt đầu đánh giá phân biệt, cái ưa thích và cái không ưa thích, “Ta thích cái này, ta không thích cái kia” thì lúc đó có sự chia cắt. Thế nên chỉ có sự chú tâm đích thực nếu không có một thể tính nào đó nói “Ta đang chú tâm”. Xin nhớ, hiểu điều này thật là

1. attend/attention.

2. There is no center from which you attend. Đây là điểm then chốt: chú ý nhưng không có người chú ý, không lựa chọn, đánh giá, không chấp nhận, không từ chối (ND).

3. Chú thích của nguyên bản: Các cuộc nói chuyện tại Ojai diễn ra trong một vườn sỏi

quan trọng. Vì rằng, nếu có sự chú tâm thật, khi có một sự tỉnh giác mà trong đó không có lựa chọn, không có đánh giá, chỉ đơn thuần sự quan sát thôi, thì bạn sẽ thấy mình không bao giờ bị tổn thương nữa, và những sự tổn thương đã qua bây giờ cũng biến mất. Nhưng khi có người quan sát xuất hiện thì người quan sát bị thương tổn lập tức.

Cho nên khi có sự chú tâm hoàn toàn thì không có sự thương tổn. Liệu có ai cho rằng người nói này là kẻ điên hay kiêu căng ngạo mạn thì xin cứ nói. Khi nghe những lời này và hoàn toàn chú tâm vào nó, thì không có sự thương tổn đã qua lần thương tổn sẽ tới, vì không có thể tính nào đang quan sát cả. Xin nhớ, điều này rất quan trọng, vì bao lâu còn có sự phân biệt, bấy lâu còn tranh chấp mâu thuẫn. Thật là quan trọng khi xét sự sợ hãi, sự vui thích, lo âu hay cái chết, ta phải thấy bao lâu còn có sự phân biệt giữa người quan sát, người chứng nghiệm, người suy tư với tư tưởng, thì bấy lâu buộc phải có tranh chấp, mâu thuẫn, chia cắt, phiền diện và vì thế mà có sự phân liệt. Bây giờ bạn có thể quan sát cây cối, quan sát chính mình, nhà hàng xóm, quan sát cuộc đời một cách hoàn toàn chăm chú không¹? Khi đó thì bạn có thể quan sát với sự chú tâm trọn vẹn hình ảnh mà bạn có về chính mình không? Và khi bạn chịu chú tâm trọn vẹn, liệu lúc đó có còn một hình ảnh nào không?

1. Sự chú ý này chính là thái độ quan sát của Krishnamurti về thiên nhiên và con người trong các bài của phần "Đối diện cuộc đời". Qua những mô tả của tác giả trong phần này, ta có thể cảm nhận cách nhìn của một người giác ngộ về sự vật như thế nào (ND).

Khi không còn hình ảnh, ấn tượng, kết luận nào cả thì mối liên hệ giữa hai con người là như thế nào? Bây giờ thì mối liên hệ của chúng ta dựa trên sự chia cắt phân biệt, điều này hẳn đã rõ. Anh ta đến sở làm, nơi mà anh đã cư xử với đồng nghiệp rất tàn bạo, đầy tham lam và ham muốn; rồi anh về nhà và nói với vợ : “Này em, em đáng yêu biết bao”. Có mâu thuẫn trong cuộc đời của chúng ta và do đó cuộc đời chúng ta là một cuộc đấu tranh triền miên, và vì vậy mà không có mối liên hệ. Có mối liên hệ đích thực giữa người và người tức là không còn bất cứ hình ảnh gì; không có ấn tượng, không có kết luận. Và điều này thật là phức tạp vì bạn có ký ức. Bạn có thể xả bỏ ký ức về những điều xảy ra ngày hôm qua không? Tất cả đều tùy thuộc vào đó. Lúc đó thì mối liên hệ sẽ ra sao giữa hai con người mà không ai còn hình ảnh nữa? Bạn sẽ tự thấy điều này lúc bạn không còn hình ảnh. Lúc đó có thể là tình yêu thương.

Người ta có thể sống như thế, thực sự trong đời sống hàng ngày; không có phân biệt, tức là không có chiến tranh, không có tranh chấp.

Ojai, 3.4.1976

2

Tất cả đời sống của chúng ta đều dựa trên tư duy. Mọi hành động của chúng ta đều là kết quả của tư tưởng, hoặc là từ quá khứ xa xôi hay từ các đòi hỏi trực tiếp của môi trường xung quanh. Tư tưởng hướng dẫn toàn bộ đời sống

của chúng ta. Tư tưởng chia cắt chúng ta trong quốc gia, đẳng cấp, trong tôn giáo, hệ phái, tín ngưỡng – với tất cả giáo điều, nghi thức. Tư tưởng đã xây dựng nên Nhà thờ – Kitô, Tin lành, Ấn Độ giáo cũng như những cơ cấu tổ chức và phương tiện thông tin của các tôn giáo phương Đông. Tôi cho rằng đó là một sự thật không thể chối bỏ.

Tư tưởng là gì? Tại sao nó lại trở thành nhân tố cực kỳ quan trọng trong đời sống của chúng ta? Giáo dục của chúng ta, mối liên hệ của chúng ta đều dựa trên tư tưởng, trên hình ảnh, trên những cấu trúc của ngôn từ. Tất cả những thứ đó đều do tư tưởng làm thành. Đây là lý do làm tư tưởng có sức bền bỉ, liên tục và có tính chia cắt như vậy?

Khi xem xét tại sao tư tưởng lại trở nên cực kỳ quan trọng như thế, chúng ta cũng phải đi vào vấn đề của ý thức. Ý thức được lấp đầy bởi tư tưởng và bởi những điều của tư tưởng. Dù đó là ý thức hay vô thức, nói cho cùng thì đó vẫn là vận hành của tư tưởng, xuất phát từ quá khứ, gặp gỡ hiện tại và sinh thành tương lai. Tất cả đều là sự vận hành của tư tưởng. Sự vận hành bao hàm thời gian. Tư tưởng bao hàm sự đo lường. Thế nên tư tưởng là một sự vận động, thời gian và đo lường. Quá trình của tư tưởng là gì? Tự tính và cấu trúc của tư tưởng là sao? Cuộc đời của chúng ta là: chúng ta hành động, chúng ta sống dựa theo những mẫu hình nào đó đã được xếp đặt sâu xa bởi tư tưởng, một cách có ý thức hay vô ý thức. Xem ra thật vô cùng quan trọng phải hiểu cho được tư tưởng vì nó là yếu tố chia cắt con người trên phương diện quốc gia, địa lý, dựa trên niềm tin của họ, phù hợp với

giáo điều của họ. Tư tưởng đã xây dựng nên toàn thể cấu trúc ký ức để tạo ra “tôi”, ra “bạn”, tạo ra tự ngã, tạo tính cách riêng của con người, v.v...

Chúng ta đang xét xem liệu có một thứ ý thức khác, thứ không được xác lập bởi tư tưởng và do đó ta phải xét cái ý thức hiện có, cái được lấp đầy bởi mọi thứ của tư tưởng. Nguồn gốc của tư tưởng là gì? Tại sao tư duy, tư tưởng lại có tính chất phiến diện? Tư tưởng phát xuất từ đâu? Tự tính của ý thức là gì và tại sao ý thức này lại được lấp đầy bởi sự vận động của tư tưởng? Ta phải tự mình phát hiện ra cái khởi thủy của tư tưởng.

Phải chăng tư tưởng là phản ứng của ký ức? Ký ức là tri thức được tích lũy, xem như kinh nghiệm. Khi đã có một kinh nghiệm, tri thức về kinh nghiệm đó được gọi là ký ức và phản ứng của ký ức là tư duy. Thế nên nguồn gốc của tư tưởng là quá khứ. Tư tưởng phát xuất từ quá khứ. Nếu xem xét, bạn sẽ thấy tất cả mọi sự trong đời đều dựa trên quá khứ, gốc rễ của chúng ta là nằm trong quá khứ. Tri thức là quá khứ do đó không có tri thức của tương lai hay của hiện tại. Chỉ có tri thức của hiện tại nếu có một sự hiểu thấu trọn vẹn đâu là cấu trúc và tự tính của quá khứ và cho nó ngưng bật.

Thế nên tư tưởng là phản ứng của sự vận động trong quá khứ. Quá khứ được cất giữ trong não bộ, được xem là kinh nghiệm, là tri thức. Và tại sao tư tưởng lại có tính chất phiến diện? Tại sao tư tưởng lại xây dựng nên sự chia cắt giữa người với người – sinh ra tín đồ Kitô, tín đồ Phật giáo, người theo

chủ nghĩa xã hội, người theo chủ nghĩa tư bản, người có đạo, người không có đạo, v.v...? Có một hành động nào mà không dựa trên tư tưởng, không có tính chất chia cắt phân biệt, không phiền diện, trong đó không có hối tiếc, phiền não, đau khổ không? Quá trình có tính phiền diện được thấy rõ trong đời sống hàng ngày thông qua cái “tôi”, cái “bạn”, cái “chúng ta”, cái “những người khác”, thông qua người theo đạo Kitô, người không theo đạo Kitô, vân vân và vân vân. Một khía cạnh khác của tư tưởng cũng có thể nghĩ đây đó là Thượng đế thế nhưng Thượng đế cũng vẫn là sản phẩm của mặt phiền diện đó thôi.

Tư tưởng lấp đầy ý thức của ta bằng những mặt phiền diện của nó rồi cũng chính tư tưởng nói: “Ta phải vượt lên sự phiền diện, ta phải tìm sự giác ngộ, ta phải tìm thấy Thượng đế, ta phải tìm thấy chân lý, ta phải đạt đến Niết-bàn”, bạn muốn mệnh danh cái đích đó thế nào cũng được. Một cái phiền diện đang tìm cách hiểu cái toàn thể – cái được xem là chân chính, lành mạnh, thiêng liêng – tất cả những gì mà từ “toàn thể” bao hàm. Thế nên cái phiền diện đang tìm cách nắm lấy hay tiến tới với cái được xem là toàn thể. Do đó mà cái phiền diện thực hành thiền định, nó điều khiển kiểm soát, nó cố theo một hệ thống để đạt tới cái đó, thế nhưng cái phiền diện đó cũng vẫn là vận động của thời gian, là cái phiền diện được đo lường.

Tại sao tư tưởng là một cái phiền diện? Tại sao nó trở thành cái phiền diện? Tại sao tư tưởng phân biệt tôi và bạn, chúng ta và chúng nó, người theo đạo Phật, theo phe chủ

nghĩa xã hội? Tư tưởng không thấy được cái toàn thể sao? Tư tưởng có thể tự thấy mình phiến diện không? Hay nó không bao giờ thấy chính nó, thấy bản thân giới hạn của nó, thấy những hoạt động phiến diện của nó và do đó mà không bao giờ thấy cái toàn thể?

Bây giờ hãy bảo lưu vấn đề này và chúng ta sẽ trở lại theo một cách khác.

Ta có thể thấy rõ không, rằng ý thức của chúng ta chính là nội dung của ý thức? Nội dung của ý thức làm nên bản thân ý thức. Nếu bạn là tín đồ Kitô giáo thì nội dung của ý thức bạn, tất cả niềm tin, các tín điều, mọi lễ nghi, các phản ứng, những ràng buộc, những lo âu sợ hãi, những buồn phiền, các cảm hứng, những hình ảnh mà bạn có về chính mình và về người khác, mọi kết luận xác quyết, mọi thành kiến của bạn, tất cả những điều này là nội dung của ý thức bạn. Thực sự là thế. Ý thức của bạn là do những điều mà nó chứa đựng tạo nên. Và nội dung của ý thức lại được lấp đầy bởi những điều của tư tưởng – những tri thức bài bản, những tri thức do kinh nghiệm mang lại, những tiên kiến, v.v... Thế nên ý thức của bạn là có tính chất phiến diện. Và trong lĩnh vực này mà ta lại cố tìm thực tại, chân lý, bằng cách tự bành trướng mình ra, cố ra khỏi phạm vi của mình.

Bạn đang chấp nhận những ngôn từ của tôi thôi hay bạn đang quan sát bản thân mình, soi rọi nội dung của chính ý thức mình và thấy nó quả thật đang được lấp đầy bởi mọi điều mà bạn đã tích lũy? Cũng không phải chỉ là những điều bạn đã tích lũy mà là mọi điều của những thế hệ trước đã

gìn giữ – những truyền thống, những cách hành xử. Tất cả những thứ này là ý thức bạn và vì nó phiến diện nên có tính chia cắt, nên luôn luôn nằm trong mỗi tranh chấp. Tư tưởng cảm nhận được điều này và tự nhủ “ta phải vượt lên” – bằng thiền định, bằng kiểm soát, bằng sự chế ngự, bằng mọi cách nhằm mở rộng ý thức. Đó là trò chơi mà ta luôn luôn thực hành, vừa ôm giữ nội dung của chúng, ta vừa muốn vượt lên nó.

Thế nên tư tưởng không thể thấy cái toàn thể vì bản thân nó là phiến diện. Nếu tư tưởng có thể thấy cái toàn thể thì nó đã là cái toàn thể rồi, nó chẳng cần cố gắng trở thành cái toàn thể nữa – cái toàn thể vốn lành mạnh, không chia cắt phân biệt, chân chính và thiêng liêng. Thế nhưng nó không được như thế. Rồi người quan sát cũng phiến diện, nó nói: “ta biết rõ mọi giới hạn của tư tưởng ta”. Người quan sát này là quá khứ và quá khứ, vốn đã phiến diện, biến mọi hành động thành phiến diện. Quá khứ là tri thức, kinh nghiệm, tất cả mọi thứ mà con người đã tàng trữ từ thế kỷ này qua thế kỷ khác. Và ta cứ nghĩ con người tiến bộ được là nhờ tri thức. Ta cần vấn hỏi phải chăng tri thức là phương tiện tiến bộ mặc dù nhiều giáo sư và chuyên viên cho rằng nó đúng là phương tiện vì tri thức xuất phát từ quá khứ. Sự vận động của tư tưởng là thời gian và ta cho rằng thời gian sẽ làm ta tiến bộ, phát triển, trưởng thành, nhưng thời gian cũng phiến diện luôn.

Có hai loại thời gian: thời gian vật lý, thời gian tiếp nối lẫn nhau của một chiếc đồng hồ – ngày hôm qua, hôm nay

và ngày mai – và thời gian tâm lý của “ta sẽ là”, một ngày mai có tính chất tâm lý, lúc đó thì tôi đã giác ngộ rồi, tôi đã toàn hảo rồi. Nhưng phải chăng có thực một thứ thời gian tâm lý hay chẳng qua đó chỉ là do tư tưởng bày ra? Chúng ta đang tìm cách xác định liệu có thứ hành động không dựa trên quá khứ và vì thế không có tính chất chia cắt. Có một thứ hành động trọn vẹn, hoàn toàn, không bị vướng trong tấm lưới của thời gian không?

Sau khi đã thấy hành động, vận hành đang diễn ra trên thế giới – và trong chúng ta vì chúng ta là thế giới – ta muốn biết liệu có một hành động không dựa trên một kết luận nào (vì kết luận là vận động của tư tưởng), không dựa trên một khái niệm nào (vì nó lại là phiền diện), không dựa trên thành kiến nào, một hành động mà trong từng giây phút là hoàn toàn, trọn vẹn, để trong hành động này không thể có hối tiếc, phiền muộn, đau khổ. Bạn không muốn tìm ra một hành động như thế sao? Chúng ta sống với những loại hành động đầy khổ não, luôn luôn ẩn chứa mầm bất ổn, hối tiếc – “Tôi ước ao đã không làm điều đó”. Ta biết loại hành động vốn mang lại hối tiếc, phiền não, lo âu, thất vọng, v.v... và ta muốn tìm xem liệu có một loại hành động mà nó là trọn vẹn, hoàn toàn, cùng với nó không có sự hối tiếc, không có sự ô nhiễm nào đi kèm. Tôi cho rằng đó là điều mà trí thông minh trong con người đòi hỏi và khi không tìm ra nó, ta nghĩ ra những thế tính bên ngoài – như nếu tôi tiếp cận được với Thượng đế thì tôi sẽ biết được thế nào là hành động trọn vẹn. Tư tưởng sẽ không bao giờ tiếp cận được Thượng đế, vì Thượng đế chỉ

là phát minh của bản thân nó! Theo cách như thế mà ta đã đi tìm liệu có một hành động toàn thể, trọn vẹn, chân chính, lành mạnh, hợp lý và do đó mà thiêng liêng?

Tại sao tư tưởng đã phát minh ra một hình ảnh lý tưởng? Lý tưởng chính là cái đối nghịch với *cái đang là*¹. Lý tưởng thì nằm trong tương lai và cái đang là lại chính là hiện thực. Người ta không biết hành xử ra sao với cái hiện thực, làm sao thấu hiểu nó, làm sao vượt lên được nó và do đó không sao hiểu được nó, người ta mới chiếu hiện ra một hình ảnh lý tưởng, một cái tưởng tượng, một cái không phải hiện thực. Thế nên có một sự chia cắt phân biệt giữa *cái đang là* với cái lý tưởng, và vì thế mà có tranh chấp. Tư tưởng, vốn phiến diện, không thể hiểu thấu cái gì là hiện tiền trong hiện tại. Nó nghĩ là nó hiểu được bằng cách tạo ra một hình ảnh lý tưởng và mãi chạy theo hình ảnh đó, và vì thế mà mang lại thêm sự tranh chấp. Thế nhưng nếu ta có khả năng nhìn hiện tại, cái thực có, cái đang là, mà không vướng vào một nguyên tắc gì, một lý tưởng gì, không có người quan sát hiện diện, mà người này chính là quá khứ, thì người ta gặp gỡ cái hiện tiền.

Bạn có thể thấy cái đang là mà không thành kiến, không đánh giá không? Bạn có thể thấy cái đang là mà không có sự hiện diện của người quan sát không, đó chính là quá khứ? Hãy giả định bạn đổ kỵ với người khác, bạn nhìn lòng đổ kỵ đó như thế nào? Bạn đang xem xét nó với tính cách của

1. What is.

một quan sát viên, của một kẻ đứng ngoài lòng đổ kỵ nọ? Bạn nhìn nó như thể là bạn là một cái gì tách rời khỏi lòng đổ kỵ, nhưng thực ra bạn *chính là* lòng đổ kỵ¹. Bạn không hề là người quan sát, một kẻ khác biệt; bản thân người quan sát chính là lòng đổ kỵ. Thế nên người quan sát chính là vật bị quan sát. Xin nhớ điều này thực là quan trọng cần phải hiểu thấu. Khi bạn đã nắm được sự thật là, người quan sát chính là vật bị quan sát thì cái được mệnh danh là vật bị quan sát sẽ có một thay đổi toàn triệt. Điều ngăn cản một sự thay đổi toàn triệt của cái đang là chính là sự can thiệp của người quan sát, của một cái quá khứ. Khi đã hiểu điều này thì mọi tranh chấp biến mất.

Chúng ta đã được giáo dục để chịu rập khuôn với sự chia cắt phân biệt giữa người quan sát và vật được quan sát, trong đó người quan sát luôn luôn tìm cách chế ngự vật được quan sát. Người quan sát nói: “Ta đổ kỵ, ta phải tìm cơ để đổ kỵ là có lý; nếu ai cũng không đổ kỵ thì điều gì xảy ra trong xã hội?”. Tôi tự trấn áp mình, tôi làm cho hữu lý, tôi bào chữa, tất cả đều là một quá trình của sự tranh chấp. Xuất phát từ sự tranh chấp này ta có mọi dạng của bạo lực. Tuy nhiên thực tế đích thực là người quan sát chính là vật bị quan sát. Và khi đó thì ngưng bật mọi phân biệt chia cắt. Khi chỉ có sự quan sát về sự vật thì sự vật sẽ có một sự chuyển hoá toàn triệt. Thế thì người ta có thể sống một cuộc

1. Không có một chủ thể làm chủ các dạng tâm lý mà các dạng tâm lý xếp bên nhau, vận động theo thời gian làm ta lầm tưởng có một chủ thể riêng biệt (ND).

đời trong đó không có bất kỳ mối tranh chấp nào không? Tức là phải hoàn toàn chân chính¹. Đó là những người mất thăng bằng, những người bị nhiễu loạn, những ai còn nằm triền miên trong sự tranh chấp.

Ta muốn tìm một cách sống, trong đó không có tranh chấp, trong đó tư tưởng – vốn là sự vận động trong thời gian để sinh ra đo lường, vốn chuyên chia cắt phân biệt – nay đã tự thấy giới hạn của mình và chỉ vận hành tại chỗ thật sự cần thiết và hoàn toàn không đi vào lĩnh vực của tâm lý. Tư tưởng đã tạo nên tâm lý, các trạng thái tâm lý mà đó chính là tôi, là tự ngã của tôi. Và vì tư tưởng phiến diện nên cái được nó tạo nên, cái tôi, cũng phiến diện nốt. Khi tư tưởng nói: “ta phải hội nhập với cái toàn thể” thì đó là điều bất khả. Liệu tư tưởng có thể tự mình nhận biết, chính mình chỉ là sự phiến diện và điều gì mình tạo nên cũng là phiến diện cả? Nó có nhận biết được chẳng có một thứ hành động không phiến diện, điều mà chỉ xảy ra khi kẻ quan sát chính là vật bị quan sát, điều sẽ thể hiện bằng cách, cái được gọi là “cái đang là” sẽ có một sự chuyển hóa triệt để?

Ý thức chúng ta là đầy ngập những điều của tư tưởng và vì thế mà cũng bị phiến diện. Có hay không một loại ý thức không phiến diện và tư tưởng có thể tìm thấy nó chăng? Có hay không một loại ý thức không bị xếp đặt bởi tư tưởng? Chúng ta chia chẻ vũ trụ ra thành “tôi” và “bạn”, thành “chúng tôi” và “những người kia”, thiện và ác. Chúng ta chia

1. That is to be perfectly sane. Từ “sane” cũng có thể được dịch là “ngăn nắp” [như trong một chương trước] (ND).

ché, tức là tư tưởng đã chia chẻ. Và bây giờ tư tưởng lại tự hỏi: “Có hay không loại ý thức không do ta xây dựng nên?”. Bây giờ thì làm sao một con người như bạn lại có thể tìm ra được một thứ ý thức như thế được? Người ta đã thử làm từ hàng ngàn năm nay. Không phải bây giờ ta mới làm đâu. Con người đã cho rằng phải có một loại ý thức khác với loại ý thức này. Và nó lại nghĩ tiếp: “ta phải điều khiển tư tưởng; phải có một hệ thống mà trong đó tư tưởng được điều khiển và khi tư tưởng đã được điều khiển, được giữ chặt thì may ra ta có thể biết đến cái kia là gì”. Và đó chính là toàn bộ nền tảng của thiền định: kiểm soát tư tưởng. Thế nhưng con người không hỏi cái nào là nhân tố điều khiển. Thật ra nhân tố điều khiển vẫn chính là tư tưởng thôi.

Muốn tìm ra, muốn đến với một cái không do tư tưởng dựng nên, ta phải hiểu chỗ mà tư tưởng đóng vai trò tri thức và chỗ mà tư tưởng hoàn toàn không có chỗ đứng; tìm hiểu nhưng không đè nén nó. Tư tưởng xuất hiện với tính chất tri thức trong hoạt động nông cạn hàng ngày: lái một chiếc xe, làm việc trong xưởng, viết lách. Ta chỉ có thể cho tri thức một chỗ đứng đúng đắn khi bạn hiểu hết tính chất của tư tưởng. Tâm lý của tôi, cái “tôi”, được tư tưởng dựng nên – đạo đức của tôi, khí chất, mong ước, tham vọng, các tính chất riêng biệt của tôi, kinh nghiệm của tôi khác hẳn kinh nghiệm bạn. Tất cả những điều đó đều là kết quả của tư tưởng. Tư tưởng dưới dạng tri thức thì nên có nhưng tư tưởng không nên có chỗ trong tâm lý. Tức là, tâm thức này, toàn thể cấu trúc này của tâm lý có nên ngưng bật chăng? Chỉ lúc đó thì

mới có một dạng hoàn toàn khác của ý thức xuất hiện – điều mà bạn không bao giờ tìm thấy nếu chỉ bằng thiền định¹.

Tất cả mọi thứ do tư tưởng dựng lên đều là thực tại. Thế nhưng tư tưởng không tạo nên ngọn núi hay cây cối, và chúng cũng chính là thực tại. Tất cả những thánh thần, những nghi lễ, tất cả những chuyện tào lao do tư tưởng bày ra trong thế giới, cũng là thực tại – chiến tranh là một thực tại, giết người là một thực tại, sự bạo lực, sự tàn tệ, lòng nhẩn tâm, sự phá hủy, là một thực tại do tư tưởng làm ra, do tư tưởng dựng nên. Ngọn núi, cây cối, dòng sông, vẻ đẹp của bầu trời cũng là một thực tại, nhưng không do tư tưởng sinh ra. Niềm tin cũng là một thực tại sinh ra bởi tư tưởng nhưng nó là tâm thần hỗn loạn. Tính hỗn loạn tâm thần cũng là một thực tại. Và chân lý không phải là thực tại. Tư tưởng không bao giờ tiếp cận được chân lý. Đâu là mối liên hệ giữa thực tại và chân lý?²

Chúng ta đã xem xét tính chất của tư tưởng. Chúng ta đã nói tư tưởng là một quá trình vật chất, là vật chất, vì nó được cất chứa trong não, là phần của tế bào mà tế bào là vật chất. Thế nên tư tưởng là quá trình mang tính vật chất trong thời gian, trong sự vận động. Và bất cứ điều gì do sự

1. Thiền định nói ở đây là phép kiểm soát tư tưởng. Còn Thiền định “đích thực” thì đã được tác giả trình bày trong chương trước (ND).

2. Thực tại: reality, Chân lý: truth. Chúng ta có thể nói điều gì có tác động thì điều đó là “thực tại”. Do đó mọi thứ do tư tưởng bày ra, kể cả giấc mơ, cũng là thực tại. Còn “chân lý” là cái “toàn thể”, điều mà thánh giả/độc giả đang chờ đợi Krishnamurti nói đến nhưng cũng là điều mà không mấy người hiểu ngộ (ND).

vận động sinh ra đều là thực tại cả – một tinh thần hỗn loạn cũng như những cái mà ta gọi là phiền diện đều là những thực tại cả. Một cái đang hiện hữu cũng là thực tại, thí dụ chiếc máy phóng thanh này. Và thiên nhiên cũng là một thực tại. Thế thì điều gì là chân lý? Tư tưởng, vốn là phiền diện, bị ràng buộc trong thời gian, lan man vô bổ, tàn bạo, có thể tìm được chân lý không mà chân lý là cái toàn thể, là cái thiêng liêng? Nếu nó không tìm được thì đâu là mối liên hệ giữa tư tưởng, giữa thực tại và cái được gọi là chân lý?

Bạn biết rằng, tất cả những thứ này đòi hỏi phép thiền định. Đó mới là thiền định đích thực, chứ không phải thứ do các ông đạo sư guru nhập cảnh vào xứ sở này. Ý thức, mà ý thức chính là nội dung của bản thân nó, có bao giờ mở rộng ra được để bao gồm luôn ý thức của chân lý không? Hay cái ý thức này của tâm lý, của cái tôi với tất cả dung lượng của nó phải ngưng bật mới tiếp nhận được cái gì là chân lý. Ta phải tìm cho ra cái gì là tự tính của tâm lý, cái mà do tư tưởng làm nên. Cái “tôi” là gì – cái phù phiếm, kiêu căng, lòng tham muốn thành tựu – cái làm người ta đeo bám khăng khít như thế? Tính chất của nó là gì? Nó xuất hiện ra như thế nào? Vì nó sờ sờ ở đó nên cái khác không thể có. Nếu tôi còn ích kỷ, bao lâu mà cái trung tâm tâm lý còn đó thì chân lý không thể nào xuất hiện vì chân lý là cái toàn thể.

Thế thì cái tâm – tức là tất cả mọi cảm quan, mọi cảm xúc, mọi ký ức, mọi thành kiến, mọi nguyên tắc, mọi mục đích, mọi kinh nghiệm, tất cả những thứ đó, chúng chính

là tâm, là tôi – tất cả những cái đó làm sao ngưng bật nhưng vẫn tác động được trong thế giới này? Có khả dĩ không?

Muốn biết thì ta phải đi rất sâu vào trong các vấn đề của sự sợ hãi, vào trong vấn đề hết sức phức tạp của sự vui thú lẫn trong vấn đề của phiền não cũng như xem phiền não có thể chấm dứt được không. Người ta sống với phiền não từ thiên niên kỷ này qua thiên niên kỷ khác. Người ta không thể dứt được phiền não. Và muốn biết thì ta cũng phải đi vào vấn đề của sự chết và lòng yêu thương. Vì tất cả những thứ này là tấm lưới đan bện của cái tôi. Vì thế đây là một điều cực kỳ nghiêm túc, không phải là chuyện đùa chơi. Người ta phải đánh đổi cả đời mình để mong hiểu ngộ được nó. Muốn sống trong thế giới này một cách toàn vẹn, chân chính, vô tâm, chứ không trốn tránh, không lánh mình vào tu viện hay hội đoàn tôn giáo nào, mà sống ngay tại đây, trong thế giới điên khùng, thác loạn và chết chóc này, nơi đầy những sự hư hỏng, nơi mà nền chính trị chia tay với đạo lý. Sống trong thế giới này một cách chân chính, vô tâm, vô ngã là một sự thử thách to lớn. Điều đó đòi hỏi một cái tâm biết suy nghĩ một cách tỉnh tế, chính xác, khách quan, với mọi giác quan luôn luôn tỉnh thức, không bị mờ đục bởi chất rượu hay bởi vận tốc hay bất cứ những thứ gì tương tự. Bạn phải có một cái tâm hết sức lành mạnh; và khi nó bị mờ đục vì khói thuốc, vì rượu thì không còn một cái tâm lành mạnh nữa, tất cả những cái đó hủy hoại tâm, làm tâm cùn nhụt.

Ojai, 4.4.1976

Nếu chỉ có một người hiểu ngộ được một cách toàn triệt vấn đề của sợ hãi và giải quyết được nó, không phải ngày mai hay một ngày nào khác mà tức khắc bây giờ thì người đó đã tác động được lên toàn bộ ý thức của nhân loại. Đó là một thực tế hiển nhiên. Như chúng ta đã nói, ý thức của bạn không hề là vật sở hữu riêng tư của bạn mà nó là kết quả của thời gian, của hàng ngàn biến cố, kinh nghiệm, chúng được xây nên bởi tư tưởng. Ý thức này nằm trong một sự vận động liên tục. Nó giống như một dòng chảy, một con sông rộng lớn mà bạn là một phần. Thế nên ở đây không có sự chuyên biệt hoá, và nếu đi sâu vào vấn đề, bạn sẽ thấy không hề có tính cá thể. Có thể bạn không thích điều này, nhưng hãy xem. Một cá thể tức là một tự thể nào đó, nó không bị phân chia, không thể phân chia, không bị phiến diện, không bị chẻ ra từng mảnh mà là một tự thể toàn vẹn. Nhưng tiếc thay phần lớn chúng ta bị chia chẻ, phiến diện, phân chia, cũng như mọi sự việc trên thế giới – đau khổ, lo âu, thất vọng, khốn cùng, phiền muộn, sợ hãi.

Vì vậy mà chúng ta cùng nhau nghiên cứu vấn đề của sự sợ hãi và xem thử nó có thể chấm dứt được không. Chúng ta đang cùng nhau chia sẻ. Sự sợ hãi có thể rất ít nhưng cũng có thể là một gánh nặng to lớn. Có thể là sợ hãi mất việc làm, sợ bị thất bại, sợ chết, sợ không được yêu thương, sợ phải cô đơn, sợ sự cô lập, sợ bị bất ổn, sợ phải phụ thuộc,

sợ làm sai quấy, sợ phải chạy theo đám đông, sợ bị bỏ rơi. Bạn quá biết cái sợ là gì. Về mặt tâm lý không ai có thể thoát khỏi sự sợ hãi. Cái sợ đè nặng tâm người, làm tối sầm mặt người. Người ta không biết làm sao với những thứ sợ hãi này, vì vậy mà ta trốn chạy vào trong bạo lực, sự tàn nhẫn, sự kiêu ngạo và cay đắng.

Nguyên nhân cơ bản của sự sợ hãi là gì? Hãy tự nhìn mình. Hãy sử dụng ngôn ngữ như một tấm gương mà khám phá chính nỗi sợ hãi của mình để rồi khi quan sát, bạn hãy tìm ra gốc rễ của nó; không phải cành không phải lá, không phải cái sợ hãi thông thường mà nguyên nhân cơ bản của cái sợ. Bởi vì nếu có cái sợ hãi về tâm lý, về nội tâm thì mọi hành động đều bị méo mó và sẽ không còn có một sự quan sát tinh tế và rõ ràng được nữa.

Gốc rễ của sự sợ hãi là gì? Phải chăng là vì ta không tìm được sự an toàn trọn vẹn, về mặt tâm lý, về mặt nội tâm? Vì không được sự an ổn hoàn toàn, trọn vẹn. Phải chăng đó là điều mà ta luôn luôn tìm kiếm, về một điều thường hằng, vĩnh viễn, một điều chung quyết? Phải chăng đó là nỗi lo không được sống? Trước hết hãy xem có một sự an toàn về mặt tâm lý không; vì có thể ta đang tìm sự an toàn nội tâm mà lại tạo ra sự bất ổn ở thế giới bên ngoài. Thế nào là sự an toàn, về mặt tâm lý, nội tâm? Ta muốn gì khi nói đến an toàn, vững chắc, trường cửu, không bị lung lay, kiên cố, không ai lay chuyển được, không ai phá hư được? Phải chăng đó là điều mà bạn tìm kiếm trong mối quan hệ với nhau? Đã có tri thức đầy đủ và dựa trên các tri thức đó

ta sẽ có an toàn chăng? Điều đó có nghĩa tìm kiếm sự thường hằng, tìm kiếm điều không bao giờ bị thay đổi, tức là tìm kiếm sự vĩnh viễn trong nghĩa là cho thời gian một dấu chấm hết.

Phải chăng thời gian là một trong những yếu tố của sự sợ hãi? Có thứ thời gian của chiếc đồng hồ, thời gian của ngày hôm qua, hôm nay và ngày mai. Thời gian cơ học là cần thiết, nó có đó. Có thời gian tâm lý không? Có một ngày mai cho tôi, cho bạn không, nói về mặt tâm lý? Nếu không thì có một nỗi sợ to lớn. Nếu bạn phải đụng độ với thực tế là không có ngày mai về mặt tâm lý thì nền tảng của bạn bị lung lay; vì ngày mai bạn có nhiều vui thú hơn, ngày mai bạn sẽ tốt đẹp hơn, ngày mai bạn sẽ thành tựu công việc, ngày mai bạn sẽ hết sợ hãi. Có một ngày mai về mặt tâm lý không?

Ngày mai hàm nghĩa thời gian. Ngày mai bao gồm tư tưởng mà bản thân tư tưởng là phiền diện; chính nó là kẻ bày ra thời gian về mặt tâm lý, trong đó bạn đi từ cái đang là đến cái phải là. Phải chăng thời gian chính là một yếu tố của sự sợ hãi? Thời gian có thật nhưng liệu có thời gian tâm lý không: cố gắng để trở thành một điều gì? Hay là sợ không được hiện hữu? Cái đòi hỏi triền miên của sự tự biểu lộ này là gì, của cái tôi muốn được phát biểu, cái “tôi” và cái “bạn”, cái tự ngã? Hãy nắm lấy vấn đề này, vì đó chính là đời của bạn, và nếu bạn hiểu ngộ điều này và thoát khỏi sợ hãi thì bạn đã mở cửa đi vào thiên giới.

Cái “tôi” là gì khi nó nói: “tôi phải là thế này thế nọ”, “tôi phải thiên định”, “tôi phải tìm được Thượng đế”, “tôi

phải thực hiện”, “tôi phải hạnh phúc”, “tôi phải cô tịch”, “tôi phải thành tựu”, “tôi phải biết cái này cái kia”? Cái tôi đó không phải là danh tánh, ông A ông B; không phải dạng hình, tức dạng hình của thân thể mà bạn thấy trong gương; hay mọi ký ức được tích lũy, hay mọi khái niệm về chính bạn, hình ảnh của chính bạn, cái hình ảnh đã nói: “tôi phải hay hơn bạn nhiều”. Không phải những thứ đó đều do tư tưởng tạo nên hay sao? Mà tư tưởng thì phiền diện và hoạt động của nó không phải chỉ là cái “tôi” mà cái phiền diện đó còn tạo mọi thứ xung quanh bạn, như các quốc gia khác nhau, các giai cấp khác nhau, các cuộc chiến tranh và mọi thứ kèm theo. Và tư tưởng là một quá trình có tính vật chất trong thời gian. Tư tưởng là phản ứng của ký ức, của kinh nghiệm, của tri thức được chất chứa trong não.

Thế nên cái “tôi” mà chúng ta hằng đeo bám chỉ là một vọng tưởng. Đó có lẽ là gốc rễ của sợ hãi, đeo bám vào một cái gì không có thực. Có một cái tôi ảo tưởng, được tưởng tượng ra, nó chỉ là hình ảnh, là biểu tượng, là ý niệm, do tư tưởng theo thời gian mà xây dựng nên, nhưng bản thân tư tưởng lại là quá trình vật chất, là sự đo lường. Và cái tôi này, biết sự hiện diện của mình là vô cùng bấp bênh, trong tận đáy cùng có lẽ là nguyên nhân cơ bản và sâu xa của sự sợ hãi. Điều đó không có nghĩa là nếu bạn không có cái “tôi” thì bạn không thể sống trong thế giới. Mà ngược lại¹.

1. Khó tìm thấy một đoạn văn nào nói về tính “vô ngã” một cách sáng tỏ đầy sự thuyết phục và lòng từ bi như đoạn này của tác giả (ND).

Bây giờ bạn có thể xem xét sự vận động của thời gian không? Thời gian là sự vận động. Chấm dứt sự vận động này là cho thời gian một dấu chấm hết. Đó là một trong những yếu tố chính của thiên định, để cho thời gian ngưng bật, về mặt tâm lý. Cho nên sự sợ hãi sâu xa là do sự vận động của tư tưởng trong thời gian, mà tư tưởng là một quá trình vật chất, nó nghĩ ra một cấu trúc giả tạo được mệnh danh là “tôi” và khi đã tạo ra nó thì đeo bám vào nó. Tư tưởng đeo bám vào một khía cạnh do bản thân nó tạo ra và chính tư tưởng cũng chỉ là một mặt phản diện. Có sự sợ hãi trong mối liên hệ, vì trong mối liên hệ chúng ta mới tạo nên hình ảnh của bạn và tôi. Người đàn ông và đàn bà ai cũng có một hình ảnh về người kia, một ấn tượng, một biểu hiện được thời gian xây dựng nên, của nhiều ngày, nhiều năm hay của một giờ. Và mối liên hệ của họ là mối liên hệ của hai hình ảnh đó. Hãy xét và bạn sẽ thấy thực tế đó. Chúng ta đeo bám vào một hình ảnh, một ấn tượng và sợ sẽ mất hình ảnh đó đi. Thế nên chúng ta cần phải nhìn lẫn nhau một cách hoàn toàn khác nếu không còn hình ảnh nữa.

Chúng ta đã dùng ngôn từ để mô tả bằng tính chất, thể tính, cấu trúc của cái mà ta gọi là sợ hãi. Bây giờ, đã biết lời mô tả không phải là vật được mô tả, liệu bạn có thể không nhìn vào lời mô tả mà hãy nhìn vào thực tế không? Bạn có thể xem xét được không? Tức là bạn biết quan sát không?

Thật hết sức quan trọng khi ta phải tập cách quan sát. Có một nghệ thuật quan sát. “Nghệ thuật” ở đây có nghĩa

đưa sự vật vào đúng chỗ của nó, đưa sự vật về đúng chỗ mà nó thuộc về. Bạn có thể quan sát cái được gọi là sợ hãi không? Bạn là người quan sát có khác gì với vật được quan sát không? Khi bạn cúi kính, đổ kị hay ganh tị hay thế nào bất kỳ, bạn có khác với cảm giác mà ta mệnh danh là “ganh tị” không? Hay chính bạn là sự ganh tị? Cho nên người quan sát là vật được quan sát. Nói một cách khác, phải chăng người suy tư khác với tư tưởng của nó? Hay nói cách khác nữa, phải chăng người chứng nghiệm khác với kinh nghiệm? Nếu không khác thì tại sao bạn còn đi tìm sự chứng nghiệm? Nếu không có sự khác biệt giữa người quan sát và vật được quan sát thì thực tế là chỉ có vật được quan sát. Chỉ có tư duy, không có sự người tư duy khác với tư tưởng.

Bạn mong có sự chứng nghiệm. Bạn thấy nhàm chán với những chứng nghiệm mà bạn đã có, những kinh nghiệm tình dục hàng ngày, cái này, cái khác và cái khác nữa, nên bạn muốn biết thêm những chứng nghiệm khác nữa – chứng thực về Thượng đế, về giác ngộ, về Chúa Jesus, về ý thức của Krishna. Và bạn lại không bao giờ chịu hỏi ai là người chứng nghiệm và liệu nó có khác với những gì được chứng nghiệm không. Bạn muốn chứng nghiệm ý thức của Krishna hay ý thức của Chúa Jesus, hay cái gì khác, nhưng muốn chứng nghiệm cái đó thì bạn phải nhận biết nó, đúng không? Tức là bạn phải từng biết nó rồi. Vì thế người chứng nghiệm là vật được chứng nghiệm.

Bạn có thể nhìn sự sợ hãi mà không có người quan sát không? Vì bạn chính là sự sợ hãi, sợ hãi không khác gì với

bạn cả. Khi bạn tức giận, phải chăng cơn giận khác với bạn? Nếu bạn cho là khác, thì bạn đang cố điều khiển nó, bạn đang cố kiểm chế nó, đang muốn làm cái gì với nó. Thế nhưng nếu người quan sát là vật bị quan sát, bạn không thể làm gì cả với nó, bạn chính là nó. Vì vậy hãy quan sát sự sợ hãi mà không có người quan sát.

Khi quan sát, người ta nhận thấy cái sợ không hề khác với người quan sát. Nếu người quan sát là vật được quan sát thì có một sự thay đổi căn bản trong cái được quan sát. Nếu có một sự phân biệt giữa người quan sát và vật được quan sát thì sẽ có tranh chấp liên trong sự chia cắt phân biệt đó. Tôi sẽ nói, tôi phải thoát khỏi nó, phải điều khiển nó, hay tự hỏi tại sao mình lại không nên sợ, tại sao mình lại không nên có những hành động vì nỗi sợ hãi này. Luôn luôn có mâu thuẫn đối kháng, chia cắt và vì thế mà có tranh chấp – một điều thật phí phạm năng lượng. Ta phí năng lượng khi có tranh chấp, khi tìm cách điều khiển, khi trốn chạy, khi đi tìm ai đó để họ chỉ cho cách thoát khỏi cái sợ. Nếu bạn không phí năng lượng – và điều này chỉ xảy ra khi người quan sát là vật được quan sát – thì bạn sẽ có năng lượng to lớn đó mà chuyển hóa cái đang là. Sự quan sát thuần túy nhất chính là năng lượng, nó sẽ chuyển hóa cái đang là. Hãy nắm nó đi và bạn sẽ thấy mình hoàn toàn xả bỏ nỗi sợ hãi tâm lý.

Nếu bạn đã nghe những lời này với tất cả tâm hồn thì cứ mỗi khi bạn ngủ dậy bạn đều tự tại không hề biết sợ. Điều đó có nghĩa bạn đã lắng nghe. Đây là vấn đề của bạn và tuyệt đối cần thiết phải giải quyết, không phải vào ngày

mai mà ngay tức khắc. Tức là khi bạn nhận thức điều gì thì bạn hành động tức khắc và sự nhận thức đó chỉ khả dĩ khi người nhận thức là vật được nhận thức vì lúc đó bạn có hoàn toàn đầy đủ năng lượng. Quan sát trọn vẹn chỉ khả dĩ khi không có người quan sát – người quan sát là quá khứ. Khi có sự chú tâm hoàn toàn trong sự quan sát thì điều được quan sát sẽ có một sự chuyển hóa toàn triệt. Bạn hiểu không? Hãy làm đi!

Ojai, 10.4.1976

4

Tại sao tâm tư con người cứ muốn chạy theo lòng ham thích? Chúng ta không bàn chuyện nên hay không nên có sự thích thú mà tìm hiểu tự tính của lòng ham thích, vì con người dường như triển miên theo đuổi sự ham thích. Tại sao lại có một yêu cầu lớn lao về sự vui thú, về hành động dễ dãi nhất, về cách sống tiện nghi nhất, sự theo đuổi không chỉ có tính chất vật lý, những vui thú cảm quan thô thiển mà còn những dục lạc tâm lý? Và vui thú tối hậu là Thượng đế, là giác ngộ. Sự vui thú là gì? Phải chăng nó là mặt bên kia của đồng xu sợ hãi? Phần lớn con người không ai ưa sợ hãi, không biết giải quyết ra sao với sự sợ hãi và liên tục theo đuổi sự vui thú.

Thông qua văn hóa, truyền thống, thói quen, môi trường, v.v..., một phần của não bộ chúng ta trở nên có tính cơ giới. Phải chăng sự vui thú có tính cơ giới? Phải chăng đó là sự

lặp lại của loại khoái cảm nào đó của ngày hôm qua, hoặc là nhục dục hoặc thứ khác, nó đã trở thành ký ức và chúng ta theo đuổi ký ức trong dạng khoái cảm? Chúng ta cũng đã quan tâm đến sự chuyển hóa của tâm thức con người. Chúng ta không thể sống mãi như đang sống. Phải có một sự thay đổi triệt để trong tâm hồn chúng ta, trong toàn bộ cách sống và do đó thật là quan trọng phải tìm hiểu tại sao con người cứ mãi bị ràng buộc trong việc theo đuổi dục lạc.

Hãy xem thử vấn đề. Ngày hôm qua xảy ra nhiều điều đầy vui thú, những điều mà bạn hết sức yêu thích. Việc đó được ghi nhận trong óc, nó trở thành ký ức. Rồi tư tưởng tự nhủ: “Ta phải có nó nhiều hơn nữa”. Sự theo đuổi của hôm nay và ngày mai là một sự lặp lại của một điều đã chấm dứt, điều được tư tưởng đánh giá là vui thú. Rõ rệt đó là một điều có tính cơ giới.

Thế nào là sự khác biệt giữa sự vui thú, lòng vui thích và niềm vui¹? Ta có ba thứ: sự vui thú, lòng vui thích và niềm vui. Bạn có thể nuôi dưỡng sự vui thú – sở thích, tất cả những hoạt động thuộc về giác quan. Bạn có thể nuôi dưỡng lòng vui thích được không? Hay bạn có thể nuôi dưỡng niềm vui được không? Niềm vui đến mà không ai mời, bằng vài bất ngờ lạ lùng. Bạn thấy mình hạnh phúc một cách bất ngờ, lạ thường, không thể nói được. Thế là tư tưởng tham gia vào và tự nhủ: “Ta phải có thứ đó nhiều hơn”. Lúc mà tư tưởng xen vào với cái được gọi là niềm

1. sự vui thú: pleasure; lòng vui thích: enjoyment; niềm vui: joy.

vui, cái không được mời mọc, thì nó biến thành sự vui thú. Do đó nó trở thành cơ giới.

Đời chúng ta là như thế, một cách sống được lặp lại liên tục, triền miên làm lại những điều đã một lần xảy ra, những điều đã chết được làm cho sống lại bằng tư tưởng và ta theo đuổi nó xem như sự vui thú. Bạn có thể nhìn thấy một cái gì tuyệt đẹp, cây cối, những đám mây và ánh sáng. Nhưng khi tư tưởng hiện đến và bảo: “Cái này đẹp thật” thì đã hết. Bạn có thể nhìn ngắm vẻ đẹp của thiên nhiên, vẻ đẹp của thế giới này, với tất cả xúc cảm của mình và không để cho tư tưởng xen vào không? Lúc đó lòng vui thích hiện diện một cách trọn vẹn, thế nhưng khi tư tưởng kéo vào thì nó trở thành sự vui thú và trở thành cơ giới. Xin nhớ, điều này đòi hỏi một tâm ý hết sức sinh động, tỉnh giác, chú ý. Các bạn hãy thử nghiệm liền đi, ngay lúc chúng ta đang nói đây. Hãy nhìn cây cối, ánh sáng mặt trời, vẻ đẹp của những ngọn đồi, bóng in của chúng và trò đùa nghịch của bóng in dọc trên sườn đồi, trong những lũng sâu. Thật là một niềm vui. Bạn có thể nhìn ngắm chúng mà không để tư tưởng xen vào và cũng dừng tại đó, không muốn kéo dài thêm không? Điều gì có sự kéo dài thì điều đó sẽ mang tính cơ giới. Cái có sự chấm dứt thì cũng có sự bắt đầu mới mẻ. Hãy nắm lấy điều này.

Bây giờ thì bạn đã có cái trực nhận¹ đúng đắn. Xin nhớ hãy nhìn thật cẩn thận. Bạn có sự trực nhận, phải chăng cái nhìn này là sản phẩm của tư tưởng? Bạn đã tìm thấy một điều gì. Điều đó nghĩa là, khi có trực nhận bản chất

1. insight.

của sự vật và hành động từ tầm nhìn đó thì điều đó không mang tính cơ giới. Trục nhận hay trí thông minh không phải là sản phẩm của tư tưởng; đó là hành động phi cơ giới. Hễ bất cứ khi nào tư tưởng nắm lấy khoảnh khắc của niềm vui thì nó biến thành cơ giới. Bạn đã thấy điều này. Nhận thức được điều này là trí thông minh, phải không? Bạn có thể luôn luôn hành động theo trí thông minh này được không, chứ không theo sự vận hành lặp lại của tư tưởng không? Bạn có thấy sự khác nhau không?

Thế là ta thấy sự vận động của lòng vui thú, dựa trên ham muốn, sự ham muốn đang mang dạng xúc cảm. Khi nhìn ngắm cây cối, trời mây, trăng sao, thì đó là một cảm quan to lớn nếu bạn nhìn với tất cả giác quan của mình. Rồi tư tưởng xen vào. Chỗ nào có cảm quan cộng với tư tưởng thì chỗ đó có một sự ham muốn. Tức là cảm quan, hoạt động của những giác quan ở mức cao nhất cộng với tư tưởng, ta sẽ có ham muốn¹. Bạn có thấy điều này không? Bạn thấy nó bằng cách nào? Bạn thấy nó vì trí thông minh của bạn đang quan sát. Trí thông minh này không phải là sản phẩm của tư tưởng.

Bạn đã bao giờ tìm hiểu xem tại sao con người đau khổ,

¹ sensation: cảm quan; desire: ham muốn. Độc giả nào hiểu khái niệm "Ngũ uẩn" của đạo Phật có thể thấy mối liên hệ rõ rệt nơi đây. Cảm quan chính là "Thụ" trong Ngũ uẩn, là cảm giác do giác quan mang lại. "Tưởng" là giai đoạn "xen vào" của tư tưởng và "Hành" chính là sự phân biệt, ham thích hay bác bỏ, là giai đoạn mà Krishnamurti gọi là "ham muốn". Quan niệm chính thống của đạo Phật cũng khuyên hành giả nên dừng lại tại giai đoạn "Thụ" đừng để rơi vào "Tưởng" vì sau đó lập tức ta sẽ đến giai đoạn "Hành" (ND).

cả vật chất lẫn tinh thần, tại sao lại có nước mắt? Những phiền não lo âu này là gì? Có lúc nào nó sẽ hết không hay đó là một sự vận hành triển miên từ lúc khởi thủy của con người cho đến lúc chấm dứt? Ta có bắt buộc phải sống chung với nó không?

Những thứ tôn giáo có định chế, dựa trên thẩm quyền và niềm tin, chưa bao giờ giải quyết được vấn đề này. Kitô giáo cho rằng có một người đã chịu khổ hình vì bạn và bạn thì cứ tiếp tục phạm tội. Ấn Độ giáo và Phật giáo thì có những cách giải thích riêng của họ. Cứ thế mà con người sống với phiền não từ thời thượng cổ đến bây giờ. Có thể hết khổ chăng? Nếu cái khổ không chấm dứt thì cũng không có lòng từ bi, lòng yêu thương. Chúng ta nghĩ khổ não là cần thiết, cũng có thể chúng ta nghĩ khổ không mang lại giải pháp; và vì thế chúng ta phải trốn chạy khỏi nó. Và chúng ta tạo ra một mạng lưới tuyệt diệu của sự thoát khổ.

Phiền não là gì? Cái mà ta gọi là phiền não chính là đau khổ, ham muốn, cô đơn, cảm giác bị cô lập, tuyệt vọng, thiếu thốn mối liên hệ. Con người đã sống với cái điều to lớn này và thậm chí đã nuôi dưỡng nó vì con người không biết làm sao để giải quyết nó. Chúng ta đang tìm hiểu liệu có thể chấm dứt phiền não hay không vì nếu không hết phiền não thì không thể có yêu thương. Khi có yêu thương, phải chăng bạn sẽ chịu phiền não cho người khác? Khi có yêu thương phải chăng phiền não còn hiện diện? Bạn có thể có thiện cảm, lòng tốt, lòng rộng tâm, sự chia sẻ nhưng tình yêu thương là một điều gì hoàn toàn khác, một mức độ hoàn toàn

khác, một điều mà ta chỉ có thể đến với nó khi phiền não chấm dứt.

Có sự đau buồn khi một người bạn “yêu thương” chết đi. Bạn cảm thấy cô đơn tột độ khi bạn mất một người mà mình rất cần thiết. Khi bạn thấy mình không leo lên được bậc thang của thành công, khi một người mà mình nghĩ rất yêu thương không còn trở lại, khi niềm tin của bạn bị tiêu tan, trong đó bạn tin nơi một sự an toàn giả tạo; khi cha hoặc mẹ hoặc con cái của bạn lìa bỏ cõi đời, khi đó có sự đau khổ.

Điều gì thực sự xảy ra khi bạn đau khổ? Không phải là một vấn đề thuộc về sinh hóa hay thể chất mà đó là một vấn đề tâm lý, nó xót xa, sâu sắc, quặn quại hơn nhiều. Bạn có thể rơi lệ, có thể trốn chạy, không dám nhìn đến nhưng đau khổ luôn luôn có đó. Đau khổ thuộc về số phận của loài người, ai cũng biết đến nó. Chúng ta trốn chạy nó, hợp lý hóa cho nó, biện minh cho nó, hay tự nói ai cũng khổ nên ta cũng phải chịu khổ thôi. Hay bạn là người chịu ảnh hưởng của tôn giáo, bạn sẽ nói đó là việc làm của Thượng đế. Tất cả những điều này đều chỉ là phương cách để trốn chạy khỏi cái *đang là*, tức là sự đau khổ. Thế nhưng nếu bạn không trốn chạy, tức là nếu không có sự hợp lý hoá, không tránh né, không biện minh mà chỉ cứ dừng lại với cái toàn thể của phiền não, không có một chút vận hành nào của tư tưởng, thì bạn sẽ có tất cả năng lượng để thấu hiểu điều mà bạn gọi là sự đau khổ.

Nếu bạn dừng lại và không chút suy tư nào với cái được mệnh danh là phiền não, thì cái phiền não đó sẽ có một sự

chuyển hóa. Nó sẽ biến thành một cảm xúc mãnh liệt¹. Ý nghĩa căn bản của phiền não là lòng cảm xúc mãnh liệt. Nếu bạn trốn chạy khỏi phiền não, bạn sẽ mất đi tính chất này của phiền não, tức là lòng cảm xúc tốt độ, nó hoàn toàn khác với sự đam mê hay vui thú. Khi bạn có một cái nhìn nội quán vào trong phiền não và ở lại với nó một cách toàn vẹn, không có một chút tư tưởng nào khởi lên, thì từ đó sẽ nảy sinh một ngọn lửa hiếm có của lòng cảm xúc cao độ. Và bạn phải có lòng cảm xúc này, nếu không thì bạn không sáng tạo gì được cả.

Xuất phát từ lòng cảm xúc cao độ này, lòng từ bi² sẽ đến. Từ bi chính là lòng cảm xúc đối với tất cả mọi vật, tất cả mọi người. Khi đó sẽ có chấm dứt sự khổ và chỉ khi đó bạn mới bắt đầu hiểu thế nào là lòng yêu thương.

Thế nên ta cần một cái nhìn nội quán sâu sắc và trực tiếp vào trong sự sợ hãi, vào trong các mối liên hệ, vào trong toàn bộ cấu trúc và tính chất của tư tưởng vốn nuôi dưỡng sự sợ hãi; kẻ nào chạy theo lòng vui thú, cần có cái nhìn sâu sắc vào trong sự diệt khổ. Nếu bạn thấy được trong tất cả những thứ đó, bạn sẽ có đủ thông minh để chuyển hóa mọi hoạt động có tính cơ giới trở thành một điều gì khác phi cơ giới. Đừng bỏ đi và đừng tìm cách nghĩ ngợi về nó. Bạn không còn thời giờ nữa đâu! Nếu bạn nghĩ về những điều vừa nói thì tư duy của bạn sẽ trở thành thói quen, máy móc, và trống rỗng. Còn bạn đang ngồi tại đây thì chia sẻ

1. passion.

2. compassion.

điều này, nó đang xảy ra ngay tại đây. Nó phải xảy ra ngay bây giờ, nếu không nó sẽ không bao giờ xảy ra vì tư tưởng sẽ ngăn chặn lại. Tư tưởng không bao giờ thấy sâu sắc và trực tiếp. Hãy thấy trực tiếp những gì chúng ta vừa nêu lên, đồng thời biết rằng những lời mô tả không phải là vật được mô tả, điều này phải xảy ra ngay tức thời bây giờ. Nếu bạn chia sẻ được điều gì thì bây giờ bạn đang chia sẻ đây.

Ojai, 11.4.1976

5

Chúng ta đã gán cho cụm từ *lòng yêu thương* thật nhiều ý nghĩa, đa số là ý nghĩa của cảm xúc. Khi dùng chữ này, biết tất cả những phức tạp của chữ này, hiểu ý nghĩa của chữ này, chúng ta hãy cùng nhau xem xét cấu trúc và tính chất của cái mà ta gọi là yêu thương.

Lòng yêu thương là sự thèm muốn hay sự vui thú¹? Thèm muốn là gì và nó phát sinh như thế nào? Nó đơm hoa kết trái ra sao? Gốc rễ nó là gì? Cái gì xuất hiện thành hiện thực? Xem ra đối với phần lớn chúng ta thì yêu thương liên hệ gắn bó với sự thèm muốn – có tính chất nhục dục hay tâm lý, sinh lý hay tâm linh. Đối tượng của thèm muốn thì thay đổi nhưng gốc rễ của nó thì như nhau. Vậy thì sự thèm muốn xuất hiện thế nào trong mỗi chúng ta?

Các tôn giáo có niềm tin, các tôn giáo có thẩm quyền ma

1. Lòng yêu thương: love; sự thèm muốn: desire; sự vui thú: pleasure.

thực chất chẳng phải tôn giáo gì cả, họ nói rằng muốn phụng sự Thượng đế bạn phải giải thoát khỏi sự thèm muốn. Các vị tu sĩ, các vị *sannyasis* Ấn Độ tìm cách khuất phục thèm muốn và trong quá trình đè nén này họ tự đồng hóa mình với một hình ảnh, với một danh xưng, và tự nghĩ như thế là mình đã giải quyết xong vấn đề. Trong thâm tâm họ bị sự thèm muốn đốt cháy nhưng họ đè nén chúng bằng lễ nghi, bằng kỷ luật, bằng mọi hình thức của sự rập khuôn, sự nỗ lực. Đây là một vấn đề lớn cho những ai muốn nghiêm túc đi tìm liệu có chân lý hay không, vì sự thèm muốn ấp ủ sinh ra vọng tưởng. Sự thèm muốn dẫn đến kinh nghiệm và khi bạn bám giữ vào kinh nghiệm thì nó trở thành ảo giác. Như thế chúng ta đã đồng hóa lòng yêu thương với sự thèm muốn rồi.

Phải chăng thèm muốn là một sự cảm nhận – tức là hoạt động của cảm giác cộng với tư tưởng? Cảm giác cộng với tư tưởng sinh ra thèm muốn. Đây là một sự thực đối với bạn hay chỉ là một khái niệm được nêu lên? Bạn có thể nhìn một vật với tất cả mọi cảm quan của bạn không? Và trong cái nhìn này sau đó bạn chấm dứt và không để cho tư tưởng xen vào cảm quan hay không? Đó là khi bạn nhìn cây cối, ngọn núi, mặt người, mặt hồ rung động không ngớt, với tất cả cảm xúc của bạn, với tai mắt và thần kinh của bạn, bạn có thể hoàn toàn nhìn ngắm thôi và không cho phép tư tưởng xen vào, can thiệp không? Nếu thế thì cảm nhận của bạn là trọn vẹn, còn nếu tư tưởng can thiệp vào trong cảm nhận đó thì nó sẽ trở nên phiến diện. Thế nên sự thèm muốn là phiến diện.

Rủi thay hay may thay – điều này tùy vào bạn – chúng ta đã đồng hóa sự thèm muốn với điều mà người ta gọi là yêu thương. Phải chăng yêu thương là sự thèm muốn? Phải chăng yêu thương tức là ràng buộc? Khi bạn bị ràng buộc vào một thứ gì thì bạn chính là thứ đó. Khi bạn tự đồng hóa mình hoàn toàn với một thứ gì thì bạn chính là thứ đó. Tại sao lại có thôi thúc phải đồng hóa, phải bị ràng buộc? Tại sao một người bị ràng buộc vào một người khác? Không phải sự ràng buộc sẽ sinh ra sợ hãi hay sao, sợ bị mất cái mình đang bị ràng buộc? Khi bị ràng buộc bạn dễ trở thành ghen tị, sợ hãi, lo âu, những điều đó hẳn thật hiển nhiên. Bạn bị ràng buộc do sự thiếu thốn, sự cô đơn của chính mình. Và xuất phát từ sự thiếu thốn cô đơn đó, một cảm giác không được đầy đủ, mà bạn bám víu nơi người khác. Như vậy ràng buộc là lòng thương yêu sao? Hề nơi nào còn có sự ràng buộc, nơi đó còn sự lợi dụng. Mà chúng ta lại dùng chữ thương yêu để bao trùm tất cả. Và thương yêu cũng là ghen tị hay sao?

Tất cả những điều nói trên sẽ không còn là ràng buộc nếu bạn đã thấu hiểu rằng sự trống rỗng trong lòng bạn không bao giờ được lấp đầy bởi một cái gì khác. Bạn phải xem xét điều này. Bạn không cần phải trốn chạy, chỉ cần toàn tâm quan sát nó. Khi đó bạn sẽ thấy sự cô đơn ra đi hoàn toàn. Khi đó sẽ không có sự ràng buộc ấy nữa. Có lẽ sau đó người ta sẽ muốn biết yêu thương là gì. Trong sự ràng buộc có sợ hãi, lo âu, có thù ghét, có mọi tranh chấp trong mối liên hệ và hề có tranh chấp thì có thể có yêu thương không? Hề

có tham vọng thì có thể có yêu thương không? Khi bạn xả bỏ hết tham vọng, lo âu, ràng buộc và hiểu một cách sâu sắc ý nghĩa và nội dung của lòng vui thú, lòng thêm muốn, thì có thể bạn sẽ tới với điều kỳ lạ mang tên là yêu thương. Và xuất phát từ đó mà có lòng từ bi. Lòng từ bi là dạng cao tốt của trí thông minh. Khi bạn có lòng từ bi và do đó có trí thông minh, bạn sẽ làm đúng công việc vào đúng thời điểm của nó. Tôi hy vọng là bạn đang theo kịp tôi, không phải chỉ trên ngôn từ thôi, mà thực tế trong trái tim bạn, trong tâm thức bạn, bạn đang thực hành điều đó.

Và còn có câu hỏi, chết là gì. Thật là kỳ khi nói vấn đề này trong một buổi sáng dễ thương như hôm nay nhưng nó là một phần của cuộc sống. Nếu không chịu đi sâu vào trọn vẹn ý nghĩa của chữ này, không biết nó bao hàm những gì, bỏ qua không để ý đến nó, trốn chạy nó, tránh né nó, không nói về nó, tức là chia cắt cuộc sống, vốn là một sự vận động toàn vẹn. Chúng ta phải đi vào câu hỏi này. Không phải chỉ cho những bậc lớn tuổi mà cả cho người trẻ; tất cả chúng ta đều vướng vào đó. Thế thì sống là gì và chết là gì? Khi chúng ta nói sống, nói cuộc sống hàng ngày tức là ta muốn nói gì? Đó là một nỗ lực, một cuộc đấu tranh, một sự tranh chấp, sự vui thú, lo âu, nỗi bất an, sợ mất việc hay muốn được việc, kiếm một việc làm tốt hơn, v.v..., liên tục đấu tranh, liên tục nỗ lực, chỉ là sợ hãi và lo âu, thỉnh thoảng có chút niềm vui – đó là đời của ta, nếu bạn thành tâm tự xét. Đó là cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Chúng ta bám víu vào cuộc đấu tranh thường trực này và gọi nó là đời sống.

Như thế thì chết là gì? Là chấm dứt cái được mệnh danh là sống ư? Đó là một sự chấm dứt về mặt sinh học? Hay chấm dứt dòng chảy vĩ đại này mà con người đã tạo nên bằng sự tranh chấp, phiền não, đau khổ, lo âu? Xin hãy nhớ chúng ta đang nói về chính đời bạn, chứ không phải mô tả cuộc đời của người đang nói hay của ai khác. Điều ta đang quan tâm là đời của chính bạn, cuộc sống hàng ngày của bạn. Nếu không có một sự chuyển hóa toàn triệt trong đời sống hàng ngày này thì ta cứ tiếp tục tạo thêm khổ não cho chính mình và cho người khác, điều vốn đang tiếp diễn trước mắt. Nhưng chết là gì?

Có cái chết thuộc về sinh lý xảy ra vì tai nạn, vì bệnh tật. Thân, cơ thể tàn tạ và cuối cùng là chấm dứt. Thân có trí thông minh riêng của nó nhưng chúng ta đã hủy hoại trí thông minh đó bằng rượu, ma túy, bằng gắng sức và đấu tranh liên tục. Với những loại ma túy khác nhau và các chất hóa học, thuốc men chúng ta đã hủy hoại trí thông minh nội tại của cơ thể và vì thế thân phải chết do bị căng thẳng và sử dụng thường trực.

Có thể nào cơ thể, dụng cụ sinh học với bộ não của nó, không bao giờ bị hư hỏng chẳng? Bộ não của ta khi già đi thì bị xuống cấp. Bộ não có thể trẻ mãi không già và không xuống cấp chẳng? Nếu liên tục bị cọ xát, bị gắng sức, tranh đấu, về sinh lý cũng như về tâm lý thì đương nhiên bộ não phải xuống cấp. Có thể có một cách sống không dụng công cố gắng và do đó mà não cứ mãi trẻ trung, tươi thắm, sinh động, sáng suốt được chẳng? Có thể! Người ta có ý thức hay

không về cuộc đấu tranh liên tục hàng ngày trong bản thân mình – cố trở thành cái gì đó, cố bắt chước, cố rập khuôn, cố đạt lý tưởng, mà tất cả chúng đều là những quá trình có tính cơ giới cả? Bạn có biết, có ý thức về những gì bạn đang làm không? Khoan hỏi cách dừng lại, cách cắt bỏ cái nhịp điệu máy móc này mà hãy ý thức về nó thôi, không lựa chọn, chỉ nhìn nó thôi, vì rằng nếu bạn chỉ vừa dụng công thì lập tức bạn đã hủy hoại nó rồi. Bạn có thể quan sát mà đừng lựa chọn sự vận động cơ giới của bộ não không, hay một phần của não đã được nuôi dưỡng từ thế kỷ này qua thế kỷ khác để chỉ tác động một cách cơ giới không? Chỉ cần ý thức về nó, đừng cố sửa đổi gì cả, đừng cố điều chỉnh gì cả, vì nếu cố điều chỉnh thì sẽ có tranh chấp. Như chúng ta đã nói, ở đâu có nhị nguyên, có khác biệt giữa người quan sát và vật được quan sát, thì nơi đó phải có mâu thuẫn tranh chấp. Nơi không có người quan sát, chỉ có sự quan sát thì chỗ đó không có tranh chấp.

Trong ngày nếu bạn hoàn toàn tỉnh giác về mọi vận động cơ giới, về cách bạn tư duy, về sự thèm muốn, thì buổi tối khi đi ngủ, ngược với quan niệm của các nhà khoa học, bạn sẽ không có mộng mị. Tâm, bộ não sẽ yên tĩnh vì mọi vấn đề, mọi hoạt động của bạn đã được giải quyết ban ngày rồi, nếu bạn chú tâm, nếu bạn tỉnh giác. Nên khi bạn đi ngủ thì có sự thanh bình; não bộ có thể có vận động nhưng là một sự vận động êm đềm, không phải là sự vận động xáo trộn, lo âu. Do đó bộ não sẽ tự tìm thấy sự ngăn nắp, nhờ thế mà nó vẫn trẻ trung, tươi thắm. Nó không thể trẻ trung,

tươi thắm, sáng suốt, nếu có bất cứ sự tổn thương nào. Khi không có sự tổn thương thì bộ não cũng không có sự đề kháng.

Ngoài sự chấm dứt của thể chất thì chết là gì? Nó là cái gì mà bạn sợ quá như vậy? Phải chăng đó là sự chấm dứt của kinh nghiệm bạn? Sự chấm dứt của tri thức bạn? Sự chấm dứt của tất cả mọi chuyện mà bạn đang bị ràng buộc về mặt tâm lý? Về mặt sinh lý, khi cái chết đến thì mọi thứ ràng buộc bạn sẽ ngưng lại. Bạn không thể mang theo nhà cửa, bàn ghế, sách vở của bạn nữa, kể cả ông đạo sư của bạn – liệu đó là nhà thuyết giảng Kitô giáo, Tin lành hay ông đạo sư người Ấn Độ. Thế thì chết là gì mà con người hoảng sợ tới như vậy? Họ sợ rằng có một cái gì sẽ ngưng lại, một cái gì bên trong, nội tại sẽ chấm dứt.

Vì biết rằng có một cái gì sắp ngưng lại nên ta muốn yên lòng, ta mới nghĩ phải có một sự tiếp diễn. Các người theo Ấn Độ giáo thời xưa cho rằng, phải có sự tiếp nối, đó là điều mà họ gọi là sự tái sinh. Họ nói rằng bạn sẽ được sinh ra lại trong đời sau phù hợp với những gì bạn làm trong đời này. Nếu bạn biết hành xử đúng đắn, khiêm tốn, đạo đức thì trong đời sau của bạn sẽ tốt đẹp hơn và sau một loạt những lần tái sinh, tùy vào hành xử của bạn mà bạn sẽ tới với nguyên lý tối thượng. Đây thật là một lý thuyết nghe ra rất dễ chịu và hàng triệu người tin vào đó. Quan niệm của người Phật tử thì cho rằng đời sống là một dòng chảy liên tục, một sự vận động liên tục, và khi nó hiển thị thì có một sự hội tụ được sinh ra mà trở thành “tôi” hay “bạn”, những thứ này chịu sự thay đổi trong thời gian, trong sự vận

động. Và dĩ nhiên người theo đạo Kitô cũng có niềm tin của mình về sự phục sinh, họ tin rằng thần khí sẽ sống lại sau cái chết của thân xác.

Chúng ta đang nói về những điều khác hẳn. Xin hãy lắng nghe vì bạn sẽ thấy, nếu bạn thực sự thấu hiểu điều này thì sẽ có một vận động phi thời gian, một trạng thái phi thời gian. Trước hết, chúng ta đã nói thế giới là bạn và bạn là thế giới. Cơ bản của nội tâm con người là sợ hãi, lo âu, phiền não, thất vọng, không có hạnh phúc, thỉnh thoảng có chút niềm vui. Về mặt tâm lý đó là một sự vận động liên tục, dù con người ở đâu thì cũng chỉ là một dòng chảy đó thôi. Chỉ là một dòng chảy thôi nên bạn là thế giới và thế giới là bạn. Đó là một thực tế hiển tiền. Bạn có thể có tính khí khác nhau, năng khiếu khác nhau, khả năng khác nhau, phong cách khác nhau, nhưng tất cả đều chỉ là phản ứng của nền văn hóa mà bạn đã sống trong đó. Thế nhưng dòng chảy cơ bản thì vẫn là một¹.

Do đó không có con người riêng tư. Nếu đã là con người riêng tư thì phải bao gồm một cái gì toàn thể, một thể tính bất khả phân, còn bạn thì không phải là một thể tính bất khả phân. Bạn bị phân chia, bị tách rời từng mảnh; vì thế thực tế bạn không phải là một con người riêng tư, bạn không phải bất khả phân. Bạn hoàn toàn trở thành riêng biệt trong nghĩa trọn vẹn của chữ này nếu bản thân bạn là sự trọn vẹn, trong đó không có hành động phiến diện nào cả. Từ *trọn*

1. Ta có thể hình dung như một biển thức mệnh mông đang vận hành, trong đó "mỗi người" được ví như một đợt sóng nhỏ (ND).

vẹn' có nghĩa lành mạnh, chân chính, thiêng liêng. Bạn là thế giới và thế giới là bạn và bạn hoàn toàn nằm trong dòng chảy liên tục này. Nhưng khổ não có thể đoạn diệt, lo sợ có thể được chấm dứt – không phải ngày mai mà ngay bây giờ; lúc đó thì bạn thoát khỏi dòng chảy – không phải bạn thoát đâu mà có một sự hiển thị² nằm ngoài dòng chảy hay được giải thoát ra khỏi dòng chảy vì dòng chảy này chính là thời gian.

Dòng chảy này là thời gian. Thế nên bạn cần tìm hiểu liệu thời gian có chỗ ngưng bật. Thời gian sẽ ngưng bật khi dòng chảy không còn vận động nữa. Dòng chảy này là sự sợ hãi, dòng chảy này là sự tranh chấp mâu thuẫn, dòng chảy là các mối phiền não và tất cả những hoang mang thất vọng mà ta đã dùng tư tưởng xây dựng nên. Nên đó là dòng chảy của thời gian. Khi dòng chảy ngưng lại, thời gian đã bật thì sẽ có một chiều kích hoàn toàn khác.

Thế nên điều mà ta sợ sẽ mất khi cái chết bất ngờ ập đến chính là cấu trúc do tư tưởng dựng lên để thành cái “tôi”, cái hình thể, cái danh tính, và những ràng buộc vào các danh sắc đó, chúng chính là đau khổ, khoái lạc, lo âu. Tất cả những cái đó là cái “tôi”, cái “bạn”. Bạn có thể cho đó là một cái tôi cao hơn, nhưng đó vẫn là sản phẩm của tư tưởng. Cho nên sự vận động mà trong đó con người bị cột chặt vào là sự vận động của thời gian, được lèo lái bởi tư tưởng. Dòng chảy này càng to lớn bao nhiêu thì khối lượng tư tưởng càng

1. whole

2. manifestation

lớn bấy nhiêu. Và khi dòng chảy này, vốn là ý thức của ta với tất cả nội dung của nó, tới một chỗ dừng thì thời gian sẽ bật và do đó sẽ có một chiều kích hoàn toàn khác. Và khi bạn thấu hiểu điều này, không phải trên mặt ngôn từ, mà thật sâu sắc và sống với nó hàng ngày – và điều đó có thể làm được – thì bạn sẽ thấy cái chết có một ý nghĩa hoàn toàn khác.

Ojai 17.4.1976

6

Chúng ta đã bàn bạc từ hơn năm mươi năm qua, đã gặp gỡ nhau rất nhiều, đã xét không những chỉ các vấn đề riêng của họ thôi mà cả những vấn nạn chung của loài người, về sự thất vọng to lớn, về những cảnh khổ, sự mò mẫm trong bóng tối. Và qua những ngày tháng này, dần dần người ta thấy rõ nếu con người không tự chuyển hóa mình một cách toàn triệt thì không những chúng ta hủy hoại bản thân mình thôi mà còn hủy hoại cả địa cầu. Xem ra phải cần một nhóm người hoàn toàn nghiêm túc, những người biết quan tâm không phải một cách nông cạn, hay chỉ biết điều chỉnh sơ sơ cho hợp với điều kiện và môi trường xung quanh, mà thật sự sâu sắc, những kẻ biết sống một cuộc sống trọn vẹn, hoàn toàn, thanh cao, đầy sức sống và sự sáng suốt. Nếu không, ta chỉ lãng phí những năm tháng ngắn ngủi còn lại.

Chúng ta đã nói về nhiều điều khác nhau, như sự thiếu thốn mối liên hệ giữa con người với nhau; đã nói đến quá trình của tư tưởng như một sự vận động mang tính vật chất

trong thời gian và nói rằng tư tưởng là hoàn toàn không phù hợp để giải quyết những vấn đề của loài người vì bản thân tư tưởng đã tạo ra chúng. Tư tưởng không giải quyết được các vấn đề đó vì tư tưởng là một mặt phiến diện, một quá trình mang tính vật chất, và là sự vận động của việc đo lường. Chúng ta cũng nói đến sự sợ hãi và sự chấm dứt nó, đến sự thấu hiểu vấn đề phức tạp của lòng vui thú và sự diệt khổ, và chúng ta cũng nói đến lòng yêu thương cũng như cái chết.

Vì chúng ta cũng quan tâm tới vấn đề rất sâu sắc của sự tồn tại, chúng ta cũng không được gạt qua một bên tất cả vấn đề của tôn giáo, của thiền định, của câu hỏi phải chăng có một cái gì thiêng liêng thánh thiện hay không.

Biết cách lắng nghe cho đúng là một nghệ thuật. Biết nhìn sự vật *đúng như nó là* cũng là một nghệ thuật. Và biết tìm hiểu toàn thể nội dung của ý thức con người cũng là một nghệ thuật, nó chính là kết quả của hàng ngàn năm nỗ lực của con người, của khổ đau quần quai lo âu. Tất cả đều nằm trong chúng ta. Khi biết nhìn nó, lắng nghe tất cả nội dung của ý thức, quan sát ý thức, thì đó là hành động.

Chúng ta thảo luận với nhau về tôn giáo, vì tôn giáo là yếu tố sáng tạo của một nền văn hóa mới. Nếu không có tôn giáo thì văn hóa sẽ chết, nền văn minh sẽ bị phân liệt. Thấy thế giới như thế nào, với tất cả những sự tàn khốc của nó, bạo lực, chiến tranh, chia cắt, thù ghét giai cấp, v.v..., tất cả những điều này cho thấy sự suy đồi của tâm thức con người, chúng ta có nhiệm vụ phải tìm ra tôn giáo là gì. Phải

chẳng đó là một tập hợp của những niềm tin? Phải chăng là thực hành nghi lễ, lặp đi lặp lại một cách vô tận những ngôn từ mà thực ra không có ý nghĩa gì cả? Phải chăng chủ nhật hãy đi nhà thờ, đi cúng đền, hay giáo đường Muslim¹, và tụng vài bài, vài câu? Nếu ta tự hỏi một cách nghiêm túc, đâu là sự cần thiết của mọi niềm tin, của mọi sự khẳng định? Niềm tin, khẳng định, xác quyết đều chia cắt con người. Trong ngôi làng bé nhỏ này mà đã có đến năm sáu nhóm tín đồ Kitô. Và trên thế giới còn có nhiều sự chia cắt hơn nữa được sinh ra bởi cái gọi là tôn giáo – tín đồ Ấn Độ giáo, Phật giáo, Islam giáo và Kitô giáo và vô số giáo phái của họ. Thế thì đâu là ý nghĩa của niềm tin? Hay chính niềm tin đã ngăn chặn ta không cho ta hiểu thế nào là chân lý?

Phải chăng tôn giáo bị tách rời ra khỏi cuộc sống hàng ngày hay tôn giáo là một sự vận động, mang lại trật tự ngăn nắp trong đời sống của ta? Nếu quả thật tôn giáo bị tách rời ra khỏi cuộc sống hàng ngày thì nó chỉ gây thêm rối loạn, thêm mâu thuẫn.

Muốn tìm thấy ý nghĩa của tôn giáo ta phải có sự ngăn nắp trong cuộc sống của mình. Đời sống của ta bị rối loạn, mâu thuẫn, lộn xộn, phiến diện, chia chẻ; làm sao một cuộc sống như thế có ngăn nắp được? Có ngăn nắp không có nghĩa là làm theo một kế hoạch nhất định. Sự ngăn nắp chỉ đến khi ta nhận ra, hoàn toàn tỉnh giác mà không chọn lựa gì cả, về sự rối loạn của chính mình, về cuộc sống hàng ngày

1. mosque.

bị mất thăng bằng của mình. Từ sự tỉnh giác về sự rối loạn, nhưng không chọn lựa, sẽ sinh ra sự ngăn nắp; tức là nhờ sự thấu hiểu, sự quan sát đời sống hàng ngày vốn bị rối loạn. Sự quan sát đó không dựa lên trên sự kết án, sự bào chữa, sự đánh giá. Xuất phát từ tâm tỉnh giác không lựa chọn, sự ngăn nắp sẽ đến và nó là một vật sống động; do đó nó vận động liên tục. Mặc dù trong thế hệ hiện đại này đạo đức không đóng vai trò quan trọng, nhưng đạo đức chủ yếu là sự ngăn nắp. Và nếu không có ngăn nắp thì làm sao có sự sáng suốt?

Một phần của điều này chạm đến câu hỏi về thiền định; nếu không có sự ngăn nắp trong đời, nếu không có đạo đức trong hành động hàng ngày thì làm sao bạn nói đến thiền định được? Bạn có thể ngồi trên chân từ đây cho tới cuối đời, trong mười kiếp sau hay một triệu lần tái sinh nữa, hít thở cho đúng cách như bạn học tại Ấn Độ, nhưng không bao giờ bạn đến được với chân lý vì cuộc đời bạn bị rối loạn. Do đó bạn phải đưa sự ngăn nắp vào trong đời ngay cả trước khi bạn chỉ nghĩ về thiền định; nếu bạn “thiền định” mà thiếu sự ngăn nắp thì đó là một sự trốn chạy tinh vi và vì thế không có ý nghĩa gì cả, không có nội dung gì cả. Xin hãy thấy điều này. Thiền định là điều tuyệt diệu nhất nhưng cách thiền định của bạn không phải thế. Cho nên phải có sự chân chính trong mối liên hệ, và điều này chỉ có được nếu vắng bóng sự sợ hãi. Sự ngăn nắp không do tư tưởng xếp đặt nên. Nếu nó do tư tưởng nghĩ ra thì nó chỉ gây thêm rối loạn.

Muốn tìm đến với những gì thiêng liêng nhất, thánh thiện nhất, ta phải có một cuộc đời dựa vững chắc trên sự chân chính ngấn nấp. Và điều quan trọng của mọi phép thiền định là đến với sự tĩnh lặng này. Ngay cả về mặt sinh học hay thể chất, muốn thấy mọi việc sáng tỏ, muốn nhìn cây cối, ánh sáng trên lá, màu cỏ xanh tươi và những ngọn đồi, muốn thấy chúng một cách sáng tỏ thì tâm bạn phải yên tĩnh. Nó thật là đơn giản, chỉ chúng ta mới làm cho nó phức tạp. Muốn thấy điều gì rõ ràng, muốn quan sát một sách sáng tỏ, bạn phải có một cái tâm yên tĩnh, không phải ư? Nếu bạn cứ nói luôn miệng, bạn sẽ không thấy cái cây, bạn không thấy chiều sâu của bóng cây, vẻ đẹp của thân cành. Bạn chỉ có thể thấy nó khi tâm bạn yên.

Hãy thấy sự thực của điều này, thấy cái lý của nó, rằng bạn chỉ có thể thấy vật gì một cách rõ ràng khi tâm bạn yên. Bạn không thể nghe ai nói gì với bạn nếu bạn cứ nói thâu suốt buổi. Thế nên nếu muốn nghe ai nói gì thì bạn phải im lặng. Sự yên lặng là tuyệt đối cần thiết để cảm nhận bên ngoài và bên trong. Cái bên ngoài và bên trong là một vận động duy nhất, chúng không hề khác nhau. Nó là một vận động duy nhất nhưng chúng ta đã chia cắt nó ra bên ngoài và bên trong. Khi quan sát cái bên ngoài một cách rõ ràng, bạn sẽ phát hiện cái bên trong, và sẽ thấy đó chỉ là một vận động. Muốn thấy điều này một cách rõ ràng, bạn phải nhìn, quan sát một cách yên lặng.

Chúng ta đang cùng nhau xem xét ý nghĩa và chiều sâu của thứ được gọi là tôn giáo, để xem nơi đó có cái gì không

bị suy đồi, không bị xâm phạm bởi tư tưởng chẳng, đó không phải là ảo giác, không phải là biến hiện của chính sự thèm khát hay kinh nghiệm của chính chúng ta, mà là một điều chưa bao giờ bị tư tưởng chạm đến, một điều hoàn toàn nguyên sơ bản lai. Và muốn đến với nó ta nói rằng phải có sự ngăn nắp trong đời sống hàng ngày, đó là cốt tủy của đức hạnh.

Phải chăng có nhiều loại tĩnh lặng khác nhau? Có sự tĩnh lặng giữa hai tiếng ồn, đó là tĩnh lặng không? Có sự tĩnh lặng giữa hai tư tưởng, đó là tĩnh lặng không? Có hòa bình giữa hai cuộc chiến tranh, đó là hòa bình không? Thế thì tĩnh lặng là gì? Phải chăng nó do tư tưởng tạo ra? Nó là cái được nghĩ ra? Phải chăng nó là cái được chế tạo ra vì bạn tưởng rằng nếu muốn thấy “thiên đường” bạn phải im lặng? Thế nên bạn nói: “Làm sao tôi im lặng đây? Hãy dạy cho tôi cách im lặng”. Xuất phát từ ý muốn đi tìm tĩnh lặng là gì, con người bắt đầu nghĩ ra hệ thống, phương pháp, phương tiện để tới với nó.

Bây giờ một khi bạn hiểu rõ điều này, bạn sẽ không bao giờ đụng đến một hệ thống nào cả; vì điều gì là điều nằm trong một hệ thống và một phép tập luyện? Lặp lại, tập luyện, tập luyện, tập luyện, điều khiển, nỗ lực dụng công, điều này lại mang tính cơ giới. Như chúng ta đã nói, một phần của não bộ chúng ta đã bị cơ giới hóa. Chúng ta đã nói tư tưởng cơ bản là vật chất vì tư tưởng là sự lặp lại hay chỉ là phản ứng, là ký ức. Và khi bạn đã sống một cuộc đời có tính cơ giới rồi và muốn siêu vượt nó bằng một quá trình

cơ giới khác, thí dụ như hệ thống, phương pháp, tập luyện, thì bạn vẫn cứ mãi mang tính cơ giới thôi. Nên một khi bạn đã thấy sự thực của điều này, cái nguyên tắc lý lẽ của điều này, bạn sẽ không bao giờ tới với hệ thống, phương pháp, tập luyện nữa. Hễ cái gì được nghĩ ra, được tư tưởng xếp đặt – dù cho tuyệt đẹp, có lý, dù cũ xưa, truyền thống đến mấy – cũng chỉ làm tâm thêm tính cơ giới và cuối cùng tâm sẽ bị cùn nhụt đi. Tri kiến đích thực về điều này sẽ chấm dứt yêu cầu phải có hệ thống và phương pháp.

Nếu sự tĩnh lặng không do tư tưởng xếp đặt nên thì nó là gì? Muốn nhìn sáng tỏ bạn phải yên tĩnh, muốn nghe sáng tỏ thì tâm không được nói thầm. Nếu bạn thấy sự thật của điều này thì nó sẽ tự xảy ra. Bạn không cần phải dụng công mới có thể bước vào trạng thái yên tĩnh.

Thế thì cái yên tĩnh là cái gì? Chúng ta thử xem nó bằng cách xét sự tỉnh thức. Tỉnh thức là gì, ý thức một điều là gì? Khi đang ngồi đây, bạn ý thức về cây cối, bóng râm của chúng, ánh sáng trên lá cây, sự rung động của những chiếc lá. Nếu nhìn một ngọn cây, bạn sẽ ý thức về nó. Bạn có thể nhìn mà không nói gì về nó không? Chỉ nhìn thôi, không nêu danh tính, không cho nó một tính chất, hay mô tả, chỉ quan sát thôi.

Chúng ta không bao giờ chịu quan sát đơn thuần: ta nhìn và nói: “đẹp quá”, “xấu quá”, “có ích quá”, tùy nơi cách của chúng ta. Thế nên chúng ta không bao giờ quan sát sự vật đúng như nó là. Bây giờ bạn có thể quan sát không, thấy vẻ đẹp của toàn thể cảnh vật, tất cả các ngọn đồi, sự tĩnh

mịch của chúng, bóng đậm của chúng, chỉ quan sát thôi đừng có phản ứng nào của tư tưởng, đừng có phản ứng nào của thích hay không thích? Chỉ quan sát thôi, đó là sự tỉnh giác. Hãy tỉnh giác về vũ trụ quanh bạn rồi tỉnh giác về vũ trụ trong bạn. Vũ trụ bên trong của bạn phức tạp hơn. Vũ trụ bên trong chính là toàn thể ý thức chúng ta. Và ý thức chính là nội dung của nó. Vũ trụ bên trong phức tạp hơn, tinh tế hơn; và nếu ta đủ năng lực và sáng suốt để thâm nhập thì có một chiều sâu không khiếp ở trong đó. Thế nên hãy tỉnh giác về cái bên ngoài, nhìn ngắm nó đi, hãy ý thức về những phản ứng của bạn về nó và sau đó hãy xả bỏ phản ứng và chỉ quan sát. Rồi cũng như thế mà đi vào vũ trụ nội tại của chính mình, đó là ý thức của bạn với tất cả nội dung của nó, những kinh nghiệm, những tri thức, những ý thích, những sợ hãi, những lo âu, những đau khổ phiền não. Hãy ý thức về nội dung to lớn này mà người ta đã tích lũy hàng ngàn năm, hãy ý thức về nó.

Liệu ta có thể ý thức một cách hoàn toàn không? Hay ta phải lấy một đoạn này sau đoạn kia, một lớp này sau lớp kia, một mặt này sau mặt kia? Nội dung của ý thức làm nên ý thức; không có nội dung thì không có ý thức, như ta đã biết. Bạn sẽ hiểu ý thức mình từng đoạn một hay có thể có sự thấu hiểu một cách toàn thể? Nội dung của ý thức bạn chính là những gì qui định bạn – như một tín đồ Kitô giáo, một nhà theo phái xã hội, bị qui định bởi khí hậu, thực phẩm, bởi tất cả những điều mà con người đã tự làm cho mình và làm cho người khác, sự riêng biệt, những niềm tin của người

đó. Tất cả điều đó là ý thức. Muốn thấu hiểu những điều đó phải chăng bạn sẽ xét từng cái từng cái? Hoặc có một cách để thấy nó một cách toàn diện, một cách không cần đến thời gian?

Có một phương thức để thấy nó một cách toàn diện mà không cần phải đi từng mặt. Và điều đó khả dĩ nếu bạn hiểu được sự tỉnh giác là gì. Có sự tỉnh giác về thế giới bên ngoài bạn, nó chăm chú nhìn phản ứng của bạn đối với thế giới bên ngoài và quan sát thế giới bên ngoài mà không có phản ứng gì cả. Và hãy đi từ thế giới bên ngoài vào bên trong với tất cả nội dung của bên trong, đó chính là ý thức của bạn và hãy quan sát nó. Thoạt tiên bạn sẽ phản ứng một cách tự nhiên: “ta không thích”, “ta thích”, “đẹp biết bao”, “thật vui thú biết bao”, “ta mong giữ được một chút của cái này cái nọ”, vân vân và vân vân. Xem xét những phản ứng này và hãy vượt lên nó. Nếu bạn vượt lên được nó thì bạn tức khắc thấy được toàn bộ nội dung.

Một phần của thiền định là: thấy bên ngoài đúng như nó là – không phải như bạn ao ước – tức là có chiến tranh, tranh chấp, thù hận, vô số những sỉ nhục và thương tổn mà con người phải chịu nhận lãnh, đau khổ, phiền não, lo âu, sự cô đơn, thiếu thốn tình yêu; cần quan sát tất cả. Sau đó điều gì sẽ xảy ra? Bạn sẽ thấy năng lượng được tập hợp, vì bây giờ đã có sự ngăn nắp, không còn sự phung phí năng lượng. Trong cuộc sống hàng ngày nếu bạn chỉ cần có sự ngăn nắp thông thường thôi, bạn đã đỡ phung phí năng lượng rồi. Chỉ nơi nào không có ngăn nắp, chỗ đó mới có phung phí năng

lượng. Hễ có ngăn nắp thì năng lượng liền được tụ hội. Và với năng lượng này bạn hãy quan sát thế giới cũng như quan sát chính bạn; và hãy nhận ra thế giới bên ngoài lẫn tại đây - bên trong – thật ra nó chỉ là một vận động duy nhất. Có một sự tụ hội của năng lượng nếu có sự quan sát mà không có người quan sát. Người quan sát là quá khứ; quá khứ tức là mọi thành kiến, mọi ý tưởng, mọi kết luận, mọi phản ứng truyền thống của bạn. Người quan sát là quá khứ và người quan sát gạt gỡ cái hiện tại, cái *đang là*, và tìm cách diễn dịch nó theo cách quá khứ đã kết luận. Đúng thế không? Điều đó biến quá khứ trở thành tương lai bằng cách thêm sự vận động của thời gian. Bạn là kết quả của quá khứ. Đó là một thực tế. Một phần của trí não bạn là kết quả của một loạt những phiêu lưu, biến cố, sự kiện, kinh nghiệm, tri thức - mà tri thức thì bao giờ cũng là quá khứ cả. Sự vận động này của quá khứ gạt gỡ hiện tại và diễn dịch hiện tại hay điều chỉnh hiện tại cho hợp với quá khứ, và do đó cho một vận động mới hướng đến tương lai. Quá khứ khi nó gạt gỡ hiện tại là một vận động; hiện tại cũng là một vận động; nếu quá khứ không đụng đến hiện tại nữa thì không có vận động, thì thời gian sẽ ngưng bật.

Như thế thì thiên định sẽ mang lại sự ngăn nắp trong đời sống, đồng thời sẽ tập hợp một năng lượng lớn lao và chấm dứt sự tranh chấp giữa người quan sát và vật được quan sát, điều này lại sản sinh thêm năng lượng. Hễ có sự phân cách giữa người quan sát và vật được quan sát thì còn có tranh chấp. Khi bạn đang sân hận, trong lúc sân hận, trong giây

phút của sân hận thì không có sự chia cắt; thế nhưng chỉ một giây sau sự chia cắt sẽ đến: “ta không được sân hận” hay “tại sao ta lại sân hận?”. Chỗ nào có chia cắt, chỗ đó có tranh chấp. Mỗi tranh chấp mâu thuẫn với tất cả sự mãnh liệt của nó là một sự phung phí năng lượng. Sự tập hợp của toàn thể năng lượng chính là chỗ bắt đầu của sự tĩnh lặng.

Chúng ta sống những cuộc đời rối loạn, ý thức của chúng ta náo động, luôn luôn nằm trong sự tranh chấp, liên tục lựa chọn, bác bỏ, thừa nhận, thống trị, bị ràng buộc. Đó là một sự đấu tranh liên tục, luôn luôn sôi sục, và sự sôi sục này là năng lượng bị phung phí. Làm cho sự náo động này đến một chỗ dừng là một phần của thiền định. Chứ không phải kiểm soát và điều khiển. Lúc mà bạn điều khiển thì chủ thể nào điều khiển? Xin hãy đi vào chính bản thân mình. Chủ thể điều khiển là một phần của tư tưởng. Khi chủ thể điều khiển tìm cách kiểm soát tư tưởng thì đó là sự phung phí năng lượng. Nhưng nếu bạn đã thấy chân lý, thấy chủ thể điều khiển chính là đối tượng được điều khiển thì mỗi tranh chấp sẽ đến chỗ dừng lại. Điều đó có nghĩa, bạn có thêm năng lượng và năng lượng này là cần thiết, cái năng lượng toàn vẹn này, thứ không do sự cọ xát tạo ra. Sự cọ xát cũng có năng lượng của nó nhưng năng lượng ta đang nói đến không do tư tưởng sinh ra và vì thế không phải là kết quả của sự cọ xát. Thứ năng lượng này là cần thiết để đến với cái thiêng liêng, điều thiêng liêng đó chính là tâm thức tôn giáo.

Khi đó thiền định chính là rũ bỏ cho rộng nội dung của ý

thức – tức là mọi sợ hãi, lo âu, các tranh chấp trong các mối liên hệ – là chấm dứt phiền não và do đó mà xuất hiện lòng từ bi. Sự ngưng bật của nội dung ý thức chính là sự tĩnh lặng hoàn toàn. Khi đó thứ tĩnh lặng này chứa đầy năng lượng. Nó không phải trống rỗng năng lượng. Nó không phải là thứ tĩnh lặng đang mong tìm thêm một cái gì.

Thế nên thiền định không phải là sự lặp lại chân ngôn¹, không phải chỉ ngồi đó mà hít thở cho cẩn thận. Thiền định phải là một cái gì không hề mong cầu, không hề tạo dựng, không được xếp đặt. Tức là một cái không có sự đo lường. Nếu ta có thể đi xa như thế – không, không có chuyện xa gần – nếu ta đã làm được thế, thì đó chính là cái trống rỗng ấy.

Xin chú ý. Các nhà khoa học nói rằng trong sự trống rỗng này có năng lượng. Chúng ta nói rằng, khi có quá trình thiền định, có sự vận động thiền định này, thì có một dạng hoàn toàn khác về ý thức được sinh ra từ một kích chiều mà trong đó có tất cả năng lượng được tập hợp bởi thiền định, bởi sự ngăn nắp trong đời sống. Bạn có tất cả năng lượng – năng lượng đang hiện diện đó. Và trong sự trống rỗng này không có vật gì. Không có vật gì cả. “Sự rỗng không” không phải là một vật. Vật tức là tư tưởng. Tư tưởng là một quá trình vật chất. Cho nên trong sự trống rỗng này không hề có tư tưởng. Và do đó không có một chủ thể chứng nghiệm đang chứng nghiệm sự trống rỗng hoàn toàn này².

1. repetition of mantras.

2. Kinh Duy Ma Cật, phẩm Văn Thù Sư Lợi thăm bệnh, có đoạn viết “Các cõi Phật đều rỗng không” (ND).

Vẻ đẹp là gì? Nó cũng là phần của cuộc sống chúng ta. Phải chăng là bóng đậm? Là đường nét của một tòa kiến trúc? Là bức tranh? Là những nền văn hóa tuyệt diệu trên thế giới? Là những ngọn núi? Là những dòng nước chảy? Là khuôn mặt tuyệt đẹp? Vẻ đẹp là gì? Liệu vẻ đẹp có còn tồn tại khi không có tâm điểm của sự tranh chấp? Khi bạn nói: “thật là đẹp” thì có tâm trạng gì nằm sau câu đó? Tính chất, tự tính của cảm xúc, của một điều dâng trào lên là gì? Hay cái đó là cái đẹp? Hay vẻ đẹp là sự vắng mặt hoàn toàn của một người quan sát? Nếu chỉ có thuần túy sự quan sát, trong đó không có sự so đo lựa chọn, không có chia cắt, thì nơi đây phải có ý nghĩa này của vẻ đẹp. Có thể đó là cái thiêng liêng. Không phải là vẻ đẹp bên ngoài của một người đàn bà hay đàn ông. Có vẻ đẹp của đàn bà và đàn ông, vẻ đẹp của một ngọn cây, vẻ đẹp của một đường nét, của một tia nước, của sóng nước lăn tăn nhưng vấn đề là tìm ra hay đến với tính chất của sự vắng bóng hoàn toàn của bất cứ một điều gì có tính cách mâu thuẫn, tức là một điều gì trọn vẹn, hoàn toàn, lành mạnh, có lý. Một tâm thức như vậy là một tâm thức tuyệt đẹp, nó chính là tâm thức tôn giáo. Tại vì trong đó bạn đã cho toàn thể năng lực được biểu hiện.

Có một điều được xem là thiêng liêng không bị tư tưởng xúc phạm đến, nó không bị đụng đến hay bị giảm phẩm chất bởi con người với lòng thèm muốn hay sợ hãi, tranh chấp, ác tâm của họ. Và đến với nó không phải chỉ là được việc cho thiên định nhưng chính là sự chấm dứt cái khổ, mà điều

đó cũng là chỗ bắt đầu của trí huệ. Trí huệ không phải bằng học hỏi nơi sách vở hay đến trường mà có. Khi có sự chấm dứt phiền não trong tâm bạn, trong một con người, thì xuất phát từ đó mà sinh trí huệ.

Và khi một con người tự chuyển hóa mình, khi chính bạn đã chuyển hóa mình một cách toàn triệt, chính bạn đã tác động lên cả toàn thể ý thức của cả loài người. Bạn chính là loài người, bạn là sự vận động của loài người. Đây là một thực tế đang diễn ra. Nếu bạn thay đổi, bạn tác động lên cả thế giới. Đó là trách nhiệm to lớn của bạn. Chúng ta cần cẩn thận với tất cả những thể nghiệm tâm lý, những thể nghiệm chủ quan vì chúng rất có hại.

Vì thế thiên định bao hàm một cuộc đời rất ngắn ngủi và do đó rất đức hạnh, rất đạo lý. Và nó cũng bao hàm một sự thấu hiểu cái đẹp cũng như chiều sâu của nó. Nó cũng đồng nghĩa với sự rũ bỏ của một loại ý thức mà nó chính là bạn, với tất cả mọi sự ràng buộc, mọi sợ hãi, hy vọng, tuyệt vọng, sự rũ bỏ tất cả những điều đó chỉ bằng cách quan sát.

Sau đó thì bạn có năng lượng mà chỉ duy nhất nó mới phát hiện được cái miên viễn, cái không có thủy, không có chung.

Ojai, 18.4.1976

TÍNH TOÀN THỂ CỦA ĐỜI SỐNG

Khi quan sát những gì đang xảy ra trên thế giới, ta tự hỏi tại sao lại có quá nhiều rối loạn, tại sao người lại tiêu diệt người. Tại sao lại có những ngân sách ghê gớm như thế cho vấn đề vũ trang? Tại sao loài người lại tự chia cắt mình để thành những quốc gia riêng biệt phù phiếm? Tại sao các tổ chức tôn giáo lại có định chế, các tôn giáo lớn lại chia cắt chính mình trên toàn thế giới? Tại sao lại có một sự phân chia như vậy? Chúng ta có khuynh hướng cho rằng có một thể tính bên ngoài đã sinh ra sự hỗn loạn này, rằng “Thượng đế” hay một thể tính cao tột nào đó, đã tạo ra con người xong rồi lại bỏ rơi con người trên trái đất. Những gì con người đã gây ra thật là khó tin và đáng sợ, không phải nói về tha nhân mà ngay trong chính nội tâm mình. Tại sao trên thế giới có quá nhiều người bị bệnh tâm thần như vậy? Tại sao lại có một cuộc đấu tranh liên tục giữa hai phái nam nữ? Tại sao trong tám người có sự rối loạn như thế, điều mà dĩ nhiên sẽ biểu lộ ra bằng sự rối loạn bên ngoài?

Đời sống của chúng ta đã tạo nên xã hội mà trong đó chúng ta đang sống. Xã hội không được tạo thành bởi những biên cố bất thường nào nhưng bởi cuộc sống bất thường mà ta đang sống, không phải chỉ do ta thôi mà do các thế hệ đã

qua. Chúng ta có thể cùng nhau đi vào đề tài này không, suy nghĩ về nó, và không những thế mà còn sẽ đi xa hơn phạm vi của tư tưởng không? Chúng ta luôn luôn nhắc đi nhắc lại rằng tư tưởng được sinh ra bởi ký ức mà ký ức là kết quả của tri thức và kinh nghiệm. Và vì thế tư tưởng luôn luôn bị hạn chế, vì tri thức mãi mãi bị hạn chế, thực tế là không bao giờ có tri thức toàn vẹn về bất cứ sự vật gì. Tư tưởng, vì từ đó sinh ra, nên cũng hết sức hạn chế. Và thế giới mà chúng ta đang sống, đời sống hàng ngày của chúng ta, sự nghiệp, nỗi lo âu, nỗi sợ hãi và đau buồn của chúng ta đều là kết quả của tư tưởng chúng ta, đều là sản phẩm của hoạt động hàng ngày.

Chúng ta có thể xem đời sống như một thể toàn vẹn không, các thứ giáo dục, nghề nghiệp, ý thích, công việc, và tất cả mọi nhọc nhằn đang tồn tại trong nội tâm, những mâu thuẫn tâm lý, nỗi lo âu, sợ hãi, sự vui thú, lòng đau buồn không? Chúng ta có thể xem chúng như một thể toàn vẹn không và đừng để tư tưởng thăm soi một góc cạnh riêng biệt, với một khuôn mẫu riêng biệt hay đừng đeo bám vào một kinh nghiệm riêng biệt, đừng nhìn cuộc đời từ một góc nhìn duy nhất không? Tại sao chúng ta lại sống theo cách mà chúng ta đang sống? Tại sao có quá nhiều rối loạn trên thế giới và trong mỗi chúng ta? Phải chăng sự rối loạn trên thế giới khác với rối loạn của chúng ta?

Tại sao có sự rối loạn bên ngoài và bên trong? Phải chăng đó là hai sự rối loạn tách biệt? Hay chỉ là một quá trình duy nhất? Sự rối loạn bên ngoài không hề khác với sự rối

loạn trong tôi, mà nói đúng hơn sự rối loạn này là một sự vận động, nó lan ra bên ngoài và đi vào bên trong. Nó như một cơn thủy triều cứ đến và đi một cách vô tận. Chúng ta có thể bắt đầu thiết lập lại sự ngăn nắp trong đời mình được không? Vì nếu không có sự ngăn nắp thì không thể có tự do. Sự ngăn nắp hoàn toàn – chứ không phải thỉnh thoảng, không phải mỗi tuần một lần, mà trong đời sống hàng ngày – sẽ mang lại không những sự tự tại mà trong sự ngăn nắp đó sẽ có lòng yêu thương. Một tâm thức rối loạn, hoang mang, luôn nằm trong mâu thuẫn sẽ không có hay không ý thức được lòng yêu thương là gì.

Có thể có một sự ngăn nắp tuyệt đối không? Chúng ta đang dùng từ tuyệt đối trong ý nghĩa đích thực của nó, hoàn toàn, trọn vẹn, không phải một thứ ngăn nắp được trí năng mang lại, không phải thứ ngăn nắp dựa trên các giá trị, hay thứ ngăn nắp đến từ áp lực của môi trường xung quanh, hay thứ ngăn nắp vì muốn rập khuôn với một qui định hay mẫu hình nào đó. Chúng ta đang nói đến một sự ngăn nắp hoàn toàn và tuyệt đối trong đó không có đường phân ranh nào với sự rối loạn cả. Chúng ta đang tự hỏi liệu có một sự ngăn nắp mà trong đó không bao giờ có sự rối loạn nữa.

Tại sao tâm thức lại chịu chấp nhận và sống trong sự rối loạn, một tâm thức bao gồm bộ não, các phản ứng cảm xúc của ta, các phản ứng của giác quan ta? Nếu bạn tự quan sát tâm mình, tức là cuộc sống của chính bạn, nó dựa trên tâm, trên tư tưởng của bạn, trên cảm xúc, kinh nghiệm, ký ức, hối tiếc, lo ngại của bạn, thì tại sao cái tâm này, cái đã có

tất cả trong ý thức mình, lại chịu chấp nhận sự rối loạn? Không phải chỉ là sự rối loạn tâm thần, chỉ chấp nhận rối loạn và sống với sự rối loạn, chỉ làm quen với rối loạn mà vấn đề là tại sao tâm lại khởi ý phân chia hai thứ, khởi ý về rối loạn và ngăn nắp, liên tục có sự điều chỉnh dàn xếp? Phải chăng đó là điều không thể tránh khỏi? Đó là tình trạng tự nhiên của chúng ta hay sao? Nếu đó là sự tự nhiên thì ta phải sống với sự tranh chấp này, trong sự rối loạn này, từ lúc mới chào đời đến ngày nhắm mắt xuôi tay. Và nếu không phải là sự tự nhiên, điều mà xem ra là rõ, thì nguyên nhân của nó là gì? Cơ sở của nó là gì, nguồn gốc của tất cả chúng là gì? Phải chăng cơ sở đó tùy nơi thái độ đặc biệt của ta, sự thèm muốn riêng tư của ta?

Ta muốn tìm ra cơ sở của sự rối loạn này, nguồn gốc của nó. Muốn thế thì làm sao tiếp cận được vấn đề? Làm sao tiếp cận được vấn đề rối loạn để giải quyết được nó một cách triệt để? Cách tiếp cận của bạn là sao? Phải chăng bạn tiếp cận để tìm sự ngăn nắp từ trong sự rối loạn và do đó sự tiếp cận đã được định hướng trước? Giả định rằng tôi đang ở trong sự rối loạn và tôi có mong ước được sự ngăn nắp. Chỉ nội cái mong ước này đã qui định sự ngăn nắp phải như thế nào; trong lúc nếu tôi tiếp cận nó bằng cách tìm gốc rễ của nó thì chiều hướng của tôi không bị phân tán, bị phung phí trong các hướng của trí năng, của ngôn từ hay của cảm xúc, mà toàn bộ sự chú tâm của tôi chỉ hướng về gốc rễ của nó. Thế thì bạn tiếp cận ra sao, với tính chất là con người, sống trong thế giới này, bên ngoài và bên trong

đều bị rối loạn? Chúng ta phải thật rõ về cách tiếp cận của chúng ta.

Nếu điều này đã rõ thì ta hãy cùng nhau xem nguồn gốc của sự rối loạn là gì. Phải chăng nó là một sự tự mâu thuẫn? Phải chăng sự thèm muốn đã tạo ra sự chia cắt trong chúng ta? Chỗ nào có sự chia cắt, chỗ đó có tranh chấp và tranh chấp là rối loạn. Có tranh chấp là có rối loạn dù nó chỉ là bé nhỏ hay là thứ tranh chấp sẽ sinh ra khủng hoảng to lớn. Thế nên phải chăng sự tranh chấp của chúng ta là tự mâu thuẫn, nói một đường, làm một nẻo; là có những hình ảnh lý tưởng và luôn luôn cố tập làm theo những hình ảnh đó? Phải chăng đó là sự khát khao của chúng ta muốn trở thành một cái gì? Hay sự tranh chấp này do tư tưởng tạo nên? Như chúng ta nói, tư tưởng là hạn chế và vì thế nó cứ chia cắt cái bên ngoài và bên trong, cái “bạn” và cái “tôi”. Tư tưởng tranh đấu để trở thành một cái gì, cái bây giờ không có. Phải chăng sự chia cắt liên tục này, sự trở thành, sự mâu thuẫn, sự rập khuôn, sự so sánh, sự bắt chước về mặt tâm lý chính là những biểu hiện khác nhau của một nguyên nhân trung tâm?

Thế thì nguyên nhân trung tâm là gì, nguồn gốc của tất cả mọi thứ? Bạn đang xét tâm mình, do đó bạn ý thức về cách bạn tiếp cận vấn đề, bạn ý thức về mâu thuẫn nội tâm của mình, về sự tranh chấp, về sự chia cắt, về sự e ngại của mình. Ta có thể ý thức về tất cả những điều đó không? Hay ta chỉ ý thức về một mặt của nó, mặt này vốn đòi hỏi một câu trả lời tức khắc. Nếu tôi quan tâm về việc sinh nhai,

tôi sẽ không quan tâm đến những điều khác vì đó là một yêu cầu tức khắc. Tôi cần tiền bạc, thực phẩm; tôi có con cái, trách nhiệm, vì thế sự tiếp cận của tôi đến vấn đề này là làm sao phải có công ăn việc làm. Hay nếu tôi đã quen nghĩ theo một khuôn mẫu, theo một chiều hướng và tôi không biết mình bị ràng buộc trong khuôn mẫu đó thì khi tiếp cận vấn đề này, tôi sẽ đến với nó theo cách mà tâm tôi hay nghĩ. Hay nếu tôi là người nhiều cảm tính, mơ mộng, thì cách tiếp cận của tôi sẽ là tùy tiện, không rõ ràng chính xác.

Do đó ta phải thật rõ mình tiếp cận vấn đề như thế nào vì nếu ta sử dụng bất cứ mẫu hình nào ta cũng không thể giải quyết được nó. Vì thế câu hỏi là tâm ta có được tự do không bị ràng buộc bởi mẫu hình nào cả hay không? Bởi những hình ảnh lý tưởng không? Bởi những ý hướng có sẵn không? Bạn có ý thức không về sự rối loạn trên thế giới, mỗi ngày mỗi tệ hại hơn? Và sự rối loạn trong tự tâm mà chúng ta đã thừa kế, mà chúng ta đã thêm vào? Bạn có ý thức hay không về xã hội mà chúng ta đang sống, nó cũng hoàn toàn rối loạn, trong đó có một sự bất công lớn lao: có hàng triệu người thiếu ăn và có xã hội phong phú; có sự độc đoán và có tự do dân chủ muốn nghĩ gì thì nghĩ, nói gì thì nói?

Tâm và ý thức của chúng ta là tâm và ý thức của thế giới. Bất cứ chỗ nào cũng là những cảnh phiền não, lo âu, bất an, cô đơn, những người tuyệt vọng không ai chia sẻ, những con người bị thiêu đốt bởi đau buồn và bất ổn. Về mặt tâm lý, bạn là một người, bạn không tách rời khỏi thế giới loài người. Ý niệm cho rằng bạn là một cá thể riêng tư với một

tâm thức đặc biệt của riêng bạn là một sự vô nghĩa vì bộ óc này đã tiến hóa thông qua thời gian. Đó là bộ óc của loài người, bộ óc này là một phần của loài người, về mặt di truyền v.v... Thế nên bạn là thế giới và thế giới là bạn. Đó không phải là một ý niệm hay một chủ trương, lại càng không phải là một câu nói viển vông vô nghĩa, mà đó là sự thực. Và cái tâm này đang hoàn toàn bị rối loạn. Và chúng ta đang tìm cách phát hiện cội nguồn của sự rối loạn này.

Nguyên nhân của sự phân biệt giữa nam nữ, giữa các quốc gia, giữa nhóm người này và nhóm người khác, sự chia cắt giữa các niềm tin, ý niệm, chủ trương, nhận thức về lịch sử và các cách hành xử là gì? Sự phân biệt tất phải sinh ra tranh chấp. Đó là một thực tế. Với sự phân biệt chia cắt, chúng ta cho mình có sự an toàn; thế nên có sự phân biệt là người Anh, người Pháp, người Đức, mỗi nhóm người cùng nhau giữ lấy một ý niệm, một nội dung, đứng dưới một lá cờ, họ cho rằng như thế là sự an toàn. Sự cô lập này dĩ nhiên phải sinh ra phân biệt. Chúng ta có thấu hiểu một cách sâu xa sự thực rằng, bao lâu còn có chia cắt, bấy lâu còn có tranh chấp? Rõ là không có sự an toàn trong việc cô lập này, trong sự tách biệt này. Bạn có thể xây một bức tường quanh mình, dưới dạng một quốc gia, nhưng bức tường này đang đổ vỡ.

Nguyên nhân, nguồn gốc của sự chia cắt là gì? Mỗi một người trong thế giới này đều nghĩ và sống theo cách là mình tách biệt với người khác, với vấn đề riêng của mình, lo âu của mình, chứng thần kinh của mình, cách tư duy riêng tư của mình. Điểm trung tâm của điều này là ý niệm tôi tách

biệt với bạn. Điều đó có đúng hay không? Có đúng là chúng ta tách biệt nhau, cá thể khác nhau, người này hoàn toàn khác người kia không? Vóc người bạn có thể cao, có thể thấp, tóc đen hay tóc trắng nhưng trong nội tâm liệu chúng ta có khác nhau? Về mặt nội tâm tất cả chúng ta đều trải nghiệm các điều như nhau hay tương tự với nhau. Về mặt tâm lý không có sự chia cắt phân biệt. Cho nên bao lâu ta còn chấp nhận ý niệm rằng chúng ta bị chia cắt thì bấy lâu ta vẫn còn có tranh chấp, phân biệt và sự rối loạn.

Bạn nghe tôi một lời khẳng định như thế, là bao lâu bạn còn nghĩ mình tách rời ra khỏi người khác về mặt tâm lý, bấy lâu sẽ còn tranh chấp và rối loạn. Thực là thế. Khi bạn nghe vậy, chắc bạn trừu tượng hóa điều này thành một ý niệm, rồi xem thử ý niệm này được thực hiện thế nào đây? Hay nó là một thực tại? Nếu là thực tại thì bạn có thể làm một điều gì với nó. Thế nhưng nếu bạn chỉ trừu tượng hóa việc này thành một ý niệm thì sẽ hỏng mất, bởi vì bạn có ý niệm của bạn, tôi có ý niệm của tôi. Mà sự thực chung loài người chúng ta cùng có là, bao lâu còn có sự phân biệt bên trong giữa bạn và tôi thì bấy lâu còn tranh chấp, hoang mang và rối loạn. Nhưng tâm của chúng ta đã bị qui định mất rồi; từ hàng ngàn năm nay tâm ta đã bị qui định bởi những gì con người đã nói nên cứ nghĩ rằng chúng ta bị tách lìa. Tôn giáo cho rằng chúng ta bị tách lìa, mỗi người hãy lo cứu rỗi lấy mình; mọi khuôn mẫu cứ lặp đi lặp lại như thế mãi. Bị qui định như thế thì thật là khó mà chấp nhận một cái khác khả dĩ là chân lý. Tôi dùng từ “khả dĩ” vì tôi không muốn giáo điều; nhưng thực là như thế. Nếu bạn chấp nhận tôi phân tích

điều này với các bạn, với lý luận, với trí năng, với lẽ hơn thiệt, cuối cùng thì chúng ta sẽ đến một điều chung.

Nếu muốn hiểu rõ tính chất của sự rối loạn và cách chấm dứt nó, hiểu một cách toàn triệt, không phải tương đối, thì phải chăng ta phải ý thức về điều rối loạn này? Và khi đã ý thức rồi, câu hỏi sẽ sinh ra là: bây giờ ta phải làm sao? Ta biết là ta bị chia cắt, ta phải dẹp bỏ sự chia cắt này ra sao?

Phải chăng thực tế bị chia cắt này khác với chủ thể quan sát đang nhìn thực tế đó? Tôi xin giải thích một chút. Tôi quan sát lòng ham muốn. Tôi đang ham muốn. Phải chăng sự ham muốn mà tôi đang quan sát khác với tôi, khác với người quan sát, kẻ đang nói: “tôi đang ham muốn đây”? Hay sự ham muốn chính là người quan sát? Đúng không? Như thế thì sẽ không có sự chia cắt giữa sự ham muốn và người quan sát đang nói: “ta đang ham muốn” và cũng là người muốn tác động lên sự ham muốn đang nói: “Ta không được ham muốn. Ta phải kiềm chế nó. Ta phải đè nén nó. Ta phải vượt lên nó”. Có sự chia cắt và sự chia cắt này luôn luôn là tranh chấp và gây rối loạn. Thực tế là, người quan sát đang nói “ta đang ham muốn”, chính nó là bản thân sự ham muốn. Bạn có theo kịp đến đây không? Nếu kịp thì tôi xin hỏi: phải chăng sự rối loạn này, sự chia cắt này có khác với cái tôi đang quan sát nó? Hay sự rối loạn, sự chia cắt chính là tôi? Toàn bộ sự hiện hữu của tôi chính là nó? Tôi tự hỏi: bạn đã đến kịp điểm này chưa, vì nếu không, bạn không thể đi xa hơn. Xin hãy đến với nó. Thật hết sức quan trọng nếu bạn thấu hiểu thực tế này một lần cho tất cả. Nếu bạn hiểu,

nó sẽ làm đời bạn hoàn toàn khác vì trong đó không còn có sự tranh chấp nữa. Tôi muốn nêu rõ điểm này.

Hãy giả định tôi bị ràng buộc vào một người nào đó. Trong sự ràng buộc này và mọi hệ quả của nó có vô số phiền não, ghen tị, lo âu, phụ thuộc, tất cả mọi điều do ràng buộc sinh ra. Trong sự ràng buộc này thì lập tức sự chia cắt được hình thành. Bây giờ xin hỏi sự ràng buộc này, cảm giác bị phụ thuộc này, sự bám giữ vào một người, có khác với tôi hay không? Hay tôi chính là sự ràng buộc? Nếu ta thấy được điều này thì mọi tranh chấp sẽ ngưng. Thật là như thế. Ngưng không phải là do tôi phải bỏ nó đi, tôi phải độc lập, tôi phải tách khỏi, sự tách rời chính là sự ràng buộc; nếu tôi cố tách rời tức là tôi lại bị ràng buộc nơi sự tách rời đó.

Do đó bây giờ tôi rất rõ là không có sự chia cắt. Khi nói tôi bị ràng buộc là nói tôi chính là sự ràng buộc, tôi là trạng thái của ràng buộc. Vì vậy mà tôi đã hoàn toàn xả bỏ mọi tranh chấp. Bạn có thấy điều này không? Tôi là trạng thái đó.

Thế nên bản thân tôi chính là sự rối loạn. Không phải tôi nhận thấy mình là sự rối loạn cũng không phải tôi nghe ai nói mình là sự rối loạn; mà thực tế là tôi, một con người, là trạng thái của sự rối loạn. Mọi việc tôi làm chỉ mang thêm rối loạn. Tôi đang nằm trong một tình trạng rối loạn toàn diện. Và tất cả các cuộc chiến để khuất phục nó, đè nén nó, tách rời ra khỏi nó, tất cả đã qua, mọi hành vi trốn chạy đã chấm dứt. Nếu không được thế thì hãy bất động. Thoạt tiên hãy từ bỏ mọi sự trốn chạy, từ bỏ tất cả mọi trốn chạy

có tính chất ngôn từ, biểu tượng, và chỉ dừng lại với thực tế là bạn đang là người ở trong một sự rối loạn toàn diện. Sau đó thì điều gì sẽ xảy ra?

Chúng ta là hai người bạn đang nói chuyện với nhau, đây không phải là một phép chữa bệnh, hay một thứ phân tích tâm lý hay bất cứ gì tương tự với thứ vô nghĩa đó. Chúng ta là hai người cùng nhau trò chuyện, kể cho nhau nghe làm sao tới điểm đó, một cách có lý luận, có cân nhắc, không để cảm tính chi phối, và nhờ đó mà lành mạnh. Vì được lành mạnh chân chính là vấn đề khó nhất. Thế là chúng ta đã tới cái điểm: tôi là như thế đó. Lúc này trong tâm sẽ xảy ra điều gì?

Trước kia, tôi phí năng lực để dè dặt, tìm cách làm sao cho đừng rối loạn, đi tìm tới ông thầy nọ thầy kia. Tất cả những gì tôi làm chỉ là sự phí phạm năng lượng. Bây giờ thì thừa nhận là tôi rối loạn, điều gì đã xảy ra? Hãy đi cùng với tôi. Tâm tôi sẽ hoàn toàn tập trung đến sự rối loạn. Tâm tôi đang nằm trong một tình trạng tập trung hoàn toàn để nhìn sự rối loạn. Đúng không? Do đó, điều gì xảy ra? Khi có một sự chú tâm hoàn toàn, khi đó không có rối loạn. Chỉ nơi nào thiếu sự chú tâm, nơi đó sinh ra rối loạn. Sự rối loạn sinh ra khi có một sự chia cắt, đó là do sự thiếu chú tâm.

Khi có sự chú tâm hoàn toàn thì không có sự phát tán của năng lượng. Khi tôi nói: "Làm sao ta có sự chú tâm hoàn toàn đây?" thì đó đã là phí năng lượng. Khi bạn thấy rõ sự rối loạn luôn luôn do sự thiếu chú tâm sinh ra, thì sự thiếu chú tâm đó đã trở thành sự chú tâm rồi.

Bây giờ với sự chú tâm này ta tìm xét những tình trạng như lo sợ, ham thích, khổ não. Thật là quan trọng phải rũ bỏ cái sợ. Tâm không bao giờ thoát khỏi cái sợ. Bạn có thể che giấu nó, đè nén nó, bạn có thể không biết đến nó, hay bạn quá hân hoan vì thế giới bên ngoài mà không bao giờ để ý đến cái sợ đã bắt rễ sâu kín bên trong. Chỗ nào có sợ hãi, chỗ đó không có tự do tự tại, không có lòng yêu thương, chỉ có sự bất mãn. Muốn thấy điều này bạn phải có khả năng chạy nhanh – không phải chạy bằng chân mà là nội tâm, có khả năng chạy nhanh, nhảy cao – chứ không bò từng li như một con ốc sên.

Ta thấy sự sợ hãi sinh ra điều gì trong đời mình. Sự sợ hãi mang bóng tối lại cho tâm. Chúng ta không nói về loại sợ hãi đặc biệt do thần kinh sinh ra, mà nói bản thân sự sợ hãi. Khi ta hiểu nguồn gốc của sự sợ hãi thì cái sợ về một điều nhất định sẽ tan biến. Nếu tôi sợ bóng tối thì đó là cái sợ đặc biệt của riêng tôi và tôi muốn cái sợ đó phải được giải quyết; thế nhưng tôi không quan tâm đến toàn bộ sự sợ hãi là những gì. Ngược lại nếu tôi hiểu toàn bộ phạm vi của sự sợ hãi thì điều kia cũng không còn. Ở đây chúng ta quan tâm đến toàn bộ phạm vi của sự sợ hãi. Sự sợ hãi này có thể tan biến hoàn toàn không, để cho cái sợ thuộc về thể chất và cái sợ phức tạp hơn thuộc về tâm lý, niềm sợ hãi nội tâm biến mất? Sự sợ hãi thể chất thì ta có thể giải quyết một cách đơn giản, nhưng nếu bạn để ý đến cái sợ thể chất, chỉ quan tâm giải quyết cái sợ thể chất thôi thì bạn sẽ bị ràng buộc vào với cái gì đó hoặc sinh ra sự chia

cất và sự tranh chấp. Nếu trước hết ta hiểu cái sợ tâm lý thì sau đó bạn dễ giải quyết hơn cái sợ thể chất chứ không ngược lại. Cho nên hãy tìm hiểu sự sợ hãi một cách tổng quát; chiều sâu, tính chất và cái tối tăm của sự sợ hãi, thì sau đó bạn có thể giải quyết cái sợ thể chất riêng biệt. Đừng đi ngược lại, bắt đầu với cái sợ thể chất trước, đó là điều mà tất cả chúng ta hay làm.

Loại sợ hãi tâm lý là quan trọng hơn nhiều; chúng làm ta trở thành những con người xấu xí như thế này đây. Khi sợ, ta trở thành tàn bạo, ta muốn hủy diệt, nhân danh Thượng đế, nhân danh tôn giáo, nhân danh cách mạng xã hội, vân vân và vân vân. Bây giờ, là con người, đã sống với cái sợ này từ vô lượng thời gian, có thể giải thoát khỏi sợ được không? Chúng ta đã nêu lên câu hỏi này rồi; bây giờ thì bạn tiếp cận với vấn đề sợ như thế nào? Phải chăng bạn sẽ tiếp cận nó với mong muốn giải quyết nó? Nếu làm thế thì bạn lại tách rời mình ra khỏi thực tại của sợ hãi rồi. Phải chăng bạn tiếp cận như một quan sát viên, một chủ thể đang sợ hãi và muốn giải quyết nó hay bạn vừa thừa nhận mình đang sợ hãi?

Bạn có chú tâm hoàn toàn về thực tế này không? Về cái thực tế là bạn, một con người và cũng chính là toàn thể nhân loại, là đang sợ hãi, đang sống trong lo sợ, một cách ý thức hay vô ý thức, với cái sợ nông cạn hay kín đáo sâu xa? Những cái sợ sâu kín sẽ hoàn toàn lộ diện khi bạn chú tâm.

Bạn đang xem xét, đang nhìn chính mình, chứ không gât đầu đồng ý với người đang nói đây, người đang nói không

hề quan trọng. Thật sự, người nói không quan trọng. Điều quan trọng là bạn sẽ về nhà mà không có chút u ám nào của sợ hãi. Khi bạn đã ý thức về cái sợ, bạn còn trốn chạy nó hay không? Bạn còn tìm cho nó một câu trả lời nữa không? Bạn còn tìm cách đè bẹp nó không? Nếu có thì bạn chỉ phân tán năng lượng, bạn tự chia cắt mình và do đó mà có tranh chấp về sợ hãi và làm sao thoát khỏi nó. Tất cả điều này sẽ sinh ra. Nếu bạn thấy rõ cái sợ chính là bạn thì không có hành động gì cần thiết nữa cả. Không có điều gì phải làm nữa cả vì bạn là chính nó; và vì thế tất cả sự chú tâm được định hướng, trong sự chú tâm này sự sợ hãi được nhận diện.

Tùy nơi bạn. Bạn đã thấy, bao lâu ta còn tìm cách chế ngự thì bấy lâu cái tâm chế ngự đó cũng cần phải được chế ngự. Nhưng nếu bạn tự nhủ: “Đúng nó là một thực tế và ta không cần phải đi đâu cả” thì sự vật này sẽ tự tan biến – một cách hoàn toàn chứ không tương đối, không phải hôm nay ra đi mà ngày mai trở lại với toàn thể cái sợ. Nó sẽ ra đi nếu bạn chú tâm hoàn toàn về nó.

Cũng tương tự như khi ta xem xét sự vui thú dục lạc. Bây giờ hãy cẩn thận. Chúng ta hãy hết sức thận trọng ở đây.

Tôi không rõ bạn có để ý hay không, là ngay từ thời xa xưa nhất của loài người, một điều luôn luôn dẫn dắt ta là vui thú, lòng ham thích vui thú và sự tránh né lo buồn. Bạn có thể thấy điều này trong tranh ảnh, trong các văn bản cũ xưa, trong các biểu tượng. Tất cả đều khuyên nhủ, hãy theo đuổi điều này, hãy tránh né điều kia. Tư tưởng chia cắt đời

sống thành ra sợ hãi, vui thú, phiền muộn, công việc; nhưng tất cả đều là một, không phải ư? Hãy xem chúng ta đã làm gì: tâm của chúng ta đã được qui định, chấp nhận sống trong tiêu chuẩn này, đó là luôn luôn theo đuổi sự vui thú. Thượng đế, nếu bạn tôn thờ, chỉ là cái cốt tủy của lòng vui thú đó. Bạn gán cho hình ảnh đó với nhiều tên khác nhau nhưng mong ước của bạn là đạt được sự vui thú tối hậu và tinh tế này, làm sao cho bạn đừng bao giờ bị quấy rầy nữa, đừng bao giờ bị mâu thuẫn nữa, vân vân và vân vân. Và chúng ta phải thấu hiểu điều này, đừng dè nén, đừng trốn chạy.

Tại sao sự vui thú, cũng như phiền muộn, sợ hãi trở nên quan trọng như thế trong cuộc sống? Bạn có hiểu từ khổ¹ hay không, sự đau khổ của con người, sự đau khổ xuyên qua nhiều thế kỷ, sau cuộc chiến tranh này đến cuộc chiến tranh khác, giết hại mạng người, tàn phá thiên nhiên, giết hại động vật, tàn hại tất cả mọi thứ. Con người không những chịu khổ thôi mà còn gây khổ thêm. Đó là một phần của chúng ta, một phần của ý thức chúng ta. Và chúng ta tìm cách tránh né nó vì không biết cách giải quyết. Chúng ta cho rằng theo đuổi vui thú là điều chính yếu, cho rằng trong đó có ít nhất ta được một cái đúng đắn, thực có, một cái tồn tại thực. Do đó mà sự vui thú trở thành quan trọng nhất, không phải chỉ thú vui tình dục thôi mà cả sự hồi tưởng, hình ảnh, những gì còn diễn ra trong tâm. Còn mọi thứ sợ hãi, lo âu, phiền não bị đẩy lùi thành thứ yếu. Nếu bạn chăm

1. sorrow.

chú xem, bạn sẽ thấy điều gì xảy ra, điều gì chiếm trọn tâm bạn. Không phải xem hành động cụ thể bây giờ mà toàn thể những gì được xây dựng nên và tòa lâu đài được mệnh danh là tình yêu. Vì thế sự vui thú, tình yêu, khổ não, lo sợ, tất cả chúng đều có liên quan đến nhau.

Như thế thì phải chăng bạn nên xét lo sợ, vui thú, khổ não một cách riêng lẻ, từng thứ một? Hay bạn sẽ có khả năng giải quyết một cách toàn thể những điều này? Tâm của chúng ta vốn bị phân rã nên ta xét từng thứ một, hy vọng giải quyết từng thứ một, và hy vọng chấm dứt được sự phân rã và phiền diện. Bây giờ làm sao bạn tiếp cận được với cái toàn thể? Xem xét sự rối loạn của bạn, vui thú, sợ hãi, phiền não như là sự vận động chung của đời sống? Không xem chúng riêng lẻ mà là một cái toàn thể. Bạn có thể làm thế được không? Tức là, bạn có thể tự nhìn mình như thế nhìn vào một tấm gương của tâm, như là một con người trọn vẹn không? Hay bạn chỉ có thể nhìn một phần?

Bạn tự nhìn mình như thế nào? Bạn có thể xem công việc của bạn, vợ con bạn, tôn giáo, cách tư duy, kinh nghiệm, ý niệm, ý định, tham vọng của bạn... như một cuộc vận động duy nhất không? Đó là cách độc nhất để giải quyết toàn thể vấn đề, không đi qua từng mặt một.

Bây giờ làm sao một tâm thức, bộ não, các cảm xúc, vốn đã bị phân rã từ thế hệ này qua thế hệ khác, tiếp cận hay nhận thức được cái toàn thể? Phải chăng bạn sẽ tiếp cận tính toàn thể của đời sống một cách phiền diện, chuyện kinh doanh trước, tiền bạc trước, nhà cửa trước, vợ con, tình dục,

cái này sau cái kia? Hay tâm bạn có thể thấy tính toàn thể của đời sống? Nó làm được vậy không? Hay bạn cố gắng để thấy cái toàn thể của nó? Nếu bạn dụng công cố gắng để thấy cái toàn thể đó thì chuyện đã hỏng, bạn không bao giờ có được đâu; vì đó là lúc bạn sinh ra một sự chia cắt, sinh ra tranh chấp, rối loạn. Muốn thấy đời sống là một cuộc vận động, bạn cần phải học thật sự. Học, nhưng không phải học nơi tôi. Học từ chính bạn bằng cách quan sát. Học cách quan sát sự chia cắt và thấy sự vô nghĩa của cách tiếp cận bằng lối chia cắt; thấy thực tế rõ ràng là không thể tiếp cận cái toàn thể bằng cái phiến diện. Bạn phải có một tâm thức đủ khả năng hứng nhận toàn thể vũ trụ và điều đó chỉ khả dĩ nếu tâm không còn rối loạn và sợ hãi nữa. Khi đó sẽ không có bóng tối của sự chia cắt, như cái “tôi” và cái “bạn”, xứ sở của tôi, xứ sở của bạn, tín điều của tôi, v.v... Tức là khi có sự tự tại hoàn toàn thì có sự tiếp nhận cái toàn thể. Và từ sự hiểu biết này, từ trí thông minh này, ta có thể tác động lên thế giới; thí dụ để có được một công ăn việc làm, hay để không có việc làm, để làm bất cứ điều gì. Còn bây giờ thì ta tiếp cận thế giới một cách phiến diện và chỉ gây ra sự tàn phá trong đó.

*

* *

Tại sao tâm lại sống trong thời gian? Nó bị cuốn theo thời gian. Tâm thức mà ta đang có hiện nay đã bị cuốn theo thời gian từ hàng ngàn năm. Và điều đó thì xem ra là bình thường và lành mạnh. Thế nhưng ta muốn biết tại sao thời gian lại

trở nên quan trọng về mặt tâm lý, ở nội tâm ta. Xin hãy tự hỏi mình. Đó là vì ta luôn luôn tránh né cái *đang là* để trở thành một cái gì khác, để đi từ đây qua kia? Nội tâm tôi thì như thế này, nhưng tôi không nên thế này mà phải thế nọ. Nội tâm tôi thấy không hạnh phúc, nhưng tôi phải hạnh phúc. Cái “phải” hay “sẽ” hay “nên” chính là sự vận động của thời gian. Cho nên tâm bị vướng vào thời gian vì tâm luôn luôn bỏ cái *đang là* mà đi. Nó muốn theo thời gian mà thay đổi: “Tôi sẽ tốt đẹp, hãy cho tôi thời gian”. Bạn thấy điều này cũng giống như tập luyện cơ bắp. Cơ bắp của bạn có thể không đủ mạnh nhưng nếu bạn cứ làm hoài những động tác để tăng cường nó thì nó sẽ mạnh hơn. Cũng nghĩ như thế mà ta tự nhủ: “Tôi đang thế này, tôi muốn thế khác, cứ cho tôi thời giờ là được”. Nhưng liệu cái *đang là* có thể thay đổi theo thời gian? Khi tôi có một mối lo âu lớn, mối lo đó có thể thay đổi theo thời gian không? Tức là liệu tôi có trở nên, hay sẽ ở trong một tình trạng mà tôi không còn lo âu? Hãy xem tôi làm gì với điều này. Tôi có lo âu; rồi tôi phóng chiếu ra một tình trạng không lo âu; và muốn đến với tình trạng đó, tôi phải có thời gian. Nhưng tôi lại không bao giờ chịu hỏi liệu mối lo âu mà tôi đang mang có thể được thay đổi tức khắc, không cần thời gian không. Hãy xem điều gì xảy ra: tôi đang lo âu; tôi hy vọng sẽ hết lo âu; đây đã có một khoảng thời gian rồi, một sự tụt hậu rồi, và trong sự tụt hậu thời gian đó thì mọi hoạt động khác, mọi áp lực khác, mọi lơ đãng đã diễn ra; cho nên lo âu không bao giờ được giải quyết. Tôi nghĩ mình sẽ đến một tình trạng không

còn lo âu, nên tôi phấn đấu, phấn đấu. Nó giống như một con người hung bạo. Anh ta nghĩ ra sự không hung bạo nhưng trong khoảnh khắc đó thì anh hung bạo, cho nên anh ta không bao giờ đạt đến sự không hung bạo.

Cho nên vấn đề là: Liệu cái đang là có thể chuyển hóa ngay tức khắc không, tức là không cho phép khoảnh khắc thời gian nào được chen vào? Bạn hãy lắng nghe điều này, bạn sẽ thấy nó thật sự đơn giản. Nếu tâm ta chăm chú, ta sẽ giải quyết được mọi chuyện. Người ta đã lên đến mặt trăng, đã chế tạo những chiếc tàu ngầm tuyệt diệu, đã làm những điều không ngờ được. Ở đây, trong lĩnh vực nội tâm thì chúng ta khiên cưỡng, kém cỏi, hay tự làm mình kém cỏi. Nếu bạn không cho phép có thời gian, hay không tư duy với yếu tố của thời gian thì không có vấn đề gì cả. Chỉ vì chúng ta cho phép có thời gian vấn đề mới trở nên trầm trọng. Nếu không có thời gian thì nó đã được giải quyết. Giả định rằng tôi chết ngay bây giờ thì không có vấn đề. Nếu cho phép tôi có thời gian thì tôi sẽ sợ chết. Nếu tôi sống hoàn toàn không có thời gian nội tâm thì đó là một việc phi thường. Thời gian có nghĩa là tích lũy. Thời gian có nghĩa là hồi tưởng. Thời gian có nghĩa là tri thức được tích lũy về chính mình. Thế nhưng nếu không có thời gian, nói về mặt nội tâm, thì không có việc gì cả.

Vì chúng ta cho phép có thời gian như là một yếu tố xen vào giữa sống và chết nên sinh ra sợ hãi. Tính chất của sự chết có thể thấy được trong khi sống. Điều đó có nghĩa chết là sự ngưng lại, sự ngưng lại của sở hữu của tôi, của vợ con,

nhà cửa, tài khoản ngân hàng. Trong sự chấm dứt này không có xin xỏ. Tôi không nói được với cái chết: “Xin cho tôi thêm một phút”. Mà chỗ nào có chấm dứt, chỗ đó có bắt đầu. Tôi muốn đi sâu vào chỗ này.

Khi có sự chấm dứt ràng buộc – hoàn toàn, không phải chỉ là sự ràng buộc với con người hay khái niệm mà là cả quá trình của sự ràng buộc, với tất cả hệ quả của nó – thì có một dạng hoàn toàn khác của tâm thức. Thật vậy. Tôi bị ràng buộc bởi đồ đạc của tôi và sự ràng buộc là một gánh nặng. Khi gánh nặng này được chấm dứt thì tôi có tự do. Cho nên sự chấm dứt quan trọng hơn sự bắt đầu. Bây giờ thì tôi đang sống, liệu tôi chấm dứt được không? Chấm dứt lo âu, chấm dứt sợ hãi. Chấm dứt, không phải là chấm dứt tài khoản ngân hàng mà chấm dứt về mặt nội tâm. Chấm dứt sự bất an của tôi. Khi tôi bị rối loạn, muốn chấm dứt nó thì đừng tự nhủ: “Ta phải tìm hiểu tại sao ta rối loạn, đâu là nguyên nhân và ta phải thoát khỏi rối loạn”. Tất cả thứ đó đều là thời gian cả. Đó chỉ là sự lơ đãng, ngược lại với chuyên tâm ý thức về toàn thể sự vận động của thời gian và chấm dứt sự lo âu ngay tức khắc. Do đó sẽ không có sự tích lũy về mặt nội tâm để sinh ra tri thức.

Chết là dừng lại. Mọi thứ dừng lại. Chết là sự dừng lại mà tôi thì vẫn sống. Chúng ta đều sống, đều hoạt động. Chúng ta có thể chấm dứt mọi sự về mặt tâm lý không? Bạn có thể ngưng tức thì sự ràng buộc của bạn không, ngay tức khắc – cũng như sự giận giữ, sự thô bạo, lòng ham muốn, chuyện này chuyện kia của bạn, ngưng ngay trong lúc còn

sống không? Như thế sống chính là chết. Chứ không phải bây giờ sống và cuối cùng mới chết. Sống có nghĩa là phải chết đi thứ này, nếu không thì bạn không hề sống. Phần lớn chúng ta đều sợ chết vì chúng ta chưa bao giờ sống chân chính, chưa bao giờ chúng ta sống thật sự. Chúng ta chỉ sống trong mâu thuẫn, tranh chấp, đau khổ, lo âu và gọi nó là cuộc đời. Sống không phải là những thứ đó. Nếu những thứ đó chấm dứt thì mới là sống. Khi đó thì bạn đang sống và cũng đang chết. Cả hai đi chung với nhau, như một đóa hoa và mùi thơm của nó; mùi thơm không hề tách khỏi đóa hoa, nó ở ngay đó.

Có sự chấm dứt thực thụ do thân già yếu; nếu bạn suy nghĩ thật kỹ thì sẽ thấy tâm không bao giờ già đi như một cỗ máy bị hao mòn do ma sát. Thế nhưng đó không phải là tâm của bạn, đó là tâm thức của loài người. Tâm là kết quả của hàng triệu năm, là tâm của những người Ấn Độ, người Trung quốc, người Nga, của tất cả những con người khác, tại vì họ cùng kinh qua những đau khổ như nhau, lo âu, sầu muộn, dục lạc, thỉnh thoảng có chút niềm vui, có chút tình thương. Thế nên trí não chúng ta, tâm chúng ta, là tâm của loài người. Nếu bạn có thể thấu hiểu thực tế này thì chúng ta sẽ sống không có sự chia cắt, điều đang gây tai họa trên toàn thế giới.

Vì tâm con người luôn luôn chộn rộn, luôn luôn nhảy từ nơi này qua nơi khác, được dẫn dắt bởi sự thèm muốn, được lèo lái bởi lòng ham ân thưởng và trốn tránh đau khổ; con người triền miên đi tìm một dạng của sự an nghỉ, một dạng

của sự hòa bình trong đó ít nhất mười phút được yên tĩnh. Người ta đã tìm thứ này. Người ta đến nhà thờ và ngồi yên lặng. Đến một giáo đường tuyệt đẹp, nếu gặp lúc không có một nghi lễ nào diễn ra thì họ được yên. Và điều kỳ lạ là trong tất cả những nhà thờ này không bao giờ có một khoảnh khắc của sự lặng yên, trừ khi vắng người. Vì rằng nếu bạn yên tĩnh, bạn có thể bắt đầu dò tìm. Nếu bạn yên tĩnh, bạn có thể bắt đầu đặt nghi vấn. Thế nhưng bạn bị bận rộn suốt buổi, bạn không bao giờ có thì giờ để nhìn quanh, để tra vấn, để nghi ngờ, để hỏi han. Đó có lẽ là một trong những trò lấu lỉnh của tâm con người.

Thiền định là gì và tại sao ta nên thiền định? Nó có tự nhiên không? Phải chăng cũng như hít thở, như nhìn ngó, như nghe ngóng, có tự nhiên không? Và tại sao chúng ta lại làm nó mất tự nhiên thế? Tại sao phải lấy một tư thế, phải theo hệ thống thiền định của Phật giáo, của Tây Tạng, của Kitô giáo, của phép Tantra, và phép thiền định do ông thầy yêu mến của bạn đặt ra? Không phải tất cả chúng đều là không bình thường hay sao? Tại sao tôi phải ngồi một tư thế nhất định mới thiền định được? Tại sao tôi phải cứ tập luyện mãi như thế? Để đi đến đâu? Phải chăng tôi cứ theo một hệ thống – hai mươi phút buổi sáng, hai mươi phút buổi tối – để có một cái tâm yên tĩnh? Sau khi kiếm được chút tâm yên tĩnh tôi có thể ra ngoài và làm mọi thứ tai hại suốt thời gian còn lại.

Có một cách nào thiền định mà không bị những thứ đó chi phối không? Mọi người nói thiền định là để an tâm, để

có một cái tâm biết quan sát, để có một cái tâm hoàn toàn tập trung, hoàn toàn chú ý, để không có tư tưởng nào cả ngoài một tư tưởng, một hình ảnh, một ấn tượng, một tâm điểm mà bạn nhắm đến. Đúng thế không? Tôi không biết bạn đã làm hết những thứ đó không? Người đang nói này đã thử nửa tiếng với từng thứ thiền định đó, mười phút, năm phút và chúng không có nghĩa gì cả.

Vấn đề là bạn phải đi vào câu hỏi ai là chủ thể điều khiển và ai là đối tượng bị điều khiển. Toàn bộ cuộc sống của chúng ta, nếu bạn quan sát, là như thế này: điều khiển và không điều khiển - tôi phải điều khiển cảm xúc của tôi, tôi phải điều khiển tư duy của tôi; tôi chỉ có thể điều khiển tư duy bằng cách liên tục tập luyện; và muốn tập luyện tôi phải có hệ thống. Một hệ thống hàm chứa một quá trình cơ giới, nó làm cho tâm ngày càng có tính cơ giới. Nó vốn đã cơ giới rồi và bây giờ ta muốn nó cùn nhụt thêm. Tại sao chúng ta phải kinh qua những thứ đó? Bạn muốn có một chứng nghiệm và bạn biết là ma túy chỉ làm hại bạn nên bạn dẹp nó qua một bên, thế mà bạn lại hy vọng nhờ tập luyện cái gì đó để bạn chứng nghiệm một điều gì khác.

Tại sao con người lại đòi phải có kinh nghiệm? Phải chăng tâm đang hôn trầm và kinh nghiệm sẽ là một sự kích thích? Hay là khi tâm tỉnh giác thì nó không cần kinh nghiệm nữa. Bạn phải biết liệu tâm bạn đang hôn trầm hay tâm bạn nhàm chán với những kinh nghiệm đã có: tình dục, ma túy và tất cả mọi thứ khác. Bạn muốn có điều gì cao xa hơn, bạn luôn luôn khao khát kinh nghiệm hấp dẫn hơn, khác thường hơn.

Tại sao tâm đòi có kinh nghiệm? Xin hãy tự hỏi mình.

Chỉ có một điều thôi. Một cái tâm rất sáng sủa thì không vướng mắc vào bất cứ ràng buộc nào. Một cái tâm như thế là ánh sáng cho bản thân nó. Do đó nó không cần kinh nghiệm, không có gì để chứng nghiệm cả. Bạn không thể chứng nghiệm được sự giác ngộ. Khái niệm chứng nghiệm được sự giác ngộ là một điều ngu xuẩn. Nếu nói: “ta đã chứng nghiệm được sự giác ngộ” thì đó là một điều không thành thực chút nào. Bạn không thể chứng nghiệm được chân lý, vì như thế thì phải cần một người chứng nghiệm để mà chứng nghiệm. Nếu không có người chứng nghiệm thì hoàn toàn không có kinh nghiệm. Còn chúng ta thì bị ràng buộc nơi con người chứng nghiệm của chúng ta và vì thế mà cứ đòi thêm mãi.

Nói chung thiền định đang được thực hành hiện nay là phép tập luyện theo một hệ thống nhất định, hít thở đúng cách, tĩnh tọa trong một thế ngồi đúng đắn, chỉ làm ta ham muốn và khao khát một kinh nghiệm to lớn hơn, hay kinh nghiệm tối hậu. Đó là điều mà chúng ta đang làm. Và đó là một sự phấn đấu liên tục, một sự phấn đấu không bao giờ dứt. Đó là một cuộc chiến không bao giờ ngưng, với hy vọng sẽ đến với một sự ngưng chiến! Hãy xem chúng ta đang làm gì. Tôi đang phấn đấu, phấn đấu mãi để sẽ được chấm dứt việc phấn đấu một lúc nào đó trong tương lai. Hãy xem tôi chơi trò lấu lỉnh gì với bản thân tôi. Tôi bị vướng trong thời gian. Tôi không tự nhủ rằng: “Tại sao ta phải phấn đấu chứ?”. Nếu tôi chấm dứt trận đấu thì đó là sự giác ngộ. Tôi

không còn bóng tối của tranh chấp nữa. Thế nhưng chúng ta lại không chịu từ bỏ mọi nỗ lực đó; chúng ta bị vướng trong thời gian. Và thoát khỏi thời gian tức là tự do để có sự quan sát thuần túy và lúc đó thì tâm tĩnh lặng một cách phi thường. Bạn không cần làm tâm tĩnh lặng. Nếu bạn ngưng mọi tranh chấp, tâm tự nhiên tĩnh lặng. Và khi tâm hoàn toàn lặng yên, không có vận động nào của tư tưởng, thì có thể bạn thấy cái gì đó, có thể có cái gì đó thiêng liêng nằm ngoài mọi ngôn từ. Và đó là điều mà con người tìm kiếm từ vô thủy, một điều nằm trên mọi đo lường, vượt trên tư duy, một điều bất hoại, không thể định danh, miên viễn. Điều này chỉ có thể xảy ra khi tâm tuyệt đối tự do và hoàn toàn tĩnh lặng.

Cho nên chỗ bắt đầu của ta rất gần, rất gần. Và khi bạn bắt đầu rất gần thì không có gì xa cả. Khi bạn bắt đầu gần thì không có khoảng cách và do đó không có thời gian. Và đó chỉ có thể là cái thiêng liêng nhất.

Brockwood Park, 6. và 7.9.1980

CHẤM DỨT PHIÊN NẢO

Này bạn, nếu bạn biết lắng nghe chính mình thì người đang nói này chỉ là một tấm gương mà trong đó bạn thấy mình ra sao. Nếu bạn đã thấy mình thế nào rồi, thì bạn có thể vứt bỏ tấm gương, đập vỡ nó đi. Tấm gương không hề quan trọng. Nó không có giá trị gì cả. Điều thực sự có giá trị là bạn thấy mình trong đó đúng như mình là, cái vụn vặt, cái chật hẹp, sự tàn bạo, mối lo âu, lòng sợ hãi. Khi bạn bắt đầu thấu hiểu chính mình thì bạn sẽ đi sâu vào điều nằm ngoài mọi đo lường. Thế nhưng bạn phải đi bước đầu. Và không ai có thể thay bạn đi bước đầu cả.

Chúng ta đang cùng nhau suy nghĩ, cùng đi chung một con đường nhỏ đầy yên tĩnh và chứa biết bao vẻ đẹp. Ta tự hỏi vẻ đẹp là gì. Bạn có thể ngắm vài bức tượng, tranh ảnh hay bức bán thân dễ thương của Đức Phật trong viện bảo tàng, trong một ngôi nhà, và bạn tự nhủ thật tuyệt diệu biết bao; nhưng sau những ngôn từ, sau cấu trúc của bức họa, sau đường nét đậm nhạt, sau những hình ảnh cân đối, vẻ đẹp là gì? Phải chăng nó nằm trong cách mà bạn nhìn nó? Vẻ đẹp nằm trong bức họa? Hay nó nằm trong khuôn mặt con người? Khi bạn thấy một ngọn núi tuyệt diệu in hình trên bầu trời xanh, với chiều sâu thẳm của thung lũng và chóp đỉnh đầy tuyết

trắng, khi bạn nhìn ngắm tất cả vẻ đẹp đó, trong một khoảnh khắc bạn quên cả chính mình. Ngon núi bao la, được chiếu sáng một cách lạ thường bởi ánh mặt trời ban mai, rực lên những đỉnh cao nhất, và tâm trí bạn rung động bởi sự vĩ đại, bởi sự tôn quý của cảnh quan này, và trong một giây bạn quên tất cả chính mình, quên mọi sầu muộn của mình; bạn quên chồng vợ bạn, con cái bạn, xứ sở bạn. Và bạn nhìn cảnh quan này với tất cả tâm thức mình, không có một cảm nhận nào của sự tranh chấp, của nhị nguyên. Cái tuyệt diệu xuất hiện và cái tự ngã, cái “tôi” bị cái cao cả của vẻ đẹp đẩy qua một bên trong một giây phút.

Khi ta mới vào nơi đây, ta nhìn trăng, trăng còn rất non, rất mới, đơn giản lạ thường. Và rồi ta nghĩ, tất cả điều này để làm gì? Để làm gì khi đọc kinh sách, tham gia luận bàn? Toàn bộ đời sống này để làm gì, nếu ta không thể nhìn sự vật giản đơn này một cách rõ ràng, với một lòng yêu thương và cảm khái lớn lao, để tới với đời sống trọn vẹn toàn diện này, đừng với những tri thức đã được tích lũy từ quá khứ, từ truyền thống của ta? Hãy nhìn ngắm sự vận động bao la của đời sống, một cách giản đơn thôi, với trí não không bị chất chứa, một tâm trí tích cực, sinh động, đầy năng lực, với sự trong sáng, dung dị.

Đã nói thế thì chúng ta cùng nhau đi tiếp. Loài người chúng ta đã chịu khổ rất nhiều. Chiến tranh liên miên. Từ năm ngàn năm qua thì cụ thể là mỗi năm có một cuộc chiến, con người giết chóc lẫn nhau, phá hủy những gì họ đã xây dựng nên, chỉ qua một đêm mà những công trình to lớn bị

triệt hạ. Đó là lịch sử của con người, tranh chấp triền miên và chiến tranh. Qua chiến tranh con người đau khổ khủng khiếp. Bao nhiêu người đã rơi nước mắt – chồng con bỏ mình, tàn phế, cụt tay mất chân, mù lòa. Nước mắt con người đổ ra không bao giờ ngưng. Và chúng ta cũng đổ nước mắt vì đời chúng ta trống rỗng, cô đơn. Và chúng ta, tất cả chúng ta đều khổ, không phải chỉ vì thấy cảnh khổ của người khác mà vì sâu muộn, đau thương, lo âu về đời chúng ta, về sự nghèo nàn của con người, không phải nghèo nàn vật chất mà nghèo nàn trong ý thức và tâm hồn. Mà khi bắt đầu phát hiện ra sự nghèo nàn to lớn này, mặc dù có rất nhiều thông tin và tri thức, ta lại càng nuôi dưỡng thêm cái khổ

Có cái khổ của sự cô đơn, cái khổ sinh ra do lòng bất nhân giữa người với người, cái khổ mất người thân, mất con cái, cha mẹ, anh em, v.v... Chúng ta đã mang những cái khổ này trong đời mình từ thế kỷ này qua thế kỷ khác. Và chúng ta cũng không bao giờ tự hỏi liệu khổ có thể chấm dứt. Bây giờ chúng ta cùng nhau đặt câu hỏi, cùng nhau nhìn cảnh khổ trong thế gian và cảnh khổ mà chúng ta đang chịu, ngay trong lòng chúng ta, trong tâm chúng ta, trong não chúng ta. Chúng ta đang tự hỏi liệu khổ có lúc nào chấm dứt được không, hay con người phải mang nó suốt từ quá khứ đến tương lai.

Cũng như có nghệ thuật trong lòng yêu thương và mọi thứ khác thì cũng có nghệ thuật trong cách tra hỏi, trong cách nghi vấn; nghi vấn về một kết luận, một ý kiến của con người, và đặt câu hỏi tại sao ta lại chịu chấp nhận cái gánh

nặng to lớn này của sự khổ. Khổ cũng là lòng tự xót thương, cảm giác hoàn toàn cô đơn; là thứ khổ sinh ra do thất bại, do so sánh, do cảm nhận mình không liên hệ được với ai cả. Thế nhưng chúng ta không bao giờ đi tới chỗ tận cùng của nó cả. Chúng ta chỉ muốn trốn thoát nó, tìm một chỗ có tiện nghi, một dạng của ma túy giúp cho ta được khuây khỏa.

Vì thế, nên chăng chúng ta hãy tìm một câu trả lời, không hỏi làm sao vượt thắng cái khổ, mà hãy tỉnh giác để hiểu toàn vẹn ý nghĩa của chữ khổ. Khổ theo nguyên nghĩa là sự say mê – không phải thèm muốn mà là say mê¹. Nếu không có say mê thì cuộc đời cùn nhụt, vô nghĩa. Sự chấm dứt của khổ diễn ra liên quan với sự say mê. Nên chúng ta hãy cùng xem chữ này, nội dung của chữ này, ý nghĩa của cái được gọi là khổ, điều mà người ta mang theo cả đời – nhìn trực diện vào nó, không bàn lảng đi, không tìm nguyên nhân của nó. Có nhiều nguyên nhân của khổ – cái chết của con cái, không thành công, không đạt được sự chứng nghiệm, không hòa nhập được, vân vân và vân vân – nhưng nếu bạn tìm nguyên nhân của khổ thì bạn tự ngăn không cho mình thấy thẳng chữ này, thấy cái đẹp, cái mạnh của chữ này.

Khổ có nghĩa sâu muộn, đau thương, lo âu, cô đơn tuyệt vọng, sự vô nghĩa của đời sống. Tất cả những điều này và hơn thế nữa được hàm chứa trong chữ này. Bạn có thể nhìn nó một cách trọn vẹn không, như bạn cầm một viên ngọc, một bức tượng tuyệt diệu trong tay không? Hãy nắm giữ nó, hãy ở lại với nó, và đừng cho tư tưởng tới với bất cứ cách

1. khổ: sorrow; thèm muốn: lust, say mê: passion.

nào và xen vào thực tế này. Nếu bạn ở lại được với nó thì bản thân chữ này, ý nghĩa của chữ này sẽ chấm dứt hoàn toàn. Thế nhưng chúng ta không chịu ở lại với bất cứ cái gì. Chúng ta luôn luôn muốn có một sự chấm dứt và vì thế luôn luôn bỏ viên ngọc mà đi, mà lẽ ra nó đã có thể cho ta một sự sinh động to lớn, một sức mạnh to lớn, một niềm say mê to lớn.

Phải chăng chúng ta đang đi dạo chung với nhau để bạn chỉ lắng nghe những câu nói này và lòng bạn có nhiều cảm xúc, nhiều mơ mộng và do đó không nhìn thẳng vào sự vật, sự đau thương, sự sầu muộn, sự trống rỗng của cái hiện hữu chúng ta? Nếu ta thật sự nắm giữ hoàn toàn viên ngọc này, thì đó là một viên ngọc tuyệt vời, nhưng ta lại tìm mọi cách trốn chạy ra khỏi nó; bao giấy mực đã viết quá nhiều về điều này. Thế nhưng những cuốn sách, những lời lý giải, những ngôn từ đều không thực. Hãy ở lại với cái thực có thì chính sự chú tâm mang lại cái chấm dứt cho điều mà ta gọi là khổ.

Chỗ nào có khổ chỗ đó không có lòng thương yêu. Lòng thương yêu không liên quan gì đến hoạt động của bộ não. Lòng thương yêu tự xuất hiện khi không có sợ hãi, khi cái khổ ngưng bật. Lúc đó thì bản thân lòng thương yêu biến thành từ bi, mà từ bi chính là lòng say mê với trí thông minh vô cùng tận.

Chúng ta trên đường đi đến cái chết nhưng con người chúng ta cứ đẩy điều này ra càng xa càng tốt; và vì thế mà có nhị nguyên: sống và chết. Bạn có bao giờ xem xét sự nhị

nguyên¹ là gì chưa, liệu nhị nguyên, sự đối lập có thực sự hiện hữu không? Chúng ta được giáo dục qua truyền thống, bởi trường lớp, bởi sách vở để nghĩ rằng có sự nhị nguyên, mâu thuẫn, có nam và nữ, có giận dữ và không có giận dữ, bạo động và bất bạo động, vân vân. Như thế mà ta chia đời sống nhất thể vào trong hai mặt nhị nguyên. Về mặt nội tâm, liệu có chẳng một vật gọi là nhị nguyên, gọi là đối lập? Dĩ nhiên có sự đối lập giữa nam và nữ, giữa ánh sáng và bóng tối, mặt trời mọc và mặt trời lặn. Bạn cao hơn người khác, có người thẳng thắn hơn người kia, có người thông thái hơn người kia; có cái nhị nguyên vật lý, có cái đối lập, tóc đen tóc vàng, người đẹp kẻ xấu.

Nhưng về mặt nội tâm, bên trong, có sự đối lập không? Truyền thống của bạn nói có. Sách vở viết về điều này nói, chỉ những người giải thoát mới không bị nhị nguyên chi phối – điều đó thật hoàn toàn vô nghĩa. Xin lỗi. Bạn và tôi có thể nhìn vấn đề này rất giản đơn – giản đơn, không có mọi phức tạp của các nhà triết học. Có nhị nguyên ở bên ngoài, nhưng bên trong, về mặt nội tâm chỉ có một thứ duy nhất sau làn da. Thí dụ ở đó có sự giận dữ, và khi bạn nói: “Ta không được giận dữ” thì cái đó mới biến thành nhị nguyên, thành ý hướng mà tư tưởng đã chiếu hiện, đã xây dựng từ niềm đau của nó. Cho nên chỉ có sự giận dữ thôi. Bạo động là có thực, bất bạo động là phi thực. Thế thì tại sao chúng ta lại cho cái phi thực một tầm quan trọng như thế, để cho

1 duality.

nó trở thành cái đối lập? Chúng ta bị vướng trong những chuyện xấu xa của nhị nguyên, mà điều đó đồng nghĩa với so đo lựa chọn.

Có mặt đối lập trong nội tâm không, thể hiện trong bất cứ điều gì không? Có bạo động, có giận dữ, có thù hằn, có ghét bỏ. Đó là những cái có thực. Nhưng nếu nghĩ ra một cái phi thực như bất bạo động, rằng bạn phải yêu thương mọi người, vân vân và vân vân thì lại là điều không có. Do đó chỉ có những cái thực tế có thực. Và cái có thực không có đối lập. Khi ta sống với thực tế này thì ta không bị mâu thuẫn chi phối. Bạn có hiểu những gì vừa nói không? Thế nhưng toàn thể cách thức của chúng ta là dựa trên nhị nguyên: ta là thế này, ta không được thế kia; tôi là hèn nhát, tôi phải can đảm; tôi không biết gì về mình cả, tôi phải học hành. Chúng ta bị ràng buộc trong điều này. Chúng ta đang nói là thực sự không có đối lập gì cả trong nội tâm. Cái đối lập là được bày vẽ, được xếp đặt bởi tư tưởng nhằm trốn chạy thực tại. Tôi đang bạo động, đó là điều thực có; thế nhưng rất nhiều người khuyên tôi phải là bất bạo động. Sự bất bạo động hoàn toàn không có thực, vì tôi đang bạo động. Nếu tôi ở lại với thực tại thì tôi có thể làm điều gì hay không làm điều gì với cái này, nhưng không thể giả vờ. Còn muốn theo đuổi ý hướng bất bạo động thì cũng như thể chơi một trò chơi với chính mình. Khi bạn theo đuổi cái bất bạo động thì chính lúc đó bạn đang bạo động. Cho nên ta nói, không có sự đối lập trong tâm, chỉ có cái *đang là*. Nếu bạn đã thấu hiểu điều này thì mỗi tranh chấp nhị nguyên có còn hay không?

Với tính chất này của não bộ nay đã hiểu câu hỏi về nhị nguyên, ta hãy xem cái được mệnh danh là sống và chết. Chúng ta thử loại bỏ mối tranh chấp giữa cái *đang là* và cái *nên là*. Được như thế thì não sẽ tự do và mang đầy năng lực để đối mặt với những điều đúng như chúng là. Sự sống và sự chết là hai mặt đối lập. Muốn hiểu cả hai, cái sống và cái chết, ta phải tiếp cận một cách phi nhị nguyên. Sống là gì, điều gì được bạn gọi là sống? Phải chăng là buổi sáng chín giờ đi làm đến sáu giờ chiều mỗi ngày trong đời bạn trong sáu mươi năm tới, bị sai khiến, bị bắt nạt và bạn bắt nạt người khác? Hay bạn là một thương nhân cứ muốn thêm tiền, thêm quyền, địa vị tốt hơn, rồi về nhà găt gỏng với vợ, ngủ với nàng, rồi đánh đập nàng bằng lời nói hay bằng tay chân. Và sự tranh chấp liên tục này, sự thất vọng hoàn toàn, sự mất niềm tin cứ tiếp diễn. Đó là điều mà ta gọi là sống. Và trong đáy lòng bạn là sự sợ hãi, thất vọng, lo âu, sầu muộn. Thực tế là vậy, đúng không? Nhưng bạn lại sợ phải già từ chúng vì cái chết trừ đến. Con người tự đồng hóa mình một cách sâu xa với những cái được gọi là sống, đã bắt rễ trong đó, và sợ hãi khi chấm dứt những cái đó.

Và bạn còn nói sẽ có kiếp sau. Kiếp sau là sự tiếp tục của mẫu hình cũ, có thể trong một khung cảnh khác. Nếu bạn tin có kiếp sau, thì bây giờ bạn phải sống chân chính – về đạo lý, về đức hạnh, cần có đôi chút tính hóm hỉnh. Thế nhưng bạn không thực tin có kiếp sau, bạn chỉ nói về nó, bạn viết sách về nó. Nếu bạn thực sự tin có kiếp sau thì lẽ ra bây giờ bạn phải sống chân chính, vì điều gì bây giờ bạn

đang là, thì tương lai của bạn cũng đúng y như thế. Nếu bây giờ bạn không chịu thay đổi thì tương lai của bạn cũng chỉ thế thôi. Thật là dễ hiểu. Thật là đúng lý.

Đối với chúng ta thì chết là chấm dứt hoàn toàn, chấm dứt mọi sự ràng buộc, chấm dứt tất cả những gì bạn tích lũy. Bạn không thể đem theo. Bạn có thể mong sở hữu tới phút cuối cùng, nhưng đem theo thì không. Bạn đã chia cắt cuộc đời ra sống và chết và sự chia cắt này sinh ra nỗi sợ hãi to lớn. Từ nỗi sợ này mà ta bày ra mọi lý thuyết rất tiện nghi; chúng có thể là ảo tưởng nhưng rất tiện nghi thoải mái. Ảo giác là loại bệnh tâm thần có tính chất tiện nghi. Nhưng có thể chẳng, các thứ mà ta đang bị ràng buộc, cho chúng chết đi ngay khi ta còn sống? Nếu tôi còn quá chuộng danh tiếng của mình và cái chết đang trên đường đến, tôi ngày càng già yếu và do đó tôi sợ mình sẽ mất tất cả. Phải chẳng tôi có thể thoát khỏi hình tượng này, khỏi danh tiếng này, cái mà mọi người đã gán cho tôi? Nếu thế thì tôi được chết trong lúc tôi còn sống. Như thế thì sự chia cắt giữa sống và chết không còn cách nhau hàng dặm nữa, chúng là một. Bạn có hiểu thấu chẳng, vẻ đẹp vĩ đại của hằng ngày, hằng giây phút, nơi đó không có sự tích lũy, không có sự chồng chất nội tâm? Bạn có thể góp nhặt quần áo, tích lũy tiền bạc, vân vân, đó là chuyện khác, nhưng ở đây về mặt nội tâm, đừng có sự tích lũy để thành tri thức, để nói “cái này là của ta”.

Bạn chịu làm như thế không? Bạn có chịu làm thế để cho mỗi tranh chấp giữa chết và sống, với tất cả đau khổ, sợ

hải, lo âu của nó, đến một chỗ ngưng bật không? Như thế thì bạn – tức là não bộ – sẽ tái sinh. Lúc đó thì não đã tái sinh hoàn toàn mới mẻ, cho nên nó có một sự tự do vô cùng. Thế nên khi đang sống, hãy đi cùng cái chết, để bạn chỉ là khách trọ trên thế gian này, để bạn đừng bám rễ vào đâu cả, để bạn có một bộ não lúc nào cũng tươi nhựa sống. Vì nếu bạn cứ mang vác tất cả những gánh nặng của ngày hôm qua, bộ não của bạn sẽ cứ mãi mang tính cơ giới, mãi cùn nhụt. Nếu hàng ngày bạn biết bỏ lại đằng sau những ký ức nội tâm, những lần bị thương tổn, những điều đau xót, thì sống và chết chỉ là một. Nơi đó sẽ không còn chỗ cho lòng sợ hãi.

Những ai không chịu làm điều nói trên thì cái gì sẽ xảy ra cho họ? Xin nhớ cho, lời này được nói ra với lòng khiêm tốn, lòng yêu thương và lòng cảm thông to lớn. Họ nói: “Tôi được nghe các bạn nói về một cách sống hoàn toàn khác. Tôi thấy cái hữu lý của nó, cái lành mạnh và trong sáng của nó. Tôi hiểu nó bằng trí năng, về mặt ngôn ngữ tôi chấp nhận nó. Nhưng tôi thì cứ theo cách cũ kỹ của tôi, cách tôi sống mà tôi đã quen. Và tôi cũng sắp chết, tôi cũng lo sợ như phần lớn mọi người đều lo sợ. Nên tôi tự hỏi điều gì sẽ xảy ra? Liệu tôi có tái sinh chăng? Ý thức tôi chấp nhận cách sống cũ này và hy vọng có lẽ đời sau tôi sẽ có cơ may tốt hơn”.¹

1. Xin xem “Cuộc sống, cái chết và sự tồn sinh” trong phần “Đối diện cuộc đời” (ND).

Nhưng phải chăng cái ý thức này, cái mà tôi cho là “của tôi”, đúng là ý thức của tôi không? Ý thức này là ý thức của loài người. Mỗi người trong chúng ta đều chia phần trong ý thức này, cho nên nó không phải của tôi. Xin bạn hãy tự hỏi liệu ý thức của bạn là ý thức riêng biệt của bạn hay nó được chia bởi tất cả loài người. Tất cả loài người đều kinh qua những gì bạn đang kinh qua, trong một môi trường khác, trong một khung cảnh khác. Thực tế bạn không phải là một cá thể riêng biệt. Bạn có thể có một cơ thể khác người khác, bạn có thể có một ngân khoản khá hơn. Người này có thể bại liệt, người kia khỏe mạnh, nhưng trong nội tâm thì sự tồn tại của bạn được chia bởi tất cả loài người. Do đó bạn chính là loài người. Bao lâu bạn còn nghĩ mình là một cá thể riêng biệt thì bạn còn sống trong ảo tưởng, bởi vì ý thức của bạn, đời sống của bạn, được chia cho từng người trên trái đất này. Cho nên khi bạn chết đi, ý thức của bạn, vốn được chia cho toàn thể loài người, sẽ còn tiếp tục. Và ý thức này tự nó biểu hiện ra, thông qua một người, và người đó lại nói: “cái này của ta”, “ta là một cá thể riêng biệt”, là “Atman”, “linh hồn” vân vân.

Cho nên có thực một cách sống hoàn toàn khác. Với cách đó thì bạn không còn quan tâm đến cái chết, mà là đến cái sống – một cái sống bao hàm cái chết, cùng vận hành với cái chết. Tôi để cho bạn tự suy. Nếu bạn không hiểu thì cũng đừng vội phủ định nó, hãy tìm hiểu, tra hỏi, hãy nghi vấn tính cá thể riêng tư của mình. Có thể sống một cuộc sống mà nội tâm không bao giờ còn có sự ghi nhận liên tục nữa,

lúc đó sự ghi nhận sẽ ngưng bật. Nói rằng, bạn thấy được thỏa mãn hay bị thương tổn, đó là ghi nhận. Bây giờ không ghi nhận sự thỏa mãn hay sự thương tổn tức là có một bộ não tự do, không còn bị đè nặng bởi hàng ngàn sự ghi nhận của hàng ngàn ngày hôm qua.

Các tổ chức tôn giáo đang tồn tại trên thế giới thì chấp nhận những giáo điều, những niềm tin hoang tưởng, những lễ nghi vô nghĩa. Muốn xác định tôn giáo là gì, ta phải biết nghi ngờ những gì được thừa nhận, phải có đủ sức sinh động, đủ sức mạnh để gạt bỏ nó đi. Ta phải tra hỏi, phải nghi vấn, phải dẹp bỏ tất cả những cấu trúc do tư tưởng bày ra. Muốn tra hỏi tất cả những cái đó, để tìm hiểu tính chất của một đầu óc tôn giáo, một tâm thức tôn giáo, thì bạn phải có sự tự do để xem xét. Nếu bạn có một giả thiết thì nó phải được chứng minh dưới kính hiển vi, hay dưới sự sáng suốt chú tâm của chính bạn. Và khi một người, như bạn, có ý định, có mong muốn, có năng lực, có say mê muốn xem có một cái gì thiêng liêng, thần thánh hay không, thì muốn thế bạn phải không có sợ hãi, không có cảm giác lo âu, phải có tự do hoàn toàn. Và đó là thiên định.

Thiên định chỉ có thể đích thực, chỉ mang lại chân lý, sự thật khi vắng bóng sự sợ hãi, tổn thương, lo âu, phiền não. Thiên định chỉ có thể xảy ra khi không có sự cố ý dụng công để thiên định. Nói thế tôi đang lo là nó ngược lại với tất cả những gì bạn đang tin tưởng.

Làm sao đến với cái được gọi là thiêng liêng? Có cái gì thiêng liêng chăng? Người ta đã tìm kiếm từ thế hệ này qua

thế hệ khác về một cái gì ở bên kia. Từ thời của những người thượng cổ Sumerian¹, người Ai Cập, người La Mã, con người đã tìm kiếm điều đó. Và họ thờ cúng thần sấm sét, thần mặt trời, thờ cúng cây cối, thánh mẫu, nhưng không bao giờ tìm ra được gì. Thế thì chúng ta có thể phát hiện ra hay tới với điều được gọi là thiêng liêng chăng?

Điều này chỉ có thể xảy ra khi có sự lặng yên tuyệt đối, khi tâm não lặng yên tuyệt đối. Bạn có thể phát hiện ra cho chính bạn – nếu bạn chú tâm, tỉnh giác, tỉnh giác về ngôn từ, ý nghĩa của ngôn từ, không bao giờ nói một đường làm một nẻo, nếu bạn luôn luôn tỉnh giác – thì bạn sẽ thấy bộ não có một nhịp điệu tự nhiên của nó. Thế nhưng tư tưởng luôn luôn đi ngược lại nhịp điệu tự nhiên này. Đối với chúng ta thì tri thức quan trọng vô cùng. Muốn làm điều gì thuộc phạm vi vật lý thì ta cần tri thức, nhưng tri thức tâm lý, loại tri thức mà bạn đã tích lũy về các lần bị tổn thương, về hư danh, về sự hợm hĩnh, về lòng tham vọng, tất cả những tri thức đó là chính bạn. Và với tri thức đó mà ta đòi tìm kiếm một cái gì rất thiêng liêng! Với tri thức bạn không bao giờ tìm ra bởi vì tri thức là giới hạn và nó mãi mãi bị giới hạn, dù trên lĩnh vực vật lý, kỹ thuật hay tâm lý.

Thế nên tâm não phải tuyệt đối lặng yên, không nhờ điều khiển, không nhờ phương pháp, hệ thống, không nhờ sự yên tĩnh được bày biện. Sự lặng yên bao hàm không gian: Bạn không để ý bộ não chúng ta có rất ít chỗ sao? Thế mà nó

¹ Người Sumerian được xem là sống khoảng 3500 trước Công nguyên tại vùng Trung Đông ngày nay (ND).

đầy ngập, chất đầy với hàng ngàn thứ; nó có rất ít chỗ. Và cho sự tĩnh lặng thì phải có chỗ vì cái không thể đo lường, cái không thể định danh, cái đó không thể được cảm nhận, được nhìn thấy bởi một bộ óc chật hẹp nhỏ nhoi. Nếu bạn có thể du hành được vào trong chính bạn thì hãy rũ bỏ tất cả nội dung mà bạn đã chất chứa và hãy đi, đi thật sâu vào, khi đó sẽ có một không gian mênh mông, cái được gọi là Không, cái đầy những năng lực.

Và chỉ trong tình trạng này thì có cái được mệnh danh là thiêng liêng nhất, thánh thiện nhất.

New Delhi, 13.11.1983

ĐỐI DIỆN CUỘC ĐỜI
KRISHNAMURTI
NGUYỄN TƯỜNG BÁCH biên dịch

Chịu trách nhiệm xuất bản:

MAI QUỲNH GIAO

Chịu trách nhiệm bản thảo:

NGUYỄN THU HÀ

Biên tập:

LÂM

Vẽ bìa:

TRÍ ĐỨC

Kĩ thuật vi tính:

THANH HÀ

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

39 Hàng Chuối - Hà Nội

ĐT: (04) 971 7979 - 971 7980

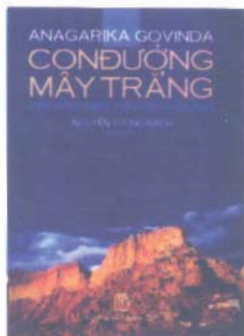
Fax: (04) 971 2830

CHI NHÁNH TẠI TP. HCM

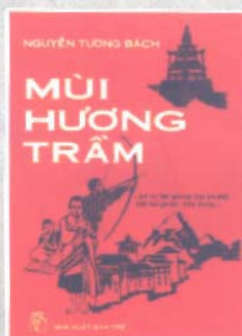
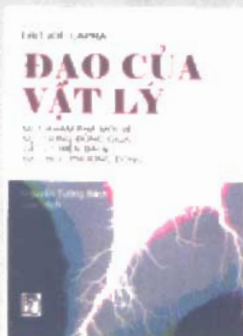
16 Alexandre de Rhodes; Q.1, Tp. HCM

ĐT & Fax: (08) 8228467

In 800 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm tại Công ty Bao bì Xuất nhập khẩu Thủy sản. Số đăng ký kế hoạch xuất bản 71-411 CXB cấp ngày 7-4-2004.
In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2004.



Trân trọng giới thiệu
bộ sách của tác giả
**Nguyễn
Tường
Bách**



TRUNG TÂM THÔNG TIN KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ HÓA CHẤT



Nhà sách **NGHIÊM BÍCH HOAN**

212/7 Lê Lai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Tel-Fax: 9253017



<https://tieulun.hopto.org>

Giá: 46.000 đ